

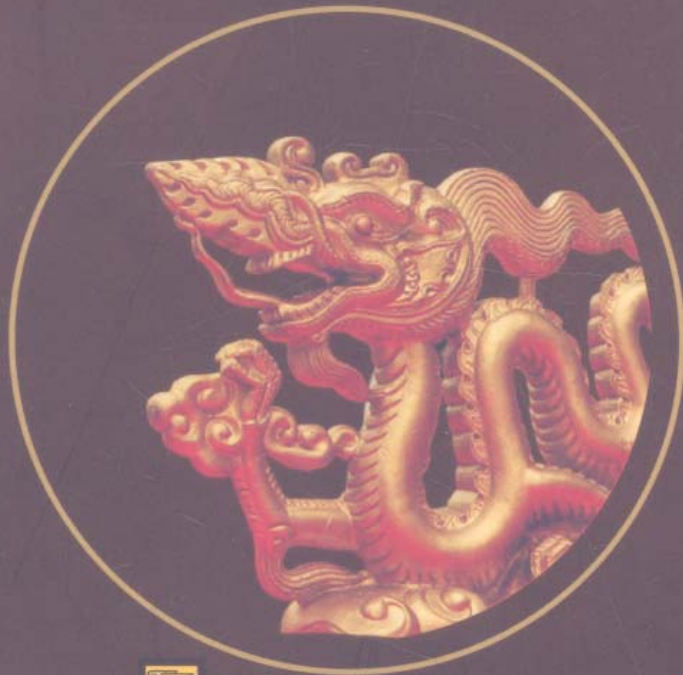


HOÀNG QUỐC HẢI

CON NGỰA  
NHÀ PHẬT

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

2



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



*Nhà văn*

## HOÀNG QUỐC HẢI

*Những tác phẩm chính:*

TÁM TRIỀU VUA LÝ

( tiểu thuyết lịch sử - bốn tập )

BÃO TÁP TRIỀU TRẦN

(Tiểu thuyết lịch sử - sáu tập)

Ngoài ra ông còn là tác giả

của những tác phẩm sau:

-Chiến lũy đá ( tiểu thuyết )

-Sau mùa lá rụng ( tiểu thuyết )

-Chờ đến ngày mai ( tiểu thuyết )

-Đêm qua làng ( truyện ngắn )

-Văn hóa phong tục ( khảo cứu )

-Trắng án Nguyễn Thị Lộ

( phê bình, tiểu luận )

-Tập văn ( hai tập )

...



CON NGỰA  
NHÀ PHẬT

### **Copyright©Hoàng Quốc Hải**

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng độc quyền quyền tác giả giữa chi nhánh Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Van Niên tại Hà Nội (VanNien book) và tác giả.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng internet, kể cả lấy các ý tưởng từ trong tác phẩm này để sáng tác mà không được sự cho phép bằng văn bản của VanNien book là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của VanNien book và tác giả.





HOÀNG QUỐC HẢI

# CON NGỰA NHÀ PHẬT

Tiểu thuyết lịch sử

2



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

## CHIẾU XÁ THUẾ<sup>1</sup>

*Việc đánh dẹp phương xa làm tổn hại đến công việc nhà nông. Thế mà có ngờ đâu, mùa đông năm nay lại được mùa lớn! Nếu trăm họ đều no đủ thì trăm còn lo gì thiếu thốn? Vậy, xá cho thiên hạ một nửa tiền thuế năm nay để an ủi nỗi khó nhọc lợi suốt trèo đèo.*

**Lý Thái tông**

---

1 Năm Giáp thân (1044), sau khi đi đánh Chiêm Thành về, Lý Thái tông ban thưởng các quan và ban bố tờ chiếu này.

## SƠ GIẢN PHẢ HỆ NHÀ LÝ

Thái tổ Lý Công Uẩn lên ngôi năm 1010, băng năm 1028.

### **THÁI TỔ LÝ CÔNG UẨN SINH CÁC CON:**

- Lý Phật Mã còn có tên là Đức Chính nối ngôi, miếu hiệu là Lý Thái tông.
- Dực Thánh vương
- Khai Quốc vương
- Đông Chinh vương
- Vũ Đức vương

### **LÝ THÁI TÔNG SINH CÁC CON:**

- Lý Nhật Tôn. Nhật Tôn nối ngôi miếu hiệu là Lý Thánh tông.
- Lý Nhật Trung

### **LÝ THÁNH TÔNG SINH CÁC CON:**

- Lý Càn Đức. Càn Đức nối ngôi miếu hiệu là Lý Nhân tông.
- Minh Nhân vương

**LÝ NHÂN TÔNG** (không có con phải lấy con của người

em trong họ là Sùng Hiền hầu Lý Dương Hoán, lập làm hoàng thái tử và cho nối ngôi ).

Dương Hoán lên ngôi lấy miếu hiệu là Lý Thần tông.

#### **LÝ THẦN TÔNG SINH CÁC CON:**

- Lý Thiên Lộc- tuy sinh trước nhưng là con người nàng hầu nên không được lập.
- Lý Thiên Tô được nối ngôi, miếu hiệu là Lý Anh tông.

#### **LÝ ANH TÔNG SINH CÁC CON:**

- Lý Long Xưởng
  - Lý Long Cán
- Long Xưởng làm rối cương thường không được lập. Em là Long Cán được nối ngôi , miếu hiệu là Lý Cao tông.

#### **LÝ CAO TÔNG SINH CÁC CON:**

- Hoàng thái tử Sảm, nối ngôi miếu hiệu là Huệ tông.
- Hoàng tử Thâm

#### **HUỆ TÔNG SINH CÁC CON:**

- Công chúa Thuận Thiên
- Công chúa Chiêu Thánh

# I

Lý Thái tông thuận cho hoàng tử Bồ tức Khai Quốc Vương ra hàng lại tha tội nhưng buộc phải rời Trường Yên về Thăng Long cùng với quan quân.

Khai Quốc vương và liêu thuộc được vua cho vào ở trong điện Nhật Quang, cạnh cung Thúy Hoa và nằm xế cửa Quảng Phúc gần phía tây kinh thành.

Cung Nhật Quang tòa ngang dãy dọc tới gần chục ngôi nhà, trần thiết lộng lẫy. Thế nhưng so làm sao được với Hoa Lư, kinh đô của các vua Đinh, vua Lê, to đẹp chẳng kém gì điện Càn Nguyên. Nhưng sự sang quý thì chẳng cung nào, điện nào ở Thăng Long có thể so được. Nào cột điện dát vàng, mái lợp ngói bạc. Nào điện Phong Lưu bên đông, điện Tử Hoa bên tây. Điện Bồng Lai, điện Cực Lạc, điện Trường Xuân, điện Long Lộc, lầu Đại Vân... Đúng là cả một triều đình mà ta được thụ hưởng.

Nay về đây khác chi ở bể vào ngòi. Tả hữu vây cánh chẳng còn được mống nào. Kẻ hầu hạ sai phái nô tỳ, nô bộc bất quá vài trăm đứa. Thân phận chẳng khác chi một tên tù giam lỏng.

Phu nhân thấy chồng chỉ thở vắn than dài, uống ăn biếng trễ, sách vở không coi, kiếm cớ chẳng đoái, bèn lựa lời khuyên giải:

- Thiếp từng được biết chí của vương là chí của chim hồng, chim học.

- Thế nàng không biết chim hồng, chim học đã bị người ta vặt hết sáu cái lông trụ cánh rồi sao. Nay nó chỉ là những con gà nhốt trong chuồng, trong lồng, chờ ngày lên thớt.- Khai Quốc vương nói với tất cả sự chán chường, thất vọng.

- Vương, thiếp xin vương bình tâm. Thiếp không muốn gợi lại chuyện đã qua. Nhưng phải thừa nhận, việc của vương và của ba vương kia làm là trái đạo. Nếu cuộc nổi loạn ấy, các vương huynh, vương đệ trừ bỏ được huynh trưởng. Thử hỏi có ai chịu nhường ai lên giữ ngôi tôn, hay lại tranh giành, lại tiếp tục giết nhau. Các vương huynh vương đệ một hai đòi trừ bỏ Đông cung do Tiên đế đã lập, lại có di chiếu cho thái tử lên ngôi thế mà vẫn muốn biến anh em thành cừu địch. Nhưng khi yên định được, vua nổi không nỡ giết một người anh em nào, không tước bỏ ngôi vị của ai. Thiết tưởng,

tâm không hiếu thiện, sao làm được việc lớn đến như thế. Hóa nên, thiếp mạo muội xin vương hãy bỏ qua các chuyện, coi đó như một giấc mộng chẳng lành. Vương nên tĩnh tâm. Muốn tĩnh tâm nên tìm đến kinh sách và giao tế với các bậc thiền sư, đạo sĩ. Từ lâu nương bóng vương, thiếp vẫn tự hào có vương là một bậc thông tuệ. Mong vương nuôi lại chí lớn, hướng nghiệp mình vào cõi thiện. Mãi mãi vương vẫn là cây cỏ bóng cao cho thiếp và các con nương tựa. Thiếp nhớ ngày ở Hoa Lư, thỉnh thoảng vương đọc hai câu kinh, mà nếu lúc này vương dụng được nó là thượng sách. Thiếp chắc vương còn nhớ, nhưng thiếp xin cứ đọc: "*Nhẫn nhất thời phong bình lãng tĩnh. Thoái nhất bộ hải khoáng thiên không*".<sup>1</sup>

Không bác bỏ điều phu nhân nói, cũng không bắt chuyện với phu nhân, Khai Quốc vương lặng lẽ lên lầu.

Từ Châu Ái tâu về, người giáp Dẫn Nãi làm phản. Vua tự mình cầm quân đi đánh dẹp. Tới nơi, vua mới biết người dân vì mất mùa, thiếu đói nên làm phản. Tức là không nộp thuế cho châu, quận... Cầm đầu các đám người làm phản là các mục thú. Vua cho án quân bất động. Sai đem tiền, gạo chẩn phát cho từng gia đình trong các hương ấp đói nghèo.

---

1 Dịch nghĩa: *Nhịn một chút sóng yên biển lặng  
Lùi một bước biển rộng trời cao.*

Cảm kích tấm lòng của triều đình, các mục thú đều ra hàng. Vua úy lạo rồi đi xem xét đồng ruộng. Thấy dân đói vì ruộng chỉ cấy được một vụ có nước trời. Còn vụ kia mùa khô không có nước. Vua sai đào kênh Đăn Nãi, lấy nước từ sông Mã vào tưới cho đồng ruộng mùa khô hanh, lại cấp gạo, cấp tiền cho những ai đi đào kênh. Vì thế chỉ trong một tháng kênh đã đào xong. Người dân Đăn Nãi từ đấy cấy hai vụ. Dân không đói khổ nữa, nên không có ai rủ rê nhau đi làm loạn...

Từ Châu Ái về, lòng vua nặng trĩu việc dân, việc nước. Kim Thiên Mai hoàng hậu cho mở tiệc tẩy trần. Hoàng hậu cho mời anh mình là Khu mật viện Mai Mạnh Minh cùng dự.

Nhà vua lại sai vời Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu cùng cha con Ngô An Ngữ tới cho ăn yến. Hoàng hậu chẳng lạ Phụng Hiểu với An Ngữ là các tướng tâm phúc của nhà vua. Nhưng con của An Ngữ là bé Ngô Tuấn mới mười tuổi đến yến tiệc với vị thế gì. Nghĩ vậy, Mai hoàng hậu bèn hỏi lại vua.

Thái tông cười độ lượng:

- Hậu chẳng thấy Đông cung với Ngô Tuấn quyền luyến nhau đó ư. Cứ vài ngày không được gặp Tuấn thì Đông cung lại đòi sang phường Thái Hòa thăm nhau sao. Vả lại ta cũng thấy nhớ Ngô Tuấn. Ta muốn hai trẻ thân nhau, lớn lên chúng vừa là bạn hữu vừa là vua



tôi lại chẳng tốt ư. Ta thấy Ngô Tuấn sau này có một tương lai kiệt kiệt đấy. Tuấn hơn Nhật Tôn ba, bốn tuổi, nhưng sớm tỏ lộ là một người vừa thông tuệ vừa có chí khí, nhưng lại ý thức được sự bề bực dưới trên. Hậu có biết vì sao tiên đế cho ta về mở phủ tại nơi hương ấp ấy không. Là bởi người muốn cho ta gần dân. Có gần dân mới thấu hiểu được lòng dân. Do về Tam Sơn, nên ta mới biết hậu và mới có ngày nay. Hóa nên việc cho Nhật Tôn thân cận với Ngô Tuấn, là ta muốn nhằm cái ý để con ta không tự phụ mình thuộc cành vàng lá ngọc, mà miệt khinh những người dân nghèo khó nơi thôn ấp.

Kim Thiên hoàng hậu nghe nhà vua giảng giải tự thấy mình có lỗi. Hậu thủ thí:

- Thần thiếp quê mùa sao hiểu được cao ý của bệ hạ. Bệ hạ lấy việc gần để lo cho điều xa. Thiếp hứa từ nay sẽ chăm sóc tình cảm giữa Nhật Tôn và Ngô Tuấn.

Vua chưa kịp đáp lời hậu thì Ngô An Ngữ dẫn Ngô Tuấn vào. Hai cha con đều cúi đầu vái vua và hoàng hậu. Một lát sau Khu mật viện Mai Mạnh Minh và Đô thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu cùng tới. Vua tôi gặp nhau tay bắt mặt mừng, chuyện trò râm ran như những người bạn cố tri lâu ngày xa cách. Một lát, nội thị vào mời vua và các quan ra sảnh ngoài dự yến tiệc.

Đông cung thái tử Nhật Tôn được nhũ mẫu dẫn

vào, vừa trông thấy Ngô Tuấn, thái tử liền bứt khỏi tay nhũ mẫu, nhảy lên ôm lấy cổ Ngô Tuấn. Tuấn bé xóc thái tử lên quay một vòng rồi đặt xuống.

Nhật Tôn không chịu xuống, cứ đánh đu trên cổ Tuấn, vừa cười như nắc nẻ thái tử vừa ra lệnh:

- Quay nữa đi! Người quay nữa đi. Ba ngày nay ta mới được gặp nhà người. Phải quay đủ chín vòng. Mỗi ngày ba vòng, nhớ chưa.

Ngô Tuấn bé thái tử quay đủ chín vòng thì dừng lại. Cả hai lão đảo vì chóng mặt.

Lê Phụng Hiểu trông thấy thái tử và Ngô Tuấn thân với nhau, ông cũng vui lây niềm vui của trẻ nhỏ. Thấy hai trẻ dừng lại và chúng đều như sắp ngã, Lê Phụng Hiểu nhảy ba bước đã tới trước mặt Ngô Tuấn và thái tử. Đô thượng tướng quân nói:

- Thái tử hãy nhìn thần. Nói đoạn, ông đứng chụm năm đầu ngón chân phải làm trụ, chân trái duỗi thẳng. Rồi ông xoay, trước còn từ từ, sau quay tít, không nhìn thấy mặt mũi, chân tay ông đâu nữa, mà chỉ là một khối cuộn cuộn như lốc xoáy và tiếng gió phát ra ào ào, khiến thái tử phải nép vào Ngô Tuấn, hai tay ôm chặt lấy bắp đùi của Tuấn.

Bỗng tướng quân dừng lại đột ngột, mặt ngửa lên trời, hít một hơi thật sâu rồi thở ra từ từ. Lê Phụng Hiểu

chìa hai bàn tay to bè ra nắm lấy tay thái tử và tay Ngô Tuấn.

Ngô Tuấn ngược nhìn Lê Phụng Hiểu như ngược nhìn một cây cổ thụ cao quá tầm mắt. Lân la, Tuấn hỏi:

- Thưa bác, làm sao bác quay được nhanh như thế mà khi dừng lại bác không chóng mặt ạ?

- Vậy chớ cháu có muốn làm được như bác không?

- Có ạ! Có ạ!- Cả Ngô Tuấn và thái tử cùng reo lên.

Lê Phụng Hiểu bèn bày cho Ngô Tuấn cách đứng trên năm đầu ngón chân, cách lấy sức quay người và khi dừng lại phải lấy hơi hít vào, thở ra như thế nào.

Chỉ một thoáng Ngô Tuấn đã làm được, người Tuấn quay tròn, tuy không tạo được thành luồng gió trong khi quay tít như Lê tướng quân. Nhưng Tuấn quay được khá nhanh, khi dừng lại không bị ngã nghiêng lảo đảo nữa.

Thái tử thích lắm, đòi quay.

Bây giờ đến lúc Ngô Tuấn dạy thái tử. Vì còn nhỏ quá, mới sáu tuổi lại chưa được các thầy võ rèn dạy, thái tử chưa biết cách thở sâu. Khi hít hơi vào, bụng lại lép, lúc thở ra bụng căng. Vì thế khi thái tử quay được

mấy vòng, dừng lại thở vẫn loạng choạng và ngã vào vòng tay Ngô Tuấn. Thái tử đỏ mặt nhưng không khóc, đòi Tuấn phải dạy lại. Bây giờ Ngô Tuấn bày cho thái tử thở trước. Khi thái tử thở đúng cách rồi, Ngô Tuấn lại tập cho thái tử quay. Và lần này, thái tử làm được. Thích quá, thái tử bèn chạy về phía bàn tiệc, phát vào đùi Lê Phụng Hiếu, và nói:

- Ông tướng à! Ta làm được rồi đấy!- Nói xong, thái tử đứng một chân quay tròn, khi dừng lại cũng ngửa mặt hít sâu rồi từ từ thở ra.

Mọi người vỗ tay cổ vũ. Nhà vua ôm lấy thái tử bế xốc lên khen:

- Con ta giỏi quá! Giỏi quá!

Nhũ mẫu đón thái tử và Ngô Tuấn vào hậu điện. Hai thiếu niên được ăn chung một mâm có bốn nữ tỳ đứng hầu. Hai chàng vừa ăn, vừa nghịch, vừa nói cười thật là thoải mái.

Thái tử gọi Ngô Tuấn bằng "ấy", xưng "ta". Còn Ngô Tuấn vẫn giữ gìn lễ nghĩa thứ bậc chứ không dám sống sã.

Tiệc yến bày ngoài hành lang đại điện, vua tôi vui vầy mặc sức. Vào tiệc, nhà vua nói:

- Mãi hôm nay, ta với các ông mới có dịp ngồi lại với nhau. Vậy thời, hãy tạm bỏ lễ vua tôi, chúng ta

hãy coi nhau như những người bạn. Ở đây tướng quân Lê Phụng Hiểu là người lớn tuổi nhất, tiếp là Ngô An Ngữ, còn ta với Mai huynh, tuổi tác hơn kém không đáng kể.

Ngô An Ngữ xin nói:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ nhớ tình xưa từ khi đi mở phủ, cho chúng thần được tự nhiên đã là đại hạnh rồi. Còn như lễ vua tôi, dù bệ hạ có thương tình mà cho tạm bỏ, đạo thần tử, chúng thần không dám sai khác.

- Ôi các khanh đa lễ quá. Nào uống đi !- Nhà vua nâng bát rượu lên, mọi người cùng nâng và chúc :

- Bệ hạ thiên tuế! Bệ hạ vạn tuế!

Vua nhìn vào gương mặt trẻ phơi phới của Mai Mạnh Minh hỏi :

- Quan Khu mật viện, từ bữa quan huynh về triều tới nay, huynh có nghe được điều gì phải quấy ở Khu mật viện và các đài sảnh khác không?

- Tạ ơn hoàng thượng cho về triều, lại bổn chốc cho giữ một chức quan lớn, ở một cơ quan cơ mật vào hàng then máy quốc gia. Thú thật, thần còn ngỡ ngác như một đứa trẻ lạc nhà. Phận sự mình làm đến đâu còn chưa biết, sao dám ngó nhòm tới công việc của người khác.

- Vậy chớ ở Thăng Long có điều gì mà huynh cho

là khả ái.

- Tâu hoàng thượng, Thăng Long nhiều cảnh đẹp, nhiều lầu đài, đình, tạ huy hoàng, tưởng như vé đẹp ấy chỉ có bàn tay tạo hóa mới làm nổi, thế mà ở Thăng Long lại do con người làm ra. Thật là diệu kỳ. Bệ hạ tha tội, thực tình từ bữa về Thăng Long tới nay, thần chỉ đi xem ngắm cung điện, lầu đài, đường phố chứ công việc thần có biết gì mà làm. Nhất là chốn cơ mật. Làm công việc này tâm phải sáng như gương, thiên lệch một chút là nguy hại gấp cả ngàn lần, thất đức lắm. Cho nên thần...

- Thôi thôi, ta biết Mạnh Minh tính vốn khiêm nhường. Có thể buổi đầu khanh còn xem xét mọi người làm việc, xem các công việc phải làm, rồi sau đó khanh mới vào việc. Đúng như khanh nói, công việc này phải cẩn trọng lắm, phúc đấy họa cũng nằm ngay đấy. Một khi người ta đã biết cung kính, thận trọng thì người ta sẽ tránh được sơ suất không đáng có. Chính điều đó khiến ta sờ cậy ở khanh nhiều đấy.

Mai hoàng hậu vừa ở chỗ thái tử và Ngô Tuấn ra, thấy hai trẻ riu rít trò chuyện, hậu vui lắm. Hậu đảo qua hành lang đại điện xem người ta bày biện ở đó những món gì, có hợp khẩu vị hoàng thượng và huynh trưởng hậu không.

Mấy chục món ăn bày la liệt kín cả mặt bàn, tìm

kiếm đến mỗi cái mắt vẫn chưa thấy món tay gấu hầm, là món nhà vua ưa dùng. Lại cũng không thấy món thịt nai nướng, là món một khi đã uống rượu là không thể không có đối với huynh trưởng của hậu. Hậu bèn gọi nội hỏa cục lên hỏi. Nội hỏa cục thủ nheo nheo đôi mắt tròn mà lồi như mắt cú vọ, kiểm khắp lượt các món ăn, quả là chưa thấy hai món đó. Y bèn hỏi:

- Dám bẩm, hoàng thượng đã dùng rượu nhục thung dung<sup>1</sup> chưa ạ?

- Chưa đâu.- Viên tửu nô đứng canh vội đáp.

- Tâu hoàng hậu, món này chỉ đem ra khi hoàng thượng bắt đầu dùng tới loại rượu nhục thung dung. Dạ, còn món nai nướng, thần cho bê ngay lên cùng với rượu thạch xương bồ để hầu quan khu mật viện.

Rượu được vài tuần, vua quay hỏi Lê Phụng Hiểu:

- Bữa trước thăng thưởng những người có công dẹp loạn, khanh đứng đầu. Ta ban chức Đô thống tướng quân là tới hàng cực phẩm. Sao ta không thấy khanh nói một lời nào. Hay là chức ấy chưa xứng với công ấy?

Lê Phụng Hiểu bèn đứng dậy, hai tay nâng bát rượu đầy, miệng nói:

---

<sup>1</sup> Đây là loại rượu và thức phẩm tương hỗ cho nhau mang tính kích dục cao.

- Thần xin uống để chúc bệ hạ sống lâu trăm tuổi, trường trị đất nước thái hòa, dân gian no ấm.- Hiểu uống một hơi cạn hết bát rượu đầy rồi tiếp:

- Xin bệ hạ cho thần nói điều thần nghĩ.

- Khanh cứ nói, phải quấy ta không bắt bẻ chứ đừng nói việc bất tội.

- Tâu bệ hạ, quả là thần không ưa một thứ chức tước nào cả. Thần chỉ muốn làm tướng. Gặp hiểm nguy không sợ hãi, gian nan không lùi bước, tận trung với nước. Ra trận lập được công thì xin được thưởng.

- Ta chẳng thưởng cho khanh chức tước vào hàng thượng phẩm, vừa vinh hiển vừa ăn lộc lâu dài đó sao.

- Tâu bệ hạ, thần không thích phần thưởng đó.

- Hay là khanh muốn ta ban thêm cho một vài mỹ nữ.

Lê Phụng Hiểu cười phá lên. Mọi người cùng cười vui. Phụng Hiểu lại nói:

- Sao bệ hạ không hỏi xem thần thích được ban thưởng cái gì.

- Vậy chứ, khanh thích ta ban thưởng cái gì nào?

Lê Phụng Hiểu đứng phất dậy:

- Đợi ơn bệ hạ, thần chỉ xin bệ hạ ban cho đất ruộng ở vùng quê thần, để thần phụng dưỡng song thân. Lúc về già thần còn có cái mà dưỡng già. Chết đi



để lại cho con cháu. Đó chính là ân trách của bộ hạ ban cho muôn đời nhà thần.

Ai cũng bảo Phụng Hiểu có vẻ bề ngoài ù lì của một tướng võ, ngờ đâu lại khôn ngoan thế. Thật vậy, phẩm trật thì khi thăng, khi giáng thất thường. Được đấy mà cũng mất ngay đấy. Không những thế, còn bị các đồng僚 ghen tị. Còn như ruộng đất, một khi đã vào sổ điền rồi thì chắc nịch.

Vua Thái tông vừa cười vui vừa nói :

- Các cụ xưa thường dạy: Gừng càng già càng cay, người già lắm mưu. Lời dạy ấy so với Phụng Hiểu quả là đúng.

Phụng Hiểu có ý không vui:

- Vậy chớ bộ hạ chê thần già?

- Ta khen Phụng Hiểu mưu sâu, chứ ta đâu có chê Phụng Hiểu già. Chỉ nửa bước ngựa đã lấy được đầu Vũ Đức vương, sao gọi là già được.

- Đa tạ bộ hạ đã ban khen.

- Vậy chớ khanh muốn ta ban cho khanh bao nhiêu mẫu đất nào?

Phụng Hiểu ngần ngừ, vẻ khó nói.

- Khanh cứ nói, ta không tiếc gì khanh đâu.

- Bộ hạ, vậy thì ở quê thần có núi Bằng Sơn. Gân lưng chừng núi có ngọn thác. Thần xin đứng trên đầu

ngọn thác ấy ném thanh đại đao. Đao rơi ở đâu, bệ hạ cho thần nhận đất đến đó.

- Ta ân chuẩn. Nhưng như thế có sợ ít không, Phụng Hiếu?

- Tâu bệ hạ, hãy cứ để xem. Thần hứa, dù ít thần không xin thêm, mà nhiều chắc là bệ hạ cũng không cất bớt lại.

Ít lâu sau quan tư không dẫn Lê Phụng Hiếu về núi Bãng Sơn, Châu Ái. Phụng Hiếu đứng trên đỉnh thác ném đao. Tính ra thanh đại đao bay xa hơn mười dặm<sup>1</sup>. Thành thứ cả một vùng đất rộng bao la thuộc về Lê Phụng Hiếu. Ruộng ấy, sau người đời gọi là Thác Đao điền.

Lại nói về sức khỏe của Lê Phụng Hiếu. Hồi Phụng Hiếu mới lớn, dân làng Cổ Bi (nơi sinh Phụng Hiếu) và dân làng Đàm Xá tranh nhau địa giới. Đàm Xá cậy dân đông hơn nên lấn sang đất làng Cổ Bi. Hai bên cãi lý mãi không xong quay ra đánh nhau.

Thấy dân làng mình núng thế, Lê Phụng Hiếu nói với các cụ:- Một mình tôi có thể đánh được cả làng Đàm Xá. Các cụ mừng lắm, bèn mổ lợn làm cỗ mời Phụng Hiếu ăn cỗ thật no nê.

---

<sup>1</sup> Dặm ta tương đương 600 m

Phụng Hiểu ra thách đánh, trai tráng làng Đàm Xá xông sang đông lăm. Phụng Hiểu tay không nhún mình nhỏ từng bụi tre quăng đuổi. Dân Đàm Xá sợ quá, bèn trả lại toàn bộ phần đất lán của làng Cổ Bi.

Từ khi Phụng Hiểu đầu quân, theo vua đi đánh trận đâu, giặc trông thấy Lê Phụng Hiểu là bỏ chạy.

Trở lại câu chuyện bên tiệc yến, vua hỏi mấy người tâm phúc:

- Ta hỏi các khanh, vì sao có chuyện ba vương làm loạn. Đây là một việc đau lòng, ta không muốn nhắc lại. Nhưng phải tìm cho ra nhẽ, để ngăn các việc tương tự không thể xảy ra nữa.

Ngô An Ngữ vốn là người điềm đạm ít nói, nhưng lần này tướng quân lại lên tiếng trước:

- Tâu bệ hạ, tình cốt nhục, chắc bệ hạ biết rõ các vương hơn lũ thần. Mặc dù vậy, thần vẫn cho rằng các vương được nuông chiều thái quá. Việc này lỗi trước hết từ nơi các bà hậu, mẹ đẻ của các vương. Bởi chưng ai cũng cho con mình là hơn cả. Không ai muốn yên vị mà đều ngấp nghé ngôi vua. Việc ấy được nuôi dưỡng trong đầu óc các vương từ ngày còn nhỏ. Lớn lên nó trở thành cái đích nhắm tới trong cuộc đời của mỗi vương. Thứ nữa là tội các ông sư phó. Các thầy dạy vương từ nhỏ đến lớn, làm gì không biết cái tâm, cái chí của học

trò mình. Nhất là việc câu kết làm loạn, một việc lớn đến như vậy, không thể là việc âm mưu mới chỉ nhen nhóm trong ngày một ngày hai, mà phải được ấp ủ từ rất lâu rồi. Nhược bằng các ông sư phó không được dự bàn, không được hỏi kế tìm mưu, thì chỉ bằng các hành vi của các vương cũng có thể đoán được tới sáu, bảy phần, nếu không nói là biết tới tám, chín phần. Bởi vậy, để tránh các việc như thế có thể xảy ra trong mai hậu, xin bệ hạ trị tội các hậu và các bậc sư phó để làm điều răn.

- An Ngữ nói như vậy là sự hư hỏng của các vương đệ của ta thuần từ ngoài đưa vào, chứ bản thân các vương không có lỗi sao? - Thái Tông hỏi lại, nhà vua cảm thấy lòng trĩu nặng.

- Tâu bệ hạ, thần mới nói được một nửa của lỗi lầm. Nếu như các bà thái hậu, các ông sư phó có lỗi một, thì bản thân các vương có lỗi mười. Vì sao ư? Vì rằng người dân không được học hành, không được giáo hóa, vô tình mắc vào tội lỗi còn phải nghiêm trị. Thế mà các vương được giáo dưỡng đầy đủ từ trứng nước, lại phạm các điều căn cốt nhất của đạo làm con, đạo làm tôi.

- Tâu bệ hạ, bệ hạ nương tay với các anh em quá, luật sẽ không nghiêm. Lê Phụng Hiểu nói, mặt ông đỏ gay vì tức giận. Một lát ông lại nói tiếp. - Bệ hạ thử nghĩ

xem, nếu hôm đó, các vương trừ bỏ được bệ hạ, thì đất nước hôm nay sẽ ra sao. Loạn! Loạn to!

Cho nên làm loạn đất nước, đẩy dân đen vào vòng máu lửa là một tội ác hiển nhiên, không gì có thể biện minh được. Thế mà bệ hạ lại gia ân cho được sống, cho phục các chức tước cũ, thử hỏi lấy gì để răn đe những kẻ manh tâm gây họa cho nước.

Vua Thái tông dờ vằng trán hơi lấm tấm mồ hôi. Nhà vua biết những điều Lê Phụng Hiểu thẳng thắn nói ra, chính là điều cả triều đình cùng nghĩ, nhưng nể mặt ta nên không ai nỡ nói. Và điều này mới tai hại, rằng dân cả nước đều cho ta là một ông vua thiên vị. Đúng là những người anh em nghịch mệnh, làm khó cho ta quá.

Nhà vua khó nhọc mở lời:

- Ta không trách Phụng Hiểu gay gắt với ta. Ta biết, lời nói của Phụng Hiểu là ý nguyện của dân nước. Bởi dân nước tới nay vẫn chưa hết kinh hoàng, mỗi khi nhớ về thời đại Lê ngọa triều hơn hai mươi năm về trước. Nhưng thật là đau lòng, chẳng lẽ ta phải mở đầu một vương triều mới bằng việc chém giết mấy người anh em ruột thịt sao. - Giọng nhà vua nghẹn tắc.- Ta mong các khanh bày cho ta một lối thoát.

Vua Thái tông liếc nhìn về phía Mai Mạnh Minh, ánh mắt vua dịu lại, vẻ như một sự cầu cứu.

- Tâu hoàng thượng- Mạnh Minh nói.- Chém, giết là một việc quá dễ đối với người cầm quyền. Nhưng từ thượng cổ, chưa có một triều đại nào dùng hình án nặng nề mà tạo ra được một xã hội an lạc. Nên nhân việc bệ hạ mở đường hiếu thiện cho các hoàng đệ, nay phải biến nó thành quốc sách đối với toàn dân. Bởi thế, nếu trong thiên hạ mà tìm ra được người tài đức thì tin dùng họ, kính trọng họ, đặt họ vào đúng chỗ mà họ sở trường. Lại khi tìm ra được sự khiếm khuyết, sự bất thiện trong ai đó mà nó chưa phát tác ra thành thế lực, thành tội ác thì răn bảo họ, xót thương họ khiến họ yên lòng đổi lỗi. Như vậy xã hội sẽ bớt tội phạm, bớt đi nhà tù.

Một khi đã bớt đi nhà tù, tâu bệ hạ, lại phải tăng cường chùa chiền và trường học, nhằm giáo hóa cho mọi người có cái tâm tuệ và cái trí huệ.

Mở mang cái trí, cái hóa cái tâm, hình pháp khoan nơi vừa đủ để răn đe, như thế là bệ hạ làm chính trị ở tầng mức cao, chứ không phải thứ chính trị giả dối, lừa mị của những kẻ ác bá tâm thường.

Nghe Mai Mạnh Minh bố cứu bằng những nhời nhẽ tâm huyết, mà chính là mưu kế cao sâu của đạo trị nước, vua Thái tông lấy làm đẹp ý. Vua nói:

- Ta vô cùng biết ơn chư khanh đã vì ta, vì non sông đất nước. Song có nhờ đi vào khai mở cái tâm tuệ,

cái trí huệ cho toàn dân như Mạnh Minh nói, là con đường tất yếu mà ta chọn lựa.

- Bệ hạ thật là sáng suốt, Mạnh Minh tiếp lời. - Đúng là không gì giác ngộ cho con người bằng một nền giáo dục thích hợp. Một khi con người đã được giác ngộ mà họ lại tự ý thức, tự giác ngộ nữa, thì sức mạnh của cả dân tộc không lấy gì mà đo đếm được.

## II

Từ bữa viên nội giám nhờ dâng con cung nữ Quỳnh Hoa lên vua Thái tông không thành, trong lòng Lý Huyền Sư lấy làm áy náy. Có thể nhà vua không tin ta nữa sao. Vô lý. Vua không tin ta còn tin ai. Không tin mà đặt ta vào hàng tả hữu phúc tâm. Ta vừa là người trong nội tộc, vừa cung hình theo tiên đế, lòng trung của ta tỏa sáng vàng vạc như trăng rằm.

Thật ra ta tin ở viên nội giám. Y có con mắt tinh đời, chưa chọn lầm người bao giờ. Nếu cần đưa gái đa tình để thỏa lòng dục, y chọn không sai một ly. Nếu cần người hầu hạ trung thành, tin cẩn, có nhan sắc có thể giải khuây cho thiên tử, nhưng không vào loại gái dâm tiện, thì y chọn cũng không sai một ly. Ta đã đặt y tìm cho hoàng thượng một người như thế. Và hôm ấy y dẫn con Quỳnh Hoa đến cho ta. Tiếc thay!

Thế nhưng ta vẫn cần một người như thế hầu hạ



hoàng thượng. Nhược bằng trống chõ, các bà hoàng hậu, các bà phi có thể cạy cục, có thể chạy chọt đưa được người thân tín trong họ tộc của các bà vào hầu hạ vua, nhưng vẫn là tay chân vây cánh của các bà. Nếu vậy, thâm cung sẽ trở nên rối nát lúc nào không hay.

Lý Huyền Sư cho mời viên nội giám Lương An vào Trung thư sảnh bàn việc cơ mật.

Tiếp được giấy triệu, Lương An xoay ngược tờ giấy, đọc mãi chẳng hiểu giấy nói mô tê gì. Chợt có một thị nữ đi qua, y túm váy nàng lại hỏi :

- Nhà ngươi có biết chữ không?

- Cái nhà ông này vợ vấn. Bỏ tay ra. Thị nữ bèn gỡ tay ông ta và ném vào mặt ông một cái nhìn khinh bỉ. Toan bỏ đi.

- A, con này lão. Tao hỏi mà y có biết chữ không.

- Tôi đã bảo ông vợ vấn. Chữ nghĩa ở đây cần quái gì. Nếu cần chữ thì nhà ông đã học rồi.

Lương An cười méo cả mặt, y nén giận chìa cái giấy ra:- Tao hỏi mà y có biết chữ thì đọc cho tao cái giấy này.

Thị nữ giật phắt tờ giấy trong tay viên nội giám. Đọc lướt nhanh rồi nhìn thẳng vào mặt Lương An. Gần hai chục năm bị bắt vào làm cung nữ, đến bây giờ y thị mới dám nhìn thẳng vào mặt viên nội giám. Bây giờ

thì chẳng có gì làm thị phải sợ, phải cầu cạnh bọn hoạn quan này nữa. Vì rằng xuân sắc đã tàn phai. Hàng trăm cô gái như nàng phải thiêu đốt tuổi xuân trong chốn cung cấm mà không một lần được nhìn thấy mặt vua, chứ đừng hòng được vua ân ái. Họ chẳng, chỉ nghe lời mơn trớn hứa hão của bọn thái giám. Có đồng vốn nào, có thứ đồ trang sức nào dát lót hết cho chúng, chỉ mong có một ngày được bề rông ngó đến. Và chẳng một cô gái nào thoát khỏi cảnh cho mấy tên thái giám tanh tưởi nghịch ngợm, sờ nắn một cách thèm thuồng nhưng bất lực.

Với thị nữ này chẳng còn gì mà phải sợ, cũng chẳng cần gì nữa mà phải cầu cạnh. Nếu may mắn được thái hồi trước khi chết rũ xương trong cung cấm, thì đó lại là điều phúc hạnh. Thị cứ nhìn xoáy vào khuôn mặt bì bì như mặt thốt của viên thái giám. Da mặt thì xạm đen như đít nổi. Mắt thì trắng dã, thô lỗ như hai con ốc nhồi với cái nhìn vô cảm. Nhẽ ra với khuôn mặt bè bè, đôi tai vểnh thì cái đầu y phải to bẹt. Nhưng không, đầu y lại hình bầu dục như nửa trái dưa hấu và từ trán đến đỉnh đầu nhẵn thín. Gương mặt kia cho ta thấy một nhân cách đê tiện. Con người này có thể làm được mọi việc, ngoại trừ việc nhân nghĩa.

Suốt một cuộc đời khô héo, tàn lụi; bọn cung nữ già không biết trút căm giận lên ai, ngoài những viên

thái giám. Nghe các thị kháo nhau, viên nội giám này cũng đau đời lắm. Khi y còn làm một chức quan nhỏ ở trong châu, thì viên phán phủ sự trên phủ, biết y có một con vợ có chút nhan sắc. Một bữa, viên phán phủ sự lấy cớ đi tuần thú ghé thăm. Y làm cơm rượu khoản đãi thượng cấp. Rượu ngà ngà, phán phủ sự lên giọng đe:

- Lương An to gan!

- Dạ bẩm đại quan, con xin nghe ngài dạy.

- Vậy chớ người coi đại quan đây là cái gì mà suốt trong tiệc rượu, người không cho vợ ra chào ta.

Lương An khúm núm xuống nhà giục vợ, trang điểm rồi lên hầu quan.

Khi Lương thị lên chào, viên quan lớn tỏ ra niềm nở:

- Ta ghé trang viên là vì mỹ nhân chứ viên tuần lệnh này có đáng gì để ta rẽ ngựa. Nói xong viên phán phủ sự nở một nụ cười duyên, rồi đưa bát rượu mời Lương thị. Quan trên ghé tai Lương thị nhờ to điều gì không ai nghe được. Chỉ biết Lương thị thỉnh thoảng lại cười ré lên. Và một lát sau, quan phán phủ sự gọi Lương An nói dần từng tiếng:

- Ta đi kinh lý, cần có bạn đường nói chuyện, vậy ta cho phép người để Lương thị được theo hầu ta.

Thế rồi quan kéo nàng lên xe, mặc cho Lương An

đứng trơ mắt ếch nhìn theo.

Ba tháng sau, Lương thị đem cái bụng chứa về với chồng kèm theo lời dạy của quan trên. „Quan lớn bảo nhà biết điều thì ngậm miệng lại, quan sẽ thăng bố. Nếu trái ý quan thì mất mạng“.

Quá nhiên Lương An ngậm miệng không dám oán thán quan trên, không dám mắng mỏ, ruồng bỏ Lương thị.

Quan trên bận mãi việc nước, chẳng còn nhớ đến Lương An là tên cha cãng chú kiết nào nữa. Nhưng An thì làm sao quên được. Hai năm sau, y bán nửa cơ nghiệp lấy tiền lên Thăng Long. Lân la làm quen được với một viên trung quan. Sau khi đã biểu hấn tới cả trăm quan tiền, Lương An được hấn nhận lời tiến cử vào hầu hạ trong cung, lại chỉ cho An biết cái lò tĩn thân<sup>1</sup> nổi tiếng ở phía nam kinh thành. Cứ gọi là hoạn mười người đau cả mười, không một ai bị sót hoa. Và chỉ nửa tuần trắng là hết đau, có thể ăn uống, đi lại, làm lụng như một người bình thường.

Lương An được vào cung, một thời gian sau y trả thù viên phán phủ sự thật là tàn bạo. Nhưng thôi, đó là một câu chuyện khá dài. Bây giờ, ta trở lại với tờ giấy thị nữ đang cầm trong tay.

---

<sup>1</sup> Có nghĩa là thiến, hoạn.

Lương An biết loại gái già này không còn biết sợ nữa. Chọc vào chúng như chọc vào tổ ong bò vè. Y nói nhún:

- Người đọc giùm ta đi.

Thương tình, thị nữ đọc to:

- Dúng ngày... giờ... có mặt tại Trung thư sảnh... Hữu phúc tâm, Trung thư thị lang.

Đọc xong, thị nữ ném trả tờ giấy cho Lương An rồi đi thẳng.

Bữa vào Trung thư sảnh, Lương An không vào một mình, mà dắt theo cả Quỳnh Hoa.

Lương An chào Lý Huyền Sư rồi vào chuyện luôn:

- Trung thư hữu phúc tâm à, ông được hoàng thượng sủng ái, mà tôi thì kính ông như bậc phụ mẫu, nên chọn người hầu hạ hoàng thượng, sao tôi dám không cẩn trọng. Đời tôi, thậm chí cả sinh mệnh tôi đặt cược nơi con bé này, sai sẩy một ly là tôi mất mạng. Từ hôm ông trả lại con bé đến nay, tôi mất ăn, mất ngủ, chẳng biết là hoàng thượng chê, hay con bé không lọt mắt ông.

Lý Huyền Sư vừa lắng nghe Lương An, vừa để mắt xem ngắm con bé. Bởi bữa trước đêm tối, nhìn không rõ các đường nét trên khuôn mặt nó, mà ông chỉ tin vào sự

bảo cử của Lương An.

Thật tình ông rất ưng con bé. Tướng mạo thể hiện một con người đàng hoàng, phúc hậu. Loại người này luôn cho ta một cảm giác yên tâm, và không bao giờ mình bị phản bội. Nó hoàn toàn khác với Lương An, một con người tướng mạo kỳ dị. Mặt bánh đúc, da thiết bì, đầu trái dưa, miệng lúc nào cũng chum chúm như người thổi lửa, mũi thì tẹt và nhỏ xíu, tai bẹt nhĩ như tai dơi, dáng đi lạch bạch như vịt bầu, mắt chỉ nhìn trộm chứ không bao giờ dám nhìn thẳng vào mặt người mà y đang trò chuyện. Loại người này khi mà chủ vương thì y trung thành như một con chó. Lỡ chủ gặp vận suy, y sẽ lập tức biến thành con rắn độc mổ vào tim vào óc chủ lúc nào không biết.

I.ý Huyền Sư tuy là một trung quan, nhưng ông là một người có học thức, lại được ít năm ở gần Thái tổ là bậc có khí phách. Và lại ông cũng được các bậc thiên sư đạo cao, đức trọng giáo hóa. Vì vậy không thể xem ông như mấy người hoạn quan hèn mọn và ác độc kiểu như Lương An.

Lương An nói liền thoảng, bọt xùi trắng hai khóe mép, nước bọt phun phì phì phá ra một mùi khăng khảnh. Đột nhiên hấn ngừng lời, mắt liếc ngang xem ý tứ quan hữu phúc tâm. I.ý Huyền Sư nhìn thẳng vào mặt Lương An hỏi đột ngột:

- Ta thừa nhận với ông, con bé này tướng mạo phúc hậu, ưa nhìn. Tức là nó thuộc loại con gái có duyên. Nhưng ông bảo nó có quý tướng, lại ẩn tướng là như thế nào.

- Bẩm quan hữu phúc tâm, ngài là chân tay thân tín của hoàng thượng, đầu tôi có phải là củ chuối đầu mà tôi dám nói man sai. Đây này, đức ngài xem. Vừa nói Lương An vừa đứng dậy lột bỏ áo quần đứa bé.

- Quá con bé có thân hình đẹp như một bức tượng. Nhưng nó vẫn là một đứa trẻ, cơ thể chưa phát triển đầy đủ.

- Chỉ hai năm nữa, tôi cam đoan với quan hữu phúc tâm rằng, con bé này sẽ đẹp như một nàng tiên. Nó sẽ đem lại hạnh phúc cho nhà vua và cả sự hưng thịnh cho đất nước nữa. Nó vừa ẩn tướng vừa vượng tướng. thưa quan ngài, lão thầy Tàu bảo con này là "Thạch trung ẩn ngọc". Ẩn ở đây này.- Lương An đưa tay nâng núm vú trái của Quỳnh Hoa lên, một nốt ruồi son đỏ tươi bị bẹ vú che khuất - Người con gái mà có nốt ruồi son dưới vú là điềm sinh quý tử. Lại ẩn ngọc ở đây nữa này. Lương An chỉ vào giữa hai đùi đứa bé.- Mày đứng dạng chân ra cho đức ngài nhìn. Đó, quan hữu phúc tâm thấy chưa, ngài phải cúi xuống mới nhìn được. Đây này, hai nốt ruồi son nằm dấu ở phía trong hai mép bờ mương. Đó chính là thạch trung ẩn ngọc chứ

còn ở dâu nữa. Người có tướng này là mệnh phụ phu nhân, là thiềm cung triết quế, vàng đất ngọc đeo, vinh hiển suốt đời.

Lương An đột ngột sụp xuống lễ Lý Huyền Sư hai lễ:- Thưa quan hữu phúc tâm, hôm nay tôi xin trao nàng tận tay thượng quan. Ba năm sau quá đúng như nhời, tức là hoàng thượng sủng ái, tức là nàng sinh quý tử, nàng là người nhân hậu. Đúng như thế, Lương An này xin tới dinh quan linh thưởng. Không đúng như thế, Lương An này cũng xin đến dinh quan nộp đầu.

Nói xong y lại vái Lý Huyền Sư hai vái. Y di giắt lùi được ba bước, lại quay lại:- Con nhỏ này mặc xiêm y vào. Lương An tự tay mặc kín cho Quỳnh Hoa, rồi lặng lẽ lùi ra hành lang đại điện.

Từ lúc Lương An dẫn Quỳnh Hoa cho tới lúc y ra khỏi cung, con nhỏ không nói một câu nào. Lý Huyền Sư lựa lời để con bé đỡ sợ:

- Nhà cháu có mấy anh chị em?
- Chín.
- Cháu thứ mấy?
- Út.
- Các anh chị lớn có chồng có vợ cả rồi chứ?
- Chết hết rồi.

Lý Huyền Sư sững sờ, tỏ ý cảm thương cho gia



cảnh nhà nó. Lại hỏi :

- Bố mẹ cháu đã già chưa ?
- Năm mươi, sáu mươi rồi.
- Cháu có nhớ nhà không ?
- Nhớ. Ông cho cháu về nhé.

- Không được con ơi. Ta có thương con đến mấy cũng không thể để con ra khỏi cung được. Con còn quá nhỏ để có thể hiểu được lắt léo chuyện đời.-Thôi được, để ta cho dạy con về lễ nghi phép tắc trong triều. Đúng mười lăm tuổi ta cho con vào hầu thiên tử. Nếu con sống hồn nhiên, đức độ ắt con sẽ được vua yêu. Mà con lại sinh được quý tử nữa thì đời con một bước trở thành đáng bậc. Cha mẹ con sẽ được nường tựa. Con muốn về quê thăm cha mẹ, hoặc mua nhà ở kinh thành, rồi đón cha mẹ lên là việc dễ như trở bàn tay. Nhưng trước hết con phải học chữ, học lễ nghi, giao tiếp. Con không thể ra mắt hoàng thượng với xiêm y xộc xệch như dưa ăn mày, nói năng cứ tiếng một như chó sủa trắng. Mặt thì lúc nào cũng ngờ ngờ ngác ngác như dưa nhà quê vừa ra phố, chỉ sợ lạc đường.

Quỳnh Hoa nghe những lời răn bảo của quan hữu phúc tâm, nó đã thấy bất sợ. Làm sao mà nó không sợ được. Bởi ở đây cái gì cũng to lớn đến kinh người. Nhà cửa thì san sát. Nhà nào cũng nhìn dưới tầm mắt chưa

hết chiều dài. Nền cao ngất ngưỡng, cột to đến mấy người ôm, soi chạm, phương rộng nom đến chóng cả mặt. Vàng son đến lóa cả mắt. Sân to rộng mênh mông, chỗ nào cũng im phăng phắc, không một bóng người lại qua. Nhưng lúc đi thì voi, ngựa, lính tráng, giáo mác, đao cung tiền hô hậu hét đến rợn cả tóc gáy. Đấy, thuận những thứ như thế, đối với người lớn còn sợ mất mặt, huống chi một đứa trẻ quê mùa như nó.

Quan hữu phúc âm lại nhẹ nhàng dỗ bảo:

- Con cứ ngoan ngoãn nghe lời người lớn, chịu khó học hành, mau mồm mau miệng, nhưng phải giữ lấy tính chất phác hồn hậu, chớ có học thói điều xáo của phường kẻ chợ mà hư thân mất nết.

Nói rồi, ông cầm tay Quỳnh Hoa dẫn sang trao cho bên Nội thường thị. Lại dặn bảo phải dạy dỗ, uốn nắn lại cho con nhỏ biết chữ nghĩa, biết lễ giáo, biết giao tiếp xác thân để đúng hai năm nữa sẽ dâng vào hầu hoàng thượng.

Dịch thân quan hữu phúc tâm giao người, giao việc; chắc chắn Nội thường thị không dám lơ là.

Bây giờ nghĩ lại, Lý Huyền Sư thường trách mình hồ đồ, tại sao dạo ấy lại định dâng con bé quê kệch này lên hoàng thượng. Suýt nữa thì hỏng cả việc lớn. Đúng là bữa ấy ta rối trí. Bởi ta thấy đầu óc hoàng thượng

căng thẳng quá, tâm thần ngài như bất định. Ta chỉ muốn dâng con bé còn nguyên âm khí để hoàng thượng giải khuây, cho âm dương được cân bằng. Thôi thì trong họa có phúc. Vì thế ta mới còn giữ được cái con “thạch trung ân ngọc” này, để dâng lên hoàng thượng trong vài năm tới. Cứ như nhờ của tên thầy tướng người Tàu nói với Lương An, thì vận hội nước nhà là như ở cái con “ân ngọc” này đây.

### III

Sắp đến tiết Thiên Thành, tức sinh nhật vua, Đông Tây thượng cấp môn sứ<sup>1</sup> có sớ tâu xin triều đình xuất của kho để cho các đài, sảnh, viện và ty giáo phường chuẩn bị.

Các quan bàn bạc loáng thoáng. Người bảo không nên, vì tiên đế mất còn quần dấy mà vua tôi yến ẩm tiệc tùng, sợ có điều gì trái đạo chăng. Người lại bảo nên. Việc nào ra việc ấy. Vả lại sinh tử là lẽ thường hằng. Chẳng thể vì thiên tử nằm đấy mà mọi việc khác trong xã hội phải đình hoãn sao! Hơn nữa, trong một nước phải lấy vua làm đầu. Vua lấy ngày sinh làm trọng. Tiết Thiên Thành năm nay là tiết đầu tiên của triều Khai thiên thống vận, nên không thể bỏ được.

Và thế là người ta cho gọi thợ khéo từ các lộ về, để

---

<sup>1</sup> Cơ quan giữ việc lễ nghi đời nhà Lý.

làm núi Vạn tuế Nam sơn, là vật khánh chúc ngày vui của hoàng thượng.

Đây là một cụm núi kết bằng tre gồm năm ngọn. Trên đỉnh ngọn ở giữa cũng tức là cung chủ của nhà vua, dựng núi trường thọ. Ngọn này cao nhất, từ chân tới đỉnh năm trượng, năm tấc, bảy phân. Bốn ngọn xung quanh trên đỉnh dựng núi Bạch Hạc. Các ngọn núi kết thắt với nhau thành một thế quần sơn thật là vững chắc. Ở lưng chừng núi lại bắc dóng, ghép sàn và làm cửa như là hang núi. Trên núi thì kết hình thú chạy, chim bay. Lưng chừng vách núi thì cấm cờ ngũ hành, cờ thần, gió bay phấp phới. Lại có cả hình rồng thần cuốn quanh núi. Đó đây treo những chùm khánh, nhạc dung đưa tạo thành những âm thanh réo rắt thật là vui. Lấp ló tại các cửa hang núi có nhiều con hát thổi sáo, thổi kèn, hát múa tưng bừng. Tiếng sáo bỗng trầm, tiếng kèn vương trong gió cùng lời ca trong trẻo vang lên từ lưng chừng núi. Núi lại đặt ở sân Long Trì trước thềm đại điện, khiến trăm quan ngơ ngác nhìn lên mà thán phục.

Các quan cứ đi vòng quanh núi chiêm ngưỡng. Đó đây trong hoàng thành vang lên tiếng pháo nổ giòn, tiếng trống múa lân và tiếng reo hò, tưởng như cả kinh thành đang vào hội.

Buổi tối, vườn ngự uyển đèn thấp sáng như sao sa, cỗ bàn bày la liệt. Đầu giờ tuất, vua từ trong đại điện

bước ra nhận lời chúc và lễ mừng của trăm quan. Sau đó, vua dẫn các quan ra vườn ngự uyển, cho ăn yến.

Tháng mười nhằm ngày đại cát, rước linh cữu của Thái tổ về an táng nơi chính quán tại làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức.

Từ sáng sớm, hàng trăm chiếc thuyền với hàng ngàn người và sư sãi, đạo sĩ đã từ Thiên Đức cập bến Đông Bộ Đầu để đón linh cữu nhà vua. Dân chúng Thăng Long và các chùa, các quán đều lập đàn tràng để cầu siêu cho anh hồn đức Thái tổ. Khi linh cữu của nhà vua vừa rước ra khỏi điện Long An, dân chúng kinh kỳ cùng các thiền sư, đạo sĩ nhập thành một hàng dài vô tận, để tiễn đưa nhà vua xuống thuyền. Ai đã từng chứng kiến cảnh nhà vua dời Hoa Lư về Đại La cách đây mười tám năm trước, dân chúng Trường Yên theo tiễn ngài xuống thuyền như thế nào, thì hôm nay dân chúng Thăng Long cũng tiễn biệt ngài đồng như thế. Có điều rằng người Hoa Lư đưa tiễn ngài chỉ là tạm biệt thôi, còn người Thăng Long hôm nay phải vĩnh biệt ngài. Lòng đau như cắt, nước mắt đầm đìa. Đã lâu lắm, nước Nam mới có được một đức vua anh minh đến thế, nhân từ đến thế, thương dân đến thế. Thử hỏi từ thượng cổ có vị vua nào, trong 18 năm trị vì, đã tha tô thuế cho dân tới cả tám năm. Và từ ngày ngài lên trị vì, đất nước dần dần di vào thế đại định, dân cư an lạc trong cảnh

thái bình. Trong các thôn cùng xóm vắng, những ngày giáp hạt, không còn cảnh người chết đói gổ lên nhau đầy đường như dưới thời Ngoại triều Lê Long Đĩnh.

Một đức vua nhân hoà như thế, đức độ như thế, vừa nằm xuống các con đã giết nhau để tranh giành ngôi báu, khiến người ta nghi ngờ các con của ngài. Người dân Thăng Long đưa tiễn ngài đông đến như thế, và nước mắt chảy nhiều đến như thế, là vì người ta muốn níu ghì lại, muốn giữ lại chứ không muốn chôn cất cái thiện mà cả dân tộc này mới nhen nhóm chưa được hai chục năm. Người ta khóc là khóc cho chính thân phận mình đã từng bị cái ác đe dọa. Và người ta ngạc nhiên không hiểu vì sao cái tốt đẹp, cái thiện đức lại yếu mệnh đến thế.

Linh cữu của nhà vua đặt trong khoang thuyền rộng, thuyền vừa quay mũi xuôi dòng Thiên Đức thì trời nổi gió. Và mưa như trút nước giữa mùa đông hanh heo, lạnh giá. Người Thăng Long bảo: Trời khóc!

Chôn cất nhà vua trong cánh sơ sài, ấy là theo di huấn của Người. Huyệt mộ đào trên một gò đất cao gọi là núi. Cũng là đào sâu chôn chặt, cắm lên đó một tấm mộ chí bằng đá với dòng chữ khắc sâu: *Thần vũ hoàng đế Lý Thái tổ chi mộ*. Và đời gọi đó là Thọ lăng.

An táng Thái tổ xong, ít lâu sau vua nhà Tống là Tống Nhân tông sai sứ là Chương Dinh sang diếu tang.

Chương Dinh đòi gặp vua ta. Vua sai Lương Nhậm Văn tiếp sứ.

Chương Dinh hách dịch nói với Lương Nhậm Văn:

- Ta là sứ của thiên tử, theo lễ, vua nước ông phải tiếp.

Lương Nhậm Văn ôn tồn bác lại:

- Ông là đại phu, tôi là tể tướng. Nhẽ ra nước tôi cũng cử quan đại phu tiếp ông. Nhưng vua tôi là bậc hiếu lễ, nên cử tể tướng tiếp ông, thế mà ông còn đòi vua tôi phải tiếp. Thành thử sự thất lễ là ở nơi thượng quốc, nơi ông. Còn như ông nói "theo lễ", chứ lễ ấy ở sách nào vậy. Nước bằng ông không ứng thuận, buộc nước tôi phải hoàn lễ, để ông đem về dâng lại thiên tử vậy.

Chương Dinh cứng họng không dám đòi hỏi gì nữa.

Chương Dinh xin đi thăm thú phong cảnh nước ta, còn dùng dằng chưa muốn về thì Tống Nhân tông lại sai sứ đem sắc phong cho vua ta.

Theo lệ cũ, vua ta để chiếu thư lên hương án làm lễ tiếp chiếu. Gọi là nể mặt nhà Tống, chứ thực tình vua ta không còn kính trọng nhà Tống nữa. Khi mở chiếu, thấy Tống Nhân tông phong cho vua là "Quận vương". Vua gấp chiếu lại tỏ ý không vui. Vua nói :



- Ông về tâu lại với thiên tử, ta làm vua một nước chứ không làm vua một quận.

Sứ Tống vênh mặt đáp:

- Vậy là ông kháng mệnh thiên tử.

- Ta khuyên ông nên bớt huyênh hoang bẻm mép đi. Phải thừa nhận, thiên tử đối với nước ta không công bằng. Thử hỏi nước ta kém gì nước Liêu, nước Hạ. Các ông có giỏi thì lên phía Bắc, sang nước Liêu mà hoạnh hoẹ với họ. Ta đường đường làm vua của một nước. Các nước Lão Qua, Chiêm Thành đều là phen giậu của ta. Nhưng chưa bao giờ ta dám gọi họ là quận vương cả.

Sứ Tống cúi gằm mặt không nói được điều gì. Quan Khu mặt sứ Mai Mạnh Minh bồi thêm:

- Vậy chớ hàng năm sứ giả bên thượng quốc có phải tải vải lụa, tiền nông, vàng bạc qua nộp cho Liêu, cho Hạ không?

- A, vua tôi các ông dám làm nhục sứ của thiên tử à !

- Hằng năm quý quốc nộp cho nước Liêu, nước Hạ bao nhiêu, người Liêu, người Hạ nói, cả gằm trời này đều biết, cứ gì nước chúng tôi. Vả lại, như thế càng chứng tỏ quý quốc là một nước vừa giàu có, vừa hào phóng.- Mai Mạnh Minh nói với vẻ mặt nghiêm trang có pha phần giễu cợt nữa. Ngưng một lát, nhìn vào tận

mất sứ giả, quan khu mật sứ lại nói:

- Tuy vậy, thiên tử chỉ hào phóng với người "bắc địch" thôi, chứ với "nam man" thì một chữ thiên tử cũng không cho. Mới hay thiên tử bên thiên triều cũng không công bằng với "tứ di"<sup>1</sup>!

- Ta thề sẽ tâu lại với thiên tử để người đem binh trừng phạt các ông, trừng phạt nước Nam.- sứ Tống nói với tất cả sự căm tức và đe dọa.

Lúc này Thái tông đã bỏ ra ngoài, để mặc cho quan khu mật sứ và vài người tùy phái tiếp sứ.

- Sứ giả, ta mong ông giữ lời hứa.- Mai Mạnh Minh nói với vẻ thách thức. Bởi ông biết thừa nước Tống lúc này giữ nhà không xong.- Vua tôi các ông hèn yếu, người Liêu, Hạ đánh cho chạy dài, hằng năm vét cạn của kho để cống nạp cho họ không đủ, lại còn sĩ diện, hống hách ra vẻ ta đây kẻ cả, lên mặt dọa dẫm, đe nẹt nước ta.

Mạnh Minh cười khẩy, lại nói :

- Sứ giả nghe ta nói đây, ta rất mong những điều quốc vương của ta nói, và cả những điều ta vừa nói, sẽ

---

1 Người Trung Hoa xưa kỳ thị các dân tộc ngoài Trung Quốc. Tất cả họ đều gọi là "di", "địch". Nam man, Bắc địch, Đông di, Tây nhung. Chữ Địch có bộ *khuyển*, chữ Man có bộ *trùng*... Họ cho các dân tộc khác đều là sâu bọ, chó má.

đến tai thiên tử thật đầy đủ. Bởi vua tôi nước ta nói, là nói với thiên tử chớ đâu phải nói với ông. Nhưng ta cho rằng ông không dám tâu lại. Bởi đường đường ông là sứ nước lớn đến nước nhỏ, mà để nhục mệnh vua, ắt ông phải rơi đầu trước khi thiên tử kịp nghe hết các điều ông định tâu hót.

Sứ giả vùng vàng đứng dậy, toan bỏ ra ngoài. Quan Khu mật sứ quát lính cận vệ:

- Quân đâu!

- Dạ!- Một tiếng “dạ” râm ran của cả chục người lính, gươm giáo tuốt trần, chạy ùa vào nội điện, chờ sai khiến.

Mai Mạnh Minh liếc nhanh sứ giả, mặt ông ta tái đi, người như thu nhỏ lại. Quan Khu mật sứ ra lệnh:

- Tiễn sứ giả về quán dịch và phải phục vụ ngài cho chu đáo.

Sứ Tống lùi thối đi giữa hai hàng lính cận vệ.

Lại nói công chúa Bình Dương được nhà vua hứa gả cho đầu mục Lạng châu Thân Thiệu Thái. Việc ấy các quan dâng sớ xin vua xem xét lại.

Điều thứ nhất là công chúa còn quá trẻ mà Thân Thiệu Thái đã xấp xỉ ba chục tuổi rồi.

Điều thứ hai là công chúa lá ngọc cành vàng, yếu điệu thực nữ, sao lại đem gả cho người man, không môn

dăng hộ đối.

Điều thứ ba, Lạng Châu là vùng khe động, rừng thiêng nước độc, lam sơn chướng khí, sức thiếu nữ, công chúa không chịu nổi.

Trước đây đủ bá quan, vua nói:

- Sao ta không biết điều các khanh biết. Chắc chắn ta thương xót con ta hơn là các ông chỉ cảm thấy thương công chúa. Các ông không thấy cái họa phương bắc, luôn luôn rình rập nước ta sao. Đã hơn một ngàn năm họ đô hộ nước ta. May mà dân ta kiên cường, nên chưa bị đồng hóa. Hiện thời nước Tống đang suy yếu, thế thì ta phải lo giữ nhà từ khi kẻ kia còn chưa kịp có âm mưu. Các ông nên nhớ, nước Tống không mãi mãi yếu hèn như thế này đâu. Dân tộc Trung Hoa vĩ đại sẽ có ngày họ vùng lên. Ngay cả khi họ suy yếu, họ vẫn xui nguyên giặc bị, bằng mọi cách để thôn tính ta, hoặc làm cho ta suy yếu hơn họ. Các ông chắc nhớ cuộc xâm lăng năm Giáp Dần, tức là năm Thuận Thiên thứ năm chớ. Hai mươi vạn quân man Tống do Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí được Tống Chân tông hậu thuận cho lương thực, khí giới, lừa ngựa và cả bày mưu tính kế. Nếu đức Thái tổ không giới giang di trước một nước cờ, thử hỏi hai chục vạn quân đó có đủ sức làm cỏ nước Nam không.

Lại nói, nếu không có châu mục châu Bình Lâm

là người kiệt hiệt, hết lòng trung với triều đình, thử hỏi trận ấy ta có thắng giặc nhân nhã đến thế không. Đẹp xong giặc, Thái Tổ bèn đem quốc muối quận chúa<sup>1</sup> An Nhân gả cho châu mục Hoàng Ân Vinh. Thái tổ có thương yêu quận chúa An Nhân không? Ta chắc rằng không ai thương con bằng cha mẹ. Thế nhưng Thái tổ phải đặt sự tồn vong của đất nước lên trên hết. Vì thế mà Thái tổ đã cố kết được cả châu Bình Lâm trở thành phen giậu cho Thăng Long, cho cả nước chỉ thông qua cuộc hôn nhân giữa quận chúa An Nhân với châu mục Hoàng Ân Vinh.

Thái tông ngừng lời. Đoạn nhà vua nhìn khắp triều quan, lại nói:

- Ta biết tấm lòng của các ông cảm thông cái tình làm cha làm mẹ của ta và hoàng hậu. Nhưng các ông cũng nên biết, không phải con cái ta và con cái các ông sinh ra, là chỉ để thụ hưởng sự sung sướng và ở trên muôn dân. Không đâu, chúng cũng là người như mọi người khác, đều là con dân nước Nam ta cả. Vậy thời chúng cũng phải có nghĩa vụ với nước chứ. Không chỉ công chúa được gả cho các châu mục vùng biên ải, mà các quận chúa và cả lệnh nữ nữa cũng nên gả cho con cái các đầu mục ở trên đó. Các ông nên nhớ, phen giậu

---

<sup>1</sup> Có lẽ đây là nghĩa nữ tức con nuôi hoặc con của người em Lý Thái tổ.

càng dày, càng cứng, quốc gia càng mạnh. Hơn nữa, hàng vạn người ở các châu đó người ta sống được, sao con cái ta, con cái các ông lại không sống được. Vậy chớ điều ta nói là phải hay là quấy?- Vua nhấn mạnh rồi ngừng lời.

Triều quan im phăng phắc. Bỗng có một ai đó nói to:

- Bệ hạ sáng suốt! Bệ hạ sáng suốt! Chúng thần đã được khai thị.

Thật ra nhà vua chọn gả công chúa Bình Dương cho châu mục Thân Thiệu Thái, chẳng phải là việc ngẫu nhiên. Đành rằng nhà vua noi gương Thái tổ cao hoàng đế, nhưng còn một nhẽ nữa, rằng công chúa Bình Dương không phải yếu điệu thục nữ, lúc nào cũng thích điểm trang son phấn. Trái lại tính cách công chúa rất mạnh mẽ, nàng ưa về đường võ nghệ, kiếm cung hơn là thoa, xuyến, ngọc, vàng.

Nơi chốn công chúa từng lui tới là điện Giảng Võ, là nơi các bãi tập côn quyền, cung ná hoặc sa vào các lò võ để xem và cả để học nữa.

Cũng như Thái tổ cao hoàng đế, bắt buộc các hoàng tử phải trở thành các tướng võ, có tài cầm quân xông pha nơi trận mạc, vua Thái tông không những bắt các hoàng tử học võ mà còn khuyến khích các công

chúa tham gia. Đành rằng các hoàng nam, hoàng nữ vẫn bắt buộc phải học chữ, học kinh sách Phật, Thánh để rèn trí, rèn đức.

Công chúa Bình Dương sáu tuổi đã biết đọc chữ, chín tuổi đã biết giương cung. Mười một tuổi học quyền, cước. Mười ba tuổi học đao, kiếm. Công chúa vừa sáng dạ vừa có khiếu năng về thập bát ban võ nghệ, nên học một biết mười. Các loại binh khí, loại nào công chúa cũng sử dụng tinh thuần, nhưng tuổi nhỏ, nội lực còn thấp, nên các đòn đánh chưa làm cho đối phương kính nể.

Năm trước trên bãi bắn, thấy viên mục thú Lạng Châu ra oai, công chúa Bình Dương cảm như giới võ lâm Thăng Long bị xúc phạm, nàng đã bắn một mũi tên chẻ đôi đuôi tên của Thân Thiệu Thái, khiến viên mục thú này khiếp sợ.

Thái tông biết công chúa có tài thiện xạ, nhưng đâu phải tới mức Hậu Nghệ<sup>1</sup> như bữa đó. Nhà vua cho sự xuất thân này cũng là một cơ duyên. Nếu không, tại sao mũi tên của công chúa lại chui được vào đuôi tên của Thân Thiệu Thái, và nằm êm ru tại đó. Chính vì thế, công chúa tuy còn nhỏ tuổi, nhưng nhà vua đã cho hứa hôn với viên mục thú tài danh này.

Để chuẩn bị cho công chúa về với Thân Thiệu

---

1 Truyền thuyết cổ đại nói Hậu Nghệ có tài bắn rựa cả mặt trăng.

Thái, nhà vua cho gấp rút rèn dạy công chúa không phải chuyện tề gia nội trợ, công, dung, ngôn, hạnh, mà là rèn luyện cho tinh thông võ nghệ; lại sai Đô Sấn và các tướng tâm phúc trong ban Điện tiền giúp rập cho việc tập tành của công chúa.

Sang tuổi mười lăm, công chúa Bình Dương lớn vổng lên. Người cao, thân lẳn mình trắn. Công chúa không thuộc loại hoa nhường nguyệt thẹn. Nhưng rõ ràng nàng là một bông hoa vừa có hương vừa có sắc. Thật vậy, khi nàng thả suối tóc dài đen như mực phủ qua bờ vai tới thắt lưng, lại buộc một dây kim tuyến to bản, dính tới bảy hạt kim cương từ nửa đầu vòng về sau gáy, để giữ mái tóc mây, nom nàng vừa giản dị vừa gọn gàng xinh đẹp làm sao. Khác xa với các thiếu nữ khuê các, mái tóc họ xoắn buộc, bới chải tới cả chục lọn, mỗi lọn lại cắm một bông hoa và một chiếc trâm vàng dính ngọc. Thành thử mái tóc của các nàng thoạt nhìn như một lẳng hoa đa sắc.

Công chúa có vầng trán cao, trước trán có một xoáy tóc. Mắt to, sáng với cặp mi cong, lông mày đen mượt chạy tới đuôi mắt. Đôi má hơi bầu bầu, da trắng hồng hơi nhuốm nắng. Công chúa Bình Dương thường vận áo ngắn, cửa tay rộng may bằng một thứ lụa mỏng mềm, màu thiên thanh, trước ngực thêu một bông sen màu hồng hoặc một con phượng múa, đôi khi là một



vàng mây bằng các sợi vàng thay chỉ. Thường công chúa vận váy cùng màu áo, gấu váy thêu một đường viền thủy ba dợn sóng bằng chỉ bạc. Nếu cưới ngựa, công chúa thắt thêm một dây lưng lụa bạch ngang thân và dắt bên mình chiếc quạt thước, vừa làm roi ngựa, vừa làm tàn che nắng và khi cần nó là chiếc đoản côn.

Tính tình công chúa dứt khoát, mạnh mẽ như tính con trai, chứ không ủy mị thướt tha. Các việc, công chúa thường tự làm lấy, dám nô tì đi theo thường làm bạn hơn là đi hầu.

Công chúa được nhà vua và mẫu hậu cho hay, năm mười sáu tuổi sẽ thành thân với châu mục Thân Thiệu Thái. Nàng mặc nhiên vâng mệnh, không vui mà cũng chẳng buồn.

## IV

Vua cho triệu quan Khu mật viện Mai Mạnh Minh vào cung Long Thụy bàn việc nước.

Mạnh Minh từ ngày về triều được vua tin dùng, cho coi sóc Khu mật viện. Công việc lúc đầu chỉ là giám sát lục bộ, các đài, sảnh, viện và tư cách các quan để đo lường sự tận tâm với công việc, và lòng trung quân, ái quốc của mỗi người. Thực ra cơ quan này chưa làm được cái phận sự cao quý ấy, mà công việc của họ, nói cho cùng là chỉ do thám nội bộ. Đôi khi vì đố kỵ riêng tư, hoặc thâm thù nhau, thì đặt điều cáo giác, hoặc gài bẫy để hại nhau.

Mạnh Minh đã xin với hoàng thượng lựa người có tri thức, có lương tâm và công tâm vào thay thế. Công việc đang đi dần vào nền nếp, nên các đồng liêu nhìn Mạnh Minh có phần kính nể. Mạnh Minh muốn làm thật tốt công việc, để các quan phải thừa nhận, hoàng

thượng đặt người đứng chỗ chứ không vị tình riêng.

Nay bất chợt vua cho gọi, không biết có việc gì. Vừa trông thấy Mạnh Minh bước lên thêm ngọc, vua đã vội chạy ra đón vào kỹ.

Mạnh Minh vừa mở lời: "Tâu hoàng thượng", vua đã giơ tay bịt miệng.

- Mạnh huynh, ta và huynh vốn là tình bạn cũ, nay lại là anh em. Tình thì như vậy, phận lại là vua tôi. Hôm nay, ta muốn sống lại trong tình bạn thời niên thiếu, chứ lúc nào cũng "bệ hạ" với "thần", hoặc "ta" với "khanh" nó thế nào ấy. Ta cảm thấy nó giả giả chứ không thật đâu. Hoặc nó thật sự giả đã được thừa nhận như là một định chế, một phép tắc. Ta biết, huynh khó xử. Nhưng tại sao ta lại không thể trở về với chính ta thuở trước.

Không phải Mạnh Minh không muốn thế. Nhưng cái phận vua tôi nó lớn quá, nó là cả một trời cách biệt, sao có thể trở về với cái thời niên thiếu với xa kia được.

Mạnh Minh mím cười. Nụ cười trong veo, chẳng cầu cạnh, chẳng lấy lòng ai. Song thật là khó. Khó nói, khó gọi ngay từ cách xưng hô.

- Bệ hạ! Đạo thần tử, thôi thì trời đã sắp đặt vậy, không thể bỏ lễ vua tôi được đâu. Thần biết bệ hạ thực

lòng. Nhưng lẽ là đầu mối của cương thường, sao có thể làm khác được.- Mạnh Minh nhìn nhà vua hỏi. - Thần không biết có điều gì hệ trọng bệ hạ cho triệu.

- Ta muốn bàn với huynh một vài việc. Vì chỉ có tình huynh đệ hoặc tình bằng hữu bàn bạc nó mới chân tình. Chứ cứ động một tí là "ý chỉ", hoặc "dụ bảo" thì chẳng đi tới đâu. Ngay ở triều đình cũng thế, ta muốn hỏi, muốn bàn với mọi người, thì mọi người lại đòi ta quyết. Trong khi ta còn phân vân chưa biết quyết thế nào cho phải, cho đúng, thì các quan lại hô "Bệ hạ vạn tuế!".

Ta cho đó là chỗ dở của các quan. Nếu cứ kéo dài như thế, tới một ngày nào đó ta tưởng là ta sáng suốt thật. Và triều đình sẽ bị ta áp đặt thuần những điều ngu tối. Bởi ta đã nghĩ thay cho cả nước. Và mọi phán quyết cũng chỉ một mình ta. Vậy ta mong quý hữu và các quan giúp ta trở thành một người biết lắng nghe.

- Nếu lòng bệ hạ muốn thế, vua tôi sẽ gân gùi, thần dân của bệ hạ chắc được nương nhờ.

- Bữa nay ta muốn hỏi Mạnh huynh mấy việc. Hoặc là ta đang muốn làm, hoặc ta còn phân vân. Nhưng bạn phải đặt mình vào hoàn cảnh của ta kia. Chứ gọi là quyết, thì việc gì ta quyết mọi người chẳng phải nghe. Mà đã quyết thì hay dở gì đều đổ lên đầu dân cả. Cho nên Mạnh Minh cứ nói thẳng điều mình nghĩ, không

phải tìm lời, lựa ý để làm vừa lòng ta.

- Bệ hạ, điều nói thẳng thường khó nghe đấy. Lịch sử cổ kim đã biết bao người rơi đầu về việc liều chết can vua. Thần đã biết sợ.

Nhà vua cười phá lên. Giọng cười thật là cởi mở. Vua đẩy chén rượu gần về phía Mạnh Minh mời: - Nào ta uống. Vừa uống vừa nói chuyện như những người dân trong hương ấp. Ta thử làm dân một chút xem sao.

Nhà vua nói "thử làm dân": Mạnh Minh thấy bật cười. Ví thử có ai đó nói " thử làm vua " thì cơ sự sẽ xoay ra như thế nào. Chắc là phải lột da nhồi trấu, hoặc voi dây, ngựa xé, hoặc là tùng xẻo, hoặc là tuốt nửa...

- Tâu bệ hạ, nếu bây giờ trong dân chúng, họ ban hành một quy ước " Để giữ gìn cho nơi thôn ấp được đậm đà hương sắc, từ nay nghiêm cấm mọi người không có nguồn gốc làm dân tới ba đời, không được tự tiện mạo xưng là dân". Giả dụ việc đó xảy ra, bệ hạ nghĩ sao?

- Nghe huynh nói thật thú vị, nó ngộ ngộ như thời Nghiêu - Thuấn. Nhưng thôi, ta hỏi huynh mấy việc:

- Từ khi ta kế vị, trong quan, trong dân, trong giới thiền sư, đạo sĩ có dị nghị gì không.

- Ta có nên tha tô thuế cho dân vào lúc này không.

- Làm thế nào để cho nền kinh tế trong nước mọi thứ của cái đều dồi dào.

- Làm thế nào cho binh được mạnh.

- Các cơ quan then máy của triều đình, các lộ, các trấn như thế đã được chưa hay cần phải thay đổi, thêm bớt gì không.

- Làm thế nào để triều đình thật sự gần dân, nghe được tiếng nói đích thực của dân.

- Những vùng xa xôi khuất lấp, dân đã hết đói chưa. Bọn xã quan, huyện quan có còn bức bách dân nhiều không.

Mạnh Minh suy nghĩ giây lâu rồi đáp:

- Bệ hạ, các điều bệ hạ hỏi đó là công việc của cả một triều chính. Sức một người sao có thể bao quát được. Mỗi loại công việc, thuộc sảnh, đài, viện nào, bệ hạ giao cho người đứng đầu phải lo. Họ phải đệ trình bệ hạ các công việc mà bệ hạ đòi hỏi, người thay mặt bệ hạ kiểm xét, đôn đốc các công việc mà bệ hạ đòi hỏi, chính là Thái sư.

Thái sư là người đứng đầu nội các phải biết mọi mặt hoạt động của bộ máy triều đình.

Về phần mình, thần xin nhà vua cho đi kinh dinh các lộ vài ba tháng, khi về thần sẽ có nhiều điều trình bệ hạ. Duy có một điều thần có thể trả lời bệ hạ ngay được.

Tức là bệ hạ hỏi " làm thế nào để triều đình thực sự gần dân". Câu trả lời là "Bình dị cận dân", tựa như hỏi bệ hạ đi mở phủ ở Tam Sơn ấy. Bệ hạ đem tinh thần ấy giáo hoá cho triều quan thì lo gì việc xa dân. Và lại, gần dân là ở tấm lòng yêu dân. Các quan không có lòng yêu dân thì có ở cận kề vẫn cứ là ngàn trùng cách biệt.

- Đúng là các việc ta hỏi Mạnh Minh là việc của thái sư Lương Nhậm Văn. Tiếc rằng tới lúc này Văn không còn đủ sức bao quát công việc nữa.

- Biết thế, sao bệ hạ còn đưa ông ấy vào đứng đầu chính phủ. Và lại thái sư tuổi cũng đã cao.

- Đúng là Mạnh Minh mới chỉ biết cái khó của ta, chứ chưa hiểu hết được nỗi khổ của ta.

Lương Nhậm Văn, Trần Cảo cùng nhiều người khác nữa, đều là bề tôi tâm phúc của tiên đế dưới triều Lê Long Đĩnh. Khi Ngọa triều mất, quân thần tôn phò tiên đế lên ngôi vua. Với tiên đế, họ vừa là đồng liêu vừa là ân nhân, vừa là khai quốc công thần. Cho nên dưới triều Thuận Thiên vừa lập, tiên đế đã phong Trần Cảo làm Tướng công, hàm như tể tướng bây giờ. Đào Cam Mộc được phong nghĩa tín hầu, lại đem trưởng công chúa gả cho. Và Lương Nhậm Văn bổ vào chức viên ngoại lang, cùng với Lê Tái Nghiêm là hai người đầu tiên cử đi sứ nhà Tống, kết mối giao hảo cùng thăm dò xem vua tôi Tống Chân tông có dị ý gì với triều Thuận Thiên không,

để còn có đối sách.

Trần Cao đã cáo lão. Một số triều quan khác phần tuổi cao sức yếu, phần kém cả tài năng và phẩm hạnh; ta đã ban lộc hậu, lại ban các tước nhàn tản để dương danh và cho về quê quán hưởng nhàn.

Chẳng nhẽ tiên đế vừa băng, triều Thiên Thánh xác lập mà không chấn chỉnh nội các sao. Chẳng nhẽ vì chấn chỉnh nội các mà đưa hết cả những bậc khai quốc công thần ra khỏi triều chính sao.

Đấy, cái khổ của ta là ở chỗ đó. Ta nghĩ dần dần phải đưa được người vào thay thế. Ta mong Mạnh Minh sẽ giúp ta tìm cho được các bậc chân tài hoặc vì mặt cảm, hoặc vì thích nhàn mà chưa chịu ra giúp đời.

Soạn sửa vài bữa xong Mạnh Minh tới chầu nhà vua để đi kinh dinh các trấn, lộ. Tiễn Mạnh Minh ra cửa khuyết, tay vịn vai bạn, tay đẩy thành xe, vua nói:

- Những gì cần ta đã nói cả với tôn huynh. Mong huynh đi mạnh khỏe, ngày trở về có nhiều điều mới lạ.

Khi xà ích sắp ra roi, nhà vua vội móc túi đưa cho Mạnh Minh cái chỉ bài – “Huynh cầm lấy, phòng khi bất trắc có viên quan nào cứng đầu làm điều ngang ngược, huynh cứ thẳng tay trị tội hoặc áp giải về triều.”



Lịch trình Mạnh Minh đi sẽ là vùng ải bắc, rồi vòng về vùng bể miền đông bắc. Nhưng trước khi lên vùng ải bắc, tiện đường, Mai Mạnh Minh ghé Tam Sơn thăm lại song thân.

Về nhà trình lạy cha mẹ xong, Mạnh Minh thăm lại vợ, con. Hỏi han Mai phu nhân về sự phụng dưỡng song thân, về việc học hành của các con, cả việc cấy cày mùa vụ, lại nữa, kẻ ăn người ở trong nhà có trung thành, có chăm chỉ. Trước kia, phần lớn công việc trong nhà đều do Mạnh Minh cáng đáng. Phu nhân chỉ lo tề gia nội trợ, phụng dưỡng song thân. Nhưng từ ngày vua mới lên ngôi, vị tình tôn tộc, lại triệu thỉnh về triều, giao việc nước. Vì thế, mọi việc trong nhà đều dồn trút lên đôi vai mảnh mai của phu nhân.

Thấy chồng săn sóc, hỏi han, lại tỏ ra băn khoăn, thương nỗi sớm hôm vất vả, phu nhân cảm động nói:

- Thiếp có phúc được làm dâu nhà họ Mai. Lại có chồng làm quan cực phẩm. Có em chồng là hoàng hậu đương triều. Người ta nằm mơ cũng không được điều đó. Vậy thiếp có vì chàng mà gánh vác việc gia đình, âu cũng là niềm phúc hạnh cho thiếp. Xin chàng cứ yên tâm hầu hạ nơi bệ ngọc, thêm rộng.

Nhân tiệc tẩy trần, quốc trưởng Mai Trọng Hựu dẫn chén mỹ tửu do nhà vua gửi biếu xuống mặt kỹ, vuốt râu tới ba lần, nhìn thẳng vào gương mặt vốn phúc

hậu của người con trai, ông hỏi:

- Này anh cả!

- Dạ, thầy có điều gì dạy con ạ.

- Sau cái loạn tam vương ấy, Thăng Long bây giờ yên chưa?

- Dạ thưa thầy - Thăng Long vẫn yên ổn, bình thường.

- Thế các vương, ngoài hoàng tử Vũ Đức thọ tử, còn các vương khác bây giờ ra sao. Có ai bị cầm tù không?

- Dạ thưa thầy không ạ. Nhà vua tha tội hết cho các anh em, lại cho giữ chức cũ, duy có điều không được lập phủ binh riêng thôi ạ.

- Giỏi! Thế là vua giỏi đấy. Vừa tránh được tội ác giết anh em, vừa tránh được cái họa cát cứ. Ông Hựu ngừng lời đưa tay vuốt chòm râu dài tới ngực trắng như cước. Ông có cái vẻ dáng của một người mãn nguyện. Cầm lấy chén rượu, nom cái màu hồng trong chén bạch ngọc, mùi thơm ngọt ngào nhưng rất khó phân biệt, ông chịu không biết nó là một thứ nguyên liệu gì. Khẽ hớp một vài giọt để ngậm nơi đầu lưỡi. Rượu tan vào trong họng, gây cảm giác ấm dịu và mùi hương quyến với men nồng đưa lên tận óc. Ông Hựu vẫn giữ chén rượu trong lòng tay. Ông lại nhìn Mạnh Minh, Trọng Mẫn và bảo:

- Anh cả, thầy cho hai anh em mỗi người một chén hồng đào mĩ tửu vua ban. Các anh uống rồi nói thầy nghe, rượu này chế từ nguyên liệu nào. Hai anh em bê chén rượu lên tạ ơn cha rồi cùng ngửa cổ tu cạn.

Uống xong, suy nghĩ giây lâu, Mạnh Minh nói:

- Thưa thầy, rượu thơm ngon tinh khiết, nhưng hơi nặng. Con không phải loại người biết thưởng thức rượu, nên cũng không thể biết nó chế từ cái gì. Vả lại thầy thường dạy anh em con không được rượu chè bê tha.

- Ấy là thầy răn các con khi chưa tới tuổi thành niên, công danh chưa thỏa. Nay con đã là quan lớn của triều đình, đã tới cái tuổi tam thập, thầy không can dự vào mọi việc của các con nữa. À, thế còn Trọng Mẫn, con không nói cho thầy biết cảm nhận của con sau khi uống.

Trọng Mẫn cười xòa:

- Thưa thầy, con mới được uống một chén tí xíu, nó trôi tuột vào bụng trước khi con kịp nhận ra là con được uống rượu quý, nên con quên mất cảm giác rồi ạ. Thầy phải cho con tu cả chai, may ra con mới nói được gần đúng về một cái gì đó.

Mai ông vẫn ưa cái tình hóm hỉnh của Trọng Mẫn. Ông cầm lấy chai mĩ tửu, xoáy nút cho chặt thêm. Ông bảo. - Để rồi thầy còn mời các bạn thầy, mỗi người một chén. Rượu quý, lộc vua không thể uống một mình.

Bacha con ăn uống, nói cười vui vẻ. Chợt Mai ông hỏi: Vậy chứ Mạnh Minh, con không nói cho thầy biết về em con, cùng các hoàng tôn của ta thế nào à?

- Thưa thầy, em con bây giờ là hoàng hậu. Theo lễ vua tôi, con không được phép tự tiện đến thăm em. Còn các cháu thì hoàng tử Nhật Tôn đã được phong Đông cung thái tử. Tức cháu sẽ là vua kế nghiệp. Lại được sách phong làm Khai Hoàng vương, sẽ cho ra ở cung Long Đức. Hoàng tử Nhật Trung, sách phong Phụng Càn vương, sẽ cho ra ở ngoài cửa Trường Quảng. Vua mới cũng theo về nề nếp của Thái tổ muốn cho các con mình được ở gần dân.

- Anh cả ở nhà với thầy được bao lâu?

- Dạ, con về thăm thầy mẹ, sáng mai con xin phép lên đường sớm.

- Anh cả lại lai kinh à?

Dạ, thưa thầy, con lên biên ải.

- À ra thế. Thôi thì anh đã là người của triều đình, anh phải làm việc cho triều đình. Nói xong Mai ông xuống nhà nghỉ.

Khi cha vừa đi khỏi, Mai Mạnh Minh hỏi em trai:

- Nhân đây anh muốn hỏi em, em có thích về triều không, anh sẽ tiến cử lên hoàng thượng.

- Ôi may quá, em cũng đang định nói với anh điều đó.

- Anh ở Khu mật viện, anh biết còn nhiều chỗ khuyết, hoàng thượng cũng nói anh để ý tìm người. Vậy là anh em ta lại huynh đệ đồng triều, nhà thật có phúc, chắc là thày vui.

- Em định thưa với anh cả, để anh tâu lại với hoàng thượng, đừng bắt em làm gì hết. Em không thích làm quan đâu. Em không có chí làm quan.

Mạnh Minh không khỏi kinh ngạc:

- Hay em có ý giận anh, giận em gái vì cất nhắc em hơi muộn.

- Không đâu! Không phải như vậy đâu anh cả.

- Vậy chứ em học nhiều thế để làm gì.

- Thày chẳng bảo cho anh em mình đi học để biết làm người sao. Vả lại nhà có hai anh em trai, thày mẹ già ngày một yếu, anh đi rồi em phải ở nhà phụng dưỡng cha mẹ già chứ. Đã bảo em không thích làm quan. Em chỉ thích đi săn thú thôi. Về triều thì đâu đi săn được. Thôi nhé, đừng có ép em phải làm quan cách gì hết. Bây giờ anh đi nghỉ đi, lát nữa em vào rừng đấy. Kia kia, đồ nghề em sắp cả rồi. Chốc nữa, anh em trong phường săn, họ ới cái là em đi liền.

## V

Quan Khu mật sứ lên tới Lạng Châu là vào thẳng trại quân của viên Đô thống.

Đô thống tiếp chỉ của nhà vua, bèn đặt lên hương án vái ba vái, rồi mở ra đọc. Nhìn Mạnh Minh với vẻ kính cẩn, y nói:

- Quan đi thị sát biên ải.

- Phải, ta đi thị sát.

- Vậy mời quan ngài sang dinh quan Thân châu mục, để hai ngài đàm đạo rồi ngày mai đi vẫn chưa muộn.

- Đa lễ! Ông Đô thống đa lễ quá. Ta muốn đi thị sát ngay. Xong việc biên ải, ta sẽ về làm việc với châu mục sau.

Đô thống có vẻ băn khoăn. Mai Mạnh Minh bèn chỉ vào tờ chiếu nói:

- Ông Đô thống đã đọc chỉ dụ của hoàng đế rồi chứ.

- Dạ bẩm hạ quan đọc rồi ạ.

- Vậy sao ông còn chưa dẫn ta đi.

- Bẩm thượng quan, ta dùng bữa xong rồi mới đi chứ ạ.

- Không cần đâu ông Đô thống. Bọn ta có đem theo đồ ăn. Tới một đồn biên ải nào đó, ta dừng lại cùng ăn với những người lính thú cũng được chứ sao. Đoàn của ta có ba người, tất cả đều đi ngựa. Có nhẽ Đô thống cũng nên đem theo vài người lính tùy tùng cùng đi ngựa cả cho tiện. Còn ăn uống đàng hoàng thì chờ khi nào xong công việc hãy hay.

Mai Mạnh Minh cùng hai gã tùy tùng đều cỡi ngựa sắc tía. Tất cả đều vận theo lối dân thường may bằng vải thanh cát, đầu đội nón chóp trắng có khua. Mỗi người tùy tùng một túi vải nâu đeo vắt qua thân, đựng thức ăn. Quan khu mật sứ đeo túi vải thanh cát, trong đó đựng vài thứ giấy tờ, vài cuốn sách. Đô thống và hai lính tùy tùng cũng cải dạng như người dân địa phương. Họ cỡi ngựa nhưng không đồng sắc. Viên đô thống cỡi con ngựa sắc đen. Hai tên lính đưa cưỡi con ngựa bạch, đưa cỡi con ngựa lang, cả ba thầy trò đều vận theo kiểu người Nùng, áo quần đều may bằng vải

thô, nhuộm chàm.

Khác với ba người cỡi ngựa tía chân đi giày vải, những người Nùng đi chân đất, đầu đội nón đan bằng cật tre. Nón trắng, vành thật rộng, nom như họ đội cả một cái nia ở đầu.

Sáu người, sáu ngựa đi xen kẽ. Nom như những người lái buôn ở dưới xuôi lên, cùng với thương nhân Nùng đi tìm mua hàng. Họ thường mua quế, hồi, thảo quả, sa nhân. Đôi khi họ còn mua cả dược liệu quý để bán sang Tàu như hà thủ ô, ba kích, sơn thù, nhục đậu khấu, thạch xương bồ, dâm hương hoắc, ké đầu ngựa, mã tiền... Nhưng đầu bảng vẫn là thạch xương bồ, dâm dương hoắc, ba kích. Những thứ khác chỉ là kèm. Thông thường không có ba kích họ không mua. Mới hay người Tàu họ chuộng nhất là những thứ kích dương, kích dục. Mua rồi họ sao tẩm, pha chế, lại xuất sang ta, gọi là thuốc Bắc, giá cao gấp mấy chục lần, người mình vẫn hùng hục mua. Lại còn khen thuốc Bắc hay hơn thuốc Nam.

Biên cương rừng nối rừng trùng trùng điệp điệp, lên cao xuống thấp là ở thế núi. Ngút ngàn chỉ một màu xanh lá. Trên đỉnh rừng, sương khói giăng giăng mờ mịt. Đoàn người ngựa đi lọt thỏm trong rừng đại ngàn, quanh co, len lách theo những nẻo đường mòn. Chỉ nghe tiếng suối chảy lúc thì à à như tiếng sóng biển vỗ từ xa, lúc lại róc rách từ núi cao chảy ngoằn ngoèo theo



các khe đồi hòa vào suối lớn. Ngoài tiếng suối còn nghe được tiếng chim hót. Chim đủ loại, nhưng hót chỉ có mấy loài như họa mi, liêu diêu, chào mào, vít chề... Đôi khi còn nghe cả tiếng bìm bịp kêu vang vang khắp các cánh rừng. Hoặc đêm xuống nghe tiếng cú rúc đến rợn cả tóc tai. Đêm mùa xuân còn nghe được cả tiếng mang tác, tiếng nai gò. Đôi khi bắt gặp trong gió thoảng tiếng hú gọi của cả một bầy sói, tiếng hổ gầm từ xa. Nhưng đi về bất cứ cánh rừng nào, đều nghe được tiếng chim "bắt cô trói cột", cứ từng âm một nhà ra nghe đến nực cười. Nhưng ai oán nhất vẫn là tiếng chim tìm vẹt.

Dường hẹp, chủ yếu là đi theo những vệt mòn, nên chỉ đi được một hàng ngựa. Lại phải đi cách nhau chừng vài ba sải. Nếu không những cành lá do ngựa đi trước ngáng, khi vút qua, nó quật lại, mà quất đúng mặt người đi sau, đau tê đau tái. Vì vậy phần lớn cung đường, quan khu mật sứ không thể trò chuyện với viên Đô thống được. Đi chừng vài chục dặm bắt gặp một thung lũng lấp ló những nếp nhà sàn, khói chầm chậm bay lên từ đỉnh nóc. Tự nhiên Mai Mạnh Minh cảm thấy một sự ấm áp. Càng đến gần thung lũng càng hiện rõ như một bức tranh màu. Năng từ đỉnh trời, gico xuống từng chùm ánh sáng vàng tươi, trong như hổ phách. Các vườn nhà, hiện rõ dần những cây hồng phơi một màu quả đỏ như son. Những cây cam trầu quả đang chuyển

mã sang sắc vàng, và bươi vẫn còn lúc liu những trái tròn nặng trĩu. Một tiếng gà gáy trưa, rồi vang lên cả chục tiếng gáy, khiến cả thung lũng bừng lên sức sống. Một đàn trâu chừng hai chục con đen chũi, loáng thoáng vài con trâu trắng lẫn vào đang cúi đầu gặm cỏ phía bìa rừng. Tiếng lục lạc phát ra từ nơi cổ mỗi con trâu, cứ thả đều đều theo nhịp trâu gặm cỏ. Thỉnh thoảng có một vài con ngừng đầu nhìn ngơ ngác, nghiêng sừng rồi lại cúi đầu miệt mài gặm cỏ. Cảnh như mời gọi. Mai Mạnh Minh vút ngựa lên đuổi kịp Đò thống. Ghim cương ngựa đi song hàng, tay trở roi xuống bản, quan Khu mật sứ hỏi :

- Đò thống à, đây là bản nào đó?
- A, bản Báo Lâm mà! Nó giàu lắm đấy.
- Ta ghé vào bản được không?
- Được chứ. Quan trên muốn ghé đâu chả được.

Cột ngựa ở ngoài đầu dốc, cả đoàn đi bộ vào trong bản. Viên Đò thống dẫn đi theo con đường quanh mép suối. Nước trong suốt đáy. Những viên cuội tròn vo. Thỉnh thoảng có hòn đá to như một con trâu mộng, nằm chênh ềnh giữa suối, phân đôi dòng nước. Một đàn cá thung thăng lội ngược dòng. Bên kia bờ suối là vách rừng. Mạnh Minh ngựa cổ vẫn không nhìn thấy dinh rừng. Thảng bất gặp một máng nước bắc bằng nửa

cây tre bương, nối dài từ tít tận một khe nước nào đó không bao giờ cạn. Những máng nước ấy dẫn vào từng nhà, từng vườn. Vừa làm nước ăn, nước rửa của các gia đình vừa là nước tưới cây. Loáng thoáng từ một khe đổ xuống, lại có một cối giã gạo bằng sức nước. Mạnh Minh đã đi nhiều, ngay quê mình cũng có rừng, có suối, nhưng chưa bắt gặp ở đâu có một thung lũng đẹp mà trù phú như ở đây. Mạnh Minh có cảm giác như cảnh này từ trong các truyện cổ tích, mà các bà tiên vừa hóa phép cho hiện ra.

Một lát, Đô thống dẫn cả đoàn vào nhà ông trưởng bản. Lấy roi ngựa gõ nhẹ vào chân cầu thang nhà sàn, Đô thống cất tiếng gọi:

- Ông Ké, ông Ké ! Xuống nhà đón khách quý mau mau!

Một ông già dáng người quắc thước, chạy từ trên sàn tới đầu cầu thang nhìn xuống.

- Úi a quan Đô thống! Quan Đô thống ! Tôi xuống ngay đây.

Ông quay vào trong nhà quàng vội chiếc áo dài ra đứng đầu cầu thang vái dài:

- Mời quan Đô thống, mời các quan lên nhà.

Quan Đô thống mời thượng quan đi trước.

Mai Mạnh Minh bước lên hết bậc cầu thang, bèn

cúi đầu xá một xá:

- Chào ông Ké! Chúc ông và cả nhà mạnh khỏe, nhiều của, nhiều người.

- Úi a, quan lớn ở Thăng Long lên á? Chủ nhà nháy mắt về phía viên Đô thống, tay chỉ vào quan Khu mật sứ hỏi.

Đô thống gật đầu, nắm tay ông Ké bước vào nhà.

- Sao ông Ké biết khách từ Thăng Long tới,- quan Khu mật sứ hỏi.

Ông già cười khanh khách đáp:

- Biết chớ. Ông chỉ vào đôi bàn chân trắng, các ngón thon, gót mịn của quan khu mật sứ. Lại chỉ vào gương mặt trắng hồng và mập mạp của quan ngài - Những cái này nó biết nói mà.

Ông già vào góc nhà bê ra một vò rượu. Chiếc vò sành da lươn, to bằng quả mít, nút chặt bằng lá khô cuộn tròn. Lại bê ra một chõng bát để cạnh vò rượu. Ông trở vào bếp, nơi có bếp than củi đang cháy đỏ rực, trên chỉ đặt một ấm nước đang sôi. Nước sôi trào qua vòi rơi xuống đám củi cháy bốc hơi sèo sèo. Ông già bắc ghế lấy xuống một gói to, bọc mo cau, khổi ố vàng, ông lần lượt bỏ ra ba tảng thịt khô, mỗi tảng to bằng hai bàn tay. Bỏ ấm nước ra ngoài, cời bếp tãi than hồng ra, ông đặt từng miếng lên đám than đang rừng rực đỏ.

Như có phép lạ, miếng thịt nở to ra, phẳng phiu. Mùi thơm khiến mũi khách phập phồng... Nóng đến đâu, thịt phồng lên đến đấy, miếng thịt chuyển dần từ màu nâu xỉn sang màu hồng, nom như thịt tươi. Trở đi trở lại một hai lần, lại nướng sang miếng khác. Khi nướng xong cả ba miếng, ông già đặt vào chiếc khay gỗ, bê ra chỗ sàn khách ngồi. Chiếu đã trải.

Từ lúc nào, Mạnh Minh đã thấy ở phía đầu nhà đằng kia, cũng có một chiếc cầu thang. Ông để ý, chỉ có trẻ con, đàn bà đi cầu thang đó. Còn chiếc cầu thang ông vừa lên là của đàn ông, và cũng là cầu thang đón khách... Trong sàn, rộng mênh mông, không ngăn ra từng buồng, nhưng có để từng ô. Mỗi ô là một đồng chắn, gối; đây là chỗ ngủ riêng của từng người, tựa như mỗi căn buồng của người Kinh ở dưới xuôi.

Ông Kế đặt bát, mở nút vò rượu, rót đầy ba bát. Ông nâng từng bát mời hai vị quan trên :

- Mời các quan uống rượu. Chốc nữa ăn cơm.
- Tôi và quan Đô thống còn mấy người nữa đi theo, cho họ uống rượu cùng được chứ, quan Khu mật sứ hỏi.

Ông già cười vui, nói năng hoạt bát: - Chúng nó đang ăn uống ở dưới sàn rồi.

- Tôi có đem theo đồ ăn. Ông Kế không phải nấu

cơm nữa đâu, quan Khu mật sứ lại nói.

Ông Ké xịu mặt lại:

- Không được đâu. Đến nhà người Nùng không uống rượu, không ăn cơm là khinh chủ nhà đó.

Mạnh Minh biết đây là phong tục của đồng bào, phải tôn trọng.

- Được mà ông Ké, đồ ăn chúng tôi để lại. Bây giờ uống rượu, ăn cơm nhà ông Ké thôi.

Ông già vui lắm! Ông cười rung cả hàng ria mép. Những giọt rượu nom như những hạt sương đọng trên ria mép ông Ké, cứ rụng dần theo nhịp cười của ông.

- Thịt nai đấy, ngọt lắm. Mời các quan nhắm với rượu. - Vừa nói, ông Ké vừa đẩy về phía các quan, mỗi quan một miếng to tướng.

Trong khi vui rượu, quan khu mật sứ hỏi:

- Ông Ké à, bản mình sao gọi Bảo Lâm?

Mặt ông Ké chợt sáng rực lên, tu hết bát rượu, lại xé một miếng khô nai, nhai thật kỹ, nuốt xong rồi ông mới nói:

- Bảo Lâm, các cụ đặt tên này từ ngày xưa đấy. Bảo Lâm là rừng quý. Bây giờ vẫn còn nhiều rừng quý. Rừng hồi này, rừng quế này, rừng thảo quả, sa nhân này. Rừng lim, rừng lát. Lát hoa mọc trên núi đá còn chắc hơn cả lim, mà đẹp thì chẳng gì có thể so sánh

được. Bản nhỏ này ở dưới thung lũng, được bốn xung quanh đều là rừng quý rớt của xuống cho. Dân sống bằng lộc của rừng quý, nên quý rừng lắm. Mùa xuân không ai được phép chặt cây. Mùa măng không được hái. Mùa thú động hớn không được săn bắn. Mùa cá đẻ không được ra suối. Ai vi phạm dân bản đuổi đi, không cho ở Báo Lâm nữa.

Quan Khu mật sứ thăm nghĩ: Ôi phong tục của người Nùng sao mà đẹp thế. Ước chi nó trở thành luật lệ quốc gia. Mai Mạnh Minh chịu nghe người già nói, và khéo gợi để người kể chuyện không mất đi sự say sưa hứng thú.

Cụ già kể chuyện rất có duyên, tinh thần cụ vẫn minh mẫn, khiến người nghe không chán. Mai Mạnh Minh hỏi khê viên Đô thống:

- Ông Ké đã gần bảy mươi tuổi chưa?

- Sao lại bảy mươi, ông Ké chín mươi một tuổi rồi đấy. Ông Ké rất thính tai, nghe khách hỏi ông đáp luôn mà không cần viên Đô thống hỏi lại.

- Chín mươi một tuổi, ông Ké có nhớ nhầm không đấy.- Quan Khu mật sứ có vẻ nghi ngờ về số tuổi của ông già quá cao, trong khi ông còn rất khỏe, ăn khỏe, uống khỏe, trí nhớ chính xác, tai mắt tinh tường.

Thấy khách còn chưa tin, ông Ké cười hóm hỉnh.

Không tin thì thôi nhé. Ông Ké Bảo Lâm cùng dè một ngày với ông Ké Nà Lầu. Bố ông Ké Nà Lầu có cái chữ ghi lại vậy mà. Ông Ké Nà Lầu mới chết năm ngoài chín mươi tuổi, thì năm nay ông Ké Bảo Lâm phải chín mốt tuổi chớ.

Mạnh Minh mỉm cười gật gật, tự tay ông rót đầy ba bát rượu và nói- Xin chúc mừng sức khoẻ của ông Ké, chúc mừng tuổi thọ của ông Ké.

Ông vui lắm, uống một hơi cạn bát rượu, lại nói:

- Ta sống 91 tuổi trời cho, lần đầu tiên trong đời có quan lớn từ Thăng Long ghé chơi nhà mình. Lần đầu tiên được uống rượu với hai quan lớn, ông Ké có chết cũng vui rồi.

- Ông Ké à, quan Khu mật sứ hỏi.- Vừa rồi ông có nói ông Ké Nà Lầu. Vậy Nà Lầu cũng là một bản người Nùng à!

- Đúng đó! Nà Lầu là bản của người Nùng, nó ở gần đây mà. Nhưng Nà Lầu to đấy, nó nhiều ruộng, nhiều rừng, nhiều người hơn Bảo Lâm.

Ngẫm nghĩ giây lâu, Mạnh Minh lại hỏi:

- Ông Ké à, Bảo Lâm là rừng quý, thế Nà Lầu nghĩa nó thế nào.

Ông già lại cười rung cả hàng ria mép: - Úi a, quan lớn Thăng Long như một đứa trẻ thôi, cái gì cũng hỏi.



Nà Lầu trước kia tên nó không phải như thế đâu. Nhưng tên nó là gì chẳng ai còn nhớ được nữa. Chuyện này xảy ra lâu lắm rồi, phải mấy trăm năm, mấy chục đời người rồi. Thấy báo trước kia người Tàu ở phía bên kia kia, ông Kế vừa nói vừa chỉ tay về phía biên ải,- thường kéo nhau sang tranh lấn đất ruộng của người mình ở bên này. Có khi mình cấy, lúa chín chưa kịp gặt, đêm nó kéo cả trăm, cả ngàn người sang nó gặt trộm hết. Có chứ, có đánh nhau chứ. Mình đánh nó, mình đuổi nó. Nó đánh lại mình, nó cướp của mình. Dân mình kiện sang cả vua nó đấy. Nhưng vua nó không công bằng đâu, chỉ bênh dân nó thôi.

Có năm dân mình biết nó sắp sang gặt trộm lúa, thế là bí mật đào hào, đặt bẫy, cho người phục sẵn. Lửa nó vào gần hết rồi mới nổ pháo bốn bề, lửa đốt rục trời. Nó tháo chạy về như vịt vỡ đàn. Mình vừa bắt sống nó, vừa bắt nó sa hố, sa bẫy, nó vừa chết nữa. Nhiều lắm. Nó sợ chứ.

Sau nó cử người già sang gặp người già bên mình để xin lỗi, lại xin tha cho người nó bị bắt, xin xác người nó chết về chôn. Người già của ta bắt người già của nó phải hứa, từ nay người Tàu không sang lấy trộm lấy cắp của người Việt mình nữa. Lại bảo nó, đất này là đất của ta, đúng không. Người già nước nó bảo đúng rồi, đất của các ông.

Thế là trước mặt cả người già nước nó, người già mình bảo ta đổi tên bản này, đất này. Từ nay tên gọi Nà Lầu. Tên Nà Lầu có từ đây. Tiếng Nùng, “nà” là đất, “lầu” là ta. Nà Lầu có nghĩa là đất này của ta.

Quan lớn hiểu không,- ông Ké nhìn Mạnh Minh hỏi.- Từ ngày mình đặt tên Nà Lầu tới nay, nó không dám tranh đất của mình nữa.

Càng nghe ông Ké già nói, Mạnh Minh càng thấy nhiều điều bổ ích. Ông tự nghĩ: Việc giữ gìn biên cương, không có đội quân nào tài giỏi, mưu lược bằng chính những người dân địa phương. Quan khu mật sứ lại hỏi:

- Ông Ké à, bản mình đây đến biên ải bao xa?

- Gần lắm. Quan lớn nhìn kia kia, đất bên mình có rừng, đất bên họ không có rừng.

Mạnh Minh ước lượng theo đường chim bay, chỉ trên dưới bốn lí là cùng<sup>1</sup>. Ông lại hỏi:

- Vậy chớ Báo Lâm mình có bị họ sang ăn cướp, ăn trộm bao giờ không?

- Úi a, có đấy. Ông Ké nghiêng đầu, nheo mắt.- Cướp thì ít thôi. Đời tôi được biết có hai lần người Tàu sang ăn cướp. Ấy là những năm mùa màng của họ mất trắng. Người chết đói đầy đường. Nhiều nhà, nhiều

---

<sup>1</sup> Đơn vị đo lường thời cổ, khoảng 573 mét.

xóm chết chẳng còn ai. Họ mà sang cướp bên mình ấy à, bọn có gươm, có giáo đi trước. Đốt đuốc sáng rực như ban ngày. Đi sau, cơ man nào là đàn bà, trẻ con. Úi ơ, nó đã sang như thế, thì nó nhặt nhanh nhẩu như chùi. Đến chổi cùn, sọt rác nó cũng lấy hết. Nó đã sang cướp, kẻ như là cháy nhà.

- Thế còn ăn trộm thì sao?

- Trộm thì nhiều đấy. Trộm trâu nhiều nhất. Bản này có con đường đắp cao như một bờ lũy, người họ ở bên kia sang bắt trộm trâu dắt qua chỗ thấp nhất, bụng trâu cọ mòn vẹt cả bờ thành, người mình gọi chỗ đó là “quèn trâu”.- Ông già lại cười, nụ cười thật là cõi mở.

- Mình phải giữ trâu của mình, không thì lấy gì mà cày, kéo. Cũng chỗ quèn trâu đó, mình phục nhiều lần không bắt được nó. Nó khôn chứ. Đi ăn trộm là phái khôn rồi. Nhưng mình còn khôn hơn nó. Mình giả vờ thả một đàn trâu lớn cho nó ngủ ở bìa rừng, lại cho người rình xem nó có cho người sang thăm thú không. Người nó qua lại nhiều lần, mình biết là nó sắp lừa cả đàn tới ba bốn chục con của mình.

Thế là mình kéo hết người trong bản ra phục sẵn, lại mượn người giỏi võ ở xa về nữa chứ. Đêm ấy trời tối, mưa bụi bụi. Ờ, tháng giêng hai đấy. Mình lừa cho nó vào ổ phục, bật hồng lên, đánh giết không cho một đứa nào chạy thoát. Từ trận ấy, nó khiếp không dám

sang dất mình trộm trâu nữa. Có chớ, Ké phải đi đánh nó chớ. Ngày ấy Ké còn trẻ hơn quan lớn bây giờ nhiều, mới có hai chục tuổi thôi, tay cầm con dao phát, tay bặt ống hồng, đánh nhau lâu đấy. Chém nó sã vai. Nó không ngờ, vì nó định đi ăn trộm trâu thôi chứ không định đi đánh nhau, nên chỉ có dăm đũa đem dao rựa thôi. Chõ quèn trâu bây giờ vẫn còn đấy. Quan lớn có xem, mình dẫn đi.

Ông Ké lim dim đôi mắt, cặp mi bạc trắng, có nhiều sợi dài cong lên như một tấm phên thưa che cho đôi mắt già đã có phần hơi nhỏ lại vì sụp mi. Cặp mắt ông vẫn lim dim như cố nhớ hoặc cố quên đi một điều gì đó. Chợt ông Ké mở bừng mắt, miệng he hé cười, giọng nói vừa thân tình gần gũi, vừa cách biệt xa xôi - Quan lớn à, chuyện biên thù, biên ải kể cá đời cũng chẳng hết được đâu. Có khi nào người mình, người họ coi nhau như anh em một nhà không hả. Có chớ, nhưng ngày ấy mình không biết được đâu, quan lớn cũng không biết, không ai biết cả. Song ngày ấy có đấy.

Chia tay ông Ké bản Bảo Lâm, quan Khu mật sứ đòi đi thăm một vài đồn biên ải.

Viên Đô thống bèn dẫn quan đến thẳng đồn biên ải lớn nhất, và cũng là đường thông quan lớn nhất của hai nước. Sứ ta sang nước Tống, sứ nước Tống sang

nước ta đều phải qua cửa quan này. Lại nữa, mỗi khi nước họ xâm chiếm nước mình, đây cũng là cửa quan chính cho quân xâm lược tràn vào.

Mai Mạnh Minh ngắm nghía mãi khu bờ thành tường cao tới mấy đầu người, trên cấm chi chút những mảnh chai nhọn hoắt, tường đã cũ nát, lở lóis, nhiều mảng rêu phủ xanh lè. Vài ngôi nhà làm trại lính nhấp nhô mái ngói, mái tranh. Một lá cờ vàng đã nhạt màu, trên đó viết hai chữ Đại Tống bằng mực đen to tướng.

Xem xét một lát, Mai Mạnh Minh trở tới trở lui mãi mới hỏi viên đô thống:

- Trại của ta ở đâu đô tướng quân?

- Chỗ sau mấy cây dừa kia. Lát nữa hạ quan sẽ mời quan lớn về đó thăm những người lính thú miền biên viễn của triều đình.

Nhìn ngược nhìn xuôi mãi vẫn không giải tỏa được băn khoăn, Mạnh Minh bèn hỏi:

- Ông nói cho ta hay, đất ta với đất Tống xem như liền một giải thế này, thì căn cứ vào đâu mà phân định cương thổ?

Đô thống mỉm cười. Liệu cái cười này có bao hàm ý nghĩa rằng các quan lớn ở triều đình chỉ giữ nước bằng miệng bằng môi, chứ không hình dung nổi hình thù của nó thẳng, xiên, tròn, méo ra sao. Và như vậy,

các đấng bề trên chỉ nhìn đất nước mình trên giấy, tức là trên tấm họa đồ thôi chứ họ không có khả năng nhận diện được non sông, đất nước như những con mắt thường của người dân lam lũ vùng biên ải. Chợt nhớ quan trên hỏi, viên đô thống bèn đáp:

- Bẩm thượng quan, dân vùng biên thù ai cũng nhận ra ngay đâu là đất mình, đâu là đất Tống. Ví như phía trước đại quan đây, đất ta nằm ngay dưới chân thành của người Tống, những mái nhà kia, mái cổng kia nước mưa thường đổ xuống đất của bên ta. Ngoài ra còn có những mốc được phân định bằng các cây như cây đa, cây si; chỗ nào không có cây cối thì xây mốc bằng gạch, bằng đá. Đánh số thứ tự cột mốc từ "một" trở đi. Lấy điểm xuất phát từ chân cổng thành để tính, mốc ấy không đánh số. Dạ, nếu cây già chết, hoặc sét đánh thì trồng cây khác. Hoặc giả có khi họ xâm lược, họ thống trị nước mình một thời gian, họ xóa mốc bằng cách chặt cây cũ, trồng cây mới sâu vào đất mình, rồi đem mồ mả chôn cất vào chỗ đất mới chiếm đó, phía trong thì họ cày cấy, họ di dân đến ở.

- Phải, những vụ như thế mà phân định lại là cực khó, quan Khu mật sứ ngắt lời viên Đô thống.- Những vụ như thế chắc mình bị mất không phần đất ấy, chờ bằng cứ đâu mà lấy lại được.

Đô thống lại cười khẩy:

- Bẩm thượng quan, nếu cứ thế xảy ra hết đời này qua đời khác, thì họ dồn dân mình xuống biển hết sao?

- Vậy chớ ông bảo đòi lại bằng cách nào?

- Bẩm thượng quan, trước hết là biên giới nằm ở trong lòng dân. Dù kẻ kia có muốn chiếm đất của ta từ đời này qua đời khác, thì dân ta cũng truyền lại cho con cháu biết phần đất cũ của ta từ đâu đến đâu, mốc cũ xóa đi thì mốc mới là cái gì. Ví như trước kia là gốc cây đa, bây giờ là mộ tổ của họ nhà nào ở bên kia xâm táng. Mấy lại, bẩm quan lớn, việc đòi lại đất hoặc để mất đất cũng còn tùy thuộc vào triều đình. Nếu các quan ở triều đình giỏi, vua ta cứng cỏi, nước ta giàu, binh ta mạnh, dân ta một lòng thì sức mấy bên kia không phải trả. Và lại, ngay người của họ vẫn còn có những người có lương tâm và dũng cảm đứng ra làm chứng. Nhưng thưa đại quan... viên Đô thống ngập ngừng không muốn nói nữa.

Mai Mạnh Minh biết viên quan bán hạt này có điều gì khó nói. Với cương vị mệnh quan của triều đình, ông thúc giục:

- Đi với ông, ta biết ông là người liêm trực, vắng vặc lòng trung với nước. Ta rất trọng ông. Vậy còn có điều gì quan ngại mà không nói được với nhau. Ta đi

kinh dinh , nhưng không phải nghe được điều gì, thấy được cái gì đều tâu lại hết với nhà vua dẫu, mà phải lựa lúc, tùy thời cơ. Vậy ta muốn nghe nốt ý ông.

- Dạ bẩm đại quan, ý của hạ cấp chỉ muốn nói, nếu gặp phải vua hèn, triều đình u tối thì chẳng cứ gì giặc xâm lăng ta mới mất đất, mà ngay thời bình cũng thiếu gì kẻ xẻ đất nước như kẻ xẻ thịt cha, cắt gan mẹ, bỏ óc con đem dâng cho giặc. Ngay như nước Tống hiện nay mà chẳng thế sao. Vua thì hèn, các quan dẫu triều lập hết điều ước này đến điều ước khác, dâng gần hết phần đất phương bắc cho người Liêu, người Hạ rồi đó.

- Ông nói có lý. Điều ông nói khiến ta vừa kính trọng vừa đau lòng.

- Xin đại quan tha tội, kẻ man mọi này dám nói điều nghịch nhĩ.

Đô thống dẫn Mai Mạnh Minh đi kiểm xét hầu hết các đồn ải biên thùỵ của đất Lạng Châu.

Quan Khu mật sứ tự mình thấy yên tâm, vì rằng quân lính được nuôi vỗ, được luyện rèn thấu đáo. Lính đều đỏ da thắm thịt, sức khoẻ dồi dào, đi đứng hùng dũng, luyện tập chuyên cần. Ông đã hỏi nhỏ một vài lính tốt ở các đồn ải khác nhau: “Có phải nghĩ việc quân đi làm cho các nhà quan không”. Mọi người đều lắc đầu: “Không có việc ấy”.



Lại kiểm xem khẩu phần ăn của lính có bị bớt xén không. Việc ấy cũng không xảy ra. Lại nghe nói châu mục Thân Thiệu Thái vẫn thường xuyên đi thăm viếng, vỗ về và kiểm xét mọi việc, từ việc quân đến việc dân, lại cả việc quan hệ với biên quan, biên tướng, biên dân của nhà Tống, đều một tay ông điều hành, chưa có gì để triều đình phải phàn nàn.

Trở về dinh châu mục, Thân Thiệu Thái đã bày xong tiệc rượu, khoản đãi mệnh quan của triều đình và viên Đô thống, một chân tay thân tín của quan châu.

Rượu được một tuần, Mai Mạnh Minh mới nói các điều ông hài lòng về cuộc kinh dinh trên vùng đất mà Thân Thiệu Thái cai quản. Cũng có một số điều, ông thấy châu Lạng cần phải làm, nhưng không phải nói vào lúc này.

Thân Thiệu Thái vui lắm. Nhất từ khi được vua hứa gả công chúa Bình Dương. Trở lại Lạng Châu, họ Thân đã làm tất cả những gì cần làm để cho vùng đất này được yên bình, no ấm, vững chắc.

Trước lúc chia tay với Thân Thiệu Thái để ra vùng hái đông, quan Khu mật sứ thay mặt triều đình phán :

- Ta nói để ông biết. Hoàng thượng đã đưa việc gả công chúa Bình Dương cho ông ra bàn trước triều đình rồi. Trăm quan đều cho việc đó là nên. Vậy ông lo tu

bổ dinh thự, lo lễ lạt để sang xuân này đón công chúa, làm lễ vu qui. Nhưng trước tết, ông phải về Thăng Long chúc Tết hoàng thượng, xin thánh chỉ rồi mới được làm. Lại phải hỏi bên Thượng cấp môn sử, xem các quy chế về lễ thức thế nào cho đầy đủ và thuận tiện.

- Đa tạ! Đa tạ! Thân Thiệu Thái này quyết không phụ lòng tin yêu của hoàng thượng và thiện cảm của bá quan.

## VI

**M**ùa thu khánh thành một số cung điện mới. Chẳng là điện Càn Nguyên mấy năm trước bị đột nát, thời Thái tổ sét đánh đến hai lần. Lại năm Mậu Thìn (1028) ba vương nổi loạn, nên nhà vua cho phá đi. Thế nhưng bỗng nhiên có người trông thấy rồng hiện về nền điện Càn Nguyên tới mấy lần. Các quan dâng sớ xin khôi phục lại ngôi điện trên nền đất cũ. Bởi ai cũng đồ rằng chỗ ấy đất tốt, đức lớn dấy nghiệp ở chính giữa trời đất chāng. Thế là vua sai đo đạc mở rộng quy mô, chỉnh đúng phương hướng làm lại, nhưng tên thì đổi lại là điện Thiên An.

Theo qui mô mới bên tả làm điện Tuyên Đức, bên hữu làm điện Diên Phúc, thêm trước điện gọi Long Trì. Bên đông thêm đặt điện Văn Minh, bên tây thêm đặt điện Quảng Vũ. Hai bên tả hữu thêm rồng đặt hai đầu chuông đối nhau.

Lại phía trước làm điện Phụng Thiên, trên điện dựng lầu Chính Dương làm nơi giữ giờ khắc. Đến đây điện làm xong, vua cho khánh thành.

Điện Thiên An chín gian lộng lẫy trên thềm cao chín bậc, hành lang chạy bốn mặt, những hàng cột cao sừng sững, to tới hai người ôm không xuể. Các cột đều sơn son, đắp rồng vờn mây bằng vàng lá. Chân cột kê tảng hình vuông bằng đá hoa cương, hoa văn chạm hình cánh sen, thân tảng tròn chạm rồng, đầu múp trên của viên tảng ôm chân cột chạm một đường viền thuy ba dợn sóng.

Các đầu đao, các thanh bẩy tiếp gót vì kèo, đều chạm soi, trạm lộng các cảnh đánh bắt cá, tát nước gầu giai, cảnh trai gái đuổi bắt nhau, cảnh mẹ con... nom vừa vui mắt, thân quen, vừa ngộ nghĩnh. Mái điện lợp ngói vàng lưu ly. Ngói bờ tráng men ngọc, ở mỗi đầu viên ngói là một tượng Phật nhỏ, bằng cổ tay, cao hơn một gang tay, viên nọ cách viên kia hai gang tay. Bốn hàng ngói bờ trên hai mái điện kê tới cả trăm tượng Phật giảng hàng, trông vừa uy nghiêm vừa mỹ lệ xiết bao.

Trên nóc điện phủ ngói úp lá đề, men ngọc. Cách chừng ba gang tay lại trôi lên một lá đề bằng đất nung đỏ au, hai đầu mút của nóc điện đặt hai chiếc đầu rồng to tướng, cũng bằng đất nung châu về tám lá đề ở chính giữa to như một chiếc tán, chiếc tàn. Bốn đầu đao nơi

bốn góc điện nhô lên bốn đầu phương cũng bằng đất nung, au au đỏ.

Mới chỉ nom bên ngoài của ngôi chính điện cũng đủ thấy vẻ uy nghi, đường bệ của một triều đại.

Phúc thay, vua Thái tông cũng lựa chọn con đường thân dân như tiên đế, nên tại hai chiếc lầu chuông đối nhau ở hai bên tả, hữu thêm rồng, nhà vua để cho người dân trong nước, ai có oan ức qua nhiều cấp, nhiều lần xét xử mà nỗi oan vẫn chưa tỏ, được phép đến tận sân rồng đánh chuông thỉnh nguyện, vua sẽ đích thân xét xử. Mới hay đó là dấu hiệu của thời thịnh, là biểu trưng của công lý.

Lại thấy việc đi lại trong thành có chỗ còn chưa tiện lắm, vua sai bắc một cây cầu qua sông Tô Lịch sang phường Thái Hòa.

Cầu bắc xong, vua ngự thuyền rồng cùng các quan ra xem. Cây cầu gỗ cong như nửa vầng trăng. Trên có mái che, lợp ngói lưu ly. Mặt cầu, xe hai ngựa kéo hoặc kiệu bốn đòn khiêng có thể đi lại dễ dàng. Hai bên thành cầu đều có hành lang chắn song con tiện chạy suốt, có ghé cho khách qua đường dừng lại xem, ngắm cảnh đẹp Thăng Long, hoặc người già, trẻ nhỏ, đi bộ mới chân ngời nghỉ tạm.

Hai bên đầu cầu đặt hai thùng nước với thật to, có

rổ úp chén, bát cho khách qua đường ai khát thì uống. Nước do dân trong phường ở hai bên đầu cầu thay nhau nấu để đãi khách, và cũng để tỏ tấm lòng hiếu khách của người kẻ chợ đất Thăng Long..

Vua xem ngắm hồi lâu, tỏ ra rất hài lòng với vẻ đẹp của cây cầu, sai các quan làm thơ ngâm vịnh.

Lại nói Ngô Tuấn được vua yêu, cho gọi vào cung làm bạn chơi với hoàng tử. Đôi bạn tuy không cùng tuổi, nhưng xem ra rất hợp nhau. Ngô Tuấn sinh năm Kỷ Mùi (1019), thái tử Nhật Tôn sinh năm Quý Hợi (1023), chênh nhau bốn tuổi. Trong tuổi vị thành niên mà chênh nhau bốn tuổi, coi như người lớn với trẻ con, nhưng tới tuổi thành niên, từ ba mươi tuổi trở đi, chênh nhau dăm bảy tuổi thì coi như cùng trang lứa. Ngô Tuấn cũng có một cậu em, ngang tuổi với thái tử Nhật Tôn; vì vậy Tuấn có thói quen săn sóc, nhịn nhường của một người anh. Hơn nữa, Ngô An Ngữ thường răn dạy con rất kỹ. Ông nói :“ Hoàng thượng cho con được chơi với hoàng tử kế vị, đó là điềm phúc cho nhà mình. Song con phải nhớ mình là phận thân tử, không bao giờ được nhảm lẫn thứ bậc đó con. Những điều con đối xử với thái tử bây giờ, từ lời ăn, tiếng nói đến mọi hành vi khác, như chơi bời, nghịch ngợm, đều hẳn trong ký ức của người. Sau này lên trị vì, đã có tầm nhìn quán thông, người sẽ soát xét lại lại con từ ngày thơ ấu, để đánh giá tài năng của con, nhân cách

của con, lòng trung thành của con, từ đó người sẽ dùng con vào việc gì, hoặc không dùng con, hoặc canh chừng con, hoặc trị tội con... Tất cả đều do tình bạn từ thưở ấu thơ này giữa con với hoàng thái tử mà ra”.

Ngô Tuấn, là một đứa con ngoan, biết vâng lời cha dạy. Nhưng về phận thân tử, đạo trung quân thì ở cái tuổi mười lăm, Tuấn sao đã ý thức được. Vì vậy, nghe cha nói xong Tuấn liền hỏi :“Cha à, thái tử bằng tuổi thằng Hiến nhà mình, con săn sóc như em con thôi. Nhưng lại bảo con phải tôn thờ như gì như gì thì con không chịu được đâu” - “ Suyt!” Ngô An Ngữ lấy tay bịt miệng con - “Chớ con ơi. Ăn nói như thế là trái đạo, là nghịch mệnh. Cha kể cho con nghe chuyện này, rồi lấy đó mà răn mình- Thời Chiến quốc ở nước Tần, cách ta hơn một ngàn năm trăm năm trước, có một người chơi với vua từ nhỏ. Tựa như con với Đông cung bấy giờ. Hai người thân nhau lắm. Một bữa, người kia đang ăn quả mận thì thái tử đến, liền hỏi - Người ăn cái gì đó- Thần ăn quả mận - Cho ta ăn với. Người kia bèn đưa quả mận đã cắn một nửa cho thái tử. Khi thái tử được kể vị, lên ngôi vua, bèn cất nhắc người này vào một chức quan trọng yếu trong triều. Vua nói với quần thần - Người này trung thành với ta và yêu ta lắm, ăn một quả mận cũng chia cho ta một nửa. Tới khi vua làm nhiều điều thái quá, người kia liệu mình can vua. Vua không nghe

rồi đem người đó ra trị tội. Trong các tội mới lại có thêm tội cũ là - y coi thường ta, tầm thường như một quả mận mà y ăn thừa rồi mới cho ta “. Vậy là người đó bị ghép vào tội khi quân. Khi quân có nghĩa là coi thường vua, khinh vua. Tội chém đầu. Đó, cha chỉ muốn khuyên con phải cẩn trọng cả từ lời nói đến miếng ăn, chớ coi thường mọi việc như ở nhà mình”.

Nghe cha nói xong, Ngô Tuấn vò đầu, bứt tai:

- Cha à! Hay mình không chơi với thái tử nữa. Cha lại cho con về nhà tìm thầy khác mà học thôi. Chơi với thái tử như chơi với hổ thê này, con sợ lắm.

- Con ơi! Không được đâu. Đây là ý trời. Là trời điều hành rồi, cha con mình sao cưỡng nổi. Bắt đầu là hoàng thượng để ý tới con, mến con từ ngày người còn là hoàng thái tử. Nay lại thêm hoàng tử kế vị mến con nữa, mà con cũng mến thái tử nữa chứ. Thế chẳng phải là cái duyên, cái mệnh ư !

Ngô Tuấn thở dài: - “Thế thì chán nhỉ, lại phải chơi với thái tử. Thái tử lên ngôi, con lại phải chơi với vua nữa, khổ con không ! Từ nay con chẳng ăn cái gì trước mặt thái tử nữa, để tránh cái hoạ thời Chiến quốc cha à”.

Ngô An Ngữ trầm ngâm một lúc rồi hỏi con- “ Con nói thật cha nghe. Có bao giờ thái tử đòi chiếm lấy những đồ chơi của con không. Có bao giờ thái tử phạm



lỗi rồi đổ cho con không. Có đồ ăn ngon, thái tử có cho con ăn cùng không. Bất chợt gặp một điều gì khó khăn, nguy hiểm, thái tử có bỏ con để trốn chạy không. Con cứ nhớ lại tất cả đi rồi trả lời hết sức trung thực để cha còn trừ liệu”.

- Cha để cho con nghĩ xem đã chưa. Con nhớ rồi. Hôm gì hồi năm ngoái ấy, chú Mạnh Chử bạn cha mà cha vẫn khen chú ấy khéo tay ấy. Chú làm cho con một con châu chấu tết thuần bằng lá dứa, đẹp lắm. Con đem sang cung cho thái tử cùng chơi. Thái tử thích lắm, giành lấy chơi suốt buổi sáng. Chiều, con về, thái tử cầm con châu chấu trả con, lại bảo:- Tuấn đem về nhà chơi, thái tử chơi cả ngày rồi. Con bảo:- Tuấn cho thái tử đấy.- Nhưng thái tử không nhận. Hôm sau con sang, thái tử hỏi:- Sao Tuấn không đem cái con hôm qua sang chơi. con bảo:- Lá khô, nó tóp lại không đẹp nữa, nên không đem đi. Thái tử bảo: - Giữ nó lại đừng vứt đi Tuấn nhé. Lại một hôm thái tử đùa nghịch với con, chạy quá đà, thái tử xô vào cái kỷ để ẩm chén, một chiếc chén nảy lên, rơi xuống sàn vỡ tan. lát sau nhũ mẫu tử trong cung ra trông thấy liền hỏi: - Ai đánh vỡ chén ngọc đây. Có phải Ngô Tuấn không? Con chưa kịp trả lời, thái tử đã nói:- Tôi đấy! Tôi đánh vỡ đấy nhũ mẫu ạ. - Có thật không? Nhũ mẫu hỏi lại. - Đừng hỏi tôi thế nhũ mẫu. Vua cha dạy tôi không bao giờ được nói dối.

Người nói dối là người không trung thực.- Cha à, còn việc ăn uống thì chẳng có điều gì đâu. Thái tử sợ ăn lắm. Nhiều khi cứ bắt con phải ăn giúp phần của thái tử, no đến căng cả bụng. Còn chuyện gì nữa nhi? À, con nhớ rồi. cái hôm khánh thành cầu vừa rồi ấy. Thái tử chạy một mạch sang nhà mình, rủ con ra đồng chơi. Con dẫn thái tử ra cánh đồng mầu. Chợt thấy con chuồn chuồn ớt đẹp quá! Con chuồn chuồn đỏ tươi bay chập chờn trước mặt thái tử, cứ như là nó chọc vui thái tử ấy. Thái tử giơ tay ra bắt thì nó lại bay vút lên. Cứ đập dờn thế, nó kéo bọn con đi khá xa. Tới lúc thái tử bực mình bảo con:- chúng mình bắt thằng chuồn chuồn ớt này đi Tuấn. Thế là chúng con cùng săn. Mải theo con chuồn chuồn, chúng con nhảy vào ruộng hành hoa của nhà bà cả Tam. Bà cả Tam đang làm cỏ rau ở đó liền chửi bọn con:- Mấy đứa ranh con kia xéo nát hết hành của tao rồi. Tao thì lột da chúng mày. Tay bà cầm chiếc cuốc xới rau giơ lên đe. Con bảo thái tử bảo con: - chạy đi!- Không chạy.- Thái tử đáp. Giáp mặt, bà cả Tam nhận ra con. Bà không chửi nữa. Thái tử nói: - Chúng tôi lỡ, xin đền tiền cho bà. Tôi trả tiền cho bà cả cái ruộng hành này. Bà cả Tam trợn tròn mắt:- Cái nhà cậu này bé người mà ghê nhi. Có dễ cậu là con chúa, con vua mới thị tiền, thị của như thế. Đã vậy, cứ mỗi khóm hành bị các cậu giẫm nát, phải đền tôi một tiền.- Bà đếm đi, bao nhiêu tiền,

thái tử bảo thế. Bà cả Tam đếm đi đếm lại có 57 khóm tất cả. Nhưng theo con chỉ có hơn chục khóm bị nát thối, còn lại chỉ hơi hơi có bàn chân chúng con đặt gần khóm hành, bà ấy cũng tính. Thái tử bèn móc túi lấy ra một quan tiền, đặt cả vào tay bà cả Tam:- chúng tôi xin lỗi bà. Thừa ba tiền tôi biếu cả bà.

Bà cả Tam kinh ngạc, rút vội tay lại:- Thế này thì cậu là con vua con chúa thật rồi. Con xin cậu, cậu tha tội cho con lắm lắm. Thái tử đỡ bà cả Tam:- Tôi chỉ là bạn của công tử đây thôi. Chúng tôi nghịch ngợm gây thiệt hại. Bà cứ cầm lấy tiền đi. Bà cả Tam lấy rồi rít- “Vâng nhà cháu xin hai công tử ạ”. - Thế đấy cha ạ, mọi điều con chỉ nhớ được như vậy thôi “. “Vậy con yên tâm. Thái tử không phải là người ích kỷ. Trái lại thái tử là một người đàng hoàng, trung thực, dũng cảm, lâm sự không rối trí. Đó là nhân cách của người quân tử, cũng là đức tính của bậc thượng trí. Sau này ắt trở thành vị vua giỏi”.

Đã lâu, đắm chìm vào công việc, lại khi tiên đế vừa băng, các vương làm loạn. Rồi hết chuyện nọ đến chuyện kia, trong lòng vua Thái tông lúc nào cũng rối như canh hẹ. Đêm nay thư tỉnh, chạnh nhớ chánh cung, nhà vua sai sắp kiệu để ngài đến thăm Kim thiên Mai hoàng hậu.

Kiệu vừa dừng trước điện Nguyệt Minh, lũ nô tì

đã vội chạy vào bẩm báo:

- Tâu hoàng hậu, hoàng thượng tới! Hoàng thượng tới!

Lữ người này cứ cuống cả lên. Chính hoàng hậu cũng không giữ được bình tĩnh nữa. Trang điểm không kịp. Nghi thức nghênh đón lại chẳng biện bày. Hoa tươi chẳng có. Nước thơm vấy thêm ngọc chưa kịp. Phòng ốc chưa xông hương xạ. Thôi cũng đành. Hoàng hậu không kịp thay áo, chẳng thể đổi hài, vội chạy ra trước thêm ngọc, vừa lúc Thái tông bước vào. Hậu vội nhún quỳ cung kính:

- Thần thiếp kính chào bệ hạ. Thiếp không được biết bệ hạ ghé thăm, nên không kịp làm lễ cung nghinh, xin bệ hạ tha tội.

Thái tông cười vui vẻ:

- Tội lỗi gì đâu. Ta chỉ bận việc triều đình. Còn hậu, chắc cũng mãi việc hậu cung. Lâu không tới, chắc hậu giận ta.

- Bệ hạ thương mà quở chứ thần thiếp đâu dám.

- Hậu và Đông cung lâu nay như thế nào?

- Thiếp như bệ hạ đã thấy, cứ ngày một mập ra, nhan sắc phai tàn. Còn Đông cung năm nay lớn vổng lên rồi. Đứng đã đến vai công tử Ngô Tuấn. Học hành tinh tiến lắm. Thầy văn, thầy võ đều khen Đông cung

sáng dạ. Xem ra Đông cung quyền luyến công tử nhà họ Ngô, đối với nhau như tình huynh đệ. Ấy là thiếp nói về phía Đông cung thôi, còn như công tử Ngô Tuấn thì biết giữ lễ lắm.

- Ta cũng không mong gì hơn thế.

Dám thị nữ và nô tỳ dâng trà rồi len lén ra ngoài hành lang. Nhà vua vừa nhấp ngụm trà, chợt nhớ loại trà núi Tam Sơn. Vị trà tan trong họng, hương vương nơi thành chén.

Kỳ lạ, hương trà đưa nhà vua về với những ký ức thời đi mở phủ ở Tam Sơn. Nhớ buổi tìm đến nhà Mạnh Minh, lúc trở về trời đã xẩm chiều. Ta gặp nàng quấy triu một giỏ đậu. Gương mặt đẹp như khuôn trăng mười sáu. Đôi mắt dịu hiền chợt ánh lên một tia sáng mà chỉ có ta mới nhìn thấu. Từ ấy, nàng như choán hết cả lòng ta. Và ta không thể nào quên được cái phút kỳ diệu ấy. Đời người con trai, gặp biết bao là đàn bà, con gái. Song cái thần minh trai gái giao hoà mà bộc phát ấy chỉ hiển hiện có một lần trong mỗi đời người. Chợt vua hỏi:

- Vậy chớ hậu chỉ dùng có một loại trà quê này?

- Dạ! Thiếp dùng nó cho đỡ nhớ quê.

- Vậy chớ hàng năm nàng không về thăm hai thân sao?

Nghe nhà vua hỏi, hoàng hậu thấy tủi thân, hai

hàng nước mắt cứ thế tuôn rơi.

Nhà vua không hiểu có điều gì xảy ra. Vua tự nghĩ : Hay là từ khi ta lên nối dòng đại thống, sự tri ân với anh em, họ hàng nhà nàng chưa thỏa. Thái tông dần lòng nói:

- Ta lên ngôi lập năm hoàng hậu, nàng vẫn là chánh hậu. Ta phong tước cho cha mẹ các hoàng hậu, cha nàng đứng đầu. Huynh trưởng thì ta cho coi sóc khu mật viện - cơ quan đầu não của triều đình. Thứ huynh ta đã triệu thỉnh mấy lần đều từ chối không muốn về kinh. Ta lại bỏ hành khiển tri phủ sự, trông coi lộ Lâm Tây, cũng xin cho nhận hư hàm để được ở nhà phụng dưỡng song thân...

- Tâu bệ hạ!- Hoàng hậu vội gạt nước mắt - Tâu bệ hạ, không phải các chuyện ấy. Chỉ vì lâu ngày không được về thăm quê. Chợt bệ hạ đoái hỏi, thiếp nhớ song thân, nên tủi thân mà lệ cứ tràn ra chứ thiếp có định khóc đâu.

- Vậy chớ tại sao hàng năm lại không về quê thăm song thân. Ta nhớ triều đình đã có điển lệ cơ mà.

-Tâu bệ hạ, đúng như vậy đấy. Quy chế triều đình cho phép các hoàng hậu, hoàng phi từ nhất nhị phẩm, mỗi năm được một lần về tạ ơn tổ phụ vào tiết thanh minh. Nhưng từ khi tiên đế băng, hàng năm ngày quốc

ky lại đúng tiết thanh minh mà hoàng thượng chưa cho thay đổi, hóa nên phủ Tông chinh không dám tự tiện. Bệ hạ minh xét.

- Trời ơi! Việc chỉ có thể mà không chịu tâu báo lên, cứ để âm thầm suốt mấy năm nay. Suy nghĩ giây lâu Thái tông phán: - Quy định cho các hậu, các phi về vào tiết thanh minh, nhằm tạ ơn liệt tổ. Nay vương vào ngày quốc kỵ, sẽ thay vào tiết Thường tân mồng Mười tháng Mười. Tức là lễ cúng cơm mới, là dịp dâng lên tổ phụ sản phẩm đầu tiên làm ra của một năm. Mai thiết triều, ta sẽ sai bên Đông Tây thượng cấp môn sứ làm sớ tâu lên, ta y chuẩn rồi bên phủ Tông chinh cứ chiếu đó mà thi hành. Sắp tới lễ Thường tân rồi đó, hậu lo soạn sớ đi là vừa.

- Tạ ơn bệ hạ đã ban trọng ân.

- Có một việc này, ta muốn nhờ hậu coi sóc giúp ta.

- Bệ hạ cứ dạy.

- Tiên đế ra đi thoát đã năm năm. Số cung nữ hầu hạ tiên đế, phần lớn đã cao tuổi. Có người suốt đời không được ân sủng, nghĩ cũng thương tình. Chẳng nhẽ để họ chết già ở trong cung ư.

Theo ta, nàng cùng với bên Nội thị giám, kiểm sổ sách, đối chiếu với từng người. Xem trong đám ấy những ai còn trẻ thì cho người ta giải cung. Khi đã giải

cung rồi thì được phép lập gia đình. Mỗi cung nữ giải cung, triều đình cấp cho ba mươi quan tiền, ba mẫu ruộng theo ba thứ hạng : nhất, nhị, tam đẳng điền. Với các cung nữ lớn tuổi, nàng truyền dạy cho họ nghề trồng dâu, chăn tằm, ươm tơ. Thành nghề rồi cũng cho giải cung. Ruộng cũng chỉ ba mẫu thôi. Những người lớn tuổi này bị thiệt thòi nhiều, nên tiền được cấp thêm hai mươi quan, vị chi năm mươi quan cả thảy. Cũng có người vì nghĩa không muốn về. Cũng có người không còn thân thích, cũng không muốn về. Với những người ấy vẫn dạy nghề cho họ. Rồi cấp đất trong mấy phường gần đây cho họ trồng tọt, chăn nuôi. Làm được bao nhiêu, cho họ chia nhau làm vốn. Hằng tháng, lương vẫn được lĩnh như cũ. Hoặc giả nếu có ai muốn nương nhờ cửa Phật thì thu xếp cho họ về các chùa làng. Ngay cả khi họ đã xuất gia, thì phần lộc của triều đình ban, vẫn không bị cắt giảm.

Nói xong, nhà vua buông một tiếng thở dài, tưởng như là sự cảm thông của vị hoàng đế đứng đầu một quốc gia, với thân phận những cung nữ bất hạnh. Mai hoàng hậu lại nghĩ khác. Bà nghĩ đến những người cung nữ đang được tiếp tục tuyển lựa, liệu rồi số phận họ có hơn gì những cung nữ tiền triều mà hoàng thượng đang gia ân.



## VII

**R**ời Lạng Châu, quan Khu mật sứ và các tùy tùng liền quay đầu ngựa đi về phía Hải đông. Đường đi len lách hết rừng rậm lại suối sâu, đèo cao, thật là gian nan. Nhẽ ra cứ đi theo đường thiên lý thì rất thuận lợi. Nhưng quan Khu mật sứ lại muốn đi theo đường ngựa trạm để kiểm xét việc canh phòng có được nghiêm cẩn không. Đường ngựa trạm, nghĩa là con đường hiểm trở chỉ đi được một ngựa, cất thẳng theo đường chim bay. Cách năm dặm có một hỏa trạm. Nơi đây lúc nào cũng phải có khói. Ban ngày nhìn theo vệt khói bốc lên nền trời cao. Ban đêm nhìn theo ánh lửa, để nhận biết dấu hiệu của sự an bình, vì vậy các hỏa trạm phải đặt trên đường thượng đạo, nơi các mỏm núi cao để từ xa có thể nhìn được. Và cứ như vậy, các hỏa trạm được thiết lập từ biên ải về tới kinh thành, để lúc nào triều đình cũng kiểm soát được sự an nguy của đất nước. Còn ngựa trạm, lúc bình thường, cứ bốn mươi dặm, phu trạm được đổi

ngựa một lần. Nhưng nếu tình hình khẩn cấp, phải chạy ngựa lưu tinh, thì hai mươi dặm được đổi ngựa một lần. Cứ thế, việc thông đạt tin tức từ mọi miền đất nước về triều đình không bao giờ bị gián đoạn.

Men theo đường thượng đạo, thầy trò quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh đi hai ngày một đêm, thì về tới một đồn trạm tiếp giáp giữa rừng và biển. ấy là nguồn Tam Trĩ .

Ngựa vừa dừng trước cửa trạm thì trời cũng ập tối. Thấy sứ giả của triều đình tới, viên Đô giám vội chạy ra đón. Cầm chiếc tín bài trong tay, lật đi lật lại, không còn ngờ gì nữa, viên đô giám run cầm cập. Y lo lắng không biết có sự việc gì trọng đại xảy ra khiến nhà vua phải cử một đại quan tới miền biên viễn này.

Khi mệnh quan đã an tọa, tự tay Đô giám pha trà và bê nước mời thượng quan cùng hai vị tùy tùng. Thấy lời hỏi han vô về của thượng quan vừa ôn tồn vừa bình thản, viên Đô giám đã bình tĩnh trở lại, y bèn vòng tay cúi đầu:

- Bẩm thượng quan, chúng con là một lũ lính tốt được các quan cho trấn ở nơi rừng rú, sông biển này, chẳng hay có việc gì xin thượng quan cứ sai bảo.

Quan Khu mật sứ cười xòa, ông đứng dậy vỗ vai viên Đô giám và ấn ông ta ngồi xuống chiếc ghế tre.

- Hãy cứ ngồi xuống đây, ông để ta uống chén nước nóng cho ấm người lại đã. Ông không thấy bọn ta tái tím cả môi sao!

Lúc này Đô giám mới dám ngừng nhìn khách. Quả đúng như nhờ. Các quan lạnh quá. Về sợ hãi, Đô giám cúi đầu:

- Con thật đắc tội với thượng quan.

Nói rồi ông sai đám lính tốt đem củi vào đốt. Lại sai làm cơm rượu.

Nước ấm bụng, lại có củi sưởi, các quan khách đã tươi tỉnh, mặt mũi hồng hào.

Chợt có tiếng ngựa dồn vó, rồi ghìim đứng trước cổng trạm. Một toán người, ngựa đang lao xao ở phía ngoài. Viên Đô giám chạy ra cổng đã vội kêu lên:

- Bẩm quan Thông phán<sup>1</sup>, quan Tổng quản<sup>2</sup>, may cho con quá!

- Cái gì mà may rủi đó.- Viên Tổng quản vỗ vai Đô giám hỏi.

- Dạ bẩm, có mệnh quan ở triều đình về. Con sợ quá không biết tiếp rước thế nào. Phận lính thú chúng con đâu biết phép tắc, chỉ sợ đắc tội với thượng quan. Vì

---

1 Thông phán: Tên gọi quan châu thời Lý.

2 Tổng quản: Chức quan võ ở châu.

thế thấy các quan, con như trút được gánh nặng.

Vừa lúc ấy, Mạnh Minh từ trong trại bước ra, cười nói:

- Thì ra sự có mặt của bọn ta là gánh nặng cho ông Đô giám!

- Dạ! Dạ! Không phải thế ! Con chỉ muốn nói, phận lính tráng chúng con sao đủ tư cách tiếp thượng quan. Nay thấy quan thông phán, quan tổng quản, con vui quá, nói mà không kịp nghĩ. Xin thượng quan tha tội.

Phân ngôi chủ khách, biết Mạnh Minh là quan lớn đầu triều. Viên Thông phán bèn đứng dậy chấp hai tay vái rồi nói:

- Đây là chốn đồn ải, sơ sài, trống trải, hạ cấp xin được rước quan Khu mật sứ về châu đường nghỉ ngơi. Rồi sẽ cùng với quan Tổng quản tâu báo việc dân, việc quân và tình hình biên thủy để thượng quan rõ. Thật là may mắn, mấy bữa nay hạ cấp hợp lực đi kiểm xét vùng đất phen giậu, được gặp đại quan ở đây, nếu không thì thật là đắc tội.

Viên Đô giám bước vào nhà, mặt mày tươi rói, nói năng lấp bắp:

- Dạ bẩm... Dạ bẩm các quan lớn. Cơm nước lính tráng đã chuẩn bị xong, xin các quan cho phép con được bê lên hầu.

Mai Mạnh Minh vừa ngừng nhìn đã thấy ba người lính bê ba mâm cơm. Lấy làm lạ, quan Khu mặt sử liền hỏi:

- Có ba chúng ta và ông nữa mà những ba mâm cơm là thế nào?

Đô giám vé xun xoe:

- Bẩm, con dâu dám được ngồi với các quan. Con xin phép, đã ăn với lính từ lúc sắp lặn mặt trời rồi ạ. Dạ thưa, đây là ba quan lớn, danh vị trên dưới đều khác, nên con sắp mỗi quan một mâm cho tiện.

Mạnh Minh cười , hỏi lại:

- Ví như có một trăm người khách, mỗi người một chức, tước trên, dưới khác nhau, liệu ông có đủ sức làm một trăm mâm cơm không?

Đô giám sờ tai, hai má đỏ ửng vì không biết trả lời thế nào, bèn đáp:

- Dạ, các quan chẳng bao giờ đi đông như vậy. Và lại, chúng con lính tráng đồn thú chốn biên thùỵ, thô phác, không thông lễ nghĩa, xin thượng quan tha tội.

- Đúng đó, đây là nơi đồn thú biên thùỵ, lẽ ra bọn ta không được phiền các ông. Cho nên mọi sự phải được châm chước. Ông cho ba chúng ta ngồi cùng một mâm, để còn trò chuyện. Chẳng nhẽ ta từ Thăng Long tới đây chỉ có mỗi việc đòi ăn sao.

- Dạ! Dạ! Xin mệnh quan tha tội. Chúng con phận lính thú, ngu dại.

- Khởi nhiều lời, ông cho chúng ta ăn uống ngay đi.

Các quan đều ngồi trên sàn. Sàn bắc bằng tre, cao hơn nền nhà chừng bốn gang tay. Mặt sàn lát nửa đập giập, trái chiếu. Sàn để nằm thay giường, vừa thoáng vừa phòng răn rết từ rừng bò vào. Giữa nhà đốt một đồng củi, lửa cháy soi sáng khắp lán. Những tàn than trắng, chốc chốc lại bay lên khi có tiếng nổ lép bép nơi mấy cành củi tươi. Viên Đô giám bước vào nhà, nách bên phải cắp hũ rượu to bằng hai quả bầu nậm, tay bên trái cầm ba chiếc bát uống rượu.

Vừa đặt bát xuống, y đã vội rót đầy ba bát rượu. Những chiếc bát thành cao, đáy sâu, ngoài láng men màu ngọc thạch mát rượi, lòng bát màu men trắng như hạt gạo nếp, rượu trong suốt đáy, sủi tăm, mùi men bốc thơm khiến cánh mũi các quan phập phồng. Nâng từng bát đưa tận tay các quan, Đô giám vòng tay nói:

- Bẩm các đại quan, nơi đồn ải heo hút vùng biên thùy xa lắc này, dám lính thú chúng con được các quan hạ cố, thật là đại hạnh. Chúng con lòng thành, xin các quan dùng chén rượu nhạt.

- Đa tạ! Đa tạ!- Quan khu mật sứ vội đáp lời. Quan

thông phán bèn đỡ lời:

- Dạ bẩm quan Khu mật sứ, bản châu heo hút chốn biên thủy, chẳng mấy khi được mệnh quan đoái tới. Đúng như ông Đô giám vừa nói, đây thật là một đại hạnh cho cả châu Vạn Ninh này. Chỉ tiếc không được biết trước, để làm lễ tiếp rước cho đúng quy củ, phép tắc của triều đình. Nay Đô giám có chén rượu nhạt, hạ quan xin được mời mệnh quan uống một chén tẩy trần. Nói xong viên thông phán nâng bát rượu lên ngang miệng, có ý chờ thượng quan.

Mai Mạnh Minh bèn bê lấy bát rượu, ông giơ cao ngang mày, nói:

- Ta thật không ngờ nơi biên ải quanh vắng, trăm bề khó khăn mà các ông giữ gìn phong hóa lễ nghĩa, thật chẳng khác mấy so với Thăng Long. Thay mặt triều đình, ta có nhời ngợi khen các ông. Nào xin mời!- Nói xong quan lớn đưa tay che miệng, ngửa cổ uống một hơi cạn bát rượu.

Đặt chiếc bát xuống, Mai Mạnh Minh nói luôn:

- Ta cảm kích tấm lòng hiếu khách của các ông. Song ta nói trước, tửu lượng của ta thua xa các ông, vả lại trên đường kinh dinh, ta không được phép quá chén, phiền các ông đừng có ép ta.

Thượng cấp nói vậy, nhưng tổng quản vốn là một

võ tướng, người Dao, một dân tộc vốn có học thức và tự cho mình là con cháu của Bàn Cổ<sup>1</sup>, tỏ ra không chịu lép vế với quan châu. Y vốn người to, cao, mặt vuông, cằm bánh, lông mày chổi xể, da bánh mật. Tổng quản bữa nay vận sắc phục võ tướng. Áo cổ lá sen kép vòng tới nửa ngực, và trùm lên hai bờ vai, ngực thêu hình con sóc, tay chèn, đầu đội mũ đầu mâu không có chỏm, kiểu mũ của bậc võ quan hàng cửu phẩm, may bằng da dê có đuôi trùm kín gáy. Tổng quản nhóm người bước ra khỏi sà, chỗ y ngồi các nan tre lồm xướng như một cái hồ nay từ từ vồng lên. Y vòng tay kính cẩn:

- Bẩm mệnh quan. Mệnh quan với quan châu của con đều là các bậc bề trên, lại là người Kinh, còn con, vốn dân võ biên, lại là người Dao, mà triều đình thường gọi là dân man. Con xin mạo muội được mời đại quan và quan châu một chén rượu, tự tay người Dao rót để tỏ cái tình của người man Dao đối với triều đình.- Nói xong, y rót đầy cả ba bát rượu.

Quan Khu mặt sứ vui vẻ nâng bát rượu lên nói:

- Nào ta uống cái tình của người Dao, tình của tướng quân. Đoạn quan lớn ngửa cổ che miệng uống

---

1 Người Dao tự nhận mình là con cháu của Bàn Cổ. Mà Bàn Cổ, truyền thuyết của Trung Quốc là người sinh ra trước trời đất : Bàn Cổ thủ xuất, thủy phân âm dương, tý hội khai thiên Tức là Bàn Cổ ra đời, rồi mới phân ra âm dương. Tới hội Tý mới có trời.



một hơi cạn sạch. Rồi ông dốc ngược bát, lại nói:

- Ông Tổng quản thấy chưa, ta uống trọn cái tình của ông rồi đó.

Viên Tổng quản tỏ ra sung sướng, y sụp xuống lễ quan Khu mật sứ hai lễ:

- Tạ ơn mệnh quan! Tạ ơn mệnh quan!

Trong không khí thân mật, quan Khu mật sứ hỏi:

- Các ông thử cho ta biết, tình hình binh lính đồn thú nơi các ải lũy vùng phen đậu này ra sao?

Viên tổng quản vội đáp:

- Bẩm thượng quan, lính đồn thú ở đây thuần dân địa phương, nên không có ai bỏ trốn. Vả lại lính bây giờ không bị bỏ đói, không bị ăn bớt khẩu phần, không phải đi làm cho nhà quan, bỏ việc luyện tập, canh phòng như bố con thời vua Lê ngoại triều.

- Thế thì tốt, quan Khu mật sứ đáp. Chính ta quan tâm là ở các việc đó, triều đình biết, thân phận người lính là ở hàng cuối trót. Nếu ta không chăm sóc, nuôi vỗ, không đối xử công bằng khiến họ phải bất mãn, nhất loạt bỏ trốn thì dựa vào ai làm phen giậu để che chắn cho cả nước. Các ông còn được như thế này, ta còn được như thế này, nói cho cùng là nhờ ở những người lính ấy, những người vào hàng thấp nhất của nấc thang xã hội. Bởi vậy, ta phải chăm lo cho họ. Mai mốt ta sẽ

đi kiểm xét từng đồn ải nơi biên thù, nếu quả như nhời ông tổng quản, ắt ông và ông thông phán ở châu này sẽ được triều đình ban thưởng.

- Đa tạ đại quan.- Viên Thông phán tiếp lời - Dạ đúng như nhời ông Tổng quản đã trình với đại quan. Hạ cấp không bao giờ dám tâu báo việc gì sai quấy để được thượng cấp ban khen đâu. Vì rằng có dối trên, cùng lắm được một đôi lần. Nhưng lại không thể dối cấp dưới và dối dân được. Hằng ngày, hạ cấp phải đối mặt với họ; phải, quấy, hay, dở gì họ đều biết hết. Tâu đại quan, triều đình ở xa, nói gì dân đâu có biết. Nhưng ở nơi biên ải, nơi châu mường này, mà người đứng đầu nói sai, nói dối là dân không tin. Một khi người dân đã không tin nữa, thì bọn hạ cấp dù có ba đầu, sáu tay cũng không làm nổi việc gì. Hạ cấp làm việc lâu ở nơi châu, mường đều biết, chỉ có thương dân, chăm lo thật sự cho họ, với lính tráng cũng thế thôi, tới khi lâm sự, dù khó khăn, nguy hiểm họ đều tận lực với ta gánh vác công việc.

Mai Mạnh Minh nghe hai viên Tổng quản và Thông phán nói, lòng ông vui như tâm trạng người đi trẩy hội. Ông biết hai người này đều nói lên các việc họ đã làm. Họ không léo mép như mấy vị đại quan thuộc đại an phủ sứ ở Thăng Long, vụng làm nhưng lại khéo đưa đẩy. Họ mới chính là bầy tôi trung của triều đình, là

là phen giậu vững chắc cho cả quốc gia, dân tộc. Miền biên viễn mà có được những viên quan biết làm việc, biết thương dân, thương lính thế này, sẽ làm tăng sức mạnh của quốc gia lên biết mấy. Nghĩ vậy , ông tươi cười nói:

- Cứ như nhờ của ông Thông phán thì đối với dân, người làm quan phải có bụng thực. hoá nên sự chân thực lại chính là sức mạnh để quy tụ lòng người.

- Dạ bẩm... Dạ bẩm đúng như vậy đấy ạ!- Cả hai viên quan châu đầu xác nhận.

- Nhân đây ta muốn hỏi quan Thông phán, việc sinh sống của dân chúng trong vùng thế nào. Có đủ lúa gạo ăn không. Nạn cho vay nặng lãi ở đây thế nào? Đó là những điều ta cần biết đích thực, để rồi triều đình sẽ có cách giúp các châu, lộ.

Tiệt đã gằn mặt, nhưng không có ai say. Bởi mệnh quan đã nói đang đi công cán, không được phép quá chén. Tuy nhiên không khí ấm cúng, thân tình do quan khu mật sứ có tấm lòng cảm thông và cả sự trân trọng đối với người dưới, nên các viên Thông phán, viên Tổng quản đều tâm báo mọi việc hết sức cởi mở, không có sự man trá, che bịt. Và cũng tự biết, với bậc mệnh quan đã đi như đi vi hành thế này cũng khó bề che bịt được. Nghĩ vậy, viên Thông phán bèn sửa lại mũ. Nhưng hai tay đưa lên vuốt, chỉ chạm búi tóc chứ không có mũ. Kỳ

thực rượu vào, lửa củi làm cho ấm nóng, ông ta đã tháo chiếc mũ đặt phía sau lưng từ lâu, mà hiện thời ông không nhớ là mình có đội mũ hay không. Đành liêu, ông sửa lại nếp áo và có vẻ hơi lúng túng, ông nói:

- Bẩm mệnh quan, quả thực là hạ cấp chưa bao giờ được tiếp kiến một mệnh quan đầu triều, chứ chưa dám nói là được ngồi thù tiếp với đại quan như thế này. Cho nên trong lòng cảm động quá. Đúng là triều Thiên Thánh, đức kim thượng còn trẻ, nên làm việc gì cũng mới mẻ, mạnh mẽ.

- Nay ông Thông phán, ta chuộng sự thô phác. Ông khỏi cần rào đón, lựa lời mà làm chi. Ông cứ nói thẳng vào những điều ta vừa hỏi.

- Bẩm vâng! Hạ cấp xin thưa thực với mệnh quan rằng, dân miền biên viễn vẫn còn nghèo lắm. Ở trên, từ triều Thuận Thiên tới triều Thiên Thánh, dân vẫn được tha tô thuế. Riêng về đường lúa gạo thì không bao giờ đủ ăn cả. Vì rằng dân chỉ trồng được lúa nương, mỗi năm một vụ. Ngoài ra phải trồng ngô, khoai, sắn. Nhưng trồng gì cũng bị thú rừng phá dỡ lắm. Trồng ngô thì lũ khỉ bẻ trộm gần hết bắp. Trồng khoai, sắn thì lũ lợn rừng, lũ nhím đào bới từ khi củ mới nhú. Dạ, dân có làm chòi canh giữ đấy ạ. Nhưng chỉ sợ sảy lúc chập tối, nấn ná sau bữa cơm chiều chưa kịp lên chòi canh trên nương, là lũ lợn rừng đã đào xới lung tung cả.

Thành thứ, thừa đại quan, vào kỳ giáp hạt, dân vẫn bị tất bữa. Nhà nào có đàn ông khỏe mạnh thì vào rừng đào củ mài, đi săn, đi bẫy thú cũng có thể bù đắp vào việc thiếu lúa gạo. Rủi những nhà không có đàn ông khỏe mạnh, lại nhiều trẻ con, ông bà già thì phải đi vay. Dạ bẩm đại quan, nạn cho vay đổi hạt ở vùng đây vẫn còn tệ hại lắm. Chỉ độ một tháng, có khi không đến một tháng phải trả lãi gấp đôi. Mà lúc cho vay, họ trộn cá thóc lửng, thóc lép vào, nhưng khi thu nợ, thóc sạch đến mấy họ cũng đưa vào quạt hòm quay tít. Cứ gọi là họ lấy thuan thóc mấy. Cho nên những nhà đã nghèo lại càng nghèo thêm.

Dạ, ý nguyện của dân chúng, chỉ mong triều đình lập kho lương ở vùng này. Gặp những năm mất mùa, những vụ giáp hạt, triều đình cho dân vay đổi hạt. Dân chúng không dám để kho lương của triều đình sa sảy, thất thoát một hạt nào, còn dân chúng đỡ khổ về nạn giáp hạt, nạn vay nặng lãi.

- Ý ông hay đấy. Việc này ta sẽ tâu báo với nhà vua. Nhưng sao dân chúng không hái nấm, lấy sa nhân, thảo quả, hoặc giả, cả trầm hương nữa mà bán sang Tàu, rồi mua lúa gạo về mà ăn.

- Dạ bẩm mệnh quan. Các việc mệnh quan nói, dân đều có làm cả. Riêng trầm hương, tùng hương thì vùng này không có. Còn như nấm hương, sa nhân, thảo

quả, hà thủ ô, ba kích, trước vẫn bán cho người Tống sang mua cả đấy. Nhưng mấy năm nay, bên ấy họ có loạn, dân họ cũng đói lắm, thường dạt sang bên này kiếm ăn. Biên dân, biên tướng, biên quân của ta vất vả lắm mới ngăn được họ tràn sang, để giữ lấy miếng ăn cho người mình.

- Vậy chớ biên quân của họ có tràn sang ta quấy nhiễu gì không ông Tổng quản - Quan Khu mật sứ quay hỏi viên Tổng quản.

- Bẩm thượng quan, hiện thời quân Tống giữ nhà chẳng xong, sao còn dám quấy quả gì ta. Viên Tổng quản trả lời vẻ tự mãn, coi thường biên quân, biên tướng của Tống triều.

- Thôi được, mai ta sẽ đi kiểm xét thể quân biên tái của bên ta, nhân thể ta thị sát bên Tống xem sao.

- Ta muốn biết nơi thôn ấp, nơi bản mường, bọn xã quan có những nhiều dân lắm không.- Quan khu mật sứ nhìn thẳng vào gương mặt đỏ gay vì rượu và lửa nóng của viên Thông phán hỏi.

- Dạ bẩm thượng quan, nếu nói rằng những người chăn dân, những người quyền chức ở châu Vạn Ninh này đều thương dân như cha mẹ thương con, như anh chị thương em cả thì chẳng có ai tin được. Nhưng chức dịch đối với dân như rắn rết, hùm sói kiêu dưới thời

Lê ngọ triều thì cũng không có đâu. Dạ bẩm, cứ xem triều đình như một tấm gương. Từ đức kim thượng cho chí các mệnh quan đều như một tấm gương sáng, thì các cấp từ lộ, quận, châu tới hương ấp, xin mệnh quan tha tội chứ, cứ gọi là răn rấp làm theo. Sức mấy mà dám trái ý bề trên. Ví như ở châu của hạ cấp đây, mấy tháng trước có viên xã trưởng xã Đầm Hà vì bệnh người họ nhà mình mà xử ức cho dân, lại còn đánh trượng người dân vô tội nữa. Dân đâm đơn kiện lên châu. Hạ quan về đến tận nơi xem xét. Sự việc quả thực không có gì lớn. Nguyên giữa bờ giậu của hai nhà mọc lên một cây trám, kể cũng lâu năm rồi. Thân nó tới gần hai người ôm. Những năm trước, cha mẹ hai nhà đã ước với nhau cứ để cái cây to cho nó mát cả hai khoảnh vườn. Nếu cây có quả, thì cành chia về phần đất nhà nào nhà ấy hái, tính từ giữa cây trở ra. Mấy chục năm trôi qua, hai nhà vẫn êm thuận không có điều tiếng gì. Gần chục năm lại đây, cha mẹ hai nhà lần lượt qua đời. Nhà ở bên hữu cây, tự nhiên có người ốm lâu ngày không khỏi, đi xem, thầy bói bảo động hương chuông lợn. Thế là họ chạy chuông lợn về phía cây trám. Vài năm sau, cây hút chất phân từ chuông lợn, khiến nửa bên hữu cây trám xanh tốt, cành vươn dài, quả sai lúc liu, còn nửa cây bên tả cành lá xơ rơ, quả thưa lại nhỏ. Thế là anh chủ nhà bên tả đòi phải lấy quả xuống chia đôi. Bên hữu không chịu.

Bên tả định chặt cây. Bên hữu ngăn lại. Hai bên lời qua tiếng lại xô xát. Người nhà bên tả cây có chú họ làm xã trưởng càng làm già, lãng mạ nhà bên hữu. Hai nhà ẩu đả. Xã trưởng lấy cơ chủ nhà bên hữu gây gỗ đánh nhau, làm mất an ninh làng xã. Bên sai phu tuần noc chủ nhà bên hữu đánh ba hèo. Lại cho nhà bên tả thắng kiện, được sở hữu toàn cây trám. Bên hữu không chịu. Nói, nếu ông xã trưởng xử ức như thế thì cứ đất chằng dây, cây cắm sào. Rồi họ nộp đơn kiện cả nhà bên tả và viên xã trưởng.

Nghe chuyện tranh chấp trong dân có phần gằn gằn gūi với cuộc sống hằng ngày, quan Khu mật sứ thật sự quan tâm, liền hỏi:

- Vậy chớ ông khu xử việc này ra sao?

- Dạ bẩm, hạ quan đến tận nơi xem xét, rồi hạ quan đích thân xử như sau:

Hai nhà có chung một cây cổ thụ do tình cảm của các bậc phụ mẫu để lại. Vừa có bóng mát, vừa được ăn quả. Nay phải tuân theo di huấn của cha mẹ, không được làm khác. Việc nhà bên hữu di chuồng lợn đến gốc cây trám, là do tình thế bất khả kháng chứ không phải cố tình chiếm đoạt. Nay nhà bên tả muốn cây tốt về phía bên nhà mình, thì mặc lòng bón đất, bón phân, hoặc di dời chuồng lợn về phía gốc cây thì đó là quyền của nhà bên tả.



Cha mẹ đôi nhà vì một cái cây mà nên tình lân bang hoà ái. Nay cũng vì cái cây đó mà con cháu trở nên bất hoà, khiến đánh chửi nhau và phải thưa kiện, thế là con cái phạm tội bất kính phụ mẫu, cũng tức là bất hiếu.

Lại nữa, cây trám này nếu lâu năm cằn cõi mà chết thì hai nhà bàn bạc đốn hạ, chia chác gỗ củi cho công bằng. Còn như một bên vì bực giận mà đốn rễ hoặc tìm cách làm cho cây phải chết, khi quan khám xét ra thì cứ chiếu luật “chặt phá cây non, hoặc vô cớ chặt hạ cây ăn trái, cây cho bóng mát” của triều đình mà trị tội. Còn viên xã trưởng vô cớ đánh người vô tội để tiếng xấu cho chức dịch, phải bồi thường đòn oan và danh dự cho nhà bên hữu ba quan tiền. Cộng với hai quan tiền nộp phạt vì tư tình mà bẻ cong công lý. Số tiền hai quan này nộp vào công quỹ của xã.

Nhà bên tả cũng phải nộp phạt một quan, vì dám dựa vào thế lực của người chú để ức hiếp hàng xóm.

Nói xong , viên Thông phán nhìn quan Khu mật sứ vái một vái:

- Bẩm mệnh quan, hạ cấp xử từ đầu chí cuối vụ kiện là như thế, không biết có thấu lý, đạt tình hay lại phạm vào điều luật nào của triều đình mà hạ cấp không được biết, xin thương quan chỉ giáo.

Quan khu mật sứ vui ra mặt, ông nắm lấy bàn tay gầy guộc của viên Thông phán lắc lắc một hồi, với vé thân mật, ông bảo:

- Ta thật không ngờ, ở nơi biên thùy heo hút này, lại có được một quan châu nắm vững luật pháp, và hành xử một cách nhân, trí đến như vậy. Thật là thấu lý, đạt tình mà lại có cả sự răn đe. Răn đe không được ý thế lỏng quyền. Răn đe không để cho người thân cậy thế mà làm bậy. Răn đe là phải biết tôn trọng con người, không thể động một tí là nọc người dân ra đánh trượng. Hay lắm! Ta nói để ông biết, cá như Đinh úy Tự khanh cũng xử đến như thế này là cùng. Nào ông Thông phán, ông cho ta biết thêm từ sau vụ xử ấy, dân Đầm Hà và dân trong hạt có bàn tán gì không. Lại nữa, các xã quan có kêu ca gì không.

- Bẩm mệnh quan, mệnh quan thương mà khen hạ cấp, nhưng việc này nói ra từ cửa miệng hạ cấp e không tiện. Nếu mệnh quan có thì giờ xin người vi hành xuống nơi hương ấp. Bằng không, mệnh quan hỏi ông Tổng quản đây đôi lời. Hạ cấp xin phép ra ngoài để Tổng quản nói cho được tự nhiên. Nói xong, Thông phán toan đứng dậy.

Quan Khu mật sứ ngăn lại:

- Ông Thông phán không phải đi đâu hết. Ta nghe cả hai người cùng nói. Làm sao ta lại không tin các ông

được. Nếu trên dưới không có lòng tin nhau ắt nước loạn. Chúng ta đang sống trong một thời thịnh kia mà. Nào, ông Tổng quản nói đi.

Vốn là một quan võ, quen chém to kho mặn, cực chẳng đã phải ngồi bó gối tiếp thượng quan, nay lại phải nói nữa thì nói cái gì đây. Suy nghĩ giây lát, tổng quản e hèm:

- Dạ bẩm mệnh quan, cái vụ quan Thông phán xử ở Dầm Hà, nay thì trong châu không còn ai là người không biết đến. Chà chà, biết nói thế nào nhỉ. Dạ, người dân họ bảo bây giờ thì tin quan trên được rồi. Không có sự quan trên, quan dưới bênh nhau mà hà hiếp người dân nữa. Có cụ già tám, chín mươi tuổi cười ra nước mắt nói rằng, sống ngần này tuổi trời, chưa bao giờ được biết người dân đen, thấp cổ bé họng, đi kiện ông quan của xã, lại thắng kiện, không mất một xu nào theo kiện, còn được ba quan tiền đem về nhà mình. Cụ bảo, chuyện cứ như trong mơ, chứ không phải là chuyện đời nữa. Dạ bẩm mệnh quan, theo người dân họ bảo, đời chịu được chứ bất công thì không chịu được. Dạ, cứ như hiện nay, triều đình báo nháy xuống nước, nháy vào lửa, ở đâu không biết chữ riêng châu Vạn Ninh này, dân nháy liền.- Nói xong, viên Tổng quản xoa hai bàn tay chai cứng vào nhau, miệng cười đôn hậu- Dạ bẩm mệnh quan, dân người ta nói nhiều lắm, nhưng cứ toàn

kể cái tốt của hạt mình, con người lắm ạ.

Đêm yên tĩnh, xa xa có tiếng hổ gầm. Đống lửa giữa nhà đã tắt. Than gần tàn. Gió lạnh lùa vào trong nhà thổi đám tàn than bay trắng xóa. Chiếc đóm gỗ thông lập lờ, khói bốc đen sì. Quan Khu mặt sù vè hài lòng:

- Đêm khuya, phải đi nghỉ thôi. Sớm mai các ông cho ta đi kiểm xét các đồn trại. Ta cũng muốn xuống vài thôn ấp. Các ông sai quân sắp cho ta một chiếc thuyền tốt, hơn chục tay chèo khỏe. Sớm ngày kia từ đây ta giong buồm thẳng ra Mũi Ngọc, xong ta trở buồm quay về Vân Đồn. Tới đó, ta đi ngựa, trả thuyền cho quân đưa về Vạn Ninh. Có nhiều điều cần nói lại với các ông, nhưng thôi để đến mai. Tuy nhiên, có việc quan yếu ta phải nói ngay kéo mai lỡ quên. Đó là việc canh phòng biên ải, không một giờ, một khắc nào được trễ nải. Phải truyền lại cho quân điều đó. Các đô quân hồ tương cho các đồn lũy biên thủy phải dấu lực lượng cho thật kín nhem. Nhưng khi có biến phải cấp kỳ khai triển đánh đòn xuất kỳ bất ý, khiến kẻ xâm nhập trở tay không kịp.

Ta truyền tới các ông ý chỉ của hoàng thượng rằng, không được phép coi thường người Tống. Nhất thời họ bị sa sút bởi Tống Nhân tông thì nhu nhược, triều quan chia lòng, thậm chí nhiều kẻ vào hàng quan đầu triều lại câu kết với quân xâm lược, còn nhân dân thì rên xiết

dưới nạn bức bách và bóc lột của quan lại. Tuy vậy, họ là một nước lớn. Lớn lắm, nếu ví nước họ như chiếc áo thì nước ta bất quá chỉ bằng chiếc đai áo. Cho nên, họ vẫn đủ sức xâm lăng nước ta, khi họ muốn. Vả lại trong lịch sử của ta từ thời dựng nước, họa phương Bắc vẫn là cái họa bao trùm. Bởi vậy, ngay cả khi nước họ ở vào thế suy tàn, ta vẫn cứ phải canh chừng.

Vừa nghe quan Khu mật sứ nói, các ông Thông phán, Tổng quản vừa nuốt nước miếng ừng ực. Dường như các ông đang chia lo, nỗi lo của triều đình.

Mai Mạnh Minh vừa dừng lời, Tổng quản liền lên tiếng:

- Bẩm mệnh quan, đầu của hạ cấp còn ở trên cổ, thì vùng biên ải Vạn Ninh này vẫn nguyên vẹn là đất đai của tổ phụ, không kẻ nào lấn, cướp được một tấc, một gang. Xin mệnh quan an tâm!

- Xin mệnh quan an tâm! Viên Thông phán nói theo.

## VIII

Sau lễ Thượng nguyên, trời âm hẳn. Dân vùng Bồ Hải khẩu nô nức chuẩn bị lưới chài, thuyền, máng ra biển đánh cá. Không khí thật là tấp nập. Dân trong vùng vốn chuyên nghề nông, nhưng mấy năm nay triều đình sắc dụ cho những nơi có biển, có rừng được phép mở mang việc tìm nguồn lợi từ rừng và biển, nhà nước không đánh thuế, trừ các sản vật cực quý qui về sáu sắc thuế như đã ban từ triều Thuận Thiên.

Dụ còn khuyến cáo, dân mở mang nghề chài lưới, khai thác nguồn lợi từ biển, nếu thiếu vốn liếng, nhà nước sẽ cho vay trong ba năm mà chỉ phải hoàn vốn, chứ không tính một phân lãi nào. Ngoài ra, nhà nước còn khuyến khích cho những ai muốn mở mang nghề chài lưới hơn nữa, sẽ được hoãn nợ thêm ba năm mà vẫn không phải trả lãi.

Dân đang hồ hởi vào mùa vụ làm ăn thì quan tri

phủ sự về làng bố cáo rằng, phủ chọn vùng Bó hải khẩu này làm nơi nhà vua sẽ về cử hành lễ tế Thần nông và cày ruộng tịch điền vào đầu tháng hai. Quan tư thiên giám từ Thăng Long đích thân về chỉ dẫn việc đắp đàn. Quan phán phủ sự đưa hẳn một đô quân tới để quan tư thiên giám sai bảo trong việc đắp đàn. Dân sở tại chỉ phát cỏ, sửa đường cho bằng phẳng, phong quang làng xóm để chờ ngày đón vua.

Dân chúng cũng kéo nhau vào chùa làm công quả, giúp nhà chùa dọn dẹp, quét tước sân ngõ, lau chùi bàn ghế, cửa rả, phòng ốc và tỉa xén cây cảnh, nhổ cỏ vườn chùa. Thiền sư đang tĩnh tọa trên kỷ uống trà, thì đám trẻ trong làng đã lục tục cắp sách bước vào sân chùa. Lũ trẻ di học không cùng một lứa. Có đứa chỉ độ sáu, bảy tuổi, lại có đứa tới mười lăm, mười sáu tuổi; loáng thoáng có vài đứa lớn lộc ngọc tuổi chừng mười tám đôi mươi. Chung quy lứa đông nhất từ chín đến mười hai tuổi. Nhưng dù bé hoặc lớn, khi vừa đặt chân vào cổng chùa, thấy đều im lặng, bước đi nhẹ nhàng, cử chỉ từ tốn. Điều lạ là trong đám học trò đông đúc tới ba, bốn chục trẻ đó, lại không hề có một bé gái nào.

Đám học trò đến trước kỷ, nơi thiền sư đang uống trà, đều chấp tay cúi đầu vái thiền sư ba vái. Một vài cậu lớn tuổi đến hầu hạ thiền sư và chờ sai bảo. Số còn lại tản về đầu nhà trái chiếu kín ba gian, ngồi ngay

ngắn, hàng ngũ chỉnh tề; bé ngồi trên, lớn ngồi dưới. Trước mỗi cậu đặt vài cuốn sách, một hai chiếc bút lông thỏ, và cứ mỗi hàng năm người đặt hai nghiên mực để dùng chung. Trong khi thiền sư đang uống nước, các học trò xem lại bài cũ. Mấy cậu lớn thì mài mực.

Một lát, thiền sư ra đứng lớp. Lập tức, một trò lớn bê ngay chiếc đôn đặt bên cạnh thầy rồi chấp tay vái .- Kính thầy an tọa.

Thiền sư nhìn người học trò với cái nhìn thiện cảm, ngài ngồi xuống và hỏi:

- Hôm qua các con đã chép bài gì rồi.

- Bạch thầy, bài “Thức tự “ạ. Nhiều tiếng đáp cùng một lúc.

Thiền sư nhìn khắp lượt đám học trò rồi gọi:

- Nhâm!

- Dạ!- Một cậu bé độ mười tuổi, vừa “dạ” vừa ngược nhìn thiền sư. Cậu bé có đôi mắt thật sáng, với cái nhìn trong trẻo, chờ xem thầy truyền dạy điều gì .

Cậu bé này có cái đầu mới cạo trắng hết chân tóc, chỉ còn để hai chỏm trái đào ở hai bên đỉnh đầu. Hôm nay có cái đầu mới cạo, cha mẹ cho cậu mặc chiếc áo dài lụa nâu còn mới.

Cứ mãi nhìn tướng mạo người học trò nhỏ mang tên “Nhâm”. Nhâm biến vi vương, thiền sư thầm nghĩ,



ngài quên khuấy việc đã gọi tên người học trò.

Cậu học trò nhỏ chờ mãi, bèn mạnh dạn lên tiếng:

- Bạch thầy...

- À...à...con đọc to cho cả lớp nghe bài mà con chép hôm qua.

Cậu bé bèn nâng quyển vở chép tay mở đúng trang, đọc rõ ràng, mạch lạc từng chữ, từng câu.

#### *Thức tự*

“Sơn hữu lang - Lạp nhân mưu bộ chi - Thiết tịnh sơn hạ. Đại thư tường thượng viết. Hạ hữu lang tịnh - Hành nhân chỉ bộ - Hữu bất thức tự giả - Ngô xúc chi- Đọa tịnh - Đại hồ cầu viện - ký xuất - Nhân chỉ tường thượng tự cáo chi - Nãi thán viết - Ngô cầu thức tự - Khởi chi thử tại!”

Thiền sư nhìn khắp lớp học. Đám trẻ im phăng phắc, lắng nghe bé Nhâm đọc. Duy có dăm bảy cậu ngồi phía dưới khi nghe thấy câu “Đọa tịnh”, bèn nhếch mép cười. Sư biết mấy cậu này hiểu nghĩa bài học.

Ngài chỉ tay về cuối lớp nói:

- Các con! Bây giờ ta cắt nghĩa. Nghĩa bóng, ta sẽ giảng cho các con. Nhưng nghĩa đen, các con tự tìm hiểu lấy. Gặp chỗ nào khó, ta sẽ giúp các con.

Mấy trò lớn thay nhau nói. Dần dần các trò nhỏ

cũng mạnh dạn nói thêm vào với các anh lớn, cho rõ nghĩa. Lớp học từ rời rạc đến náo nhiệt, mỗi trò mỗi ý thật là vui. Cái khéo của vị thiền sư này là biết gợi cho những đầu óc non trẻ kia tự tin, và ham làm việc.

- Các con! Thiền sư nói. Vậy là các con đã hiểu được nghĩa đen của nó. Bây giờ ta tóm thâu ý của các con về bài học như sau:

*Biết chữ*

“Trong núi có chó sói. Người đi săn bày mưu bắt nó, đặt bẫy ở dưới chân núi. Viết chữ lớn bên tường rằng:” Phía dưới có hố chó sói; người đi đường hãy dừng bước”. Có người không biết chữ, lỡ ráo bước vào, sa xuống hố, kêu lớn xin cứu giúp. Khi người đó đã ra khỏi rồi, người ta trở chữ viết trên tường mà báo cho biết. Người đó bèn than rằng: “ Nếu ta biết chữ, thì đâu đến nỗi này!”.

- Các con!- Thiền sư chống cây thiền trượng, đứng dậy nhìn thẳng vào đám học trò đang hau háu nhìn ngài, và chờ nghe giảng. Với vẻ trù mến, thiền sư gắng hỏi:

- Con nào nói thử xem truyện “ Biết chữ” này nhằm nêu lên cái gì?

Cậu bé có cái đầu mới cạo ngộ ngậy như muốn nói, nhưng cậu lại ngồi sát chân thiền sư, mà ngài thì

đang hướng tâm mắt về phía giữa và cuối lớp.

Chợt một anh cao dong dỏng ngồi cuối lớp, vòng hai tay vái thiền sư:

- Bạch thầy, truyện này bảo cho ta hay, nếu không học thì chẳng biết gì ạ. Nói xong, cậu lại vái thiền sư rồi ngồi xuống.

Lúc này thiền sư đã nhìn thấy cậu bé có cái đầu trọc mới cạo và đôi trái đào, cậu vẫn tỏ ra muốn nói. Thiền sư liền trở vào cậu ta:

- Nào, con nói cho mọi người cùng nghe điều mà con nghĩ.

- Bạch thầy, như truyện này, bảo cho mọi người biết, nếu không học sẽ đi vào chỗ chết ạ.

Nhiều bé khác đều xin nói, nhưng ý tứ không hơn gì mấy cậu nói ban đầu.

Thiền sư dáng trầm mặc, đầu hơi cúi. Chiếc mũ nâu ôm khít lấy đầu, chiếc áo dài nâu buông kín gót, chân đi dép cỏ, mỗi bước di của nhà sư êm nhẹ, khiến ta có cảm giác như người đang giẫm lên một tấm thảm nhung. Thoắt người lại đứng ở đầu lớp, nhìn khắp đám trẻ, ngài nói:

- Nay các con, từ cái người không biết chữ kia đã dẫn tới sự mù quáng, thực chẳng khác người mù, khiến suýt nữa thì mất mạng.

Vì thế mà các con bảo: nếu người ta không học, không học cũng tức là không biết chữ, mà không biết chữ thì chẳng biết gì. Và nữa, nếu họ không học sẽ đi vào chỗ chết, như người sa xuống hố bầy chó sói. Như thế nghĩa là các con đã hiểu bài. Tuy nhiên, ta nói rộng ra một chút, các con nên nhớ nằm lòng, để sau này ra giúp đời, lấy đó làm điều răn.

Người đi đường kia vì không có học, nên không đọc được dòng chữ mà người bầy chó sói đã cảnh tỉnh trên bức tường. Vì không biết chữ nên người đi đường kia vẫn cứ thản nhiên rảo bước, kỳ thực anh ta đang đi vào chỗ chết mà không tự biết. Tới khi sa xuống hố bầy rồi chỉ còn biết kêu cứu. Giả như không có người qua đường biết mà cứu, chắc anh ta sẽ mất mạng.

Ta nên biết rằng, con vật kia vì ngu ngốc nên sa hố mà chết. Con người vì không có học hành, không biết chữ nghĩa cũng bị sa hố bầy như con vật. Cho nên, con người ta nếu không được học hành để mở mang trí tuệ, thời chẳng khác gì con vật.

Lại nói rộng ra việc xã hội. Nếu con người đốt nát ngu muội kia, mà dẫn dắt cả gia đình vợ con đi theo, ắt cả nhà anh ta sẽ sa xuống hố bầy mà chết.

Lại giả như, có một người ngu muội như người bộ hành không biết chữ kia làm xã trưởng chẳng hạn, thì ông ta sẽ làm gì, các con có biết không. Thiên sư bắt

ngờ gặng hỏi. Đám trẻ ngơ ngác một thoáng rồi đồng thanh đáp:

- Ông xã trưởng dẫn cả xã đi vào hố bẫy chó sói ạ.

Thiền sư lại hỏi:

- Nếu trong một phủ mà ông tri phủ sự là người ngu tối, chữ nghĩa không biết, đạo lý không thông, các con có biết ngài dẫn dắt con dân trong phủ đi về đâu không?

Lại một thoáng im lặng, rồi đám trẻ òa lên:

- Bạch thầy, quan phủ dẫn con dân đi vào hố bẫy chết người ạ.

Chợt có tiếng vang lên từ phía cửa ngách thông vào nhà đại bái:

- Nếu quốc vương của một nước mà là người ngu tối, thì ngài dẫn dắt con dân cả nước đi đâu?

Cả thiền sư, cả lớp học đều ngơ ngác, bởi không một ai trong vùng mà lại dám hước ngạo với thiền sư như vậy. Còn chưa hết ngơ ngác đã lại bàng hoàng, một người bước vào vừa đường bệ vừa oai phong. Ngài vận tấm áo dài đỏ, đội mũ bình đỉnh, chân đi hia. Người đó chính là đức kim thượng - Vua Lý Thái tông.

Thiền sư rảo bước về phía nhà vua. Vua Thái tông cũng bước mau về phía nhà sư.

Thiền sư cúi đầu:

- Bần tăng kính chào bệ hạ.

Nhà vua cũng nghiêng mình:

- Bạch thiền sư.

Vua và thiền sư cùng vái nhau.

Bỗng một tiếng học trò từ cuối lớp cất lên:

- Bệ hạ vạn tuế!

- Bệ hạ vạn tuế! - Cả lớp đồng thanh hô.

Nhà vua nhìn đám học trò, ngài mỉm cười với vẻ độ lượng. Một lát, ngài vẫy tay cho đám trẻ im lặng.

Đoàn tùy tùng lúc này đã theo vua vào nhà đại bái, họ đứng rải rác sau vua và quanh mấy khuôn cửa ra vào. Đám học trò ngồi im phăng phắc, mắt dõi nhìn nhà vua. Tất cả bọn chúng đều không ngờ lại có điểm phúc được diện kiến đức vua.

Vua Thái tông nói điều gì nhỏ lắm với thiền sư, đoạn quay ra dụ bảo lớp học trò:

- Các thiếu niên! Ta có đứng xem và nghe các thiếu niên học hỏi. Ta mừng rằng, cha mẹ các con đã gắng cho các con đến chùa theo học. Thiền sư không chỉ dạy cho các con biết chữ, mà còn dạy cho các con biết làm người. Con người khác con vật ở chỗ có trí tuệ. Muốn trí tuệ phát khởi được thì phải học. Chính nhà chùa đang khai trí cho các con. Có chữ nghĩa, có trí tuệ, con người sẽ không còn hung dữ và ngu khờ như con chó sói nữa,

sẽ không bị mắc vướng vào bất cứ một thứ cạm bẫy nào nữa, chứ không chỉ riêng hố bẫy sói. Vậy thời các con cứ chịu khó học đi, nay mai ta sẽ cho mỗi châu, phủ mở một trường, chọn các học trò giỏi từ các chùa làng cho vào đó học, để huấn hỡ thành tài, dùng cho nước..

Thiền sư nói lời cảm tạ ân đức của hoàng thượng, đã ban tới nơi thôn cùng xóm vắng, nhà chùa sẽ hết lòng đem hồng ân của Phật tổ và phúc hạnh của triều đình nhuần tưới cho chúng sinh, trước hết là sự khai trí và dưỡng tâm.

Thiền sư mời nhà vua lên nhà phương trượng và vẫy tay cho đám học trò nghỉ học.

An tọa xong, thiền sư hỏi:

- A-di-đà Phật! Chẳng hay có điều gì mà xuân này bệ hạ lại về cày ruộng tịch điền tại mạn bể.

- Bạch thiền sư, hẵn nhà chùa biết đất ruộng về mạn bể thường chua mặn, lúa không được tốt. Dân mạn bể làm ruộng lại không thạo bằng dân tứ trấn. Dân mạn bể cũng lấy thêm nghề biển làm chỗ sinh sống. Rớt lại thì dân miền biển làm ruộng không thạo mà đánh cá cũng không được tinh thuần . Thành thử dân chưa giàu thịnh lên được. Thậm chí còn bị thiếu, đói. Vì vậy, năm nay ta về cày ruộng tịch điền tại vùng Bó hải khẩu này, nhằm giáo hoá người dân siêng năng cả về đường nông

nghiệp lẫn ngư nghiệp cho tới mức tinh thuần, ngô hầu có thể giúp họ vượt thoát được con đường nghèo khổ truyền kiếp.

Trong khi nhà vua đang đàm đạo với thiền sư thì đám quân túc vệ cứ lượn lờ quanh chùa, và quanh mấy ngôi nhà đại bái, nhà phương trượng. Sân trước, sân sau chùa thì đám võ sĩ trong đội hổ bôn thường đứng khuất lấp trong các khe, ngách để canh phòng. Cho nên nhà vua dù có thản nhiên như người thường đi vãng cảnh, thì ngài vẫn được bảo vệ một cách nghiêm cẩn, tưởng đến một cánh chim bay qua bầu trời, một con chuột chạy dưới chân cũng không qua được mắt đám người hộ giá.

Khi đã an tọa, vua Thái tông liền hỏi:

- Thiền sư dạy đám trẻ này mỗi khoá là mấy năm vậy?

- Tâu hoàng thượng, mỗi khoá học là ba năm. Sau ba năm học, trẻ vừa đủ lớn, đến tuổi lập gia đình, vào đời gánh vác việc nhà, việc làng xóm. Người nào thông minh, có chút tài cán thì tham gia vào việc nước. Dạ, học thông ba năm thì chữ nghĩa cũng đủ để đọc sách, biên chép văn tự và các giấy tờ cần thiết. Nếu người nào có chí tự học có thể tìm vào các kinh sách nội, ngoại điển đều được cả. Nay bệ hạ lại nói cho mở trường tại các châu, phủ để thu hút đám thanh niên anh tuấn, huấn hõ



tài năng để dùng cho nước. Việc đó thực quả là điều đại hạnh cho muôn nhà. Mong bệ hạ cấp kỳ thi ân.

- Thiên sư! Ta lo khi mở trường ra liệu có học trò đến học không?

- Tâu bệ hạ, sinh thời tiên đế đã khuyến khích các chùa mở trường dạy học. Chùa nghèo như bản tự đây cũng đã mở được ba khoá. các chùa lớn ở Thăng Long, chắc phải mở đến năm, sáu khoá rồi. Nay học trò dồn lại quá đông mà không có trường học lên cao. Bệ hạ cho mở trường học lên cao là đáp ứng lòng mong mỏi của những người hiếu học. Và nữa, tâu bệ hạ, cũng là cơ may để rèn đúc người tài, dùng cho nước. Một nước văn hiến, không thể những người tham gia vào các cơ quan then má, lại là những người mù chữ. Tính toán, ghi chép công việc thuế má, tạp dịch trong châu, quận, phủ, huyện lại chỉ có bấm đốt ngón tay hoặc thắt nút dây thừng, thì không thể gọi là người trí được. Cho nên việc tuyển lựa quan chức của triều đình phải dựa vào lớp người có học vấn, có trí tuệ thì mới có quan trí. Quan trí của bệ hạ càng cao, thì bộ máy cai trị của bệ hạ càng làm được nhiều việc ích nước, lợi dân.

Nhà vua gật đầu, vẻ tâm đắc những điều thiên sư nói- Quả thực ta không mong gì hơn thế. Cho đến nay thì các quan châu, quận, phủ, lộ đều đã thông chữ nghĩa. Duy có hàng xã quan thì vẫn còn nhiều kẻ tính toán

theo kiểu thắt nút dây thừng như thiền sư nói.

- Tâu bệ hạ, tuy vậy việc mở trường còn xôi đỗ lắm. Làng có, làng không. Một làng không thể gánh cho nhiều làng được. Như bản tự đây, lớp được gần năm chục học trò. Dân các làng lân cận gửi đến học, chỉ dám nhận non một phần ba, còn lại phải nhận đám con em các nhà dân trong làng. Ước gì bệ hạ cho mỗi làng có một lớp học, thì dân trí mới dần dần mở mang được.

Nhà vua thở dài:

- Điều thiền sư mong muốn thật là đúng đắn. Nhưng ta lực bất tòng tâm. Muốn có lớp học phải có chùa hoặc trường, có người dạy. Tiên đế mong mở nhiều các đạo tràng, tự viện để đào tạo tăng chúng, đưa về các chùa làng vừa khai tâm, vừa khai trí cho bách tính. Thế nhưng việc học trong các đạo tràng chỉ ít cũng phải từ ba năm đến năm năm mới được một khoá. Song, việc chiêu sinh đâu có dễ. Ví như ba khoá của thiền sư có hơn một trăm học trò, thử hỏi đã có được mấy người nhập đạo tràng. ấy là nhà nước đã cấp độ điệp không hạn chế cho những ai có chí tu tập. Có sư tăng rồi, lại phải lo có chùa quán nữa chứ. Dành rằng, tranh tre, tường đất, tượng Phật, dân tự lo, tự làm chẳng tốn kém là mấy. Nhưng có chùa phải có sư tăng. Ta đang hối thúc bên Hữu nhai tăng thống lo mở mang hơn nữa các đạo tràng tại các lộ, châu mà dân trí đã phát khởi, chứ cứ quanh quẩn mãi ở đất Thăng Long, người tứ trấn

không về được.

- A-di-dà Phật! Thiên sư chấp tay niệm một niệm  
- Nhà vua vừa chăm lo cho đời vừa lo cho đạo, thật là phúc hạnh cho bá tánh, phúc hạnh cho giang san, nòi giống. Lũ bản tể thường dâm đạo, đến như vua A Dục<sup>1</sup> bên Tây Trúc cũng không thể so được với công quá mà bệ hạ dâng hiến cho Phật và cho nước. Cầu cho sự nghiệp của nhà vua được trường cửu, quả phúc được tròn đầy.

Thoát đã đến giờ thụ trai, mấy vị tiểu tăng mời vua và thiên sư sang trai thất. Cỗ bàn thật là đơn giản. Một chiếc mâm gỗ sơn son trên đặt hai đĩa đậu phụ nhự, mỗi đĩa chừng ba bốn miếng, hai chén muối vừng, hai chén lạc rang đã xát vỏ, một đĩa rau muống luộc, hai chén tương, một bát canh bằng nước rau muống đánh giấm chua me đất, nước trong vắt ngả màu hung hung đỏ.

Nhìn mâm cơm, thiên sư bần khoản:

- Hoàng thượng hạ cố dùng bữa với nhà chùa mà thực đơn đạm bạc quá, thật là thất lễ với đức kim thượng.

---

1 A Dục (Asoka): vua nước Tịnh Phạn chừng ba trăm năm sau khi Phật nhập diệt, ông có công lớn trong việc hoàng dương đạo Phật trên toàn cõi Ấn Độ và cử hàng chục đoàn truyền giáo ra nước ngoài. Trong đó, hoàng tử, công chúa con ngài đều là những người có công hoàng dương Phật pháp ở ngoại quốc.

Vua Thái tông xăng xái ngồi vào mâm, nói cười vui vẻ:

- Ta đã đến quấy quả nhà chùa, lại còn được hòa thượng bố thí, thế là duyên phước lắm rồi. Còn việc ăn uống, có gì phải bận tâm. Đến cái thân tứ đại này cũng chỉ là giả hợp, hưởng chi mấy món đồ ăn. Luật trong chùa là “bất tác bất thực”. Thế mà ta không làm gì vẫn được ăn. Nói rồi nhà vua bê ngay lấy bát cơm ăn ngon lành.

Vua với thiền sư cùng cười và cùng ăn uống vui vẻ, chuyện trò râm ran, cứ như là đôi bạn tri kỷ.

Trước khi theo đạo Phật, vua A Dục liên tục tiến hành các cuộc chiến tranh, chinh phục để thống nhất nước Tây Trúc<sup>1</sup>. Do đẩy mắc vào tội ác tàn sát sinh linh ghê gớm. Sau ông giác ngộ theo Phật, và bằng mọi cách có thể làm, để hộ trì cho đạo Phật phát triển trong và ngoài Ấn Độ. Ông trở thành nhà hộ pháp lớn nhất trong lịch sử phát triển Đạo Phật tại Ấn Độ.

Chợt thiền sư ngưng nhìn nhà vua hỏi:

- Bản tăng lỗ mãng, xin bệ hạ tha tội. Vậy chữ sớm mai bệ hạ cày ruộng tịch điền thì cày như thế nào. Bệ hạ đi cùng với người lực điền cày ruộng, tay bệ hạ đẩy hờ vào tay cày do người kia nắm, và lội ruộng hết một

---

<sup>1</sup> Tên cổ chỉ nước Ấn Độ theo cách gọi của các nước dùng chữ Hán.

dường cày, để làm gương cho thiên hạ chăm việc nông tang. Có phải vậy?

Đặt bát cơm xuống mâm, nhà vua cười như nắc nẻ:

- Đúng là mọi người vẫn tưởng vua là thiên tử. Thiên tử là con trời; con trời từ trên trời rơi xuống nên chẳng biết làm ăn gì. Thiên sư lầm rồi. Tiên đế đã cho ta đi mở phủ mấy năm để làm các việc của người nông phu đó. Nhà vua chìa hai bàn tay- Đây đây, chai vẫn còn dónng đầy tay. Nhà chùa có biết ta đã phải vật lộn thế nào với mảnh đất khai phá khi mở phủ.

Về mơ màng, nhà vua dần dần nhớ lại mấy năm về Tam Sơn, sống chung lẫn với người nông phu lam lũ. Gặp anh em Mạnh Minh. Học nghề kéo tơ rồi cuối cùng là đưa Minh Nguyệt về cung.

Lại nhớ việc dệt lụa và dệt gấm. Nghề dệt gấm mới khó làm sao. Thợ ta chỉ dệt được gấm trơn hoặc cái hoa đơn. Còn ta lại muốn dệt loại hoa kép như gấm Hàng Châu. Thế là ta phải dùng cả một tấm gấm Hàng Châu, tháo dần từng sợi, mãi mới tìm ra được cái mẹo kết hoa kép của họ.

Chợt nhớ dang câu chuyện với nhà chùa, Thái tông lại tiếp: - Sớm mai, ta mời hoà thượng đến chứng cảnh ta cày ruộng, hoặc ta chỉ dấy hờ theo cái cày.

- Thiện tai! Thiện tai! Bần tăng chỉ mong sao cái ý

ngẫm của mọi người thường cho rằng, vua sinh ra là chỉ để thụ hưởng những gì tốt đẹp nhất trên đời, và sai bảo thiên hạ chứ vua không biết làm gì, kể cả suy nghĩ của nhà vua cũng là do bầy tôi nghĩ dùm, bản tãng mong cho ý nghĩ ấy là sai quấy. Nếu thiên hạ nghĩ sai về bệ hạ như bản tãng vừa nói, thì đó lại là điều phúc hạnh cho bách tính.

Thiền sư chậm chạp ngược khuôn mi nhìn vua Thái tông:

- Bệ hạ đại xá, bản tãng vốn theo đạo Thiền, mà thiên thì trực chỉ, nên lời nói nhiều khi nghịch nhĩ lắm.

- Ô, không sao, không sao. Ta chỉ muốn nghe lời nói thẳng, mong hòa thượng cứ chỉ giáo.

Thiền sư cười mở hết cá hai hàm răng đen nhưc.

- Bệ hạ đã có bao giờ được nghe trẻ hát đồng dao. Đây chính là lời đồng dao bản tãng đã từng nghe trẻ con hát hát dưới thời Lê ngọ triều.

Bệ hạ là bậc đại trí, đại nhân, bản tãng xin đọc bệ hạ nghe để làm lời răn cho đời sau. Bản tãng nhớ, những năm thiên hạ chết đói đầy đường, mà vua Lê Long Đĩnh lại bạo sát quá, nên dân gian đặt đồng dao cho trẻ hát như sau:

Làm vua phải biết làm vua,

Làm vua phải biết cho vừa lòng dân.

Thánh quân cho đáng thánh quân,

Thánh quân phải biết muôn dân nhọc nhằn.

- Hay! Hay lắm!- Vua Thái tông khen.- Phải, đó chính là lời bách tính răn những ai trị vì đất nước muốn trở thành minh quân.

Trời! Khổng Tử nói: “Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư”<sup>1</sup>. Thế mà bữa nay chỉ có nhị nhân thôi, nhưng hoà thượng đã khai thị cho ta nhiều điều bổ ích, thật đáng là bậc thầy ta lắm!

Thiền sư hốt nhiên giật mình, bèn đứng dậy vái nhà vua:- Bệ hạ dạy quá lời, bản tăng đến tổn thọ mất.

---

1 Ba người cùng đi, tất một người có thể làm thầy ta.

## IX

C hững cuối canh tư, gà gáy dồn, mấy chú tiểu tăng đã dậy lo sửa soạn ấm chén pha trà. Thiền sư đã lên chùa vào khóa lễ sớm.

Thiền sư tự tay thấp nhang và thay nước cúng các ban thờ tam bảo. Nhà sư lui ra tinh tọa trên một chiếc chiếu lễ, phía trước kê một chiếc mõ, một chiếc chuông, một giá để kinh, thiền sư một tay đặt lên bìa quyển kinh, tay kia thỉnh ba tiếng chuông rồi vào nhịp mõ. Sư không mở sách nhưng đọc lời kinh nhịp nhàng không mau, không thưa cứ như tiếng mưa rơi thánh thót. Khóa lễ sớm nay, thiền sư tụng phẩm *Bát nhā ba la mật da tâm kinh*.

Lời kinh sâu lắng, khói hương thơm dịu dịu, tiếng mõ đều đều, thảng lại điểm một tiếng chuông trong trẻo như đưa hồn ta vào cảnh giới Niết Bàn.

Đêm qua nhà vua nghỉ lại chùa. Ngài có thói quen dậy sớm để luyện tập. Buổi đêm, trước khi đi ngủ, ngài



ngồi thiền. Sớm, ngài luyện võ. Bữa nay nhà vua tập hầu quyền trên bãi cỏ phía sau chùa. Nhưng những thanh âm từ trong chùa lan tỏa ra cùng với lời kinh như hút cả tâm trí nhà vua. Các đường quyền cứ riu lại chẳng còn trật tự lớp lang gì hết. Lời kinh như một ma lực hút dần, hút dần nhà vua đi lại phía cửa chùa. Khi tới bậc tam cấp, ngài ngồi xuống. Tự nhiên chắp hai tay vái vọng vào chùa, miệng đọc lời kinh nhịp cùng thiền sư...

*Bát nhã ba la mật da thời*

*Chiếu kiến ngũ uẩn giai không*

*Độ nhất thiết khổ ách*

*Xả lợi tử*

*Sắc bất dị không*

*Không bất dị sắc*

*Thụ, tướng, hành, thức*

*Diệc phục như thị...*

*... Yết đế, yết đế, ba la yết đế*

*Ma ha Bát nhã Ba la mật da!*

Thiền sư vừa dứt phẩm kinh, dứt tiếng mõ tiếng chuông quay ra thì cũng vừa gặp nhà vua đứng dậy.

Hai bên thi lễ rồi thiền sư mời nhà vua sang lầu

“Khán nhật xuất”<sup>1</sup> dùng trà.

Nâng chén trà ấm nóng trong tay, nhà vua hít hà mùi hương mộc quen thuộc mà chợt nhớ hồi còn theo học thiền sư Cửu Chỉ, đã nghe sư nói đó là loại thiền tự chi hoa.

Uống ngụm nước, mùi thơm dịu của hoa và vị trà cứ đọng mãi nơi cổ họng. Nhà vua hỏi thiền sư mà cứ như bộc bạch tâm tư:

- Bạch thiền sư, không hiểu tại sao mỗi khi cầm đến quyển kinh Thủ Lăng Nghiêm ta cứ mê mẩn. Lần đầu tiên, khi đọc đến đoạn “...*Thị chư pháp không tướng, bất sinh bất diệt, bất cấu bất định, bất tăng bất giảm, thị cố không trung vô sắc, vô thụ, tướng, hành, thức...*” thì ta liễu ngộ ngay được yếu chỉ của đạo Thiền.

Sư chiêu xong ngụm trà rồi thông thả đáp:

- Tâu bệ hạ, việc giác ngộ đạo thiền cũng là tùy duyên. Duyên thế nào, tất sẽ ứng hợp như thế. Cho nên người đời cứ hỏi tu theo pháp môn nào thì sẽ tròn đầy đạo quả, bản tăng không thể chỉ dẫn cho ai được. Vì rằng, tu Phật có tới cả vạn vạn pháp môn, ai có duyên với pháp môn nào thời pháp môn đó sẽ khai mở.

- Quả đúng như vậy. Nhà vua xác nhận.

---

1 Nghĩa là lầu xem mặt trời mọc.

Hai vị đại nhân thôi không đàm đạo nữa , mà cùng lắng hồn trong cõi tịch tĩnh. nghe tiếng gió nhẹ từ ngoài khơi cùng tiếng sóng biển rì rào chuyện vãn, như đang ru hồn các bậc cao nhân. Bỗng từ phương đông loé lên một ráng hồng. Nhà sư sung sướng reo:

- Hay quá! Nhờ hồng phúc của bệ hạ, hôm nay trời đẹp lắm. Đây kia, bệ hạ hãy nhìn mặt trời đang từ trong lòng biển mọc lên.

- Ta đi biển cũng nhiều, vua nói. Cái hồi đi đánh Chiêm Thành năm Canh thân (1020), đi về lênh đênh trên biển đến cả tháng ròng mà có bữa nào xem được mặt trời mọc như hôm nay - Hòa thượng xem kia, đúng là nó chui từ nước lên. Đây mới đích thị là giả tướng.

Nhà vua chưa kể xong câu chuyện đi đánh Champa, mặt trời đã nhô lên khỏi mặt biển, nom như một quả cầu lửa tròn xoe. Và lúc này nó lên nhanh như con điều vừa bắt gió.

Nắng lên, một thứ nắng xuân non nhẹ, vừa ẩm ướt hơi sương, vừa tràn đầy sinh khí, khiến con người và cả tạo vật như tươi tốt hẳn lên. Lúc này nhà vua mới kịp ngắm cái “lầu khán nhật” của thiền sư. Tên gọi, nghe có vẻ sang quý chứ thực nó không hơn một cái lều tranh, dựng lên bốn cây cột bằng tre bương cao vút, mái lợp rạ, xung quanh chốt bằng các gióng tre và trải giát cũng bằng tre bương đập giập. Lên xuống lầu bằng một chiếc

thang, trèo lên, trèo xuống dập dềnh như đi trên bè mảng. Ấy vậy mà nhà vua cũng lên ngự một cách thần nhiên, như ngự trong cung vàng, điện ngọc. Thế mới biết khi người ta đã có cái tâm đạo, thì người ta không nệ chấp, không bầu víu vào một cái gì hết. Thiền sư biết nhà vua là người như vậy, nên mới dám lưu ngài làm thiền khách, còn như câu chấp vào lễ đón thiên tử, thì cái đó thuộc về quan đầu lộ Sơn Nam chớ đâu phải nhà chùa. Vả lại Lý Thái tông cũng là người hiểu đạo, nên ngài thường giao du với các bậc thiền sư, đạo sư và hay thăm viếng các nơi chùa, quán để đàm đạo.

Nhà vua và thiền sư vẫn nhắn nha đối ẩm trong cảnh chùa tĩnh lặng thì trong làng, vừa tờ mờ sáng, cờ đã cắm đỏ đường đi lối lại. Những bậc già cả trong làng đều dậy sớm, nấu nước lá thơm rửa mặt, mặc những bộ áo quần đẹp nhất, mới nhất. Mọi người gọi nhau í ới để đến chỗ tập trung đi rước vua.

Xã trưởng xăng xái đi đi lại lại, đến lúc này ông không còn biết mình phải làm việc gì nữa. Cứ nom sắc mặt đủ biết ông lo hơn là vui. Như chợt nhớ ra điều gì, ông gọi đầy tớ:

- Nhỏ!

- Dạ!- Anh đầy tớ đang ở đâu đó trong sân, vườn nghe tiếng gọi vội vàng chạy đến trước thềm căn nhà gỗ năm gian, nói đồng dạc.- Ông sai con ạ?

- Hôm nay bắt trâu nhà nào để hoàng thượng cày ruộng tịch điền, mà có nhớ?

- Dạ thưa ông, ông đã nói cả tháng nay bắt trâu nhà ông Bầu. Trâu nhà ấy khoẻ, đẹp mã, cày giỏi, không dễ chứng đánh tháo hoặc bắt nạt người cày. Nó là con lành nhất trong đám trâu làng. Cha con nhà ông ấy chăm bẵm tắm tấp khiến con trâu lúc nào bụng cũng căng như bụng trống, da đen bóng như láng mực, chuồng trại sạch sẽ, tinh thơm lắm. Còn dự trữ ba con nữa có trâu nhà ông Thuộc, trâu nhà ông Dán, trâu nhà ông Phó Lạp. Các nhà ấy cũng chăm sóc chu đáo chẳng kém trâu nhà ông Bầu. Ông khỏi lo.

- Ờ, ờ phải. Trâu nhà Bầu thì lành nhất rồi- Thế cày lấy ở nhà nào mà có biết.

- Dạ , bẩm ông, trâu nhà nào thì cày nhà ấy nó mới khoẻ vừa chèo chứ ạ.

- Ờ phải! Thế thì được rồi- À này, mà có nhớ mấy hôm trước, tao cho mõ làng đi rao những cái gì không?

Anh nhỏ cười đắc ý, mắt cậu ta hơi vênh lên:

- Mọi ngày ông cứ chửi con ruột để ngoài da, chẳng nhớ một cái gì. Thế mà hôm nay, cái gì ông cũng hỏi con. Được rồi, con đi tìm anh mõ đến để anh ấy rao lại cho ông nghe.

Xã trưởng nghiêm mặt:

- Cái thằng lão. Tao bảo mày nhắc lại các việc mỗ làng đã rao, chứ bây giờ còn đi tìm mỗ thì đến bao giờ.

- Thì ông để con nói. Là vì con sợ nói không hay được như anh mỗ. Gớm, anh ấy sắp xếp việc trên, việc dưới, lớp lang thứ tự như người làm thơ, rao giảng có vần có điệu, giọng hay như rót vào tai người ta như mấy anh kếp hát.

Đấy, con chỉ sợ không có tài như anh mỗ, cứ kể trần thui lụi, ông lại mắng” cái đồ dùi đục chấm mắm cáy thối”.

Dạ, việc thứ nhất là vua sẽ về làng ta cày ruộng tịch điền.

Việc thứ hai là đắp đàn tế Thần nông.

Việc thứ ba là từ tiểu hoàng nam, đại hoàng nam, trung lão, đại lão<sup>1</sup> đều phải mặc áo quần tề chỉnh đi đón vua.

Việc thứ tư là những người rỗ mặt, sứt môi, lồi rốn, đui, què, mẻ, sứt không được vác mặt ra đường khi kiệu vua đã vào làng.

Việc thứ năm...Việc thứ sáu...Việc thứ bảy...

---

1 Thời nhà Lý quy định: Tiểu hoàng nam tới mười tám tuổi. Đại hoàng Nam đến hai mươi tuổi. Trung lão đến sáu mươi tuổi. Đại lão đến bảy mươi tuổi trở lên.

- Thôi! Thôi đủ rồi! Tao nhớ hết cả rồi không mượn cái mồm mày liến láu nữa.

- Ông rõ thật là...

Lại nói về đàn tế phải lập theo quy chế của triều đình. Đích thân quan Tư thiên giám về coi sóc. Đàn cao bảy thước, rộng ba mươi thước, bốn bề đắp tường đất để làm chỗ tế. Trước lễ tế một ngày, nhà vua đã về kiểm xét rồi dặn dò các quan sở tại lo tu chính việc bày hương án, lo sắm sanh lễ vật.

Nhờ ra lễ hiến sinh phải giết tới ba loại đại gia súc như trâu, dê, cừu. Nhưng nước ta không có cừu, có thể thay thế bằng ngựa hoặc bò. Tuy nhiên để dành sức kéo cho nhà nông, từ đời Thái tổ đã có lệnh cấm giết trâu bò cày kéo khoẻ mạnh để làm lễ tế thần hoặc ma chay, cưới hỏi, giỗ chạp trong các làng xã. Và thay vào đó là lợn hoặc dê, nhưng cũng chỉ hiến nhất sinh thôi chứ không phải hiến đủ tam sinh. Vì vậy lễ tế Thần nông năm nay cũng chỉ giết có một con lợn. Nhà vua phải ăn chay và tiết dục trước lễ ba ngày. Việc này nhà vua đã biết và đến chùa ăn ở với thiền sư, nên tránh được sự tổn kém, phiền hà cho cả quan chức và dân chúng sở tại.

Sáng sớm. quan đàn sứ đã bày đồ tế khí và lễ vật. Một chiếu làm vị thượng hương và một chiếu làm vị bái ở trên đàn, đặt hai cái án ở hai bên vị thượng hương, để nộp hương ở án bên tây, lư hương ở án bên đông. Hai

thự Đồng văn, Nhã nhạc bày nhạc khí ở bên đông đàn. Các quan đều mặc phẩm phục đứng chờ ở đàn sớ.

Lúc này thái sư Lương Nhậm Văn; tả, hữu tham tri chính sự Lý Mật, Kiều Bồng; trung thư thị lang Liêu Gia Trung; Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiếu, Định thắng đại tướng quân Nguyễn Khánh cùng hai vệ tả, hữu kim ngô đã vào chùa rước xa giá ra lễ đàn.

Dân chúng trong các làng xã gồm các chức dịch và nam phụ lão ấu áo quần, khăn mũ chỉnh tề đứng chật ních hai bên vệ đường có kiệu vua qua. Tiếng hô, tiếng chúc tụng đồng thanh vang dội: Hoàng thượng vạn an! Hoàng thượng vạn tuế! Lòng dân hồ hởi.

Nhận thấy sắc mặt người dân hồng hào, nói cười thoải mái, Thái tông biết rằng dân của ngài không còn bị đói nữa, và trong nơi hương ấp cũng không còn cảnh chức dịch hà hiếp dân nữa. Nhà vua vén tấm màn sáo thò đầu ra ngoài vẫy vẫy dân chúng.

Đáp lại cử chỉ thân tình của nhà vua, dân chúng lại hô vang lời chúc tụng đến khản cả giọng.

Từ trên kiệu son bước xuống, nhà vua xung xính trong bộ áo bào bằng vóc đại hồng, ngực áo thêu rồng vờn mây bằng kim tuyến, lưng thắt đai ngọc, đầu đội mũ bình đỉnh tứ phương, chân đi hia màu tía biếc thêu các áng mây nổi.



Quan đàn sử và thái sử Lương Nhậm Văn rước nhà vua tiến vào trong đàn. Nhã nhạc tấu lên. Âm thanh từ các nhạc khí vang giữa thính không tĩnh lặng.

Quan đàn sử đốt ba nén hương trầm dâng lên Thái sử Lương Nhậm Văn.

Thái sử quỳ xuống dâng lên vua Thái tông. Nhà vua đỡ lấy rồi cắm vào lư hương.

Nhã nhạc dừng. Một hồi ba tiếng chiêng vừa dứt, nhà vua quỳ lễ Thần nông. Vua đứng sang bên tả hương án. Quan Trung thư thị lang Liêu Gia Trung tiến lên ba bước thì dừng lại trước hương án, ông quỳ lễ năm lễ, vái ba vái rồi mở chúc văn trên hương án đọc. Giọng ông ấm áp, trong trẻo, đọc rành rõ, từng lời từng lời như tiếng chuông thánh thót rót vào tai người nghe.

“...Thần là chủ tể của muôn phương. Chức trách của thần lớn lắm. Thần nắm giữ vận mệnh của loài người...Cầu thần năm nay lại cho hòa cốc phong đăng, mùa màng bội thu, dân lành được no ấm. Đức của thần thật là lớn. Dân chúng toàn cõi trong nước Việt đội ơn thần...”.

Quan Trung thư thị lang đọc xong chúc văn, vua lui xuống đàn, các quan lần lượt vào làm lễ thần.

Một thoáng sau, vua Thái tông đã trút bỏ triều phục. Ngài mặc chiếc áo cánh, cửa tay hẹp may bằng

vải thanh cát là loại vải người dân thường mặc, khuy gài bên sườn, chiếc quần dài lửng cũng may bằng vải thanh cát. Vua cất tiếng hỏi:

- Các người đã đánh trâu, đem cày ra đây chưa?

Các quan xúm vào can vua:

- Bệ hạ là người đứng đầu cả một nước. Một lời nói của bệ hạ làm cho cả nước hưng thịnh, việc gì bệ hạ phải làm công việc của đám nông phu.

- Các người nhầm rồi, nếu trẫm không tự thân cày ruộng thì lấy lúa gạo đâu mà làm xôi cúng tổ tiên của trẫm. Nếu trẫm không cày ruộng thì lấy gì để làm gương cho con dân trong nước chuyên cần việc nông tang. Vả lại, trẫm nghe nói xưa hoàng đế Lê Hoàn thường đi cày cả buổi với người nông phu, hoặc còn đóng khố đi úp cá, đánh vật với họ. Nói cho cùng thì vua cũng chỉ là một con người, có khác chăng ở như chỗ trách phạt mà thôi.

Thiền sư cũng góp thêm vào:

- Quả vậy, việc cày ruộng của người nông phu sao có thể ví với việc cày ruộng của bậc thiên tử. Thiên tử cày ruộng đâu chỉ vì việc cày ruộng, mà chính là thiên tử cày vào lòng dân. Từ đó, dân sẽ vì thiên tử mà cày ruộng, chăm bẵm mùa màng.

Thái tông quay lại vái thiên sư :

- Đa tạ tấm lòng tri kỷ. Nói rồi vua xăm xăm bước xuống ruộng, tự mình mắc vai cày lên mình trâu, so dây áng nơi vai cày, nơi chĩa cho đỡ căng rồi nắm tay cày giục trâu đi. Nhà vua cắt một đường cày thẳng tắp, đất lật lên đỏ au. Quành trâu, vua lại cày tiếp một đường khác song song úp sát vào đường cày vừa lật mở.

Các quan và dân chúng đứng xem kín cả bốn bờ ruộng. Ai nấy đều xanh mắt, không ngờ vua lại thạo cả việc cày cuốc đến thế.

Từ lúc nắm tay cày, vua đã dặn mọi người không được reo hò. Nếu reo hò trâu sợ đánh tháo cày, sẽ nguy hiểm. Xong bốn đường cày, vua dừng lại. Xã quan đỡ lấy cày tháo khoằm, dắt trâu ra ngoài. Lúc này cả trăm quan và bách tính đều reo hò như vỡ cả đất trời.

Vua nói vài lời úy lạo thần dân rồi cùng các quan lên kiệu, ra bến thuyền về kinh. Trong khi đó, dân làng bày xôi, thái thịt làm cỗ quây quần ăn uống vui vẻ ngay trong khu vực đàn tràng. Họ vừa ăn vừa nói chuyện, vừa ca ngợi công đức của hai triều đại Thái tổ, Thái tông đem lại no ấm, hạnh phúc cho muôn dân. Các cụ cao tuổi đã từng sống dưới triều quý vương Lê ngoại triều, thì kể về những tháng năm đau đớn của toàn dân tộc.

Cuộc ăn uống vừa tàn, mọi người lục tục ra về, trời đang quang thì sầm tối, rồi ào một trận mưa rào nhẹ đổ xuống đàn tế, đổ xuống cánh đồng vùng Bó hải khẩu. Thoát trời đã tạnh, nắng lại vàng tươi. Ai cũng bảo đầu xuân đã có mưa rào, chắc là trời ứng điềm lành, năm nay ắt được mùa to.

## X

Quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh cùng mấy người tùy tùng bước xuống một con thuyền hai buồm. Nhìn bên ngoài, chiếc thuyền này cũng giống như các thuyền buôn khác. Nhưng thực là thuyền chiến được hoá trang. Đáy sạp có thể nhốt được tới hai chục con ngựa chiến, hoặc chở tới hai trăm thùy thủ với đủ cá lương thảo, khí giới lênh đênh trên biển tới nửa tuần trăng. Khi bình thường, lắp hai chục mái chèo ở hai bên mạn thuyền, cùng với hai lá buồm mũi, buồm lái để lấy sức gió đẩy thuyền đi cho đỡ công chèo. Nhưng khi bắt đúng hướng gió, lại có gió to nữa thì khỏi dùng chèo, chỉ hai lá buồm no gió và giông cho vững tay lái, thuyền đi còn nhanh hơn sức ngựa chạy. Cũng con thuyền này khi lâm trận, có thể lắp bốn chục mái chèo ngang thân thuyền, mỗi mái hai người chèo, và đẩy nắp ngang thân thuyền ra sẽ có rất nhiều lỗ mà từ đấy có thể bắn cung hoặc bắn hỏa hổ, hoặc thổi ống sùy đồng

về phía thuyền giặc. Trên sạp thuyền luôn có một đội dũng thủ sử dụng kiếm hoặc đoản đao cùng lá chắn, đề phòng quân địch dùng cung, nỏ bắn lên hoặc quân giặc xông lên đánh sạp lá cà.

Thuyền khởi từ cửa Tam Trĩ, sông uốn lượn giữa một bên là rừng núi bạt ngàn, và một bên là rừng sú vẹt trái dài. Nhìn dòng sông len lỏi giữa hai bên núi rừng hiểm trở, rất có lợi cho việc phòng thủ, quan khu mật sứ nghĩ ngay đến việc lập những đội thủy binh nhỏ, gồm những dân chài lưới, dân sơn tràng tại chính nơi quê hương họ vào việc phòng thủ mật sông suối và biển cả này, tựa như những nông binh trong “ngụ binh ư nông sách”, đã đề ra từ đời Thái tổ Lý Công Uẩn.

Thuyền ra khỏi vùng cửa sông thì nhập vào biển. Buồm bắt được gió no phồng, khiến thuyền rẽ sóng băng băng như lướt trên mặt biển. Mấy con ngựa quen đi đường đồng bằng và vùng sơn cước, nay được cỡi thuyền vượt biển, dường như chúng cảm nhận được điều gì khác lạ, cả năm con đều lắc bồm, đập móng xuống sàn bồm bộp và cùng hí vang. Mấy người giám mã vội vã xuống thuyền vỗ về những con ngựa đang hốt hoảng, và cho chúng ăn. Một lát sau, chúng đã yên yên trở lại. Nhưng hễ các giám mã lên hết trên sàn thuyền, chúng lại réo gọi. Khi có một hai giám mã quanh quẩn quanh lòng thuyền thì chúng không giậm

đạp hoặc rống, hí nữa.

Quan Khu mật sứ ngồi trong khoang lái với mấy người tùy tùng. Rèm hai bên vách thuyền đã cuốn lên, hai hàng con tiện đều tằm tấp mở ra tầm nhìn không hạn chế. Lúc này đã vào khoảng cuối giờ tị, mặt trời lên tới đỉnh đầu, ánh nắng trải một lớp vàng dát lên mặt biển xanh bao la khiến chói cả tầm nhìn. Con thuyền vẫn phóng đi băng băng như một con ngựa thiên lý. Bỗng hải trình quặt sang trái. Người lái thuyền đã buông chùng dây lèo cho thuyền đi chậm lại. Và chừng một khắc canh thấy hiện lên trước mũi thuyền một chấm xanh mờ. Càng đi chấm xanh càng hiện rõ, càng to dần cho tới lúc mọi người cùng reo lên: “Mũi Ngọc!”<sup>1</sup>.

Òi, mũi đất đầu tiên khẳng định quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của nước Nam. Từ xưa, quan Khu mật sứ và các tùy tùng đều nghe nói đến mảnh non sông gấm vóc này, nhưng đây là lần đầu tiên được nhìn thấy.

Hai cánh buồm từ từ hạ xuống, mũi thuyền chạm vào đất như đứa trẻ hít hà bầu vú mẹ. Tắm ván bắc cầu lao ra, mọi người lục tục lên bờ, thuyền neo đậu lại.

---

<sup>1</sup> Ngàn năm trước Mũi Ngọc còn là một hòn đảo thuộc châu Vạn Ninh nay là thị xã Móng Cái và do phù sa bồi đắp nay đã là bán đảo nằm trong bãi Tràng Vi.

Viên đô tướng cùng đám lính canh giữ đảo nghe nói có mệnh quan của triều đình ghé thăm, khiến họ vui mừng khôn tả. Loáng một cái, tất cả quan quân, lính thú đều đến vây lấy quan khu mật sứ, và ân cần mời các vị tân khách vào trong nhà nghỉ tạm. Ở nơi đầu sóng ngọn gió, những người lính nom có vẻ cứng cáp như xương sắt, da đồng. Họ bỏ lại nơi quê hương cha, mẹ, vợ con, bè bạn, xóm làng để ra đây canh giữ cho cả nước được yên bình.

Quan Khu mật sứ khéo gợi chuyện từng người lính. Ai cũng cảm động vì được mệnh quan để ý tới. Và họ khoe với quan trên đủ thứ chuyện riêng tư, buồn vui từ nơi thôn ấp đến mảnh đất địa đầu này.

Thăm hỏi mọi người xong, quan khu mật sứ hỏi viên Đô tướng:

- Ở vùng biển này có tàu thuyền các nước lại qua không?

- Bẩm thượng quan, chỉ có thuyền đánh cá của ngư dân bên Tàu thôi ạ. Còn thuyền buôn các nước không tới được vì cả bên Tàu lẫn bên ta đều không có thương cảng.

- Thuyền đánh cá của người Tàu có vào đánh bắt cá trong vùng biển của ta không?

- Dạ bẩm đại quan, có chứ ạ. Thuyền lưới, thuyền



câu của ta cũng nhiều phen sang đánh bắt cá phía biển bên nhà Tống nữa, chẳng phân biệt rạch ròi được đâu. Khi đã xuống biển thì cứ tòng thủy dả ngư<sup>1</sup>, làm sao người ta còn phân biệt được chỗ nào là biển của nước Nam, chỗ nào là biển của nước Tàu.

- Bảy giờ tạm chấp nhận điều ông nói, nhưng về lâu về dài, việc này phải được phân định rạch ròi. Vậy chớ vùng biển này, quân thủy của người Tống có hay qua lại, và họ có tập trận trên mặt biển của ta không?

- Dạ bẩm thượng quan, từ ngày thầy trò chúng con đồn trú ở đây đã ba năm, chẳng thấy tăm hơi một bóng quân thủy nào của người Tàu lai vãng trên vùng bể này. Máy nữa, thưa đại quan, con nghe nói bên nhà Tống loạn to lắm phải không ạ. Vâng, bây giờ thì họ lo chuyện giữ nhà cũng không xong, sức dẫu mà dòm ngó sang đất ta.

Quan Khu mặt sử nghiêm sắc mặt, phán:

- Đò tướng quân. Ta thấy trong đầu óc ông có phần tự phụ, coi thường người Tống. Việc nước Tống có loạn là việc của nước người ta. Ta không nhân cơ nước lân bang có họa mà gây họa thêm cho người, đó là điều thất đức, nước Nam ta chưa bao giờ làm điều đó. Nhưng ta có nhà, trước hết phải lo việc giữ nhà. Cứ rào giậu

---

<sup>1</sup> Theo nước mà đánh cá thôi chứ không phân biệt được ranh giới.

cho kín thì mới yên tâm được. Người là tướng võ, lại ít học, đâu có biết mới chỉ cách dây hơn năm chục năm, khi Đinh Tiên Hoàng và con là Đinh Liễn vừa bị ám hại, con nhỏ sáu tuổi lên ngôi, triều đình năm bề, bảy mối. Lê Hoàn nhiếp chính, Đinh Điền, Nguyễn Bặc khởi binh hỏi tội, vì ngờ Lê Hoàn mưu thoán nghiệp nhà Đinh.

Trong khi nước ta vừa có tang vừa có biến thế mà nhà Tống, thì Tống Thái tông chứ còn ai, nghe lời tâu của viên trí Ung Châu là thái thường bác sĩ Hầu Nhân Bảo rằng : *"An Nam quận vương và con là Liễn đều bị giết, nước đã gần mất, có thể nhân lúc này đem quân địa phương đánh lấy được, nếu bỏ sợ lỗ mất cơ hội"*.

Tống Thái tông toan gọi Hầu Nhân Bảo về triều, hỏi cho rõ tình hình rồi mới cất quân, nhưng viên đại thần Lư Đa Tốn bèn khuyên : *"An Nam nội loạn, ấy là lúc trời làm mất, triều đình ta trong khi bất ý đem quân đánh úp, tức như nói "sét đánh không kịp bưng tai". Nếu gọi Nhân Bảo về thì mưu tiết lộ, họ biết mất, sẽ vì địa thế hiểm trở, dựa núi, cách biển mà phòng trước, thế được thua chưa chắc biết được. Chi bằng bệ hạ giao cho Nhân Bảo nhận trách nhiệm việc ấy, lấy quân kinh hồ ba vạn người, kéo sang đánh luôn, thế sẽ như bể cành khô cây mục, chắc gì đã mất một mũi tên"*. Vua Tống cho việc ấy là phải.

Quan Khu mặt sứ ngừng lời, nhìn mọi người, lại nhìn trời bể mệnh mông, tí tấp phía xa xanh mờ mịt

về hướng bắc kia là đất Tống, trong đầu óc Mai Mạnh Minh đang dần hiển lộ chiến cuộc xâm lăng của nhà Tống. Ông tự hỏi, không biết tướng Tống là Trần Khâm Tộ và Lưu Trưng dẫn hai đạo quân thủy vào Tây Kết và Bạch Đằng liệu có phải chúng xuất phát từ vùng biển này chăng, hay dịch nữa lên phía trên.

Chợt nhớ đang nói chuyện với mấy người lính vùng địa đầu, quan Khu mật sứ quay ra hỏi viên Đô tướng- Vậy chớ ông có biết cuộc xâm lăng năm Tân Tị (981) của nhà Tống diễn ra trên đất ta như thế nào không?

- Dạ không! Viên đô tướng đáp nhẹ tênh - Đây là việc của các bậc thượng trí, chúng con sao biết được.

Quan Khu mật sứ nhăn mặt, lắc đầu- Ta thật đau lòng, đây là chuyện lịch sử nước nhà, người đường đường là một viên Đô tướng còn không biết, thử hỏi lính tráng và dân chúng sao mà hiểu nổi. Thôi được, ta sẽ nói tiếp để nhà người nghe, rồi nói lại cho mọi người biết, và từ đây liệu mà canh chừng đất nước. Các người chớ có dại dột mà tin vào những lời nói ngon ngọt của họ. Họ vừa thâm độc vừa tráo trở, tất cả các cuộc xâm lăng từ phương bắc, đều do các biên quan nước họ tâu về triều. Vì họ ở gần ta, nên dò biết nội tình, thấy sơ hở là họ tính chuyện ngay, nếu không cảnh tỉnh từ sớm, đề phòng từ xa sẽ trở tay không kịp, hối không kịp.

Mặt quan Khu mật sứ trở nên mơ màng, đoạn ông lại nói:- Vậy là Tổng Thái tông cử các quan đầu tỉnh vùng Lương Quảng như Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Thôi Lượng, Lưu Trường, Giá Thực, Vương Soạn...hợp quân bốn mặt, thủy bộ hai đường cùng tiến sang xâm lăng cõi bờ ta, mưu nuốt chửng nước ta.

Thế nhưng mưu sâu thì họa cũng sâu, Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng vừa đem quân qua lũy ải Chi Lăng, bị quân ta dùng kế trá hàng, dụ vào hang ổ, bắt được chém bay đầu. Bọn Trần Khâm Tộ thấy tiền quân bị diệt gọn, hồn bay phách lạc, vắt chân lên cổ bỏ cả quân mà chạy. Quân Tộ bị quân ta truy đuổi giết tới quá nửa. Bọn Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân cũng bị tan tác trên thế trận Bạch Đằng. Hai tướng Biện, Huân bị quân ta bắt sống giải về Hoa Lư cầm tù.

Từ đây quân Tống không dám ho hoe. Mặt bắc tạm yên. Nhưng ta vẫn nhắc các ông không được lơ đãng mất cảnh giác. Bởi họa đến với nước ta từ xưa vẫn từ mạn bắc. Và sau này nếu có cũng chỉ mạn bắc là cái họa tiềm ẩn dài lâu của nước ta.

Quan Khu mật sứ ngừng lời. Viên Đô tướng mặt vẫn còn đang hau háu muốn nghe. Đám lính thú cũng đến vây quanh quan Khu mật sứ nghe như uống lấy từng lời.

Quan khu mật sứ nhìn viên Đô tướng và đám lính

thú với cái nhìn khả ái. Đoạn ông căn dặn:

- Đô tướng nên nhớ, trách phận của ông cùng những quân canh đồn trú ở đây lớn lắm, thiêng liêng lắm. Không phải chỉ canh giữ cái mũi đất con con cùng hòn đảo nhỏ, nơi chõ ăn đá, gà ăn sỏi này, mà chính là biểu thị chủ quyền cho cả nước Nam ta từ Mũi Ngọc đến tận vùng biên địa với nước Chiêm Thành, mãi tận Hoan Châu. Ta chắc ông Đô tướng cũng chưa biết Hoan Châu ở chỗ nào.

- Dạ, bẩm mệnh quan đúng như vậy ạ. Con từ cha sinh mẹ đẻ chỉ sống ở nơi thôn ấp. Đến khi quan trên gọi đi việc binh, lại chỉ biết nơi đồn trú.

- Ông đã rõ chức phận, ta chỉ nói thêm, nhất nhất có động tĩnh gì từ bên kia biên ải, như họ tập trung quân bộ, quân thủy; hoặc giả họ tập thủy trận trên biển, phải lập tức chạy ngựa lưu tinh tâu báo về triều. Cùng lúc phải đốt lửa theo tín hiệu cáo cấp, để triều đình sớm biết mà còn kịp ứng phó.

- Dạ bẩm đại quan, con xin ghi dạ những điều ngài răn dạy.

Quan Khu mặt sứ vươn vai đứng dậy, đưa mắt nhìn ra phía biển xa, thấy lấp lánh ánh sáng trên một đám xanh xanh như nửa nổi, nửa chìm trong nước. Nhìn lâu thì đúng là một hòn đảo nhỏ nằm chơi vơi giữa

biển, cách nơi ông đang đứng chừng mười lăm, mười sáu dặm theo đường chim bay. Ông có cảm giác đảo ấy như anh em sinh đôi với đảo này. Chỉ có khác, đảo này ở sát đất liền, còn đảo kia<sup>1</sup> vẫn đang bồng bềnh ngoài biển. Nhớ lúc ở trên thuyền, khi còn cách xa, Mũi Ngọc lấp lánh dưới ánh mặt trời, thật chẳng khác một viên kim cương khổng lồ đang khoe bảy sắc cầu vồng.

Quan Khu mặt sử đi dạo một đoạn ven Mũi Ngọc, lúc quay trở lại đã thấy cơm nước dọn sẵn, các đồ hải sản bày biện chất ngát cả một chiếc mâm gỗ mộc. Quan bèn hỏi:

- Những đồ ăn này mọi người tự đi kiếm được hay phải mua?

Viên Đô tướng lễ phép đáp:

- Bẩm quan lớn thượng cấp, bề trên đã hỏi, chúng con không dám giấu. Đây là món sò huyết, mấy chú lính đi cào được ngoài bãi cát; đây là món khổng trùng hay ta còn gọi là bông thùa cũng bắt ở bãi cát kiểu như ta bắt con công cồng; đây là cua bể, bắt nơi ghềnh đá, dạo này cuối tuần trắng cua đang mẫy; đây là cá mực cũng vừa câu sớm nay; đây là hải sâm, đồ nấu tết dân

---

<sup>1</sup> Hòn đảo ấy chính là bán đảo Giang Bình ngày nay vẫn còn dân Việt cư trú. Do hiệp ước Pháp - Thanh, người Pháp vô trách nhiệm đã cắt cho phía Trung Quốc.

quanh vùng đem cho, còn bớt lại; đây là cá song, chỉ riêng có con cá này là phải đổi hai đấu gạo cho nhà chài thôi ạ.

Dạ, còn rượu này là của quan phán phủ sự cho mỗi tháng hai vò, chia làm hai kỳ vào các ngày sóc, vọng để anh em lính thú làm lễ thần linh xong sẽ chia cho mỗi người một bát. Vâng ạ, ngoài các ngày rằm, mùng một ra thì cấm ngặt lính không được uống rượu, không được hút thuốc phiện. Dạ, thuốc lào thì mặc lòng, ai muốn hút cứ việc hút, quan trên không cấm.

- Ta hỏi thật, bữa ăn thường ngày của mọi người như thế nào, thức ăn có kiếm được từ biển như các người nói, hay phải mua. Quan khu mật sứ chỉ vào một anh lính, mặt non choẹt- Người nói thử ta nghe.

Người lính trẻ với cử chỉ rụt dè quay nhìn viên Đô tướng. Đô tướng hất hàm:

- Đại quan đã hỏi, người cứ tình thực mà tâu.

Người lính trẻ nuốt nước miếng ừng ực, chấp hai tay vái dài quan khu mật sứ hai vái rồi khoanh tay nói:

- Bẩm... Bẩm đại quan, mỗi ngày thầy Đô tướng cho hai đến ba người lính chúng con ra bãi biển kiếm thức ăn cho cả đô<sup>1</sup> quân. Dạ gọi là đô, nhưng ở đây chỉ

---

<sup>1</sup> Biên chế đầy đủ cho một đô quân là 80 người. Bán đô tức nửa đô bằng 40 người, cỡ một trung đội bây giờ.

có bán đồ thôì ạ. Dạ, thức ăn kiếm dễ lắm ạ. Nước cạn chúng con đi cào sò , ốc, xãm sái sùng. Dạ, chính là con bông thùa đấy ạ.

Còn nước ngập bãi thì bắt sam, moi trứng vích, trứng rùa, câu cá, câu tôm, bắt cua, bắt cà khé<sup>1</sup>...Dạ, nhiều thứ lắm ạ, thức ăn ở biển thì chẳng bao giờ thiếu. Nhiều ngày mưa to lỡ gạo, chúng con phải ăn đồ biển thay cơm. Dạ bảm mệnh quan, con nói hết rồi ạ. Người lính trẻ bẽn lẽn dừng lời và chạy biển ra phía sau, nép vào vai mấy người đứng tuổi, vẫn chưa hết run.

Quan khu mật sứ tin lời những người lính thú. Bởi điều ông quan hoài nhất là bữa ăn của họ. Bây giờ thì ông yên tâm ngồi ăn uống với họ, và ông không khỏi ngạc nhiên vì bắt các loài hải sản lại đơn giản và dễ dàng đến như vậy.

Thăm đảo, xem các nơi bố phòng khi có biển, nơi đốt lửa báo hiệu thông tin, yên ủi mấy người lính thú, dặn dò viên Đô tướng, rồi quan khu mật sứ cùng đoàn tùy tùng lại xuống thuyền.

Thuyền mới dời Mũi Ngọc chừng một dặm, hai cánh buồm đã căng gió. Người lái thuyền, một chân

---

1 Cà khé thuộc loài cua gai. Bắt nó phải dùng móc sắt và tay quán nhiều lần giẻ. Thịt loài cua này đỏ như gạch cua, dùng làm mắm hoặc chế biến đều ngon.



khiến tay lái, một tay giữ dây lèo, tay kia dùng la bàn chỉnh hướng. Nhìn vào la bàn, thấy thuyền đang đi vào hướng tây- nam, quan khu mật sứ bèn hỏi;

- Nếu sức gió cứ đều như thế này thì bao giờ thuyền tới được Vân Đồn.

Người lái thuyền đáp:

- Bẩm thượng quan, bây giờ đang lúc nước triều lên, gió còn thuận đến cuối giờ hơi là bắt đầu nước triều xuống, gió sẽ đứng. Thuyền đi chậm lắm ạ. Có khi trưa mai thượng quan vẫn còn phải ăn cơm ở trên thuyền. Có nhanh cũng phải cỡ này thượng quan mới tới được Vân Đồn. Dạ bẩm thượng quan, Vân Đồn nhiều đảo lắm, ngài ghé đảo nào để còn lựa.

Nghe hỏi ghé đảo nào, quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh hơi dọ mặt vì gương. Bởi cũng như vùng ải bắc và vùng biển đảo Vân Đồn, quan ông chưa một lần đặt chân tới. Nếu như không có mệnh của nhà vua ủy thác di kinh dinh, thì chưa chắc quan ông đã được ngó nhìn thấy miền địa đầu thiêng liêng của đất nước.

Vốn là người trung thực, mệnh quan cười vui đáp lời:

- Thú thực với ông, lần đầu ta tới miền hiem địa này. Ta nghe nói vùng hải đảo Vân Đồn là cửa ngõ vào cửa Lục, vào sông Bạch Đằng, rồi từ đó tiến lên Lục

Đầu Giang. Lại từ Lục Đầu Giang có thể theo đường thủy về tận Thăng Long hoặc tiến lên mạn Bạch Hạc, Đà Giang rồi thẳng sang Tàu.

- Dạ, bẩm mệnh quan, đúng như vậy. Cho nên từ thời nhà Lê đã giữ đường vào cửa Lục chặt lăm. Bởi thế, các đảo ngoài Vân Đồn, ta canh phòng rất chi là cẩn thận. Và khi giời, thuyền bè lúc nào cũng sẵn sàng, phòng khi có biến.

Dạ, đảo ở Vân Đồn thì có nhiều, nhưng quân thủy của ta chỉ đồn trú trên một số đảo lớn, có nước ngọt, lại án ngữ luồng lạch đi vào cửa Bạch Đằng. Dạ, để mệnh quan tiện làm việc, hạ cấp sẽ đậu thuyền tại đảo Minh Châu, bởi ở đó là bản doanh của Đô tổng quản Đông hải đại tướng quân.

- Được! Ông cho ta tới đó.

Quan Khu mật sứ rời khoang lái, bước rảo về phía mũi thuyền. Lúc này xuôi gió, các thủy thủ đều vào khoang nằm nghỉ, chỉ có dăm bảy người túc trực hai bên mạn thuyền. Trong khoang thuyền, người thì ngủ, người thì hát nghêu ngao, lại có đám xúm vào kể chuyện vui hoặc đánh tam cúc. Bầu trời trong xanh và cao vợi vợi. Thuyền đi băng băng như lướt trên mặt nước. Quan Khu mật sứ quay nhìn tứ phía và ông nhận ra mặt biển tựa như một quả cầu tròn, khắp bốn xung quanh đều thấp hơn so với nơi mà chiếc thuyền của ông đang rẽ nước.

Nhìn hút tầm mắt chỉ thấy mênh mông một sắc xanh trời và nước. Trước bao la vũ trụ, con người sao mà nhỏ bé, sao mà đơn cô, chợt một cơn gió mạnh ào đến làm căng dây lèo, con thuyền chao nghiêng. Mấy người thủy thủ đang chơi nhởi lao nhanh về phía lái. Người lái thuyền căng hết sức giữ tay lái và thả chùng dây lèo cho con thuyền khỏi lật.

Chứng kiến một thoáng giữa cái sống và cái chết, quan khu mật sứ nghiệm ra cái kiếp nhân sinh chỉ là trò chơi của tạo hoá. Nếu như vừa rồi, chiếc dây lèo bị đứt, hoặc mấy người thủy thủ không nới kịp, thuyền lật thì mấy chục mạng người và ngựa này...Ôi chao, đã xong một kiếp phù sinh.

Mặt trời xuống ngang thân cột buồm thì phía trước hiện ra mấy chấm xanh mờ. Những chấm xanh to dần và quan khu mật sứ cảm như đó là những hòn đảo mà ông sắp đặt chân tới. Càng lúc thuyền bè di lại càng tấp nập. Nhiều thuyền buôn nước ngoài cấm cờ hiệu mà ông không biết là của nước nào. Những chiếc thuyền to, cao lừng lững như một trái núi. Họ treo buồm rất lạ. Nó gồm nhiều mảnh buồm nhỏ ghép lại. Gió có thể lùa qua khe giữa hai mảnh buồm; vì thế khi đột nhiên gặp gió to, sẽ ít hiểm nguy hơn. Trái lại buồm của ta chỉ là một tấm lớn may ghép từ nhiều khổ vải hẹp. Vậy là buồm của ta đứng được nhiều gió, nhưng cũng vì thế mà nguy

hiểm hơn như cảnh huống ông vừa trải qua.

Quan Khu mật sử nhìn theo hút bóng những con thuyền đi trước. Đường như nó đi chậm lại với vẻ thận trọng hơn. Và đường đi chuyển đã thu hẹp lại, như sắp đi vào con đường độc đạo.

Thật vậy, chừng một giờ sau thuyền đi vào một khe lạch, biển thu hẹp giữa hai dãy núi chạy dài, vách dựng đứng tựa một dòng sông. Quan Khu mật sử bèn quay hỏi viên lái thuyền:

- Đã sắp tới đất liền chưa, mà sao ta xem như thuyền đang đi vào một cửa sông?

- Bẩm đại quan, đất liền còn xa lắm, nhưng lạch này dân vạn chài trong vùng thường gọi là "Sông Mang". Hải trình qua Sông Mang chạy dài tới mấy mươi dặm biển, lạch sâu nhưng hiểm trở, di trạch luồng là đụn đá ngầm ngay.

- Có thể coi đoạn sông này là đường thủy độc đạo qua Vân Đồn mà vào Cửa Lục, vào Cửa Bạch Đằng, phải không? Quan Khu mật sử hỏi.

- Dạ, đúng như vậy. Đây là đoạn hải trình quan trọng nhất. Nó chính là hải lộ thủ hiểm mạn bể đông bắc của ta đấy ạ.

Quan Khu mật sử gật đầu tán thưởng. Miên man, quan lớn tự nghĩ- Đây chính là nơi hiểm địa. Ai làm chủ

Sông Mang, người đó làm chủ cá miền đông bắc này. Cả một dải đất liền mệnh mông trên bộ cũng bị đe dọa, nếu như không giữ được sông Mang. Mất sông Mang thì cửa Lục, cửa Bạch Đằng coi như bỏ ngõ. Cái thế của sông Mang tựa như cái thế của cửa ải Giáp Khẩu (Chi Lăng). Chính cửa ải Chi Lăng đã xảy ra trận đánh khốc liệt năm Tân Tị, chặn đứng cuộc xâm lăng của vua tôi nhà Tống, khiến Tống Thái tông phải bỏ cả giấc mộng nam chinh. Nước ta nhỏ mà thế giặc thời nào cũng lớn nên trời thương mà ban cho núi sông hiểm trở, ở cái thế nhất nhân địch vạn. Thuyền cứ đi miền man, bỗng viên lái thuyền giơ tay chỉ về phía trước mặt:

- Bẩm mệnh quan, kia là đảo Minh Châu, một khắc canh giờ nữa, thuyền của ta sẽ tới đó.

Quan Khu mặt sứ nhìn theo phía người lái thuyền vừa trở, ông thấy hừng lên một màu sáng bạc. Thuyền càng tới gần, quang sáng càng chói chang. Và dần dần hiện rõ ra một vòng tròn xanh ngắt được bao quanh bởi màu sáng trắng như dát bạc. Ông tự hiểu, vì sao người ta đặt cho hòn đảo này cái tên Minh Châu - Minh Châu có nghĩa là ngọc sáng. Càng gần tới đảo thì màu xanh càng sẫm và màu sáng càng trắng. Và lạ nữa, thuyền lớn, thuyền nhỏ đậu san sát quanh đảo.

Khi thuyền vào gần đảo, viên lái thuyền đem ra một lá cờ hiệu ngoáy ba vòng rồi giơ thẳng lên trời.

Thoáng lát, thuyền cập bến đã thấy viên Đông hải Đô tổng quản xanh xang mũ áo ra tận bến nghênh đón.

Vị tướng này khổ người cao lớn, mặt mũi phương phi, tam đình ngũ nhạc nở nang cân đối, nom rõ ra một người có tư chất đàng hoàng. Riêng cặp mắt to, sáng, con ngươi lấp lánh, phần trắng, đen rõ rệt, lông mày lười mác hơi xéch. Ông vận bộ võ phục sắc đen, ngực thêu chiếc đầu hổ màu trắng, cổ tay chèn, lưng thắt đai bạc thêu hình đại bàng, đầu đội mũ dâu màu tím kín gáy, chân đi hia đen, ngang sườn trái giắt thanh trường kiếm, chuỗi bằng ngà.

Hai tên quân vừa lao tám ván bắc cầu vào bờ, cũng vừa lúc quan Khu mật sứ bước tới đầu mũi thuyền. Đông hải Đô tổng quản tướng quân liền cúi đầu vái mệnh quan một vái, rồi ông bước lên cầu ván đón quan Khu mật sứ.

Đặt chân xuống bãi cát trắng như bông tựa như trải nệm, quan Khu mật sứ không khỏi ngạc nhiên. Bởi trong đời, ông chưa từng được nhìn thấy ở đâu có thứ cát trắng đến tinh khiết như ở đây.

Đô tổng quản tướng quân bèn mời quan Khu mật sứ vào nghỉ tạm trong trạm quân đồn trú, ngay địa đầu hòn đảo. Đây là một trạm quân vừa quan sát, vừa kiểm soát thuyền bè nước ngoài lui tới. Nó được lập trên khuôn đất chùng dăm mẫu. Xung quanh có tường đất

bao bọc. Trong khuôn viên nhà được làm theo hình chữ môn. Hai bên tả hữu là hai dãy nhà tranh tre, tường đất, làm chỗ ở cho một đô quân 80 người. Giữa sân thiết lập một đài cao hơn mười trượng làm đài quan sát. Phía sau đài quan sát lui gần sát tường bao là ngôi nhà gỗ ba gian cao ráo, cửa bức bàn, giảnh làm chỗ ở cho Phó đô tướng quân.

Quan Khu mật sứ và đoàn tùy tùng vừa vào tới cổng trạm, Phó đô tướng quân đã có mặt nghênh đón. Ông vái dài mệnh quan, rồi dẫn vào ngôi nhà chính. Trong nhà đèn, nến thấp sáng choang. Lúc này ngoài trời đã tối.

Phân ngôi chủ, khách rồi hỏi thăm quê quán. Đông hải Đô tổng quản tướng quân nói:

- Bẩm mệnh quan, hạ cấp họ Lý, tên Vân Trung, quán làng Cổ Pháp.

Vừa nghe danh tính, Mai Mạnh Minh đã giật mình bèn đứng dậy vái Đô tổng quản:

- Thì ra tướng quân là thân vương, nghe danh từ lâu, nay mới được diện kiến.

- Chẳng giấu gì mệnh quan, bản chức tuy là thân vương nhưng bất tài nên cứ lệt dẹt mãi. Hồi còn tiên đế cho coi một đô cấm binh trong cấm thành, chuyên đi hô giá. Sang đời Thái tông, nhà vua tin cẩn úy lạo rằng,

nơi hiểm trở phải cứ người tâm phúc trông coi. Tôi đã đôi ba lần xin cáo thoái, nhưng hoàng thượng không y chuẩn, lại bổ vị phó đô tướng quân họ Trần đây vốn là người học văn tinh thuần, văn chương số tấu đều một tay ông thảo phác cả, còn về đường võ nghệ thì lục thao, tam lược<sup>1</sup> không một môn nào là không giỏi. Về lý thì tôi và ông là cấp trên, cấp dưới, về tình thì chúng tôi là bạn, về nghĩa thì tôi coi ông như một người thầy. Vì rằng không điều gì là tôi không học hỏi được ở ông.

Nghe Đô tổng quản nói về mình, phó đô vội quỳ xuống lễ ông một lễ:

- Đô tổng quản, ông làm tôi thẹn với mệnh quan. Nếu như ông còn muốn cho tôi cấp áo theo hầu dưới trướng, thì từ nay ông không nên nói như thế nữa. Nhược bằng ông không cái đối, tôi xin từ quan về quê làm ruộng, nuôi mẹ già.

Đô tổng quản cười khoe cả hai hàm răng đen như:

- Ta chỉ nói thực lòng, còn ông lại khiêm nhường thái quá. Thôi được, từ nay ta không nói thế nữa. Nhưng sự quý kính đối với ông nó ở trong lòng ta, ông làm sao mà bắt ta bỏ đi được.

---

<sup>1</sup> Lục thao: Sách của Hoàng Thạch Công soạn gồm có: Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hồ thao, Báo thao, Khuyển thao. Tam lược: Sách về binh pháp do Hoàng Thạch Công soạn.



Quan khu mật sứ cũng vui vẻ nói xen vào:

- Đúng là chúng ta đang ở trong thời thịnh, hóa nên vua tôi đồng lòng, trên dưới khiêm nhường chứ không tranh công đổ tội, bè này cánh nọ.

Các quan đang chuyện trò vui vẻ thì quân đã bê trầu, nước vào.

Sau một, hai tuần trà thì mỗi vị đều nhón một khẩu trầu. Quan Khu mật sứ cảm miếng trầu cứ xoay đi xoay lại ngẫm nghĩa. Đoạn quan hỏi:

- Mạnh Minh ta hơi tò mò, chứ các vị Đô tổng quản, hay Phó đô tổng quản đem theo nội tướng đi mà trầu tèm cánh phượng đẹp thế này.

Hai viên đô tướng đều phá ra cười:

- Bẩm mệnh quan, vùng biên địa này sao chúng tôi dám đem theo nội tướng. Chẳng giấu gì mệnh quan, trong đô quân chúng tôi đây có một tên lính khéo tay như con gái. Trầu này là do y tèm đấy ạ. Ngay đường kim, mũi chỉ y cũng giỏi lắm. Phó tướng không bắt y phải làm gì cả, chỉ trầu nước tiếp khách, với khâu vá khố, áo cho những ai bị rách trong khi tập tành.

- Thế thì y phải có gương mặt đẹp như Phan An<sup>1</sup>,

---

<sup>1</sup> Phan An là người đẹp trai nổi tiếng thời Chiến quốc của nước Trung Hoa cổ xưa. Tương truyền Phan An đi tới đâu đều bị con gái vây bủa và ném hoa ngợp chỗ anh ta đứng.

quan Khu mật sứ hỏi.

- Dạ, bẩm đúng thế ạ.- Phó đô tướng quân xác nhận.

Đúng lúc đó thì người lính kia bê mâm cơm vào. Y đặt mâm cơm xuống chiếc giường bên cạnh chỗ các quan ngồi uống nước, rồi chấp tay lễ phép nói:

- Con mời các quan xơi cơm. Nói xong, y quay lại mâm cơm mở chiếc lồng bàn cầm tay rồi xuống nhà.

Quan Khu mật sứ dù được báo trước, nhưng không khỏi sửng sờ trước vẻ đẹp của người lính.

- Đúng y là hậu duệ của Phan An,- quan khu mật sứ buột miệng khen.

Nhìn mâm cơm thuần đồ hải sản thượng hạng như cá chim hấp; cá thu chiên; cá mực luộc; cua bầy tằm, lòng đỏ trứng gà chiên mỡ lợn, hải sâm nấu với nước luộc gà hầm măng và tôm nõn, chêm nấm hương, mộc nhĩ và miến, tôm hùm hấp...Tuy nhiên, quan khu mật sứ hài lòng chứ không phàn nàn về sự ăn uống này. Bởi lẽ đây là khu vực trù mật, lại do các quan có chức sắc coi giữ cả một vùng biển lớn, nên mọi việc, kể cả tiếp khách đều phải dâng hoàng.

Rượu được vài tuần, quan Khu mật sứ bèn nâng chén hỏi:

- Ta vừa uống với Đô tổng quản Lý Văn Trung,

nay ta muốn uống với tướng quân họ Trần, nhưng xin cho biết danh tính để tiện xưng hô, vừa rồi Đô tổng quản mới chỉ cho biết họ của tướng quân.

Phó đô tổng quản tay bê bát rượu lòng rưng rưng cảm động:

- Đội ơn mệnh quan đoái hỏi, tiểu tướng họ Trần, tên Quang Minh, tuổi Nhâm Dần(1002) quê quán ở Hồng Châu. Tiểu tướng vẫn còn cha mẹ già. Tiểu tướng đã có gia thất.

- Đa tạ Phó đô tướng quân. Xin chúc sự nghiệp của tướng quân mau rạng rỡ. Nào, xin uống vì tướng quân. Nói xong, quan Khu mật sứ đưa tay che miệng, uống một hơi cạn hết bát rượu.

Đến lượt Đô tổng quản chúc trở lại:

- Bọn hạ quan được vua cho trấn ở nơi đầu sóng ngọn gió này, chỉ mong sao làm trọn phận sự rồi hết hạn trở về quê hương báo hiếu phụ mẫu, không ngờ lại có ngày được gặp mệnh quan ở đây. Vừa rồi mệnh quan có chúc bọn hạ cấp chúng tôi mỗi người một bát, nay xin phép anh em chúng tôi được chúc lại mệnh quan cũng mỗi người một bát. Rồi sau đó xin được cùng uống cho thật say.

Quan Khu mật sứ cười vui, đỡ lời:

- Ta sẵn sàng uống với các ông mỗi người một bát nữa. Nhưng sau đó thì thôi, không được uống say. Uống ngoài biên ải mà uống say là nguy hiểm lắm đấy. Ta thấy những người đồn trú tại Mũi Ngọc nghiêm quân lệnh lắm. Mỗi tháng chỉ được phép uống có hai lần vào ngày sóc, ngày vọng, mà mỗi người cũng chỉ được phép uống có một bát rượu thôi.

- Dạ, đấy chính là lệnh của hạ quan. Kẻ cũng thương những người lính ở nơi đầu sóng ngọn gió, nhất là những đợt gió mùa rét buốt, những ngày mưa rả rích buồn nhớ quê hương đến não nùng. Thế mà chỉ có hớp rượu làm cho ấm lòng và cũng là để giải khuây, cũng không được phép. Kẻ ra lệnh này rất biết điều đó, nhưng cực chẳng đã. Việc quân là việc quân, không thể đem thứ tình cảm yếu mềm ra thương lính, lỡ xảy ra điều gì, hối cũng chẳng kịp nữa. Vậy nên hạ quan chỉ có một mong mỗi, rằng triều đình nên rút ngắn hạn kỳ cho những người lính thú miền biên viễn. Ví như hạn kỳ chung là năm năm, nhưng ai đi trấn ải biên thù cùng các vùng ma thiêng, nước độc, chỉ nên giới hạn trong ba năm là cùng. Hạ quan cứ liều nói, mong mệnh quan rộng lượng. Nói thật chứ lính thú năm năm, quan thú bảy năm ngoài biên ải, coi như hết một đời trai tráng. Quan về còn có lộc vua, lính về vẫn hai bàn tay trắng.

Mà lạ, nước là của mọi người, mọi nhà, nhưng sao lính chỉ bắt con của dân, còn con của các quan vẫn cứ ở đưng. Viên đó tướng bùi ngùi hạ giọng- Bất công quá. Nghiệt ngã quá. Rồi với vẻ quả quyết, ông gắng hỏi: - Việc này, liệu mệnh quan có đệ tấu lên hoàng thượng được chăng ?

Quan Khu mặt sứ gật đầu hai ba lần:

- Hoàng thượng sai ta đi là để nghe ngóng nguyện vọng của bá tánh. Điều ông vừa nói, khiến ta cũng động tâm. Bởi nó là việc thiết thân của mỗi người. Cứ dằng dẳng xa vợ xa con, xa cha xa mẹ, xa quê hương làng xóm để đi trấn ở những vùng miền heo hút này, để giữ yên cho nước. Công ấy lớn lắm, không gì bù đắp được đâu. Vậy thời triều đình phải suy nghĩ ở chỗ này. Đúng như các ông nói, lính ở Thăng Long với lính ở Vân Đồn, Mũi Ngọc, Vạn Ninh... không thể cào bằng được. Ta sẽ tâu lên hoàng thượng.

Cơm nước xong, Đô tổng quản mời mệnh quan về nghỉ tại doanh của ông. Đó là ngôi nhà gỗ năm gian, lợp rạ, tường đất. Đây là nơi ông làm việc và bàn việc với phó tướng. Cổng ngõ sơ sài. Có một ngôi nhà ngang, dành cho mười người lính ở, vừa canh gác vừa hầu cận ông. Hai người nằm trên hai chiếc giường đối diện.

Quan khu mật sứ vừa hỏi được vài câu thì đã nghe tiếng ngáy của Đô tổng quản. Nghĩ vẫn vợ một lát rồi mệnh quan cũng định vùi vào giấc ngủ để mai sớm còn có sức làm việc. Nhưng lạ, ông không thể ngủ được với tiếng sóng đều đều vỗ nhẹ như một lời ru bất tận. Lần đầu tiên ngủ trên một hòn đảo nằm giữa trùng dương tựa như một con thuyền khổng lồ. Nghe tiếng u...u của sóng, lòng miên man nghĩ về cả ngàn năm lập quốc, quan khu mật sứ mừng tượng ra bao cảnh thăng trầm khắc nghiệt của giang sơn nòi giống. Cả ngàn năm bị người phương bắc đô hộ. Cho mãi tới khi Ngô vương Quyền vùng lên. Trận đánh đuổi nhà Nam Hán, chắc cũng bắt đầu từ vùng hải khẩu này. Ngô Vương dụ giặc Hoàng Tháo vào sâu trong Bạch Đằng Giang mà chém đầu nó. Lại tới Lê Hoàn đánh quân Tống, cũng khiêu chiến từ đây rồi bỏ chạy. Giặc truy đuổi vào sâu trong Bạch Đằng Giang, rồi quân ta mới quật lại khóa đầu khóa đuôi mà diệt sạch lũ chúng, còn bắt hai tên tướng đầu sỏ đem về Hoa Lư cầm tù.

Đây là vùng hải khẩu quan yếu nhất nước, nên nhà vua phải cử thân vương ra trấn giữ là đúng. Quan khu mật sứ cứ miên viễn từ việc này sang việc khác. Bất chợt lại nghĩ đến thân phận mình. Đúng là ta gặp may. Một bước lên quan. Đành rằng ta cũng là kẻ có học thức. Nhưng thiên hạ thiếu gì người học thức siêu

quần. Nếu như ta không có may mắn cùng học với thái tử một thầy, thì làm gì có chuyện thái tử tìm về Tam Sơn. Lại nếu như thái tử không về Tam Sơn thì làm sao em gái ta có cơ hội gặp người, rồi một bước trở thành hoàng hậu, thành bậc mẫu nghi thiên hạ. Còn ta cũng vào hàng quan cao đầu triều. Đúng là sự đời không biết đâu mà tính trước. Dẫu sao có tính cũng không tới được. Đến mơ cũng chẳng dám nghĩ tới nữa là tính với toán gì nữa. Thôi thì trời cho đến đâu, biết đến đó. Điều quan yếu nhất với ta là làm cho thật tốt trách phận của một mệnh quan, để trên là đáp lại cái trọng ân của nhà vua và cũng là báo đền cho nước. Mệnh quan cứ miên man với những ý nghĩ phiêu bồng như người mộng du, rồi thiếp đi lúc nào không biết.

Sớm dậy, vừa cơm nước xong, quan Khu mật sứ đã đòi đi thăm thú trên đảo.

Đô tổng quản sai lấy ngựa để ông dẫn mệnh quan đi thăm đảo. Thoạt tiên là ra khu bến cảng. Mới sáng sớm mà thuyền bè đã neo đậu vòng trong, vòng ngoài san sát, kể có tới cả ngàn chiếc. Nhiều chiếc thuyền to cao lừng lừng như một trái núi, treo cờ hiệu nước nào quan khu mật sứ không hề biết. Ông quay hỏi Đô tổng quản:

- Các thuyền lớn mang cờ hiệu kia là của những nước nào Đô tướng quân có biết?

- Dạ, chiếc thuyền to đầu tiên kia mang hiệu cờ nước Trảo Oa. Chiếc đàng sau nó là hiệu cờ nước La Hộc, mấy chiếc to nhất đậu tít phía ngoài là cờ mấy nước Tây dương. Những thuyền to đậu giăng hàng sát bến, bên tả mệnh quan là cờ hiệu nước Tống.

- Vậy là người Tống chiếm số đông nhất trong các thuyền nước ngoài đến buôn bán với ta.

- Vâng, đúng thế.

- Ta muốn lên thăm vài thuyền buôn các nước, chẳng hay ông có kiếm được ai làm thông dịch không.

Suy nghĩ giây lâu, Đô tổng quản đáp:

- Hạ quan không dám chắc, nhưng cứ thử hỏi viên thu ngân ngoài bến xem y có kiếm được người Tống nào làm thông dịch.

Chạy được một thôi ngựa, Đô tổng quản nhìn thấy viên thu ngân đi trên tràng cát bèn vẫy gọi. Một lát y đã đứng trước ngựa. Đó là một con người nhỏ thó, đôi mắt láo liên tinh sắc như mắt chim ó, cái mũi khoằm như mũi đại bàng, bước đi ngấn như người chạy gàn. Anh ta vận bộ áo quần may bằng vải thanh cát, cắt may theo kiểu của một bậc quan chức hạ đẳng. Quần dài tới mắt cá chân, ống rộng tới ba gang tay. Áo dài cách mặt đất đúng một gang rưỡi, ống tay áo rộng hai gang tay, nách rộng tới ngang ngực, cổ chéo, khuy vải gài về bên



sườn phải. Tóc búi ngược lên phía hậu chẩm, bên ngoài quấn khăn vành dây bằng nhiễu tím. Y vái dài trước ngựa, khép nép thưa:

- Bẩm quan Đô tổng quản, con đang chờ sai bảo.

- Mệnh quan đây, - vừa nói, Đô tổng quản vừa chỉ vào quan Khu mật sứ.-Người muốn lên thăm một vài thuyền buôn của Tây dương, của người Tống. Vậy chớ người có kiếm được ai làm thông dịch không?

Quan Khu mật sứ ngấm nhìn gương mặt viên thu ngân trầm đoán: Con người này có tướng phản chủ. Mắt láo liên mà chỉ nhìn xuống là người gian xảo, không đàng hoàng. Mũi khoằm là ác. Sống mũi gồ mà gãy là người lừa thầy, phản bạn... Nhưng cũng còn tùy cái tướng và cái đức của người chủ của anh ta chế khác. Vả lại việc lừa, phản là phải có thời cơ chứ không dễ gì theo ý muốn của kẻ lừa phản. Có một điều chắc chắn, các vị đô tướng trao cho anh ta việc thu ngân là sáng suốt. Bởi con người này, y không dễ gì cho ai nộp thiếu, dù chỉ một tiền.

Nghe Đô tổng quản hỏi, viên thu ngân đáp gọn lỏn:

- Việc ấy con làm được. Mời các đại quan lên thuyền người Tây dương trước.- Nói rồi y xăm xăm đi trước ngựa nhằm thẳng phía bên.

Quan Khu mặt sứ đưa mắt nhìn quanh đảo, thấy thuyền lớn, thuyền nhỏ đậu san sát, chứng tỏ sự buôn bán ở đây khá sầm uất, cho dù các bến tại Thăng Long cũng không thể so sánh được. Lại trên bến, nhà cửa, phố xá ken dày, cửa hàng, cửa hiệu la liệt. Chẳng biết họ buôn và bán những thứ hàng hoá gì.

Phố xá đông đúc, hai quan lớn phải xuống ngựa, rồi dẫn bộ ra bến để lên thuyền.

Viên thu ngân đi trước, tay cầm một lá cờ đuôi nheo nhỏ màu vóc đại hồng, trên nền cờ thêu một con rồng đang bay. Viên thu ngân thì khắp bến này, khắp các chủ thuyền nội, ngoại quốc đều quen mặt. Nhưng y lại giương lá cờ lệnh, và cùng với mấy quan đại thần mũ áo, cân đai tề chỉnh, cho nên khi bước qua các thuyền, chủ thuyền nào cũng nem nép cúi chào.

Đi tới một chiếc thuyền to nhất ở mãi vòng ngoài không làm thế nào mà trèo lên được. Mặc dù mọi người đã đứng ở mũi thuyền là chỗ cao nhất trên chiếc thuyền của người Tống, vẫn còn cách hơn một thân người nữa mới tới mạn của chiếc thuyền Tây dương kia. Viên thu ngân phải lùi xa tới mấy con thuyền nữa, rồi dùng cờ làm hiệu cho người ở trên chiếc thuyền lớn của người Tây dương. lát sau, họ thả một chiếc thang dây xuống ngay thuyền bên cạnh. Viên thu ngân leo lên trước, các quan lần lượt cùng lên.

Viên thu ngân vừa nói líu ríu vừa ra hiệu cho mấy người lên thuyền.

Quan Khu mặt sử ngạc nhiên về sức lớn của con thuyền. Có nhẽ nó phải lớn gấp đôi con thuyền VẠN AN là thuyền lớn nhất nước ta mà triều đình vừa đóng năm Giáp tuất(1034) cho quân thủy. Ngạc nhiên hơn nữa là những người này họ đều cao to, mắt xanh, mũi lõ, tóc vàng, tay chân, cổ ngực đầy lông lá. Và từ nơi họ, tiết ra một mùi gây gây. Mấy người nói líu ríu như chim rồi chỉ vào ghế. Viên thu ngân nhắc lại:

- Mời các quan ngồi vào ghế. Họ mời ta ngồi.

Thoáng lát, một người cao lớn từ phía trong khoang thuyền bước ra. Ông ta mặc bộ đồ đen. Quần hẹp ống, bó sát người. Giày da đen bóng, mũi nhọn ôm khít lấy bàn chân. Bên trong mặc một chiếc áo cổ trắng, thắt một cái dây có nút màu đen nơi cổ áo. Phía ngoài mặc một áo màu đen trùm lên. Lại một chiếc áo dài nữa mặc ra ngoài, vạt sau to tròn nom như chiếc đuôi tôm dài chấm khoeo chân, hai vạt trước lại ngắn hớt lên, nom hơi kỳ cục, nhưng mà đẹp. Trên đầu ông ta đội một cái mũ chụp xuống mang tai, có vành tròn nom như ông ta đội chiếc bát diếu.

Bước tới gần bàn, nơi các quan ta đang ngồi, ông ta liếc nhìn mọi người rồi một tay bỏ mũ, một tay gạt ngang không khí về phía trước, đầu hơi cúi, miệng nói

lúu rúu một điều gì đó.

Viên thu ngân vội nói:

- Ông ấy chào các quan, chúc sức khỏe các quan và rất cảm động được các quan tới thăm. Dạ bẩm các quan, chính ông ấy là chủ thuyền đấy ạ.

- Nhà người hỏi ông ta xem ông ta người nước nào. Đi bao lâu mới đến đây. - Quan Khu mật sứ nói tiếp.

Viên thu ngân trỏ hết tài ra nói cả bằng ngôn ngữ lẫn chân tay, mãi người ta mới hiểu một cách lơ mơ. Và viên thu ngân cũng hiểu một cách lơ mơ nên y nói liến thoắng:

- Bẩm các quan, ông ta nói ông ta là người Tây dương, thuyền của ông ta phải đi gần mười tháng mới tới đây.

- Người hỏi ông ta xem ông ta đem hàng gì đến đây bán, và ông ta cần mua những hàng gì của chúng ta.

Viên thu ngân lại lúu rúu một thứ ngôn ngữ pha tạp giữa tiếng ta, tiếng Tàu và xen vào mấy thứ tiếng ngoại quốc khác, khiến cái con người lịch thiệp kia tập trung hết trí lực vào nghe, nhưng cũng không hiểu. Sau, viên thu ngân dùng tiếp các động tác tay, kể cả các đồ vật bày lên bàn kiểu như vật đối vật. Cuối cùng rồi ông chủ Tây dương cũng hiểu. Ông gọi với vào trong khoang, nói một tràng những âm thanh giòn giã như

pháo nổ. lát sau, có mấy người đem ra những bọc gói to nhỏ khác nhau, họ bày lên mặt bàn. Nào là thảm len dệt phong cảnh đẹp như một xứ sở thần tiên. Theo ông ta, có nhiều cỡ khác nhau, từ nhỏ bằng một tấm khăn vuông đội đầu của phụ nữ, to thì bằng một chiếc chiếu, bằng nhiều chiếc chiếu. Lại mở ra mấy súc vải, màu sắc cũng như mặt vải mịn mát chưa có một thứ vải nào của người Tống có thể sánh được. Cuối cùng ông ta mở tới một chiếc hộp, trong đó đựng đầy những viên ngọc đã chuốt với đủ kích cỡ và màu sắc khác nhau. Nào hồng ngọc, lam ngọc, huyền ngọc...Đó là những thứ hàng ông ta cần bán.

Và những thứ cần mua, ông ta bày mẫu lên ít trái hột tiêu, ít cánh hoa hồi, vài miếng quế, ít nắm hương khô, một thanh trầm nhỏ như chiếc đầu đũa mùi thơm ngào ngạt. Ông ta chỉ vào thanh trầm vừa nói vừa ra hiệu là có bao nhiêu cũng mua. Ông ta lại đặt giá hàng đổi hàng, cứ hai trầm đổi lấy một ngọc.

Hai bên trò chuyện một lúc mới cả tay lẫn mỏm, ông chủ thuyền Tây dương cho bê ra một khay gồm những chiếc cốc thủy tinh trong suốt và những chiếc chai rất đẹp, trong đó chứa một thứ nước trong không biết là nước gì. Người hầu mở nút rót rồi mời mọi người uống. Quan khu mật sứ, quan Đô tổng quản mỗi người cầm một cốc, vừa nhấp một ngụm Đô tổng quản đã

nhân mặt nói:

- Cái bọ này keo kiệt, nó đến nước mình buôn bán mà nó lại mời mình uống nước lã.

Quan Khu mặt sử vừa cười vui vẻ vừa tiếp lời:

- Có khi đây là phong tục của nước người ta thì sao. Cũng như người nước mình khách đến là mời trà, mời nước trà. Vừa nhai khẩu trà vừa nói chuyện.

- Phải, miếng trà là đầu câu chuyện,- quan Đô tổng quản đáp. Đây đã không có trà, lại còn mời nước lã. Đúng là bọ Tây dương ti tiện.

- Ấy chết, quan Đô tổng quản không nên nặng nhời như vậy. Tôi đã nói có thể là phong tục của nước người ta. Biết đâu chẳng phải là một thứ đồ uống dành cho khách cực quý thì sao. Cũng như người Man của ta trên mạn Đà Giang, khách quý mới mời ăn chân gà, hoặc cái thứ phân non nằm trong ruột non của con lợn, con bò mà người Tàu ưa chuộng.

- Ôi, thà họ không quý mình còn hơn.- Quan Đô tổng quản nói xong cười phá lên.

Ông chủ thuyền ngơ ngàng không biết khách nói gì, cười gì; ông cũng vui vẻ cười theo.

Khách cáo lui. Ông sai người gói một tấm thảm nhỏ, một viên hồng ngọc, một viên lam ngọc, nói là gửi biểu nhà vua.

Quan Khu mật sứ hai ba lần cảm ơn.

Không hiểu tiếng nói của nhau, nhưng cứ nhìn gương mặt và cử chỉ, ông chủ thuyền cũng biết ông khu mật sứ là người có học, là bậc quan cao. Vì vậy, ông Tây dương này hai ba lần nhìn quan khu mật sứ thật là thiện cảm.

Suốt một buổi lên cả thuyền người Tống, thuyền người Trao Oa, thuyền người Tiêm La, La Học...quan Khu mật sứ biết là những thuyền buôn nước ngoài này đến đây không chỉ buôn bán với ta, mà họ còn buôn bán với nhau, chủ yếu là hàng đổi lấy hàng. Giá cả tùy hai bên thoả thuận. Bên ta chỉ lấy thuế thuyền cập bến chứ không đánh thuế hàng hóa của họ. Vì thế họ lấy đây là nơi buôn bán trao đổi hàng hoá ngày càng đông.

Ngày hôm sau quan Hải đông đô tổng quản lấy một chiến thuyền có bốn chục mái chèo, mời quan khu mật sứ đi thăm các đảo liền kề với đảo Minh Châu.

Nhìn trời, nước mênh mang không biết đâu là bến bờ, chỉ thỉnh thoảng nhô lên một hòn đảo nhỏ xanh sẫm, thuyền ghé hết đảo nọ đến đảo kia. đảo nào cũng chỉ có từ nửa đô đến một, hai đô quân đóng chứ chưa có dân ở. Cảnh thì đẹp mà tình thì buồn đến hiu hắt. Quan Khu mật sứ chắc không thể nào quên được khi đặt chân lên hòn đảo mà những người lính thú gọi là “Đảo Sen”. Bởi nom hòn đảo có hình tròn như một bông hoa,

còn rừng mọc theo vách núi cứ trùng trùng điệp điệp, lớp nọ gối lớp kia như lớp lớp những cánh hoa sen. Chỉ có một lối vào hang. Nhưng trong hang lại là một thung lũng đầy ắp hoa thơm và cây ăn trái như mít, xoài, bưởi, cam, quýt, hồng, na, ổi... Còn hoa thì đủ thứ, từ hoa tầm xuân, hoa phù dung, hoa phong lan thì bám chi chít trên các thân cây ngả xuống lòng con suối quanh co trong thung lũng. Suối chảy đến đâu, cây mọc theo đến đấy. Và trên cây nào phong lan cũng bu đầy, như những đàn bướm muôn màu, muôn sắc, dập dờn như muốn bay khi có làn gió nhẹ tạt qua. Các loài thú ở đảo này nhiều nhất là khỉ rồi đến hoẵng, nhím, lợn rừng, chồn, sóc và cá gấu nữa. Chim thì nhiều vô kể từ đại bàng đến trĩ, gà rừng, gà lôi, công, sẻ đến sáo sậu, chào mào, hoạ mi... không loài nào không có.

Trước cảnh đẹp kỳ lạ, quan Khu mật sứ sững sờ như vừa lạc vào động tiên Từ Thức, ông không dám bước mạnh chân, sợ lay động đến muôn loài. Khẽ nắm tay áo Đô tổng quản nói nhỏ:- Ta cảm ơn ông lắm lắm.

Quan Đô tổng quản không nói gì cứ bước dần theo đường suối quanh co rợp sắc màu và sự nồng hương thơm. tới một đoạn lòng suối mở ra. Nước sâu trong vắt, cá, cua, ốc cùng nhón nhờ quanh những phiến đá phủ rêu xanh. Một cây cầu bắc bằng những thân cây gỗ lao qua dòng suối. Bờ bên kia là một doi cát phẳng, lác



đác những phiến đá to bằng chiếc chiếu, nước bào nhẵn bóng, nom như những chiếc sập đá chờ đón khách. Xung quanh những cây giẻ thân cao vút, bóng tỏa trùm lên bãi cát, và quả rụng nhuộm nâu cả một vòng gốc.

Vừa tới đó, quan Đô tổng quán bèn lên tiếng:

- Mời mệnh quan nghỉ chân. Ông mời quan khu mật sứ ngồi lên một trong những phiến đá đẹp nhất nấu mình dưới bóng rợp. Rồi ông lấy chiếc tù và đeo bên sườn, thổi một hồi ba tiếng.

Một lát sau, có tiếng người nói râm ran, họ gánh gánh gồng gồng các thứ đồ ăn đem đến bày vào một phiến đá ngay cạnh bờ suối. Đó là bữa cơm của người lính thú giữa đảo xa mời mệnh quan của triều đình đi kinh dinh miền hải khẩu. Vài ba người đi đốt củi, chặt cây xanh làm chạc treo đồ nướng. Những thứ họ đã mổ thịt sẵn, dẩy kín lá rừng đặt trên phiến đá kia là một con hoẵng và ba con nhím. Lửa cháy một lát thì đỏ rực than hồng, lúc này họ mới treo các con vật lên một cây sào dặt trên trần than cháy đỏ. Tiếng mỡ cháy xèo xèo, khói bốc xanh mù, mùi thơm đến nhức mũi, khiến ai nấy đều tứa nước miếng, và không thể không nhìn về phía trần than đỏ rực với những con thú vàng ruộm như mời mọc.

Rượu trong hũ sành rót ra từng tô lớn, thịt xẻ ra từng mảnh to bày trên lá. Muối giã nhuyễn với ớt đó

chỉ thiên để chắm.

Bày biện xong xuôi, Đô tổng quản Đông hải tướng quân Lý Vân Trung hát hàm ra hiệu cho viên quản nhiệm - người là chủ ở đây, người mời quan Khu mật sứ đi.

Viên quản nhiệm bèn chấp tay khấp nép:

- Chẳng mấy khi mệnh quan đoái đến miền biên thùy, miền hải khẩu gian lao hiểm trở này. Nay, nhân mệnh quan đến thăm một đảo đẹp nhất trong các đảo của Vân Đồn, anh em lính thú xin được mời mệnh quan ăn uống một bữa theo phong tục của dân sơn tràng miền bể. Xin mệnh quan tha cho tội thô lỗ của dân lính.

Đô tổng quản Lý Vân Trung liền đứng dậy :

- Nào mời thượng quan, ta vào tiệc.- Vừa nói ông vừa cười oang oang.

Dúng là lần đầu tiên trong đời, quan khu mật sứ phải ăn bốc như thế này. Nhưng cũng đúng là lần đầu tiên trong đời, ông được ăn một bữa ngon đến như thế, thấm đượm tình người đến như thế.

Chia tay với những người lính thú trên đảo, các quan xuống thuyền đi về đảo Minh Châu.

Ngoài những điều mà quan Khu mật sứ thấy được khắp một dải biên thùy từ Lạng Châu về tới Vạn Ninh, cả những điều tốt đẹp và chưa tốt đẹp, ông đều có ghi

chép và đều có dự liệu để tâu với hoàng thượng, có kế sách bồi bổ cho vùng đất phên giậu này được vững vàng. Duy có việc thuyền buôn các nước đến buôn bán đông như vậy, là ông chưa hình dung ra được sự lợi hại của việc ấy, và nên xử như thế nào. Nghĩ vậy, ông liền hỏi Đô tổng quản:

- Thuyền của người Tống và thuyền các nước đến đây, họ buôn bán những hàng hoá gì, ông có biết?

- Dạ, người Tống bán nhiều nhất là hàng sứ như bát đĩa, ấm chén, cả các đồ trang trí đắt tiền như đĩa kiểu để treo, tranh sứ, tượng sứ, lộc bình, độc bình, thống, chậu... loại hàng thứ hai là các thứ vải vóc, tơ lụa, gấm dũi. Loại hàng thứ ba là thuốc Bắc. Có loại đã sao tẩm, loại chưa sao tẩm, loại hoàn, tễ đóng vào các chai lọ.

Thuyền của các nước Tây dương thì họ bán thuần những đồ đắt tiền, như các tấm thảm dệt bằng len, chế từ lông con cừu. Con cừu gần giống như con sơn dương của ta, nhưng nó to gần bằng con bò. Như tấm thảm họ gửi biếu vua ta là loại đẹp, nhưng nhỏ lắm, chỉ dùng để đặt chân cạnh giường ngủ. Thảm của họ nhiều cỡ từ thật to đến thật nhỏ. Ngoài ra họ còn bán các loại ngọc, kim cương, các hàng để chế màu men cho đồ sứ. Còn thuyền của các nước Tiêm La, La Hộc, Trảo Oa... thì đem đến bán các đồ thổ sản rồi mua hàng của người

Tống là chính. Và người Tống thì mua các đồ quý của người Tây dương.

- Vậy chứ họ mua những hàng gì của ta, các nhà buôn của ta mua những hàng gì của họ.

- Dạ, hàng của ta chẳng thứ gì đạt tới qui mô lớn cả. Máy cân trầm hương, vài cặp ngà voi, mấy tấm da hổ, ròi hồ tiêu, quế, hồi, thảo quả, măng khô, nấm khô. Dạ, ta cũng bán nhiều mặt hàng, nhưng không mặt hàng nào đủ cho một thuyền buôn. Còn ta mua hàng của người Tống là chính. Đồ sứ và vải vóc được mua nhiều nhất.

Quan Khu mật sứ, nghe nói về việc buôn bán và hàng hóa các nước đem đến trao đổi trên vùng biển Vân Đồn này, thật là phong phú và sôi động. Nhưng buồn một nỗi người mình không có hàng để bán; trong khi sản vật của ta rất nhiều không khai thác được, không bán đi được, mà dân miền rừng lại lâm vào tình trạng triền miên thiếu đói. Có nhẽ phải tính sao đây để dân mình đỡ khổ. Phải mở mang nghề công, phát triển nghề thương. Phi thương bất phú. Từ thời Chiến quốc nhà Chu, Quán Trọng đã bày ra biết bao con đường làm giàu qua buôn bán. Nhẽ nào, người ta đến nước mình buôn bán được, mà mình lại chịu bó chân bó tay sao. Kỳ này về triều, có nhẽ ta phải đệ trình hoàng thượng một quốc sách, để hưng thế nước.

Buổi tối, cơm nước xong, quan Đô tổng quản mời mệnh quan leo lên đài quan sát biển về đêm. Biển về đêm đen đặc như đêm ba mươi, không trăng sao, chỉ có tiếng sóng vỗ ầm ào và tiếng gió vi vút. Tuy nhiên, nhìn về phía bến thuyền thì lại khác. Đèn trong các thuyền thấp sáng kéo thành một vệt dài lấp lánh như một bờ sông Ngân đang sà xuống thấp. Vẳng đâu đó tiếng đàn tranh và một giọng hát trong trẻo như tiếng chuông ngân đang len lách vào bóng đêm. Giọng hát như có ma lực khiến người nghe không cưỡng lại được bởi những nỗi bi thiết của lời ca.

Lòng chạnh buồn, quan Khu mật sử hỏi viên quản quân trên chòi canh:

- Vậy chớ người hát đó là lính của ta hay người ngoài bến vào hát?

- Dạ bẩm mệnh quan, người hát này chính là người lính trẻ bê trâu, nước mời mệnh quan bữa mới đến đảo. Anh ta có gương mặt đẹp, quan Đô tổng quản và bọn người Tổng ngoài bến thuyền cứ bảo anh ấy là Phan An tái sinh. Chúng con chẳng biết Phan An là ai, chỉ biết cậu ta đẹp trai, nho nhã, khéo tay mà hát thì như thượng quan biết đấy. Ở đây các quan Đô tổng quản, phó Đô tổng quản thương không bắt cậu ấy phải làm việc nặng như đám lính thường.

- Thế anh ta người ở đâu mà ra mãi đây đầu

quân?

- Dạ con nghe nói cậu ta là cháu một bà Đào nương nào đó ở Thăng Long, theo quan Đô tổng quản ra ngoài này, chứ ở Thăng Long, cứ hễ cậu ta ló ra đường phố là con gái bu lấy như một đàn bướm, nhiều khi làm ách tắc cả xe ngựa đi lại của các quan.

- Thế thì ta biết gia thế của người này rồi.

Sự thật ở Thăng Long, bà Đào nổi tiếng là người có giọng hát hay nhất ban nhạc cung đình từ thời Thái tổ, ai mà không biết.

Tự nhiên quan Khu mật sứ thấy nhớ nhà đến da diết. Ấy là nhớ đất Tam Sơn, nhớ cái miền quê tĩnh lặng với tuổi thơ thanh thản quanh quất với núi rừng, ruộng rẫy. Mấy anh em cùng vài người nô bộc, sau mùa vụ tới lúc nông nhàn thường kéo nhau vào rừng hái nấm, hái mộc nhĩ vào mùa xuân; mùa hè thì hái măng; mùa đông thì lượm hạt gié. Lần lần lớn lên thì tập bẫy chim, bẫy thú, săn thú. Nhớ em Minh Nguyệt ngày ấy còn thấp nhỏ, lạch bạch như con vẹt bầu, các anh đi đâu cũng leo dẹo theo sau. Người thấp nhỏ, nhưng Nguyệt thật là chịu khó, lam làm. Tiếng rảng đi chơi, nhưng xông xái rẽ cây, vạch lá, tìm nấm nhanh như sóc. Phần hái được, chẳng thua kém những người nô bộc lớn tuổi. Còn Trọng Mẫn thì cứ bám sát mấy người lực điền, đêm đêm lén theo họ vào rừng săn thú. Kể cũng lạ, Trọng

Mẫn chẳng thiết quan cao, lộc hậu, chỉ thích làm một người sống cho thoả chí mình, bầu bạn với lâm tuyết, chẳng nề hà việc thổ mộc, chẳng thích lầu son, gác tía, lên xe xuống ngựa. Nhưng Trọng Mẫn đâu phải người ưa nhàn tản. Côn, quyền, cung, kiếm cái gì cũng thạo cả. Tứ thư, ngũ kinh chẳng thiếu sách gì không đọc. Đọc rất nhanh mà lĩnh hội cũng rất nhanh. Ấy là nói về đường Nho học, còn về đường Phật học, dường như Trọng Mẫn đọc Phật bằng tâm chứ không phải bằng trí. Vì vậy các yếu chỉ của Phật dạy, Mẫn thực hành ngay vào trong đời sống thường nhật. Chính vì thế mà Trọng Mẫn chuyên cần trong mọi công việc, ham đọc sách, ham làm việc nghĩa, việc thiện chứ không hiếu thắng, không tranh đoạt, không thù ghét ai, không sân hận điều gì. Có thể nói, việc gì Mẫn cũng thích làm, chỉ có làm quan là không chịu. Nếu có gắng hỏi vì sao, thì Mẫn chỉ đáp một câu gọn lỏn: "Không thích".

Cứ miên man theo đuổi những ý nghĩ lộn xộn ở trong đầu, Mạnh Minh thầm đoán - Chắc là ta xa nhà cũng tới cả tháng rồi nên lẫn thẩn nhớ quê. Thế mới biết những người lính thú sống quanh năm ở nơi địa đầu quạnh vắng này, với nỗi niềm dằng dặc xa quê, mẹ già, vợ dại, con thơ biết nương tựa vào đâu khi vắng mình sốt mẩy, khi nóng lạnh thất thường. Ấy là lúc bình thường, chứ khi nước láng giềng cường thịnh, đầu họ

có để ta yên. Khi đó biên cương sẽ nóng bỏng như một chảo dầu sôi, sinh mệnh của người lính thật khó lường. Vậy mà họ cứ thản nhiên như việc đi cày cấy, gặt hái hoặc vào rừng bắt thú dữ, xuống biển bắt cá kình.

Quan Khu mật sứ tự nghĩ, họ là những người bình thường thì ai cũng biết, nhưng nói họ là những người vĩ đại, chắc ít ai nghĩ tới.

Cảm thấy trong lòng hơi mệt mỏi, quan khu mật sứ liền nắm tay quan Đô tổng quản cùng đi ra ngoài hành lang dài quan sát. Chợt nhìn về phía xa, thấy một dãy nhà lúp xúp trong màn sương bạc giăng giăng những ánh đèn lồng đỏ quạch, quan Khu mật sứ liền hỏi quan Đô tổng quản:

- Phải chăng nơi có đèn lồng đỏ kia là các quán ca kỹ hay thanh lâu?

Quan Đô tổng quản cười cười mở đáp:

- Nếu mệnh quan tha tội, hạ cấp xin thân dẫn ngài tới đó giải khuây.

- Ồ không! Ta chỉ muốn hỏi xem chủ các quán đó là người mình hay người Tàu thôi.

- Bẩm mệnh quan, thuần chủ Tàu thôi ạ.

- Thế các hầu gái ở đó là người ta hay người Tàu?

- Dạ bẩm, họ đưa từ bên kia sang. ít lâu họ lại đưa



về rồi đưa đám khác sang. Người mình chỉ làm thuê cho họ các việc dọn dẹp, cơm nước thôi ạ.

Quan Khu mặt sứ chép miệng thở dài. Vậy là không từ một mặt hàng gì, kể cả hàng trắng người Tàu không mở mang buôn bán trên đất ta!

- Dạ, đúng như vậy. Quan Đô tổng quản Lý Văn Trung phụ hoạ - Giá như người mình khôn ngoan một tí thì các nguồn lợi dễ gì vào tay ngoại bang.

- Khi ta đã nhận ra điều đó, chắc chắn là phải có sự thay đổi. Cái chính là người dân không được ai dẫn dụ cho, chứ không phải họ ngu khờ; ngu khờ sao giữ được nước.

## XI

Số cung nữ do tiên đế để lại gom được bốn mươi bảy người, trong số đó có mười bốn người tuổi cao từ hai mươi lăm đến ba mươi bảy, hoàng thượng thương tình cho giải cung và cho phép được kết hôn với người thường chứ không bắt tội. Vì đã giải cung, tức là trở về làm dân. Thế nhưng không ai chịu về lại quê quán. Trong số họ có ba cung nữ già được tiến cung từ hồi quốc sơ, vì có nhan sắc, được nhà vua sủng ái, nay xin được cùng về quét dọn nơi thờ tự và hôm sớm đèn nhang nơi miếu Thái tổ ở Dịch Bảng. Vua y cho.

Lại có chín cung nữ khác, trong đó có hai người đã luống tuổi, còn bảy người kia vẫn đang hờ hờ tuổi xuân, nhưng cũng xin được xuất gia tu Phật. Những người khác tuổi đã tới tứ, ngũ tuần, tất cả đều xin ở lại.

Thế theo sở nguyện của họ, hoàng thượng đều ân chuẩn. Số còn lại cộng ba mươi lăm người cả thảy. Tú

lâm cục tạm giao cho Nguyễn Thị Thu Lan là người có chữ nghĩa, tính tình điềm đạm, lại được các cung nữ từ già chí trẻ nhất đán tín nhiệm, đứng ra quản lãnh chị em. Nhưng tất cả còn chờ chỉ dụ của hoàng hậu.

Kim thiên hoàng hậu định hẹn ngày gặp mặt, nhưng việc trồng dâu chăn tằm, hoặc trồng trọt cấy hái gì, đều phải có đất. Nghĩ vậy, hậu sai lấy thuyền đi một vòng quanh sông Tô Lịch, xem chỗ nào đất đai thuận tiện thì cắm. Hậu đi kiệu ra cửa Đông môn rồi xuống lâu thuyền đã chờ sẵn tại bến Giang Khẩu. Thuyền quành ra bến chợ Cầu Đông xem phố xá. Trên bến, dưới thuyền thật là tấp nập, đông vui. Thuyền buồm từ Hoan, Ái ra, từ Hải Đông về đậu san sát. Hàng bấc lên bến xếp chồng đống cao như những trái núi. Thuyền tứ trấn về đồ hàng, lấy hàng ken kín như một phố thuyền trên mặt sông. Nhìn ra xa phía sông Nhĩ Hà, thấy cả những thuyền lớn treo cờ nước ngoài, Kim thiên hoàng hậu muốn biết là thuyền của những nước nào, nhưng dám nữ tỳ và lũ trung quan đều không biết.

Theo dòng Tô Lịch, thuyền đi về mạn Thụy Hương, qua Yên Thái. Thấy trên bia làng có ngôi đền nguy nga, Kim thiên hoàng hậu khoát tay ra hiệu cho thuyền ghé bến. Hoàng hậu sai lũ tỳ nữ đội đồ lễ lên đền. Vừa bước chân lên bờ, nhìn bốn chữ đắp nổi: **“Đông Cổ linh từ”**, hoàng hậu biết chính hoàng thượng đã được thần

phù hộ tử trận chinh phạt Chiêm Thành mùa đông năm Canh thân (1020). Lại nữa, hồi Thái tổ sắp băng, thần cũng báo trước cho vua phòng bị. Công của thần thật là lớn lắm. Vì thế, vừa lên ngôi, hoàng thượng đích thân đi chọn đất xây đền, rồi rước linh vị thần về thờ như một vị thần hộ quốc.

Trước khi bước vào đền, hoàng hậu soi hình xuống khuôn giếng để chỉnh sửa khăn áo, lại rút cây trâm vàng cài đầu cùng bảy đỉnh bạc, gọi là chút lễ tạ ân của hoàng hậu đối với thần. Trước ban thờ, hoàng hậu ca ngợi thần là bậc phúc thần hiếm thấy, lại xin thần phù hộ độ trì cho hoàng thượng mạnh khỏe, cơ nghiệp ngày càng phát khởi, làm rạng tỏ đế nghiệp tổ tông, cho dân nước được nương nhờ, cũng xin thần độ trì cho dân nước được an cư lạc nghiệp, nhà nhà phúc hạnh dồi dào.

Hỏi qua đám tỳ nữ, biết khách là dương kim hoàng hậu, ông thủ từ cuống lên, chạy đến trước Kim thiên vái dài rồi phục lạy xin được tha tội:

- Kẻ hèn mọn này có mắt như dui, không biết hoàng hậu ghé thăm đền để làm lễ cung nghinh. Xin hoàng hậu tha tội chết.

Thấy ông già đầu tóc bạc phơ, cứ cuống lên vì sợ hãi, trong khi ông ta chẳng có lỗi gì, hoàng hậu thấy tội nghiệp, bèn an ủi:

- Lão ông đứng dậy đi. Ông có tội gì mà kêu ta tha. Chẳng qua ta đi du ngoạn trên sông, thấy cảnh đẹp thì dừng thuyền ghé thăm. Vào lễ đền là tự ý ta, chớ có phải ta báo trước mà chức dịch sở tại không nghênh đón đâu.

Đúng lúc đó, mấy vị chức sắc làng Yên Thái có người phi báo, vội vàng khăn áo chỉnh tề chạy mau ra đền diện kiến. Ông xã trưởng vận áo thụng bằng the đen, quần khăn lượt trùm lên cả búi tóc phía hậu chằm, cùng mấy lão ông cao tuổi trong làng đến trước hoàng hậu quỳ lạy. Các cụ xãng xái vào trong đền bê mấy chiếc đôn sứ mời hoàng hậu cùng mấy vị trung quan hộ giá an tọa, lại mấy người khiêng hương án ra thêm rồi bày trà, nước. Hoàng hậu khoát tay nói:

- Các cụ khéo bày vẽ, ta chỉ ghé qua thôi.- Kim thiên mỉm cười, cặp môi đỏ, hàm răng trắng lóa như một tia nắng sớm, khiến gương mặt hậu tươi hẳn lên. Hậu không phải là người sắc nước hương trời, nhưng ưa nhìn, nhất là cặp mắt đen nhúc, khoe miệng tươi tắn, lời nói điềm đạm, giọng nói thanh tao, ấm áp chứ không hách dịch, khinh bạc khiến người nghe, dù là người nghèo khó hạ tiện, đều yên tâm hoàng hậu là người nhân đức.

Hoàng hậu đưa tay nhón một khẩu trà, ngắm nghĩa mãi miếng trà tèm cánh phượng đến là khéo, bà

khẽ mở ra xem có vừa vôi hay mặn, nhạt. Yên tâm, bà lại xem đến miếng cau; cau hạt bánh dày đang độ thơm, ngon. Đoạn gơ bàn tay lên che miệng, hậu bỏ miếng trầu vào rồi ngậm miệng nhai. Lát sau, hoàng hậu ghé nhả cả nước và bã trầu vào chiếc ống nhổ bằng đồng thau sáng chói. Mỗi hoàng hậu lúc này thắm đỏ nước trầu, nom như mới tô son, gương mặt hậu trắng hồng, nom bà như một đóa hoa rực rỡ. Trong không khí vui vậy, hậu nói:

- Thú thật với các ông, hôm nay ta đi kiểm đất để lập trại trồng dâu, chăn tằm, thấy làng ta phong cảnh hữu tình, liền dừng thuyền ghé thăm. Lại được gặp các ông, thật là hạnh ngộ. Vậy chớ các ông có biết ở vùng này chỗ nào còn đất hoang hóa, chỉ giùm, để ta cho người đến vỡ.

- Tâu hoàng hậu, ông xã trưởng lên tiếng, nếu triều đình cần đất thì công điền các làng thiếu gì mà hoàng hậu phải đi tìm đất hoang hóa.

- Nhà nước chỉ dùng quốc điền vào các việc thật cần thiết, như phong ấp cho những người có công lớn với nước. Phần lớn quốc điền là để tạ cấp cho người dân nghèo, sao ta lại có thể xâm phạm được. Ta chỉ cần khai phá dăm bảy mẫu cho các cung nữ của tiên đế để trồng dâu, chăn tằm, bởi họ không muốn trở về quê hương bản quán. Nhân đây ta muốn hỏi ông xã

trường, công điền ở làng ông cấp cho mỗi suất đình là bao nhiêu? Đến tuổi nào thì được cấp, tới tuổi nào phải hoàn trả cho làng?

- Tâu hoàng hậu, làng của thần, dân đình còn thưa vắng lắm. Cả làng mới chỉ có hơn ba chục nóc nhà với hơn một trăm nhân khẩu. Vì vậy, mỗi suất đình được cấp tới hơn một mẫu đất. Dạ, đất cấp cho từ tuổi tiểu hoàng nam. Dạ, hoàng đình đáo tuế ở vào tuổi mười tám. Người nhận ruộng ấy, coi như ruộng của nhà mình, cứ cày cấy và hưởng hoa lợi tới tuổi long lão. tức là đến sáu mươi tuổi, thời ruộng đó phải trả về cho làng quản, để lại chia cho lớp mới đến tuổi hoàng đình. Số công thổ, sau khi chia đủ cho các đình mà còn lại, thì các chức dịch có thể đem đất ấy tạm bán cho dân. Gọi là bán bóc màu, theo từng niên vụ. Số tiền thu được để chi cho các việc công ích của làng. Dạ bẩm hoàng hậu, công điền không ai được phép mua bán. Một thước, một tấc cũng không được bán, phép vua đã định thế rồi. Vì rằng người thì ngày một sinh sôi, chứ đất thì không sinh ra được. Nếu chức dịch bán công thổ thì dân nghèo các đời sau lấy gì sinh sống.

Dạ, tâu hoàng hậu, ngoài công điền của làng thì làng còn phải quản nhiệm một số ruộng quốc điền nữa. Ruộng ấy trao cho dân cày cấy rồi nộp tô cho nhà nước, một hạt cũng không thể suy chuyển.

Hoàng hậu nghe xong gật đầu và tươi cười nói:

- Vậy là về ruộng đất, triều đình đã ban thành luật, còn làng theo luật đó đã thành lệ. Nay ta vô cớ chiếm đoạt đất ruộng của làng, tức là ta phạm vào luật của nước, lệ của làng. Thôi thôi, nếu vùng này không còn đất hoang hóa để ta đi kiếm ở nơi khác vậy.

Nói xong, hoàng hậu đã toan quay ra thuyền. Xã trưởng bèn tâu:

- Bẩm hoàng hậu, nếu người thương mà không doái đến đất ruộng của làng Yên Thái, thì ngay bên bờ sông Tô Lịch này, nơi xé cổng làng Trích Sài có một vạt rừng, dân lấy gỗ, lấy củi lâu năm, nay rừng kiệt chỉ còn cây bụi. Chỗ đất ấy khai phá hết cũng được linh mười mẫu. Nếu hoàng hậu đi xem mà ưng miếng đất ấy, thì dân hai làng Yên Thái, Trích Sài hợp lực khai phá, chỉ nửa tuần trăng là xong.

Nghe xã trưởng nói, Kim thiên hoàng hậu vui hẳn lên:

- Vậy thời các ông cho ta đi xem đất.

Thuyền đi ngược lại một đoạn thì xã trưởng Yên Thái ra hiệu cho ghé mạn vào bờ. Dẫn bộ một đoạn chừng trở vai<sup>1</sup> gánh, đã đến trước vạt rừng kiệt như xã

---

<sup>1</sup> Việc vận chuyển ngày xưa chủ yếu dùng sức người. Gánh, đôi là chính. Trở vai gánh, có nghĩa người ta thay từ vai no sang vai kia. Nếu gánh nặng chỉ do



trưởng Yên Thái nói.

Kim thiên hoàng hậu nhìn ngấm rồi đi đi lại lại ước lượng. Vẻ hài lòng, bà hỏi:

- Vậy chớ đất này thuộc làng xã nào?

- Tâu hoàng hậu, đất rừng, đất biển, đất sông núi là quốc thổ, do triều đình quản nhiệm. Rừng này là thuộc quyền quản lý của quan đại an phủ sứ của kinh thành Thăng Long. Dạ bẩm, như chúng con đây được biết thì từ Thuận Thiên nguyên niên, triều đình đã có sắc dụ: các loại đất như rừng kiệt, bãi bồi, các đất hoang hóa, dân được phép khai phá, lại được làm chủ đất ấy mà không phải xin phép ai. Ngoài ra còn được miễn tô thuế từ năm đến mười năm.

Hoàng hậu mừng lắm, lại hỏi:

- Khoảnh đất đẹp thế này, sao dân làng Trích Sài, làng Yên Thái không khai khẩn?

- Tâu hoàng hậu, chúng con trong vùng này dân ít, ruộng nhiều, nhà ba suất đình đã được chia gần bốn mẫu công điền, cấy hái làm sao xuể được ạ. Vả lại, sức cày kéo khan lắm, vì trâu bò còn hiếm.

- Vậy ta sẽ nhận khai vỡ mảnh đất này. Nhưng ta hỏi các ông, khu rừng quanh đây có hươu, nai không?

- Tâu hoàng hậu, vùng này không có hươu, chỉ có nai thôi ạ, nhưng cũng hiếm lắm vì không có các trảng cỏ, không có các cây lá mà chúng thường ăn. Dám hỏi, sao hoàng hậu lại phải quan hoài đến lũ hươu nai.

- Chẳng là ta nhớ hồi những năm hoàng thượng còn là hoàng thái tử về Tam Sơn mở phủ, khai phá rừng lấy đất trồng trọt. Trồng ngô thì khi lấy trộm hết bắp, trồng khoai, trồng sắn thì lợn rừng moi hết củ. Trồng dâu thì hươu, nai ăn hết lá. Sau hoàng thượng phải cho quây rào mới giữ được hươu nai. Do vậy mới chặn được tầm, ươm được tơ và dệt bao nhiêu là lụa. Chính hoàng thượng tự chặn tầm, ươm tơ, dệt lụa may áo dăng Thái tổ, được vua cha khen là: "cần", là "hiếu".

Ta hỏi các ông, nếu ở vùng này có hươu, nai thì phải quây rào từ lúc mới trồng, để tiện việc canh giữ.

Xem xét, trò chuyện một lúc, hoàng hậu nói lời từ biệt để xuống thuyền. Vừa lúc ấy có người hối hả chèo thuyền từ đền Đồng Cổ tới. Người này vội vã bước lên bờ, đến trước hoàng hậu sụp lạy:

- Tâu hoàng hậu chí kính, ông từ sai con đưa cái này trả lại hoàng hậu. Nói rồi anh ta dâng chiếc trâm vàng bằng cả hai tay. Lại tiếp - Ông từ con báo: Hoàng hậu cúng đền cả bảy đỉnh bạc, còn cái trâm vàng này chắc người để quên.

Hoàng hậu đỡ lấy cây trâm, nghĩ - Ta đặt chiếc trâm trên bầy đỉnh cùng với hương hoa, oản quả, tức là ta có lòng dâng cúng, sao ông thủ từ không biết điều đó còn đem trả lại. Hậu đã toan buông lời quở trách, chợt nghĩ - Hay người ta ngại sẽ bị liên lụy, bởi đây là đồ nữ trang trong cung cấm. Hoàng hậu bình thản cài chiếc trâm vàng lên đầu, xong quay lại nói:

- Người về nói ông từ, ta có lời cảm tạ. Dịp khác ta sẽ lại viếng đền.

Trở về cung điện, hoàng hậu cho triệu Nguyễn Thị Thu Lan đến nói về việc đã tìm được đất để lập trại dâu tằm. Lại sai triệu viên giám thừa Lê Văn Nghiên vào châu.

Cho hai người bình thân, Kim thiên hoàng hậu liền phán bảo:

- Ta vừa đi xem, có vạt rừng kiệt, cạnh làng Trích Sài, khai phá hết cũng được hơn chục mẫu. Vậy giám thừa đến gặp xã trưởng các làng Trích Sài, Yên Thái, Hồ Khẩu khoán cho họ khai phá rồi dựng nhà cho các cung nữ của tiên đế nay đã được giải cung, làm chỗ ở. Ta tạm cho nàng Thu Lan đây làm quản nhiệm chung. Nên để mọi người bầu chọn lấy hai người nữa giúp việc Thu Lan. Chọn người có chữ nghĩa, có đức hạnh. Cũng nên hỏi mọi người xem, sở vọng về chỗ ở như thế nào. Mỗi người ở riêng một gian, hay hai người ở chung một nhà.

Nếu muốn ở riêng mỗi người một ngôi nhà nhỏ với vài sào đất làm vườn thì cũng nên chiều ý mọi người. Việc này ta giao cho Thu Lan tập hợp mọi người vào bàn bạc. Nên nhớ, triều đình ban cho mỗi người mỗi tháng năm phương thóc, một quan tiền, lộc đó được hưởng suốt đời, còn vườn tược, chăn nuôi được bao nhiêu đều là của riêng. Ta sẽ dành năm mẫu đất trồng dâu, làm nhà chăn tằm, ươm tơ, dệt lụa. Sau này lợi thu được từ việc dâu tằm ấy lại chia đều cho mọi người. Thu Lan nói rõ để ai nấy thông hiểu, rồi gắng mà làm lụng. Ta biết các người đều xuất thân từ nơi ruộng đồng cả, nhưng lâu năm ở trong cung cấm chỉ chăm lo việc trang điểm, ăn chơi nhàn hạ, nay phải làm các công việc thổ mộc vất vả, nếu không kiên tâm lại bỏ việc đấy.

Còn việc ăn uống, nếu ăn chung thì cứ cất người thay phiên nhau mà chợ búa, nấu nướng. Ai cũng có gạo có tiền như nhau cả, ăn uống thế nào tùy tâm. Nhưng phải bảo ban nhau; làm gì cũng phải đồng tâm hiệp lực mới mong thành tựu.

- Nay ông Giám thừa, - hoàng hậu quay sang nói với viên giám thừa Lê Văn Nghiên. - Ông về bàn bạc với mấy viên xã trưởng các làng đó, thuê dân họ làm từ việc khai phá đến rào giậu đất đai, dựng nhà dựng cửa. Nhà thì có nhà ở, nhà chăn tằm, nhà ươm tơ, nhà dệt khung cửi. Lại xem có rẻo đất nào cao ráo tĩnh lặng, ta

sẽ nói với bên Hữu nhai tâng thống dựng một ngôi chùa nhỏ, xin một ni cô về trụ trì để có nơi chốn cho các chị em nương bóng Phật.

Ông nhớ không được làm phiền nhiều dân làng. Tiền công thì xin bên quốc khố, thóc lấỵ ở các kho bên nấy. Bởi làng nào cũng có kho thóc lấỵ từ ruộng quốc điền. Ngay việc phát thóc cho các cung nữ sau này cũng lấỵ tại chỗ, đỡ phải chuyên chở tốn kém. Các việc này hoàng thượng đã ân chuẩn rồi. Có điều là làm đến đâu, chi đến đó, giá cả, công sá thế nào đều phải minh bạch. Nếu làm tốt ấỵ có thưởng. Làm sai lệch lại hà lạm, ấỵ phải trị tội.

Viên Giám thừa nhất nhất đều ghi chép mọi việc. Xong đâu đó, y đọc lại các phần việc phải làm để hoàng hậu duyệt xét lại lần cuối.

Xem xong, hoàng hậu tỏ vẻ hài lòng. - Vậy cứ thế mà làm. Nửa năm sau mọi việc đều phải hoàn tất để ta còn tra hom đâu. Sao cho đúng một năm nữa, phải có lúa tơ đâu.

Viên Giám thừa cầm lại tờ giấy ghi chép từ tay hoàng hậu, y quỳ lạy:- Thần xin phụng mệnh.- Rồi cúi đầu ra khỏi cung.

## XII

**T**hấm thoát đã đến lễ Thường tân<sup>1</sup>, Kim thiên hoàng hậu sai sáu chi hậu cục soạn sửa đồ lễ và quà cáp để về lễ gia tiên cùng là thăm lại song thân, thăm lại bà con họ hàng và dân làng. Vẫn biết rằng từ Thăng Long về quê đi kiệu chỉ mất một ngày đường, thế mà cũng mấy năm rồi không về được, hoàng hậu cảm thấy như mình có lỗi lớn với song thân, có lỗi lớn với quê hương.

Từ sáng sớm, kiệu son đã sẵn sàng. Lại thêm dăm cỗ xe ngựa chở theo một lũ nữ tì, với không biết bao nhiêu đồ lễ lạt, quà cáp.

Hộ giá, có nửa đô quân Tùy long đi kèm. Viên

---

<sup>1</sup> Lễ tiến hành tại các gia đình vào sáng 10 tháng 10 (âm lịch) hằng năm. Gạo lấy từ thửa ruộng đầu tiên mới gặt. Mục đích là để dâng lên tổ tiên sản vật đầu mùa. Đây là lễ thức của cư dân nông nghiệp. Tục lệ này hiện vẫn có ở nhiều nơi. Các dân tộc Tây Nguyên vẫn đang thịnh hành, đó là hội mừng lúa mới.

đô trưởng cưỡi con hắc long, kiếm đeo bên sườn đi sau kiệu của hoàng hậu, viên Phó đô trưởng cưỡi con tía mặt cùng mười tên quân gươm giáo sáng lòa đi trước dẹp đường. Còn trước nữa lại có một tên lính trạm nh<sup>1</sup> vác lá cờ lệnh đuôi nheo vàng, nền đỏ. Đoàn hậu là ba mươi tên lính vận áo nẹp nậu may bằng vải thanh cát, nẹp màu vàng, chân quần xà cạp, đi đất vác giáo, đầu đội nón chóp đỏ.

Ngồi trên kiệu mà lòng hoàng hậu cứ nao nao nghĩ về nhà mình. Trước hết là song thân rồi đến anh chị em trong nhà, bà con trong họ, đám bạn gái trong xóm trong làng. Đường đi lối lại, giếng nước, gốc da, chùa, quán và cả cánh rừng gần nhà. Ôi bao nhiêu thứ, bao nhiêu người, bao nhiêu kỷ niệm thời ấu thơ cứ hiển hiện, khiến cô gái làng Tam Sơn ngày nào cứ bần thần cá ruột gan. Ước sao có cánh mà bay về ngay lập tức để nhìn cho rõ cánh sắc xóm thôn, giáp mặt từng người thân, quen, bè bạn. Thỉnh thoảng hậu lại vén rèm nhìn ra ngoài, mọi người vẫn bước rảo, phu kiệu chạy gần, nhưng sao hậu vẫn cảm thấy chậm chạp như rùa bò.

Mãi khi mặt trời đã rơi xuống bên kia những cánh rừng già mọc trùm trên các ngọn núi cao, bầu trời chỉ còn ánh lên những tia đỏ nhạt rồi chuyển dần sang màu

---

<sup>1</sup> Lính trạm nh còn trong độ tuổi thiếu nh như thiếu sinh quân ngày nay.

sương loãng, kiệu của hoàng hậu mới vào tới địa đầu xã Tam Sơn. Có một mùi gì quen thuộc bay sộc vào trong kiệu. Cái mùi nồng nồng ả ả như là mùi mốc ẩm nghê mãi, hoàng hậu mới nhớ ra mùi lá tre mục. Lại nữa, thi thoảng mùi khai gắt của nước đá trâu, át tất cả các mùi hương, mùi xạ tử áo quần và dầu tóc của hoàng hậu. Dường như các mùi đồng nội quen thuộc, làm thức dậy các kỷ niệm của cô Mai Minh Nguyệt từ ngày còn tám bé thường đi lại trên con đường làng sống trâu nhỏ hẹp này. Lòng bồi hồi, Nguyệt nghĩ về những người bạn. Trời sập tối, kiệu đi chậm lại. Con đường làng nhỏ hẹp, hai bên đường lũy tre ken kín. Tre đan thành vòm, con đường hun hút như một cái hang sâu. Đúng lúc một đoàn người từ trong các xóm ngõ đi ra, mỗi người xách một chiếc đèn lồng giơ cao, soi đường cho đoàn khách vào làng. Có tới cả trăm chiếc đèn lồng chạy dài theo con đường uốn lượn, nom như đôi bờ của dòng sông Ngân. Tới một trảng trống, đèn đuốc sáng lòa, giữa bày một hương án; trên hương án đặt trâu nước, hoa quả, các vị chức dịch cùng các bậc cao tuổi trong làng, áo quần tề chỉnh đứng theo hàng lối cung kính đón hoàng hậu hồi quê. Kiệu gần tới nơi tiếp đón, tiếng hô vang dội:

- Hoàng hậu giá lâm! Hoàng hậu vạn an!

Tiếng dội lại vách núi khiến âm thanh như len lõi



khắp các cánh rừng, khắp nẻo đường làng.

Kiếp vừa dừng, các bô lão, các chức dịch tiến lại cúi chào hoàng hậu. Và tiếng pháo nổ giòn, bùng lên những cánh hoa rực rỡ, như ngàn vạn các vì sao về hội tụ. Hoàng hậu cúi chào đáp lễ. Viên Trung quan từ kiệu sau bước ra nói lời cảm tạ, và xin được đưa thẳng hoàng hậu về thăm nhà, vì ở đó An quốc thượng tướng đang chờ. Mọi người dẫn ra và lục tục đi theo kiệu trở về dinh của An quốc.

Ngoài cổng thì chức dịch giăng đèn, kết hoa sáng như công vào thiên đường, nhưng trong nhà thì ông Mai Trọng Hựu vẫn giữ nếp xưa. Tối tối vẫn cho thắp một cây đèn chín bấc đặt ngoài nhà đại bái. Ngôi nhà làm theo chữ nhị. Căn ngoài năm gian, ba gian giữa tiếp khách, hai gian đầu hồi ngăn bởi hai bức thuẫn, thưng bằng gỗ lim xè mỏng. Ba gian phía sau dùng làm nhà thờ gia tiên. Gian giữa kê hương án, bày đồ thờ. Gian bên tả bày các đồ văn phòng tứ bảo. Một chiếc án thư bằng gỗ gụ, đóng theo kiểu cuốn thư, ghé tựa cũng bằng gỗ gụ giả trúc. Xung quanh kê mấy kệ chất đầy sách, đã được chủ nhân phân loại theo Phật, Nho, Lão. Gian bên hữu kê một tấm phán mộc, đặt sát tường. Mé đầu hồi cũng có một kệ chật ních sách. Gần trước cửa và ngay trước tấm phán kê một bàn chân quỳ cao hơn một gang tay, đặt trên một chiếc chiếu cói trơn. Mặt bàn bày bộ

đồ trà bằng gốm, men ngọc, lại có hũ trà nhỏ bằng hai nắm tay, men màu tiết dê. Trên vách, treo bộ tứ bình thuỷ mặc. Nhà làm bằng gỗ xoan đào thuần lối, cột kèo đồ au, mái lợp rạ. Nơi gian giữa, phía trên bàn thờ gia tiên có bức đại tự bốn chữ “*âm hà tư nguyên*”<sup>1</sup> mạ vàng, bốn mép khung cũng mạ vàng, nền sơn then màu huyết dụ. Với bức đại tự này, ngụ ý chủ nhân muốn nhắc nhở con cháu đời đời nhớ ơn tiên tổ.

Ngoài nhà đại bái, bài trí sơ sài. Choán hết mặt tường gian giữa là một bức tranh vẽ Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội Bồ đề và Lão Tử cưỡi trâu dưới cội tùng già, đó là hai vị giáo chủ của hai nền đạo Phật và Lão.

Cạnh Thích Ca Mâu Ni có dòng chữ:

“**Duyên hội cố tức hữu.**

**Duyên tán cố tức vô**”<sup>2</sup>.

Phía Lão Tử cũng có dòng chữ :

“**Thiên hạ chi vật sinh ư hữu**

**Hữu sinh ư vô**”<sup>3</sup>.

1 Nghĩa là Uống nước nhớ nguồn.

2 Theo thuyết của nhà Phật, mọi sự, mọi việc cứ hội đủ nhân duyên ắt thành (tức hiển lộ, hiện hữu). Khi các nhân duyên đó khuyếch tán đi thì mọi sự, mọi vật đều biến mất. ( Nhân duyên có nghĩa là các điều kiện cần và đủ cho một vật hình thành. Ví như nước là sự hoá hợp của các nguyên tố ô xy và hydro). Câu trên có nghĩa: Các nhân duyên hợp lại nên có, các nhân duyên tan đi nên không.

3 Theo học thuyết của Đạo Lão (Lão Tử) mọi vật đều bắt nguồn từ cái

Mai Trọng Hựu là bậc trí giả trong vùng. Ông sống giản dị như người bình thường. Nước nhà tuyên cáo theo về Tam giáo, nhà ông cũng hội đủ ba dòng đạo. Tuy nhiên về Phật, ông có ưu trọng hơn. Về Nho, ông học thông văn tự để đọc Phật, học Phật. Nho có cái đặc dụng ở sự nhập thế và sự kỷ cương. Công việc trị bình không thể không dụng Nho. Còn như với Lão học, ông vẫn thích cái sự phóng khoáng của đạo Lão. Nhưng quê hương của đạo này đã làm hỏng nó, vì người ta bỏ đi cái phần minh triết của Đạo học, mà tuồn vào đó sự nhàn tản, sự du hí và hưởng lạc, cầu tìm sự trường sinh bất lão. Dua nhau vào ẩn cư nơi rừng núi luyện đan và ngâm vịnh. Một đường khác, đạo Lão lại dạt sang ma thuật do bọn vu hích cầm đầu, khiến xã hội đầy rẫy bọn đồng cốt quàng xiên. Những cái đó không chỉ có ở Trung Hoa mà nó còn tràn sang nước ta làm hủ bại cả phong hóa của người mình.

---

không, tức vô. Câu trên có nghĩa: Vật trong thiên hạ được sinh ra từ hữu thể. Hữu thể lại được sinh ra từ Vô thể.

Ngày nay ngành vật lý hiện đại thường dùng các học thuyết của Lão Tử và Thích Ca Mâu Ni để giải thích các hiện tượng vật lý siêu cao. Ví dụ giải thích vũ trụ được hình thành từ vụ nổ Big Bang, tương tự như Lão tử nói. Cái Hữu bắt nguồn từ cái Vô. Hoặc trong các điều kiện thí nghiệm y hệt nhau, những hạt "hạ nguyên tử" có khi xuất hiện, có khi không. Và giải thích theo nhà Phật thì khi nào hội đủ nhân duyên ắt sẽ thị hiện. Khi không hội đủ nhân duyên thì không thị hiện.

Nhà họ Mai, từ khi con gái được nhập cung rồi lên ngôi hoàng hậu, Mai ông được nhà vua phong tước An quốc thượng tướng, lại được phong thực ấp. Nhẽ ra như những người khác, có thể dựa vào tước phong và cả quyền uy, thế lực buộc các quan chức trong hương thôn, trong châu phủ phải xây cất cho mình dinh thự nguy nga. Nhưng với Mai ông thì vẫn giữ nếp xưa giản dị, nhà cửa vẫn không có gì thay đổi, nếp ăn nếp ở vẫn hoà quyện với dân làng chứ không có gì kiêu sa, cảnh vẻ.

Qua cổng vào nhà, cô Mai Minh Nguyệt thấy cảnh vật nhà mình vẫn y nguyên như hồi cô còn nhỏ. Vẫn những hàng cau cao vút trước vườn nhà, và một dãy mười chiếc chum hứng nước mưa bằng tua cau dưới hàng cây sít giậu. Và vuông sân vẫn là sân đất nện phẳng lì. Minh Nguyệt chạy ùa vào trong nhà, phủ phục sát chân ông bà Mai Trọng Hựu mà lạy mừng.

Mai bà đỡ con dậy, giọng âu yếm: .

- Đứng làm thế con. Con là dương kim hoàng hậu, là mẫu nghi thiên hạ kia mà.

Kim thiên hoàng hậu nắm lấy tay mẹ, nói to cho mọi người nghe thấy:

- Thưa thầy mẹ, dù con có là đấng bậc gì, con vẫn là con của thầy mẹ. Ngay hoàng thượng cũng không thể

cư xử khác được. Ở nhà, thầy mẹ đừng dùng lễ, khiến con tủi thân.

Thấy hoàng hậu vẫn không khác cô, con gái bé bỏng của mình ngày nào, Mai bà kéo con lại gần mắng yêu:

- Gớm, cô chỉ được cái khéo nói.

Ông Mai Trọng Hựu chưa kịp đôi lời với con gái thì quan quân đã kéo vào đây áp một sân. Vừa lúc Trọng Mãn cũng từ sân bước vào nhà, anh hỏi cha:

- Thưa thầy, quan quân về đông thế này thì ở vào đâu hết ạ.

- Con hãy thay thầy ra mời mấy ông đô trưởng, phó đô trưởng trong vệ Kim Ngô vào nhà uống nước đã. Mời cả vị trung quan cùng mấy người hộ giá vào nhà rồi thầy thưa chuyện. Còn anh em binh lính, con nói người nhà đem nước ra mời cho đầy đủ. Trong nhà chật thì trái chiếu ra sân, nói mọi người bỏ lối cho thầy. Lại xem tất cả có bao nhiêu người, con lo cơm nước cho chu toàn. Lợn ở trong chuồng, mỗi một con không đủ thì mổ hai con. Mau mau chóng chóng đi, kéo anh em lính tráng đi cả ngày, họ đói lắm đấy.

Viên trung quan chấp tay cung kính trước Mai ông:

- Bẩm quan An quốc thượng tướng, ngài là bậc

quốc trưởng, danh gia đệ nhất, ngài là bậc phụ mẫu, cả triều đình đều kính trọng, kẻ tiểu nhân này xin dâng lên ngài bức thư vấn an của hoàng thượng. Nói xong, hai tay y dâng bức thư của vua Thái tông lên ngang mày.

Ông Mai Trọng Hựu tức An quốc thượng tướng vội bê chiếc khay, cũng hai tay nâng lên để tiếp chiếu thư, rồi ông đặt lên hương án, cúi đầu lạy ba lạy. Xong đầu đó, hai tay nâng bức chiếu thư, mở tờ giấy đó niêm phong bên ngoài, lấy ra bức thư đọc.

Vừa đọc, gương mặt Mai ông vừa rạng rỡ gấp thư lại, cho vào bao, đặt lên hương án, đoạn ông mỉm cười và nói như để cho mọi người nghe thấy: -“Hoàng thượng vấn an”. Trong khi đó, Mai bà kéo con gái, tức Kim thiên hoàng hậu xuống nhà ngang. Vừa đi bà vừa mắng yêu con gái:

- Vào cung, làm hoàng hậu vui quá rồi quên cả cha mẹ, họ hàng, làng xóm rồi phải không con?

Tủi thân, hoàng hậu òa khóc:

- Mẹ tướng làm vợ vua sướng lắm sao. Con nói thật với mẹ, nếu được trở về quê chăn tằm, dệt lụa, cấy hái như thuở con còn ở nhà cùng thầy mẹ, con xin bỏ ngay nơi cung cấm đó. Mẹ nghĩ con không muốn về sao. Mẹ đâu biết, triều đình chỉ cho phi, tần về thăm gia hương ba năm một lần vào tiết thanh minh thôi nhưng tiên đế

lại mất đúng vào dịp đó. Nên hằng năm ngày giỗ tiên đế cũng chính là những ngày thanh minh, con sao dám không có mặt. Gần đây, hoàng thượng thấy con mặt ủ mày chau mới hỏi nông nổi. Con kể hết khúc nôi về nôi nhớ song thân, nhớ quê suốt mấy năm nay không được về. Thế là hoàng thượng bảo từ năm nay cho con về cúng gia tiên và vấn an thầy mẹ vào lễ Thường tân.

Bà mẹ phỉ thui rồi an ủi con gái:

- Chẳng qua lâu ngày mẹ con không gặp nhau, nhớ con nên mẹ nói thế thôi. Con ơi, từ nay con chớ có đại mồm, đại miệng mà nói cái chuyện muốn về quê làm cô gái hái dâu, chăn tằm nữa nhé. Từ cô gái hái dâu một bước lên bà, lên bậc mẫu nghi thiên hạ. Đàn bà cả nước này mong cái địa vị như con mà không được đấy.

Minh Nguyệt thở dài: - Mẹ ơi, đúng như mẹ nói. Con nhớ buổi hoàng thái tử Lý Phật Mã đến thăm anh Mạnh Minh con, lúc con đi hái dâu về cũng là lúc hoàng tử mới ra khỏi ngõ nhà mình. Từ đấy con ao ước được gần chàng. Ấy là mơ ước hão của một cô gái quê, như mọi cô gái quê khác thôi, chứ phúc phận dâu đến lượt mình. Thế rồi chàng về đây mở phủ, chàng để ý đến con. Con cũng nghĩ người ta con vua chúa, người ta chỉ huê nguyệt để giải khuây thôi, nên con cứ tránh lần mãi. Không ngờ chàng đem lòng thương con, và con được nạp phi. Mẹ có biết ngày ấy con sung sướng thế

nào không. Con nghĩ, cứ như là con đang sống trong mơ ấy. Rằng con vào rừng chơi, bỗng gặp một bà tiên. Bà hỏi con ước gì thì bà cho. Nhưng chỉ được ước một điều thôi. Con nói rằng con chỉ muốn được làm vợ một chàng hoàng tử. Thế là bà cho con một hoàng tử thật.

Nhưng khi đã là phi là hậu rồi, con mới thấy làm cô gái hái dâu, chần tằm dệt lụa ở ngay quê mình mới thật sự là thần tiên. Mẹ ơi, mẹ đừng mắng con nhé, nếu bây giờ có bà tiên hiện ra cho con một điều ước, chắc con ước được trở lại như xưa mà không cần phải nghĩ suy gì cả, không phải ân hận gì cả.

Vé buồn rầu, Mai bà hỏi con:

- Ở trong cung khổ lắm à con? Mẹ lại cứ nghĩ...

- Không phải khổ như người nghèo đâu mẹ ạ. Mà khổ vì cái gì cũng quá dư thừa. Ăn uống thuần cao lương mỹ vị, nhưng ăn mãi những thứ đó cũng là một nỗi khổ. Còn kẻ hầu người hạ nhiều vô kể, đứa nào cũng xu nịnh đón ý chủ, khiến con không được làm bất cứ việc gì theo ý muốn nữa. Rồi đứa nọ ganh ghét đứa kia, đứa chuyện nói xấu nhau. Rồi đám trung quan, thì lũ quan hoạn ấy chứ còn ai nữa. Lũ người này mới đáng sợ. Con không nói là tất cả bọn họ đều xấu, đều gian ác, hiểm độc, xui nguyên giục bị, lèo lá, đều cáng. Nhưng nói thật công bằng, trong số một trăm người, cũng có một hai người có đức độ, vẫn còn giữ được



nhân cách một con người. Chao ôi, mẹ không biết được đâu, họ gài bẫy nguy hiểm lắm. May mà hoàng thượng sáng suốt. Chứ con nói thực, chỉ cần hoàng thượng chao nghiêng một tí, là lũ người này thao túng cả triều đình ngay. Bè này, phái họ tranh quyền đoạt chức ngay, cơ đồ nghiêng ngả ngay.

Minh Nguyệt ngược nhìn mẹ như thềm một sự che chở từ ngày còn thơ bé. Nguyệt nắm lấy tay mẹ - Mẹ ơi, mẹ có vào triều ở với con không.

Mai bà nhìn con gái dăm dăm yêu thương. Tưởng như bà sẽ gật đầu nhận lời ngay. Nhưng không, bà lắc đầu quầy quậy:

- Con ơi, trong cung kẻ hầu người hạ nhan nhản như thế, mẹ còn vào đó làm gì nữa.

- Mẹ ơi, sao mẹ lại nói thế. Con chỉ muốn mẹ ở với con, để con được hầu hạ, báo hiếu mẹ.

- Vẽ, hiếu mấy chả trung. Địa vị con như thế, con còn chán, còn muốn về nhà. Thử hỏi, mẹ vào đấy làm gì. Ngẫm nghĩ giây lát, Mai bà lại tiếp - Nếu cứ bắt mẹ ngồi đấy cho mọi người hầu hạ, không phải động cựa chân tay, không được làm một việc gì, thà bắt mẹ đi ở tù còn hơn. Nói xong, bà mỉm cười nhìn con âu yếm. Như chợt nhớ ra, Mai bà liền hỏi:

- Ngày con! Sao con không cho các cháu về chơi

với ông bà. Lại đến lượt Kim thiên hoàng hậu khó nói. Nàng cười như mếu - Mẹ ơi, nếu con là cái Nguyệt lấy chồng làng, con về thăm mẹ bất cứ lúc nào, các cháu thoãn thoắt chạy di chạy lại với ông bà ngoại lúc nào mà chẳng được. Khốn nỗi, con gái của mẹ lại là vợ vua, là hoàng hậu. Các cháu của ông bà, đứa là hoàng thái tử kế nghiệp, đứa là hoàng tử, là công chúa. Đứa nào cũng tước vương, tước hầu cả. Luật lệ triều đình ngặt lắm mẹ ơi. Con về thăm mẹ mà kéo theo cả một lũ một lũ, vừa hầu hạ, vừa bảo vệ giám sát. Nếu lại có cả hoàng thái tử đi theo nữa, thì quân hổ bôn phải kín làng mình. Đi thăm viếng mà làm phiền toái tới cả làng, cả châu quận, còn vui thú gì nữa mẹ.

Giữa lúc hai mẹ con đang đôi hỏi thì Mai Trọng Mẫn đi qua, liền nói:

- Kia cô, đám nữ tỳ đang đi tìm cô đấy. Mà sao đi về thăm thày mẹ lại không cho chú ấy cùng các cháu về chơi. Trọng Mẫn vừa nói vừa mỉm cười, vẻ trêu cợt em gái.

Bà mẹ hoảng hốt:

- Giờ ơi con! Sao dám phạm thượng thế, mất đầu đấy con ơi.

Trọng Mẫn cười phá lên bỏ đi, vừa lúc đám nữ tỳ kéo đến. Chúng ùa reo:

- Hoàng hậu ở đây mà chúng con cứ đi tìm người mãi.

- Thì các người cũng phải cho ta đi thăm cha mẹ ta một chút chứ. Ai mà chẳng có tình riêng. Lũ chúng bay cứ như là quân do thám ấy. Nói rồi hoàng hậu nhìn khắp mặt hơn một chục đứa nữ tì. Bỗng đứng hậu dừng mắt ở một gương mặt lạ. Người này cúi mặt xuống, vẻ như ngượng, lại như hãi sợ nữa.

Hậu bèn hỏi:

- Người mới vào cung à? Tên người là gì?

- Tâu hoàng hậu, con tên là Xuân Cầm ạ. Con vào cung đã ba năm rồi.

Hoàng hậu hơi nhíu mày như nhớ lại một điều gì. Đúng rồi, hậu tự nghĩ, năm ngoái ta gặp con này ở cung hoàng hậu họ Đinh. Vậy sao nó lại được đưa về đây. Thôi được, việc này ta sẽ tra xét sau. Hậu làm ra vẻ tươi cười vỗ về đứa hầu mới: - Ta thật vô tâm, con đến hầu mà ta không biết. Vậy chớ ở nhà cha mẹ con thế nào, con quê quán nơi nao?

- Dạ tâu hoàng hậu, con quê ở động Hoa Lư, nhà nghèo lắm ạ. Cha mẹ con vừa làm nông phu vừa làm tiểu phu, nhà con ở cửa rừng, có thêm các việc cày ruộng nữa. Từ ngày con được nhận vào hầu, triều đình đã gia ân cho cha mẹ con được cày cấy hẳn ba mẫu

ruộng mà không phải nộp tô, thuế.

- Ta mừng cho con. Vậy trước khi sang đây với ta, con ở cung nào?

Xuân Cầm mặt hơi biến sắc, giọng nói vấp vấp:

- Tôi hoàng hậu, con hầu tại cung Thúy Hoa ạ.

- Vậy là người đã ở với Đình hoàng hậu từ ngày được tiến triều. Thôi, con sang ở với ta càng vui. Có điều là ta hơi khó tính đấy. Nói xong, hậu kéo tay Xuân Cầm về phía mình, rồi quay ra nói với lũ tì nữ - Xuân Cầm mới tới cung Nguyệt Minh, các người không được bắt nạt đấy nhé.

Xuân Cầm rưng rưng nước mắt cảm động quỳ phục xuống lạy ba lạy:

- Con cảm ơn hoàng hậu.

Lại nói về làng Tam Sơn. Dường như cả làng nao động lên về chuyện một cô gái đi lấy chồng thiên hạ về thăm quê. Thì từ trước đến nay, làng Tam Sơn có cả trăm người lấy chồng thiên hạ, khi về thăm quê, có ai để ý; họ chẳng chỉ có người trong nhà, trong họ, cùng lắm là vài nhà hàng xóm biết đến, chứ làm gì có chuyện từ ông xã trưởng đến các bậc kỳ lão, lại cả quan châu, quan lộ cũng cứ nườm nượp về làng. Suốt đêm lính tráng đi lại rậm rịch cứ như sắp có âm binh nổi dậy. Thật ra, nếu người con gái nhà họ Mai kia không lấy

vua mà lấy một anh nông phu, anh tiểu phu, hoặc anh học trò nghèo, thì cô ta đi về lúc nào mặc xác cô ta, có ai hoài hơi mà dòm ngó. Thế nhưng cô nương nhà họ Mai lại lấy vua, là hoàng hậu, hóa nên mọi sự trong làng mới rối tung lên như mớ bòng bong. Rối tung lên vì vui sướng, vì vinh hạnh nữa. Nào, thử hỏi trong khắp vùng đây có làng nào được như làng mình. Người Tam Sơn thường kháo nhau như vậy. Ngay cả nước cũng chỉ có bảy bà hoàng hậu, thì làng mình đã chiếm một rồi, nhưng lại ở ngôi thứ nhất. Nhờ thế mà lộc vua ban cho cả làng. Tô ruộng vua cũng tha hẳn, không bắt nộp nữa. Đúng là một người sang cả làng trông cậy. Thế thì làng có thức trắng đến cả trăm đêm để tuần tra canh gác, ngày ngày nghỉ việc mở hội để đón hoàng hậu, thì cũng cứ là vui.

Đêm ấy, nhà quan An quốc thượng tướng, mở lợn khao hoàng hậu và đoàn tùy tùng hộ giá. Nhưng chức dịch làng Tam Sơn và cả quan Phán phủ sự đều xin với Mai tướng công để làng và phủ xin được đứng ra lo liệu việc tiếp đón người của triều đình.

Ông Mai Trọng Hựu vẫn giữ được nét giản dị và lịch lãm của một người có học thức, một cư sĩ chứ không tỏ mình là bậc quốc trượng, là người có hàm cao cực phẩm. Ông tươi cười nói với các vị quan cấp địa phương:

- Quý ông lượng tình nhà tôi chật chội, neo dơ mà đỡ cho thật là quý hoá, biết lấy gì báo đáp đây.

Viên Phán phủ sự về khúm núm:

- Đại quan là bề trên lại tuổi tác vào hàng phụ mẫu đã cho phép, chúng tôi xin chu tất mọi việc.

Sớm hôm sau, bỏ tất cả các lễ nghi triều điển, Mai Thị Minh Nguyệt cùng mấy người chị em đội lễ vào nhà ông trưởng tộc họ, làm lễ gia tiên. Ông trưởng tộc họ cùng các vị trong Hội đồng họ tộc đã khăn áo tề chỉnh, hương án thiết lập giữa sân, sẵn sàng nghênh đón hoàng hậu. Ai ngờ Mai Thị Minh Nguyệt lại phục sức mộc mạc như một cô gái quê. Tóc vấn, khăn mỏ quạ, váy lụa sồi, thắt lưng đũi mộc, áo dài tứ thân may bằng vải thanh cát, chân đi dép mo cau, quai ngang, đội nón thúng, quai thao gióc bằng chỉ màu. Vừa ló vào đầu sân, các cụ chưa kịp mở lời, hoàng hậu đã vội cất tiếng:

- Cháu là Nguyệt, Mai Thị Minh Nguyệt có nhờ chào các ông, các bà, các bác, các chú, các anh chị em trong họ. Nhân về thăm quê, cháu có hơi trâu, nậm rượu xin phép các cụ được vào bái yết tổ tiên.

Minh Nguyệt vừa nói xong thì bốn năm người chị em bê hết mâm nọ đến mâm kia, nào xôi gấc, nào thủ lợn, nào gà thiến, thuần lễ chín. Lại một mâm trâu cau, một mâm bầy cả một hũ rượu, mâm ngoài cùng có hai

mười nén bạc, một nén vàng. Sắp lễ xong, mấy chị em đứng ra hai bên chờ ông trưởng tộc vào thắp hương và khấn cáo tổ tông rồi mấy chị em mới được phép vào lễ.

Chiêng trống nổi ba hồi, ông trưởng tộc họ bước vào chiếu lễ. Ông đội khăn lượt, râu dài bạc trắng, vận áo dài thụng xanh, chân đi dép bện bằng dây chuối hột khô, hai tay nâng tờ sớ đã mở sẵn trên giá. Ông vừa háng giọng, chiêng trống im bật, mọi người chình bị khăn mũ, ngồi, đứng nghiêm trang. Ông cất cao giọng đọc: “ *Duy Nam Việt, Thiên thành tuế thứ ngũ niên...* “. Giọng ông cứ nhỏ dần, nhỏ dần và ta chỉ còn nghe thấy tiếng thì thầm đến mơ hồ, quỵện với tiếng reo lập bập của ngọn lửa trên hai cây bạch lập to đùng, mùi hương xạ ngan ngát, khiến không khí trở nên lung linh mờ ảo, mà ai nấy đều có cảm nhận như hồn thiêng tiên tổ đang hiện về.

Ông trưởng tộc họ khấn xong, quay ra vái Mai Thị Minh Nguyệt một vái:

- Mời hoàng hậu vào lễ tổ.

Minh Nguyệt lúng túng, mặt đỏ gay vái lại ông trưởng tộc ba vái, liền nói:

- Con là Nguyệt về lễ tổ, thăm họ hàng, ông xử thế, con tổn thọ mất. Nói xong, Nguyệt xoắn tóc, ngồi thụp trước bàn thờ cụng đầu xuống đất ba lần rồi lễ năm lễ.

Họ hàng ai cũng khen hoàng hậu là người giản dị, dễ gần, ở vào bậc mẫu nghi thiên hạ, nhưng về họ, về làng vẫn giữ đúng bề bậc.

Lúc ở nhà thờ họ ra, mấy chị em gặp một bà quấy méch giò dậu bằng chiếc kẻo nèo<sup>1</sup>, đầu đội chiếc nón thúng, mặt hơi cúi, như có vẻ tránh mấy chị em hoàng hậu. Từ xa, Minh Nguyệt đã ngỡ ngợ dáng người này. Khi gần giáp mặt, Nguyệt bước tới chần bước người kia, và đột ngột hỏi:

- Dì Gái phải không? Và với cử chỉ thân tình, hai tay nắm lấy hai bả vai người kia lắc mạnh. - Chị em con bá con dì ruột. Chị về chưa kịp sang thăm mẹ em, sao lại lánh mặt chị.

Người kia cười méo cả miệng, giọng run run sợ hãi. Đặt giò dậu xuống, bà ta quỳ lạy:

- Lạy chị tha cho, em không tránh kịp.

Minh Nguyệt đỡ người em họ dậy, mắng yêu:

- Dì Gái quên chị rồi sao. Hai chị em đi hái dậu với nhau mãi còn gì. Mẹ chị, mẹ em là hai chị em ruột chứ xa lạ gì mà em thờ ơ với chị thế.

Người kia đã bớt run, nói:

---

<sup>1</sup> Một dụng cụ bằng tre có mấu như một chiếc móc dùng để kéo, vít các cành dậu cao quá tầm với. Đoạn que này dài chừng hai mét, to bằng nửa cổ tay.



- Chị ơi, sao em thấy người ta nói, ra đường chẳng may gặp vua, gặp quan đi, không tránh kịp, phải quỳ úp mặt xuống rìa đường, chờ cho quan quân đi xa rồi mới được ngẩng mặt lên đi tiếp. Chị chẳng là hoàng hậu sao. Em không tránh kịp, lại không quỳ. Em sợ hoàng hậu bắt tội.

Minh Nguyệt cười khảnh khách:

- Con nỡm! Chị là hoàng hậu, vợ vua, nhưng ở Thăng Long kia, chứ về quê, chị vườn cũ là bạn hái dâu chân tầm của em thuở trước. Minh Nguyệt liền túm lấy gió dâu - Thôi hãy về nhà chị chơi đã, rồi chiều chị sang thăm dì với em.

Người kia giẫy nảy lên:

- Chị cho em về đi, tầm đôi dâu đang chờ em. Minh Nguyệt bèn trao gió trả lại người kia và dặn: - Để chiều chị sang thăm dì đã, rồi mai em hẵng sang chị, Gái nhá.

Chiều, viên trung quan mon men đến gần Minh Nguyệt xin được có đôi lời.

- Vậy có điều gì ông cần nói với ta, Nguyệt hỏi.

- Tâu hoàng hậu, người không nên khinh xuất, đi đâu người nên dùng kiệu cho đúng phép tắc triều đình, người cũng để cho quân Tuỳ long được theo hầu, hộ giá.

Hoàng hậu xua tay - Việc này ông để mặc ta khu

xứ. Ta là con em của dân làng chứ không phải hoàng hậu của làng. Ông cùng đám quân Tùy long cứ nghĩ cho khỏe. Cả lũ ti nữ cũng thế, không phải đi theo ta. Đi đâu, ta đi với mấy người chị em là đủ. Sáng mai ta lên chùa làm lễ Phật, thăm hòa thượng, ông đứng chờ người theo.

- Dạ!- Viên hoạn quan miễn cưỡng vâng lời.

## XIII

**C**hùa Tam Sơn và cả vùng núi rừng âm u đang ngợp chìm trong tiếng chuông chiều mộ.

Gần đây có một người trẻ tuổi đến xin với Trưởng lão để được theo học đạo Thiên.

Sư Định Hương ngắm nhìn người trẻ tuổi hồi lâu rồi hỏi:

- Người đến chùa làm gì?

- Con đã chẳng thưa với Trưởng lão lúc mới đến rằng, con xin học đạo.

- Đạo là cái gì? Sư quát.

Người trẻ tuổi ngơ ngơ tới một hai giây rồi đáp:

- Đạo chẳng là cái gì cả.

- Chẳng là cái gì cả là cái gì? Sư hỏi lại.

- Là Đạo. Người trẻ tuổi đáp.

- Vậy là người đã hiểu Đạo. Thật hiểu chưa? Sư

lại hỏi.

- Hiểu rồi, nhưng cũng là không hiểu gì cả.- Người trẻ tuổi đáp.

- Vậy là người...đã hiểu.- Sư nói.

Và từ bữa ấy, thiền sư thu nhận người trẻ tuổi làm đệ tử. Cho pháp danh là Đạo Quang.

Tiếng chuông đang ngân khắp cõi trong ráng chiều chạng vạng này chính là của Đạo Quang.

Tiếng chuông trong treo thả vào không gian u tịch sự tĩnh lặng sâu xa, khiến người nghe như vừa được khai ngộ. Cứ từng tiếng, từng tiếng nhẹ nhẹ, dư âm sắp tắt hẳn mới lại tiếp nối tiếng sau. Tiếng chuông như là một trợ niệm vãng sinh, khiến quý thần nghe được tiếng chuông này cũng phải chấp tay kính lễ. Ngay cả kẻ tội đồ sa địa ngục cũng phải đem lòng tỉnh ngộ.

Rõ ràng người đánh chuông đã phát khởi cái tâm chí thành, tâm đại bi, nên kẻ hạ căn mà nghe được chuông này, ắt ba nghiệp được gột rửa sạch trong. Và một khi tiếng chuông được thỉnh từ một người có tâm tuệ thì cả âm dương đều được quan triêm lợi lạc.

Khi hồi chuông thứ ba điểm tới tiếng thứ ba mươi lăm, dư âm như sắp ngấm tắt, ta lại nghe điểm thêm ba tiếng nữa, vừa đúng 108 tiếng. Không gian như hút sâu vào tiếng chuông. Thời khắc thật là tịch tĩnh.

Dêm xuống!

Lại nói Khu mật viện sứ Mai Mạnh Minh vừa đi kinh dinh vùng biên ải trên bộ và trên biển về tới kinh sư, nghe tin Kim thiên Mai hoàng hậu vừa mới về quê thăm cha mẹ nhân dịp lễ Thường tân, quan Khu mật sứ bèn rẽ vào điện Long An bái yết đức kim thượng.

Thấy Mạnh Minh đến, nhà vua ra tận hành lang đại điện đón.

Vừa nhìn thấy nhà vua, Mạnh Minh sụp lạy:

- Thần vừa đi kinh dinh về, vội đến vấn an hoàng thượng.

- Vê trò lễ nghĩa, vua nói, miệng cười vui vẻ: - Ta với Mạnh huynh có lạ gì nhau, vừa là tình bạn bè cố cựu, vừa là tình huynh đệ.

- Tâu, hoàng thượng thương mà gia ân, nhưng còn lễ vua tôi thì sao?

- Lễ vua tôi là ở nơi triều chính, còn ở nhà, ta với Mạnh huynh phải cư xử theo gia lễ.

- Đội ơn hoàng thượng.

- Lại hoàng thượng. Nhà vua vỗ vai Mạnh Minh, thực tình ta rất thích cái không khí hoà đồng khi chúng ta cùng theo học thầy Cứu Chi, thầy Định Hương. Thuở ấy, chúng ta xưng hô với nhau bằng công tử, nhưng lúc vào cuộc chơi như đánh đáo, đá cầu, lại gọi nhau bằng

anh, tôi, cậu, tớ; có khi còn mày tao nữa. Ôi, những cái lối xưng hô ấy, làm cho con người gần gũi nhau hơn. Đến như công tử, hoàng tử rồi hoàng thượng, nghe sao nó với với xa xăm.

Nhà vua thực lòng. Điều đó Mạnh Minh biết. Song chàng nghĩ: Ai dám gọi vua bằng anh hoặc xưng hô cậu, tớ, tao, mày, dù là bạn bè, dù là anh em. Như thấu hiểu tấm lòng của nhà vua, Mạnh Minh nói:

- Nhưng nay bệ hạ đã ở ngôi chí tôn, ngôi vị đã định, thứ bậc đã phân, quân thần đã rõ, vị vậy trên dưới phải tuân theo lễ. Nếu ở nơi vắng vẻ, chỉ có vài người thân tộc, bệ hạ xưng hô thế nào là tùy nơi bệ hạ. Song chốn triều trung xin bệ hạ nghiêm giữ. Về phía thần, xin được giữ đạo làm tôi; tình bạn, tình anh em, thần xin để ở trong lòng.

Chợt nhà vua hỏi:

- Nhân hoàng hậu về thăm quê, ta cũng muốn trở lại Tam Sơn, vừa là thăm Mai quốc trượng, vừa thăm thầy Định Hương, lại cũng muốn nhìn lại mảnh đất hồi đi mở phủ mà nhờ nó ta có được Minh Nguyệt, vậy chớ Mạnh huynh có đi cùng ta?

- Đa tạ, nếu bệ hạ cho thần được di thập tùng, cũng là dịp thần được về bái yết song thân.

Vua vừa ban lệnh cho nội quan chánh chương soạn

sửa xe ngựa, thì có thiếp báo thiên sư Viên Chiếu xin vào diện kiến.

Thái tông vội nắm tay Mạnh Minh:

- Di, ta cùng Mạnh huynh ra ngoài khách sảnh đón Viên Chiếu.

- Nghe có đại sư tới, ta cùng quan khu mật sứ phải ra thềm ngài vào nội điện đây. Nhà vua nói và với cử chỉ thân tình, gương mặt niềm nở khiến thiên sư Viên Chiếu phải ngay lập tức đáp lễ:

- A-di-dà Phật, bốn sư đã làm phiền bệ hạ và thượng quan nhiều đấy. Thật dắc tội, dắc tội.

- Nào, xin thỉnh đại sư vào thưởng trà.- Nói xong nhà vua quay gót. Thiên sư Viên Chiếu và quan khu mật sứ cùng đi theo.

Ba người, ba vị thế khác nhau: thái tông Lý Càn Đức thì ở ngôi cửu ngũ, thiên sư Viên Chiếu là bậc cao tăng nước tiếng đương thời, Mai Mạnh Minh đứng đầu cơ quan Khu mật viện của triều đình, vừa là bạn thân vừa là anh ruột hoàng hậu Kim thiên Mai thị. Tuy vậy, tuổi đời họ cũng xấp xỉ ngang nhau. Viên Chiếu sinh năm Kỷ Hợi (999), nhà vua sinh năm Canh Tý (1000), còn Mạnh Minh sinh năm Nhâm Dần (1002), tới nay họ mới ngoài ba mươi tuổi.

Mạnh Minh quê ở Tam Sơn, nhà vua quê làng Dịch

Bàng hương Duyên Uẩn, còn Viên Chiếu lại quê ở Long Đàm. Thật ra thì quê gốc Viên Chiếu cũng ở Tam Sơn, nhưng cụ thân sinh ra Viên Chiếu lại chuyển cư về Long Đàm ngay cạnh kinh thành Thăng Long. Và cụ thân sinh ra Viên Chiếu với cụ Mai Trọng Hựu là anh em chú bác. Về thứ bậc, Mạnh Minh là chú họ Viên Chiếu. Song với người đã xuất gia độ nhân cứu thế, thì không còn phân biệt đối đãi ai là thân ai là sơ nữa.

Trà được một tuần, nhà vua nói:

- Thật là một kỳ duyên, trẫm vừa có lời mời quan khu mật sứ cùng về Tam Sơn thăm Thiền lão thiền sư, người thầy đáng kính của trẫm và Mạnh huynh. Nhân tiện mời đại sư cùng đi. Nếu đại sư nhận lời thì thật là đại hạnh cho trẫm.

- Đúng là kỳ duyên!- Thiền sư Viên Chiếu reo lên. Chính bản tăng cũng đang muốn về thăm thầy. Chắc hoàng thượng và Mai đại quan chưa biết, thuở nhỏ tăng này cũng theo học thầy Định Hương. Bữa nay nghe thoang thoang như có khách thiền ghé Tam Sơn, vậy nên tăng này mới tìm đến bệ hạ. May thay! May thay!

Nhà vua liếc nhìn Mạnh Minh như thăm nói: “ Vị đại sư này quả có thiên nhĩ thông, rõ ràng chúng ta vừa mới bàn nhau xong, thì nhà thiền đã vân du tới liền”. Mạnh Minh dường như cảm nhận được điều đó, nên nói:



- Bạch đại sư, ngài đúng là bậc chân nhân, đại giác.

- Không nhiều lời. Chúng ta là đồng môn. Đó là một kỳ duyên, như hoàng thượng vừa nói. Nhưng nếu không đi mau, tàu bệ hạ, nửa giờ nữa tại đây có trận mưa lớn, có sét đánh sau điện Thiên An.

- Mưa gió, sấm sét vào mùa đông. Đó là điềm triệu chẳng lành chẳng, xin đại sư chỉ giáo, - nhà vua hỏi với vẻ mặt âu lo.

- Điềm lành! Điềm lành, bệ hạ khỏi lo. Đây là lần sét đánh cuối cùng xung quanh điện Thiên An.

- Đại sư nói vậy thôi chớ, trăm sao khỏi lo được bởi điện Càn Nguyên từ thời tiên đế đã mấy lần sét đánh. Nay lại có sét đánh. Phải chăng nhà Lý ta bạc đức?

- Bệ hạ chẳng thấy tiên đế đã gọi đất này có thể "long bàn hổ cứ" (rồng cuộn hổ ngồi) sao. Điện Càn Nguyên dựng đúng vào huyệt Long Đỗ (rốn rồng). Xưa Cao Biền làm Đô hộ tổng quản, đóng ở thành Đại La. Biền là một tay giỏi võ thông văn, lai có biệt tài về môn địa lý. Biết Đại La là đất đế vương, nên Biền cho trấn yểm nhiều nơi, nhằm triệt long mạch. Biền đã nhìn ra huyệt Long Đỗ, nên ngầm chôn nhiều sắt, đồng để chặt đứt long huyệt. Khi dựng điện Càn Nguyên, thầy Vạn Hạnh đã chỉ cho thợ đào lên khá nhiều kim khí. Chắc họ làm đối trá, đào chưa hết. Biết vậy, thầy đã yểm cho nó

nổi dần lên mặt đất. Chính vì nó nổi gần mặt đất nên sét mới đánh tung lên. Vậy đó là điềm lành, điềm hoàn huyệch chứ có gì mà bệ hạ phải lo.

- Vậy thời ta thượng lộ. - Nhà vua nói xong bèn mời thiền sư Viên Chiếu lên xe.

Mạnh Minh đi lùi lại, ghé tai viên đô tướng vệ Long tiếp nói nhỏ:

“ Nửa giờ nữa tại đây có trận mưa lớn, có thể có sét đánh. Người phải cấm không cho ai qua lại khi trời đang mưa, nhớ xem trong cơn mưa, sét đánh vào chỗ nào, có thiệt hại gì không, rồi chạy ngựa ngay sang chùa Tam Sơn tâu báo lên hoàng thượng”. Người kia vâng, dạ rồi gật đầu lia lịa.

Xe đưa nhà vua , thiền sư Viên Chiếu và khu mật sứ Mai Mạnh Minh ra tới bến dò sông Cái thì quay lại. Lên bến, vua và thiền sư cùng quan khu mật sứ mỗi người lên một con ngựa quý, yên cương đóng sẵn. Nhà vua và Mạnh Minh thoát nhảy lên mình ngựa như một ky sĩ. Thiền sư trước khi lên yên còn vuốt má con ngựa tía, rồi ghé nói điều gì vào tai nó, khiến con ngựa lim dim đôi mắt, lắc lắc chiếc bờm dựng như vây cá. Đoạn một tay cầm dây cương, tay kia chống cây thiền trượng, đại sư lấy đà nhảy phất lên mình ngựa. Con ngựa thủng thẳng di nước kiệu. Đại sư đầu đội mũ hoa sen, mình khoác áo cà sa màu vàng nghệ, cổ đeo vòng tràng hạt

dài tới bụng, mỗi hạt to bằng đầu ngón tay cái, dây cương thả lỏng, cây thiền杖 đặt ngang mình ngựa, mắt như đang nhìn vào một cõi giới xa xăm nào đấy, khiến gương mặt sư trở nên an nhiên, tĩnh tại. Nom sư hao hao giống vị Bồ tát Đại Thế chí.

Một đô quân hồ bốn chia làm hai vệ, một vệ đi trước dẹp đường, một vệ đi sau hộ giá.

Trước khi ra khỏi kinh thành, vua đã kịp trao quyền lưu thủ kinh sư cho hoàng thái tử Lý Nhật Tôn, lại gọi thái sư Lương Nhậm Văn và thái úy Nguyễn Quang Lợi tới căn dặn và trao quyền đồng giám quốc.

Ba người, ba ngựa thông dong. Thái tông cười con Bạch mã, gần giống với con Bạch long thần mã của Lý Thái tổ xưa. Con thần mã của Thái tổ đã già lắm, sau khi nhà vua băng được một tuần trăng, con ngựa hí lên một hồi thê thảm rồi chết. Người giám mã nói, con thần mã nhớ Thái tổ, nó bỏ ăn tới cả chục ngày, chỉ có uống nước lã. Sau lại bỏ cả uống. Gương mặt nó lúc nào cũng buồn thiu, hề thấy giám mã vào là nó lại hí lên khe khẽ, bờm lắc nhẹ, như là hỏi thăm, như là trách móc sự vắng mặt lâu ngày của chủ. Và cuối cùng thì nó chết. Chết vì đứt ruột. Đứt ruột vì nó hí tới hết hơi hết sức, nước mắt chảy giàn giụa. Nó đã chết theo chủ. Quý thay loài ngựa, một loài vật sống có nghĩa tình, loài người hồ dễ theo được đức tính này của nòi ngựa.

Thiền sư Viên Chiếu cỡi con tía mật, đây là con ngựa quý của nhà vua nhường cho đại sư.

Quan Khu mật sứ cưỡi con Nê thông, một con ngựa có sắc lông như màu bùn, nhưng có sức đi dẻo dai, chạy mấy chục dặm không ra mồ hôi, mắt tinh, tai thính đi đêm cũng linh lợi chẳng kém đi ban ngày.

Khi nhà vua, thiền sư Viên Chiếu và quan Khu mật sứ đi chớm tới dải rừng phía đầu hương Tam Sơn cũng là lúc trời chạng vạng, chợt nghe tiếng chuông từ chùa Tam Sơn vang vọng. Tiếng chuông như có một ma lực khiến cả ba con ngựa đều dừng bước.

Nhà vua nhìn thiền sư nói khê:

- Đại sư, ta có cảm nhận người thỉnh chuông này đã khởi tâm đại bi.

- Nam-mô-A-di -đà Phật!- Thiền sư xác nhận.

Ba người nhìn nhau và không ai nở ra roi thúc ngựa. Nhưng không lẽ trời đang tối mà cứ đứng giữa rừng đợi dứt ba hồi chuông. Toán quân trước không thấy ngựa của nhà vua đi tiếp cũng vừa quay lại, toán đi sau cũng dồn tới phía sau chân ngựa của Mạnh Minh. Thiền sư cúi rạp trên lưng ngựa, thì thầm một điều gì đó rồi khê vỗ bàn tay lên vai con tía mật. Con ngựa liền bước đi nhẹ nhàng, chậm chạp, khiến hai con Bạch mã và Nê thông cũng thông thả bước theo. Từ đó, không ai

nói một lời, tâm trí thả theo tiếng chuông ngân. Và khi đoàn người ngựa đi gần tới tam quan thì tiếng chuông cuối cùng cũng vừa dứt.

Sư trụ trì - Thiền lão thiền sư Định Hương bước từ bậc tam cấp nhà phượng xuống, thì nhà vua và thiền sư Viên Chiếu cùng Mạnh Minh đã xuống ngựa đi thẳng vào trai đường.

Thấy vua và hai người học trò cũ cùng đến một lúc, Thiền lão thiền sư chấp tay chào:

- Nam - mô Phật! Ta ngỡ chỉ có hoàng thượng ghé về Tam Sơn, hóa ra lại có cả Viên Chiếu, Mạnh Minh đồng hành - Đại hạnh! Đại hạnh! Sư nói mà âm vang lan toả như tiếng reo vui. Thiền lão nheo nheo đôi mắt dãn deo. - Thật ra, cũng chẳng có gì lạ. Túc duyên thì tròn đầy. Nào xin mời bệ hạ cùng chư vị vào nhà dùng trà đã.

Mọi người an tọa, nước đã được một tuần, Thiền lão thiền sư lại nói:

- Bệ hạ là đáng nhân chủ, tằng này là kẻ xuất gia, nhân có bệ hạ đến vắng cảnh, ta xin thưa trước kéo lại mang tiếng nhà thiền lỗ mãng, rằng theo phép của nhà Phật, tằng này chỉ có lạy Phật thôi, còn các phép tắc khác xin theo luật lệ của triều đình.

Nghe trưởng lão nói, trong lòng nhà vua cảm thấy

run sợ và tự hỏi :

“Hay ta có điều gì thất lễ với thầy ?”. Vua bèn đứng dậy vái ba vái rồi nói :

- Bạch thầy! Đây là Lý Phật Mã về thăm thầy chứ không phải vua Thiên Thánh đi kinh lý. Vả lại từ thời tiên đế đã lấy đạo Phật làm quốc đạo, lý gì triều đình lại không tôn trọng phép tắc của giáo hội, huống chi Phật Mã vừa là học trò nơi cửa Phật, vừa chịu phép quán danh của cao tăng. Nhân thầy đã có nhời, thì từ nay bên Hữu nhai tăng thống cùng bên Tả nhai đạo lục sẽ bố cáo để chư tăng và đạo sĩ trong toàn cõi biết, lễ giao tiếp giữa các dòng đạo đối với quốc vương là sự giao bái, chứ không phải quỳ lạy như người thế tục.

Thiền sư Viên Chiếu bèn hỏi:

- Quốc sách của triều ta vẫn là tam giáo đồng nguyên, cơ sao hoàng thượng chỉ gia ân cho tăng sĩ, đạo sĩ; vậy còn nho sĩ thì sao?- Viên Chiếu nói xong nhìn Mạnh Minh mỉm cười.

- Ta chắc đại sư rõ việc này hơn ta,- Thái tông đáp. Đoạn nhà vua nói thêm- Nho học là đạo của thế gian, lại lấy trung quân làm trọng, do vậy vua chính là thân linh của nho sĩ, dù có miễn lễ, họ cũng chẳng nghe theo. Nói xong nhà vua liếc nhìn Mạnh Minh cười xòa.

- Lão tăng này thật đa sự, khiến hoàng thượng và

các vị phải bận tâm, Định Hương trưởng lão nói rồi vớ lấy cây búa nhỏ xúu gõ vào chiếc chuông con đặt trên kỷ. Lập tức có một nhà sư trẻ bê lên mâm cơm chay đặt giữa trai phòng. Trưởng lão lại nói: - Lệ của nhà chùa chỉ thụ trai chính ngọ, nhưng bữa nay hoàng thượng và chư vị đi đường xa mệt nhọc, xin cứ thụ trai cho ấm bụng. Trưởng lão chỉ ngồi tiếp chứ không ăn. Ba người, vừa là tình vua tôi, vừa là tình bạn bè đồng môn nên chẳng có gì phải khách khí.

Trong khi nhà vua cùng một vị đại sư và một vị đại quan đang dùng món cơm chay đạm bạc, thì ở ngoài kia đám quân hổ bôn và những nội nhân, cung nữ theo hầu được các quan tri phủ sự, phán phủ sự thết đãi các món thịt trâu, bò, gà, lợn thật là thịnh soạn.

Bữa cơm vừa dứt, vua, Mạnh Minh và các thiền sư Định Hương, Viên Chiếu qua bên tỉnh thất uống trà. Lại vẫn nhà sư trẻ hầu trà.

Vua Thái tông, tay đón chén trà nóng, mắt liếc nhìn nhà sư trẻ và hỏi:

- Có phải vị này vừa thỉnh chuông chiêu mộ chiều nay.

- Dạ phải.- Nhà sư trẻ lễ phép đáp lời.

Sư Viên Chiếu bèn quay qua nói với Định Hương:

- Bạch thầy, người này có đạo tâm, đạo lực lớn

lắm. Cứ nghe qua tiếng chuông là biết. Vậy chớ thầy thu nhận làm đệ tử từ bao giờ.

Định Hương mỉm cười, đoạn trưởng lão nhìn nhà sư trẻ, nói:

- Đạo Quang, con tướng lại sự thể con qui Phật để hoàng thượng với hoà thượng cùng đại quan đây được tỏ.

Nhà sư trẻ hơi đỏ mặt vì ngượng. Bởi tất cả các con mắt đều hướng về sư. Sư tuy rất trẻ, có nhẽ chỉ non hai chục tuổi, nhưng là một người đàn ông hoàng. Trong tất cả các tướng đã hiển lộ, tướng nào cũng quý. Quý nhất là đôi mắt và gương mặt. Cặp mắt hai tròng trắng đen phân biệt. Cặp mắt ấy nhìn ai thì nhìn thẳng chứ không nhìn nghiêng hoặc nhìn lên, nhìn xuống, không lảo liên hoặc nhìn trộm. Lại nhất là từ cặp mắt kia như toả ra một luồng hào quang ấm áp, thân thiện khiến người đối thoại có thể hiểu ngay điều mà sư muốn nói, tựa như là một sự tâm truyền tâm. Thứ nữa là sư có khuôn mặt sáng như gương toát ra vẻ thánh thiện, cho dù người đối thoại ấy là ai cũng phải nể trọng.

Sư nói:

- Tâu bệ hạ, kính hoà thượng, kính đại quan, tiểu sinh may có duyên lành nên được trưởng lão thương mà cho thọ giới cụ túc. Tiểu sinh sinh trưởng tại hương



Cổ Lâm, tục gọi làng Lâm, huyện Trà Hương, phủ Nam Sách, lộ Hải Đông. Cha tiểu sinh là thầy đồ nho, nay về già quay sang làm thuốc trị bệnh cho người dân quanh vùng. Mười năm lại đây cha của tiểu sinh đọc nhiều kinh Phật, thường giao du với các bậc thiền sư, đạo sĩ. Trong các cuộc thường đàm giữa cha với các bậc bề trên, tiểu sinh được hầu trà, nên được nghe bề trên bàn tới chỗ rốt ráo của Phật - Lão - Nho.

Tiểu sinh học Nho, nhưng lòng lại hướng về Đạo. Sau đọc rộng ra các nhà thì bỏ Đạo quay về với Thích. Thế rồi ngày đêm chuyên tâm đọc Phật, càng đọc càng sáng ra như người từ trong hang sâu bước ra ngoài trời quang quẻ.

Đạo Quang nói tới chỗ đó thì ngưng lại nhìn thầy, nhìn nhà vua cùng Viên Chiếu và Mạnh Minh.

Bồ đề thiền sư Viên Chiếu phóng nhãn lực vào mắt Đạo Quang hỏi luôn:

- Đây mới là sơ ngộ, vậy chớ tại sao thầy xuất gia?

- Đại sư hỏi thế, tức là đại sư đã biết, phải chăng đại sư muốn tiểu sinh phải nói ra điều đạo sư nghĩ.

Viên Chiếu cảm nhận đây là một bậc chân tu mà trí vô sư đã đạt tới mức ảo diệu, ta không thể coi thường được.

Đạo Quang kính cẩn:

- Bạch đại sư, quả đúng như nhờ đại sư dạy, đọc sách Phật, kinh Phật, tiểu sinh mới chỉ sơ ngộ. Bỗng một hôm đọc tới bản kinh nói về Lục tổ Huệ Năng, khi đọc bài kệ của ngài, mới tới câu thứ ba "**Bản lai vô nhất vật**"<sup>1</sup> thì tiểu sinh liền tỉnh ngộ. Bèn nhận ra lời dạy của đức Phật "**Vạn pháp vô trệ**"<sup>2</sup> là chân lý tối thượng. Từ đó đem lòng ham mài nghiên cứu đạo Thiền, muốn dứt

1 Câu này có xuất xứ từ bài kệ của Lục tổ Huệ Năng. Nguyên văn cả bài:

*Bồ đề bản vô thụ  
 Minh kính diệc phi đài  
 Bản lai vô nhất vật  
 Hà xứ nhạ trần ai.  
 (Bồ đề không phải cây  
 Gương sáng chẳng phải đài  
 Tự tính không một vật  
 Bụi bặm bám vào đâu)*

Bài kệ nhằm bày tỏ kiến giải của mình về Đạo, sau khi Huệ Năng đã được nghe bài kệ tự kiến giải nhận thức về Đạo của Thần Tú. Hai người đều là học trò xuất sắc của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn. Nguyên văn bài kệ của Thần Tú:

*Thân thị bồ đề thụ  
 Tâm như minh kính đài  
 Thời thời cần phát thức  
 Vật sử nhạ trần ai.  
 (Thân là cây bồ đề  
 Tâm như đài gương sáng  
 Phải luôn chăm lau chùi  
 Chớ để bụi bặm bám.)*

Thần Tú về sau làm chủ dòng Thiền phương Bắc; Huệ Năng làm chủ dòng Thiền phương Nam.

2 Vạn pháp vô trệ: có nghĩa tự tính của hết thảy các pháp đều là không, nhưng không phải là sự bất biến ngưng trệ, vì hết thảy các pháp đều do tâm sinh ra.

bỏ cõi tục để giốc lòng tu Phật.

Việc xuất gia của tiểu sinh lúc đầu cũng có trở ngại. Vì là con út, nên cha của tiểu sinh thương, dạy cho học chữ từ năm bốn tuổi. Sáu tuổi, tiểu sinh đã đủ chữ đọc thông kinh sách. Cha càng thương quý, càng hết lòng truyền dạy cho những điều căn cốt của Nho giáo. Nhiều lúc cha con bàn bạc về Tứ thư, Ngũ kinh, nhất là bàn đến Luận ngữ và Kinh thi, cha của tiểu sinh cho rằng ở trên đời không có sách nào có thể sánh được với hai sách đó. Và nó chính là gốc của Nho gia. Cha tiểu sinh có lúc còn nói: “Trong các anh em con, ta chỉ hy vọng con có thể nối được chí cha, nhưng ta ngờ con còn đi xa hơn ta. Bởi đầu óc con sáng láng, con cảm thụ chân lý của thánh hiền từ tâm con chứ không phải từ cái trí của con. Nguồn trực cảm ấy sẽ giúp con đạt tới sự minh triết. Bởi thế, cha kỳ vọng ở nơi con”.

Dạ bẩm đại sư, vì cha của tiểu sinh mong muốn con của mình sẽ làm được những gì mà mình chưa làm được, thành thử đó là điều rất khó cho tiểu sinh khi ngỏ lời xin cha cho xuất gia.

Cha của tiểu sinh không đánh, không mắng, chỉ nhỏ nước mắt mà rằng: “Ta cứ ngờ ta được ở với con cho tới mãn cuộc đời. Ta cứ ngờ ta được nhìn thấy các thành tựu to lớn nơi con, không ngờ con lại định bỏ ta để thỏa cái chí riêng của mình...”.

Dạ, tiểu sinh có phải là gỗ đá đầu mà không động tâm trước những lời nói như vắt ra từ tim óc của cha mình. Tiểu sinh định nấn ná ở lại thêm một vài năm cho cha nguôi ngoai bớt. Dè đâu, cha của tiểu sinh lại muốn cưới cho một người con gái đẹp, là lệnh nữ của của quan Đạo kỹ ty<sup>1</sup>. Chẳng là mẹ của tiểu sinh bàn với cha rằng: “ Cứ cưới cho nó một cô vợ đẹp là yên chuyện thôi mà. Tôi chưa từng thấy một đứa con trai nào chê gái đẹp cả”. Đến nước này thì không thể dùng dằng được nữa, tiểu sinh bèn mài sắc một con dao bầu rồi quỳ lạy: “ Con nhờ khí huyết của cha mẹ mà thành người, lại được cha mẹ dưỡng dục tới gần hai chục năm, công sinh thành dưỡng dục lớn như trời, biển con không lấy chi mà báo đáp được. Nay đến tuổi trưởng thành, cha mẹ toan dựng vợ, xây đắp hạnh phúc cho con. Nhưng quả con không hợp với chuyện vợ chồng như thường tình thế gian, tâm nguyện của con là ở nơi cửa Phật. Con đã nhiều lần trình với cha mẹ cho con được xuất gia, nhưng không được cha mẹ chấp thuận. Cưỡng lại nhời cha mẹ là đứa con bất hiếu. Vậy con xin cha mẹ hãy thương con mà lấy lại máu huyết cha mẹ đã cho con. Con xin nộp lại mạng sống này. Tiểu sinh nói xong dang dao cho cha, hai dòng nước mắt tự nhiên

---

1 Chức quan trông coi về Đạo giáo ở cấp phủ.

cứ ứa ra. Mẹ của tiểu sinh vội giằng lấy con dao giấu xuống dưới giường. Cha thì nâng dậy, rồi cả hai cha mẹ cùng khóc. Một lúc lâu sau đỡ cơn xúc động, mẹ bèn nói : “ Thôi ông ạ, phận số con nó thế, tâm nguyện nó thế, ta chiều theo ý con thôi”. Cha tiểu sinh thì bảo : “Cứ xem ý tứ ăn ở và cung cách học hành của con, cha cũng nghĩ tất phải có ngày này. Nhưng cha không ngờ nó lại đến sớm thế. Vậy chớ con đã chủ đích tu học với cao tăng nào rồi ?”. Tiểu sinh bèn đáp : “Thưa cha, con bình sinh chưa ra khỏi nhà, nên không biết chọn ai làm thầy được. Con định, nếu cha mẹ cho phép, con cứ tìm đến đạo tràng hoặc lên kinh sư, có duyên ắt thầy trò sẽ tìm được nhau”. Ngẫm nghĩ giây lâu, cha tiểu sinh bèn dạy : “ Theo cha, con nên tìm đến Định Hương trưởng lão ở chùa Cảm Ứng, núi Tam Sơn, phủ Thiên Đức mà tu học. Nếu được người thu nhận làm đệ tử, chắc con sẽ thỏa tâm nguyện”. Cha tiểu sinh định dẫn đi. Nhưng tiểu sinh xin được tự đi. Và mọi chuyện tiếp theo thì như đại sư, bệ hạ cùng đại quan đã biết”.

Nghe Đạo Quang kể, ai cũng xúc động về lòng hiếu Phật của sư.

Đạo Quang vừa kể xong câu chuyện của mình bèn vái thầy và chur vị, định lui về phòng tăng thì nhà vua nói:

- Hãy khoan đã, vua quay về phía Định Hương: -

Bạch thầy, xin thầy cho phép vị sa môn này cùng được ở lại đàm luận với thầy trò ta cho vui.

Trưởng lão nhìn Đạo Quang mỉm cười: - Thầy ấy còn non trẻ, có sợ thất lễ với chư vị không.

Thiền sư Viên Chiếu nhìn trưởng lão rồi thưa:

- Bạch sư phụ, Đạo Quang tuy còn nhỏ tuổi, nhưng đối với chúng con đều là đồng môn. Thì từ nhà vua đến Mạnh quan và cả con đều chẳng từ cửa sư phụ sao. nay lại thêm đạo hữu thiếu niên này nữa. Vả chăng, nếu tính trong luân hồi thì chẳng biết ai trước ai sau.

- Viên Chiếu đã nói thế, ta còn biết nói sao nữa. Nhưng...Trưởng lão ngáp ngừng nhìn nhà vua, còn lễ vua tôi thì tính sao đây.

Vua Thái tông bèn đứng dậy chấp tay cung kính:

- Bạch sư phụ, tại đây có bốn người thì cả bốn đều là học trò của sư phụ. Người lớn tuổi nhất là Viên Chiếu, ít tuổi nhất là Đạo Quang. Cho nên dùng lễ thầy trò là hợp đạo lý, còn lễ vua tôi là ở ngoài xã hội hoặc chốn triều trung.

Trưởng lão cười vui vẻ- Phật Mã đã nói thế, nhân duyên ắt như thế. Biết đâu từ a tăng tì kiếp chúng ta chẳng đã là đồng tu, đã là đạo hữu. Nhưng bữa nay Đạo Quang vẫn cứ phải hầu trà. Vì trong chúng ta đây, Đạo Quang nhỏ tuổi nhất.

- Con xin lĩnh ý sư phụ. Đạo Quang nói xong liền xăm xăm di đốt bạch lạp, bỏ hết các quặng đèn thấp dầu lạp, dầu trầu.

- Phải, uống trà không thể thấp đèn dầu. Dầu vẫn có mùi hôi, mùi khét. Đạo Quang quả là con nhà quý hiển. Viên Chiếu khen.

Tháng mười, trời rét ngọt. Chùa nép trong bóng núi. Bốn bề rừng già ken phủ. Mới vào đêm mà sương đã đổ giọt nặng như những hạt mưa rào.

Đạo Quang bê vào một chiếc hỏa lò đốt than hoa đỏ rực, siêu nước dang réo o o. Vị sư trẻ lấy từ trong góc tủ ra bộ quần ấm gồm một ấm pha hãm và sáu chiếc chén tròn hình ống là loại chén vừa uống vừa ủ trong lòng tay cho ấm. Đây là bộ đồ trà men ngọc. Loáng một cái sư đã pha xong ấm trà sen. Trà nóng bốc hơi thơm phức, nước màu hổ phách. Đây đích thị là loại trà trên lộ Đà Giang. Giống trà này ưa sống trên các đỉnh núi cao. Chỉ lứa hái vào giữa cuối mùa đông thì trà mới ngon, và người ta dùng trà này để ướp sen. Vì rằng lứa cuối của một năm, cây dồn hết chất để nuôi búp trước khi rụng lá để ngủ đông. Lứa trà đông ngon, còn bởi nó được dãi dầu trong thời tiết khắc nghiệt: ngày nắng hanh heo, đêm sương giá, thỉnh thoảng lại có lớp tuyết sa. Búp và lá non cần lại, săn se lại. Người ta hái búp về vò, ủ. Ngày phơi nắng, đêm phơi sương cho đủ trăm

ngày, tới khi chè khô kiệt thì bỏ vào trong các hũ sành, nút chặt bằng lá chuối khô. Phơi ba mùa nắng như vậy rồi mới đem dùng vào việc ướp sen.

Sen cũng phải chọn lớp hoa nở lứa đầu mùa hạ. Cơm sen vừa đủ độ, tức là khi các cánh sen mới hé thì người ta lấy hết cơm ra để ủ trà. Trà sao nhỏ lửa trong nồi rang bằng đất, khi trà còn nóng giòn thì đổ ra, cứ một lượt trà một lượt cơm sen tươi, và cứ ba phần trà một phần sen; gói, ủ thật kín hơi, treo ở nơi thoáng mát. Sau một ngày đêm lại sao, ủ như lần đầu. Ba lần sao ủ như vậy thì lượng chè và sen ủ bằng nhau là được. Khi gỡ bỏ lần cuối thì cho ra sàng sảy, loại hết cơm sen. Lúc này chè có mùi thơm như sen khi còn tươi nhưng cơm sen lại không có hương vị gì. Người ta cho chè vào đóng trong các lọ sành, nút lá chuối khô thật kín hơi để dùng dần. Loại trà này âm dương hội đủ, để tĩnh tâm, lợi can ích mục, thường dùng vào buổi tối, có lợi cho giấc ngủ.

Đạo Quang dâng nước tới từng người với cử chỉ hết sức cung kính.

Định Hương trưởng lão ngồi ngắm các học trò uống nước. Thiền lão thiền sư xem cung cách uống của từng người. Đứng là mỗi người một tính một nét, mỗi người một cách uống. Nhà vua thì từ tốn cầm lấy chén nước, gạt nhẹ trên miệng đĩa rồi đặt gọn trong lòng tay,



mắt nhìn mọi người rồi uống từng ngụm nhỏ, nhà vua uống gần cạn thì đặt nhẹ chén xuống đĩa rồi nhìn ta như thầm nói một điều gì. Đây là tính cách của người vừa thận trọng vừa nhân ái, tinh tế nhưng không kém phần quả đoán.

Viên Chiêu lại có cách uống khác. Không lơ đãng cũng không cẩn trọng trước khi cầm vào chén nước, tức là không chú ý cũng không vô tâm trong việc uống. Viên Chiêu vừa nói chuyện vừa cầm lấy chén nước, thông thả đưa lên miệng, uống vài ba ngụm rồi lại đặt chén xuống. Rõ ràng là Viên Chiêu không quan tâm đến nước, không chú ý đến trà, chẳng màng đến mùi hương, không để ý cả đến uống nữa. Đây không phải là kẻ vô tình mà là người thoát tục, là người đã giác ngộ, đã xả bỏ hết thấy, coi mọi sự mọi việc đều bình đẳng, đều một tính không mà thôi.

Còn Mạnh Minh con nhà họ Mai. Ông Mai Trọng Hựu là một nho sĩ, một cư sĩ, bạn bè với ta từ thuở thiếu thời. Mai Mạnh Minh lại cùng Lý Phật Mã theo học ta từ hồi Phật Mã còn là một công tử, con quan Điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn dưới trướng Lê ngoại triều.

Mạnh Minh ngoan nết, tính thận trọng, điều gì cũng suy xét rồi mới nói. Người như thế, nhà vua sắp đặt cho coi Khu mật viện, quả là một cái nhìn thông sáng trong việc sắp xếp người vào nơi then máy. Mạnh

Minh đến bây giờ, tính nết vẫn vậy. Hãy xem cách y uống nước. Tay cầm miệng chén xoay đủ một vòng rồi vừa nhấc lên vừa ngậm nghĩ. Đưa chén nước lên môi, hụp một hụp nhỏ rồi đặt xuống, đưa mắt nhìn mọi người một cách đàng hoàng, lại cầm lấy chén nước, gạt nhẹ trên miệng đĩa, và với vẻ cởi mở uống thêm vài hụp nhỏ rồi đặt chén xuống. Xong đâu đó mới nói. Đây là một người luôn cất vấn lương tâm về các việc thường làm để tìm cho ra nhẽ đục trong. Người như thế này mà lại làm tại khu mật viện, thì còn lo gì hiền tài bị vùi lấp.

Đạo Quang giữ lễ, chỉ hầu trà chứ không uống. Nhưng cứ xem cách y pha hãm, nhẹ nhàng, thuần thực đủ biết y là con nhà có lễ giáo. Y rót trà hơi ghì miệng ấm xuống một chút, hãm cho nước trong ấm chảy ra một cách vừa phải, chứ không dốc ngược ấm để nước trong vòi ào ra. Dường như từ rót nước vào bình đến việc rót nước từ bình vào chén, không bắn ra ngoài một giọt. Đĩa và cả tròn chén vẫn khô sạch. Suy ra đủ biết Đạo Quang là một người tinh tế, thông sáng và chừng mực. Đức tính ấy vượt quá tầm tuổi của y. Ta ngờ rằng Đạo Quang còn tiến xa trên đường đạo, vì rằng đạo lực đang tiềm ẩn nơi đạo tâm của y khá tiềm tàng.

Trong khi trưởng lão xem ngắm tính cách của từng người qua cách uống trà của họ, thì nhà vua và Viên

Chiếu cùng Mạnh Minh lại nói đủ thứ chuyện.

Bỗng có sứ giả từ Thăng Long chạy ngựa lưu tinh đến xin ra mắt hoàng thượng, để dâng thư của lưu thủ kinh sư là hoàng thái tử Lý Nhật Tôn.

Đọc xong lá thư, nhà vua đứng dậy vái thiên sư Viên Chiếu một vái:

- Thiên sư quả là bậc quán thông. Các việc diễn ra trong trận mưa trưa nay thật đúng như nhờ. Lưu thủ kinh sư nói sét đánh vào ba nơi xung quanh điện Thiên An khoét thành ba hố sâu, hố nào cũng tung lên thuẫn sắt với đồng.

Viên Chiếu bèn vái đáp lễ nhà vua, và nói:

- Bệ hạ an tâm. Từ nay sẽ không còn sét đánh vào điện Thiên An và trong cấm thành nữa.

Định Hương trưởng lão nở nụ cười hồn hậu:

- Hóa ra mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, thầy địa lý Cao Biền tướng là mình khôn ranh tính quái, nhưng không qua được mắt trời. Đúng là lưới trời lồng lộng, thưa mà khó thoát.

- Cao Biền khởi cái tâm ác, muốn diệt tiền đồ của cả một dân tộc thì trời nào chứng cho y,- Viên Chiếu nói.

Mạnh Minh vui vẻ tiếp lời:

- Âm mưu ác độc của Cao Biền được chôn chặt

trong lòng đất suốt mấy trăm năm, ai dè đại lão thiên sư Vạn Hạnh đã khai ra, cho đến nay có nhê tới gần chục lần, Trời sai thần Sét đánh cho tan tành. Đúng là nhân nào quả ấy. Ôi cái ông quan đô hộ nhà Đường, ông thầy địa lý Cao Biền kia có biết rằng Trời có mắt không.

Nhà vua như chợt nhớ lại bèn nói:

- Bạch sư phụ, hồi còn tiên đế, ngôi điện Càn Nguyên bị sét đánh hết bên đông lại đến bên tây. Rồi phía trước phía sau thỉnh thoảng cũng bị sét đánh. Nhưng tiên đế cứ cho sửa chứ không nói đến việc chuyển ngôi điện lớn này. Khi tiên đế băng hà, trăm cho là đất nghịch nên phá điện đi. Ai dè lại có rồng hiện về trên nền điện cũ. Bởi vậy trăm cho dựng lại, bèn đổi tên là điện Thiên An. Nay nghe đại sư Viên Chiếu nói đó là huyết Long Đỗ, là huyết đế vương của nước Việt ta, Cao Biền cho triệt long mạch mới chôn yểm đồ kim khí. Ai dè lòng trời không tựa kẻ ác.

Đại lão hòa thượng nheo cười, ứng lời nhà vua:

- Bệ hạ nói phải đó. Lòng Trời không bao giờ là chỗ tựa cho kẻ ác. Ví như năm Giáp dần, tiên đế đi đánh dẹp hai mươi vạn giặc từ Bắc quốc tràn sang do bọn Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí cầm đầu, không giết người vô tội, nên trời cho được châu mục Hoàng Ân Vinh làm phen giậu. Hoàng Ân Vinh lại dâng con

Huyền đề cho tiên đế. Do đấy hoàng thái tử Lý Phật mã mới được tiên đế ban cho. Vì có nó đỡ chân ngựa thì con ngựa của Vũ Đức vương mới quỳ chân xuống để cho Lê Phụng Hiếu hươi gươm, khiến Vũ Đức vương bay đầu, loạn tam vương mới sớm dứt là như vậy.

Lại năm Canh thân (1020) bệ hạ chắc còn nhớ, khi đi đánh Chiêm Thành có vào trú tại đền Đồng Cổ ở Đan Nê, và trận ấy được thần hộ trì. Cũng bởi hoàng thái tử Phật Mã tuy mới hai mươi tuổi nhưng không giết bừa người vô tội, nên thần lại thương mà báo cho biết để đề phòng các vương làm loạn khi tiên đế vừa băng. Sự thiện, ác và sự báo ứng nhân quả ở đời nhơn tiền là như vậy xin bệ hạ cứ mở lòng nhân, làm việc thiện cho thần dân của bệ hạ. Ta nói thật, làm việc thiện chưa biết thế nào là đủ, nhưng làm ác, dù chỉ một lần, và chỉ một việc nhỏ thôi cũng quá thừa.

Nhà vua sững sốt khi nghe đại lão hòa thượng nói về việc báo mộng của thần Đồng Cổ, cùng việc con Huyền đề đỡ chân ngựa của Vũ Đức vương. Quả thực những chuyện đó ta chưa hề nói với ai, sao Thiên lão lại tỏ tường như vậy. Trấn tĩnh, nhà vua hỏi:

- Bạch thầy, mọi việc đúng như thầy dạy. Nhưng trẫm không hiểu tại sao thầy lại rõ như người trong cuộc. Lại nữa, con Huyền đề, từ sau loạn Tam vương nó bỏ đi biệt, trẫm đã cho dò tìm khắp mà không thấy.

Thiền lão giơ tay ngắt lời nhà vua:

- Ta dạy mãi rồi mà người không nhớ sao Phật Mã.- Nghe giọng nói ấm áp của thiền lão, nhà vua cảm thấy như có luồng hào quang đang rọi chiếu vào mình. Quả vậy, gương mặt Thiền lão hồng hào khác thường, ngài vẫn nói và nhà vua cảm như linh ảnh của một đấng quyền năng nào đó phán truyền. - Con Huyền đề nó không bỏ người, mà nhân duyên hết, nhân quả hết thì còn gì để hiện hữu nữa. Thật ra, sau loạn Tam vương, con Huyền đề lại tìm về đây trụ cùng ta. Ít lâu sau, cứ tối tối nó rủ rê cả một đàn một lũ chó rừng về chùa nghe kinh. Chừng mười bữa thì nó hoá; lũ chó rừng về tru tréo mấy đêm liền, rồi cũng đi biệt. Ta đã hoá thiêu cho Huyền đề. Tro để trong tháp mộ ngoài vườn chùa, bệ hạ ra đấy mà tạ nó.

Nhà vua cảm thấy run sợ ở trong lòng. Mọi việc dường như đã được cao xanh kia sắp đặt cả. Nhưng kỳ lạ, tại sao thầy ta lại quán thông đến vậy.

· Nghe Thiền lão nói, Viên Chiếu mừng vì mình cũng đã theo kịp thầy. Mạnh Minh thì sửng sốt; Đạo Quang không lấy gì làm kinh ngạc, chỉ mong mỗi sự tiến tu trên đường đạo của mình sẽ có ngày thành đạo quả.

Vào đêm, khí núi xông lạnh cả căn nhà, mấy ngọn bạch lạp cháy sáng nhưng không xua được cái lạnh của

rừng đêm. Trưởng lão kéo sụp chiếc mũ trùm kín cả hai tai. Đạo Quang biết ý, bê một lò than hoa vào đặt gần nơi Thiên lão đang ngồi.

Lại một tuần trà nữa, mùi hương sen ngan ngát bốc qua làn khói nước, không khí căn nhà như được hâm nóng lên. Trưởng lão dọn giọng rồi quay về phía nhà vua hỏi:

- Bệ hạ, ta nghe nói bên Đạo<sup>1</sup> có nhiều người bỏ vào rừng sâu tìm cây cỏ luyện đan, tu tiên, cầu tìm sự trường sinh bất lão. Lại cũng có một số quay sang hành nghề vu hích<sup>2</sup>.

Còn bên Nho thì số người theo học ngày một nhiều, nhiều trường mới được mở ra, nhiều thầy đồ giỏi biện thuyết vu khoát lắm. Các việc ấy có đến tai nhà vua?

- Bạch thầy, các việc quả đúng như nhời sư phụ vừa nói. Nước ta mấy chục năm nay thái bình an lạc, hòa cốc phong đăng, tam giáo đua nhau nảy nở. Riêng về Đạo giáo, học thuyết mệnh mang quá, giáo lý giáo luật lại không có, thành thử nó trở nên phóng túng, ai muốn hiểu thế nào cũng được, ai muốn tạo lập ra phái trường nào cũng mặc lòng, vì thế mà có người đi ẩn

---

1 Đạo để chỉ đạo giáo của Lão Tử. Thật ra Đạo giáo đã xa rời cái uyên nguyên với triết lý “Đạo đức kinh” của Lão Tử.

2 Vu hích là những người con trai con gái làm nghề đồng cốt bói toán của Đạo phù thủy, một biến tướng của Đạo giáo.

tu, có loại chuyên về luyện đan để mưu cuộc trường sinh...

Trưởng lão bật cười:

- Sao họ u mê vậy. Làm gì có chuyện trường sinh bất tử. Chẳng thấy Phật dạy: Sinh- lão- bệnh- tử là một vòng sinh hóa của muôn loài, muôn vật đó ư. Cái gì đã có sinh ra là có hoại diệt. Ta đang sống đây, cũng có nghĩa rằng ta đang chết đây. Ngừng giây lát, trưởng lão lại hỏi - Vậy chớ bệ hạ đã có điều gì răn bảo bên Tả nhai đạo lục<sup>1</sup> để ngăn đe cái trò vu hích, kéo lại dắt người dân vào con đường mờ tối.

Trong khi nhà vua còn đang phân vân thì thiền sư Viên Chiếu quay sang nói với Mạnh Minh:

- Mệnh quan coi cả khu mật viện lại vừa đi kinh dinh về, sao không nói rõ sự tình để sư phụ coi.

Nhà vua cũng nhìn Mạnh Minh và khích lệ:

- Đại sư nói đúng đấy, khanh cứ nói những gì mà khanh thấy và cả chủ ý của khanh như khanh thường bày tỏ với ta.

Mạnh Minh bèn đứng dậy vái Định Hương trưởng lão, vái nhà vua rồi nói:

---

<sup>1</sup> Tả nhai Đạo lục và Hữu nhai Tăng thống là hai cơ quan của triều đình phụ trách hai tôn giáo là Đạo giáo và Phật giáo, tựa như Ban Tôn giáo chính phủ ngày nay có Vụ Phật giáo và vụ Ki Tô giáo.



- Kính bạch sư phụ, nhờ hồng phúc của chư Phật, chư thiên và đức lớn của nhà vua nên đất nước mới được yên hưởng thái bình, muôn dân no ấm, đi về néo nào cũng nghe thấy tiếng hát, lời ru. Mùa xuân, mùa thu làng nào cũng rộn rã tiếng chiêng, tiếng trống hội hè. Đêm đêm, ngay cả nơi thôn cùng xóm vắng cũng nghe thấy tiếng trẻ em học bài. Trên nền thịnh vượng ấy mà các tôn giáo cùng đua nhau nảy nở. Từ thời Thái tổ đã quy thành thánh điển: Tam giáo hòa đồng, tam giáo đồng nguyên. Hoàng triều ta được xác lập trên căn bản: xã hội Nho, tâm linh Phật, thiên nhiên Đạo. Bạch sư phụ, người có phàn nàn rằng đám vụ hích đang gieo rắc tệ dị doan trong dân chúng. Việc ấy đúng là có thật, nhưng nó chỉ thịnh hành trong đám người man trên các vùng sơn cước. Dạ, vì rằng dân man sự học hành còn sơ khoáng, các giáo điển chưa tỏa chiếu đến. Vả lại người Man thường xem tôn giáo của mình là vạn vật. Bởi theo họ thì “ Vạn vật hữu linh”. Tức là vật nào cũng có thần cả. Cho nên gặp cái gì hơi lạ kỳ người ta đều thờ, từ rừng rậm, núi cao, cây lớn, bến nước, rồi gió, mưa, sấm sét...tất thấy theo họ đều có thần linh. Dạ, với cách nghĩ, hiểu như vậy, nên họ dễ bị đám phù thủy của đạo Lão dụ dỗ nghe theo. Dạ, đúng như sư phụ nói, phàm là con người đều có sở vọng gửi gắm tâm linh nơi các tôn giáo hoặc các đấng thần linh. Vì vậy, nơi nào đạo Phật không

tới, đạo Nho không tới thì đạo Lão tới. Và lại, bạch sư phụ, đất nước thanh bình, hòa ái, người người đều được sống theo sở đắc, thì việc người ta theo về đạo này hay đạo khác mà không bị ai cản ngăn hoặc cấm đoán, điều đó cũng nói lên cái đạo đức của một quốc gia dựa trên nhân bản.

Dạ, còn điều này nữa, ngay miền xuôi, dân chúng hầu hết theo Phật nhưng vẫn không từ bỏ tín ngưỡng cổ xưa của mình, ấy là thờ Mẫu và thờ cúng tổ tiên trong mỗi gia đình. Ngay cả việc đó nữa, nhà nước vẫn thừa nhận như là quyền bất khả xâm phạm của người dân.

- Sao lão tăng lại không biết điều ấy. Chẳng phải vì tăng này theo Phật, mà bất mọi người cùng phải theo Phật, hoặc muốn triều đình ưu Phật đâu. Chẳng qua với đức từ ái nơi Phật tổ, ta muốn chúng sinh hồi hướng mà sớm bỏ bờ mê quay về bến giác, chớ kiếp người được mấy cái sát na<sup>1</sup>, lại cứ để họ vướng mắc vào vòng luân quần của ma vương quỷ dữ mãi sao. Tuy nhiên, điều ta ngại nhất vẫn là đám Vu- Hích sẽ tìm cách nhập vào với tín ngưỡng Mẫu thuần khiết, sẽ đẩy con người vào vòng dị đoan thì đó chẳng phải là mối lo lớn cho nền phong hoá nước nhà sao?

---

<sup>1</sup> Sát-na là tiếng Phạn chỉ thời gian cực ngắn. Ý nói đời người chỉ như một hơi thở, một chớp mắt.

Trưởng lão nói vậy khiến mọi người rưng rưng cảm động. Bồng thiên sư Viên Chiếu chỉ vào Đạo Quang hỏi:

- Đạo hữu, sư phụ dạy thế, ý người thế nào?

Bị bề trên hỏi bất ngờ, vả lại sự có mặt của mình là để hầu hạ sư phụ, hầu hạ nhà vua và các sư huynh chớ đâu được phép bàn thảo. Đạo Quang buột miệng đáp lời:

- Bạch sư phụ, kính bẩm hoàng thượng cùng các sư huynh, tiểu sinh chỉ cầu mong sao cho hồng ân của Phật tổ được tỏa sáng khắp cõi để chúng sinh trăm họ sớm đến được bến bờ đại giác, như sư phụ hằng mong. Việc này có sớm được viên thành hay không, còn phải cậy trông vào Phật lực của triều đình.

- A- di- đà Phật!- tự nhiên mọi người đều chấp tay niệm hồng danh đức Phật.

## XIV

**Đ**êm nằm nghe gió thổi mơ hồ trên các cánh rừng đại ngàn. Gió hun hút trong các khe núi. Gió đánh vật trên mái nhà. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng mang tác, tiếng hồ gâm. Và cả tiếng cú rúc, tiếng tử qui gọi bạn. Tất cả những tiếng gâm gào, những tiếng thủ thi ấy đều bị nuốt chửng bởi rừng xanh cây lá, tựa như những giọt sương đêm thấm vào nền đất ải. Duy có tiếng côn trùng ri ri bèn tai như một bản nhạc bất tận cứ cửa vào không gian, cửa vào màng tai mỗi lúc mỗi sắc nhọn hơn, khiến vua Thái tông không tài nào nào chợp mắt lại được. Nhà vua tỉnh thức còn bởi cái lạnh luồn lách vào trong phòng, ngài vội quơ tay lấy tấm áo choàng lông đắp trùm kín ngực. Ngài nhắm mắt đưa hồn vào trạng thái thiền, cốt cho giấc ngủ trở lại. Nhưng nào có ngủ được, những ký ức tuổi thơ chợt ùa dậy. Nào những năm cùng học với Mạnh Minh. Những ngày theo cha vào hầu ngoại triều Lê Long Đĩnh tại Trường Yên. Những ngày theo

học thầy Định Hương trưởng lão. Lại từng được nghe các đại lão thiền sư như Đa Bảo, Vạn Hạnh giảng pháp. Cả những lời dạy của đức Vạn Hạnh trước khi người viên tịch như vẫn còn văng vẳng bên tai. Lại buổi đi dạo trên du thuyền trong hồ Dâm Đàm với tiên đế, trước khi cha lâm trọng bệnh. Rồi thần ĐỒNG CỔ báo mộng. Vua cha băng ở điện Long An. Các hoàng đệ Đông Chinh, Dực Thánh, Vũ Đức làm phản. Lê Phụng Hiều trở tày thượng tướng. Rồi lễ đăng quang của ta. Việc triều chính, việc dân nước mỗi ngày mỗi đi vào yên định. Lại nhớ, ít lâu sau khi tiên đế băng, ta tu bổ, kỳ thực ta cho xây cất hàng loạt cung điện, mở mang thành quy mô to rộng. Cung điện xưa Thái tổ cho dựng năm đời đô, thời gian gấp gấp không thể làm nguy nga, tinh xảo được. Vả lại, để việc xây cất nhanh chóng, đúng kỳ hạn, người ta phải lấy cả vạn quân cấm binh đi làm thợ. Chính là để có chỗ coi châu, có nhà cho các dài, sảnh, viện, ty cửa sáu bộ, sáu khoa và dài ngự sử làm việc. Có nhà cho các cung nữ, các trung quan, các chi hậu cục ở. Lại phải xây cất cho được một số cung điện làm chỗ cho hoàng thượng và hoàng gia cư ngụ.

Cung điện ngày ấy quy mô tuy đã mở rộng nhưng vẫn chưa xứng với tầm vóc của thế nước. Vì vậy, vào năm Kỷ ty, Canh ngọ và các năm tiếp theo, ta phải cho mở mang xây cất thêm các điện Văn Minh, Quảng Đức,

Tuyên Đức, Quảng Vũ, Diên Phúc. Rồi các điện Trường Xuân, gác Long Đồi. Điện Thiên Khánh thì xây giữa hồ theo hình bát giác lại bắc hai cầu Phượng Hoàng tại mặt trước, mặt sau. Rồi dựng điện Phụng Thiên ở chính giữa, trên điện dựng lầu chính dương làm nơi giữ giờ khắc. Các điện, điện nào cũng có thềm rộng rãi, có hành lang dài, giải vũ lớn để làm chỗ cho các quan hội họp cùng sáu quân cấm vệ túc trực, tuần tiểu, canh phòng. Ta lại cho xây đắp Cấm thành để cách ngăn giữa triều đình với dân gian phường phố. Còn điện Càn Nguyên xây từ thời tiên đế mới dời đô, là điện chính thiết triều. Nhưng đã mấy lần sét đánh bên đông rồi lại sét đánh bên tây đại điện, ta cứ ngỡ đó là chuyện chẳng lành, nên sau khi tiên đế băng, đã cho dỡ bỏ. Ai dè, bỗng lại hiện về áp ủ trên nền cũ đất xưa. Thế là điềm triệu tốt lành, ta bèn cho phục dựng, nhưng với quy mô to rộng hơn nhiều. Vì là điềm trời, nên ta cho đổi tên thành điện Thiên An. Mới đây lại có chuyện sét đánh. Được Viên Chiếu giải triệu, ta mới thực an tâm. Rồi còn gì, còn gì nữa nhỉ, Thái tông cứ miên viễn phiêu bồng theo dòng hồi ức. À, à... ta nhớ rồi. Bao nhiêu là điềm triệu lành dữ cứ nối nhau thị hiện. Cứ như là Trời khen, cứ như là Trời răn. Nào năm Kỷ tỵ, vào ngày đầu đông trời đổ giông, mưa to gió lớn, cứ tưởng là điềm gỡ. Ai dè một lúc sau trời đã quang, mưa đã tạnh mọi người đều kinh

ngạc vì trời mưa ra gạo. Gạo trắng thêm, trắng cả sân chùa. Gạo vun dày như đắp đống, có chỗ cao đến cả thước. Mà kỳ lạ, khắp kinh thành, khắp dân gian trong bờ cõi, gạo chỉ rơi gọn lỏn trong sân và trong thềm chùa Vạn Tuế. Chùa Vạn Tuế ở bên hữu điện Càn Nguyên mưa trắng một chùa gạo. Nhưng lại không có một giọt nước nào. Trong khi đó quán Thái Thanh của đạo Lão đối diện với chùa Vạn Tuế ở bên tả điện Càn Nguyên lại chỉ có nước xối chứ không có một hạt gạo nào. Cả chùa Vạn Tuế và quán Thái Thanh đều được tiên đế cho xây cất từ ngày mới thiên đô. Sau trận mưa bí ẩn các thiền sư bên chùa Vạn Tuế làm lễ tạ ơn Phật tổ đã ban lộc cuối năm, thì bên quán Thái Thanh, các đạo sĩ lập đàn cầu Ngọc hoàng Thượng đế và Thái thượng Lão quân ban phước, trừ tai...

Rồi năm Canh ngọ ta cày ruộng tịch điền tại xứ Ô Lộ mà lòng cứ nao nao như đất này là nơi kết tụ anh linh tú khí, khiến ta phải dừng tay cày để ngắm nhìn quang cảnh trời mây, núi rừng và đồng ruộng. Thật lạ, lúc đó như có một luồng sinh khí ấm áp bao bọc quanh ta, và đột nhiên một làn gió hiu hiu làm lay động ngọn cỏ, lá cây rồi phảng phất một mùi hương. Không khí như được tắm ướp bởi một thứ hương lạ, tựa như hương sen mùa hạ. Ta còn đang ngỡ ngàng và đưa mắt tìm kiếm mùi hương thì thấy bầu trời chuyển từ màu mây

xám sang màu mây bảy sắc, rực rỡ như màu cầu vồng. Ta có cảm nhận nơi đây chính là cõi „Linh Thứu”<sup>1</sup> của trời Nam. Và nhất định tại đây Phật tổ sẽ giáng điềm lành. Nghe nói, năm ấy Ô Lộ được mùa to, một nhánh lúa có tới bảy bông. Vài năm sau ta cho xây cất tại đây một ngôi chùa. Lạ thay vừa khai móng xong thì từ trong lòng đất đội lên một pho tượng Phật cùng tòa sen, bệ đỡ bằng đá với các đường nét thật là tinh xảo.

Sau đó, năm Giáp tuất châu Hoan lại bắt được con kỳ lân đem dâng... Nhưng không phải những năm ấy thuận chỉ có điềm lành, mà thực ra điềm gỡ cũng chẳng thiếu. Như năm Quý dậu, châu Trệ Nguyên làm phản, khiến ta phải thân chinh. Lại năm Ất Hợi tên Nguyễn Khánh nắm quyền đại tướng mà vẫn manh tâm làm phản. Cũng may là các hành vi của Nguyễn Khánh đã biểu lộ trong bữa tiệc yến khao mừng thắng trận cho các tướng và quan hầu. Mỗi khi trộm nhìn ta, mắt y lăm lăm lét, nói năng, di đứng khác thường. Ta đoán chắc trong lòng y đang ấp ủ một điều gì bất chính. Vì vậy, ta cho người ngầm giám sát chặt chẽ các hành động của y. Quả nhiên khi ta còn dang phủ dụ lũ đầu mục Châu Ái,

---

1 Một ngọn núi có hình con chim đại bàng thuộc thành Vương Xá (nay là đất Népal), nơi đức Phật Thích ca lần đầu giảng kinh Diệu pháp liên hoa. Đời gọi núi này là núi thiêng. Người Tàu dịch là “Linh Thứu sơn”. Thứu có nghĩa là chim ó, chim đại bàng.



thì Lưu thủ kinh sư Phụng Càn vương Nhật Trung, cho chạy ngựa lưu tinh đến tâu báo về việc Định thắng đại tướng quân Nguyễn Khánh đã cầu kết với em nuôi y là đô thống Đàm Toái Trọng cùng vài nhà sư và các hoàng đệ Thăng Càn, Thái Phúc mưu làm phản. Ta không muốn là kẻ giết anh em, nhưng không thể không trị tội những đứa gây rối, làm loạn. Nhân việc xảy ra này dám cung nữ rất lấy làm kinh sợ, bởi ngay trong tiệc yến ta đã nói với mấy đứa thân cận:” Thế nào Nguyễn Khánh cũng làm phản”. Nhưng cấm không được hé lộ trước khi sự việc xảy ra. Nhân việc này dám cung nữ loan tin, khiến không chỉ bọn chúng mà ngay cả lũ trung quan, đều e dè ta có thần nhãn, nên biết trước các sự kiện cùng các âm mưu nhen nhóm. Việc này cùng với việc ta biết và cho đề phòng trước khi ba vương nổi loạn khi Thái tổ băng hà, khiến những kẻ có manh tâm làm bậy ắt phải chột dạ mà từ bỏ âm mưu. Ấu cũng là một sự răn đe, cảnh tỉnh cho những kẻ ngầm chứa mưu gian.

Thái tông cứ trôi dạt mãi vào quá khứ nên không thể ngủ lại được. Nhà vua không biết thời khắc ra sao bèn lắc nhẹ chiếc chuông cầm tay. Viên đô trưởng đô Tuy long dang tức trực ngoài hiên vội hé cửa ló đầu vào:

- Bẩm hoàng thượng gọi con!

- Người cho ta biết lúc này là canh mấy rồi?

Đúng lúc ấy có tiếng gà rừng gáy te te. Tiếng gà

gáy nghe như được thổi qua ống nứa tếp, vừa lạnh lạnh vừa có vị chua lôm. Lập tức lũ gà nhà trong chuồng cũng đập cánh gáy vang. Tiếng gáy đĩnh đạc đường bệ như một vị lãnh chúa xác định chủ quyền trên lãnh địa của mình. Rồi tiếng gáy im bật.

Viên đô trưởng âm ề dọn giọng rồi thưa:

- Tâu bệ hạ, vừa đúng canh hai. Bệ hạ có sai bảo lũ chúng con điều gì không ạ. Trong thâm tâm, đô trưởng ngờ rằng không có cung nữ hầu hạ, nhà vua không ngủ được. Cảnh chùa chiền thiêng liêng, sao nhà vua không biết điều đó, lại bắt bọn ta đi triệu cung nữ vào chùa lúc này chẳng? Đúng là no cơm ấm cật. Vua chúa vẫn cứ là vua chúa. Phật vẫn cứ là Phật. Chẳng có vị nào vừa là vua vừa là Phật được.

Vua Thái tông đẩy chiếc áo lông cừu ra, ngài nhồm dậy truyền:

- Nhà người khơi to ngọn bắc đèn lên cho ta, rồi đi về nhà phương trượng xem trưởng lão hòa thượng có còn thức không thì trở lại báo cho ta.

- Tuân chỉ!- Viên đô trưởng vừa nói vừa quay ngoắt đi, trong lòng không khỏi run sợ vì những ý nghĩ mà y vừa mạo phạm. Y rảo bước đi về phía cuối nhà phương trượng, nơi có ánh đèn sáng. Vừa dừng lại phía ngoài hiên đã nhìn thấy Thiền lão đang chăm chú đọc sách.

Nhà sư không ngừng nhìn, chỉ nói:

- Người về tâu với hoàng thượng, ta sẵn lòng tiếp kiến.

Viên Đô trưởng không khỏi hoang mang, lập tức chạy nhanh về tâu báo mọi việc vừa xảy ra mà y cho là một sự lạ. Vua Thái tông vẫy tay cho y lui rồi xốc áo tự mình tới nhà phương trượng, bái kiến đại lão thiền sư.

Nhà vua chấp tay cung kính:

- Bạch sư phụ, con xin được tham vấn.

Trưởng lão rời mắt khỏi cuốn kinh liền đáp:

- Bệ hạ miễn lễ cho, ta già rồi đứng ngồi hơi nặng nhọc. Mời bệ hạ an tọa. Trưởng lão vừa nói vừa chỉ tay vào góc phàn.

Vua Thái tông ghé ngồi và nói luôn:

- Bạch sư phụ, con xin được tham vấn sư phụ với lễ thầy trò mong sư phụ đừng câu nệ.

- Không câu nệ sao được, một khi bệ hạ là người đứng đầu trăm họ. Về ngân ngữ, thiền lão lại tiếp. - Thôi được, bệ hạ đã không câu nệ, ta cũng không chấp nê nữa. Sự thật thì ta với bệ hạ cũng đã có cái nghĩa thầy trò. Nào có chuyện gì nói mau kéo trời sáng đến nơi rồi.

Thấy sư phụ tuy tuổi hạc đã cao mà thần minh vẫn còn mẫn nhuệ, nhà vua mạnh dạn nói ngay những

điều mà bấy lâu ấp ủ, và mong được sư phụ chỉ giáo. Vua nói:

- Trời đã ban điềm lành, sao lại còn giáng điềm dữ? Xin sư phụ dạy bảo.

Trưởng lão mỉm cười:

- Mọi việc đều do trời bày xếp cả. Thử hỏi còn điều gì khuất lấp nữa mà ta phải chỉ bảo đây. Cát hung là sự thường hằng tựa như âm với dương, như ngày với đêm. Ví như sấm sét là hung, mưa gió là cát. Sấm sét chẳng đi liền với mưa gió sao. Vì vậy cát, hung là tính của vũ trụ, là đức của trời. Bởi thế, các điềm triệu cát là Trời thương, hung là Trời răn. Cho nên trong công cuộc hành hoá của bệ hạ cứ theo đức của Trời mà vận hành. Việc gì Trời thương thì nên làm. Việc gì Trời răn thì phải bỏ. Ta chắc nhà vua đang băn khoăn về những việc sắp làm và những điều sắp bỏ.

- Bạch sư phụ, quả trong lòng con đang nghĩ vậy.

- Nhà vua nói thứ vài việc ta nghe.

- Con định làm sao trong một thời gian ngắn nữa, nước ta phải trở thành một nước giàu thịnh và hùng cường, khiến ở phương bắc thì nhà Tống phải nể trọng, ở phương nam thì các nước như Lão Qua, Chiêm Thành, Chân Lạp phải thần phục, phái triều cống. Cứ như hiện nay thì nhà Tống chưa trọng ta. Mà Lão Qua, Chiêm

Thành, Chân Lạp cũng chưa phục ta. Bằng cố là cả chục năm nay, Chiêm Thành, Chân Lạp bỏ lễ cống, cũng chẳng có sứ đoàn nào của nước họ tới lui. Lại nữa, các đất đai do phương bắc chiếm của ta từ đời Hán, đời Đường, đời Lương, đời Tấn và cả đời Tống, nhất thiết ta phải đòi lại. Bởi mỗi tấc đất của tiên nhân để lại đều là máu, thịt, tủy, xương của tổ tiên dòng giống hun đúc nên, không thể để cho kẻ kia lấy thịt đè người mà lấn cướp. Dù việc ấy đã trải qua cả ngàn năm nhưng không thể bỏ qua. Bỏ qua là có tội với cả tiên nhân và hậu thế. Bỏ qua cũng có nghĩa là dung túng cho tội ác của đám „con trời” ngông ngạo. Và được thể chúng lại tiếp tục hung hăng với cái thói bắt nạt lân quốc. Bạch thầy, không những ta chỉ đòi lại đất mà còn phải trừng trị tội ác nghìn đời do tổ tiên chúng và chính chúng gây họa cho dân mình.

- Nhà vua nghĩ như thế là phải. Ta thật lòng muốn khuyên nhà vua đòi điều, nhưng cũng còn phân vân lưỡng. Bởi, lời nói thẳng vốn khó nghe.

Trưởng lão trầm ngâm ném cái nhìn qua khung cửa. Ngoài kia là đêm tối mịt mù. Trong căn nhà rộng chỉ có ngọn lửa nến run rẩy trước cái lạnh dầu đông. Và trong góc nhà chiếc lò than hoa thỉnh thoảng lại phát ra tiếng nổ lép lép. Không khí trầm lắng đến ớn lạnh, khiến nhà vua phải lên tiếng:

- Sư phụ, con biết thầy không chỉ lo cho Đạo mà còn lo cho Nước. Vậy có điều gì cần răn bảo, xin sư phụ chớ ngại. Mong sư phụ mở lòng.

- Vậy thời ta sẽ nói những gì ta nghĩ. Song không nhất thiết những điều ta nói, nhà vua đều phải nghe và phải làm. Vì rằng, ta là kẻ tu hành, nhìn đời qua con mắt của một thầy tu, còn nhà vua ngự trị cả thế gian. Cho nên, nhân giới của ta không xa rộng như nhân giới của một vị quốc vương. Bởi thế giữa người nói, người nghe không có gì ràng buộc.

- Đa tạ! Đệ tử xin lĩnh ý sư phụ.

- Bệ hạ mong muốn xây đắp một vương quốc giàu thịnh, hùng cường. Mong muốn ấy là chính đáng. Không những bệ hạ mong muốn mà con dân trong nước đều mong muốn cả. Nhưng làm thế nào để thực hành điều mong muốn đó. Nếu không, nó chỉ mãi mãi là ước mong hảo huyền. Những điều bệ hạ mong muốn đó, ai làm? Chung quy là dân nước phải làm chứ bệ hạ cùng bộ máy của triều đình làm thế nào được. Thế nhưng dưới thời Ngọa triều Lê Long Đĩnh, mọi việc cũng đều do người dân trong nước làm chứ ai làm. Vậy mà dân thì đói khát, nước thì loạn lạc khắp nơi, dân chúng thì phiêu bạt, lòng người thì ly tán, cái ác lộng hành. Tới khi Long Đĩnh khuất, quan diện tiền Lý Công Uẩn được triều thần tôn phò lên ngôi báu. Cũng từ khi Thái tổ trị

vì thì bốn phương an định, dân lưu tán tìm về quê cũ, cả nước không còn người nào phải chết đói nữa, lòng người qui tụ. Vì sao? - Vì rằng Ngọa triều khinh dân, đầy đọa dân. Coi thường kẻ sĩ. Đem kẻ sĩ ra cho bọn hê bêu riếu trước triều quan. Nhạo báng kẻ tu hành. Ngọa triều tôn sùng cái ác. Lấy cái ác làm vương pháp trị dân. Trái lại, vua Thuận Thiên, tức Thái tổ nhà Lý ta thì thương dân. Việc đầu tiên là bãi bỏ các hình phạt hà khắc, man rợ của triều trước. Cấp ngay tiền gạo cho những người dân phải tha hương cầu thực trở về quê cũ làm ăn. Lập tức tha tô thuế cho toàn dân ba năm liền. Đối với kẻ sĩ thì hết lòng cung kính, tin dùng họ, sắp đặt họ vào nơi then máy của quốc gia. Không phân biệt đối đãi với bất kỳ tông giáo nào. Tuy chọn Phật làm quốc giáo, nhưng Nho, Lão vẫn được trọng thị. Phàm những người tài trí đều được trọng dụng, không phân biệt người ấy thuộc tông giáo nào, dòng dõi nào.

Một xã hội mà người dân được yêu mến, chăm vỗ, kẻ sĩ được quý trọng, tùy tài đức mà bổ dụng hoặc giao phó nắm giữ các khâu yếu trong bộ máy quốc gia. Làm được các việc trên, nên Thái tổ đã sớm ổn định được trật tự xã hội và đưa vị thế nước ta vào hàng trọng yếu.

Thời Lê Long Đĩnh với thời Thuận Thiên Lý Công Uẩn vẫn chỉ là dân ấy chứ cách gì lại thay dân được. Ấy vậy mà sức dân, thế nước giữa hai thời đại là một

trời một vực. Vì sao vậy?- Thưa bệ hạ, thiên lão thiên sư nhìn thẳng vào mắt nhà vua hỏi. Đoàn trưởng lão lại chậm rãi:

- Nước mạnh hay yếu, giàu hay nghèo đều ở sức người dân cả. Nhưng người dân có đồng lòng, có dám xả thân vì nước không lại phụ thuộc vào người đứng đầu quốc gia, tức là bậc quân trưởng và bộ máy cai trị của triều đình. Các bậc vua giỏi cổ kim đều là những bậc chần dân giỏi. Họ là những người biết nhen nhóm mầm thiện từ lúc nó còn manh nha, tận mác để nuôi vỗ nó, qui tụ nó thành sức mạnh. Cho nên muốn có dân tốt, phải có vua quan tốt. Vua quan, tức là bộ máy của triều đình sẽ là tấm gương phản chiếu hình hài thế sự. Tài trí của nhà vua không chỉ là người thông văn, giỏi võ, biết thương dân. Đấy mới chỉ là cái lương năng của một người trí, người hiền. Đối với bậc quân trưởng, sự thông sáng là ở chỗ phải nhìn xa thấy rộng. Nhìn và thấy những điều mà chỉ các bậc đại trí mới lường, mới hiểu được. Nhìn và thấy sự việc sẽ diễn ra trong vòng vài mươi năm sau. Kế đó, lại phải kiếm tìm được các bậc hiền tài trong thiên hạ để họ thực hiện được cao ý của nhà vua. Ấy là việc tổ chức bộ máy. Bộ máy cai trị của bệ hạ càng tinh diệu bao nhiêu, thì ý đồ của bệ hạ càng sớm được hiển lộ bấy nhiêu. Tức là bệ hạ tìm được càng nhiều người tài trí, người tâm huyết cùng chia sẻ



và gánh vác việc dân việc nước với bệ hạ thì lo gì việc lớn chẳng thành.

Sư ngừng lời như còn phân vân cân nhắc. Đoạn sư lại nhìn thẳng vào gương mặt đầy phách lực của nhà vua, và nói:

- Bệ hạ nên biết, thời vận của nước ta đang đến. Biết nắm lấy thời vận mới là bậc đại trí. Nếu thời chưa tới, dù tài đến mấy, trí đến mấy cũng khó mà xoay vần được.

- Bạch sư phụ, có phải sư phụ dạy thời đang đến, phải đón bắt, không bỏ lỡ, là ý sư phụ muốn nói phương bắc đang suy yếu. Nhưng mới đây con nghe Tống Nhân tông đã dùng được Phạm Trọng Yêm, Hàn Kỳ là hai tướng văn, tướng võ có tài, chắc họ chuyển xoay được thế nước. Còn mặt nam, các nước Chiêm Thành, Chân Lạp hẳn đã mạnh lên, nên họ bỏ ta. Con e rằng...

Trưởng lão nheo mắt cười độ lượng:

- Bệ hạ quá là người nhân, người trí. Nhưng bệ hạ chưa phải là người quán thông. Ta cứ nói điều ta nghĩ, mong bệ hạ bỏ qua cho. Vì sao các nước phương nam bỏ lễ cống. Ấy là bởi từ khi Thái tổ lên ngôi, ngài dùng đức để cảm hóa thiên hạ. Yêu dân như con. Chẳng thế mà mười tám năm trị vì, ba lần ngài tha tô thuế, hai lần dầu mỗi lần tha đủ ba năm; lần thứ ba cũng ba năm

nhưng tha cho một nửa, có nghĩa rằng ba lần tha tô thuế gồm bảy năm rưỡi. Thứ hỏi, từ cổ chí kim có triều đại nào làm được việc đó dưới gầm trời này. Bệ hạ biết đấy, ngay đến vua A Dục cũng không làm được như thế.

Còn việc các nước Chiêm Thành, Chân Lạp từ lâu không tuế cống, không phải vì họ mạnh họ thách thức ta, mà bởi những năm đầu họ bỏ mà không thấy ta quở trách, nên họ đâm nhờn. Không. Không cần phải thảo phạt, sát hại sinh linh vô tội làm gì. Bệ hạ chỉ cần gửi một chiếu thư thăm hỏi, rồi trách nhẹ quốc vương nước họ. Nói cho rõ cái đạo nước nhỏ, nước lớn nên quan hệ thế nào cho hòa hiếu. Nhận thư ấy, ắt họ phải cử người sang tạ lỗi. Bệ hạ cứ yên tâm, mặt nam không có gì phải lo. Còn mặt bắc, nhà Tống ngày một suy yếu. Dù Tống Nhân tông có dùng Phạm Trọng Yêm, Hàn Kỳ cũng chẳng thể nào vực được thế nước di lên. Vì rằng nội tình nước họ đang bị chia rẽ sâu sắc, năm bè, bảy mối. Mặc cho quân Liêu, quân Tây hạ làm mưa làm gió nơi biên ải, triều đình vẫn cứ ung dung hưởng lạc. Họ đua nhau xây cất lầu son, gác tía. Đua nhau hút máu, hút mỡ dân lành, để thoả mãn thú vui đọa lạc. Quan lại của triều Nhân tông, cũng chính là lũ sâu mọt của thời Chân tông để lại. Thế thì một hai kẻ tài cán như Phạm Trọng Yêm, Hàn Kỳ làm sao mà chống lại được cả một bộ máy thối nát từ hương ấp đến châu quận lên

đến tận triều đình. Đành rằng Nhân tông có hết lòng cố xuý cho Trọng Yên, Hàn Kỳ cũng là vô ích thôi. Chẳng bao lâu nữa chính Tống Nhân tông sẽ biếm truất Trọng Yên, Hàn Kỳ bởi hàng trăm hàng ngàn lời xúc xiểm từ trong triều đình, rồi sứ tâu khắp mọi miền đất nước kể tội Hàn Kỳ, Trọng Yên...

Dù tể tướng Phạm Trọng Yên, đại tướng Hàn Kỳ có ngàn miệng, ngàn môi cũng không thể nào biện minh được trước cả núi tội mà bọn sâu dân, một nước bịa tạc ra hãm hại. Bệ hạ cứ ngẫm lời ta nói. Nước Tống không cất đầu lên được đâu. Bây giờ mới đúng thời cho bệ hạ, để triều Lý ta chấn hưng mọi mặt như bệ hạ mong muốn. Và lại, nước Trung Hoa đạt tới cực thịnh từ đời nhà Đường rồi. Nay là thời cực suy của nó. Cho nên bệ hạ trù liệu việc chấn hưng mọi mặt cho nước Việt ta giàu mạnh vào lúc này là thức thời, là hợp thời. Ta nói để nhà vua rõ, cả ngàn năm mới có một cơ hội trời cho như thế này. Nhà vua tính đến chuyện đòi lại các vùng đất bị người Trung Hoa chiếm từ đời Hán, đời Đường là phải lắm. Nhưng không đòi bằng miệng nói, bằng sứ tâu được. Kể kia lòng tham không đáy, một tác đất chúng đã ngoạm được chúng cũng không chịu nhả ra đâu. Song không nhất thiết phải dùng đến can qua. Can qua là hạ sách. Không, ta chỉ mách bảo nhà vua về thời thế, thế thôi. Còn việc hành hóa nhà vua có cả một bộ

máy, ta biết nhà vua sẽ biết cách ứng xử sao cho hợp với thời thế. Còn làm như thế nào lại phải dựa vào thế và lực của mình. Đương nhiên phải biết kẻ kia yếu mạnh thế nào để tùy nơi, tùy lúc mà hành xử. Đúng rồi, bệ hạ phải cử người sang Tống xem nội tình nước họ, còn phải lên cả phía tây, phía bắc nước họ xem quân Tây Hạ, quân Liêu hoành hành thế nào trên bờ cõi nước Tống. Ta ngờ rằng mai đây nước Liêu cũng chẳng dễ cho triều Tống rảnh rang như thế này đâu, vị thế của họ mạnh lắm. Cho dù người Tống đã chịu cắt đất và tu cống hàng năm. Ta cũng nghĩ như bệ hạ, không thể cứ ngồi tại Thăng Long này mà đoán mò xứ sở người ta, vua tôi người ta. Cũng chẳng thể bằng lòng với việc chỉ biết sơ sơ về hai xứ Quảng của người ta. Bệ hạ đọc thông kim cổ còn lạ gì phương sách. Hai nhà Tôn - Ngô đã chẳng nói hết rồi sao? Ta lưu ý bệ hạ một lần nữa, cơ may giành lại đất đai, bờ cõi đã mất chính là lúc này đây, bỏ lỡ vận hội này là có tội với tiên nhân, có tội với đương thời và cả hậu thế. Nói thời đến, nhưng phải biết vận hành thì nó mới hiển lộ. Vận hành phải hợp với đạo trời và cả lẽ người. Hấp tấp quá sẽ không thu được thành tựu, có khi còn bị tiêu vong. Mà nhân nha quá thời sẽ chìm khuất, tựa như cái nhân bị trảm thối, hạt không nảy mầm được. Thế là mọi sự qua đi trong ngâm ngùi, tiếc hận tới cả ngàn sau.

Gương mặt đại lão thiền sư chợt nghiêm lại, ngài lại tiếp:

- Ta lạm dụng tấm lòng của một người dân đối với nước, chớ như kẻ xuất gia thực không có tham bàn thế sự, mong nhà vua thấu cho ta, tha tội cho ta.

Vua Thái tông như người ngủ mơ vừa thức tỉnh. Nhà vua vội đứng dậy vái thiền sư hai vái:

- Đội ơn sư phụ đã khai ngộ. Quả thực nếu không có sư phụ quét sạch mây mù, con chưa có được tầm nhìn xa rộng như vậy. Con hứa, sẽ làm hết sức mình để phụng sự non sông đất nước. Nhưng còn một điều băn khoăn nữa, mong sư phụ chỉ giáo.

- Bệ hạ cho nghe cao ý.

- Sư phụ nói con phải dùng cho được người tài, người hiền. Con đã hết sức tìm tòi, được ai thì trọng dụng, mà sao nhân tài vẫn thưa vắng quá.

Trưởng lão bỗng ngửa mặt cười sảng sặc.

Nhà vua hơi chột dạ. Tiếng cười ngưng đột ngột. Thiền sư chậm rãi:

- Tài năng chân chính sao mà có nhiều được như ngô khoai, lúa gạo. Thứ hỏi bao nhiêu đời, mấy trăm năm, có khi cả ngàn năm mới có được mấy người như Khuông Việt, Ngô Chấn Lưu, Đỗ Pháp Thuận, Đa Bảo... Lại quán thông như Vạn Hạnh nữa thì quả là hiếm.

Hiếm lắm. Ngừng một lát, Trưởng lão lại tiếp - Đây là những bậc phi phạm, do thời thế, lại cũng do vận nước mà có được. Còn như những người giỏi, người có tâm huyết, bệ hạ lựa tuyển vào bộ máy quốc gia, chắc cũng không nhiều. Vì rằng có đâu mà tuyển lựa. Việc này bệ hạ phải giao cho sáu bộ, sáu khoa và ngự sử đài chăm lo. Nó phải có nguồn thì mới tuyển bổ được. Như hiện nay, nhà nước chỉ gặt hái mà chưa có gieo trồng. Bệ hạ xem như bên nhà Phật đó, muốn có sư tăng bổ về các chùa phố, chùa làng, giáo hội phải mở ra các đạo tràng. Nhà nước cấp độ điệp không giới hạn cho những ai muốn xuất gia. Tưởng cách làm ấy của giáo hội, triều đình cũng tham bác được chứ. Nhân đây ta cũng muốn nói thêm, nhà nước phải lo mở mang sự học đi. Có nhiều trường học mới khai trí được cho người dân. Vẫn biết rằng sư tăng có thể khai tâm được cho họ, nhưng nếu đầu óc con người trì độn thời họ cũng không tiếp nhận nổi. Hiện nay, các chùa làng có dạy chữ cho trẻ nhỏ. Chúng học vỡ vạc vài ba năm rồi lại trở về làm ruộng. Cái học ấy chưa biến họ thành người trí, người tài được. Có nhẽ, nhà nước phải có hệ thống trường học ở các cấp cao hơn để rèn rũa nhân tài, xin bệ hạ lưu tâm. Nói đến đây, trưởng lão đột ngột ngừng lời. Hốt nhiên ngài ngồi theo thế kiết già rồi thả hồn vào cõi tịch tĩnh.

Biết tính thầy, nhà vua vái đại lão thiền sư hai vái rồi lặng lẽ lui gót.

## XV

**T**rở lại với công việc triều chính, nhà vua thấy ùn lên cả một đồng tấu chương. Nhiều công việc nhẽ ra các Đô, Đài, Sảnh, Viện, Cục...có thể quyết được. Nếu còn do dự thì gửi về Trung thư sảnh, cùng nữa là gửi về Phủ Thái sư xin chỉ dẫn. Việc gì cực lớn, có quan hệ đến an nguy của xã tắc như giặc giã, hoặc biên thùý có dấu hiệu chẳng lành thì mới phải chuyển tấu lên hoàng thượng. Nhà vua phải để ra đúng mười ngày đọc hết các tấu chương rồi châu phê xong lại trả về cho các nơi phải tự quyết lấy.

Qua một số vụ việc từ lâu nay, nhà vua thấy lo cho bộ máy của triều đình. Quan cấp thì nhiều, nhưng người hiểu biết công việc lại quá ít. Ngay cả Thái sư Lương Nhậm Văn cũng không còn là Nhậm Văn của mấy chục năm về trước nữa. Nhớ những năm đầu triều Thuận Thiên, Nhậm Văn cùng với Tái Nghiêm được

tiên đế cho cầm đầu sứ đoàn sang giao hảo với nhà Tống khiến Tống Chân tông cảm phục và trọng thị nước ta. Không những thế, ông còn thấu đạt được nội tình nước Tống, còn dò xét được cả ý tứ của Tống Chân tông đối với nước ta, để ta có đối sách. Thế nhưng hiện nay tuổi ông đã cao, sức đã yếu, trí lực suy giảm, đầu óc nhiều khi ù lì chứ không còn được minh mẫn như xưa. Nhẽ ra phải thay ông bằng một người trẻ tuổi, vừa có khí lực vừa có năng lực, để đảm đương công việc giúp ta. Tiếng rằng Lương Nhậm Văn là một quan lớn đầu triều, giữ ngôi Thái sư, nhưng công việc bên Phủ Thái sư trì bề quá. Ngặt vì ông là bậc khai quốc công thần, từng được Thái tổ trọng dụng. Ta không thể dùng ông như kiểu vắt chanh bỏ vỏ. Nhưng Thái sư, chức đứng đầu nội các, mọi việc phải thay ta giải quyết cấp thời thì bộ máy mới chạy được. Đây là việc nước, phải lấy nước làm trọng. Ta lấy việc riêng giữa tiên đế với Nhậm Văn, lại lấy việc ta phải nhất nhất tuân theo những gì tiên đế đã làm đối với Nhậm Văn mà không dám thay đổi, chưa hẳn đã là đúng. Tiên đế ưu trọng Nhậm Văn vì Văn là khai quốc công thần, chỉ là một nhẽ. Nhẽ thứ hai, Nhậm Văn lúc ấy quả thực là người giỏi. Đi sứ làm vẻ vang cho nước. Vua nước lớn cũng phải trọng thị. Ấy thế mà hàm cũng chỉ thăng tới viên ngoại lang, sau đưa về coi sóc khu mật viện, vì là người tâm huyết



đáng tin. Rồi nữa, vinh thăng ngự sử đại phu vào hàng quan nhị, tam phẩm. Sang triều Thiên Thánh ta lại đưa ông lên hàng cực phẩm. Một vài năm đầu, ông còn chèo chống được với công việc, còn ra dáng một phủ Thái sử. Nhưng mấy năm lại đây xem ra đuối lắm. Sức đuối, năng lực đuối, nhưng lại ôm đồm không tìm người tài, không cất nhắc kẻ dưới quyền, không tin người cộng sự. Hổng! Thế là hổng rồi. Người đứng đầu bộ máy của triều đình lại coi bộ máy như gia đình mình, tùy tiện muốn thì làm, không muốn thì bỏ. Người như thế mà vẫn cứ để cho điều hành việc nước, thì quả ta có lỗi lớn. Trước hết là lỗi với tiên đế. Ta cứ tưởng theo việc trước tiên đế đã làm là trung, là hiếu với tiên đế. Hóa ra ta là kẻ ngu trung, ngu hiếu. Tiên đế dùng người đúng việc, và được việc.

Thử hỏi việc này Nhậm Văn có lỗi không? Nếu xét thấy không làm được, sao y không xin từ nhiệm? Ôi chao! Làm gì có chuyện đang ở ngôi Thái sử, đang được vua tin dùng lại xin từ nhiệm. Ngay đời Nghiêu - Thuấn việc ấy cũng chưa chắc đã xảy ra.

Thật vậy, đây không phải lỗi ở Nhậm Văn. Văn không tham quyền cố vị. Nếu Văn từ nhiệm, lại có kẻ đàn hặc Thái sử cưỡng mệnh thì sao. Chung qui chỉ tại ta. Chính ta lẫn lộn giữa việc tư riêng và việc triều chính. Tiên đế phân minh, dùng người đúng việc. Cất

nhắc không vị tình riêng. Việc này ta phải cải sửa. Phải theo tiên đế ở cái đức dùng người.

Lại như bữa trước Trương lão có nhắc ta vài việc, mà việc nào cũng quan hệ đến sự thịnh suy của nước. Nào là đối sách mặt bắc, mặt nam. Nào là sử dụng nhân tài, trọng dụng hiền tài. Canh cải việc quân, chăm sóc việc dân, mở mang sự học, khai thông dân trí, vun trồng việc đạo, nuôi dưỡng dân tâm...

Chao ôi, một quốc gia văn hiến, một triều đại yên thịnh thì các việc mà thiên lão thiên sư nói, phải là việc thường hằng. Có biết đâu làm được những việc đó thì vua phải thế nào, bầy tôi phải thế nào, dân chúng phải thế nào chứ.

Nhà vua định vào buổi thiết triều tối, phải chế định rạch ròi chức trách của các cơ quan then máy, để không còn sự đùn đẩy công việc nữa. Nhà vua chỉ duyệt xét các việc lớn mang tính đầu mối. Hoặc giả, các án tích bên Đình

úy ty đã xử, bị án tử ra không phục mà nại khiếu lên Đô hộ phủ sĩ sư, xin xử lại. Đô hộ phủ sĩ sư đã xử mà bị án vẫn nhất mực kêu oan thì được phép chuyển án tích lên hoàng thượng, ta sẽ đích thân xem xét. Hoặc giả, người dân uất ức mà vào Long Trì đánh chiêng, đánh trống kêu oan thì không được cản ngăn. Đình úy ty hoặc Đô hộ phủ sĩ sư phải cứ người tiếp họ. Có nhẽ

ta phải nghiêm cấm việc che bịt không cho người dân có oan ức không được kêu cứu. Mọi án tích của dân chúng đều phải được xét xử minh bạch.

Lại nói Mai Mạnh Minh được nhà vua tin dùng cho coi sóc Khu mật viện. Sau một thời gian tại triều, xem xét đủ sáu bộ, sáu khoa cùng các Đài, Đô, Sảnh, Viện, kiểm xét năng lực của từng người đứng đầu các cơ quan then máy. Rồi tự mình đi kinh dinh các lộ, các châu, từ đồng bằng đến miền núi, miền biển. Kiểm xét nơi đồn ải biên thùý, cân nhắc thế quân bên ta, bên Tống. Xem cả nơi ăn, chốn ở của từng trại quân miền biên viễn. Lại xem cả những nơi hiểm địa, những ải lũy trên bộ, những nơi cửa sông, cửa biển có thể dùng vào việc kinh chống xâm lăng.

Sau hàng ngàn dặm hành trình, nhìn ngắm, sờ nắn được hình hài đất nước, xúc tiếp từ quan dân, lính tráng, người buôn bán và cả các chủ thuyền buôn trên biển của người Tống, người Trảo Oa, người Tiêm La và cả người Tây dương nữa, trong đầu óc Mạnh Minh nảy ra biết bao điều, mà nếu không đi, không mục sở thị, thì không một đầu óc nào có thể hình dung được, thấu hiểu được mọi nhẽ.

Mạnh Minh tự nghĩ, khi ta còn ở nhà, ở trong túp lều tranh nơi xóm rừng, với những người nông phu lầm lũi, thoát được cảnh cơ cực chui nhúi như những con

thú hoang thời Lê ngọ triều, và được sống đàng hoàng, được triều đại mới từ Thuận Thiên đến Thiên Thánh chăm sóc, nuôi vỗ; người dân tưởng như mình đang được sống nơi miền cực lạc. Lại tới khi ra sống ở kinh thành thì trăm phần đều khác, chứ không như ta tưởng về nó khi ta còn ở xa nó. Đất nước này phải canh cải. Mọi thứ đều phải canh cải, họa may trong vòng mười mười lăm năm nữa dân mới giàu, nước mới mạnh được. Việc canh cải cho đất nước mạnh giàu thì ta đã đọc các sách cổ kim, lại được nghe các bậc thiên sư, đạo sư, các bậc nho sĩ, cư sĩ bàn thảo từ lâu. Nhất là những bậc đại lão đã sống qua các thời từ Đinh- Lê tới nay khát về cái nhẽ thịnh suy, cái sự phú bần, thiện ác nó cứ rượt đuổi nhau như một tuồng ảo hoá. Cứ như các bậc lương dân đã thấy biết, thì chỉ có vua sáng mới có tôi hiền. Và chừng ấy thì muôn dân mới được an lạc.

Ta những muốn đem sự chiêm nghiệm của chính ta, cùng những điều ta mong mỏi cũng như điều mà các bậc thiện trí thức mong mỏi, và cả ước vọng của đám lê dân để kết đúc lại thành một phương lược, dùng cho việc chấn hưng đất nước.

Thật vậy, những điều ta viết ra đây không phải là của riêng ta, mà nó là sự chung đúc trí năng của muôn nhà, không chỉ của hiện tại mà còn có sự chung góp của quá vãng nữa.

Quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh đọc đi đọc lại bản tấu chương, trước khi dâng lên hoàng thượng ngự lãm, để xem có cần phải thêm, phải bớt điều gì. Quan ông tự biết, đây là những điều gan ruột của tấm lòng trung của phận thân tử, có pha cả tình huynh đệ, tình bằng hữu giữa ta với nhà vua.

Khi thấy yên tâm rồi quan Khu mật sứ sửa soạn khăn áo để vào chầu hoàng thượng. Bữa nay quan ông phục sức thật là giản dị, áo dài thụng may theo kiểu nhỏ sinh, cổ chéo, khuy gài bên sườn phải, nhưng lại may bằng vải thanh cát, một loại vải của dân thường. Trên đầu, quan ông không đội mũ mà quấn khăn chữ nhân ( ) bằng lượt, màu tía biếc; một thứ màu chỉ dành cho chức quan cao hàng nhất nhị phẩm, chiếc khăn trùm lên búi tóc phía sau ót gọn gàng, chặt chẽ. Màu khăn ánh lên một sắc hồng trên gương mặt chữ điền phương phi, và đôi mắt sáng mở to với đôi lông mày rộng bản xanh rì, hơi xếch. Nom phục sức của quan ông toát lên dáng vẻ của một bậc văn nhân, nhưng gương mặt lại quắc thước, trang nghiêm như một võ tướng. Soạn sửa xong, quan Khu mật sứ sai đóng xe ngựa để quan vào chầu hoàng thượng. Một cỗ xe song mã sơn màu anh vũ, vẽ một đôi phượng đang múa ở mỗi bên thành xe. Hai bên có hai cửa sổ, chấn song con tiện, rèm the màu đen, nhưng quan ông sai vén lên. Hai con ngựa sắc tía, đây

là loài ngựa nhỏ con vùng Nước Hai, Quảng Nguyên có sức đi dẻo dai mà ngoan nết. Viên giám mã đóng chiếc khố bằng vải thanh cát, mặc áo chiến binh cổ lá sen rộng nách, nhưng cổ tay chèn và đai thắt ngang lưng, áo dài quá đầu gối, chân đi đất, đầu đội chiếc nón lá già màu vàng khè. Y có nước da bánh mật, người sần chắc, cầm bạnh, hàm răng vâu, hai ngón chân cái tẽ ra và hướng về nhau chứ không cùng chiều với bốn ngón kia. Từ xa xưa, người Tàu trông thấy ngón chân của người mình như vậy, nên gọi ta là người Giao Chỉ. Người lính trẻ này chừng độ mười chín, đôi mươi thuộc quân túc vệ, được quan Thái úy phái sang hầu quan Khu mật sứ. Thấy quan ông ra, y mở cửa đón ngài và hai quan Tả sứ, Hữu sứ lên xe. Y nhẹ nhàng nhảy lên ghế xà ích như một con sóc, rồi khẽ ra roi cho đôi ngựa sai vó.

Chỉ một loáng, xe đã tới cửa Đại Hưng, là cửa phía nam của hoàng thành, quan khu mật sứ đập nhẹ vào cửa xe cho xà ích dựng lại. Quan ông và hai phó quan xuống xe dẫn bộ vào thành. Tên xà ích đánh xe vào chờ trong sân nhà công quán phía ngoài cửa Đại Hưng.

Đã quen lắm mỗi khi bước qua Long thành vào Cẩm thành, nhìn thấy các cung điện vàng son lấp lánh, những ngày đầu thì choáng ngợp, sau cũng quen dần. Nhưng bữa nay thì lại khác. Nay tiết trời vào độ cuối thu, thực là mát mẻ. Cung điện đầu tiên mà quan Khu

mật sứ trông thấy là điện Phụng Thiên. Ngược nhìn ngọn lâu Chính Dương ngự trên nóc điện, là nơi giữ giờ giấc cho cá kinh thành, cho cá nước, thấy có một quầng mây ngũ sắc như một chiếc tán khổng lồ che cho ngôi lâu, bụng thầm nghĩ: chắc là điềm lành đây. Quan Khu mật sứ cùng hai phó quan Tả, Hữu sứ đi một quãng đường ngắn nữa thì gặp điện Thiên Khánh. Ngôi điện nhỏ được xây cất công phu, trang hoàng mỹ lệ như một kỳ quan nằm giữa điện Phụng Thiên phía trước, điện Trường Xuân ở phía sau. Đây là ngôi điện hoàng thượng thường dùng làm nơi để nghe chính sự. Còn điện Trường Xuân, là nơi nhà vua thường ra thưởng ngoạn cảnh trời mây trên gác Long Đồi, đặt trên đỉnh nóc.

Vẫn những lâu đài, điện các ấy, mà sao hôm nay quan Khu mật sứ thấy nó như đẹp hơn, mới hơn. Lại rặng hòe trồng hai bên đường, mới độ cuối xuân lá còn xanh mơn mớn, phủ bóng mát rợp cả mặt đường, thế mà nay đã vàng một sắc hoa. Hoa rụng lấm tẩm trên mặt đường lát gạch đỏ au, nom như một tấm thảm nâu được rải kết bằng vô vàn các hạt vàng li ti. Đi một lát nữa thì tới điện Văn Minh, đằng đối về phía bên kia là điện Quảng Vũ. Sau hai điện Văn Minh, Quảng Vũ là hai lầu chuông lầu trống đằng đối trước sân Long Trì. Đây là chiếc chuông lớn nhất nước, nặng tới một vạn

cân<sup>1</sup> đúc từ năm Quý dậu (1033). Nay kia, điện Thiên An sừng sững trên thềm cao chín bậc, được xây cất lại trên nền điện Càn Nguyên thời tiên đế. Ba người cứ lẳng dăng đi, phút chốc đã tới điện Tuyên Đức. Nội thị vào tâu. Vua ngừng nhìn đã thấy ba người quỳ ngoài hành lang. Vua buông bút bước xuống thềm điện, ngài tươi cười nói:

- Ta miễn lễ! Miễn lễ! Đứng cả dậy đi.

- Hoàng thượng vạn an! Hoàng thượng thiên tuế!-  
Cả ba người đồng thanh hô lời chúc.

Vua vẫy tay cho ba người vào rồi chỉ cho ngồi quanh chiếc bàn chân quỳ, đặt trên tấm chiếu hoa trái rộng. Tám thảm Ba Tư do người chủ tàu Tây dương gửi biếu, dệt hình những tiên đồng, ngọc nữ với vẻ đẹp rực rỡ đặt chính giữa để vua ngự. Tám thảm có chiều dài bốn gang tay, chiều rộng ba gang tay nhỏ nhỏ xinh xinh như tám bô đoàn để tọa thiền của các thiền sư. Vua vừa ngồi xuống tám thảm cạnh mép bàn, thì cả ba người cùng nhóm dậy lùi về phía sau chừng hai bước chân, rồi quỳ gối chầu vua. Nhà vua cười thân mật, nét mày hơi chau, vua nói:

- Ta đã miễn lễ, sao các khanh còn khách khí. Bữa nay triệu các khanh tới là để bàn việc nước. Bàn việc

<sup>1</sup> Tương đương ba tấn.



nước mà thân thể cơ quắp như một thân tù, sao còn thư dân được đầu óc để mà tỏ bày chính kiến. Thôi, tất cả ngồi vào đây cho vua tôi đỡ cách biệt.

- Chúng thần xin tuân chỉ! Cả ba người cùng cất tiếng nói đồng thanh.

Nội thị dâng trà. Sau một tuần trà, Thái tông vào việc ngay:

- Các khanh biết đấy, Khu mật viện là cơ quan đứng đầu việc quân trong cả nước. Chẳng riêng việc quân, còn kiêm cả việc cơ mật trong các cơ quan then máy nữa. Nói thế đủ biết ta gửi lòng tin nơi khu mật viện, nơi các khanh đến mức nào. Bây giờ ta muốn được nghe quan Khu mật sứ từ khi về nhậm chức tại khu mật viện đến giờ có gì cần canh cải cứ tâu báo, để ta với các khanh cùng bàn bạc. Tấu chương chỉ là văn bằng để sở cứ, không nói được hết nhẽ. Ta sẽ đọc sau, bây giờ ta muốn nghe. Cũng phải nói để các khanh biết, tấm lòng ta mong mỏi kiếm tìm những điều khả ái để chấn hưng đất nước, với việc ta không hy vọng nhiều vào năng lực của bộ máy triều chính hiện nay, đã làm ta nhọc sức đến tổn thọ như thế nào.- Nhà vua ngừng lời và cố nén giấu một tiếng thở dài.

Hai quan Tá, Hữu sử đưa tay sửa mũ, sửa cổ áo và cùng liếc nhìn quan Khu mật sứ.

Mai Mạnh Minh chấp tay vái nhà vua hai vái:

- Bệ hạ đã cho phép, thần xin được tâu luôn thay vì quỳ lạy...

- Thì ta đã bảo các khanh chớ câu nệ nơi lễ luật. Ba cái thứ cúi, lạy, vái, quỳ không thay được tấm lòng trung cùng các mưu hay, kế lạ đem dùng vào việc hưng<sup>7</sup> thế nước được đâu.

- Tâu bệ hạ, suốt mấy tháng trời rong ruổi nơi biên thủy cùng với mấy năm làm việc nơi khu mật viện, giao hảo với các đồng liêu trong viện cũng như trong triều, rồi nay đi lộ này, mai đi lộ khác, đối mặt với quan dân cũng đã lắm, nay thần xin tâu báo những điều quan yếu nhất, có thể có nhiều điều không đẹp lòng bệ hạ.

- Tâu bệ hạ, một nước có kỷ cương hay rối nát là ở khâu pháp luật.

- Vậy nước ta đang ở trong tình trạng nào? Có kỷ cương hay đang rối nát? nhà vua cười và hỏi xen vào.

- Tâu bệ hạ, kỷ cương đang lỏng lẻo. Nát thì chưa nhưng đã bắt đầu rồi! Thần xin phân giải như sau. Chính sách cai trị của nhà Lê hà khắc, luật pháp tùy tiện, thường là tàn bạo, man rợ, lấy hiếu sát làm biện pháp để răn đe. Vì thế dân hoang mang, khiếp sợ mà bỏ quê quán chạy ngược, chạy xuôi như quân đèn cù, làng quê trở nên hoang vắng như thể nước có giặc. Khi được

nước, thay vì pháp trị tàn bạo của nhà Lê, Thái tổ dùng đức trị để thiến hoá xã hội và định lại cái tâm cho dân nước. Suốt mười tám năm trị vì, tiên đế đã tha tô thuế cho dân tới ba lần. Thuế má chỉ quy về có sáu sắc, đánh vào các nguồn lợi khai thác từ rừng và biển. Luật pháp đã khoan nới, triều đình lại yêu thương nuôi vỗ dài dài, nên ý thức nghĩa vụ của người dân đối với nước xem ra có phần lơ là, quên lãng. Việc này thể hiện nơi người dân có nghĩa vụ cấy ruộng quân điền, tức ruộng của nhà vua, nộp lại sản phẩm ấy để dùng vào việc nuôi quân, xây cất cung điện và các chi dùng khác, thì từ vài năm nay tỏ ra biếng trễ. Sự chăm sóc mùa vụ không được như trước, nên số lúa thu theo đầu mẫu của các lộ đã sút giảm mỗi năm tới vài mươi phần. Việc đóng góp nhân công để đào đắp, tu bổ đê đập, ngòi cừ cũng giảm thiểu; khiến mùa mưa thì nước ngập tràn khắp chốn, lúa mạ có năm chết úng tới quá nửa. Mà vừa chớm nắng đồng đã cạn, nắng dãi nửa tuần trăng thì đồng đã nứt khô. Như thế là con người tự làm cho mất mùa. Lại nữa, nhà nước đã tha bớt cho người khỏe mạnh, chủ chốt trong nhà không phải đi ở lính, để tăng sức cho đồng ruộng. Nhưng mỗi năm hai kỳ vào lúc nông nhàn, phải đi tập trung để huấn hõ các công việc binh nhung, như tập sử dụng các đồ binh khí, tập hành binh cho quen thạo đôi chân cùng sự dẻo dai mang vác, thế nhưng số

người theo đòi luyện tập bất quá cũng chỉ được bảy tám chục phần thôi.

Về phía người dân dã vậy, còn phía quan nha chức dịch từ lộ, trấn, phủ, huyện, châu đến hương, trang, động, sách sự mần cán trong công việc mỗi ngày một lơ là, yếu kém. Quan lại không giám sát nghiêm cẩn trong việc thi hành pháp luật của triều đình, khiến cho kỷ cương bị rối. Nếu không được tu chính, răn đe, tư chất quan lại sa sút, tham bản thì xã hội không chỉ có rối mà còn nát nữa, xin bệ hạ lưu tâm.

Nhà vua vẫn chăm chú lắng nghe những điều quan Khu mật sứ tâu báo, và không phải ngài không nhận ra những sự thật đáng buồn ấy, nhưng không ngờ nó đã phát tác tới mức đó. Người nghe với vẻ điềm đạm của một người có bản lĩnh, từng đương đầu với phong ba bão táp. Năm hai mươi tuổi đã lĩnh ấn nam chinh, đánh nhau với người Chiêm ở trại Bố Chính, chém đầu tướng Chiêm là Bố Linh, đánh cho quân Chiêm tan tác rồi đem tù binh về Thăng Long báo tiếp với vua cha. Lại việc xảy ra ngày mùng ba tháng ba năm Mậu thìn khi vua cha vừa băng, ba người anh em đã dấy lên làm phản. Ngay những giờ khắc hiểm nguy ấy, cũng không làm cho một người như Lý Phật Mã ngã lòng được, hướng chi vua Thái tông ngày nay, thế đang vững như bàn thạch.- Nghĩ vậy nhà vua bèn mỉm cười giục quan

Khu mật sứ:

- Khanh cứ tiếp tục nói đi. Ta cần biết sự thật đúng như nó có. Đừng lo ngại gì hết. Ta không không phải là người hẹp lượng, chỉ thích nghe những lời đường mật. Nào khanh nói đi, sau chuyện pháp luật là chuyện gì đây.

- Tâu bệ hạ, luật pháp là mối rường của nước, còn quan lại, chức dịch trong bộ máy của triều đình lại là huyết mạch của nước. Vậy thần xin tâu với bệ hạ về cái huyết mạch ấy.

Cái huyết mạch ấy, tâu bệ hạ, nhịp đập đã có phần chệch choạc, còn khí huyết có nơi có chỗ đã hơi trì bệ. Nếu kinh mạch không được kịp thời khai thông trở lại, cơ thể ắt phát bệnh.

Các cơ quan then máy của triều đình ví như hết thảy lục phủ ngũ tạng của một con người khỏe mạnh. Tâu bệ hạ, thế thì một nước thịnh hay suy là như ở năng lực của những người tham gia vận hành các cơ quan then máy, nhưng phần ưu biệt nhất phải kể đến những người đứng đầu. Nếu bệ hạ tuyển bổ được nhiều người tài đức, nắm giữ các trọng trách quốc gia thì dân yên thịnh, nước mạnh giàu.

- Điều đó ta biết, nhà vua ngắt lời quan Khu mật sứ- nhưng ta muốn biết năng lực những người đang

tham gia vận hành các cơ quan then máy của ta hiện nay như thế nào? Có còn tốt, còn dùng tạm được hay quá yếu kém, quá dở? Rồi làm thế nào ta có thể tìm được nhiều người tài đức ra làm việc cho triều đình. Vua nhìn xoáy vào Mai Mạnh Minh và hai phó quan Tả, Hữu sứ như dò hỏi một lời giải đáp.

Ngôi điện rộng thênh thang, vua tôi chỉ có bốn người, thỉnh thoảng tên trà nô qua lại chế trà nóng cho vua và các quan rồi lại ý tứ lui ra.

Mai Mạnh Minh hết nhìn đôi câu đối sơn thếp vàng son nơi cột điện, lại nhìn nhà vua rồi lơ đãng nhìn qua cửa sổ chữ Thọ, thấy một vòm trời trong xanh mà cao vợi vợi. Tâm hồn quan ông trở nên thư thái. Chợt một tiếng chim cu gáy ném vào thính không, khiến không gian như dãn ra, và quan Khu mật sứ giật mình chợt nhớ điều vua hỏi, liền tâu:

- Bệ hạ anh minh, ngoại trừ Định thắng đại tướng Nguyễn Khánh làm phản năm Ất Hợi, mà bệ hạ đã ngầm biết trước âm mưu nên đoạn diệt nhanh chóng, thần tin rằng mọi bầy tôi đều trung thành với bệ hạ. Nhưng thử hỏi lúc này có những ai vừa có tài năng đức độ, vừa trung dũng can trường dám xả thân vì bệ hạ để chấn hưng đất nước với tinh thần như Lê Phụng Hiểu, Lý Nhân Nghĩa, Lý Huyền Sư...? Hay là bây giờ phần nhiều các quan chỉ lo vun vén để có nhà cao cửa

rộng, vinh thân phì gia. Tâu bệ hạ, tinh lực của mỗi người là hữu hạn, nhưng công việc của quốc gia lại là vô hạn. Cho nên muốn canh cải quốc gia cho tốt, bệ hạ cần lựa tuyển được nhiều người hiền tài; sai khiến, cất đặt sao cho đúng chỗ, để người ta có thể thi thố được cái sở trường, còn như đặt người sai chỗ, sai việc để họ buộc phải thi thố điều sở đoản, thì trăm việc đều hỏng. Người tài, tâu bệ hạ tìm được đã khó, nhưng người tài lại có đức nữa, tức người tài đức, chỉ lấy quyền lợi của quốc gia dân tộc làm trọng, mưu sự sống cho muôn dân làm trọng, người như thế hiếm lắm. Nhưng tâu bệ hạ, không phải trong thiên hạ không có.

- Phải, khanh nói rất hợp ý ta. Nếu bọn có tài mà thất đức, chúng chỉ dùng tài đó để tạo ra các mưu ma kế quỷ để bòn rút của công, để moi móc, để cướp bóc miếng cơm manh áo của đám dân nghèo. Tài ấy, chúng còn dùng để che bịt tai mắt mọi người. Nếu không che bịt được thì chúng đem của cải ra đút lót, hối lộ. Thế là vô hình chung trong xã hội của ta nghiêm nhiên tồn tại một loại người, vừa những nhiều đòi ăn của hối lộ đối với người nghèo, người thấp cổ bé họng, rồi lại tìm cách hối lộ những người có quyền chức cao hơn nhằm che bịt mưu mô cùng tội lỗi. Đó là ung nhọt, ta biết nếu không sớm trừ bỏ được thì đó sẽ là mầm mống của một đại họa, tựa như một tàn đóm thuốc Lào có thể đốt cháy

cả một làng và một tổ mối có thể làm vỡ cả một thân dê, gây ngập lụt, mất mùa làm chết theo cả đồng người. Điều ta mong muốn là làm thế nào để khơi dậy thiện tính ở những kẻ có tài nhưng thiếu đức, để họ đem tài năng ra phụng sự quốc gia. Như vậy, cùng với những bậc chân tài mà đức độ, tất cả đều đua nhau nẩy nở, ta không phải lo đối phó, lo ngăn chặn những mưu mô ác độc nữa. Mạnh Minh ngửa mặt cười ngất.- Đúng bệ hạ là người nhà Phật, là con Phật nên lúc nào cũng hưởng thiên hạ vào cái tâm thiện. Bệ hạ dư biết con người sở dĩ còn tham lam ích kỷ, còn ghen ghét, đố kỵ, còn ham danh lợi, còn khát khao phú quý là bởi chưa giác ngộ, chưa giải thoát được bởi tham- sân- si trói buộc.

Đời còn bị tham – sân - si buộc trói, là bởi người đời còn chìm khuất trong bể vô minh. Muốn trút bỏ vô minh, phải có ánh sáng minh triết của trí tuệ. Ai làm được điều đó. Chỉ có các bậc minh sư như Thiền sư, Đạo sư, Nho sĩ.

- Làm sao ta có thể triệu thỉnh được các bậc ấy ra giúp đời?- Nhà vua nói với vẻ hơi nản lòng- Người ta đã lánh đục tìm trong, bạn với sơn thủy lâm tuyền, sao còn kéo được người ta trở lại miền tục luy!

- Tâm bệ hạ, đục trong là ở tại lòng người. Bờ mê bến giác là ở tại tâm người. Chứ thực dưới gầm trời này, không có nơi chốn nào khác nơi chốn nào mà phân biệt



đối đãi. Vả lại các bậc chân tu là phải tu giữa dòng đời, chứ tìm lánh nơi tĩnh lặng chốn lâm tuyền thì đâu phải là bậc đại giác. Tâu bệ hạ, vì thế gian nên Phật mới thị hiện. Nếu đã lìa bỏ thế gian thì đâu còn là Phật nữa. Cho nên bệ hạ đừng lo việc không triệu thỉnh được các bậc đạo cao đức trọng của tam giáo nhập lưu mà hành hoá. Bệ hạ dư biết vì sao xã hội thời Lê Long Đĩnh rối ren ô tạp là vậy, thế mà sang thời Thuận Thiên, Thái tổ ta bình ổn được ngay. Là bởi Thái tổ đem cái tâm Bồ tát ra để bình trị thiên hạ, lại được các bậc trí huệ thuộc hàng thánh tăng nhập thế giúp đời như thiền sư Vạn Hạnh, thiền sư Đa Bảo... cùng các đạo sĩ, các nho sĩ đem thiện tâm hành hóa. Bởi các vị, từ nhà vua đến bậc đại trí trong tam giáo cùng các bậc thiện trí thức đều dùng phép thân giáo<sup>1</sup> để giáo hoá nhân quần, nên mọi việc đều trở nên mau lẹ, an nhiên.

Tâu bệ hạ, người dân thời nào cũng vậy, họ cần có sự dẫn dắt. Người dẫn dắt đó phải là những tấm gương. Thời Thuận Thiên vô vàn những tấm gương rực sáng, bởi những người dẫn dắt nhân chúng đều là các bậc minh triết, các bậc đại giác, tất cả đều nhắm tới hạnh phúc của muôn dân, nhắm tới sự hưng thịnh của đất

---

1 Phép thân giáo: Người xưa lấy bản thân mình làm tấm gương để giáo dục kẻ dưới.

nước, chứ các vị không nhắm tới một danh thơm hoặc lợi lộc tư riêng nào. Đúng là các vị đã làm mà không cậy công. Thành công rồi, các vị lặng lẽ đứng ra bên lề xã hội. Hoá nên đời tôn vinh các vị trở thành vua Phật, thành Bồ tát, thành Thánh. Công cuộc canh cải của đức Thái tổ đạt tới sự viên mãn, chính là phép thân giáo của bộ máy công quyền, lại được giáo hội trợ giúp.

- Thế bây giờ thì sao? Chẳng nhẽ bây giờ không còn người đạo cao đức trọng, cả xã hội không còn một tấm gương nào cho thiên hạ noi theo sao?- Nhà vua hỏi mà trong giọng nói hơi tỏ lộ sự buồn rầu và thất vọng.

- Tâu bệ hạ, không phải ngày nay thiếu vắng các bậc đạo cao đức trọng, trí tuệ siêu việt, mà ngày nay các vị cho rằng xã hội đang bình trị, nên các ngài chuyên tâm tu đạo. Nay bệ hạ đã nhìn thấu sự trì bế của các cơ quan then máy, trong bộ máy công quyền từ phủ Thái sư đến các hàng quan lại các cấp, chúng thần xin tâu để bệ hạ rõ thêm:

- Tâu, tới nay vẫn còn gần hai phần ba số xã quan không biết chữ. Người đứng đầu các hương, trang tính thuế tính xâu bằng cách thắt nút dây thừng. Các viên châu, mục, đô úy cũng nhiều người không biết chữ. Ngay các quan đại thần trong triều của bệ hạ, không phải ai cũng tự tay mình viết nổi sớ, biểu. Tâu bệ hạ, chưa nói đến việc tư cách quan lại sa sút, chỉ riêng với

thực chất năng lực quan lại các cấp như thế, trách sao bộ máy của bệ hạ không xộc xệch.

- Điều đó ta biết. Nhưng không dễ một lúc mà thay đổi được, các khanh có kế gì nói thử ta nghe.

- Tâu, từ thời Thái tổ gây dựng tới nay, việc học thông qua các sư sãi nơi chùa làng khiến nhiều người biết chữ. Trong số đó, không ít người chuyên tâm kinh sử trở thành các thầy đồ giỏi trong các làng quê. Nhiều lớp học do dân tự đóng góp nuôi thầy, để các thiếu niên sau ba bốn năm học tại chùa thì vào đó học tiếp. Tâu bệ hạ, trong số những người thạo chữ, thạo kinh sử ấy, không thiếu người tài. Vì vậy, bệ hạ cho thi tuyển để lựa nhân tài vào bộ máy. Ngoài thi tuyển bệ hạ nên lập ra chế độ tiến cử, hoặc tự tiến cử.

Với vẻ khoái hoạt, vua Thái tông cười vui hỏi: - Vậy bằng cách nào ta tuyển lựa cũng như tuyển cử được người tài?

Quan khu mật sứ đưa mắt nhìn quan Hữu sứ. Quan Hữu sứ bèn quỳ tâu:

- Trình bệ hạ, thần xin được nói.

Vua Thái tông đã châu phê sơ trình của quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh được cất nhắc hai viên Tả, Hữu sứ. Hoá ra hai người này đây. Nom mặt mũi khô ngô, tư chất đàng hoàng, đúng là những trang anh tuấn.

Nhưng còn học vấn, còn tài năng trí tuệ sao đây. Nhân việc này ta phải kiểm xét xem, rồi mới có thể tin vào kế sách của họ được.

- Khanh hãy bình thân, vua nói: - Ta đã cho miễn lễ, sao người còn đa sự. Nhân đây ta muốn hỏi, người đã học các sách gì, đọc những sách gì, thầy dạy là những ai, gia thế ra sao? Khanh hãy nói qua vài điều ta muốn biết, sau đó hãy bày mưu. Khanh cứ ngồi xuống!- Nhà vua dịu giọng và hơi có phần cảm mến.

Quan Hữu sứ an tọa, tư thế đàng hoàng vòng hai tay hướng về nhà vua vái hai vái:

- Tâu bệ hạ, hạ thần họ Lương, tên Thanh Liêm, sinh năm Canh tuất, năm nay hai mươi tám tuổi, quê quán tại trang Ngô Xá, hương Xuân Phương, phủ Thiên Đức. Cha thần là Lương Thanh Khiết được dân làng đòi phải làm xã trưởng từ năm đầu triều Thuận Thiên. Thuở nhỏ thần học với cha, sau ra học với sư cụ chùa làng. Được vài năm lại theo học thầy họ Lê trang Đông Cứu. Dạ, tâu hoàng thượng, thoát đầu thầy cho học Tứ thư<sup>1</sup>. Sau học sang Kinh Thi, Kinh Dịch. Hết phần căn cốt của đạo Nho, thầy lại giảng sang kinh Phật. Dạ, Phật thì học kinh A-di-đà, kinh Thủ Lăng Nghiêm. Sau Thủ

---

<sup>1</sup> Tứ thư là bốn bộ sách chủ yếu của đạo Nho: Đại học - Trung dung - Luận ngữ - Mạnh Tử

Lăng Nghiêm thầy lại truyền dạy Đạo Đức Kinh. Thần học xong các sách đó, thầy bảo :“ Ta hết chữ rồi. Vào đời mà học”. Tâu bệ hạ, không được học thầy nữa, thần lại về nhà. Cha thần bảo:“ Con phải đi học cày để làm ruộng lấy lúa gạo mà sống”. Dạ, thế là thần vừa đi cày vừa đọc sách vừa ngẫm thế sự. Dạ, thầy học của thần thường răn:“ Không có thầy nào, không có sách nào dạy ta được hết mọi nhẽ. Muốn đầu óc thông tuệ phải biết học hỏi. Vậy học ai nữa? Học nơi người dân không có học vấn. Lại phải biết lắng nghe và phải học trong muôn loài kể cả cây cỏ và cầm thú. Bởi loài nào cũng có tiếng nói riêng của loài đó. Nếu ta lắng nghe bằng tâm tuệ, ta khắc hiểu. Rồi phải học cả thì tiết, nắng mưa nữa. Tức là học trời. Khi nào các con hiểu được người, hiểu được muôn loài, hiểu được trời, hãy nghĩ tới việc vào đời mà hành đạo. Những việc ở ngoài đời ấy không có thầy nào dạy được đâu. Cái trí mà ta thấu nhận được ấy, gọi là trí vô sư. Phật dạy: “**Vô sư trí vi tôn**”. Các con phải khiêm nhường, phải kiên nhẫn thì mới học được, mới thành người”. Dạ, tâu hoàng thượng, thần đâu có được quen biết quan khu mật sứ, nhưng thần có người anh rể là Đô Sấn tướng quân, hấp tấp cử thần với quan trên. Quan cho triệu, hỏi han rồi giao việc, thần đâu dám cưỡng, vừa là mệnh vua vừa là lệnh quan.

Thái tông, cười lòng đầy thiện cảm, ngài hỏi:

- Lúc này khanh dương danh người cha là Lương Thanh Khiết, ta đã ngỡ ngợ cái danh xưng đó. Khi khanh nói đến Đô Sấn thì ta nhớ ra ngay. Sấn trước làm đô tướng trong cung Long Đức của ta. Chính Sấn nói với ta giúp dâng quà lên tiên đế nhân tiết thánh thọ<sup>1</sup>. Ta nhớ đó là giọng hát của mẹ con Đào thị. Ôi, đúng là cái duyên, cho nên quan khu mật sứ tìm ra khanh. Ta thật hài lòng về những người đứng đầu Khu mật viện, vừa trẻ trung hăng hái, vừa tài năng quán xuyến. Ta mong sao, tất cả các cơ quan then máy của triều đình đều được cải hoá như khu mật viện. Nào, bây giờ khanh mau nói cái kế sách tuyển lựa nhân tài mà quan Khu mật sứ đã kỳ vọng nơi khanh.

- Tâu bệ hạ, nói đi nói lại thì bộ máy của bệ hạ cần hai điều. Một là thải bỏ những hạng người vô dụng mà cứ ngang nhiên chiếm chỗ của người khác. Hai là phải kén được những người tài đức. Trong số các người tài đức đó, phải tìm cho ra các bậc tài cao, đức trọng mà suy tôn lên như những tấm gương sáng cho thiên hạ chung soi.

Để kén được người tài đức trong thiên hạ, xin bệ hạ đừng câu nệ vào cảnh ngộ xuất thân. Bởi không ai chọn được cha mẹ. Cũng không nên câu nệ vào tuổi tác.

---

1 Tiết thánh thọ là lễ sinh nhật vua.

Có khi người trẻ mà dốt mà nhút nhát, người cao tuổi mà giỏi mà tài, mà vẫn còn nhiệt huyết thì sao. Điều hệ trọng là tìm cho ra người tài và đặt họ vào đúng chỗ, đúng việc. Nơi chốn nào cần phải luôn luôn đổi thay canh cái, thì đặt người tài đức trẻ tuổi. Nơi chốn nào cần phép tắc, điển lệ, mối rường thì bệ hạ trao cho những người tài đức chín chắn, từng trải và đứng tuổi. Lại có những người tài mà đức chưa hiển lộ, hoặc giả có chứng tật thì trao cho họ các công việc ở những nơi được sắp đặt theo kỷ cương chặt chẽ, và luôn có người giám hộ nghiêm khắc.

Dạ, tâu bệ hạ cứ thế mà làm, độ năm năm liền, thì bệ hạ thu hút được gần hết người tài đức trong thiên hạ vào việc phụng sự quốc gia. Bệ hạ hỏi bằng cách nào thải bỏ được những người kém cỏi, ngu khờ, tham bản vẫn khư khư nắm giữ công việc trong bộ máy của bệ hạ ư? Tâu, việc đó không khó lắm đâu.

Dạ, một là bên Ngự sử đài, bên Trung thư sảnh, bên Đình úy ty kiểm xem những ai đã có từ một đôi lần hà lạm công quỹ, hoặc bắt chẹt người dân pháí đút lót, biếu xén từ ba quan tiền, từ một hai đỉnh bạc trở lên thì biếm chức, đổi di viễn châu, hoặc bãi chức bắt về quê quán làm dân, thu lại các phần ruộng đất mà triều đình đã ban cấp. Lại nữa, căn cứ vào những đơn thư tố giác của người dân, của các đồng liêu với những quan nào

có nhân cách bỉ ổi, tài đức hèn kém, tham lam vợ vét; sau khi đã kiểm xét rõ ràng thì bệ hạ biếm, truất hoặc phạt roi đánh trượng gì mà chẳng được.

Lại những quan lớn thay mặt bệ hạ chặn dân ở các lộ, trấn như đô hộ phủ, phán phủ, huyện lệnh, châu mục mà để dân tình rối ren, trộm cướp lan tràn, mùa vụ liền năm thất bát không phải do thiên tai giáng họa, thì trách phận ấy thuộc về quan cai trị. Hoặc giả hủ tục tràn lan như cờ bạc, rượu chè, bất hiếu, bất mục, chồng chung vợ chạ, mưu mẹo dối lừa, hại nhân ích kỷ, cho vay nặng lãi nhằm vào những lúc mất mùa, những khi giáp hạt... lỗi ấy đều thuộc về các quan cai trị cả. Những quan cấp làm xấu mặt triều đình như thế, bệ hạ còn thương xót gì mà không vì muôn dân trừ bỏ nó đi.

Tâu bệ hạ, còn một cách nữa có thể giúp bệ hạ bỏ hàng loạt kẻ bất tài bằng cách triều đình sẽ sát hạch lại, tức là khảo khóa. Khảo khóa, có nghĩa là kiểm xét lại công việc của từng người ở các cơ quan then máy. Giả dụ với các quan thị lang Trung thư sảnh, thì ra đề cho họ phải làm biểu, tâu báo về một điều gì có quan hệ đến công việc của họ, và cái đích đi tới sự việc phải làm như thế nào. Các quan bèn Đình úy ty, thì giao cho xét xử một vụ hình án nào đấy trước các giám khảo. Bên Đô hộ phủ sĩ sự, thì cho xử lại các án mà Đình úy ty đã xử, nhưng đương án không phục, cho là không công bằng,



nên khiếu oan lên thượng cấp. Đại loại như thế, ngành nào cũng khảo, nghề nào cũng khảo.

Tâu bệ hạ, bằng thi tuyển bệ hạ sẽ kén được người tài đức, chắc hẳn có nhiều người còn đang độ tuổi xanh xuất lộ. Bằng khảo khóa, bệ hạ sẽ loại bỏ được hầu hết những kẻ bất tài, vô hạnh. Dạ, bằng hai cách đó, các cơ quan then máy của bệ hạ sẽ bừng thức, và vùng lên phơi phơi như lúa tháng ba gặp sấm. Lại cũng không một ai vin vào cớ gì để oán bệ hạ được. Việc khảo khóa, xin bệ hạ biến nó thành ước thúc, cứ ba năm một lần. Tự nó sẽ loại bỏ bất kỳ ai không còn đủ năng lực làm việc. Và tự nó giữ lại những ai có khiếu năng, có nhiệt huyết. Như thế, bệ hạ không cần phải bận tâm thúc giục, mọi người phải tự ý siêng năng, tự mình phải học hỏi trau dồi chứ không như trước, họ cứ tưởng đã ngồi vào ghế nào, là cứ yên vị suốt đời ở ghế đó mà thụ hưởng tước lộc, rồi chờ thăng tiến, chứ không cần một sự rèn giũa gắng gỏi nào. Họ lơ là trách phận tới mức, coi nước là việc của vua, no đói là việc của người dân.

- Được! Được lắm! Khanh nói rất hợp ý ta. Thế nhưng việc thi tuyển ở triều đình, ở lộ, trấn, phủ, huyện nghe ra còn được, chứ ở xã, hương, trang, động, sách ta ngờ rằng ít có người tinh thông chữ nghĩa lắm.

- Tâu bệ hạ, từ thời tiên đế tới nay đã mấy chục năm, các trường lớp dạy nơi chùa làng hết lớp này sang

lớp khác, theo như chỗ thần được biết thì đến nay không làng, xã, trang, ấp nào lại không có mười lăm người trẻ, dăm bảy người già tinh thông chữ nghĩa. Cho nên nhân dịp cải đổi này, nhất thiết các thổ quan đều phải có chữ nghĩa. Tuy nhiên, tâu bệ hạ nơi các sách, động, thậm chí ở một vài châu, triều đình vẫn phải thâu nhận những người quen thạo công việc nhưng không tinh thông chữ nghĩa.

- Sự thế như thế, đành phải thế vậy. Ta muốn thi tuyển người tài đức, ta cũng muốn như khanh gọi là khảo khóa, cả hai việc ấy ta muốn làm sớm, làm cùng một lúc liệu có trở ngại gì không.

- Tâu bệ hạ, quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh bèn đỡ lời quan Hữu sứ- Tâu bệ hạ, việc này quan Tả sứ của khu mật viện rành hơn. Xin bệ hạ cho quan Tả sứ được tâu trình.

- Vậy thời Tả sứ hãy nói đôi điều về nhân thân của khanh.

- Tâu bệ hạ, thần sinh năm Nhâm tý kém quan Hữu sứ hai tuổi, quán làng Chi Nhị, phủ Chí Linh, tên gọi Minh Luân, họ Phạm, cha thần là Phạm Minh Kinh làm nghề dạy học. Thuở nhỏ thần học với cha tại nhà. Sau cha thần cho theo học thiên sư Quảng trí. Học sư được ba năm, cha thần lại xin về cho theo học với đạo sư Huyền Tĩnh ở quán Lôi Công. Ba năm sau Đạo sư

bảo thân: "Về nhà hỏi cha người có theo ta đi tu tiên, hái thuốc luyện đan tìm sự trường sinh bất lão thì lại lên núi với ta. Nhược bằng không theo đạo của ta, thì ở nhà với cha người, đi cày thì người dư sức, còn dạy học, người cũng đủ chữ. Thế đủ rồi. Học nữa là ngộ chữ đấy!". Vậy là thân về nhà cày ruộng.

Tâu bệ hạ, trong các sách của đạo Nho, thần quý nhất là hai bộ Kinh Thi, Kinh Dịch, nhưng sách của thầy Mạnh Tử cũng không thể không trọng. Vì sách ấy không chỉ dạy người ta "trí" mà còn dạy người ta "hành" nữa. Nhiều điều của sách ấy rất cần thiết cho cuộc sống hôm nay. Nhất là về mặt trật tự kỷ cương từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Dạ tâu hoàng thượng, còn về phần Lão học, thần thấy nó mệnh mang quá, nó cao siêu quá. Đó là học thuyết dành cho các bậc thượng trí. Về Phật học, thần cho rằng học thuyết này có hai phần căn cốt bổ trợ cho nhau đó là phần thực chứng và phần tâm linh siêu việt. Nhưng phải tôn trọng tính uyên nguyên của đức Thích Ca Mâu Ni, còn như quá thiên trọng về đường tâm linh siêu việt, sẽ dẫn thế gian vào mê lộ.

- Tốt! Tốt! Vậy là đủ rồi. Ta rất mừng là cả hai quan Tá, Hữu sứ, phải nói cả quan khu mật sứ đều có cái học thực chứng. Cái học ấy chính là cái học giúp đời. Thảo nào công việc của Khu mật viện hoàn hảo đến vậy. Thôi, bây giờ ta muốn nghe kể sách của khanh

trong việc tuyển bổ người tài, loại bỏ người vô tích sự ra khỏi các cơ quan then máy của ta.

- Tâu bệ hạ, thân sẵn sàng dâng bệ hạ cái kế sách mà bệ hạ cần. Nhưng thân sợ rằng bệ hạ không nỡ làm hoặc không dám làm.

Thái tông như biến sắc mặt, thoát nhà vua đã lấy lại sự bình tĩnh vốn có. Ngài hỏi:

- Sao khanh lại bảo ta không nỡ hoặc không dám làm, trong khi ta đang nóng lòng canh cải.

- Tâu bệ hạ, những người bệ hạ cần thái bỏ là những ai? Đó là một số khai quốc công thần còn lại từ thời tiên đế. Đó là những người không tiếc sức mình, không tiếc cả mạng sống của mình trừ khử Tam vương nổi loạn, để bệ hạ rảnh tay lên ngôi cửu ngũ. Tiên đế cũng như bệ hạ tri ân họ, nên đưa họ vào nắm giữ các cơ quan then máy, chứ họ có tự ý chui vào đó bằng con đường phi pháp đâu.

- Nhưng bây giờ chính họ lại là những người cản trở các ý đồ canh cải đất nước của ta, bởi họ không đủ tài đức để tiếp tục ở chức nữa.

- Vậy là cả tiên đế, cả bệ hạ đều có sự nhầm lẫn giữa việc tri ân người có công với việc cất cử người tài đức, người có tri thức nắm các trọng trách để lèo lái con thuyền quốc gia. Tước lộc bệ hạ có thể ban, nhưng chức

vị lại là điều chỉ có thể trao cho những ai có đủ tài năng và đức độ. Bởi chính những người đó nắm giữ sinh mệnh của nước. May thay bệ hạ đã sớm nhận ra.

Tâu bệ hạ, để cho mọi người dù có bị thái bỗ cũng phải thuận lòng, và mãi mãi mong ân bệ hạ; xin bệ hạ ban chiếu nói rõ việc canh cải đất nước, cần người có tài đức nắm giữ các cơ quan then má. Ai tự thấy không đủ lực gánh vác, xin thôi giữ chức, thì triều đình cho giữ nguyên hàm và hưởng nguyên lương, bồng như còn tại chức. Nhưng phải nói rõ cho mọi người biết, hàm ấy là một thứ danh thơm, chứ không có thực quyền.

Bằng không, mọi người đều phải qua khảo khóa. Còn người được dự thi tuyển hiền tài, phải là người không có tỳ vết gì trong đời. Về mặt nhân dạng, trước hết người ấy phải không có khuyết hãm. Ví như người chột, người lé, người lùn, người có nhiều vết chàm, vết vá trên mặt, người lãng tai, người thông manh, người nói lấp, nói ngọng, nói lè nhè, nói lí nhí, người què, người cụt, người dang mang bệnh... Tất cả những người ấy không được dự thi tuyển, ngoại trừ có tài năng lỗi lạc. Bởi trên phương diện quốc gia, không thể để những người bất thành nhân dạng đại diện được. Nội dung thi tuyển gồm ba phần:

- Phần thứ nhất thi viết ám tả.
- Phần thứ hai làm một bài biểu, xin về một việc

nào đấy mà phải nói rõ các phần tiện ích, cũng như khả năng có thể thực thi. Ví như xin mở trường để khai dân trí; xin mở nghề, mở chợ, mở bến để phát triển công thương; xin khai khẩn đất đai, xin đào sông, đắp đê, đắp đập để mở mang nghề nông...

- Phần thứ ba làm một bài văn sách về việc chấn hưng đất nước, hoặc tìm kiếm nhân tài.

Phải lập riêng một ban giám khảo gồm những người giỏi mà công tâm. Ban giám khảo do hoàng thượng chỉ định, hoặc giao cho Ngự sử đài, hoặc Trung thư sảnh chọn lập, rồi tâu lên hoàng thượng thẩm định.

Các bài chấm lấy từ cao xuống thấp chia làm ba hạng: xuất sắc; ưu; bình.

Các thí sinh nếu đã bị liệt phần thứ nhất, tức phần thi ám tả thì không được thi tiếp phần hai, phần ba nữa.

Các bài thi đạt xuất sắc và ưu, đều đệ trình để hoàng thượng ngự lãm và châu phê.

Phần khảo khoá:

Các quan lại đương chức nếu muốn tiếp tục làm việc, đều phải qua khảo khoá. Cách thức khảo khoá, tâu bệ hạ, như quan Hữu sứ vừa trình lên bệ hạ. Căn cứ vào kết quả khảo khoá mà sắp đặt công việc trở lại cho các quan. Như vậy, có người vẫn giữ nguyên chức cũ, cũng có thể có người xuất sắc thì được thăng chức, hoặc đã

tốt bậc rồi thì được nhận thêm lương, bổng. những ai không đạt, không xứng thì phải biếm chức. Hai kỳ khảo khoa liền đều không đạt, thì bãi chức buộc phải về làm dân mà không có lương bổng.

Tâu bệ hạ, nếu việc này được làm nghiêm thì kẻ bất tài, vô hạnh không dám lạm giữ chức quyền nữa.

Tâu bệ hạ, điều quan yếu nhất của một triều đại vẫn là việc kiếm tìm các bậc hiền tài. Việc thi tuyển may ra chỉ tìm được các người tài đức bậc thường, bậc trung, còn các bậc chân tài, đại tài lại thường hay giấu mình chứ không lộ diện. Vì vậy phải coi trọng việc tiến cử. Để tránh việc ăn của đút hoặc kéo bè kết cánh mà đưa người bất tài thất đức nhưng thân quen vào giữ chức, lại phải có chế độ bảo cử. Tức là không phân biệt quen, lạ, thân, sơ miễn sao người được tiến cử phải là người hiền tài. Tài năng đức độ của người được tiến cử càng lớn, thì người tiến cử càng được khen thưởng trọng hậu. Nhược bằng tiến cử bậy thì khép vào tội man trá để xử.

Tâu bệ hạ, muốn được lòng tin của những bậc chân tài chưa xuất lộ, thì khi tìm được các bậc hiền tài đích thực, bệ hạ nên bổ dụng đúng việc, đúng chức và trao cho họ thực quyền, lại chỉ cần khai mở cái sở trường của họ thì họ sẽ tận lực với công việc. Tuy vậy, nếu bệ hạ lại nhún mình như Hán Cao Tổ xưa, chắc là hiền tài trong thiên hạ sẽ tranh nhau tìm đến thờ bệ hạ. Thần

nhớ, sau khi đã diệt xong nước Sở, kết thúc chiến tranh, nhân trong bữa tiệc, Lưu Bang nói trước mọi người một lời mà Tư Mã Thiên cho là rất có ý nghĩa: “ Vạn trù kế hoạch ở trong trướng mà có thể quyết thắng ngoài vạn dặm, ta không bằng Tử Phòng<sup>1</sup>; trấn thủ đất nước, vỗ về nhân dân, cung cấp tiền bạc và lương thực không bị cắt đứt, ta không bằng Tiêu Hà; thống lĩnh trăm vạn hùng binh đánh thành diệt viện chiến công lừng lẫy, đánh đâu thắng đó thu phục đất đai thì ta không bằng Hàn Tín”.

Tâu bệ hạ, Lưu Bang không hề cậy mình là bậc trác việt mà lại qui công cho ba người bộ hạ của mình. Biết được người cũng là biết được mình vậy.

- Tâu, thần không dám nhiều lời hơn nữa, xin bệ hạ minh xét.

Cương mặt nhà vua thật mãn nguyện, ngài nhìn ba người đứng đầu Viện khu mật với vẻ hết sức hài lòng. Nhà vua mỉm cười nói:

- Như quan Tả sử vừa nói, ta chỉ mong sao ba các khanh đây được như Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín, thì sao ta lại không được như Lưu Bang. Ta sẽ mãi mãi như Lưu Bang lúc còn hàn vi đối với các công thần, chứ quyết không trở mặt làm điều ác. Các khanh hãy nhớ

---

<sup>1</sup> Tức là Trương Lương, quân sư của Lưu Bang Hán cao tổ.



lời ta nói.

Cả ba vị quan đều cảm kích và cùng sụp lạy.

Quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh nói thêm:

- Tâu bệ hạ, còn việc biên thuỳ, việc lập quân cảng, thương cảng ngoài Vân Đồn cũng như việc nâng cao sự học bằng hệ thống trường ở kinh sư cũng như các lộ cùng việc hoàn tất bộ hình thư, thần sẽ có biểu tâu riêng.

- Được! Được lắm! Việc đó khanh cứ làm cho thật trọng, bởi nó thuần là việc lớn có quan hệ đến sự an nguy của nước, kỷ cương của nước. Vừa nói, nhà vua vừa đưa tay gõ nhẹ cây búa nhỏ vào lợi chiếc chuông con. Nghe chuông gọi, viên nội thị vừa ló đầu ra đã vội quỳ tâu:

- Xin bệ hạ sai khiến!

- Người cho bày ngay tiệc rượu trước thềm Long Trì để ta khoản đãi các quan khu mật viện.

- Tuân chỉ!- Viên nội thị nói xong vái nhà vua hai vái rồi cun cút chạy đi.

## XVI

**B**a mươi lăm người cung nữ giải cung đi lập trại trồng dâu, chăn tằm thắm thoát đã được hơn chục năm, đã trở thành trại, thành làng. Dân quanh vùng thường đặt cho trại này cái tên tưởng không còn cách nào hợp hơn và đẹp hơn nữa: Trại dâu tằm hoặc Trại các bà.

Số ruộng lúc ban đầu khai phá được hơn hai chục mẫu. Cất ra hơn ba mẫu để dựng chùa. Ngôi chùa và khuôn viên nội tự mất đúng một mẫu, còn hơn hai mẫu để nhà chùa cây cấy lấy hoa lợi đèn nhang thờ Phật. Trụ trì là một ni sư già từ chùa Láng chuyển qua.

Vì là người của triều đình đưa về lập trại, lại đích thân Kim thiên Mai hoàng hậu đi về săn sóc, nên dân quanh vùng hết lòng giúp rập cho trại, cũng như công quả cho việc dựng chùa. Ngôi chùa khang trang, các ban thờ Phật uy nghi, hoành phi câu đối vàng son rực rỡ. Cây cối trong vườn cũng đã to cao, xanh tốt. Mái chùa,

mái tam quan đã lên màu rêu mốc, khiến có cảm giác đây là một ngôi chùa cổ. Ngôi chùa ở gần và nằm sát bìa rừng. Đây kia là hồ Dâm Đàm, quanh năm bốc lên một thứ khói nước trắng đục như sữa, vít kín cả bầu trời. Hoạ may vào những ngày nắng gắt giữa trưa hè, từ tít trên cao kia lộ ra vài khoảng trời xanh, và loáng thoáng những cánh chim lao nhanh như những mũi tên.

Trong vườn chùa, phía trước trồng cau. Có tới cả trăm cây cao vút, cây cách cây, hàng cách hàng đều tăm tắp. Phía sau chùa là một vườn san sát những chuối là chuối. Có giống chuối mắn, quả chỉ to bằng ngón tay cái, khi chín vàng óng mà thơm như mùi mật ong rừng. Đây là loại chuối quý, nhà vua chuộng giống từ Thành Đạo Tự về trồng lấy trái, để thấp hương dâng Phật vào những ngày tuần, tiết. Chuối còn có tên là chuối ngự, chuối tiến vua. Tức là chuối ngon để tiến vua dùng. Ngoài chuối ngự, vườn còn trồng chuối tiêu, chuối mật, chuối lá. Nom vườn chuối tốt bởi bởi như một cánh rừng rậm.

Chùa còn trồng nhiều cây hoa quý như ngâu, mộc, ngọc lan. Lại có cả một giàn thiên lý, một vạt nãi, sáu luống huệ. Vuông ao hơn hai sào trước cửa chùa thả sen. Trên bờ phía bên này ao trồng năm cây bưởi đào, hai góc ao trồng hai cây vối. Phía bờ ao bên kia trồng thuần chanh yên, phật thủ, loáng thoáng vài cây khế,

mấy gốc chanh.

Cùng với hương cau, hương bưởi, hương ngâu, hương mộc, hương ngọc lan quyện với mùi hương xạ, khiến khắp khuôn viên nội tự bốn mùa lúc nào cũng sực nức mùi thơm. Quanh vườn chùa bao bọc bởi hàng giậu trồng thuần cây duối, tia cắt vuông hòm sắc cạnh nom như một dãy tường thành, được đúc bằng cây xanh, cao ngang vai người đứng.

Chùa nhìn thẳng ra phía hồ mù sương, và chỉ cách có một dải rừng thưa phía bên kia bờ sông Tô Lịch. Trên nóc tam quan treo một quả chuông đúc từ năm trăm cân đồng, do thái sư Lương Nhậm Văn xuất của kho ban tặng. Đỉnh tam quan đắp ba chữ Diên Phúc Tự. Ý của những người dựng chùa mong muốn được phúc hạnh dài lâu.

Trong chùa chỉ có sư bà Đàm Linh bảy mươi mốt tuổi, chuyên lo việc kinh kệ, và mỗi tháng có hai buổi giảng pháp cho trại các bà. Ngoài ra còn có một ni tiểu lo đèn nhang, thỉnh chuông chiêu mộ, giúp sư bà tiếp khách, lau dọn nơi thờ tự và khi trời nắng trở trời lo đốt bóp, thuốc men cho sư bà. Thêm nữa là một lão bà cô quả ở trong làng, tuổi ngoại sáu mươi, sức còn mạnh khoẻ, xin vào hầu cơm nước cho nhà chùa, và chấp tác mọi việc do nhà chùa sai bảo, sắp đặt.

Khi chùa có việc lớn như mùa vụ, cấy gặt, phơi

phóng, lợp nhà, đánh gốc cây, bổ củi thì bà con trong làng ra làm công quả. Nếu không phải cữ tầm ăn rồi hoặc ươm tơ, thì bên Trại các bà cũng có một vài người sang chùa chấp tác<sup>1</sup>.

Tuy vẫn có người sống ở trong chùa, nhưng cả buổi cũng chẳng nhìn thấy một bóng người qua lại chốn sân vườn. Thảng có người đi ra đi vào, chỉ thấp thoáng như một chiếc bóng lướt qua. Khung cảnh chùa tịch tĩnh đến hoang vu, nếu không có tiếng mõ sớm, tiếng chuông chiều, tiếng gà gáy đêm, và đám khói lững lờ trên nóc bếp khi trưa về, thì người ta ngỡ đây là lãnh địa thiêng của các bậc tiên thánh.

Lại nói về Trại các bà được lập qui mô từ ngày đầu. Khá khen Kim thiên Mai hoàng hậu là người có tầm nhìn xa, thấy rộng. Vì vậy bà đã nói ý đồ và sự phát triển mai hậu của trại dâu tầm để quan Tư vụ lo xây cất.

Bây giờ thì không thể nói đây là trại dâu tầm hoặc làng các bà gồm những người nạ dòng đã giải cung, những người đã tàn xuân và không còn hy vọng gì ở cuộc đời nữa. Thực tình, ngay đến Kim thiên Mai hoàng hậu, là người đầu tiên nghĩ ra và tạo lập ra trại, cũng không ngờ nó lại tấn tới một cách mau lẹ như thế. Một

---

1 Chấp tác: Các công việc lật vật do Phật tử tự nguyện đến giúp chùa làm.

cơ ngơi sầm uất, sản phẩm do các trại viên làm ra bán khắp kinh thành, khắp nước. Lái buôn vào ra nườm nượp, hàng làm không đủ bán. Có người nói tại chọn được nơi đất tốt. Lại có người nói chọn được hướng nhà tốt và sắp đặt lớp lang vững vững. Thoạt bước vào cổng, đã thấy hai bên tả, hữu mỗi bên ba dãy nhà, mỗi dãy nhà năm gian rộng rãi, có vách ngăn riêng cho mỗi người một gian. Mỗi gian vừa kê được giường nằm, vừa có một khoảng làm buồng, vừa kê được một chiếc khung cửi dẹt. Hai dãy đối nhau theo hướng đông- tây gồm sáu ngôi nhà, cách nhau bởi một cái sân rộng. Nhìn thẳng từ cổng vào, cũng trên khoảng sân đó, là ba ngôi nhà hình chữ tam. Ngôi thứ nhất ba gian thoáng rộng, dùng làm nơi gặp gỡ tụ hội cả Trại dâu tằm, tựa như nhà công đồng, nhà hội quán. Sau dãy nhà ba gian là dãy năm gian là nhà để thóc lúa, cối xay, cối giã và dụng cụ canh tác dâu tằm. Sau dãy năm gian là dãy bảy gian ngăn làm ba khu. Ba gian giữa để ấp trứng tằm. Còn bốn gian ở hai đầu chia đôi, một bên là kho chứa tơ, một bên là kho chứa lụa. Cách một khoảng sân sau là sáu dãy nhà xếp dăng đối nhau, mỗi nhà bảy gian. Đây là khu nhà tằm, không có tường vách, cửa rá, chỉ che đại xung quanh cho thoáng mát. Nhìn ba dãy nhà phía trước liền nhau rõ hình quẻ Càn, và sáu dãy nhà phía sau cứ hai dãy một hàng nom như một vạch đứt,

tức hình quẻ Khôn. Gộp hai quẻ Càn - Khôn, ta có quẻ Thái. Địa Thiên Thái là cái nhỏ bé ra đi, cái to lớn sẽ tới, thể hiện sự thông thuận, sự đi lên. Thế thì Trại dâu tầm phát đạt, sầm uất của cái thế công thương phát triển, là hợp cái lý của trời đất và lòng mong mỏi của mỗi con người. Ngoài ân huệ của nhà vua và hoàng hậu, phải kể đến sự giỏi giang của người quản nhiệm, ấy là cô Nguyễn Thị Thu Lan.

Thu Lan ngày ấy mới hai mươi bảy tuổi, đã có mười bốn năm tiến cung. Nàng là một bé gái xinh xắn mà ai cũng bảo lớn lên nhan sắc chim sa cá lặn. Cha mẹ nàng đã tốn bao nhiêu của nả để con mình lọt mắt các xã quan, huyện quan và cả trên lộ nữa, để họ tiến cử cho nàng vào cung. Nhưng tốn kém nhất vẫn là các quan bên Thái y viện. Còn tệ hại nhất là lũ cung quan. Dù có được nhập cung rồi, dù có đẹp người, đẹp nết, chim sa cá lặn cũng mặc lòng, nếu như tiền bạc và của quý chưa tọng đầy hòng chúng, thì cung nữ đó chớ mong có ngày trông thấy mặt ngài ngự, chứ đừng nói chuyện động phòng để mong hứng lấy giọt máu rồng, sinh được một hoàng nam, thì không những bản thân đời đời, mà cả cha mẹ, anh em, họ hàng, làng xã đều được sung sướng, được thơm lây.

Thu Lan nhập cung năm mười ba tuổi, đôi nhũ hoa mới chum chúm chũm cau, nàng còn chưa ý thức được

mình đã là một thiếu nữ. Cũng không biết tại sao mình phải bỏ nhà cửa với bao người ruột thịt, bao bạn bè quen thuộc để đem thân vào chốn kinh kỳ lạ lẫm. Ấy vậy mà từ trong nhà, trong họ, trong xóm, trong làng không một người nào không tỏ ra hờn hờ. Họ nói những cái gì cái gì, Lan cũng đều cảm thấy xa lạ. Phải nói trong cả đồng người hí hửng ấy, chỉ có mẹ Lan là buồn. Bà cứ lên khóc thắm, và phải giấu đi những giọt lệ. Đã có lúc Lan hồn nhiên hỏi: “Mẹ ơi, sao mọi người cứ phải bắt con vào cung vua làm gì thế. Con không đi có được không?”. Mỗi lần Lan hỏi, mẹ lại òa khóc. Bà vừa lau nước mắt vừa vỗ nhẹ vào vai Lan:- Chính mẹ cũng không muốn cho con đi làm gì. Nhưng cha con và cả họ hàng, xóm làng cứ muốn con đi, để đem thế lực về cho làng, đem vinh hoa phú quý về cho nhà, cho họ. Nói xong, mẹ thờ dài, buông lời trách bâng quơ - Chẳng biết họ kỳ vọng gì ở đứa con gái chưa ráo máu đầu. Mẹ chỉ thấy đời con rồi khổ. Mẹ biết con khổ mà không làm gì được. Lan ôm lấy mẹ khóc rống - Mẹ ơi! Mẹ cứu con đi!

Vào cung, Lan mới thấy cuộc đời mình là khổ. Khổ thứ nhất là nghèo, không có đồ trang sức quý, không có xiêm y rực rỡ, lại không có thế lực vì là con thường dân chứ có phải con nhà cao sang vọng tộc gì. Lại không có tiền đút lót cho bọn trung quan, chính là lũ cung quan, lũ quan hoạn thói tha ấy. Bằng ấy thứ nàng không có,



dến mất mấy viên thái giám còn chẳng lọt được vào, thì làm sao lọt tới mắt vua.

Đi tuyển cung nữ vào hầu chẵn gói cho vua, trước hết người ta kén người mi thanh mục tú, nước da trắng mịn, răng phải trắng như mầu men gạo nếp, nhỏ mà đều, môi lúc nào cũng đỏ như tô son, má lúm đồng tiền, cười tươi như một đóa hoa, giọng nói trầm ấm dịu dàng. Ấy mới chỉ là cái dáng bề ngoài thôi, còn bên trong thì người ta lột hết quần áo ra để khám. Khắp thân thể, tuyệt nhiên không được có một vết sẹo. Tay chân cân đối, bắp chân thon, đôi chân dài, đứng khép hai đùi lại thành một đường cong khép kín, chứ không được khuỳnh và hở rộng chỗ trên đùi dưới gối. Bụng phải thon nhỏ, thắt đáy lưng ong. Đôi bầu vú tròn, rắn chắc. Núm vú có màu hồng tươi. Bàn chân nhỏ, gót thon, các ngón phải đều, đẹp, các móng non phải có màu hồng như màu gót chân đứa trẻ dưới một tuổi. Ky nhất là hai ngón chân cái giao nhau, kiểu người xưa gọi đó là chân Giao Chỉ. Bàn tay cũng vậy, phải mềm mại, không được có chai tay. Các đường chỉ tay cũng phải phân minh không được rối rắm, không đứt gãy và ngăn ngùn. Các ngón tay phải mềm mại, thon đẹp như những chiếc búp măng. Tay chân, thân thể thì như vậy, nhưng cổ phải cao, tai to mà dày, mũi cao, tóc dài, mềm mại và đen như mực.

Các quan thái y đi tuyền, nếu may gặp được người già như ông bà cha mẹ mình thì còn đỡ, chứ gặp mấy người còn ít tuổi, thì họ vạch vọi tìm tòi khắp cơ thể mình như kiêu vạch lá tìm sâu, sờ sờ, nắn nắn, chọc chọc ngoáy ngoáy như một lũ du thủ du thực, lại buông những lời cợt nhá tục tằn. Tởm nữa là đòi cơ thể người con gái phải toát ra mùi gì thơm thơm để làm đẹp ý hoàng thượng, nên các thái y cứ gi mũi vào hít hít từ nách đến bẹn. Họ bảo đã có lần tuyền được một cung nữ mặt đẹp như hoa, da mát như ngọc, ấy thế mà khi vào hầu hoàng thượng, ngài bịt mũi duỗi ra, đám trung quan, đám thái y suýt bị mất đầu nếu bên Đình úy ghép vào tội khi quân phạm thượng mà xử. May thay họ chỉ bị khiển trách vì thiếu trách nhiệm, gây hậu quả chưa nghiêm trọng, còn người con gái bị thải cung. Chuyện chẳng có gì mà cứ âm ỉ giữa các bà phi với đám cung nữ, chê bai, bài xích nhau tới cả năm trời. Chẳng qua là cái người đẹp ấy bị hôi nách, lại không có tiền dứt lốt cho mấy lão móm trung quan, nên lũ chúng hãm tới ba ngày không cho ả tắm, và cứ thế bất ngờ bất phải trang điểm xiêm y, son phấn vào hầu ngài ngự.

Người con gái đẹp có cái tên Tú Ngọc, mà từ bữa mới đưa về cung, lũ trung quan đã tung tin dè nhất hoa khôi, nhằm gây sức ép với các cung nữ các bà phi, rằng các người chẳng là cái thá gì đâu. Khôn hồn thì phải

ngoan ngoãn, phải có cái gì nặng tay vào, thì lữ ta mới ghi sổ, mới tiến các người lên hoàng thượng. Và cũng từ bữa người cung nữ đẹp ấy, có thể nói là mỹ nhân bị thái hỗi với những lời đồn ác ý về nàng, thì cũng là một thứ đòn ngầm của đám thái giám tung ra - Các người hãy coi chừng, sắc đẹp các người đã bằng nàng Tú Ngọc chưa. Tú Ngọc còn bị đuổi, huống chi các người.

Suốt mười bốn năm ở cung, chưa một lần nào được thấy mặt ngài ngự, chỉ quần quanh trong cung cấm, dưới sự cai quản khắc nghiệt của đám cung quan. Suốt ngày này sang tháng khác, chúng hứa hẹn, chúng phỉnh nịnh, chúng đe nẹt, chúng moi móc đến đồng xu cuối cùng. Và bị ối hơn nữa là chúng ép phải cho chúng sờ mó như một lữ ma trơi. Thật tình, chúng chỉ bắt nạt được đám cung nữ nghèo, chứ các cung nữ con nhà giàu có và thế lực, thì chúng lại xun xoe nịnh bợ.

Điều mà Thu Lan nhận ra suốt mười bốn năm làm cung nữ, mà thực chất là mười bốn năm ở tù không có án tích, rằng không ở đâu thối nát, dơ tiện như ở hậu cung của cung đình. Và rằng có ai đó ghét đám cung quan cai quản cung nữ, hầu hạ các bà phi bà hậu, hầu hạ hoàng thượng mà báo họ là một lữ chó, nhân cách của họ là nhân cách chó, thì e rằng người đó chẳng hiểu gì về loài chó, và như thế là đã xúc phạm đến danh dự của chó. Còn đối với các trung quan có tài kinh bang tế

thế, muốn được vua tin phải cung hình để làm việc lớn, những người ấy họ không bao giờ bén mảng tới chốn phòng the nơi hậu cung của các phi, tần làm gì. Họ chẳng mấy bà hậu muốn gây ảnh hưởng cho con mình, nên phải bám lấy họ để nhờ vả. Những vị trung quan ấy Thu Lan chỉ nghe danh thôi chứ không được diện kiến.

Xem trong đám ba mươi lăm chị em, có người đáng tuổi mẹ mình, có người cỡ tuổi chị tuổi em mình, nhưng không ai có một chút may mắn từ khi vào cung cấm. Nghĩ cùng cảnh áo ngấn với nhau phải thương nhau, nên khi được giao trách phận quản nhiệm, Thu Lan đã làm hết sức mình. Cô không phải người nhiều tuổi nhất, cũng không phải loại em út, nhưng trong cư xử, cô giống như một người chị cả có phận sự phải săn sóc đàn em, một cách công bằng nhưng nghiêm khắc. Những ngày đầu đưa được ba mươi lăm thành viên vào khuôn phép, thật không dễ. Dù mọi người chẳng phải xuất thân dài các, cao sang gì. Nhưng cả chục năm sống trong cung cấm, ăn trắng mặc trơn, nhàn nhã, nay phải cầm đến cái cuốc, cái bừa, dù chỉ mới làm đến nửa buổi sáng thôi, mồ hôi đã ướt đầm lưng áo, người nào mặt cũng tái nhợt. Những lúc như thế, mọi người dễ nản, nếu có ai đó hô lên một tiếng "nghỉ thôi", chắc ai cũng muốn bỏ việc ngay. Dần dà Thu Lan khơi gợi lòng tự tôn ở mỗi con người, và cái viễn cảnh của Trại dâu tằm

do cô phác họa, khiến ai cũng có cảm giác nó đang ở trong tầm tay. Tới một ngày nào đó, mà cái ngày ấy có xa xôi gì, kể từ ngày dặt hom, tới khi dâu cho hái lứa đầu, chỉ sáu tháng thôi. Một năm sau, dâu đã lên thành khóm, đã cao bằng thân người. Một sào dâu tốt, có thể chăn tới ba, bốn bát tầm. Mỗi bát tầm cho tới bốn năm nén tơ. Nếu lại dệt được thành lụa nữa, với mấy chục mẫu dâu này thì Trại dâu tầm trở thành một làng dệt, mà lời lãi thu về chưa biết thế nào mà tính hết được.

Có ai trước khi vào cung mà chẳng dụng đến đôi quang đòn gánh, cái liềm cái hái, cái cuốc cái cày, cho nên điều Thu Lan nói ai cũng thấy gần gũi. Vả lại trồng dâu chăn tầm, vẫn chỉ là công việc của nhà nông. Dâu bốn chục ngày một lứa, tầm cũng bốn chục ngày một lứa.

Công việc làm ăn, nhất nhất Thu Lan đều đưa ra bàn bạc với mọi người. Chỗ nào, việc nào chưa thông thoáng, chưa nhất tâm hãy cứ bỏ lại.

Những người cung nữ bây giờ không còn là cung nữ nữa. Nhưng họ cũng không hẳn là những người nông phu. Bởi nếu họ không làm gì sinh lời, thì triều đình vẫn cho họ hưởng hưu bổng, đủ sống đến trọn đời. Có điều, khi ra đi ai cũng kỳ vọng sẽ đem lại vinh hoa phú quý cho gia đình, họ tộc và xóm làng cũng được thơm lây. Nay danh vọng chỉ là một thứ vô vọng, hão huyền, còn của cải, tiền bạc lại chẳng có gì, mà nhan sắc thì phai

tàn, sức lực thì suy giảm. Trong ba mươi lăm con người, tuyệt nhiên không ai còn một thứ đồ trang sức gì. Một vảy bạc không có, vàng thì chẳng ai dám mơ ước đến. Bởi ai có có thứ đồ gì đáng giá, bọn trung quan đều đồ dành, đe nẹt, bòn rút cho bằng hết. Với mặc cảm của một người thua cuộc, nên không một cung nữ nào muốn trở lại quê hương, mặc dù ai cũng thương mẹ thương cha, nhớ nhà nhớ quê tới quận thất tâm can. Nhất những khi ốm đau, một mình trần trở, thì tâm trạng cô đơn xâu xé đến não nề. Cho nên Trại dâu tầm mà Kim thiên Mai hoàng hậu cho lập đây, chính là chiếc phao cứu sinh cho những người sắp chết đuối. Họ chết đuối về tâm hồn, về tình cảm chứ không phải họ chết đói. Bởi thế, việc trồng dâu chăn tằm với họ, là để giải thoát chứ không phải là việc cấp bách về miếng cơm manh áo thường ngày. Biết cái nhẽ đời như vậy, nên Thu Lan không gò ép mọi người. Gò ép, mọi người sẽ có mặc cảm bị áp chế, bị đè nén như cái thời mà lữ hoạn quan thống trị. Nhưng nếu thả lỏng thì sẽ tan hồng, sẽ chẳng có dâu, sẽ chẳng có tằm. Vì thế, Thu Lan cứ tỉ tê trò chuyện với từng người để gỡ dần, gỡ dần những mắc mớ, những khó khăn và cả nỗi nhọc mệt xác thân. Bởi thế, lúc đầu mới chỉ trồng năm sào dâu, chăn vài bát tằm thôi. Nay thì kín cả hơn chục mẫu dâu, như một rừng dâu rồi. Nay thì toà rộng dầy dài, tơ ươm, cử dệt, khách vào ra

nhộn nhịp, Trại dâu tằm như một công xưởng, như một thị tứ. Mọi người tuy tuổi đã đứng bóng hoặc xế chiều, nhưng ai nấy đều vui tươi, sức sống đã bừng thức từ trong tâm can họ. Cửa ăn thì chẳng nói làm gì, nhưng ai cũng có cửa để dành, có đồ trang sức. Bạc thì nhiều ít ai cũng có. Vàng, ngọc thì thoảng có người cũng mua sắm được chút ít. Có người đã trở lại thăm quê, khi lên còn đưa cả mẹ già hoặc người thân lên ở cùng, khi thì dăm bữa, nửa tháng, lại có khi kéo tới mấy tuần trăng .

Nhớ hồi mới chẵn mấy bát tằm dậu, khi đã chín vàng, đã cho tằm lên ố, lúc bấy giờ mới cuống lên. Chỉ vài ba ngày là vào kén hết, hỏi khắp trại không một ai biết ươm tơ. Mấy bà lớn tuổi còn cho biết, nếu bảy ngày sau khi tằm vào ố, không ươm được tơ, nhộng sẽ biến thành ngài cắn tổ chui ra bay đi hết. Và những tổ kén thủng ấy cho vào nước, sẽ quyện thành búi chứ khó kéo thành sợi. Công dậu, tằm thành công cốc.

Trong lúc Thu Lan và mọi người đang loay hoay vào cá mấy làng lân cận như Yên Thái, Trích Sài, Hồ Khẩu để thuê mướn người, nhưng nào có thuê được ai. Bởi những làng quanh hồ chỉ chuyên nghề chài lưới, câu kéo cùng với cày ruộng và lặn rừng chứ chưa có nghề tằm tang, canh cử<sup>1</sup>. Giữa lúc đang bán lên như thế thì

---

<sup>1</sup> Nhờ có trại dậu tằm của đám cung nữ này mà vùng Yên Thái (Bưởi) sau này mới có nghề dệt lụa.

Kim thiên Mai hoàng hậu về thăm trại.

Mọi người vây lấy hoàng hậu, bởi trước hết bà là ân nhân, nếu không có sự chăm sóc của bà, thì sao có được Trại dâu tằm. Thăm sức khỏe mọi người xong, hoàng hậu hỏi ngay đến việc dâu tằm. Thu Lan bèn tâu các việc đã làm, và còn một việc đang khó gỡ, ấy là chuyện ươm tơ. Hoàng hậu mỉm cười độ lượng:

- Cho ta đi xem kén. Kén đã gỡ chưa?

Thu Lan và mọi người dẫn hoàng hậu xuống nhà tằm. Những búi bông khô, những rơm rạ róc tướp cuốn lại làm tổ cho tằm nung kén. Tất cả đều trải một màu vàng óng. Hậu vui lắm. Bà mỉm cười và luôn miệng hỏi:

- Tất cả có mấy nong tằm lên ổ đây?

- Dạ, chín nong ạ.

- Dạ bẩm hoàng hậu mười nong đấy ạ. Bởi còn hai nia nữa cùng với chín nong, vị chi bằng mười nong.

- Có tằm nghệ không?

Mọi người ngơ ngác không hiểu thế nào là tằm nghệ. Hậu bèn giảng giải:

- Tức là khi tằm chín, nó không còn ăn dâu nữa, thân cứ dỏ dần, cho đến khi nó bài tiết hết phân thì toàn thân nó rục màu tơ óng. Cứ như thế đưa lên tổ là nó nhả tơ cuốn thành kén. Nhưng nếu là tằm nghệ, tức



tầm có bệnh, nó chuyển từ màu tươi sang màu vàng úng như màu nghệ, thân tầm gầy đi, không đủ sức bám tổ nữa, rơi xuống chết. Vậy chớ ở đây có loại tầm bệnh đó không?

- Dạ không ạ! Không có một con nào như thế cả.

Mai hoàng hậu bóc hẳn mấy tổ kén đặt vào lòng tay rồi đưa ra cửa, cứ ngắm nghía mãi không thôi. Chợt hậu nói:

- Kén dày đây. Thế này là tơ tốt, dài sợi lắm. Lửa dầu mà đẹp thế này là mát tay đấy. Thánh cho ăn lộc đấy. Tuần tới các em phải cúng thánh sư nghề tầm, nhớ đấy.

Đoạn hoàng hậu quay sang hỏi Thu Lan và mọi người:

- Vậy chớ ở đây các em có ai biết ươm tơ không? Tức là bỏ kén này vào nồi nước sôi, rồi kéo nó ra thành sợi. Nào, có ai biết làm không.- Hoàng hậu hỏi và nhìn mọi người chờ lời đáp.

Im lặng một lát rồi mọi người rộ lên cười:

- Tâu hoàng hậu, chúng con quê mùa thật, nhưng chẳng có ai biết làm các việc như hoàng hậu nói đâu.

- Thôi được, nghe ta dặn đây. Ngày mai phải bóc hết kén đem ra phơi. Bóc như thế này này. Hậu bóc thử, không để dính một tí bông bong và rơm rác nào vào tổ

kén. Khi phơi, các người phải đặt nong lên giá đỡ, chân giá phải kê vào các bát nước, kiến không leo lên đục rỗng tổ để ăn nhộng. Nếu tổ kén bị kiến đục, lúc nhán vào nước, nó trương lên không lấy được mối để kéo ra sợi dâu, mà nó quện vào thành búi.

Bây giờ các người đi chặt mấy cây tre dây vào dây, để ta dạy làm cọc kéo tơ. Nhớ phải chặt những cây già, dóng dài, ruột rỗng. Ngày mai ta sẽ qua đề dạy các người kéo tơ. Phải nhiều người kéo, sao cho từ năm đến bảy ngày phải xong. Nếu để lâu hơn, nhộng sẽ biến thành ngài, cần tổ chui ra hết. À quên, ta phải dạy các người cách chọn giống. Đây này, chọn những kén to, dày như thế này để giống. Dây nhé, khi con ngài cần tổ chui ra phải bắt lấy nó đặt vào tờ giấy bán. Cứ mỗi tờ giấy đặt ba chục đến ba lăm con, rồi lấy chiếc bát chiết yêu đập lên, để ngài đẻ trứng trong lòng bát. Mỗi bát trứng lằm như thế này nở thành tằm, khi ăn rồi được đúng hai nong.

Hoàng hậu đi thăm mọi nơi chốn ăn ở, hỏi han trò chuyện mỗi chỗ một lát, rồi rủ mọi người sang chùa, thăm sư trụ trì.

Thấy báo có Kim thiên hoàng hậu ghé thăm chùa, sư bà lật đặt chống gậy ra đón tận tam quan.

Cuối thu, trời hơi se lạnh, sư bà khoác thêm tấm áo bông dài, đầu đội mũ bông, nom nhà sư thấp hẳn

xuống, bà bước từng bước ngẩn với tiêu ni theo sát phía sau, nom tựa một chiếc nấm nâu lùn cùng một cây xanh đang di chuyển.

Sư mới đi tới nửa sân, hoàng hậu đã qua tam quan vội rảo bước tiến vào, vái sư hai vái rồi đỡ lấy vai sư bà ân cần thăm hỏi:

- Bạch, thầy vẫn bình an chứ ạ?

Sư bà cười, hai hàm răng đen nhức, môi đỏ hồng như màu nước quét trầu. Bà tựa chiếc gậy bên người, chắp hai tay vái, đáp lễ:

- Hoàng hậu đại xá, nhà chùa chậm chạp không ra ngoài cổng cung nghinh được. Cầu Phật độ cho nhà vua và hoàng hậu an lạc, tinh tấn, sự nghiệp của nhà vua trường tồn cùng sông núi.

Kim thiên hoàng hậu dịu sư bà đi về phía nhà phương trượng. Hoàng hậu ghé tai nhà sư, hỏi:

- Máy bữa nay chuyển mùa, chẳng hay sức khỏe thầy ra sao. Việc ăn, ngủ có được bình thường hay thất thường.

- Già ơn hoàng hậu hỏi thăm. Bốn trái núi<sup>1</sup> trong cuộc đời mà Phật tổ đã chỉ ra, nào có ai thoát được.

---

<sup>1</sup> Ý sư bà muốn nói tới bốn giai đoạn trong một đời người do Thích Ca Mâu Ni chỉ ra là: Sinh - lão - bệnh - tử.

Vãi già dâng hoàng hậu bát trà với. Sư bà mời hoàng hậu về như tự trách:

- Nhà chùa thất lễ, trà nước đậm bạc quá, xin hoàng hậu đại xá.

- Không dám! Không dám! Sư thầy đa lễ. Ta đến thăm bát chọt, vì không muốn làm phiền nhà chùa. Và lại, khi còn là một cô gái quê, ta cũng lam lũ như những người nông phu khác. Cũng quanh năm nước với, cơm cà, tép kho cá lẹp chữ cao sang quyền quý gì mà bảo ta xa lạ với cảnh quê đậm bạc.

- Phải chăng hoàng hậu mới ghé thăm Trại dâu tằm,- sư hỏi.

- Ta vừa tới đó một lát rồi qua vãng cảnh chùa, thăm thầy. Xin hỏi, chị em bên trại có siêng lễ bái, kính kệ. Ta nghe, mỗi tháng đôi lần, chị em bên trại được sang chùa nghe thầy giảng pháp.

- Dạ, đó là bốn phận của nhà chùa, của sư tăng phải khai ngộ cho chúng sinh về đường Đạo. Về phía chị em bên trại, phải nói họ có may mắn được hoàng thượng và hoàng hậu ban trọng ân, coi như họ được đổi đời. Vì thế họ khá siêng việc Phật. Khóa lễ nào họ cũng dành thời gian trì tụng, cầu diên phúc, diên thọ cho hoàng thượng cùng hoàng hậu và sự trường tồn của nhà Lý. Mồ Phật, nhà chùa cũng cảm thấy mát lòng,

khi thấy chúng sinh được với với nỗi khổ đau trần thế, mong sao ân tứ của nhà vua tưới khắp mọi nhà trong toàn cõi. Nơi nơi đều được như Trại dâu tằm, nhà nhà đều được như Trại dâu tằm.

- Đa tạ, nhà chùa có lời chúc, lời khuyên. Phật vì chúng sinh mà hành đạo, mà giáo hóa cho họ liả bỏ con đường vô minh của tham, sân, si, để đi vào cõi thiện, cõi trí; ắt hẳn triều đình cũng phải vì hạnh phúc của trăm họ mà hành hoá. Thái tổ ta đã thấy nỗi khổ nhục trăm bề của thân phận người dân dưới thời Long Đĩnh. Nên vừa lên ngôi, ngài đã hết lòng chăm lo đến cuộc sống của muôn dân, chắc sư thầy sống qua hai triều đại, đều thấy biết mọi việc.

- Mồ Phật! Sư tôi đã ngoài bảy chục tuổi, nên được chứng kiến tất thấy. Phải nói Lê Long Đĩnh, đúng ngài là một bậc quý vương. Hẳn lúc này ngài đang yên ngự dưới bảy tầng địa ngục. Mong sao Diêm vương đừng cho ngài thoát ngục để đi đầu thai kiếp khác. Khiếp quá, ngài chỉ ngự ngài vàng có đúng ba năm, mà ngài làm cho cả đất nước phải điêu linh, đẩy hàng muôn ức con người vào vòng lao khổ. Biết bao sinh linh vô tội bị chết thảm thương dưới bàn tay ác quỷ của ngài. Tâu hoàng hậu, một khi cái ác được đội mũ quyền uy tối thượng thì dân chúng hết đường làm ăn, sinh sống. Lại nghe nói thời nào cũng vậy, dám trung quan thường là

lũ người ươm mầm cho cái ác nảy sinh, mong hoàng hậu hãy luôn luôn tỉnh thức mà cảnh giới nơi hậu cung, để hoàng thượng rảnh tay lo việc nước.

Kim thiên hoàng hậu nghe sư bà nói tới lũ trung quan, tự nhiên hậu thấy nao lòng, mặt hơi biến sắc. Chẳng là từ bấy lâu nay, hậu cũng nhận thấy điều sư nói, dám hoạn quan, là lũ người ngồi lê đôi mách, hay đưa chuyện, dựng chuyện, tâu hót những điều chẳng đâu vào đâu, bé xé ra to, gieo nghi hoặc giữa cung này với cung khác, rắp ranh thuận những điều ác độc. Đúng thế, nếu bọn này thao túng được những người quyền uy thì cơ đồ xã tắc phải đảo chao nghiêng ngã. Ta không hiểu bằng sự tỉnh giác thấu thị, hay bằng trực cảm mà sư bà thấy được điều ta thường thấy diễn ra trong cung và không khỏi làm ta lo lắng.

Chợt nhớ điều sư bà tỏ lộ, hậu vội đáp lời:

- Cảm tạ sư thầy về những lời khuyên gan ruột. Thật tình ta cũng thấy quan ngại đám người này. Với họ, đôi khi ta có cảm nhận vừa thương hại vừa ghê sợ. Nuôi họ như nuôi lũ độc xà, chúng cứ len lét chui rúc trong xó xỉnh tối tăm nào đấy, bất chợt chúng lao ra mổ vào mắt ta, phun nọc độc vào ta lúc nào không biết.

Kim thiên hoàng hậu nén ghìm một tiếng thở dài, hậu nhìn thẳng vào gương mặt tử bi của nhà tu hành và hỏi: - Bạch thầy, có biết vì sao triều đại nào cũng cứ

phải cần đến đám hoạn quan, và không ai không biết họ như lũ rắn độc.

Sư bà khẽ mỉm cười, gương mặt vẫn an nhiên tự tại. Nhà sư nói, giọng trầm ấm mà len lỏi vào tận tim óc gan ruột người nghe:

- Hoàng hậu có nhớ trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa nơi phẩm Phổ Môn nói tới việc Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Phật tâm thanh cứu nạn. Ngài có thể cứu được bảy thứ nạn, giải trừ ba thứ độc và đáp ứng hai thứ mong cầu của chúng sinh.

- Bạch thầy, tôi có được nghe các bậc cao tăng giảng đôi lần. Nhưng điều đó có can dự gì tới việc mấy vị trung quan kia chứ.

Sư bà lại mỉm cười - Có đấy, tâu hoàng hậu, sao lại không can dự. Dám xin hoàng hậu tha tội phạm thượng thì sư này mới dám nói.

- Đâu dám! Đâu dám! Xin thầy cứ chỉ giáo.

- Ba thứ độc trong phẩm Phổ Môn nói Bồ Tát Quán Thế Âm có thể giải được, đó là tham- sân - si. Sư bà nhón một khẩu trầu nhai dập dập cho ấm, rồi nhả bã cầm nơi hai đầu ngón tay, và nói. Vì tham, nên nhà vua lập năm hoàng hậu rồi vẫn chưa cho là đủ, lại tóm thâu một bầy cung nữ, chẳng biết có tới trên dưới một trăm mỹ nhân hay không. Có cung nữ lại phải có người cai

quản họ. Vì không thể để họ tự cai quản nhau được. Nếu họ tự cai quản, chỉ vì lòng ghen tuông, đố kỵ, họ sẽ giết nhau mất. Và thế là giao cho đám hoạn quan cai quản các cung tần. Bởi không ai cai quản mỹ nhân tốt hơn họ. Họ không còn là đàn ông, nhưng cũng không phải là đàn bà. Họ là một loại người lưỡng tính, nhưng đã mất hết nhân tính. Trong họ chỉ còn sân, hận. Vì vậy, họ luôn âm mưu hãm hại và trả thù đời. Do đó họ chính là nguồn gốc của mọi sự bất hoà, là đầu mối của sự loạn, là mầm mống của điều ác. Với vẻ thất vọng, sư bà ném miếng bã trà ra sân, người lắc đầu nói tiếp: - Buồn thay, không một triều đại nào lại không dùng bọn người này. Vì rằng có dấng quân vương nào lại không có tới cả trăm phi tần. Ngay đức Thái tổ triều ta, là một vị vua anh minh, đức độ; thương dân như thương con, ấy thế mà cũng không tránh được lòng tham sắc, tham dục. Đúng như ông Khổng Tử đã từng nói: "Chưa thấy ai yêu đức như yêu sắc". Cái Trại dâu tầm mà hoàng hậu đã nhân đức dựng lên, thử hỏi trong ba mươi lăm người cung nữ này đã ai được hưởng ơn mưa móc gì. Nhiều người ở trong cung cấm tới cả chục năm, vẫn chưa một lần được diện kiến đức vua, mà đám trung quan thì hành hạ họ đến thậm tệ. Hoàng hậu cứ thử hỏi họ mà xem. Mỗi con người ấy là hàng núi bất hạnh, khổ đau dồn tích lại. May thay họ đã đến với Phật, và đang



từng bước lìa bỏ tham – sân - si để tìm về giải thoát.

Những điều sư bà nói thuần là sự thật cả. Không phải Kim thiên hoàng hậu không biết, trái lại bà luôn nghĩ tới nó, và lo về nó, tự đề phòng cảnh giới nó, nhưng chưa một lần dám bày tỏ cùng ai, kể cả cha mẹ, cả người anh ruột đang giữ chức khu mật viện chánh trưởng. Nhưng cũng thật là đáng sợ, nếu những điều sư bà mạnh miệng nói ra mà có ké tố giác, chắc cả bà lẫn ta khó mà an ổn được. Nghĩ vậy, Mai hoàng hậu nhẹ nhàng nói:

- Bạch thầy, những điều thầy nói đều là gan ruột cả. Nhưng ta không làm gì để thay đổi được nó đâu, xin thầy hãy giữ kín để bảo trọng. Ta biết, với cái tâm vô nhiễm, thầy nhìn mọi vật đều trở nên sáng rõ, và lời nói thẳng ngay tựa như chân lý vậy.

- A-di-đà Phật, kẻ xuất gia tu đạo thì tri hành hợp nhất, chứ không nói một đằng, làm một nẻo, như người thế gian kiến lý bất chân. Lời nói thẳng vốn khó nghe, xin hoàng hậu tha tội.

- Bạch thầy, tôi vui mừng vì Trại dâu tằm và dân làng trong vùng được thầy là đấng chân tu dẫn dắt. Tôi chỉ muốn biết nhà chùa có còn thiếu thốn gì cần sự trợ giúp của triều đình.

- A-di-đà Phật, già ờn hoàng hậu có lòng, nhà

chùa như vậy cũng tạm đủ, chỉ mong triều đình trồng cây đức lớn cho bá tánh nương nhờ.

Hoàng hậu già biệt nhà chùa trong niềm hoan hỷ. Trước khi rời chùa, hoàng hậu còn lên lễ Tam bảo và tụng một biến kinh. Sư bà đọc trước lời kệ khai kinh:

*Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp  
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ  
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì  
Nguyện ngãi Như Lai chân thật nghĩa<sup>1</sup>.*

---

<sup>1</sup> Dịch nghĩa: *Phật pháp rộng sâu thật nhiệm mầu.  
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.  
Thân này nghe thấy chuyên trì, tụng.  
Nguyện rõ Như Lai nghĩa thâm sâu.*

## XVII

Vua Thái tông hết đời vui mừng khi thấy ba mươi lăm người nữ giải cung đã tạo lập nổi cơ đồ. Một cánh đồng bạt ngàn, gần hai chục mẫu dâu trái dài như một cánh rừng xanh ngắt. Lại tòa ngang dãy dọc, rồi tơ hong, tơ kéo, kén phơi sân trước sân sau, chỗ nào cũng ánh lên màu vàng rực. Lái mua tơ sống vào ra nướm nược. Hỏi ra mới biết giá lụa, giá tơ chênh nhau quá gấp đôi. Nhà vua liền bàn với Kim thiên Mai hoàng hậu:

- Nhờ có nàng Trại dâu tằm mới có. Lại nhờ có nàng, những người này mới biết trồng dâu, chăn tằm. Nàng lại dạy cả cho họ biết ương tơ. Nay Trại đã khá, cơ ngơi đã nổi. Nhưng ta thấy bán tơ sống thiệt quá. Hay là nàng gọi thợ mộc đóng cho họ mỗi người một khung dệt. Nàng dạy cho họ biết cách dệt lụa trơn.

Ta thấy người mình cũng khéo tay lắm. Nhưng tại sao cái gì cũng phải mua của người Tàu.

Hoàng hậu hơi phân vân một chút, có nghĩa là bà phải cân nhắc, đoạn bà nhẹ nhàng nói:

- Tâu, bệ hạ đã muốn vậy, thần thiếp xin cáo đáng. Thiếp chỉ ngại một điều.

- Ngại điều gì, nàng thử nói ta nghe.

- Dạ, thiếp ngại ở chỗ chị em trong trại đều đã lớn tuổi. Người trẻ nhất cũng tới hơn ba chục tuổi rồi. Chân tay quờ quạng, chẳng biết có dệt nổi không. Ngay cả việc đánh ống, đánh suốt cũng không dễ, ống suốt đánh lỏng quá mắc vào go, vào cửi, khi dệt sẽ xùì hết. Mà đánh chặt quá, khi dệt lại chậm, lại đứt.

Vào khung dệt lóng ngóng, chặm chạp, dệt ra mặt lụa sượng mà dày như mo nang. Hấp tấp, nhanh nhẩu quá, mặt lụa lại xùì, lại thưa như mắt lưới.

Tâu bệ hạ, nghề này ai cũng làm được, nhưng phải tập tành từ khi còn nhỏ, tay chân mềm mại, đầu óc tinh tường. Thiếp chỉ ngại không biết chị em người ta có đủ kiên nhẫn, có dệt được ra tấm ra miếng, liệu rồi có người mua cho không.

Thái tông đặt tay lên bờ vai hoàng hậu cười lớn. Nhà vua chìa hai bàn tay ra trước hậu, lại hỏi:

- Tay họ có cứng như tay ta không? Sao ta còn dệt được. Nàng có nhớ, cái hồi ở Tam Sơn, nàng dạy ta ươm tơ, nàng dạy ta dệt cửi. Lúc đầu ta chẳng lóng ngóng

mãi đó sao. Thôi ta cứ thử xem. Vả lại, ta thấy công việc đồng áng, chăm bẵm rồi hái dâu, chăn tằm vất vả lắm. Tuổi họ ngày một cao, sợ không làm thế mãi được. Nay nếu họ dệt được lụa, thì ta khuyến cáo họ làm các việc ở trong nhà, còn việc ngoài đồng vất vả ta sẽ cho mấy người điền nô đến giúp rập, rồi thuê mượn thêm người các làng cũng được.

- Lòng thương người của bệ hạ rộng sâu như trời bể, thiếp dẫu dám tử nạn.

- Ấy là ta nghĩ đến cái tình họ đã từng hầu hạ tiên đế, nay danh phận đều hẩm hiu, lỡ làng. Giúp được họ phần nào, ta yên tâm phần ấy.

- Dề bệ hạ phải lo tới những việc nhỏ mọn này, thần thiếp thật có lỗi.

Thế rồi hoàng hậu sai đóng thứ dăm chiếc khung cửi, sắm xa, quay, ống, suốt, go, cỡ đủ cả. Xong dâu đó, hậu chọn ra mười người nhanh nhẹn tháo vát nhất để truyền nghề. Trong mười người ấy, Mai hoàng hậu vẫn cho Thu Lan quản thủ. Ba tháng sau, mười người này đã quen với công việc và bắt đầu huấn hỡ cho mười người tiếp theo. Tuy vậy, để quen thạo với công việc, dệt ra được những tấm lụa vừa ý, không thể là việc một mai một chiều mà có được.

Nửa năm sau, kể từ ngày Kim thiên Mai hoàng

hậu khai triển chỉ dụ của hoàng thượng, Trại dẫu tầm đã có hai mươi khung dệt. Người dệt giỏi nhất mỗi ngày đã dệt được tám vuông lụa. Người dệt chậm nhất cũng được bốn vuông một ngày.

Hoàng hậu đi xem từng khung dệt một, uốn nắn từng người một về cách cầm thoi, cách giận bàn đạp, cách lao thoi. Tất cả đều phải nhịp nhàng, nhẹ nhõm thì mắt sợi mới đều, mặt lụa mới mịn, bóng, đẹp.

Mai hoàng hậu vừa nói xong, bèn ngồi vào khung cửi dệt liền, để làm mẫu. Chừng một phần ba chiếc suốt đầu, tay bà còn chưa thuận, nhưng càng về sau thoi đưa thoăn thoắt, chân giận nhịp nhàng, mắt bà không nhìn theo tay thoi, mà nhìn qua rường sợi mắc cao trên khung dệt. Và cứ khi nào dệt hết ba chiếc suốt, bà lại dừng tay đồ trục sợi và cuộn trục vải. Bà chỉ cho mọi người từng li từng tí:

- Phải néo cho mặt vái căng vừa phải. Căng quá, thoi hơi chậm, sợi đã đứt hàng loạt. Néo chùng quá, miệng go không mở hết, lao thoi vào là mắc dính như chân gà mắc tóc, không dệt được. Mặt lụa cũng đừng để thấp quá. Để thấp khi hạ cỡ sức đè mạnh, lụa dày cộp như mo cau. Nói xong, hoàng hậu bèn đồ trục kéo cho mặt vuông lụa xuống thật thấp, rồi bà lao thoi hết một chiếc suốt. Dừng lại, hậu cho mọi người mắt xem, tay sờ. Ai cũng gật đầu tán phục, lời hậu dạy là đúng.

Dệt xong một cái suốt nữa, hậu lại nói:

- Cũng đừng để mặt vải cao quá. Mặt vải cao sẽ bị kích go, độ hạ của cũ quá ngắn, sức nén nhẹ, mắt sợi thưa, vì thế lụa sẽ mỏng. Nói xong, hậu lại dệt thông hai cái suốt rồi dừng lại cho mọi người nhìn tận mắt, sờ tận tay.

Hậu buông néo, tờ trực cuốn lụa ra, mọi người nhìn rõ nửa vuông lụa dệt trước quá dày, mặt thô, và nửa vuông lụa tiếp theo quá mỏng, mặt lụa thưa, sợi rão.

Mọi người nhìn Mai hoàng hậu với vẻ vừa thán phục vừa nghi ngờ. Bởi nom bà xinh đẹp rục rỡ, kiêu con nhà lá ngọc cành vàng, lại là đương kim hoàng hậu, được nhà vua sủng ái. Tất cả những gì mà mọi người nhìn thấy đều không thể nghi ngờ. Nhưng sao bà lại thạo nghề dâu tằm canh cửi đến thế. Các công việc này là của bọn người nông phu lam lũ. Chẳng lẽ bà cũng như mọi người, như cánh ta sao? Đây chính là điều ai nấy đều không thể lý giải được.

Như đọc được ý nghĩ của mọi người, Kim thiên Mai hoàng hậu nhẹ nhàng nói:

- Ta đã truyền cho các người nghề trồng dâu chăn tằm, nay ta lại dạy cho các người nghề canh cửi. Chẳng nhẽ đó là những điều giả trá cả sao. Trước khi ta vào cung, ta trở thành vợ vua, ta cũng là một nông phu, một

cô gái hái dâu chần tằm, cũng gánh gồng phân tro, cỏ lúa, hai sương một nắng như mọi người. Đừng nghĩ hễ ai đã ở địa vị cao sang, đều là những người ăn trắng, mặc trơn, ăn trên ngồi trốc, không biết làm ăn gì, không biết đến nỗi niềm cay cực của người dân dâu. Ta biết, cũng không thiếu kẻ mới lảng vảng trước cửa quyền môn, đã lên mặt với người nghèo. Chúng mượn thế ý quyền bòn rút của người dân cùng khốn như lũ địa đỏi. Như lũ chó sói đỏi mồi. Ngừng một lát, nhìn lại các gương mặt hiền lành, Mai hoàng hậu dịu giọng:

- Mai đây, khi mọi người dệt đã thuận tay, hàng dệt ra đã đẹp, đã có lái mua, ta sẽ bày cho các người cách chuội tơ, nhuộm màu, để dệt ra loại hàng cao cấp. Nếu các người khéo tay mà chịu học, ta sẽ mời thầy về dạy cách dệt lụa cải hoa, có thể dệt cả gấm nữa. Nếu làm được lụa cải hoa, làm được gấm, giá bán sẽ cao gấp bốn năm lần bán lụa mộc, tơ mộc.

Từ bữa Mai hoàng hậu đến cầm tay, chỉ việc, dạy cho mọi người trong Trại dâu tằm biết dệt lụa. Thật ra cũng chỉ có hai chục khung dệt thôi. Những người cao tuổi, mắt kém, tay run thì phục vụ trong các việc quay xa, ống, suốt. Ngay việc hái dâu, chần tằm, làm cỏ dâu, nay cũng phải thuê mượn thêm người làm cùng với mấy điền nô hoàng thượng ban cho trại. Chị em đã bàn bạc, ai muốn đưa người nhà lên ở cùng để tham gia làm ăn



với trại, thì được tính như một thành viên. Nếu đưa tới người thứ hai, thì người ấy sẽ ăn công như công thuê mướn người ngoài.

Cảm kích về tấm lòng nhân đức của Mai hoàng hậu, mọi người trong trại bảo ban nhau từng li từng tí. Đúng là hoàng hậu làm mẫu, bắt tay chỉ việc cho mọi người làm thử. Tiếng rằng làm được ngay đấy. Nhưng để dệt được tấm lụa cho ra tấm lụa, cũng không phải chuyện dễ. Có phải ai cũng chân giận bàn đạp, tay lao thoi nhịp nhàng được đâu.

Có người chân giận bàn đạp chưa tới, miệng go chưa há đã lao thoi. Thế là thoi làm đứt hàng loạt tới cả chục sợi. Sợi đứt qua cỡ còn dễ tìm, dễ nối, chứ đứt qua go là rất khó tìm, và không phải ai cũng biết cách móc nối qua go. Công việc tưởng chừng giản đơn, hóa ra không phải thế. Việc trồng dâu là việc của chân tay. Nhưng sang đến chần tằm đã là chuyện của đầu óc rồi. Phải tính toán chứ, thời tiết nóng lạnh quá, con tằm dâu có trụ được. Thế là phải lo, phải tính. Nay lại đến chuyện dệt. Dệt thì vừa là chuyện của chân tay, lại vừa là chuyện của đầu óc, phải tính toán nhịp nhàng cho từng cái lao thoi. Sao cho thoi lao ở tay này, ở mép vải bên này, tay kia phải đón bắt ở mép vải bên kia, cái chân phải cùng lúc giận cho hàng go cắn xuống, với khổ cỡ hạ thật nhịp nhàng. Rồi lại mở miệng go, lại lao

thoi, lại giận, đập... Chao ôi, công việc đơn giản lập đi lập lại chỉ có vậy, nhưng không phải đã làm ngay được như vậy. Có khi miệng go mở lớn, lao thoi mạnh quá tay kia chưa kịp đón, thoi vút thẳng vào quạng đèn. Đèn vỡ tan, dầu văng khắp ngả. Lại ngồi mà cười rúc rích với nhau. Một lần còn có thể cười được, hai ba lần như thế, lại bật khóc tức tưởi. Nhưng rồi mọi người bảo nhau, bấp bưng mà học, cần rãng mà tập, mà làm cho có nghiệp, có nghề, có đồng tiền mà độ thân khi tuổi già sức yếu. Dầu cực đến mấy tướng cũng không nhục bằng những năm tháng chết mòn trong cung cấm. Nhớ những tháng năm còn tuổi xuân hơ hớ, suốt ngày trang điểm, suốt đêm đợi chờ. Chờ một bước chân đi nhẹ, một tiếng đập cửa để được dâng hiến cuộc đời con gái cho đấng thiên tử. Và nếu sau cơn mưa móc, cái giọt máu rồng kia lại tụ kết được thành trứng, thành con thì đời người cung nữ một bước trở thành tần, thành phi, có khi thành hậu không chừng. Chao ôi, người cung nữ nào mà chẳng mong như thế. Nhưng hết đêm này sang đêm khác chỉ nghe được tiếng mưa rơi mùa hạ, tiếng gió rít mùa đông, và những tiếng chân bước nhẹ như chân mèo của lũ thái giám, cứ xa dần cùng với ánh đèn lờ lỏi. Thỉnh thoảng cũng nghe được một giọng nói mơ hồ như giọng mèo hen, với những lời hứa hão: "Cứ ráng chờ sẽ đến lượt người!". Cũng có những tên thái giám thêm

nhỏ dãi, và táo tợn như những con dê cụt, đêm đêm dám lên gõ cửa buồng lời hứa hão, để đòi lấy cái ôm ghì, sờ nắn... Rồi chúng lặn mất tăm, cho đến một bữa khác lại trơ trên de nẹt, dụ dỗ...

Sau ba, bốn tháng Kim thiên Mai hoàng hậu đích thân chỉ dẫn cho chị em trại dâu tằm dệt cửi, nay thì cả hai chục khung dệt đã khuấy động cả một vùng vốn xưa yên tĩnh.

Bây giờ thì chị em đã làm được hàng kỹ, hàng đẹp như thương lái đòi hỏi. Hàng dệt không đủ cho thương lái. Máy người trong trại bảo nhau chọn lấy năm tấm lụa đẹp nhất, rồi cử người vào cung biểu hoàng hậu.

Mấy chị em cất công thuê hẳn một chuyến thuyền vào cung. Nhưng quân cấm vệ không cho vào. Máy chị em cứ tưởng mình là người cũ trong cung, quân cấm vệ có lạ gì. Nhưng có ngờ đâu đã hơn chục năm rời xa cung cấm, đám quân cấm vệ, quân hồ bôn kia cũng lớn tuổi, cũng yếu già, người ta đã thay tới mấy lần, mấy lớp khác trẻ hơn, khỏe hơn. Không vào được, đành phải gửi cho viên chi hậu cục chánh chưởng, để ông ta tự tay dâng giùm lên hoàng hậu. Thu Lan viết một phong thư, nói rõ nội tình cùng sự làm ăn tấn tới của Trại. Và mấy tấm lụa, là kết tinh của tấm lòng biết ơn của mọi người dâng lên hoàng hậu. Nàng còn dám mạo muội mời hoàng hậu ghé thăm Trại.

Nhận được thư và lụa, hậu vui lắm. Bà sai đem tất cả sang điện Long An để trình hoàng thượng. Nhìn những tấm lụa mịn bóng chẳng kém cạnh gì lụa Hàng Châu, nhà vua mừng khôn xiết. Dường như trong lòng ngài nảy ra một ý định nào đó. Ngài sai lấy kiệu để ngài sang điện Nguyệt Minh.

Vừa trông thấy hoàng hậu vua đã tươi cười:

- Ta vô cùng sung sướng vì hậu đã truyền được nghề cho họ. Ta thật không ngờ chính bàn tay họ - những người tưởng như bất hạnh ấy lại tạo ra được thứ sản phẩm đẹp đến dường này. Ta cam đoan với hậu, lụa này không kém lụa Hàng Châu một chút nào. Có điều người mình mới làm được lụa mộc, lụa trơn. Bây giờ phải nhuộm tơ, dệt lụa màu, dệt lụa cải hoa, dệt gấm. Ta có ý định này từ khi ta nhìn thấy mấy tấm lụa kia. Nàng hãy cùng ta, giúp ta đưa cái Trại dâu tằm này thành xưởng chuyên dệt các mặt hàng thượng phẩm để nó thành thương phẩm.

Được rồi, mai ta sẽ sai quan Tư vụ đi mua phẩm nhuộm, hậu dạy cho họ cách pha màu, nhuộm màu. Đủ tơ màu rồi, ta sẽ dạy họ dệt gấm. Nước ta sẽ dệt được gấm. Sẽ có đủ gấm của ta cho các hàng quan lại mặc. Nhân chuyện này, ta nói Mạnh Minh phải mạnh tay canh cải.

Mấy bữa nay Trại dâu tằm tập nập lạ thường.

Không khí náo nức tự nó dâng lên. Khắp sân, vườn, đường đi lối lại quanh trại giăng giăng hàng dây sào dài phơi tơ. Cái màu vàng óng như màu nắng thu quen thuộc đã biến đâu mất. Nay thì đủ màu, đủ sắc. Nào màu tía biếc, màu đỏ huyết bò, màu xanh cánh chả, màu xanh da trời... Quan Tư vụ tự mình đi lại thúc giục coi sóc đám tơ nhuộm, và luôn miệng răn đe: "Các người phải làm cho thật tốt, thật đẹp. Màu nào ra màu ấy, giống như mẫu. Kẻ nào làm ăn dối trá điêu xảo, lại hà lạm bớt xén vật liệu ta sẽ đuổi hết phường nhuộm, không cho ở kinh thành nữa". Quan Tư vụ là người hét ra lửa ở kinh thành này còn ai không biết tiếng. Thế nhưng trước khi đi nhận việc, ông trưởng phường nhuộm còn căn dặn mọi người từng chân tơ, kẽ tóc của cung cách làm ăn. Ấy là đã chọn thuần những tay thợ phách trong nghề.

May được dịp hanh heo, tơ nhuộm được nắng khô nhanh, thật màu mà mùi tơ quyện mùi thuốc cứ thơm phức.

Nhuộm xong mẻ đầu, quan Tư vụ sai chọn mỗi màu một nọn tơ, đóng gói dâng lên hoàng thượng ngự lãm.

Xem xong đám tơ màu mới nhuộm, nhà vua vui lắm. Ngài nghĩ:

- Có nhẽ dự định của ta có cơ may thành tựu chăng?

Nhà vua sai đem ngay số tơ dó sang diện Nguyệt Minh để Mai hoàng hậu thấy trước, rồi nhà vua lên kiệu sang liền.

Nhà vua bước vào cung đã thấy hoàng hậu đang say sưa ngắm nghía những lọn tơ màu. Ngài bèn lên tiếng:

- Liệu hậu có hài lòng với màu sắc ấy không?

Kim thiên Mai hoàng hậu giạt mình, quay ra thấy gương mặt nhà vua hé cười:

- Thần thiếp không thể ngờ, tâu hoàng thượng, người mình quả là khéo léo, quả là tài giỏi, đúng như hoàng thượng lượng định. Nhưng... - hậu vừa nói vừa ngập ngừng.

- Nàng bảo nhưng là nhưng cái gì? Nàng còn ngờ vực gì chăng?

- Tâu, quả là thần thiếp đang có băn khoăn, bởi bữa trước, bệ hạ nói là nếu phùng nhuộm, nhuộm được tơ màu, thì bệ hạ sẽ dạy cho đám chị em Trại dâu tầm dệt gấm. Theo như chỗ thần thiếp hiểu, thì nước ta chưa có thợ biết dệt gấm. Bởi thế, ta mới phải dùng gấm Tàu. Do vậy, lấy đâu ra người dạy, hay bệ hạ đã cho người sang nước Tống, mượn thợ Trung Hoa.

Nhà vua cười lớn, nom nhà vua vui mà trẻ như hồi mười sáu mười bảy tuổi về mở phủ ở Tam Sơn,

cũng đôi mày rậm hơi xếch, cũng hàm răng nhỏ đều mà trắng muốt, trừ hai chiếc răng cửa hàm trên to, nhà vua thường nói giỡn đó là hai chiếc bàn cuốc, và cũng vẫn cặp môi đỏ như tô son thưở nào. Có điều, đôi mắt và vầng trán tỏ ra từng trải hơn. Vầng trán nhà vua đã lờ mờ ba vết hằn như sóng lượn bằng sợi chỉ đặt ngang. Và đôi mắt đã nhuộm màu thời gian, khiến sắc hơi ngả màu nâu, chứ không đen bóng như hạt đèn thưở tuổi thiếu niên mười sáu nữa.

Nhìn hoàng hậu với vẻ âu yếm, mãn nguyện, nhà vua nói:

- Không! Không phải mượn thợ Tống làm gì. Nếu trong nước không có ai biết nghề dệt gấm, dạy cho người của Trại dâu tằm, thì ta đành phải dạy họ vậy. Mọi việc đã sắp đặt cả rồi. Dâu phải là chuyện bỡn cợt.

Thấy giọng nói nhà vua nghiêm trang, hậu không thể không tin. Nhưng vẫn còn một chút băn khoăn, hậu đánh bạo hỏi:

- Dám xin hoàng thượng tha tội cho thần thiếp, chẳng hay hoàng thượng biết dệt gấm vào lúc nào. Theo đầu óc thiển cận, thiếp biết ngày ở Tam Sơn, thiếp chỉ thấy hoàng thượng học ươm tơ kéo sợi, học dệt lụa. Mà cũng chỉ một thứ lụa trơn thôi chứ thiếp có biết dệt gấm đâu mà truyền nghề cho hoàng thượng. Vả lại, nước ta từ thượng cổ vẫn chưa có nghề gấm.

- Đúng như nàng nói đó. Quả là khi rời Tam Sơn, ta trở lại Thăng Long. Tức trở về cung Long Đức, ta thường vào các nhà trong phường chơi. Bỗng nghe thấy tiếng kẻo kẹt của xa quay, lại có cả tiếng đập cữ đều đều của khung dệt. Mọi người đang làm việc bận mãi lắm. Ta đi với vài người bạn. Ai cũng nghĩ bọn ta là học trò, nên mời chào nước non với sự lịch lãm của người kinh kỳ. Ta lại chợt thấy phía gian trong có cả một chiếc sào dài, vắt đầy vải. Nom loáng thoáng thấy mấy mảnh gấm, màu trang nhã. Mấy người thợ may, người thì cắt, người thì khâu. Họ im lặng như những chiếc bóng. Ta tò mò đứng xem. Thấy có miếng gấm vụn vừa khoét ra từ vòng nách. Ta bèn cầm lên. Tự nhiên ta gỡ từng sợi để xem cung cách họ dệt thế nào. Thật kỳ lạ, ta thấy các nóng dệt nó cũng gần giống như đồ mây tre đan của người mình. Ta nghĩ, nếu xem xét cẩn thận, có khi mình tìm ra được cách dệt gấm cái hoa. Khi trở về cung, ta sai lấy ra một tấm gấm. Ta bắt hai người giữ hai đầu mép vải, còn ta thì gỡ từng sợi một. Nóng lên, nóng xuống, kết mấy, dè mấy, ta cho ghi chép hết vào sổ. Làm đi làm lại nhiều lần. Mỗi cái lá, mỗi nụ hoa, mỗi cành hoa ta cho gỡ tới ba lần, ghi chép không sai một ly. Thấy cả ba lần cùng giống nhau, thế là ta tóm thâu được cái mẹo dệt gấm của người Tàu. Nhưng để dệt được thành gấm thì ta phải sai sắm hẳn một khung dệt để ta dệt thử.



Đưa cái thuật tử trên giấy kia vào khung dệt, là cả một đoạn đường gian nan, lăn lên lộn xuống. Có lúc ta đã thấy nản. Sau lại nghĩ: Tại sao người Tàu dệt được mà người mình lại không dệt được. Hơn nữa đây chỉ là sự bắt chước theo người ta, chớ có phải mình tự nghĩ ra đâu. Ấy đấy, cứ mỗi khi nghĩ đến cái sĩ diện của cả một đất nước, cái tự trọng nơi mỗi con người, thế rồi ta dệt được. Cuối cùng người Tàu có loại gấm nào, ta đều bắt chước dệt y hệt của họ. Sau đó, ta lại cải dệt theo cách của ta. Ta có những loài hoa sang quý mà đẹp để bắt mắt như hoa cúc, hoa sen, cánh sen, lá đề... Ta lại đem cái sự biết của ta dạy cho mấy người ngoài phường, ngoài thôn ấp. Nhưng họ ngại khó, không chịu làm. Cái kém của người mình là ở đầu óc trì thủ, bằng lòng với cái mình hiện có chứ không thích canh cải, không dám mở mang, tựa như con công cống thò ra thụt vào nơi cái lỗ chỉ bé bằng đầu tăm. Chỉ khi nào người mình có cái chí bung bứt ra như cái chí của con chim đại bàng, thường phóng vút lên tầng không mà đối mặt với trời xanh chỉ tìm nơi hạ cánh, hoặc tìm thức ăn, hoặc là chỉ để thung thăng cho thoả chí. Được như vậy thì nước mình mới thật sự là một nước làm cho thiên hạ nể trọng, mới thật sự xứng đáng tồn tại dưới gầm trời, cho dù địa giới nước ta hẹp, người nước ta ít. Thì đã sao. Như sự nhớ mình đang nói chuyện với ai, nhà vua vội dừng lại nhìn

Mai hoàng hậu với vé âu yếm, ngài ôm choàng lấy hậu vào lòng, hai tay vỗ vỗ vào lưng hậu, nói lời an ủi:

- Đúng là ta vô tâm quá. Đang nói chuyện với nàng, ta lại lảm nhảm về những điều bấy lâu nay ta suy ngẫm. Vậy chớ nàng có giận ta không.- Nói xong, nhà vua đặt lên mái tóc hậu một nụ hôn.

- Ôi cái chí của bệ hạ là chí của chim đại bàng, thần thiếp chỉ như con chim sẻ, con công cồng thôi. Nhưng được nghe những nhời tâm huyết của bậc chân chúa, mọi việc đều trở nên sáng rõ, biết tự trọng hơn và thấy mình gắn bó với non sông đất nước hơn. Thần thiếp chỉ tiếc vì đầu óc trì độn quá, chẳng giúp được gì cho bệ hạ.

Chi vào những ngọn tơ màu, nhà vua tươi cười nói:

- Cứ như thế này là nàng giúp ta đấy. Mai đây nàng sẽ biết giá trị của công việc. Và lại, nàng cai quản chốn hậu cung cho ta được an ổn, công ấy lớn lắm đấy, không có nàng giúp rập, sao ta rảnh tay lo liệu việc triều chính được.

Ta đã dụ cho viên Tư vụ biết, trong kho của trại dâu tằm, còn bao nhiêu tơ đem nhuộm hết. Màu sắc mỗi thứ bao nhiêu đều có chỉ dẫn cả. Ta định vài ngày nữa sẽ tới Trại dạy cho mọi người cách lên khuôn sợi, để

vào go, vào cữ. Muốn thế, phải bày cho họ cách đánh ống, đánh suốt về các loại mầu. Ta đã ghi rõ cả ra đây, phiên hậu ngày mai tới trại dạy bảo và coi sóc để cho mọi người làm. Khi xong việc đánh ống rồi, ta sẽ xuống dạy cách mắc sợi và dệt. Ta chủ bụng phải làm cho được việc này. Trại dâu tầm khi đã quen thạo công việc rồi, ta sẽ bắt các lộ cử người về học. Người Việt phải mặc vải lụa Việt, gấm, đũi Việt.

Trại dâu tầm vốn đã nhộn nhịp không khí làm ăn, rồi khách lui, khách tới mua lụa, mua tơ, khách đặt hàng, đã làm sôi động hẳn lên cái không khí tĩnh lặng nơi ven sông, nơi góc rừng hẻo lánh này. Mấy bữa nay hoàng hậu xuống ở suốt ngày, bắt tay, chỉ việc, dạy cho mọi người cung cách để làm ra một mặt hàng mới, mà nếu như việc này thành tựu, thì giá trị sẽ lớn lắm. Chính điều đó làm cho mọi người chăm chỉ làm việc, và tự nó bùng lên niềm vui không gì kìm nén được. Mọi công việc đều trở nên nhẹ nhàng. Và vừa làm, người ta còn vừa hát nữa. Đúng là ở đây người ta đang vui như mở hội.

Khuya! Ánh đèn vẫn từ trong cung Tuyên Đức hắt qua cửa sổ dọi sáng cả bậc thềm. Viên giám thừa cứ nghiêng ngó thậm thụt mãi không dám vào. Lão xách chiếc đèn lồng đó đi quanh về phía cung Thúy Hoa, gặp ba bốn viên trung quan đang ngồi tán gẫu trước cửa với

mấy người cung nữ. Giám thừa liền quát nhẹ:

- Các người hầu hạ hoàng thượng ở đây à?

Mấy viên thái giám xun xoe đứng lên bu quanh giám thừa:

- Dạ ! Dạ! Chúng đệ ở quanh đây chờ hoàng thượng sai khiến.

- Bậy! Các người không thấy khuya rồi sao mà không mời hoàng thượng đi nghỉ để bảo trọng.

- Dạ, mấy hôm nay hoàng thượng thức khuya lắm. Hôm nào cũng tới gà gáy canh một, chúng đệ năn nỉ mãi hoàng thượng mới chịu bỏ cả đồng giấy má, sách vở đang đọc dở để đi nằm. Cho nên bọn cung nữ được nhắc nhở hầu hạ gối chăn hoàng thượng, đêm nào cũng bị ngài đuổi ra.

- Vậy chớ đêm nay các người đã đưa mỹ nhân nào vào cung hầu hạ hoàng thượng chưa? Nếu không cần thì ngài đuổi ra, nhưng nếu ngài cần mà không có là lũ các người mất đầu đấy.

Mấy viên thái giám giật thột, tự nhiên thụt cổ lại, cứ như là để tránh một lưỡi dao vô hình. Một kẻ nhăn nhó nói:

- Thượng cấp nói chí phải, chư huynh đệ chúng em đã thấm vào máu mọi việc rồi, đã phải tự cung hình để nhờ đời rằng dù có phải chết, thì trước khi chết cũng

phải lo toan cái việc ấy cho hoàng thượng, chớ để một giây phút nào ngài phải trống trải chuyện gối chăn.

- Thôi được, nếu các người đã nói thế ta tạm yên tâm.- Viên giám thừa lút cút xách chiếc đèn lồng đi về phía cung Long Thụy.

Sớm tinh mơ, khi đám trà quan cùng mấy đứa trà nô còn đang soi đèn để gậy lò đun nước, còn đang súc rửa ấm bình và tô chén pha hãm, thì nhà vua đã luyện túy quyền trên vạt cỏ giữa các luống hoa trong vườn thượng uyển, gần tới cung Nghênh Xuân.

Nhà vua cởi trần, đóng khố, các bắp thịt tay chân nổi cuộn cuộn. Da trắng hồng hào, người cao to, nhưng những đường quyền nhà vua di theo các thế lúc nhảy, lúc vờn, lúc né tránh, lúc lao vào chụp lấy đối thủ vô hình, với tất cả sức mạnh toàn thân, sao mà nhẹ nhàng uyển chuyển như một con mèo vờn chuột, như một con khỉ giỡn đùa.

Trời cuối thu, cái lạnh hơi se se mà toàn thân nhà vua lấm tấm mồ hôi, ngài ngồi nghỉ và ngắm nhìn vườn hoa trong ánh bình minh le lói. Phần lớn các loài cây cho hoa, lá đã nhuộm màu cằn cõi như cây lựu chỉ đỏ sắc khi vào hè, các cây mẫu đơn đỏ, vàng, trắng chỉ khoe sắc vào dịp xuân, hạ mà thôi. Các loại đào, lý, mai, trà, hái đường đang xanh lá, ủ nụ để bật nở vào dịp đón xuân. Nhìn hai cây hái đường cao vút như hai ngọn sào

đứng song song, cành nhánh trên ngọn xoè tròn như hai chiếc lọng. Hải đường sắc đỏ thì ai cũng biết, đó là cây bên tả. Xem ra cứ độ đầu xuân là nó nảy chi chút những chùm nụ đỏ như những quả táo tròn lấp ló bên những chiếc lá biếc xanh. Và khi hoa xoè nở, cánh dày đỏ đậm, nụ vàng tươi. Nhưng lạ nhất là cây bên hữu, nom chẳng khác chi cây bên tả. Tức là chỉ có chủ nhân mới phân biệt được. Ấy là màu da thân cây này nhạt hơn so với cây bên tả. Lá to bản hơn, một chín một mười, nhưng mỏng hơn và đường gân lá không nổi đậm như cây bên tả. Điều khác biệt đáng kể nhất nó lại là bạch hải đường, hoa to hơn và dày cánh hơn hoa hải đường đỏ. Nụ bạch hải đường khi sắp nở, to như một quả trứng gà và toả một mùi hương tinh khiết. Mùi hoa này không thể trộn lẫn với bất cứ hoa nào. Nó có vị thơm mát và thường luẩn khuất bên ta. Nó như chợt có, chợt không. Kẻ phàm phu thấy hoa đẹp, gí mũi hít mãi cũng chẳng thấy hương vị gì. Nhưng vừa buông hoa ra, lại thấy mùi thơm phảng phất đến nghi ngờ.

Điều nhà vua lấy làm kinh ngạc là bạch hải đường dường như thuộc về một loài hoa thượng đẳng, bởi trời ban cho nó có cái đức cảm nhận thật là tế vi. Kể cả hoa đang ở trên cành hoặc hoa đã cắm trong bình, nếu là các bậc tao nhân mặc khách, các người có cái tâm hoà ái khi mới tới gốc cây, hoặc khi bước vào nhà (mà trong nhà

có cắm bạch hải đường), thì thế nào cũng có một làn hương thơm ào ạt bao lấy khách, sức nức cả gian nhà hoặc gốc cây khiến ta có cảm giác ấm áp và chan hòa yêu thương. Nhà vua thường gọi thứ hương thơm đó là hương dãi khách. Điều quý nữa là hoa có suốt hai mùa xuân, hạ. Tuy vậy, bạch hải đường là loài hoa khó tính, không thể chiết cành, cũng không có hạt để sinh sôi. Chỉ khi nào cây quá cần cỗi thì tự nhiên ở dưới gốc bật nảy một hai cây con. Nếu ai đại đột mà bứng ngay đi trồng chỗ khác, coi như cây ấy tuyệt chủng. Nhưng cứ để cho nó lớn cùng cây mẹ, thì vào một lúc nào đó, cây mẹ chết đi, lập tức mùa xuân ấy, cây con nảy lứa hoa đầu. Nhà vua cứ miên viễn suy tư về sự nhiệm màu của tạo hóa thì viên Chi hậu cục đã vòng tay bái yết:

- Tâu hoàng thượng! Đã tới giờ, mời hoàng thượng hồi cung thưởng trà.

Nhà vua vẫy tay cho lui rồi đi thẳng vào hậu đường. Nơi ấy đã có sẵn một thống to nước ấm vừa pha với các loại hương thơm, và hai nữ tỳ xinh đẹp chờ sẵn để tắm táp, kì cọ hầu ngài.

Sai nội thị đi khâu dụ Trung thư sảnh phải làm ngay một số việc, nhà vua vội xuống thuyền sang Trại dâu tằm.

Vừa bước lên bờ đã thấy bày sẵn một hương án với các thứ lễ vật đương mùa cùng chức dịch các làng

lân cận, được tin nhà vua ngự giá, đã tề tựu. Phía sau các chức dịch là những người trong Trại dâu tằm ăn vận tươm tất, trang điểm sáng sủa, mặt mày tươi tỉnh. Vua bước đi dưới hai hàng tàn, lọng đỏ rực, che rợp cả đường đi cùng tiếng tung hô náo nức: “Hoàng thượng thiên tuế!”, “Hoàng thượng vạn tuế!”.

Đi vài trăm bước đã tới cổng Trại dâu tằm, nhà vua dừng lại nói với mọi người:

- Ta cảm ơn các vị bô lão cùng các chức dịch. Ta không muốn làm phiền dân nên phải đi thuyền. Vậy mà ai đã báo cho các vị biết. Mọi người quay về đi. Bữa nay ta có việc trong Trại dâu tằm. Trưa, ta đã có thức ăn mang theo, cấm các làng không được giết trâu bò hoặc bất cứ vật gì đem dâng ta. Chẳng những ta không nhận mà các người còn bị trách phạt. Nếu quý ta, hãy lo cho dân làng không còn ai bị đói khổ nữa, trẻ nhỏ đều được đi học, và phải có chỗ cho chúng học.

Nói xong, nhà vua vẫy tay cho mọi người lui, còn ngài thẳng bước vào trại.

Dân chúng đồng thanh hô lời tiễn:

- Kính chúc hoàng thượng bình an!
- Kính chúc hoàng thượng vạn an!
- Kính chúc...

Vừa bước vào nhà tằm, vua đã thấy Mai hoàng



hậu lúi húi chia những ống chỉ màu theo từng loại để bỏ vào những chiếc rổ, chiếc thúng khác nhau. Nhìn kỹ thấy hoàng hậu chỉ trang điểm qua loa và ăn vận lại còn giản dị tới mức sơ sài. Một bộ váy thường, may bằng vải thanh cát, thứ vải ấy và màu ấy chỉ có thường dân mới mặc.

Vua đặt tay lên bờ vai hoàng hậu nói:

- Hậu mặc thế này ta lại thấy đẹp và gợi nhớ hồi ở Tam Sơn, vào buổi chiều chạng vạng, ta ở trong nhà cùng với Mạnh Minh đi ra gặp nàng quấy hai giỏ dâu mới đi hái về.

Mai hoàng hậu giật nảy mình, mặt rặng đỏ, chấp tay vái:

- Thần thiếp thật là đắc tội. Hoàng thượng ở ngay cạnh mà không biết. Lại cả không kịp ra nghênh đón nữa, xin hoàng thượng đại xá.

- Hôm nay ta đến đây cùng với hậu dạy cho mọi người biết cách dệt gấm. Ta cũng không dám chắc họ có học được, nhưng cứ thử xem. Hậu cho gọi họ ra hết đây để ta dụ bảo.

Một loáng, mọi người đã tề tựu đủ cả. Vua dụ rằng:

- Ta có lời khen mọi người. Trong hơn chục năm qua, chỉ với hơn ba chục người đàn bà yếu chân mềm

tay, đã biến một khoảnh rừng nghèo kiệt thành một vùng dâu tằm trù phú. Các người không chỉ nuôi sống mình mà còn làm giàu, còn đưa được nghề tằm tang canh cải cho cả vùng này.

Các người không chỉ chịu thương chịu khó sớm khuya cần mẫn mà còn có đầu óc canh cải. Các người đã biến Trai dâu tằm thành một xưởng dệt, thành một thị tứ. Đúng thế, đất nước phải có công, có thương mới mau phát đạt được.

Bây giờ ta muốn các người làm một việc khác, khó hơn, nhưng nếu đạt được thành tựu thì tốt hơn nhiều. Nghĩa là ta phải «cách cựu đình tân». Tức là bỏ cái cũ, vươn lên cái mới hoàn bị hơn. Vậy chớ các người có ứng «cách cựu đình tân» không?

- Cách cựu đình tân!
- Cách cựu đình tân!
- Cách cựu ...
- Hoàng thượng vạn tuế!
- Hoàng thượng vạn vạn tuế!

Mọi người ào lên hô lớn trong không khí hồ hởi đầy phấn khích. Nhà vua biết mọi người đã tin tưởng sâu sắc nơi ngài.

- Vậy thôi, nhà vua nói tiếp - ta muốn dạy cho các người nghề dệt gấm. Chính ta đã khám phá ra nghề dệt

gấm của người Trung Hoa. Ta đã dệt được mấy tấm rồi. Ta, thân làm vua, ta muốn gì mà không được. Tại sao ta phải chuốc lấy cái việc khổ hạnh này. Vì sao vậy? Vì rằng, ta muốn người mình phải làm ra được các hàng hoá, kể cả những loại hàng thượng phẩm, không những làm ra cho người mình dùng, mà còn phải làm ra nhiều thứ hàng hóa khác để bán buôn, đối chác với các khách thương ngoại quốc nữa chứ. Ta nghe nói, thuyền buôn của các nước đã tới Vân Đồn rồi. Vậy chớ các người có dốc lòng cùng ta canh cái đi theo con đường cách cực không?

Thu Lan thay mặt mọi người trong trại dẫu tầm mạnh dặn thưa:

- Muôn tâu hoàng thượng, chính hoàng thượng đã ban trọng ân để cho lũ thiếp được đổi đời, ơn ấy lũ thiếp chưa báo đáp được mảy may. Nay hoàng thượng đã dậy, việc làm này vừa ích nước vừa lợi nhà, thì dẫu phải nhảy vào lửa, lũ thiếp cũng không từ nan. Xin hoàng thượng gia ơn dạy bảo cho lũ thiếp biết nghề.

- Vậy thì tốt.- Nhà vua nói.- Và ta bắt đầu dạy các người nghề dệt gấm từ sớm nay. Ta sẽ có gấm Việt. Nhất định sẽ có Việt gấm. Gấm của nước ta.

## XVIII

**T**hiết triều.

Vua Thái tông vừa ngự trên bảo tọa thì Thái sư Lương Nhậm Văn đã xuất ban.

Nhìn vị Thái sư râu tóc bạc phơ, bước đi run run nhưng gương mặt lại bình thản, phảng phất một điều gì đó an nhiên, tự tại, nhất là đôi mắt của Nhậm Văn vẫn giữ được vẻ tinh sáng, nhà vua lấy làm yên tâm.

Thái sư quì tâu:

- Trình hoàng thượng, hai năm qua trên toàn cõi đã kiến tạo thêm được chín trăm năm chục ngôi chùa làng. Trong số đó có năm mươi một ngôi xây bằng gạch ngói. Ấy là những làng khá dī giàu có, lại có người làm quan phát tâm cúng dường. Số còn lại thuần làm bằng tranh tre, tường đất. Nhưng chùa nào cũng có tượng Phật và chuông thờ đầy đủ. Tất cả các chùa đều có sư tăng.

Các sư tăng, đều đã qua đào luyện tại các đạo tràng rồi mới được bổ về. Tâu bệ hạ, sư ni ít lắm ạ. Trong số hơn chín trăm ngôi chùa đó, chỉ có chưa đầy ba chục sư ni. Dạ, muôn tâu, chùa nào cũng lấy nhà đại bái hoặc trai đường làm nơi dạy học. Như hiện nay, mỗi chùa thu nhận từ hai chục tới năm chục trẻ nhỏ vào cho học chữ. Dạ, mỗi khóa học như vậy phải ba năm, thì trẻ mới tạm đủ chữ để đọc thông các giấy tờ. Tâu, không có lớp gối. Nếu dạy theo các lớp gối nhau thì thường ngày nhà chùa phải dạy tới ba lớp, không thể cáng đáng được. Bởi các chùa còn nghèo, sư vừa phải theo đủ các khóa lễ trong ngày, vừa phải trì tụng, thiền quán, lại vừa phải cấy trồng để có lúa gạo làm xôi cúng Phật và nuôi thân nữa. Tâu hoàng thượng, bởi thế các lớp học trong chùa làng hiện nay gồm nhiều lứa tuổi, khoảng từ hai mươi độ xuống bảy tám tuổi cùng ngồi chung một lớp, như thế cũng là sự bất tiện. Cho nên trước sau gì nhà nước cũng phải có hệ thống trường học riêng. Như hiện nay là Giáo hội Phật giáo phải cáng đáng việc khai dân trí cho cả nước, thành thử việc khai phóng tâm linh và giáo pháp cho mọi người, mọi nhà của các sư tăng không được dồi dào như bên Tăng thống hàng sở vọng.

Thấy bán tấu của Thái sư còn dài mà sức ông đã đuối, đôi gối quỳ đã mỏi, thân người run run, vua Thái tông bèn phán:

- Khanh khá bình thân! Cấm vệ quân lấy cho Thái sư chiếc ghế.

Do có sự vụ của Thái sư Lương Nhậm Văn được đặc ân ngồi ghế khi tâu trình công việc, từ đó nhà vua dụ rằng: - Các quan tuổi trên bảy mươi, từ nay khi vào chầu không phải quì và được ngồi ghế. Kể cũng đã là một mỹ tục.

Vừa ngồi xuống ghế, sửa lại cổ áo và chiếc đai trước bụng, nấn lại cái mũ đội đầu và cũng là để thờ vãi nhíp, lấy lại sức và cả sự hồi hộp do hoàng thượng ban đặc ân, Thái sư lại đứng dậy vái:

- Tạ ơn hoàng thượng ban trọng ân, thần xin tâu tiếp.

- Khanh cứ ngồi xuống ghế mà nói cho đỡ mệt, ta đang nghe đây.

Thái sư mắt vẫn không rời bản tấu chương, ông vừa ngồi xuống ghế vừa đọc:

- Hoàng thượng thường răn: “Phi thương bất phú”. Vì vậy, thay mặt triều đình, thần đã cho phép nhà buôn nước Tống lập các thương điểm tại Vân Đồn và một vài nơi khác trong lộ Hải Đông. Còn như ở Thăng Long thì thần không dám tự tiện cho phép. Về các hàng hoá của họ bán cho người mình chủ yếu là đồ sành sứ, vải vóc và thuốc men. Họ mua của ta các đồ như sừng tê, ngà

voi, trầm hương, ngọc trai, đồi mồi, tơ, các dược liệu chưa qua chế biến. Họ còn đòi mua cả vây cá mập, bong bóng cá thú, hải sâm, nhất là yến sào có bao nhiêu mua bấy nhiêu.

Ngoài ra các nước Trảo Oa, Tiêm La, La Hộc cũng xin lập thương điếm nhưng thần không cho. Các nước Tây dương xin ta mở thương cảng để họ đem hàng hoá đến để bán hoặc trao đổi. Việc này thần phân vân chưa dám quyết, vậy xin bệ hạ cho ý chỉ.

Thấy Thái sư đã mệt, nhà vua ái ngại phán rằng:

- Tạm như thế đã, khanh mệt hãy nghỉ, để phiên châu sau tâu tiếp.

- Bệ hạ! Thần chỉ còn một bản tấu khẩn nữa thôi, xin bệ hạ gia ân, kéo lại quả trách công việc Phủ Thái sư trì bế. Dạ, đó là việc sửa sang hình luật. Đại khái các việc như vô cơ tự hợp đông người để mổ trâu bò đánh chén rồi cờ bạc. Việc dê đập, mùa vụ, giống má. Việc nhà nước cho dân vay đổi hạt khi giáp vụ. Việc tuyển chọn nhân tài cho nước. Việc khảo khoá, việc thái bỏ các quan lại, chức dịch bất tài, vô hạnh... Tất cả những việc ấy phải sắp xếp thành qui chế, luật lệ, xin bệ hạ thư cho một thời gian nữa để các đài, sảnh, viện còn họp bàn, kê cứu rồi mới đưa vào luật văn được. Dạ, một khi đã thành luật văn thì nó phải được ổn định trong một thời gian dài; hơn nữa hình luật có quan hệ đến sinh mệnh

người dân, nên không thể không suy xét thấu đáo. Nói xong Lương Nhậm Văn vái nhà vua hai vái rồi ngồi xuống ghế thờ đống.

Vua Thái tông đang vui vì công việc canh cải về con đường tằm tơ, lụa gấm có cơ may thành tựu, lại tiếp đến công việc bên Phủ Thái sư đã nhúc nhích, đích thân Lương Nhậm Văn đã xắn tay vào việc. Đang định có nhờ khen và dụ các việc cần làm tiếp thì quan khu mật sứ Mai Mạnh Minh xuất ban. Mạnh Minh kẹp chiếc hốt giữa hai bàn tay, quỳ lạy nhà vua hai lạy, rồi tâu:

- Thần là Mạnh Minh xin trình bệ hạ, việc có quan hệ đến quốc sự. Tâu bệ hạ, nam thủy, bắc thủy người Chiêm, người Tống lâu nay không có động tĩnh quái lạ gì. Cũng không có dấu hiệu khả nghi gì về việc họ có thể động binh. Duy có người Man vùng Đà Giang thường hay quái nhiễu. Trước đây tiên đế đã nhiều phen đánh dẹp, nhưng vẫn thương tình ân xá cho bọn đầu lĩnh, vỗ về dân chúng, ban cấp muối gạo, thóc giống, trâu bò và lợn giống để người dân làm ăn sinh sống được yên ổn. Thế nhưng, quân triều đình vừa rút đi, bọn đầu lĩnh liền thu lại các thứ mà triều đình đã ban cấp cho dân. Rồi cuộc dân vẫn bị đầu lĩnh bóc lột, lừa mị để chống lại triều đình. Gần đây trên đạo Lâm Tây, người Man được đám đầu lĩnh xúi giục đã nổi lên cướp phá mãnh liệt. Lại các vùng Đô Kim, Thường Tân



và Bình Nguyên dân chúng đều nghe kẻ xấu xúi giục nổi lên chống lại triều đình, quân trong lộ đang đánh dẹp, xin bệ hạ cho các quân hùm sói hỗ trợ để mau vãn hồi sự an lạc cho dân các động, sách của những vùng này.

- Tâu, lực lượng của giặc mỗi nơi chỉ dăm ba trăm đứa. Có điều là chúng hung hãn lại giảo quyệt, chúng thường giả trang làm quân của triều đình, đi đến đâu thì cướp phá của nả, đánh đập người già và trẻ nhỏ, hãm hiếp đàn bà con gái, đôi chỗ chúng còn đốt cả nhà cửa, khiến dân khiếp sợ. Chúng cứ lướt đi như một luồng gió độc, thành thử lực lượng chúng tuy nhỏ, nhưng thanh thế lan ra lại lớn như một đám cháy gặp gió. Xin bệ hạ ra oai để vỗ yên dân chúng, và nghiêm trị lũ đầu sỏ rắc tâm gây bạo loạn.

Nghe Mạnh Minh tâu báo, nhà vua đổi sắc mặt hỏi:

- Trong nước không thể để một ngày có giặc cướp sách nhiễu bách tính. Việc đến như thế, tại sao đến bây giờ khanh mới tâu lên.

- Tâu bệ hạ, khi đêm, vào quăng đầu giờ sừ, thần nhận được thư cấp báo của quan Trấn phủ sứ lộ Đà Giang, gửi theo đường ngựa trạm. Sợ kinh động đến hoàng thượng, nên thần tự nhủ, để sớm nay thiết triều, thần sẽ tâu cũng chưa muộn. Việc tuy có phiền phức,

nhưng chắc là không nghiêm trọng lắm, quân trong lộ có thể dẹp yên được, nên trấn phủ sự mới gửi thư tường trình về khu mật viện. Nếu không ông ta đã có biểu khẩn tấu lên hoàng thượng.

- Cứ cho mọi việc như khanh dự liệu. Nhưng cứu dân phải như cứu hoả ta sao yên lòng được.

Các quan hãy nghe đây:

- Nội trong ba ngày nữa ta sẽ xuất quân đi bình man. Dích thân ta sẽ vào đạo Lâm Tây cùng năm ngàn quân. Đô thượng tướng quân Đàm Toái Trọng lĩnh ấn tiên phong theo ta. Khai Hoàng vương làm đại nguyên soái lĩnh mười ngàn quân dẹp các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên. Ta cho Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiều giữ ấn tiên phong đạo quân này. Uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư làm phó tiên phong.

Thái úy Nguyễn Quang Lợi điều quân tại các vệ Kim ngô, Bồng nhật, Ngư long, Quảng thánh. Lưu thủ kinh sư ta giao cho Phụng Càn vương. Các ông Thái sư Lương Nhậm Văn, Thái phó Ngô Thượng Đình, Thái bảo Đào Xà Trung phụ tá. Quân số, quân lương, binh khí phải lo đầy đủ, đúng giờ tuất ngày kia ta xuất quân. Quân lệnh như thiết, chậm trễ hoặc sơ sẩy điều gì, ta sẽ nghiêm trị.

- Lại nghe đây, Quốc sử viện cử theo hai quân hai

vị sứ quan, một theo ta, một theo Khai Hoàng vương để mà ghi chép. Nhà vua ngừng lời, nhìn khắp triều quan, ngài nói. - Những điều quan Thái sư vừa tâu, ta thật hài lòng. Gần một ngàn ngôi chùa mới dựng, cũng tức là gần một ngàn ngôi trường mới mở. Cứ cho đồng đều mỗi chùa mở được một lớp, mỗi lớp bù đi trừ lại là ba chục học trò. Vị chi sau ba năm, ta có gần ba chục ngàn người biết chữ. Các khanh phải hết lòng cùng ta, sao cho trong vòng mười năm nữa, cả nước ta không làng nào không có một ngôi chùa, cũng tức là không làng nào không có một ngôi trường. Muốn thế các đạo tràng phải được mở mang hơn nữa. Việc này các ông bên Hữu nhai tâng thống phải góp sức với Giáo hội mới có thể làm được. Và phải cấp độ diệp không hạn chế cho những ai có lòng xuất gia. Từ nay, phải là những người đã thông chữ nghĩa, con nhà lương dân mới được cấp độ diệp, chứ không cấp cho những người mù chữ, những kẻ đã từng phạm vào các tội bất hiếu bất mục, du đăng, trộm cắp... Vì sao vậy, vì cả chục năm nay các chùa làng đã dạy cho nhiều lớp người trở nên có học. Vì đã biết chữ rồi, nên hạn kỳ đào luyện trong các đạo tràng phải rút thời hạn xuống còn hai hoặc ba năm, thay vì năm năm như trước kia. Vì trước đây phải tính cả thời gian học chữ.

Lại nữa Tả nhai đạo lục cũng phải xem xét bên Đạo giáo nếu mở đạo tràng, đào luyện các đạo sĩ cho

đạo quán cũng phải nhận được sự bảo trợ của triều đình. Cấm ngặt không được phân biệt đối đãi giữa các dòng đạo.

Lại nữa từ sang năm, mỗi lộ phải mở ít nhất một trường để thu nhận những người có học hành chữ nghĩa trong dân vào học. Thời gian khoảng từ hai đến ba năm. Chính những trường này, sẽ là những lò đào luyện những người có năng lực có hiểu biết, rồi nhà nước sẽ có những cuộc thi tuyển, để lấy họ vào làm việc trong các cơ quan công quyền. Sao cho, hễ đã là người của nhà nước, thì từ triều đình tới hương thôn, đều phải thông thạo chữ nghĩa, chứ không thể xôi đỗ như bây giờ được. Bây giờ ta thấy nơi hương thôn, sổ sách thuế má của nhiều chức dịch, vẫn là những cuộn dây thừng. Ngay trong năm nay và chậm nhất là tới nửa sang năm, phải thay hết các chức dịch không biết chữ nơi hương ấp. Bây giờ không thiếu những người trẻ tuổi tinh thông chữ nghĩa. Dừng sợ người trẻ không làm được việc. Nên biết, chỉ người trẻ mới có đầu óc canh cải, mới dám làm các việc lớn, việc mới lạ, mới dám cách cựa dính tăn.

Còn một vài việc khác Thái sư Lương Nhậm Văn vừa tâu, như việc giao thương với các nước, kể cả Tây dương. Đây là việc hệ trọng lắm, cũng là cơ hội lớn lắm, phải bàn bạc, cân nhắc, một mình ta chưa thể quyết được. Sau cuộc bình dẹp này trở về, ta sẽ cùng

các khanh cân nhắc, nếu tốt mà bỏ qua là không thức thời, là không dám cách cụt. Kể cả việc tu chính hình luật, cũng là việc quan yếu cần bàn sớm và làm sớm, để người dân có chỗ tựa.

Lại nói Khai Hoàng vương khi nhận mệnh làm đại nguyên soái đi đánh các châu Đô Kim, Thương Tân, Bình Nguyên bèn cho triệu các tướng thuộc hạ. Lê Phụng Hiểu là người tận trung với nước, trải thờ hai triều vua, tuy tuổi già nhưng sức lực vẫn cường tráng, mưu kế lại thâm trầm, Thái tổ từng cho Phụng Hiểu đi theo dương kim hoàng thượng từ ngày mới đến tuổi mở phủ riêng, để tướng quân diu dắt và huấn hõ hoàng thái tử. Nay nhà vua lại ưu ái hoàng thái tử Khai Hoàng vương, để tướng quân giúp rập. Ấy cũng là mong mỗi nơi viên tướng dày dặn chiến trận này, rèn giũa cho vương trở thành một bậc văn võ kiêm thông nhằm sau này dùng vào việc trị nước. Lại cũng nhằm cái ý như tiên đế ngày xưa, không dễ quyền nắm giữ quân quyền vào tay một vị tướng, một cường thân; như thế nhà vua dễ bị bề tôi áp chế. Ngoài Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu còn có Đô Sấn tướng quân cùng một số tướng văn tướng võ thường châu hầu trong phủ của Khai hoàng vương.

Thêm nữa còn có viên tướng trẻ là bạn của hoàng thái tử từ ngày thơ ấu. Người ấy tên là Ngô Tuấn, trưởng nam của Ngô An Ngữ nhà ở phường Thái Hòa bên kia

bờ sông Tô Lịch. Năm nay hoàng thái tử vào tuổi mười lăm, Ngô Tuấn cũng bước vào tuổi mười chín. Ngay từ nhỏ, từ hồi hoàng thái tử còn hai, ba tuổi, nhân một buổi Ngô An Ngữ dẫn con đi dạo phố phường, gặp hoàng thượng lúc ấy còn là hoàng thái tử ở ngoài cổng thành. Lý Phật Mã nom thấy Ngô Tuấn dung mạo khác thường. Tóc đen như mun, da sần, môi đỏ, mắt sáng, lông mày rậm dài trùm cả đuôi mắt, nhưng lại hơi xếch, trán cao vuông vức, tai to, đầy, miệng rộng, dáng đi dững mãnh, lời nói dứt khoát, giọng nói trong và có âm vang. Tuy còn là một đứa trẻ, nhưng các tướng quý, cái nét tốt của Ngô Tuấn đã hiện lộ. Vì vậy, hoàng thái tử Lý Phật Mã thường nhắc Ngô An Ngữ đem Ngô Tuấn sang chơi với con mình. Hoàng thái tử Lý Nhật Tôn và Ngô Tuấn kết thân với nhau từ nhỏ, nên vừa có tình bè bạn vừa có nghĩa vua, tôi. Ngô Tuấn được cha rèn dạy học hành chữ nghĩa, nhưng Tuấn thường tỏ lộ chí hướng của mình nơi con đường binh nghiệp. Có lần được cha hỏi, Ngô Tuấn nói: “Con chỉ muốn học cho biết chữ để đọc sách. Cái chí của con muốn làm được việc lớn, muốn lập được công to, muốn xông vào sóng lớn mà bắt loài kinh ngư”. Vì vậy Ngô An Ngữ thường tìm thầy giỏi cho con học. Tìm các sách binh thư của các nhà Tôn- Ngô cho con đọc rồi cha con đàm đạo. Ngô Tuấn tư chất thông minh khác thường. Sách nào cũng chỉ đọc qua một lần là nắm được các điều

quan yếu nhất của trước tác. Lúc đầu, Ngô An Ngữ còn giảng giải được cho con, nhưng đọc rộng ra, Ngô Tuấn có cái nhìn khác lạ, thường đặt ra những vấn đề nằm ngoài sách, nên Ngô An Ngữ không còn đủ sức giảng giải cho con nữa, ông phải dẫn con tới các bậc trưởng thượng để thỉnh giáo. Ngô Tuấn sống trong tình yêu thương của cha mẹ, và đang gắng gỏi học hành, cũng như tận lòng làm thần tử trong phủ Khai hoàng vương, bỗng nhiên tai hoạ ập đến. Số là năm Tân mùi (1031), Ngô An Ngữ nhận mệnh đi tuần thú miền biên địa ở Tượng Châu<sup>1</sup>, giáp với nước Lão Qua<sup>2</sup>, thì bị bệnh mà mất. Vua Thái tông thân tới tận nhà tế trước anh hồn Ngô An Ngữ, lại gia phong tước, lộc để an ủi Ngô phu nhân và anh em Ngô Tuấn.

Mười ba tuổi cha mất, mặc dù được mẹ hết lòng thương yêu, nhưng Tuấn vẫn cảm thấy trống vắng như người mất phương hướng, mất cả chỗ tựa. Ngô phu nhân dò biết được tâm trạng của con bèn nhờ người em rể chồng là Tạ Đức chăm sóc và dạy dỗ. Ngô Tuấn từ đấy được người chú rể hết lòng chỉ bảo. Tạ Đức là người có học thức, tuổi trẻ thường giao du với Ngô An Ngữ. Tạ Đức người phủ Quốc Oai, gần với quê của Ngô An Ngữ ở Đường Lâm. Hai người cùng nhau kết bạn, từng

---

1 Tượng Châu tức là Châu Ái, vùng Thanh Hoá ngày nay.

2 Lão Qua tức nước Lào.

mong lập thân bằng con đường võ nghiệp. Sau Tạ Đức qua tham cứu về Phật điển. Một thời gian lại bỏ Phật quay về với Nho. Cuối cùng ông mở một ngôi trường nhỏ, thu dụng đám học trò giỏi trong vùng để dạy. Ông thường cùng đám học trò khảo cứu rất sâu sắc về bộ Luận ngữ của Khổng Tử và bộ Mạnh Tử của thầy Mạnh. Sau một thời gian tình bạn trở nên sâu sắc, Ngô bèn gả em gái cho Tạ Đức.

Từ khi học với chú rể, Ngô Tuấn như lại tìm thấy chỗ tựa. Thật ra thì Ngô Tuấn học Tứ thư là học chiếu lệ, chàng dồn hết thời gian và tâm lực vào việc đọc binh thư và luyện võ. Biết cái chí của cháu là ở trên mình ngựa, là ở biên cương, ở nơi trận mạc, nên Tạ Đức thường dành thời gian để luận bàn với Ngô Tuấn.

Hai chú cháu thường đặt ra những tình huống giả tưởng để bác lại binh pháp của các nhà. Điều ấy bao giờ cũng làm cho Ngô Tuấn phấn khích hơn.

Năm Ngô Tuấn mười lăm tuổi, tức là hai năm sau cha mất, chú rể Tạ Đức hỏi:

- Trong các binh gia chú cháu mình đã tham bác, cháu thích nhà nào nhất?

- Đa thưa chú, cháu yêu nhất là Khương Thái công và Tôn Vũ tử.

- Vì sao cháu thích Tôn Vũ?



- Cháu thích bởi ông vừa là nhà chiến lược lại vừa là nhà chiến thuật. Ông vừa dạy người ta bày trận, lại vừa dạy người ta phá trận. Cách bày, cách phá của ông đều chí lý cả. Mưu thuật của ông biến ảo khôn lường. Thêm nữa, ông còn là một tướng giỏi, một trí tướng.

- Tốt. Ta cũng có cảm nhận như cháu.

Được chú cổ vũ, Ngô Tuấn hơi đỏ mặt vì sung sướng.

Tạ Đức lại hỏi:

- Vậy chớ trong các trận đánh cổ, kim cháu tâm đắc nhất những trận nào?

- Cháu chưa được đọc rộng trong thiên hạ, mới chỉ biết lịch sử nước

Tàu. Mà lạ, thưa chú, cháu có cảm nhận hình như cái nước này họ canh cải được, họ tân tiến được là nhờ ở các cuộc chiến tranh. Chiến tranh với họ triền miên như cơm bữa. Họ ghi chép lại được tới cả ngàn trận đánh lớn. Nhưng cháu chỉ để tâm tham cứu có hai trận. Thứ nhất là trận Cai Hạ, Hàn Tín đánh bại Sở Bá vương Hạng Võ. Thứ nhì là trận Xích Bích, Khổng Minh và Chu Du đánh bại Tào Tháo.

- Đây là hai trận đánh lớn nhất, hay nhất trong lịch sử đánh lộn nhau của nước Tàu, khá khen cháu còn nhỏ tuổi mà đã có chí lớn. Chú tin chắc mai đây cháu sẽ trở

thành một danh tướng của nước Việt ta.

- Chú quá khen. Cháu thích là thích ở sự mưu lược, bất quá không hơn sự tò mò của tuổi thiếu niên.

- Ủ thì cứ cho là như cháu tự nhận đi. Vậy chú hỏi cháu, ngoài mưu lược ra thì cháu có còn nhận thấy một điều gì khác không?

Tạ Đức đặt câu hỏi, ông tự thấy, nó nằm ngoài sự hiểu biết của Ngô Tuấn, mặc dù theo ông, Tuấn là một thiếu niên khác thường.

Ngô Tuấn loay hoay rồi nhìn chú khẽ đáp:

- Thưa chú, quả là cháu không biết gì hơn điều cháu đã nói.

- Vậy thôi, chú sẽ nói để cháu rõ. Đọc lịch sử nước Tàu, chắc cháu nhớ đời Xuân Thu an lạc nhân hoà bao nhiêu, thì đời Chiến Quốc loạn lạc bấy nhiêu. Đất nước Trung Hoa chia thành trăm mảnh vụn, xâu xé nhau, giết lộn nhau tàn bạo như xã hội của những loài thú dữ. Tần Thủy hoàng từ phía tây nổi lên chinh phục được tất cả các nước, đưa Trung Hoa qui về một mối. Cái công thống nhất giang sơn ấy thực là vĩ đại. Nhưng người dân Trung Hoa chưa kịp vui hưởng nền hoà bình vừa nhen nhóm, thì đã bị ách cai trị bạo tàn do Thủy hoàng áp chế. Bao nhiêu sách vở thánh hiền từ các đời đều bị Tần Thủy hoàng sai thiêu huỷ hết. Các nhà nho là bộ

óc của cả nước, thì Thuỷ hoàng sai đem họ chôn sống. Đất nước lại chìm trong sưu cao thuế nặng, lửa và máu. Thế là các nước Tề, Ngụy, Yên, Triệu, Hàn, Sở xưa lại nổi lên chống Tần.

Tần bị diệt, thiên hạ lại rơi vào đại loạn. Cuối cùng còn lại hai địch thủ mạnh nhất là Sở và Hán.

Hán do Lưu Bang cầm đầu, Sở do Hạng Võ thống lĩnh. Cháu nên nhớ nước Sở từ khi có Hạng Võ, thì trăm trận trăm thắng. Thế của nước Sở như chẻ tre. Lưu Bang đã từng bị Hạng Võ đánh cho chạy dài và gần như một thứ tù giam lỏng. Lưu Bang sau nhờ được các bộ óc sáng suốt của các bậc thức giả trong đời phò tá như Trương Lương, Tiêu Hà, lại có thêm Hàn Tín là bậc trí tướng của muôn đời đứng ra cầm quân. Còn Hạng Võ, ngoài mình ra, ông không coi trọng bất cứ một mưu sĩ, một tướng tá nào dưới quyền. Ông không thèm hỏi và nghe mưu kế của bất kỳ ai. Cho nên trận Cai Hạ phải được xem như trận thắng của sức mạnh trí tuệ, nước Trung Hoa vì thế lại được qui về một mối. Cháu có sở trường theo về nghiệp võ, vậy chú bảo cho mà biết, từ cổ xưa tới nay, chưa hề có một trận chiến nào đi tới toàn thắng, mà chỉ dựa thuần vào sức mạnh của võ khí và sức khỏe của mấy viên tướng.

Tạ Đức nhìn Ngô Tuấn nghe mình giảng giải như uống lấy từng lời. Ông ngừng lại, như muốn để cho

Ngô Tuấn ghi năm lòng điều mà ông răn dạy.

Ngô Tuấn ngược nhìn chú rể với vẻ thán phục:

- Thưa chú, cháu nhớ ạ. Tuấn lại mạnh dạn hỏi thêm.- Dạ, thế còn trận Xích Bích thì thế nào ạ.

Tạ Đức cười, điệu cười của ông thật là sáng khoái. Ông đứng dậy vỗ vai cháu với một niềm lóe sáng:

- Ham hiểu biết là dấu hiệu báo trước của một tài năng. Trận Xích Bích, chú nói thật, từ trẻ con đến người lớn, từ các binh gia đến các nông phu không ai là không thích cả. Đây là một trận đấu trí lớn nhất về binh pháp trong lịch sử nước Tàu. Trận chiến hay ở chỗ nó không cân sức. Tào Tháo vừa là bậc trí tướng vừa nắm sức mạnh áp đảo. Nếu bày trận mà đánh ngay, chắc Chu Du, Khổng Minh không cách gì chống đỡ nổi. Nhưng oái oăm thay, nếu sức mạnh binh lực nghiêng về Tào Tháo, thì sức mạnh về mưu thuật, về trí tuệ lại nghiêng về Đông Ngô. Đông Ngô có tới ba bộ óc siêu quần là Khổng Minh, Chu Du, Bàng Thống. Kết cục là Tào Tháo thua thảm bại, suýt chết về tay Quan Vân Trường ở Hoa Dong tiểu lộ.

Cả hai trận mà cháu thích nhất trong lịch sử chiến trận Trung Hoa, đều kết thúc thắng lợi nghiêng về phía trí tuệ, mưu thuật. Nhưng kết thúc của hai trận này lại đem về những kết quả trái ngược. Trận Cai Hạ kết thúc

dem lại sự nhất thống cho nước Tàu. Trần Xích Bích lại mở đầu cho thời kỳ phân rã đẽ nước Tàu chia làm ba nước Ngô - Ngụy - Thục và loạn lạc kéo dài gần tới một trăm năm, rồi cơ đồ mới sang tay nhà Tấn.

Ngô Tuấn tuy mồ côi cha, nhưng được người chú rề vừa có học thức vừa có nhân cách rèn dạy, nên Tuấn cũng cảm thấy ấm lòng. Mặt khác hoàng thái tử Khai hoàng vương Lý Càn Đức lại có lòng quyến luyến, coi như một người bạn tâm phúc, một bề tôi tin cậy, vì thế Ngô Tuấn càng ra sức học hành tu dưỡng để có chỗ tiến thân. Cuộc đời tưởng như thế cũng là một sự đền bù, vì ông Trời có mắt. Thế nhưng bỗng nhiên mẹ của Ngô Tuấn, tức Ngô phu nhân không có bệnh tật gì mà mất. Bà vừa ra đồng coi sóc người làm, coi sóc công việc trong tiết trời lạnh giá. Phu nhân đã mặc đủ đồ ấm, nhưng vì tính cẩn thận, việc gì bà cũng phải xem xét cho tường tận. Khi người lực điền vừa bữa ruộng xong, phu nhân bèn lội xuống ruộng xem bùn đã tới nhuyển chưa. Trở về nhà, chưa kịp rửa chân tay, bà đã ngất đi và không bao giờ tỉnh lại nữa. Thế là chỉ trong vòng năm năm, Ngô Tuấn mất cả cha lẫn mẹ. Tới lúc này thì Tạ Đức không kìm được lòng mình, ông phải thốt lên: "Thiên vô mục!" (Trời không có mắt). Còn cô của Ngô Tuấn thương cháu, khóc đến nổi nước mắt đỏ như máu.

Thương mấy đứa cháu mồ côi, lại cả thương vợ, Tạ Đức liền bàn với Ngô thị:

- Ngô tướng quân và Ngô phu nhân chẳng may đều thất lộc cả. Nàng là cô ruột của chúng cũng chẳng khác gì cha chúng. Vậy theo ta, nên đưa cả anh em chúng về bên nhà mình, cho tiện việc giáo dưỡng. Và lại, ta thấy Ngô Tuấn là một thiếu niên khác thường, sau này sẽ là bậc chân tài giúp đời, giúp nước. Ta dạy con cái khắp thiên hạ còn được, hướng chi mấy đứa cháu của nàng.

Quả là điều Ngô thị không dám nghĩ tới. Nàng bèn sụp lạy, nói qua nước mắt:

- Tạ ơn phu quân. Thiếp là phận gái đã xuất giá. Xuất giá tòng phu. Iấy chồng phải theo chồng, phải lo toan cho nhà chồng, thiếp đâu dám nghĩ tới việc đưa các cháu của mình về đây nuôi dạy. Nay nhờ chàng có tấm lòng bao dong như trời biển, ơn ấy thiếp xin kết cỏ ngậm vành<sup>1</sup>.

Anh em Ngô Tuấn từ khi được về ở với cô chú, được bọc đùm trong tình yêu thương, nên cũng với người đôi phần nổi xốt thương và cô quạnh.

---

<sup>1</sup> Ý nói sẽ hết lòng để báo đáp. Tích này lấy từ sách Hậu Hán thư về việc Dương Bảo cứu một con sê vàng gần chết. Ông chăm sóc tới khi nó mạnh khoẻ thì thả ra. Sau ông mơ thấy một đứa trẻ đem đến bốn chiếc vòng ngọc tặng cho. Quả nhiên con cháu nhà Dương Bảo tới bốn đời vinh hiển.

Những lúc vắng cô chú, Ngô Tuấn từng nói với em là Ngô Thường Hiến rằng:

- Chẳng may cha mẹ mất sớm, anh em ta nhờ được cô chú cứu mang, cho ăn lại cho học, phải gắng mà học em ạ, ngoài những lúc học ra, còn phải làm các việc trong nhà để đỡ đần cô chú. Anh lớn làm việc nặng, em bé làm việc nhẹ như quét sân, quét nhà, dọn cơm, rửa bát, cho lợn cho gà ăn.

Một bữa nọ, nhà có thửa ruộng vừa gặt xong, sáng sớm Ngô Tuấn đã vác cày dắt trâu ra đồng cày. Vừa lúc Tạ Đức từ trong nhà bước ra sân, trông hút bóng trâu, bóng người, ông bèn gọi:

- Tuấn!

Ngô Tuấn họ trâu dừng lại:

- Thưa chú gọi cháu.

- Có phải cô bắt cháu đi cày ruộng không?

- Thưa chú, bà vợ cháu đã học xong cả rồi. Ngày mai mới có buổi học võ. Cháu muốn đi cày để rèn luyện chân tay chứ không phải cô sai cháu đâu ạ.

Phân vân rồi Tạ Đức vỗ vai cháu nói lời thân mật:

- Cháu tự ý đi làm thế là tốt. Ta chỉ muốn nói, ta và cô cháu đưa anh em cháu về nhà ta là cốt để cho anh em cháu học cho thành người, cho vong linh cha mẹ cháu được mát mẻ, chớ không phải ta bắt các cháu về

nhà ta để sai vặt, để di cày. Nhưng thôi, cháu cứ di cày đi, để biết người nông phu vất vả cực nhọc thế nào mới kiếm được hạt thóc, mới có miếng cơm ăn. Lại phải nhớ, nếu sau này ra đời có được làm quan lớn, quan bé hãy thương lấy người dân lam lũ.

- Dạ, cháu xin lĩnh ý chú.- Nói rồi Ngô Tuấn quất thừng vào lưng trâu, gióng ra ruộng cày.

Lại nói Khai Hoàng vương được vua cha trao ấn đại nguyên soái đi dẹp loạn tại ba châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên. Tuy mới mười lăm tuổi, nhưng được vua cha huấn dỗ và cho tập dượt nhiều lần. Khi thì lưu thủ kinh sư, khi thì lĩnh ấn thượng tướng, ấn nguyên soái đi đánh dẹp, hẳn nhiên là các viên đô tướng, thống tướng phụ tá phải chịu trách nhiệm về mọi mặt của các cuộc dẹp loạn, chiêu an, còn trách nhiệm của hoàng thái tử lúc này chỉ là quan sát, qua đó mà trưởng thành dần lên, mà dần dày kinh nghiệm để dùng vào công việc trị bình khi lên nối dòng đại thống.

Lần xuất chinh này, ngoài các tướng quen thuộc, Khai Hoàng vương còn cho triệu Ngô Tuấn xung vào đảm tả hữu vũ vệ.

Cầm tờ quân mệnh trong tay, Ngô Tuấn rưng rưng cảm động. Chàng tự hỏi: - Có phải cơ hội ta hằng mong mỏi, nay đã đến. Chàng vui mừng tưởng như lục phủ ngũ tạng trong người chàng, tất thấy đều cùng một lúc



bùng nổ, cả cái đầu chàng chứa chấp đủ thứ ở trên đời cũng cứng cựa không chịu ở yên. Chàng vội đem tờ quân mệnh có đóng dấu ấn đại nguyên soái lên nhà trình với chú rể.

Ngô Tuấn nói giọng vẫn chưa hết run:

- Thưa chú, phủ Khai Hoàng vương có mệnh triệu cháu đi dẹp giặc Man trên lộ Đà Giang.

Tạ Đức đón tờ quân mệnh từ tay Ngô Tuấn, mặt không biến sắc nhưng lòng ông vui chấp chơi. Ông không ngờ cháu ông đã lọt vào mắt xanh hoàng thái tử. Biết đây là cơ hội tiến thân, thành bại cũng là ở bước này đây. Trao lại tờ quân mệnh cho cháu, ông nói dần từng tiếng:

- Cháu được châu hầu Khai Hoàng vương bây giờ, tức là sẽ được châu hầu thiên tử mai đây. Cuộc ra mắt của cháu lần này thật là hệ trọng. Cuộc đời cháu, sự nghiệp cháu có rạng rỡ hay không đều ở chuyến đi này.

Ngô Tuấn hết dỗi ngạc nhiên, chàng mạnh dạn nói:

- Thưa chú, có phải đến bây giờ cháu mới ra mắt Khai Hoàng vương đâu, cháu với hoàng thái tử đã chơi với nhau từ hồi ngài mới được hai tuổi, tới nay đã hơn chục năm rồi ạ.

- Việc ấy sao chú lại không biết. Chính vì có

mối quan hệ thân tình từ trước, nên mới có quân mệnh của Khai Hoàng vương triệu cháu đi đánh dẹp lần này. Cho nên lần này là kỳ đại sát hạch không chỉ với Khai Hoàng vương, mà còn trước các vị tướng văn, tướng võ đã từng trải. Họ vừa độ lượng, vừa khát khe, nên ta không thể không căn dặn cháu. Ví như các vị có hỏi cháu về bất cứ điều gì, nếu biết thì cháu cứ mạnh dạn nói đầy đủ, nếu chưa biết cháu cứ thực tình thưa rằng cháu chưa biết và xin được chỉ giáo. Nếu cháu lại được cất cử di mai phục, thì cháu phải suy tính, cơ mưu, sao cho không mắc mưu địch, còn đối mặt thì phải quyết thắng. Khi tướng giặc đã ngã ngựa rồi thì không giết nữa. Giết người ngã ngựa là hành vi của đứa súc sinh, nhưng phải bắt giữ, phòng quân kia tráo trở. Chăm giữ tướng giặc, kể cả thuộc hạ và binh lính của họ, phải cho ăn uống đầy đủ, đối xử tử tế, không được đánh đập hoặc nhục mạ người ta.

Lại nhìn thẳng vào mắt của Ngô Tuấn, Tạ Đức nhấn từng lời: - Những điều chú dặn cháu, là những điều sơ đẳng của đạo làm tướng, nó cũng biểu thị tính dằng hoàng của người quân tử. Bây giờ cháu soạn sửa mà vào cung. Cỡi con Vân long và lấy cả cây cung của chú mà ra mắt Đại nguyên soái Khai Hoàng vương.

Đúng là Ngô Tuấn đã được người chú răn giáo huấn chu đáo, chẳng khác mấy tình cảm của người cha, lại

được cô săn sóc như tình mẹ, khiến chàng không còn mặt cảm mình bị trống trải, cô đơn. Chàng không biết bộc lộ tình cảm mình thế nào để tỏ lòng biết ơn đối với người chú rể, Ngô Tuấn bèn chấp tay vái hai vái, mắt chớp chớp cay xè, chàng nói:

- Thưa chú, cháu xin ghi lòng tạc dạ.

Khi các thuộc hạ của điện Long Đức đã tề tựu đầy đủ, Khai Hoàng vương bèn lên tiếng:

- Phụ vương sai ta đi đánh dẹp người man nổi loạn tại các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên. Đây không phải lần đầu tiên ta ra trận, ngặt vì tuổi ta còn trẻ chưa từng trải, mà kẻ kia thì quý quyết. Vậy ta trao toàn quyền điều hành cuộc bình dẹp này cho Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu. Việc đánh dẹp ba châu, phụ hoàng cho ta mười ngàn quân. Vậy nên như thế nào, đánh cả ba châu cùng một lúc, hay là đánh từng nơi một, tướng quân thử nói ý đồ cho mọi người cùng nghe,

Nhìn khắp lượt tả hữu rồi Khai Hoàng vương dừng lại nơi Ngô Tuấn. Đoạn lại nói:

- Lần ra quân này ta còn triệu cả Ngô Tuấn. Thực tình đây là lần đầu Ngô Tuấn ra trận. Nhưng từ lâu ta biết Ngô Tuấn nghiên ngẫm binh thư, lại theo thầy học võ. Kiến thức có thể hơn đời nhưng xung trận thì

chưa biết như thế nào. Lúc gọi Ngô Tuấn đi theo quân, ta muốn cho Tuấn xung vào đội tả hữu vũ vệ. Nhưng nay ta đã đổi ý. Ta cho Ngô Tuấn làm đô tướng quân, dưới quyền sai khiến của Đô thống thượng tướng quân. Mong Lê tướng quân hãy vì ta mà sai báo Ngô Tuấn, sao cho Tuấn phát lộ được cả sở trường lẫn sở đoản.

Nghe Khai Hoàng vương nói, Ngô Tuấn cảm thấy hoàng thái tử dành cho chàng một ân huệ không ngờ. Vừa lúc, Lê Phụng Hiếu đứng lên vái Khai hoàng vương hai vái:

- Thần xin lĩnh mệnh.

Ngô Tuấn liền đứng lên vái Khai Hoàng vương hai vái:

- Đội ơn Khai Hoàng vương ban trọng ân.

Đoạn lại quay về phía Lê Phụng Hiếu vái một vái và nói:

- Tiểu tướng xin được hầu hạ dưới trướng Đô thống tướng quân. Xin được sai báo.

Mọi người yên vị xong, Khai Hoàng vương lại phán:

- Tả hữu lần này đi đánh dẹp, mọi việc bên ngoài, tức việc quân, ta giao cho đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiếu quyết. Đi theo quân còn có các quan nội, ngoại sứ, tả hữu phúc tâm, tả hữu gián nghị và tham

tri chính sự.

Dừng lại ngẫm nghĩ một lát, Khai Hoàng vương lại tiếp- Việc ngoài ta đã giao cho Phụng Hiều, còn việc trong, tức là sau khi đánh dẹp thì việc chiêu an, phủ dụ vỗ yên dân chúng thế nào, cũng như các việc về đất đai, thuế tô tha giảm thế nào, ta giao cho hữu tham tri chính sự Kiều Bồng lo giùm.

Khai Hoàng vương mới mười lăm tuổi mà điều hành tả hữu như một triều đình, đâu ra đấy. Xem thế đủ biết việc đắp móng xây nền từ đời Thái tổ nói đến Thái tông, điều tốt thì giữ, điều phiền toái thì bỏ, rồi lại thêm vào đó những điều cần thiết và tiện ích. Nếu cứ giữ được đức lớn như thế này thì các vua nối, khi được nắm giữ ngôi tôn đã quen thạo công việc. Nắm vững việc văn, giỏi giang việc võ, lại trái sương gió trận mạc, sống đời giản dị gần cận với cả người lính tốt, người dân đen. Thế mới biết chính sách của nhà Lý là *bình dị cận dân*.

Nhận quân xong, Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiều họp các tướng dưới quyền để vạch kế tiến quân. Ông nói:

- Hoàng thượng giao cho Khai Hoàng vương cầm quân dẹp loạn tại ba châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên. Chúng ta là thuộc hạ của Khai Hoàng vương nên phải dám đương các việc. Quân đi đánh dẹp cả ba

nơi, vua cho ta mười ngàn người. Hoàng thượng nói, giờ tuất ngày mai khởi binh. Theo ta, lệnh đó là để lừa giặc thôi. Trước hết, ta nói các ông biết về kế của ta. Mười ngàn binh, ta phân như sau:

- Đô Sấn thượng tướng quân, lĩnh bốn ngàn quân.

- Uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư, lĩnh bốn ngàn quân.

- Ta, Đô thống thượng tướng quân lĩnh hai ngàn quân, phò hoàng thái tử. Tiểu đô tướng quân Ngô Tuấn xung vào đội quân của ta, đặc cách giữ chức Phó đô thống.

Nay ta hỏi thực các ông, có ai biết rõ về địa thế của một trong ba châu này thì tự nhận. Nhược bằng chưa rõ địa thế, ta sẽ mở bản đồ chỉ dẫn cho. Ta nói để các ông biết, lực lượng nổi dậy ở mỗi châu bất quá chỉ dăm ba trăm quân ô hợp. Nhưng những tên đầu lĩnh thì gian ác và quỷ quyệt, chúng lừa mị người dân khờ khạo theo chúng. Ai có đầu óc tỉnh táo biết nghĩ suy, dẫu không muốn theo chúng cũng không được, chúng sẽ cướp của, đốt nhà, có khi còn giết hại cả sinh mạng người ta nữa. Nhưng nếu thấp thoáng bóng quân triều đình, là chúng bỏ trốn ngay. Rừng già trùng điệp, núi non hang động ngóc ngách, đường ngang lối tắt, chúng thuộc nằm lòng, len lỏi như con cây con cáo, ta lại ở xa đến, lạ lẫm, làm sao mà đón bắt được chúng. Muốn dẹp

yên, phải bắt được những tên đầu lĩnh. Bằng không, quân ta rút về chưa tới Thăng Long, chúng đã trở lại hành hạ người dân như cũ.

Vậy trong các ông, ai có kế hay nói thử ta nghe. Chờ mãi chẳng thấy ai đáp lời, Lê Phụng Hiểu bèn trở vào Vũ Ba Tư mà phát vấn:

- Uy vệ thượng tướng quân! Ông là tướng hùng sói của triều đình. Ông cho mọi người nghe thử diệu kế của ông. Uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư, nom dáng dấp chẳng có gì là oai vệ cả. Khác với Lê Phụng Hiểu to lớn, đầy đà, tiếng nói oang oang như tiếng cồng, tiếng lệnh; Vũ Ba Tư người tầm thước, quần khăn vành dây trùm lên búi tóc khiến chiếc khăn có dáng dấp một cái hình thoi, và tựa như ông đang đội chiếc thuyền nhỏ ở trên đầu. Hôm nay, ông vận áo dài đoạn, tay thụng. Tướng quân có đôi tay dài như tay vượn. Khi ông đứng, bàn tay buông thõng tới đầu gối. Có lẽ cái uy võ tướng của ông là ở đôi mắt và giọng nói. Mắt ông khi nhìn thẳng, hai đồng tử cứ như hai ngọn đèn chói sáng. Người dũng cảm, trung thực mới dám nhìn vào đôi mắt của tướng quân. Còn giọng nói thì trong mà vang như tiếng chuông. Bởi vậy, khi ông đã cất tiếng nói và đưa mắt nhìn khắp lượt, cái uy của ông như bao trùm, khiến mọi người phải nghiêm cẩn lắng nghe.

Vũ Ba Tư nhìn khắp lượt rồi vái Khai Hoàng vương

hai vãi, ông nói:

- Đô thống thượng tướng quân quá khen, khiến mặt tướng phải xấu hổ. Về đám giặc cỏ này đúng như ngài nói, so với quân của triều đình, nó tựa như đám trẻ trâu nghịch ngợm thái quá. Nhưng nó đã thành tinh rồi. Đánh đuổi chúng đâu có phải chuyện khó. Nhưng bắt chúng phải tâm phục khẩu phục, cải tà qui chính để giữ cho dân chúng được yên ổn làm ăn lâu dài mới là chuyện khó. Chỉ có bắt sống được mới có cơ hội giáo hóa và cải hóa chúng. Kể từ hồi tiên đế tới nay, chúng cứ cha truyền con nối mà làm loạn. Triều đình đánh dẹp, tới nay kể tới cả chục lần rồi.

Theo thiên ý của mặt tướng, ta nên bàn cho rõ ràng, sao cho lần đánh dẹp này là lần cuối trót. Muốn vậy ta phải tiến quân sao cho bí mật, để lúc xuất hiện giáp chiến thật bất ngờ. Bao vây chặt chẽ, đánh võ mặt, để chúng không thoát ra bằng ngã nào được, khiến chúng nếu không ra hàng sẽ bị bắt, bị giết. Kế đó là việc chiêu an dân chúng bằng các chính sách nuôi vỗ của triều đình. Nhưng có điều ai cũng biết rằng, nếu để dân thiếu đói, dân dễ nghe bọn xấu rủ rê làm loạn. Ấy thế mà dân vẫn cứ bị bỏ đói. Bọn xấu vẫn lừa mị rủ rê được họ nổi loạn. Vậy chớ các quan lộ phủ sứ, quan châu ăn lương, hưởng lộc của triều đình, họ làm những việc gì. Rồi tiên, gạo của triều đình ban cấp cho dân đều qua tay họ cả,



họ có cấp cho dân không? Quái lạ, thế thì thường ngày họ làm việc cho ai? Thừa quan Đô thống thượng tướng, trong ba châu mà ngài nhận mệnh đánh dẹp đó, Ba Tư tôi xin nhận dẹp-châu Bình Nguyên. Nhưng để cho vẹn toàn, không gì bằng việc phải có người dân tại chỗ để hỏi han đường đi lối lại. Thực tình, ta chỉ thông thạo các đường cái quan, các sông, ngòi, suối, khe chính, chứ thực các đường ngang tắt, các lối mòn vào hang động có tới trăm ngã, sao ta ở xa có thể biết hết được. Cho nên điều quan yếu nhất của việc đánh dẹp, là phải bắt được các tên đầu sỏ mà trị tội, có như thế việc chiêu an mới đạt thành tựu lâu dài; mới trừ tiệt được mọi ẩn họa cho lương dân.

Vũ Ba Tư ngừng lời trước sự kính trọng của mọi người. Ngô Tuấn được Khai hoàng vương cho theo hầu, tướng đã là một trọng ân, ai ngờ quan đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiều, không những chấp nhận cho theo vào quân ngũ, lại còn đặc cách cho giữ chức phó đô tướng quân. Thực tình Ngô Tuấn mừng vui khôn xiết, nhưng chàng rất sợ. Bởi cái chức cao vời vợi ấy, chàng chẳng hình dung được nó phải làm những công việc gì, và cũng chưa bao giờ chàng mơ đến nó. Không phải là một sự sợ hãi, sợ giá vờ, mà chàng run sợ thật sự, nếu như đô thống thượng tướng sai “phó đô tướng quân” Ngô Tuấn thay ông để điều hành các tướng dưới

quyền. Chao ôi, phải đứng đầu để sai khiến các bậc tướng trí dũng song toàn như uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư, thuận những người tuổi tác vào bậc cha, chú mình cả. Một thiếu niên, một công tử con một vị tướng nhỏ, bỗng nhiên một bước... Càng nghĩ, Ngô Tuấn càng sợ hơn là vui, là hãnh diện như lúc đầu mới nghe Lê Phụng Hiếu nói. Càng nghĩ, mặt Ngô Tuấn càng lúc càng nhợt nhạt.

Tâm trạng của những người trẻ tuổi còn trắng trong hiện lên gương mặt họ, có khác chi những trang sách đời của họ được ghi chép tỉ mỉ nhưng đang mở ngổ. Người từng trải, chỉ thoáng nhìn là biết ngay. Lê Phụng Hiếu chợt đọc được những lo lắng của chàng thiếu niên này. Ông nhìn thẳng vào mắt Ngô Tuấn, nở nụ cười đôn hậu, rồi ông bước về phía chàng, đặt hai bàn tay to mập như tay hộ pháp làm lệch cả một bên vai Tuấn, rồi ghé tai chàng, ông nói nhỏ:

- Cháu cứ bình tâm. Mọi việc sẽ đâu vào đó. Ta không làm khó cho cháu đâu mà sợ.

- Cháu đội ơn Đô thống thượng tướng.- Ngô Tuấn nói nhỏ vừa đủ hai người nghe.

Lê Phụng Hiếu an ủi Ngô Tuấn xong lại lui về chỗ. Và ông gắng hỏi các tướng văn, tướng võ xem còn ai có kế sách gì cần nói.

Mấy người khác lần lượt nói tiếp, nhưng không ngoài các ý mà Lê Phụng Hiểu và Vũ Ba Tư đã nói.

Một vài vị tướng như muốn thử tài Ngô Tuấn nên gặng hỏi:

- Sức trẻ là sức đời non lập biển. Chí hướng của người trẻ thường ngạo nghễ như đôi cánh đại bàng, mỗi tôi muốn được nghe đôi lời của Ngô tướng quân. Nên chăng?

Lê Phụng Hiểu cho đây là sự ẩn ức của một vài vị tướng. Ông biết Ngô Tuấn sớm muộn cũng trở thành người hữu dụng cho nước, trước hết và hơn hết Ngô Tuấn quyết chí học hành, lại khiêm cung, cầu tiến. Tuy nhiên, chàng thiếu niên này chưa tỏ lộ được điều gì, mà bỗng chốc đứng trên người khác, tuổi đời và tuổi quân đều có thể sánh ngang với cha của Tuấn. Đô thống thượng tướng quân cũng cho rằng, người làm tướng nếu không được đồng cấp coi trọng, ắt có sự không phục. Đã không được đồng cấp coi trọng thì cũng khó mà điều hành cấp dưới, và như vậy khó mà tạo lập được cái uy trước ba quân. Ấu cũng là việc nên làm. Chỉ bằng ta cứ để cho gã thiếu niên này thử sức. Nghĩ vậy, Lê Phụng Hiểu bèn nói:

- Tiểu tướng quân Ngô Tuấn đúng là tuổi còn niên thiếu, nhưng được sinh trong một gia đình nề nếp, được phụ thân nghiêm dạy, lại được gần gũi các bậc trí huệ,

và hơn hết lại thuộc dòng dõi của Ngô tiên chúa, từng đánh bại Lưu Hoằng Tháo nhà Nam Hán, đưa nước ta lên dài vinh quang, sánh vai với các triều đại lớn của Trung Hoa. Vậy thời xin các tướng có điều gì cần bàn thảo với tiểu tướng quân xin cứ việc.

Ngô Tuấn quá là hơi chột dạ. Song chàng tự nghĩ: “ Đúng như chú ta đã dạy trước lúc lên đường rằng cái gì biết thì thưa, cái gì chưa biết thì hỏi”.

Lập tức có một tướng tuổi ngoài bốn mươi bèn hỏi:

- Xin Ngô tướng quân cho biết, chẳng hay tướng quân học với những thầy nào, thuộc môn phái nào, và đọc những sách nào.

Ngô Tuấn liền đứng dậy, mặt chàng ửng đỏ vì hơi ngượng không biết nói năng thế nào. Sau cứ theo lời chú dặn, biết gì nói ấy.

Ngô Tuấn nhìn khắp lượt mọi người để lấy sự bình tĩnh. Dừng lại phía hoàng thái tử, Tuấn vái hai vái rồi nói:

- Kính bẫm Khai Hoàng vương, kính thưa Đô thống thượng tướng quân, kính thưa chư tướng, Tuấn cúi đầu vái cả bốn phương- Dạ thưa, tiểu nhân được cha mẹ cho theo học từ bốn, năm tuổi, nhưng chỉ học các thầy đồ làng. Mười tuổi theo lò võ cũng là các thầy trong làng cả. Dạ, cũng chỉ là học về các bộ quyền, cước, đao, kiếm sơ sơ

thuộc dòng võ của ta thôi, chứ chưa theo về hẳn một môn phái nào cả. Rồi chẳng may cha mẹ đều thất lộc, mấy anh em sống côi cút. May được chú rể thương tình đem về nuôi dạy. Về đọc sách, tiểu nhân được các thầy và chú cho học, cho đọc Tứ thư, rồi lại đọc các sách binh thư của các binh gia như Khương Thái công, Tư mã Nương Thư, Tôn Vũ, Ngô Khởi, Vũ hầu Gia Cát Lượng... Dạ thưa, đọc nhưng tuổi còn nhỏ, lại chưa kinh qua đường trận mạc, chưa trải đời, nên có đọc mà sự thấu nhận lại không được là bao, đường kiến thức của tiểu nhân còn rất hạn hẹp, dám xin các bậc bề trên chỉ giáo.

Mọi người thấy Ngô Tuấn nói lời chân thực, nên đều gật gù cảm thông và cũng không có ý soi mói gì nữa. Bỗng hữu tham tri chính sự Kiều Bồng đi theo Khai hoàng vương đứng lên:

- Vậy ta xin hỏi tướng quân một câu, tướng quân có thể trả lời theo sách của người xưa cũng được. Tức là làm thế nào để người làm tướng, người làm quan chỉ ngồi một chỗ mà có thể nghe, thấy, biết và làm được việc ở ngoài vạn dặm?

- Dạ bẩm, nếu lấy mắt của thiên hạ (tức của người dân) mà xem thì không có gì là không nhìn thấy. Lại lấy tai của thiên hạ mà nghe, thì không có động tĩnh gì là không nghe thấy. Rồi lấy tâm của thiên hạ mà suy xét thì không có gì là không biết. Cuối cùng là nhóm dân

lại mà bàn thì mọi việc đều sáng suốt, và lấy sức dân mà làm thì không việc gì là không làm được cả. Bởi vậy, nếu được lòng dân thì muôn việc, từ việc cận kề tới việc ngoài vạn dặm đều thấy biết và đều làm được cả.

Nghe Ngô Tuấn trả lời xong, các bậc bề trên đều ồ khen, hết thấy đều hài lòng về chàng thiếu niên anh tuấn này.

Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu rất lấy làm tâm đắc, ông cứ gật gật mãi mái đầu bạc trắng, và cất lời khen:

- Quả là khẩu khí của người trí. Xứng đáng là con cháu của Ngô tiên chúa. Giỏi! Giỏi lắm!

Nhận thấy mọi người tỏ ra quý yêu Ngô Tuấn, người bạn từ thuở ấu thơ, một bề tôi thân cận và trung thành tất yếu mai đây, Khai Hoàng vương hết sức vui mừng. Và trong thâm tâm, hoàng thái tử rất hài lòng về sự hiểu biết của Ngô Tuấn.

Khi không còn ai hỏi han gì nữa, Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu bèn ra lệnh:

- Người dẫn đường của các châu cử về hiện đang ở đây. Ngay bây giờ các ông Vũ Ba Tư, Đô Sấn mỗi ông nhận hai người bản địa dẫn đường. Những người này đều sỏi tiếng Kinh. Các ông mở đồ bản ra hỏi họ về đường đi lối lại cho thật kỹ, rồi lập kế tiến quân. Khai

hoàng vương và ta sẽ giám sát. Nên nhớ, phải bắt sống cho bằng được lũ đầu sỏ gian ác mà trị tội. Cách hành xử thế nào nhất nhất đều theo luật lệ của triều đình. Nhân ái nhưng phải nghiêm khắc kẻ chúng nhờn. Đi theo quân để làm việc an dân tạm phân như sau:

- Ta, Đô thống thượng tướng cùng Hữu tham tri chính sự Kiều Bồng có tiểu tướng quân phó đô thống Ngô Tuấn phụ tá phò Khai hoàng vương đánh vào Thường Tân.

- Đô Sấn tướng quân có các ông tả tham tri chính sự Lý Mật, Hữu giám nghị đại phu Đỗ Sấm đánh vào châu Đô Kim.

- Uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư có các ông Trung thư thị lang Liêu Gia Trung, tả gián thị đại phu Hà Viên đi cùng, đội quân này đánh dẹp châu Bình Nguyên.

Các quan chép sử đều đi theo Khai Hoàng vương. Ngày mai phải lo xong binh khí, lương thảo, chỉnh bị đội ngũ, đúng giờ tuất là thuyền nhổ neo. Tất cả các thuyền phải hoá trang thành thuyền buôn. Lính chèo thuyền ăn mặc quần áo dân thường. Cấm ngặt lính tráng ban ngày không được di lại trên thuyền. Nếu không giữ được bí mật, bất ngờ thì cuộc hành binh này coi như cuộc du hí vô bổ, và các đô tướng phải chịu tội trước hoàng thượng.

Nói xong, Đô thống thượng tướng đi về phía hoàng thái tử vái hai vái:

- Tâu Khai Hoàng vương, mọi việc thần phân bố như vậy, ngài còn có điều gì dạy bảo.

- Ta y lệnh! Khai Hoàng vương nói- Nếu các ông hoàn thành trách phận sẽ có thưởng, ai vì sơ xuất để hỏng việc, sẽ bị nghiêm trị.

Bãi châu.

Các tướng lục tục ra về lo liệu việc hành binh.



## XIX

**B**ình định xong cuộc nổi loạn của mấy đầu lĩnh người man trên đạo Lâm Tây, vua Thái tông bèn tập hợp dân chúng lại dụ rằng:

- Triều đình thương dân như con, liền năm tha tô, thuế, lại cho hưởng lộc của rừng không đánh thuế. Cứ sáu tháng một lần, ta lại cho thuyền bè, trâu ngựa chở muối lên phát cho dân. Cớ gì dân không theo triều đình lại theo bọn xấu làm loạn, chống lại quan quân, không dâng nộp cống vật hằng năm?- Nhà vua ngừng lời nhìn đám đông, như đòi họ phải trả lời ngài về những điều phi lý kể trên.

Người thông dịch vừa dịch xong câu nói đó, những người ngồi kia hết thảy đều ngừng mặt nhìn nhà vua như một sự tò mò. Nhưng rồi các gương mặt kia từ từ cúi xuống nhìn đất, đôi mắt họ chớp chớp như một sự ngượng ngập, xấu hổ.

Vua Thái tông thông thả nhắc lại:

- Can cứ gì không theo triều đình lại theo bọn xấu làm loạn, chống lại quan quân? Hay là có điều gì khuất tất đây, ta muốn được nghe từ miệng các người hơn là quan châu tâu lại, chức dịch trong khê, động, sách tâu lại?- Ai đây, ai sẽ trả lời ta đây?

Dám đông vẫn im lặng. Không khí nặng nề bao trùm. Bỗng từ đâu đó trong rừng sâu vẳng ra tiếng chim :” Bắt cô trói cột!” “ Bắt cô trói cột! “ Tiếng chim chím trong dải sương mù sà xuống thung lũng. Những làn hơi trắng bay ngang qua mặt, qua vai, qua đầu mọi người. Làn mây mỏng di ngang rất nhanh về phía sau thung lũng, như ai đó có phép lạ đang thu mây về.

Giọng bình thản, vua lại hỏi như là một sự thân tình:

- Vậy chớ quan châu, chức dịch và mấy người đầu lĩnh ở đây đã làm gì. Họ có đưa muối của ta cho dân ăn không? Họ có đưa gạo của ta giúp đồng bào những năm mất mùa đói kém không?

Nghe người thông dịch dịch lại lời vua, tất cả mọi người đều ngửng mặt nhìn nhà vua và đồng thanh đáp:

- Không!

Tiếng “không” vang âm như tiếng sấm bật ra từ nỗi uất ức nén ghì trong lồng ngực mỗi người, khiến

nhà vua hiểu được nỗi niềm của người dân vùng rừng núi heo hút này.

Bỗng có một ông già đứng dậy giữa đám đông. Ông có bộ khung to lớn, nhưng thực đã già yếu; tấm lưng không phủ ngoài bằng tấm áo chàm vải gai thô. Đầu đội mảnh khăn chàm buộc chéo kiểu khăn đầu riu của người Kinh, chòm tóc bạc trắng phơ phất. Cặp lông mày bạc có những sợi dài cứng quơ, chìa ra phía trước như một hàng rào bảo vệ cho đôi mắt lơ lơ cùi nhăn. Ông giơ bàn tay dãn đeo ra che bớt ánh sáng, cho đôi mắt mờ đục của ông nhìn về phía nhà vua được rõ hơn. Do không biết lễ nghĩa, nên ông chẳng chào hỏi kính cẩn gì, và ông nói luôn:

- Muối hả! Có đấy. Gạo hả! Có đấy. Quan châu có phát về đây. Nhưng mấy ông đầu lĩnh bán cho dân đắt lắm. Một đấu muối phải mua bằng năm đấu gạo. Nếu mua chịu đến mùa giả thì phải mười đấu kia. Còn gạo mà ông đầu lĩnh phát khi đói hả? Không có đâu, nó cho vay thôi. Cho vay lúc đói một đấu, mùa phải trả nó hai đấu kia. Nó không cho dân cái gì đâu. Bẫy được con gấu thì nó lấy mật. Bẫy được con hổ thì nó lấy xương. Bẫy được con voi, nó lấy mắt ngà. Bẫy được con lân, nó thu mắt sừng. Bẫy được con lợn rừng thì nó lấy cái thủ, lấy cái bầu nằm. Vua không lấy thuế thì đầu lĩnh nó lấy, dân tao khổ lắm à.- Nói xong ông lão ngồi xuống.

Vua giận lắm, sai dẫn tên đầu lĩnh với hai tên thuộc hạ của nó vào. Vua cho tra hỏi những điều dân nói, y đều gật đầu nhận tội hết.

Trước tất cả dân sơn động vua hỏi:

- Đầu lĩnh này nó ác như con hổ con báo, nó ăn hết của dân, ta giết nó mọi người có bằng lòng không?

Ai nấy nhao nhao nói:

- Nó đáng tội chết mà.

- Cứ giết nó đi sao còn phải hỏi.

- Nhưng giết nó, đưa khác lên, nó lại ăn của dân như lũ này thôi. Quan mà, đưa nào chả thế.

- Nếu không giết nó, vua đi rồi, nó giết hết dân sơn động.

Biết lòng dân muốn giết kẻ ác, vua sai đô thống thượng tướng quân Đàm Toái Trọng tuyên án tên đầu lĩnh và hai tên thuộc hạ ác ôn, rồi chém đầu ngoài cửa rừng làm gương răn cho kẻ khác. Chém đầu kẻ ác thì dân mừng, nhưng vẫn không khỏi sợ hãi. Sợ cái ma nó báo thù cũng có. Sợ kẻ mới lên nó báo thù cho kẻ trước nhiều hơn. Đoạn nhà vua khuyến dụ dân bầu chọn lấy một người trung thực, không ăn chặn của dân, không tham lam vợ vét, dối trên lừa dưới.

Nghe vua nói xong, dân chúng cười ồ lên, mọi người lại nhao nhao:

- Không có cái người tốt như vua nói đâu.

- Khi làm dân ai cũng hiền như con nai, con hoẵng cả thôi.

- Khi làm đầu lĩnh, làm quan châu, quan lộ thì nó lại là con sói, con hổ rồi. Nó là quan thì nó phải như thế chứ. Cả đời ông tôi, đời bố tôi, đời tôi, chưa được thấy một quan xā, quan châu nào tốt đâu. Tổ tiên chúng tôi từng nói: - Mấy đời quan lại có thương dân nghèo.

Vua cho Đàm Toái Trọng hướng dẫn cho dân chúng chọn lấy một người tốt. Lại nói cho dân sơn động biết cách khống chế khi kẻ nắm quyền hành tác oai tác quái. Nếu thấy nó ăn bòn, ăn chặn của dân, nó ức hiếp dân, thì dân tụ họp lại lên kêu với quan châu. Quan châu đi vắng thì kêu quan thông phán.

- Phàm làm người ở đời, ai cũng muốn sống tốt lành, từ nay kẻ nào có manh tâm làm phản triều đình, ức hiếp dân chúng, hãy xem gương thầy trò tên đầu lĩnh đạo Lâm Tây!"- Đàm Toái Trọng đồng dục nói lời cảnh báo răn đe, để viên đầu lĩnh mới phải vì dân tu chí làm ăn.

Sau cuộc bình dẹp, bắt kẻ ác trị tội, tìm được người tốt thay mặt cho dân, nhà vua hết đổi vui mừng, ngài sai chẩn phát muối, gạo cho các nhà dân, nói lời phủ dụ rồi rút quân về lại Thăng Long.

Lại nói Khai Hoàng vương giữ ấn nguyên soái, sai khiến các đô tướng đi bình dẹp ba châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên. Quân đi bí mật, bất ngờ lại được người dân chỉ dẫn, chen hết các đường ngang, lối tắt, nên khi xuất lộ, bọn đầu lĩnh chạy quáng quàng, đâm đầu vào các ổ phục sẵn, không một tên nào chạy thoát.

Khi tra hỏi, chúng đổ hết tội lỗi cho các viên châu mục. Nếu ở đạo Lâm Tây các viên đầu lĩnh nhận muối, gạo triều đình ban tặng về bán lại cho dân thu lời thì ở các nơi này, bọn quan châu lại bán cho các đầu lĩnh để đầu lĩnh bán lại cho dân. Ngoài ra các châu mục còn bắt họ phải cống nạp, nên họ buộc phải bỏ lên đầu người dân. Nghe vậy, Khai hoàng vương sai quân tức tốc đi bắt mấy viên châu mục về trị tội.

Trước đám đông dân chúng, Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiếu cất tiếng hỏi:

- Hỡi những kẻ đầu mục và dân chúng, triều đình có bạc đãi gì các người mà dám nổi loạn chống lại quan quân ?

Dám đông ngồi im phăng phắc, mấy tên đầu lĩnh mặt xám như chì không dám ngẩng nhìn tướng quân. Mới chỉ nghe thấy tiếng đồn tướng quân khoẻ tới mức, nhổ từng bụi tre mà quăng đối phương, như Thánh Gióng đánh giặc Ân. Chỉ vậy thôi cũng đủ khiếp đảm

rồi. Nghe danh tướng quân thì như thế, nay nghe giọng nói của tướng quân mới oai vệ làm sao. Những sóng âm mạnh mẽ ào xô vào cả năm giác quan cùng một lúc, khiến người yếu bóng vía phải bủn rủn cả chân tay.

Dám đông vẫn im lặng khiến Lê Phụng Hiểu hơi bực mình, ông nói dần từng tiếng:

- Vì sao các người chống lại triều đình, đánh lại quan quân?

Một người trạc năm chục tuổi liền đứng dậy. Nôm gương mặt ông ta quắc thước, kiểu người đảng hoàng. Ông lấy hết can đảm để thắng sự sợ hãi, đem tiếng nói của dân tộc mình đến triều đình. Ông là người có chữ, được cả cộng đồng tôn sùng như một vị thần. Ông nói:

- Dân chúng vùng chúng tôi đây nghe nói đích thân hoàng thái tử ra tay dẹp loạn. Lại nghe nói chính quan đô thống thượng tướng, lĩnh ấn tiên phong. Việc đô thống xuất chinh khiến dân chúng vùng này vừa mừng lại vừa lo:

Mừng vì tướng quân có sức khoẻ hơn đời, việc dẹp yên chỉ trong thoáng chốc. Lo vì tướng quân giận cá chém thớt mà ra oai, thì dân chúng không còn nơi nào bầu vùi tựa nương.

May thay, việc đó đã không xảy ra với những người dân khốn khó chúng tôi. Tướng quân cứ gắng

hỏi vì sao chúng tôi làm loạn? - Không, trong chúng tôi không một ai làm loạn cả. Chúng tôi không có muối phải đốt cỏ tranh lấy tro ăn thay muối. Chúng tôi đói không có gì ăn phải vào rừng đào củ mài ăn. Nói thực, củ mài chỉ người khoẻ mạnh mới đào được. Nó ăn sâu tới mấy sải tay, đào nửa ngày mới được một củ to bằng ngón chân cái, dài như chiếc đòn gánh, để lại một hố sâu ngập dầu người. Công việc ấy người yếu, người già và đàn bà dẫu có chết đói cũng đành chịu.

Vừa đói cơm, vừa đói muối, có người bảo theo họ đi lấy gạo, lấy muối về ăn. Thế là đi! Và lại, đó là những thứ vua cho dân, nhưng quan châu giữ lại tất cả cho riêng mình.

Dân chúng theo các đầu lĩnh đi là đi lấy gạo, lấy muối về ăn chứ không phải đi làm loạn đâu. Nếu làm loạn chỉ có cái bụng này nó làm loạn thôi. Vừa nói, người đàn ông vừa cúi xuống lấy bàn tay ấn vào bụng. Mọi người đang chăm chú nghe ông ta nói, bỗng cười vỡ ra. Nghe tiếng cười giòn khằng khặc như tiếng cây đổ, như rừng cười.

Dân chúng vừa bật tiếng cười thì nghe rõ tiếng vó ngựa簸 móng xuống mặt đường công cộc.

Toán người ngựa dừng tấp lự trước Khai hoàng vương. Họ xuống ngựa, đẩy theo ba người ngồi phía sau xuống, cổ còn đeo gông. Các đô tướng quỳ tâu:



- Kính bǎm Khai Hoàng vương, chúng thần đã bắt đủ cả ba tên châu mục. Đây là sổ sách của mỗi châu. Đây là tiền bạc của mỗi châu. Chúng thần đã bắt họ ký đủ cả rồi.

Khai Hoàng vương cau vừng trán, quát:

- Mở gông ra! Ai cho các người đóng gông các châu mục như tội phạm thế này. Ta mới nghe phía dân chúng nói, chưa có gì làm bằng để kết tội, thì không được coi bất kỳ ai là tội phạm cả. Trước ta mà các người còn dám làm điều xằng bậy thế à?

Ba vị châu mục được mở gông quỳ mọp dập đầu kêu:

- Muôn tâu hoàng thái tử đèn trời soi xét, oan cho lũ thần quá! - Oan cho lũ thần quá!

- Các người đứng dậy đi. Ta vâng mệnh phụ hoàng đi dẹp loạn, nhằm giải oan chứ không kết tội oan ức cho ai cả. Bây giờ ta cho đối chất. Một bên là dân chúng, một bên là châu mục. Nhưng trước hết, ta hỏi các người. Vì cớ gì người dân nổi loạn. Trong việc này các người có lỗi gì không?

Cả ba viên châu mục đều sợ hãi, có dứa mặt xanh nhợt như dít ếch. Không một tên nào khai khẩu.

- Nếu các người không nói, tức là các người có tội. Thôi được, ta giao việc này cho phó đô tướng quân Ngô

Tuấn tra xét.

Ngô Tuấn lại bị một bất ngờ ập đến. Chàng dâu có phải kiểm pháp quan, dâu có phải người của đô hộ phủ sĩ sư. Nhưng thôi, mệnh của Khai Hoàng vương khác gì mệnh vua, chàng cứ phải làm. Nhanh trí, chàng vái Khai Hoàng vương hai vái và nói:

- Tạ ơn Khai Hoàng vương ban trọng trách. Nói xong Ngô Tuấn bắt đầu ngó qua sổ sách. Lại xem cả số tiền bạc thu từ các châu. Một lát sau Ngô Tuấn lại tâu:

- Xin Khai Hoàng vương cho thần được tự ý tra xét.

- Được, người cứ xử đúng luật lệ của triều đình.

Ngô Tuấn bèn mời Khai hoàng vương cùng các tướng văn, tướng võ ra ngồi ghế trước đám đông dân chúng của cả ba châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên cùng các đầu lĩnh đầu tâu việc nổi loạn.

Không khí im phăng phắc, chỉ nghe tiếng nước suối chảy vọng về, Ngô Tuấn đồng dục tuyên:

- Khai Hoàng vương đích thân dẹp loạn, chiêu an ba châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên. Nay đã bắt được cả ba nhóm đầu mục xúi dân nổi loạn.

Trước Khai Hoàng vương, những đầu lĩnh đều khai họ không nổi loạn, mà họ dẫn dân của họ đi đòi các quan châu phải trả cho họ muối và gạo của triều đình

dã ban cho dân, nhưng các châu mục đã giữ lại bắt các đầu mục phải mua về để bán lại cho dân. Việc đó đúng hay sai?

- Đúng ạ! Đúng đấy ạ! Dân chúng âm âm đáp lời.

- Dân chúng yên lặng! Ta đang hỏi các vị châu mục. Phó đô tướng quân Ngô Tuấn nghiêm giọng nói:

- Nếu các ông không nói thì những điều tố giác của dân, chính là tội trạng của các ông, Ngô Tuấn xác định.

Hai trong ba viên châu mục sợ cuống cuồng quì xuống van lạy:

- Xin Khai Hoàng vương đèn trời soi xét.

- Ta hỏi lại một lần nữa. Dân chúng tố cáo các người biên lộn đúng hay sai? Châu mục Đô Kim trả lời trước. Ngô Tuấn dẫn giọng nhìn xoáy vào mắt viên châu mục châu Đô Kim.

Châu mục châu Đô Kim hai đầu gối cứ đập vào nhau cơ hồ không đứng vững nữa. Y oà khóc:

- Lạy quan Phó đô tướng. Con trót dại. Ấy là do quan châu mục Thường Tân nhủ bảo. Rằng triều đình ở xa, quan trên không biết. Ta bớt đi một vài chuyến không cho chúng nó, để đỡ phải chạt vật vợ con ta ở nhà. Vả lại, có đồng tiền dư dả còn sắm áo quần, xe cộ,

đồ đạc cho nó đàng hoàng, mệnh quan ra mệnh quan thì dân nó mới sợ. Chứ nhà quan không bằng nhà dân, xe quan không bằng xe dân thì dân nó khinh. Dân đã coi thường, đã khinh rồi thì quan mất uy còn trị dân sao nổi. Con thấy quan châu Thường Tân nói có lý lắm. Vậy là con phải nghe. Vì rằng các châu mục ở vùng Đà Giang này không ai thông tuệ, giỏi giang chữ nghĩa bằng châu mục Thường Tân.

- Có bao giờ người nghĩ rằng triều đình uỷ thác cho người thay mặt để chặn dân không?

- Dạ, những lúc thu tô, thu thuế, những khi thúc nợ bọn họ, bắt râu bọn họ, con đều nghĩ con là người được hoàng thượng uỷ cho đến chặn dân. Dạ, như thế là con nghĩ đến dân hơi nhiều đấy ạ.

- Vậy, chớ lũ các người ăn bớt của dân thế này đã mấy lần rồi.

- Dạ, từ khi con mới về đây đến giờ.

- Thế người về vùng này được mấy năm rồi.

- Dạ, con mới về được ba năm.

- Và cũng chỉ mới có ba lần ăn chặn của dân.

- Dạ vâng, con về nhậm chức thì quan châu mục Thường Tân dạy cho cách ứng xử như thế. Con theo. Dạ, phải theo thôi ạ. Bởi con thấy công việc nó cũng không khó lắm.

- Thế còn những năm trước ở châu khác, người có làm thế này không?

- Dạ, không ạ. Con làm thế nào được.

- Vì sao ?

- Vì lúc ấy con cũng chỉ là người dân thôi.

- Vì sao người được cất nhắc lên làm châu mục.

- Vì con có tài bắt cướp. Con bắt mấy đám cướp liền. Con lại thật thà nữa. Quan lộ phủ sứ bảo thế. Và thế là ngài cho con làm châu mục. Và ngài dặn phải làm tốt. Nếu việc chưa quen thạo thì phải học các châu mục ở những châu lân cận. Vâng, như thế là con phải học chữ. Cứ như trước kia làm một thằng dân quen thì con vất vả lắm, làm tối mặt không hết việc.

- Thế khi người làm quan châu thì công việc thế nào, có bận lắm không?

- Dạ, việc thì nhiều, nhưng mà nó cũng vui.

- Chẳng hạn là những việc gì?

- Dạ, ngày nào bọn đầu lĩnh nơi sơn động cũng chèo kéo hết đi săn lại đi đánh chén. Tối về thì quần tụ đánh bạc. Đêm nó cũng không để cho yên, nó bắt phải vui vầy bên đèn thuốc sái, vui vầy chuyện hoa nguyệt đến là mệt.

Không nên được giận, uy vệ thượng tướng quân  
Vũ Ba Tư liền quát:

- Người làm việc công đường vào lúc nào? Châu mục châu Đô Kim sợ tái mặt, run cầm cập, y nói giọng đứt quãng:

- Bẩm đại quan, con làm việc vào những lúc các xã trưởng, các động chủ, sách chủ đem tiền đem gạo lên nộp, chính là những thứ gạo muối mà lũ nó đứng ra bán cho dân chúng, hoặc cho họ vay khi mất mùa, lúc giáp hạt. Rồi thuế khoá dân chúng khai thác từ rừng, nó đến nộp con cũng phải thu chứ. Rồi lúc nó bầy được con thú, nó đem biếu khi thì tấm da, khi thì bộ xương, con cũng phải đứng ra nhận cả chứ, còn ai thay con được.

Các quan nghe tên châu mục châu Đô Kim khai báo thật thà đến đau lòng.

Quan Hữu tham tri chính sự Kiều Bồng bèn lên tiếng:

- Viên châu mục Đô Kim nghe ta hỏi đây. Các việc người đã khai nhận như thế là đủ rồi. Vậy chớ người có biết người mắc tội gì không?

Châu mục ngơ ngác, y thật sự không hiểu quan trên nói gì.

Quan Tham tri bèn nhắc lại:

- Người có biết người mắc tội gì không? Những việc người vừa khai nhận đó là tội lỗi đấy.

- Không, không phải tội đâu. Nếu những việc đó

không được làm, sao quan lộ phú sứ không bảo trước. Ngài còn dạy cứ học các châu mục lân cận nó làm gì thì mình làm thế. Dạ, con có dám làm sai điều gì mà các quan châu gần cận của con đã làm đâu.

Khai Hoàng vương chau mày hỏi Ngô Tuấn:

- Quan lại thế này là thế nào, ta không hiểu nữa?

- Tâu, dân trí thì ngu khờ, quan trí thì dốt nát, chữ không biết, luật không biết, chúng trị dân bằng lòng tham. Và hậu quả thì năm nào triều đình cũng phải cử tướng đi đánh dẹp, có khi đích thân hoàng thượng phải ra tay.

- Cho tên Đô Kim lui ra, người hỏi cung viên châu mục Thường Tân đi.

Ngô Tuấn bèn lên tiếng:

- Châu mục châu Thường Tân nghe ta hỏi đây.

Viên châu mục Thường Tân hơi ngược cặp mắt lé, nhìn về phía quan phó đô tướng Ngô Tuấn, và các quan lớn của triều đình. Y dừng cặp mắt lé hơi lâu nơi Khai Hoàng vương. Y có gương mặt khó đoán tuổi. Mặt y giống hình trái cà dái dê, nước da màu đồng hun nhẵn bóng, loáng thoáng những nốt rỗ đậu mùa sâu hoáy. Vũng trán thấp, hai tai nhỏ, nhọn như tai dơi, cầm lẹm, đôi môi mỏng thâm sì, thẳng y lại đảo đầu lưỡi liếm môi như mèo liếm miệng. Y có khổ người lẳn chắc, nghe

nói y có võ với những miếng đánh tàn bạo, chuyên hạ độc thủ đôi phương.

Thấy y đã sẵn sàng, quan phó đô tướng quân Ngô Tuấn bèn hỏi:

- Các việc dân chúng và đầu mục tố cáo người có đúng không?

- Đúng hết ạ.

- Các việc châu mục châu Đô Kim khai báo cho người, như thế có đúng không?

- Đúng hết ạ.

- Vậy cho người tự nhận tội.

- Mình có tội gì đâu mà nhận.

- Nghe đây châu mục Thường Tân. Ngô Tuấn làm nghiêm với những lời thất buộc :

-Triều đình tin người là một người man tốt, được học hành biết chữ nghĩa, nên giao người trách phận chăn dắt con dân trong châu. Người làm quan trong một hạt, tựa như cha mẹ của một đàn con, phải có bốn phận chăm sóc, nuôi dạy.

Ấy thế mà người lại phản bội lòng tin của bề trên, tức là người mắc tội bất tín.

Dân thiếu muối, vua cấp muối. Dân mất mùa, vua cấp gạo. Giáp hạt dân thiếu ăn, vua cho vay đổi hạt. Ấy thế mà người cướp hết bán lại cho dân với giá cắt cổ,



hoặc cho vay nặng lãi khiến dân đói khổ, điều đúng đến nỗi phải ăn tro thay muối, ăn củ rừng thay cơm. Vậy là người mắc tội bất nhân, tội ăn cướp.

Là người cùng nòi giống, nhằm khi đói kém mất mùa, người không cứu giúp, lại bày trò trục lợi trên sự đói khát của người đồng tông. Vậy là người mắc tội bất nghĩa.

Người là mệnh quan của triều đình, thay mặt nhà vua chăn dắt dân lành, nhưng người đã hành hạ khiến dân đói khổ mà nổi loạn. Vậy là người mắc tội bất trung.

Làm quan mà mắc các tội: Bất tín, bất nhân, bất nghĩa, bất trung, người đã phạm vào tội ngũ nghịch. Vậy người nhận ở bậc nào?

Viên châu mục da vốn đã sạm, nghe quan phó đô tướng tuyên án, mặt hấn tím đen lại, nhưng vẫn làm ra vẻ bình thản, y nói:

- Đã bảo ta không có tội. Ta làm quan trong một châu, tựa như ta là chúa sơn lâm, ta như con hổ. Còn dân chúng trong châu như con nai con hoẵng, con cây, con cáo. Nai, hoẵng, cây, cáo chẳng là mối, là thức ăn của chúa sơn lâm sao.

- Người là con thú hai chân. Người sống trong xã hội loài người, mà người hành xử với đồng loại theo

luật rừng, luật của loài thú. Với lòng căm ghét, Ngô Tuấn quay ra hỏi đám đông:

- Hỡi dân chúng và các đầu mục, các người đã nghe rõ viên châu mục nói gì chưa?

- Rõ rồi! Rõ rồi!

- Vậy y đáng xử vào tội gì?

- Chém đầu! Chém đầu! Tiếng dân chúng hô lay động cả một vùng rừng núi.

Yên ắng trở lại, một cụ già đứng lên nói:

- Nó bảo nó là con hổ dữ, chuyên ăn thịt dân chúng. Bây giờ dân chúng bắt được hổ rồi, phải xử nó theo cách ta vẫn giết hổ. Nghĩa là phải trói nó lại, lột sống da nó như lột da hổ. Róc thịt nó lấy xương như róc thịt hổ cho tới khi nó không thể sống được nữa, chứ không thể cho nó chết ngon lành. Nó phải chịu quả báo.

Ông lão vừa ngừng lời, cả đám đông hò reo như long trời lở đất:

- Phải giết nó như giết hổ! Giết! Giết!...

Trong khi Ngô Tuấn hỏi tội châu mục Thường Tân, thì Tả tham tri chính sự Lý Mật và quan Trung thư thị lang Liêu Gia Trung, cũng tra xét viên châu mục châu Bình Nguyên.

Tên này cũng khai báo do châu mục Thường Tân

bầy cho y cách hà lạm. Y đã thu về được một ít tiền, một ít lúa gạo. Số dân còn thiếu chưa nộp vì họ nghèo quá, y không nỡ cho tróc nã. Tiền bạc thu được, y còn giữ nguyên chưa đựng đến một đồng nào. Y bảo không phải tiền của y nên y không dám tiêu.

Công việc xét hỏi đã hòm hòm. Ngô Tuấn bèn mời Khai Hoàng vương và các tướng văn, tướng võ vào nghị án.

Mở đầu, Khai Hoàng vương nói:

- Ta nhớ trước lúc xuất quân, ai đó hỏi Ngô Tuấn: "Làm thế nào ngồi một chỗ mà có thể nghe, thấy, biết và làm được việc ở ngoài vạn dặm?". Ngô Tuấn đáp rằng: "Nếu lấy tai, mắt của thiên hạ mà nghe, mà nhìn thì không cái gì là không nghe được, không thấy được. Lại lấy cái tâm của thiên hạ mà xét đoán thì không có gì là không biết cả... Hôm nay nhìn dân chúng kêu khổ, nghe dân chúng kêu cứu; biết được lòng dân, ta mới thấy điều Ngô Tuấn nói là chí lý. Lại nhớ khi xưa Thái tổ dứt ruột ra mà bắt các con đi mở phủ, để các hoàng tử sống chung lẫn với dân, mới biết nỗi sướng, khổ, vui, buồn của dân. Vì thế mà triều đình làm được một việc phi thường là yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét. Đúng là tổ phụ đã lấy " binh dị cận dân" làm chính sách để cai trị dân, hoá nên triều đình với dân cùng nghị theo một hướng. Đây phải được xem như một bài học, ta

mong các sử quan hãy đem những điều tai nghe mắt thấy ghi vào quốc sử. Là người chép sử, chắc các ông hiểu hơn ta, cái mà đời sau coi trọng là sự trung thực của đời trước. Các ông cứ chép cho thật rõ ngọn ngành, để đời sau dễ bề minh định, chứ không vị một ai cả, kể cả ta, kể cả phụ vương của ta.

Vì vậy, nếu muốn đời sau yêu kính chứ không phải khinh khi nguyện rửa, thì làm bất cứ việc gì đều phải suy xét cho kỹ. Thật tình những điều ta nói với các ông, chính là những điều phụ hoàng thường giáo huấn ta.

Bây giờ trở lại với cái án của ba tên châu mục, ba con một dân hại nước. Các ông thấy nên xử thế nào. Theo ta thì tên châu mục Thường Tân người dân đòi giết nó như giết con hổ. Nếu xử nó theo kiểu ấy ta thấy vẫn còn là nhẹ. Hai châu mục Đô Kim, Bình Nguyên vì ngu khờ mà phạm tội, chứ không quý quyết như tên châu mục Thường Tân. Vậy các ông xử thế nào vừa để răn đe, vừa để giáo huấn không chỉ cho quan lại, mà cả cho dân chúng đều phải khẩu phục, tâm phục. Có như thế thì việc chiêu an mới có cơ thành tựu, mai đây ta không phải đem binh đi làm những việc như thế này nữa.

Các quan đều đồng tình với ý chỉ của Khai Hoàng vương đại nguyên soái. Quan tả tham tri chính sự I.ý

Mật đồng dạy tuyên đọc:

- Châu mục châu Đồ Kim, châu mục châu Bình Nguyên phải nộp lại tất cả các khoản đã lấy của dân để hoàn lại cho dân. Phải nhận hình phạt năm mươi trượng ( đánh không để chết), đánh trước dân chúng. Cho nhận lại chức cũ. Từ nay phải cải tà quy chính, tuân theo các sắc dụ của triều đình, không được ăn chặn của dân. Không được thu bất cứ một khoản gì của dân, nếu không có sắc chỉ của triều đình. Ba sắc thuế đánh vào các nguồn lợi từ rừng là sừng tê, ngà voi, trầm hương, nếu người dân đem nộp, phải nộp về triều đình. Mọi nguồn lợi khác người dân kiếm được từ rừng mà nhà nước không đánh thuế, mặc nhiên là của họ; nghiêm cấm việc sách nhiễu dân.

Nếu từ nay còn nghe người dân tố cáo mà có chứng cứ rõ ràng, triều đình sẽ trị tội các người như người dân giết hổ, giết châu mục Thường Tân.

Với châu mục Thường Tân, triều đình y án giết nó như giết hổ.

Án tuyên vừa dứt, dân chúng hò reo tưởng như sập cả núi rừng. Hai viên châu mục châu Đồ Kim và Bình Nguyên bị đánh trượng đau quá, cứ oằn mông, oằn lưng lên kêu khóc. Máy người quân hiệu lấy côn đè mông họ xuống, nhưng vì có lệnh không được đánh chết, nên họ cũng nới tay, không đánh vào chỗ phạm.

Khai Hoàng vương tuyên lời an ủi dân chúng, quân triều đình rút về trong tiếng hò reo hoan hỷ của muôn dân.

Về tới kinh sư, Khai Hoàng vương liền vào cung Tuyên Đức tâu báo với phụ vương về việc đánh dẹp ba châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên.

Hoàng thái tử tưởng trình không sót một việc nào, một người nào. Vua Thái tông lấy làm đẹp ý:

- Khen thay con đã trưởng thành. Ta thật yên tâm về con, về các tá hữu phụ giúp con. Con cho người khai những ai có công, liệt hạng từ trên xuống dưới, ta sẽ ban thưởng để họ tận tâm với công việc, với đất nước.

Công việc đánh dẹp xong xuôi đưa quân trở về kinh sư, chờ hoàng thái tử về báo tiếp xong, vua Thái tông sai sửa soạn lễ vật để làm lễ cáo yết tổ tiên trong nhà Thái miếu.

Lại nghe lưu thủ kinh sư Phụng càn vương và các vị giám quốc như thái sư Lương Nhậm Văn, Thái phó Ngô Thượng Đình, Thái bảo Đào Xà Trung tâu báo về tình hình kinh sư và trong nước. Nhà vua lấy làm đẹp ý, tỏ lời khen ngợi. Vua cũng nói lại công việc dẹp loạn và an dân trên vùng mạn động cho các quan được biết.

Đêm ấy vua sang cung Nguyệt Minh thăm Mai hoàng hậu. Biết nhà vua đã ban sư, hoàng hậu cho sửa

sang bày biện trong cung thật là trang nhã, ấm cúng. Kiệu của nhà vua mới tới đường høre đã có người vào bẩm. Hoàng hậu dẫn cá một đoàn tì nữ băng qua nhà đại bái, đi vào dãy xuyên đường mà ra cổng. Vừa nhác thấy nhà vua bước ra khỏi kiệu và đặt chân vào đầu dãy xuyên đường, Kim thiên Mai hoàng hậu khê nâng tà áo rồi quỳ lạy:

- Thần thiếp kính chào thánh thượng. Kính chúc thánh thượng vạn an.

Vua Thái tông vội đón hai bàn tay hoàng hậu và ân cần nói:

- Kia, sao nàng cứ thủ lễ với ta mãi thế.

Nhìn thẳng vào đôi mắt và gương mặt hoàng hậu, nhà vua chợt như giật mình, rằng sao nàng lại rục rờ nhường này. Hoá ra bấy lâu ta mãi công việc hay ta vô tâm. Đôi mắt hậu long lanh vì cảm động và cá vì biết ơn nhà vua lúc nào cũng dịu dàng với nàng. Tuy ở địa vị quân vương, nhưng Thái tông luôn tỏ một sự tương thân tương kính, chứ không ý thể thượng tôn. Lúc này nhà vua mới để ý tới phục sức của hậu. Nàng mặc chiếc áo gấm trơn màu huyết dụ, có thêu thưa thoáng những đóa trà mi bằng chỉ kim tuyến, giữa dài hoa điểm một viên kim cương nhỏ bằng mắt bồ câu. Chiếc áo cổ chéo, khép tà, để hở cổ, lộ rõ chuỗi hạt ngọc màu xanh cốm. Kim thiên không đội mũ hoàng hậu, mà thắt một dải khăn

bằng gấm đen trùm cả phía sau búi tóc cài trâm ngà. Giữa vành khăn trên trán, đính một viên kim cương to bằng hạt đậu ván, bắt ánh nển toả chiếu một thứ ánh sáng huyền ảo, khiến ta tưởng đó là ngôi sao. Ánh sáng kim cương càng tôn vẻ đẹp hồn hậu của bà hoàng ngoài ba chục tuổi, áp đảo cả sức trẻ với các gương mặt kiều diễm của đám tì nữ, đám ngự nữ theo hầu, khiến nhà vua chăm chú nhìn hậu như lần đầu hoàng thái tử gặp cô thôn nữ tại Tam Sơn. Lòng nhà vua rạo rức như một chàng trai mới lớn, mặc dù Thái tông đã ở vào tuổi cận kề bốn mươi.

Sáng sớm nhà vua và hoàng hậu đã xuống thuyền để sang Trại dâu tằm.

Nhà vua dù đã bình tĩnh cũng không nén giấu được niềm vui bộc lộ trên gương mặt ngài. Trông Thái tông rạng rỡ, trẻ khỏe như một chàng trai chưa đầy ba chục tuổi. Nhà vua vừa cầm tay Mai hoàng hậu vừa nói:

- Khi đêm nàng nói các cung nữ tiền triều đã dệt được cả một kho gấm đủ màu, đủ loại đặt cạnh những tấm gấm Trung Hoa chẳng hề thua kém, khiến ta vui đến mất ngủ. Đã đành là ta tin nơi nàng, nhưng ta muốn tận mắt nhìn thấy tấm gấm Việt đầu tiên. Công quả này là của nàng, công đầu thuộc về nàng.

- Dội ơn hoàng thượng đã nghĩ tới thân thiếp.



Nhưng xin hoàng thượng hãy công bằng. Nếu như không có hoàng thượng tự tìm ra cách dệt gấm mát bao nhiêu công lao, lại chính hoàng thượng huấn dạy để truyền nghề cho cả trại dâu tằm. Lại nữa, dệt được cả kho gấm là nơi công sức của các cung nữ giải cung, chứ thần thiếp có công lao gì.

Thái tông rất hài lòng về những lời nói vừa khiêm nhường vừa công bằng của hoàng hậu. Nhà vua buột miệng khen:

- Ta vui vì nàng là một người nhân hậu. Âu cũng là cái đức của họ Mai, họ Lý. Dẫu sao, nàng phải thừa nhận với ta rằng, nếu không có nàng dạy ta ươm tơ, dạy ta dệt cửu hồi ta mở phủ ở Tam Sơn, sao ta có nghề mà truyền dạy cho những người đã giải cung ở Trại dâu tằm. Lại nữa, không có nàng chú trọng rồi đôn đốc mọi việc, sao có được trại dâu tằm để có thành tựu ngày nay. Cho nên cái đức của nàng là đức của người mẹ. Bởi nàng có cái tâm vô nhiễm của các vị Bồ tát.

- Tạ ơn hoàng thượng đã ban khen mỹ ý.

Thuyền vừa ghé bờ, lính ngự long chưa kịp lao ván bắc cầu nhà vua đã nhảy lên và đưa tay đón Mai hoàng hậu. Vua rảo bước khiến hoàng hậu phải chạy gần, lính ngự long hộ giá vội vàng chạy lên trước và đi kèm hai bên, đi đoạn hậu. Vua và hoàng hậu đi thẳng vào kho lụa, cả trại dâu tằm đều bất ngờ. Khi có một ai đó nhìn

thấy lính ngự long hộ vệ, và thoáng bóng vua và hoàng hậu bèn hô lớn “ Hoàng thượng giá lâm!” “ Hoàng thượng giá lâm!” Thế là mọi người ùa ra quì trước sân nhà kho và cùng hô:

- Hoàng thượng vạn an!

- Hoàng thượng vạn an!

Nhà vua và hoàng hậu chưa kịp xem các mặt hàng gấm, bắt đắc dĩ phải quay ra nhận lời chúc tụng của dân trại. Vua nói:

- Ta nghe hoàng hậu ca ngợi tài năng của mọi người. Vì vậy ta vừa đi kinh dinh về phải tới Trại ngay. Vậy mọi người hãy vào kho mang cho ta xem những tấm gấm dệt đầu tiên, có bao nhiêu màu đem hết ra đây. Nhớ là lựa dệt đầu tay đấy.

Mọi người ùa vào kho. Nguyễn Thị Thu Lan, người quán nhiệm được ai nấy đều mền phục đứng chặn ngay trước cửa kho, để kiểm xem chị em lấy có đúng thứ hàng mà hoàng thượng muốn xem không. Thoạt tiên là tấm gấm trơn màu huyết dụ, mặt vải còn sần sùi, Thu Lan lật mặt trái xem. - Đúng rồi. Tiếp đến tấm gấm lam, mặt vải nhẵn nhụi, hơi bóng. Thu Lan lấy tay gạt lại: - Không phải, đây là đợt hai.

Người kia liền quay lại chọn.

Thu Lan ghé đầu vào trong nhà nói to: - Từng đợt

dệt, đã xếp riêng loại nào ra loại ấy, sao các chị còn bê nhầm.

Bảy tấm gấm gồm các màu: đỏ, đen, lam, tía, vàng, nâu, tím đặt cạnh nhau. Nhà vua cứ nhìn đi nhìn lại các màu, rồi lại lật mặt trái ra xem. Lại so mặt phải giữa các tấm với nhau để so độ thô mịn giữa các tấm gấm, cũng là đo lường sự khéo léo của từng tay thợ.

Mọi người cứ dăm dăm nhìn vào đôi tay lại nhìn vào mắt nhà vua, xem ngài có biểu lộ sự ưng ý, sự khen chê. Vua ngừng nhìn phía trước, thấy mọi người vẫn quỳ trước ngài. Vua phẩy tay nói:

- Miễn lễ! Các nàng đa sự quá. Thu Lan cho ta hỏi  
- Các người phân thành phẩm này theo mấy đợt. Chắc đây là đợt đầu.

- Thưa hoàng thượng, bọn thiếp phân các sản phẩm làm ba đợt, đúng như hoàng thượng dạy, đây là đợt một.

- Vậy các người đem cả đợt hai, đợt ba ra đây, bày làm ba hàng, xếp theo cùng màu.

Một lát sau, những người thợ dệt Trại dâu tầm đã bày đủ hai mươi một tấm gồm bảy màu. Đợt một toàn gấm trơn. Đợt hai, đợt ba các màu đỏ, tía, lam đã dệt cải hoa. Nhà vua xem mê mải, sắc mặt ngài tươi hồng hẳn lên khi sờ tay vào mặt gấm đợt hai, đợt ba.

Cuối cùng nhà vua ngừng mặt tươi cười:

- Ta có lời khen chị em trong toàn Trại dâu tằm. Từ nay không gọi các nàng là cung nữ giải cung nữa, mà gọi là những người thợ dệt. Các người khéo tay lắm, đúng là những người thợ giỏi. Ta cam đoan với các người, sản phẩm dệt ba của ta, tức là gấm của ta từ màu sắc đến độ mịn mượt không thua gấm Tống một ly nào.

- Bệ hạ quá khen! Mọi người đồng thanh nói và cười rúc rích, tỏ rõ sự vui mừng.

- Được, các người còn không tin à. Hãy đem mấy tấm gấm Tống ra đây so sánh.

Khi mọi người đặt những tấm gấm Trung Hoa bên cạnh những tấm gấm dệt dệt ba của ta, ai cũng sửng sốt, bởi nó chẳng thua kém một ly nào về độ mịn, độ bóng và cả màu sắc nữa, đúng như nhà vua đã tiên lượng. Vua tôi lặng người đi vì sung sướng, vì tự hào. Bỗng nhà vua cất cao giọng:

- Ta thừa nhận những tấm gấm này các người dệt được, là do ta học mót của người Tống. Gọi là học thôi chứ không phải họ dạy ta đâu. Không có chuyện người Tàu truyền nghề cho người ngoại quốc. Qua việc dệt gấm, ta thấy không điều gì người nước ngoài làm được mà người mình không làm được. Buổi ban đầu còn chưa

biết thì phải học người. Nhưng rồi phải nghĩ ra, phải phát kiến ra những thứ hàng mới, những sản phẩm mới, những nghề mới. Đầu óc phải biết canh cải. Cái quan trọng là phải dám nghĩ dā. Nghĩ được rồi thì bắt tay vào làm, bắt tay vào chế tác. Lúc đầu có thể không thành tựu. Cứ phải làm đi làm lại thật nhiều lần. Rồi bỗng dưng nó thành lúc nào không biết. Điều cần nhất là đừng có nản chí, đừng có bỏ cuộc. Nếu chí đoan, đầu óc nông cạn thì chẳng làm được điều gì mới lạ đâu, giỏi lắm chỉ làm được các việc người ta sai bảo, tức là làm thân phận của kẻ tôi tớ mà thôi.

Lại nói về người Tàu, ta nhắc bảo để các người biết. Sống cùng với nhau phải biết tính nhau. Ngoài số người Tàu sống trên đất ta thì Tống là nước láng giềng không mấy thiện chí với ta, bởi vì lúc nào họ cũng rình rập thôn tính ta. Về tính cách của họ thì ta nhớ hồi ta ra ngoài châu Vạn Ninh, thấy ngoài chợ bán loại rau cải cuốn nó to hơn cái hoa chuối hột, trắng ngồn ngộn, nom bắt mắt mà ngon. Nhưng chỉ thấy thuần người Tàu bán. Ta hỏi sao không lấy giống đem vào các lộ gần kinh sư mà trồng. Ngay đất Thăng Long trồng để bán cho dân kẻ chợ càng được giá. Các viên châu mục và phán phủ sự đều nói, dân Tàu gái làm ruộng ở đây họ ghê lắm. Vườn rau vườn quả nhà họ rào tre họ cắm ken dày, cao tới mấy đầu người, lại trồng cây leo che kín từ ngoài

không nhìn được trong vườn họ có loài cây, quả gì, rau củ gì. Mùa trồng, họ gieo hạt lấy cây giống, trồng đủ số cần thiết, cây giống còn lại họ nhổ hết lên, băm nát ra, vứt vào chuồng lợn. Cùng ở sát vườn nhà nhau, nhưng người mình chỉ biết khi họ đem bán cái gì đó ở ngoài chợ, chứ không biết họ nuôi, họ trồng những thứ đó vào lúc nào. Hỏi mua con giống, cây giống thì họ chỉ lắc đầu, giả bộ không nghe, không biết tiếng của người mình. Nhưng khi cần mình, thì họ nói tiếng nhỏ, tiếng to chẳng khác chi người mình.

Ngay ở Thăng Long này, họ bán hàng ăn, họ mua đủ thứ nguyên liệu của ta, chế biến thành món ăn Tàu, nhưng đổ người nào được họ bày cho nấu lấy một món ăn của họ. Nên nhớ, tính cách của người Tàu như tính cách của các ác thần, chỉ nhận chứ không cho. Còn tính cách của người mình là cởi mở, bộc tặc, dễ dãi, tin người, ai chưa hỏi đã nói, chưa xin đã cho. Nghĩ suy nông cạn, nên dễ bị người lừa, có bí quyết gì dễ bị người moi hết. Làm ăn thì tửn tửn, nhút nhát, chỉ quanh quẩn nơi xóm nhà không dám đi xa. Ai làm được cái gì thì đổ xô vào bắt chước, làm ra thật nhiều tới mức bộn lên chẳng ai thèm mua nữa, thế là mất nghề. Ai giỏi, ai khấm khá thì người kia sinh lòng đố kỵ, tìm cách hại nhau. Đáng nhẽ phải cùng nhau gom công góp sức làm cho nghề ngày một tinh xảo hơn, để cùng nhau tồn tại

thì lại hại nhau, để mất cả nghề lẫn người. Làm ăn thì chia rẽ, tị hiềm nhưng lạ là nếu có giặc ngoại xâm thì bỏ hết, tha thứ hết cho nhau, muôn người như một, đồng lòng giết giặc cứu nước. Chính điều tốt đẹp nhất ấy trong tính cách của người mình, đã khiến bảo trì được nòi giống, bảo vệ được giang sơn đất nước của tổ tiên đã gây dựng từ ngàn xưa.

Lại nhìn xuống mấy hàng gấm đang bày trước ngài ở ngoài hiên nhà kho, vua xúc động hỏi người quản nhiệm:

- Người cho ta vào xem kho chứa gấm.

Nguyễn Thị Thu Lan cúi đầu vái lạy:

- Kính mời hoàng thượng.- Rồi nàng xăm xăm bước vào căn nhà tối om. Mở hết các cửa ra vào và cửa sổ, nhà vua cũng chỉ nhìn thấy những giá gỗ đóng cao chạm mái nhà, xếp đầy hàng, không phân biệt được màu sắc. Tất cả chỉ một màu xám nhờ nhờ. Quả thật nhà vua không thể ngờ được rằng, những người cung nữ xưa, chân yếu tay mềm, suốt ngày điểm trang, trông ngóng ân sủng mơ hồ nơi thềm vàng diện ngọc. Cuộc đời ăn bám với như những nghì suy chật hẹp, quấn quanh trong cung cấm, được bao kín bởi mấy vòng thành, bỗng nhiên đổ sập khi tiên đế qua đời. Ấy thế mà những con người ấy đã đứng lên làm lầy cuộc đời. Họ đã làm được thật. Cả một kho gấm này với mấy chục khung dệt, mấy chục

mẫu dâu, chẳng phải là sức lực của họ, tài năng của họ sao. Ta không thể hiểu cái gì đã giúp họ vượt lên được như thế. Phải chăng là sự quan tâm của Kim thiên Mai hoàng hậu, sự quán xuyến giỏi giang của người quản nhiệm Nguyễn Thị Thu Lan? Không, những cái đó là rất cần, nhưng cũng chỉ là cái bên ngoài. Cái chính là từ mỗi người kia. Nếu từ mỗi người không có lòng tự tôn lại thiếu cả lòng cương dũng thì sẽ bị vùi lấp, bị dẫm chìm chứ vượt thoát làm sao được để đạt tới thành tựu hôm nay.

Vừa đi lại quanh mấy giá xếp đầy những tấm gương, nhà vua vừa vui vừa thấy thương cho những thân phận cô đơn, của những người con gái lớn tuổi này. Nhưng trong sâu thẳm của suy tư, nhà vua rất trọng, rất phục họ.

Bước ra sân, nhận lại từng gương mặt những người trong Trại dâu tằm, đúng là da họ có sạm đi, nhan sắc phai tàn đi, chẳng còn một nét kiều diễm nào của thời cung nữ vàng son. Nhưng rõ ràng trên mỗi gương mặt kia, ta đọc thấy niềm vui, thấy một cái gì đó thật là phi thường được nén giấu trong tấm lòng, trong óc não họ.

Mai hoàng hậu đứng cạnh một cung nữ lớn tuổi nhất, bà trạc năm chục tuổi. Bà tự xuống tóc, đầu đội chiếc mũ chụp tròn, vận bộ quần áo nâu già. Nước da vẫn hồng hào, gương mặt bừng sáng như trong lòng



đang có niềm vui. Hai hàm răng với những chiếc răng nhỏ, đều tăm tắp, đen như mực, mỗi lúc bà hé miệng như toả ra một luồng sáng. Môi đỏ hồng, khoẻ miệng như hé cười. Tuy tuổi cao nhưng vẫn nhanh nhẹn, duyên dáng. Với những nét trời phú còn vương vấn, đủ cho ta thấy thời thiếu nữ bà là một người đẹp. Ít lâu nay bà đã ngỏ lời với sư bà bên chùa Diên Phúc, xin được sang chùa ở hẳn và tu tập, để chấm dứt cái nghiệp chướng trần gian. Sư bà đã chấp nhận, nhưng chị em bên Trại dâu tầm còn đang quyến luyến không muốn để bà đi. Bữa nay nhân gặp Mai hoàng hậu, bà lân la làm quen, rồi bày tỏ ước vọng:

- Tâu hoàng hậu, được hoàng thượng và hoàng hậu thi ân, chị em Trại dâu tầm giờ đã mát mặt lắm rồi.

Nghe bà nói, hoàng hậu nở từng khúc ruột và thân mật đáp lời:

- Thật tình lúc đầu ta cứ tưởng không thành, vì chị em bấy bớt quá. Ai ngờ các bà đều gan cóc tía cả. Thôi thế cũng là mừng lắm rồi. Chợt thấy người ăn mặc như sư, hậu bèn hỏi:

- Có chuyện gì mà phải xuống tóc đây, lại ăn vận như nhà chùa nữa? À quên, tính danh của người nữa, ta chưa biết đấy.

- Tâu hoàng hậu, thiếp vẫn giữ cái tên do mấy vị

trung quan đặt cho từ ngày vào cung cấm, gọi là Quế Anh ạ, còn tên cha mẹ thiếp đặt là Bưởi - Tạ Thị Bưởi. Chẳng giấu gì hoàng hậu, tâm nguyện của thiếp là xin được xuất gia.

Sư bà Diệu Thiện chùa Diên Phúc đã chấp thuận, nay thiếp xin ý chỉ của hoàng hậu. Bởi cái ngày mới lập trại, hoàng hậu đã hỏi ai muốn hồi hương, ai muốn ở trại, ai muốn xuất gia đều cho thỏa tâm nguyện. Thiếp đã xin ở lại trại với chị em.

- Vậy bây giờ sao người lại muốn xuất gia, hay có chuyện gì không vui đã xảy ra trong trại mà ta không được biết.

- Dạ, trại bây giờ vui lắm. Chị em thương nhau như người ruột thịt. Chẳng qua thiếp cảm nhận cái nghiệp trần đã dứt, nay thiếp muốn xuất gia để tận tâm tận lực đi vào đường đạo, duyên may mà giải thoát được thì thật là phúc hạnh xiết bao. Dám xin hoàng hậu mở lòng.

- Tâm nguyện của Quế Anh lớn như vậy, ta sao dám cản. Để rồi ta có dôi lời với chị em trong trại cho họ cảm thông. Rồi ta cũng có nhờ với ni sư Diệu Thiện, cho danh chính ngôn thuận trước khi người qua bên đó.

- Đa tạ hoàng hậu gia ân. Còn điều này thiếp cũng

xin râu trước. những gì riêng tư do triều đình ban, hoặc tích cốp được từ ngày ở trại, thiếp xin được đem dâng hết vào chùa. Những gì đóng góp vào trại, xin hiến lại cho chị em. Thiếp đến với cõi thế gian chỉ có hai bàn tay trắng, nay được về nương bóng Phật tổ cũng xin được vẹn nguyên như thế, không dám níu giữ cái gì của thế gian cả.

Nắm chặt tay Quế Anh với niềm xúc động trào dâng, hoàng hậu đáp:

- Quế Anh quả là người giác ngộ, dám rời bỏ những gì mà thế gian ham hố, níu kéo. Với cái tâm trong lặng như vậy, Phật sự ắt viên thành, ta chúc Quế Anh thân tâm thường lạc.

Trước đám đông các trại viên Trại dâu tằm, vua Thái tông xúc động nói:

- Ta có lời khen ngợi mọi người. Thành tựu mọi người đạt được, vừa nói nhà vua vừa chỉ vào nhà kho và những tấm gấm đang bày ngoài hiên, thành tựu các người đạt được là lớn lắm, các người không lường hết được đâu. Riêng việc này ta thưởng cho mỗi người một nén vàng. Và từ nay các người dệt được bao nhiêu gấm, triều đình mua hết bấy nhiêu. Các người từ nay không phải chăm sóc bãi dâu, không phải hái dâu chần tằm nữa, chỉ chuyên vào việc dệt gấm, dệt lụa, dệt nhiều mặt hàng khác nữa.

- Tâu bệ hạ, Thu Lan dám cả gan chen lời- Tâu bệ hạ , nếu không chăm sóc bãi dâu, không chăn tầm nữa, lũ thiếp lấy tơ dâu mà dệt gấm ạ.

Vua Thái tông không những không quở trách mà còn vui vẻ giảng giải:

- Các người chỉ chuyên một việc dệt thôi. Ta sẽ cho vài ba chục điền nô làm những việc đó thay các người.

- Tạ ơn hoàng thượng! Hoàng thượng thiên tuế! Hoàng thượng vạn vạn tuế!

- Nơi dệt cử của các người, từ nay gọi là Xưởng dệt. Từ nay ta sẽ cho mở mang việc công, việc thương. Ta còn tính, có thể mai đây, các người còn phải vào trong cung, dạy đám cung nữ của ta cũng phải biết các việc cử canh như thế này.

Nhà vua vừa ngừng lời, cả trại lại vang lên lời tung hô vạn tuế.

Vua và hoàng hậu trở xuống thuyền, mọi người trong trại đều hồ hởi theo tiễn. Vua sai đem mấy tấm gấm xuống thuyền. Thuyền đi một đoạn khá xa, các trại viên Trại dâu tầm còn đồng thanh hô những lời chúc tụng chạt ních cả khoang thuyền. Vua và hoàng hậu cảm động giơ tay lên vẫy vẫy...

## XX

**Đ**êm ấy nhà vua ở lại cung Nguyệt Minh với Kim thiên Mai hoàng hậu. Tự biết mình không còn trẻ trung nhan sắc như thời con gái mười lăm, mười bảy tuổi nữa, nên thi thoảng nhà vua ghé lại qua đêm, âu cũng là chuyện giọt nước cành dương, cũng là sự ân sủng mà hoàng thượng ban cho. Ngồi vị chánh cung, tức là hoàng hậu lập giáo đã rõ ràng rành, chẳng ai tranh đoạt được. Con thì lập làm Đông cung hoàng thái tử kế vị rồi. Địa vị vừa cao sang vừa vững chắc, Mai hoàng hậu không còn gì phải phàn nàn nữa. Không còn gì cao hơn nữa mà đòi. Có điều, con trai đã vào tuổi mười lăm, đã làm tướng đánh đông dẹp bắc, có phủ riêng, có quân quyền, có tả hữu đang tập sự để khi được nối ngôi thì việc điều hành bộ máy quốc gia đã quen thạo. Thế nhưng Mai hoàng hậu ngẫm nghĩ mình mới có băm mốt, băm hai tuổi, cái tuổi xuân vẫn còn hơ hớ, cơ thể căng tràn sức sống. Vậy mà đêm đêm vẫn

cứ một mình lẻ bóng. Nhiều khi tuổi xanh rạo rực khát khao có một người đàn ông ôm ấp cho thoả lòng xuân, nhưng đâu có dám hé răng, có dám tơ tưởng đến một chàng trai nào, dù là một tên lính thị vệ. Khốn nỗi, năm bảy tháng mới được một đêm nhà vua ghé thăm. Gọi là một đêm, nhưng thực chàng đã tiêu hết dương khí với một cung nữ trinh nguyên nào rồi, khi trở ra chàng mới chợt nhớ đến ta, nên ghé lại. Và vùi đầu ngủ say như chết. Trong khi ta cứ thắc thỏm chờ cho chàng tỉnh giấc. Cũng có khi gần sáng chàng mới trở mình quờ lên ngực ta và sảng giọng- Sao nàng đã vội mặc xiêm y. Ta tủi thân, nhưng không dám đổi hờn. Cho tới khi chàng nhận ra chuyện khi đêm. Chàng khẽ bảo ta trút xiêm y, để chàng ban cho một chút khoái lạc vào lúc đêm tàn. Dù như thế, vẫn là một diễm phúc. Song ta phải nghiêng răng ém nhẹm, không dám phối hứng cùng chàng như thời con gái. Sợ nhà vua lại quở ta bạo dục.

Nhưng đêm nay thì lại khác. Đêm nay nhà vua hoàn toàn là của ta. Chàng môn trốn ta như hồi còn trẻ trung. Chàng ôm ấp, vầy nghịch mà sao ta vẫn giá băng. Dành rằng ta không dám chối từ. Nhưng sao ta không một mảy may rung cảm, không một chút khát khao, mà cảm như ta bị ép buộc, tuồng như ta bị một kẻ vũ phu cưỡng đoạt.

Điều đó quá ta không lừa nổi nhà vua. Gần sáng

chàng hỏi ta:

- Có chuyện gì buồn bực mà đem qua nàng thờ ơ với ta làm vậy?

Câu hỏi của chàng làm ta chột dạ. Không biết thưa lại sao đây. Từ trước, chưa bao giờ ta dám dối lòng mình. Dành cứ sự thực tâu báo:

- Xin bệ hạ mở lượng khoan dung, thần thiếp không dám dấu. Bệ hạ có nhớ hôm qua bên Trại dâu tằm, có một người mặc quần áo nâu, đội mũ nâu như một ni sư đứng cạnh thiếp .

- Nhớ, ta nhớ ra rồi. Ta còn nhớ rõ người cung nữ ấy ngày trước nhan sắc rực rỡ lắm. Thế có chuyện gì làm nàng buồn.

- Tâu, không phải việc của thiếp, nhưng thấy thân phận hẩm hiu của người khác, thiếp thấy buồn. Có lẽ nó là sự cảm thông của những người cùng giới, chứ thực cảnh ngộ chẳng có gì liên thông. Số là người cung nữ đã giải cung ấy xin được xuất gia. Tiền bạc mà nhà vua ban cho mỗi người sau khi tiên đế băng, với số tiền dành dụm trong cả chục năm qua, bà ta xin cúng cả vào chùa và xin được xuống tóc, xuất gia. Bấy lâu đi lại với Trại dâu tằm, thiếp biết thêm một điều thật là ghê gớm. Rằng những người con gái nhan sắc được tiến cung, nếu không phải là con các bậc đại thần có thế lực, không

phải con các bậc phú gia, thì dù nhan sắc chim sa cá lặn, cũng không được vào hầu thiên tử.

- Sao lại có chuyện ấy?- Nhà vua ngạc nhiên hỏi.

- Tâu, đó là do các vị trung quan sắp đặt. Nếu là con các vị đại thần, họ đã dâng con cái họ lên hoàng thượng, là việc thanh thiên bạch nhật, cả triều đình đều biết, không thể ém giấu được. Còn con cái các bậc phú gia, họ vừa dâng người vừa hiến của. Khi vào cung họ lại có bạc, có tiền quà cáp hậu hĩnh cho đám trung quan, cách gì họ cũng được vào hầu thiên tử. Còn các cung nữ nghèo, có đồng nào, có đồ trang sức nào đáng giá, đều bị các trung quan hứa hẹn bòn rút cho bằng hết, rồi bỏ mặc. Ấy là chưa nói đến các điều tệ hại hơn. Dạ, tâu hoàng thượng, theo như chỗ tiếp nghe được những người trong trại kháo chuyện với nhau, thì gần hết số người này còn chưa được một lần diện kiến long nhan, nói gì đến chuyện hầu hạ gối chăn. Có người đôi lần nhìn thấy nhà vua qua kiệu, hoặc xe tứ mã. Và cứ như thế, họ sống héo hắt cả cuộc đời. Do động lòng trắc ẩn, tiếp thấy đượm buồn. Xin bệ hạ tha tội.

Vua Thái tông cau vừng trán, tỏ vẻ nghi ngờ:

- Chẳng lẽ đó là chuyện thật ư?

- Tâu, tiếp cũng không dám tin đó là những chuyện thật. Tiếc thay, nó lại là sự thật. Nhân chứng



đều còn cả.

- Vậy chớ chúng cũng dám làm như thế với các cung nữ của ta sao?

- Xin hoàng thượng hãy bình tâm. Muốn biết sự thật cả xưa và nay, hoàng thượng hãy cho người tra xét.

- Nàng bảo ta phải làm gì để tìm ra sự thật.

- Tâu, bệ hạ muốn biết sự thật, thì bệ hạ phải làm như không muốn biết, không cần biết. Hoặc giả mọi sự đều tốt đẹp cả, chẳng có gì phải phàn nàn.

- Thôi được , nếu ta cần biết, ta sẽ biết. Chuyện này nàng không nên thổ lộ cùng ai, để rồi ta sẽ có cách. Ta vẫn biết dám trung quan rất đáng tin mà cũng rất đáng ngờ. Họ có thể trung thành như chó, mà cũng phản phúc như loài rắn độc. Năm lấy bàn tay mềm mại của hoàng hậu đặt lên ngực mình, và với cử chỉ âu yếm vuốt ve, nhà vua đã làm cho hoàng hậu đỡ dần nhũn mềm như thuở mười tám đôi mươi. Có lẽ đã lâu lắm rồi Mai hoàng hậu mới lại được nhà vua ban cho ân sủng lớn lao này. Sau đợt mây mưa chán gối, Mai hoàng hậu cảm như nhà vua muốn chứng tỏ cho hậu biết rằng, tình yêu nhà vua dành cho hậu vẫn mặn nồng tha thiết như xưa.

Thả hồn vào tịch tĩnh giây lâu, nhà vua hôn nhẹ

lên đôi môi hậu, và thú thi rót vào tai nàng những lời dịu ngọt:

- Ta có nhiều hậu, nhiều phi tần mỹ nữ, nhưng chỉ có nàng là ta nặng nghĩa tao kang. Nàng ăn ở với ta thật là tận lòng. Song, nàng không chỉ là chân tay của ta, mà ta còn muốn, nàng phải là đầu óc của ta nữa kia. Vậy ý nàng thế nào?

- Tâu bệ hạ, đầu óc thần thiếp tối tăm hạn hẹp, sao mà hiểu được cao ý của bệ hạ.

Nhà vua cười sảng sặc, ôm lấy hậu mà ghì mà lấc:

- Nàng thật thơ ngây, thật đáng yêu. Ý ta muốn nói các việc thường ngày trong chốn cung cấm, nàng thay ta cai quản thế là tốt. Nhưng ta còn muốn, có những chuyện, những việc lớn hơn của triều đình, của quốc gia, mà với đầu óc bén nhạy của người đàn bà, nàng thấy hoặc chỉ mới cảm thấy, nàng nên nói lại với ta. Hoặc có những việc ngoài hậu cung, mà nàng thấy ngang tai, trái mắt, nàng cũng nên nói với ta. Vậy chớ nàng có chịu không.

Nghe nhà vua nói, Mai hoàng hậu cảm thấy bối rối. Nhà vua đòi hỏi ở ta những việc lớn quá, mà theo như cha ta răn rất kỹ lưỡng rằng, nếu đàn bà mà can dự vào các việc triều chính, chẳng khác gì lữ gà mái gáy gở.

Nghĩ vậy, hậu ôn tồn nói:

- Lòng bệ hạ yêu tin thiếp bao la như trời bể, ơn ấy dẫn dắt cố ngậm vành cũng không hồ dễ mà báo đáp. Những điều bệ hạ vừa nói, quả là thần thiếp u u minh minh không cảm nhận được, xin bệ hạ cứ cho thần thiếp làm các việc nơi hậu cung như một người quản gia, là hợp với khiếu năng của thần thiếp. Hoặc giả, bệ hạ có mở mang xương dẹt, cần người coi sóc, họa may thần thiếp có thể làm được.

Thái tông cười độ lượng, lại hỏi một câu băng quơ:

- Vậy chớ trong thâm tâm có còn điều gì nàng cảm thấy cần nói với ta, nhưng nàng còn ngại phải trái, đúng sai, nên chưa muốn nói. Thật tình ta chỉ muốn nghe được nhiều chiều, từ người dân lầm lũi nơi rừng sâu khuất lấp đến đám quan lại chốn triều trung; từ những kẻ lang thang cơ nhỡ trên khắp các nẻo đường đến chốn hậu cung, chốn thâm cung của triều đình. Có khi việc ở xa lại tỏ hơn việc ở gần, vì thế ta muốn được nghe bằng nhiều tai. Nàng đừng sợ việc đúng sai. Hứa với nàng, không có điều gì nàng nói ra lại có thể gây hệ lụy cho nàng được. Ta còn có cả một bầy gián quan để ngăn ta làm các việc trái đạo cơ mà. Vả lại, ta đâu có phải kẻ vô tâm, kẻ vũ phu. Nàng nên nhớ, ta là vua của một nước, nhưng ta cũng là chồng nàng, là cha của lũ con,

hơn nữa, ta còn là một Phật tử.

Thấy nhà vua nói lời thao thiết, Kim thiên Mai hoàng hậu thật sự mềm lòng, nàng quyết bặc bạch những điều bấy lâu nàng hằng đau đầu suy tư:

- Bệ hạ, thiếp rất ngưỡng phải nói ra điều này, xin bệ hạ tha tội. Ấy là thiếp nghĩ đến thân phận những người cung nữ. Bệ hạ có cần nhiều đến thế không. Bệ hạ có đủ sức để ban ơn mưa móc cho mọi người không, hay cũng có nhiều người suốt đời chưa được một lần chiêm ngưỡng dung nhan bệ hạ, nói chi đến việc hầu hạ gối chăn. Hiện nay số hậu và phi ở trong cung tới cả chục người. Ngự nữ thì vài ba chục, còn nhạc công, ca kỹ có dư con số trăm. Điều thứ hai thiếp muốn nói tới các vị trung quan. Có một số người do thiên bẩm, một số người thì tự yếm để được vào hầu hạ chốn quyền môn. Đây là những người hám lợi, hám danh. Coi danh và lợi trên cả sinh mệnh của mình mà làm trái lẽ tự nhiên. Theo Phật dạy thì lợi là nguồn gốc của tham, còn danh là nguồn gốc của si. Kẻ nào chiếm đoạt danh và lợi là sân. Mà tham - sân - si là nguồn gốc của vô minh. Tất cả xấu xa của con người đều phát xuất từ vô minh. Do vậy, nếu bệ hạ nuôi lũ người này là nuôi mầm họa. Và lại, ta có cần đến từng ấy các vị trung quan không? Sao bệ hạ không luôn nghĩ tới cái danh tính Phật Mã mà thiên sư Vạn Hạnh đã đặt cho mình.

Thái tông vội ôm ghì lấy Mai hoàng hậu mà lắc lắc hoài:

- Ôi ta vừa vô tâm vừa đoảng vạ. Thế mà nàng cứ còn phải băn khoăn. Chỉ có cái tâm vô nhiễm mới nói ra được những điều giản dị mà minh triết như nàng.

Thiết triều, vua Thái tông với vẻ hào hứng nói trước triều quan về công việc bình dẹp. Sau đó nhà vua nhắc nhở:

- Qua nhiều năm đi đánh dẹp các nơi nổi loạn, ta nghiệm ra mấy điều sau đây:

Một là tô, thuế quá cao. Triều đình bố một, châu, quận lạm bố tới hai, ba, đến nỗi dân chúng đem hết số lúa cấy được qua mỗi mùa vụ không đủ nộp cho quan.

Hai là quan lại nhũng nhiễu dân, chèn ép bức bách dân. Vô cớ gây sự, rồi buộc tội cho người dân, để bắt họ phải nộp phạt bằng đủ mọi hình thức. Kiếm cơ đây người dân lương thiện vào vòng lao lý.

Ba là lấy quyền lực gây bè cánh thanh thế họ hàng cướp hết các nguồn lợi của người dân, chặn hết các nguồn sống của người dân.

Bốn là nhằm vào những khi giáp hạt, mất mùa để cho vay nặng lãi khiến người dân khánh kiệt.

Năm là nhà nước đã tha tất cả thuế ruộng đất cho dân, chỉ lấy tô trên đất của triều đình, từng hạng ruộng

đã có quy định rõ ràng, nhưng nhiều nơi nhập nhằng thu cả tô lẫn thuế, khiến người dân không còn muốn khai hoang mở đất, không muốn chăm bón vào phần quốc điền nữa.

Tệ hại nhất là triều đình quy định chỉ có sáu sắc thuế đánh vào những người khai thác các nguồn lợi quý hiếm của rừng và biển như trầm hương, ngà voi, sừng tê là sản vật của rừng. Ngọc trai, đồi mồi và muối là các sản vật của biển. Thế mà khi người dân tìm được trầm hương thì quan nha thu mất phần lõi, trả cho họ phần rác. Săn, bẫy được voi thì quan thu mất ngà. Bắt được hổ thì quan lấy xương hoặc lấy da. Bắt được tê giác hai sừng thì quan lấy sừng to. Mò được ngọc trai, viên nào to đẹp, quan giữ lấy...

Năm điều trên đều do quan lại tham nhũng gây ra, chèn hết đường sống của dân, khiến họ phải nổi loạn.

Vậy ta nhắn nhủ các khanh hãy nhớ nằm lòng năm điều ta vừa nêu để răn dạy các thuộc cấp.

Trong cuộc binh dẹp vừa đây, ta phải gạt nước mắt mà hạ lệnh chém ba con quỷ hại dân trên đạo Lâm Tây, Khai hoàng vương cũng phải cho chém tên châu mục Thường Tân. Đó là những việc cực chẳng đã. Sát nhân đâu phải là điều ta muốn, nhưng nếu không giết kẻ ác để cứu dân lành, còn phạm vào điều ác lớn hơn. Làm việc bất đắc dĩ đó, ta chỉ muốn răn đe những kẻ

manh tâm làm ác. Ta chỉ mong mọi và làm tất cả những gì có thể làm để muôn dân có cuộc sống tốt đẹp hơn, muốn thế mọi người phải có sự cảm thông và quan tâm đến nhau; phải loại bỏ tham, sân, si và cùng nhau đi vào đường đạo.

Nói xong vua ngừng nhìn khắp lượt các triều quan và hỏi:

- Vậy chớ các khanh có điều gì cần tâu báo, cần bàn tháo thì đưa ra bàn thảo.

Chẳng thấy triều quan nào nhúc nhích, vua bèn chỉ về phía Thái sư Lương Nhậm Văn hỏi:

- Khanh cùng các vị phụ tá giám quốc với Phụng Càn vương, hãy nói lại cho ta nghe về tư chất của hoàng tử.

Thái sư nhồm người khởi ghế, toan quì tâu. Nhà vua vẫy tay ra hiệu miễn lễ.

- Ta đã nói mà Thái sư không nhớ sao. Các quan tại triều, tuổi ngoài bảy mươi, khi vào chầu được ngồi ghế, tâu báo không phải quì. Ấy là ta giữ cái đạo tôn kính người cao tuổi, để làm gương cho dân chúng trong cả nước. Thật ra từ lâu trong dân chúng đã có tục tôn kính người già. Nhiều vùng, người từ tám mươi tuổi trở lên được làng phụng dưỡng. Lại có cả đền thờ những người cao tuổi viên tịch gọi là "lão từ". "Lão từ" thường dựng

trong khuôn viên của chùa làng. Có bia khắc tên từng người, nói rõ năm sinh, năm mất, dòng họ và tóm lược vài nét công đức, sự nghiệp. Ta rất tiếc cái thiện tục này lại không được người trong nước bắt chước mà nhân rộng ra. Đúng là muốn gây được mỹ tục, thiện tục thì trong làng, hay chí ít là trong vùng phải có các bậc hiền đức để treo gương đạo hạnh. Còn như quan lại, chức dịch chỉ là một bầy tham nhũng, đục khoét bòn rút máu xương, tủy não của đám dân lành như lũ cây`cáo, rắn rết, hùm beo thì làm sao mà treo nổi tấm gương gì?

Chợt nhớ đang hỏi bậc lão thần về tư chất Phụng Càn vương, nhà vua bèn giục:

- Thái sư, ta nghe ông nói đây.

Lương Nhậm Văn bèn đứng lên vái nhà vua hai vái rồi đáp:

- Tâu bệ hạ, ý tứ sau đây là ý tứ của lũ thần trong tam thái<sup>1</sup>. Về những ngày bệ hạ đi đánh dẹp, chiêu an, việc giám quốc tại kinh sư do Phụng Càn vương nắm giữ, có lũ thần phụ tá. Mọi điều đều tốt đẹp cả, lũ thần đã có biểu dâng bệ hạ rồi. Nay nói về tư chất của hoàng tử. Không nói thì bảo chúng thần giữ ý, mà nói lại có người bảo chúng thần nịnh bệ hạ. Nhưng quả thật

---

<sup>1</sup> Tam thái: Thái sư, thái phó, thái bảo là ba chức quan đầu triều, đứng đầu văn ban.



hoàng tử đã được bề hạ rèn dạy nghiêm khắc. Tuổi nhỏ mà thông minh, hiếu học. Ở tuổi hoàng tử mà con nhà thường dân còn sợ ma, tối không dám ra khỏi nhà nói chi đến việc học hành, việc lưu thủ kinh sử. Xem ra kiến văn về trị bình của hoàng tử đã vững, hứa hẹn sẽ là một trong những cột trụ vững chắc của triều đình. Nhưng nếu vào thời loạn, Phụng Càn vương phải trở thành một danh tướng lỗi lạc. Tâu bề hạ, Phụng Càn vương là một người đàng hoàng, văn võ kiêm thông, thông minh, can đảm có khí chất trượng phu, bề hạ khỏi lo.

- Khanh không còn gì để tâu báo nữa sao? Phiên châu trước ta bảo khanh tâu bớt đi, nhưng khanh có những ba bản tâu đọc liền một lúc.

- Bề hạ, thần còn một thỉnh nguyện nữa, xin bề hạ gia ân.

- Khanh nói đi.

- Tâu, thần già yếu lắm rồi. Theo hầu tiên đế từ ngày mở nước. Bề hạ thương tình cho giữ chức Thái sư, quan cao cực phẩm mà tài năng, sức lực nó lại chẳng chịu nghe thần. Thành thử công việc có khi bê trễ khiến bề hạ phải phiền lòng.

Tâu bề hạ, chức việc này phải trao vào tay người có đức, có tài và còn trẻ trung nhiệt huyết thì người ta mới dám xông xáo, canh cái. Mới dám như Mạnh Tử

nói là phải: "Nhật tân, hựu nhật tân. Nhật nhật tân"! Vì vậy, xin bệ hạ hãy thương thần mà cho thần được nghỉ ngơi công việc để trở lại gia hương hưu trí, dưỡng nhàn.

- Ôi, khanh đúng là một bậc trung thần, một bậc khai quốc công thần, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến nước chứ không nghĩ đến thân. Ta vẫn có lòng trọng khanh là ở chỗ đó. Thôi được, thể theo ý nguyện của khanh, ta y tấu. Nhưng không phải nghỉ ngay được mà khanh phải đề cử cho ta một hai người xứng đáng như khanh nói để ta chọn vào chức vụ này.

Bây giờ có một việc tuy không lớn, nhưng ta muốn hỏi ý kiến các khanh. Việc nên thế nào cứ thẳng thắn nói, chớ đừng vòng vo. Đừng sợ mất lòng hoặc được lòng ta, mà phải xem việc ấy nên hay không nên, đúng hay sai, lợi hay hại. Đó là một số việc ở hậu cung. Ta muốn hỏi viên Tổng giám thừa có đây không?

Một người gầy nhỏ, hơi thấp, trán giô, cổ rụt, cằm lẹm, răng đã loáng thoáng cái còn, cái rụng, da hổ giun, mũi tẹt, mắt ti hí đứng lên nói, giọng the thé:

- Tâu bệ hạ! Có thần đây ạ.

- Khanh cho ta biết hiện nay ta đã lập chính thức bao nhiêu hậu và phi rồi?

- Tâu bệ hạ, cả thảy mười một vị rồi ạ.

- Hiện có bao nhiêu ngự nữ?

- Tâu, mới tuyển được có mười tám mỹ nhân tất cả.

- Ca kỹ, nhạc công, vũ công có bao nhiêu người?

- Dạ, muôn tâu thánh thượng mới có một trăm người thôi ạ.

Nhíu đôi lông mày và hơi cau vừng trán rộng với vẻ nghĩ suy, đăm đăm. Bỗng với vẻ dứt khoát, nhà vua nói:

- Các khanh hãy nghe ta nói đây. Sao các khanh không suy xét? Hà Viên, Đỗ Sấm tả hữu giám nghị đại phu các khanh làm gì không can ta được một lời mà để dám trung quan lộng hành, chúng muốn biến ta thành một hoàng đế hoang dâm vô độ của nhà Lý chăng?

Sao một mình ta lại nhiều hậu, nhiều phi, tần đến thế? Lại còn ban nhạc tới một trăm mỹ nữ. Vậy chứ thiên hạ có bao nhiêu con gái đẹp, các người bắt hết về cung à, để rồi các nhà có con gái đẹp phải lo che giấu như một thứ hàng quốc cấm sao? Để rồi dân hờn oán rủa nguyền ta chăng?

Các khanh há không thấy Ngọ triều Lê Long Đĩnh vì sao mà mất nước? Vì sao dưới triều Long Đĩnh trăm họ lầm than, điêu đứng? Chỉ cần người đứng đầu trăm họ xa xỉ, dâm bôn, lập tức biến cả bộ máy nhà nước thành một lũ đàn đấm rong chơi. Và để cho tiền ném

vào các cuộc vui thú triển miên, phải tìm mọi cách đục khoét cửa kho, rồi bóp hầu bóp cổ người dân.

Vậy chớ các khanh có muốn biến ta thành một tên hề trong lịch sử không?

Triều thần im phăng phắc. Ai cũng cảm như mình có lỗi.

Tả gián nghị đại phu Hà Viên, Hữu gián nghị đại phu Đỗ Sấm đều ra quỳ trước ban tạ tội:

- Chúng thần nhu nhược không làm tròn trách phận bệ hạ uỷ thác, xin bệ hạ tha tội chết và cho chúng thần được từ nhiệm về nhà làm dân.

Cả triều quan đều ngơ ngác, không ngờ sự việc lại dẫn tới cơ sự này. Tất cả đều đổ xô nhìn về phía viên hoạn quan Phan Đức Thọ với ánh mắt khinh ghét.

Viên Tổng giám thừa mặt cúi gằm, cổ thụt lại, khiến ta thấy cái đầu y bé tẹo nhỏ lên giữa hai bờ vai hết như một con giãi vừa bị vụt trúng đầu. Cái mặt bèn bẹt và trơ li kia dường như cũng cảm thấy sấm sét sắp giáng xuống đầu y. Rõ ràng là y đang chờ đợi.

Thái bảo Đào Xà Trung xuất ban, ông vái chào nhà vua hai vái rồi hặc:

- Tâu bệ hạ, việc này quan nội thị Phan Đường Liệt hẳn phải biết. Vì rằng tổng giám thừa nằm trong nội thị cục dưới quyền điều hành của Đường Liệt. Giám thừa

làm việc gì đều không thể qua mắt nội thị cục. Vậy việc này nội thị cục có được biết hay giám thừa tự ý điều hành, tự ý lộng hành?

Nội thị Phan Đường Liệt lập tức xuất ban; ông vái nhà vua hai vái rồi nói:

- Tâu hoàng thượng, thưa các đồng liệt, tôi xin nói một điều, rằng tôi và tổng giám thừa Phan Đức Thọ đây chỉ là trùng họ chứ không phải đồng tông, đồng tộc, đồng hương, nên không có chuyện tư tui. Phan Đức Thọ cậy mình đã hầu hạ từ thời tiên đế, nay quyền biến ở trong tay, y lại càng hước ngạo không coi ai ra gì. Ý nghĩ rằng chỉ cần tuyển được nhiều người đẹp làm vừa lòng hoàng thượng, thì mọi người không làm gì được y.

May thay, hoàng thượng là bậc vua sáng chứ không phải là người hiếu sắc, nên đã kịp thời cảnh tỉnh. Nếu không, sự việc không biết sẽ dẫn tới đâu, sẽ như thế nào.

Thiếu sư Lý Triệt cảm thấy nóng nóng giữa vành tai, ngoảnh lại thấy Trung thư thị lang Liêu Gia Trung đang nhìn xoáy vào mình, bèn hất hàm hỏi:

- Ông nhìn gì ta dữ vậy?

- Ông là người trong hoàng tộc, lại là quan đầu triều, sao ông không lên tiếng.

Lý Triệt gật gật đầu rồi lập tức xuất ban. Ông vái nhà vua rồi nói:

- Xưa nay các triều đại suy vong đều có nguồn gốc từ lũ hoạn quan. Nhà Lê đến Lê ngoạ triều thì dám quan hoạn lộng quyền quá lắm. Bọn họ chuyên dẫn nhà vua vào con đường thoái hoá, trụy lạc. Suốt ngày ca sang, thâu đêm hành lạc. Ngay giữa ban ngày, trong lúc thiết triều bọn hèn làm trò đến trơ trẽn, chỉ cốt gây cười để mua vui cho nhà vua. Vì vậy, các đại thần tâu báo bất cứ một điều gì, đều bị lũ hèn bẻ queo di, chúng nói năng tục tĩu khiến từ lời lẽ nghiêm cẩn đến ý tứ sâu xa, đều biến thành trò cười trước sự nhào nặn, xuyên tạc của bọn chúng. Tất cả các trò từ đâm ô đến trò gây cười khả ố, đều do bọn hoạn quan bày đặt ra. Không chỉ ở nước ta, mà cả ở nước Tàu từ Tần, Hán đến Ngũ quý, Đường, Tống cứ hễ triều đại nào suy tàn, y như rằng có bàn tay của lũ thái giám nhúng vào. Nhân việc hoàng thượng đã chỉ ra việc làm khuất tất của tổng giám thừa Phan Đức Thọ, tướng bệ hạ nên có quy chế hoặc trao cho phủ Thái sư đặt thành quy chế rõ ràng, để hoàng thượng y chuẩn. Giá thử như hoàng thượng lập bao nhiêu hậu, bao nhiêu phi, bao nhiêu ngự nữ, bao nhiêu ca công nhạc công là hạn giới. Tại sao ban nhạc chỉ kén thuần nữ. Đã diễn trò, đã ca hát, thì phải có nam có nữ mới thành trò. Khi có qui chuẩn rõ ràng thì bên giám thừa cứ thế mà đôn đốc, phạm qui là phạm tội. Một điều nữa cũng xin nói thẳng, nhiều vị đại quan vì quá

ưu ái hoàng thượng, nên tìm mọi cách dâng ái nữ, khiến hoàng thượng đôi khi rất khó xử. Các việc này nên trao quyền cho nội thị cục được phép sắp đặt, nhưng nghiêm cấm các quan đi lại giao dịch với nội thị cục. Còn việc luận tội giám thừa Phan Đức Thọ xin hãy lấy thêm nhân chứng, nhưng không thể chậm trễ.

Thiếu sư Lý Triệt vừa ngồi xuống thì quan Hữu phúc tâm Lý Nhân Nghĩa đã vội xuất ban, vái nhà vua rồi nói luôn:

- Bệ hạ! Những điều quan thiếu sư và các quan tâu là hữu lý. Tất cả đều vì bệ hạ, vì sự trường cửu của triều Lý. Ngay giám thừa Đức Thọ cũng là đứng về phía bệ hạ, trung thành với bệ hạ dẫu chữ, nhưng y đứng về phía không có ánh sáng để khêu gợi cái dục tính trong mỗi con người. Phía không có ánh sáng tức là tối tăm. Tối tăm là nguồn gốc của vô minh, là bạn bầu với tội ác.

Bệ hạ anh minh, lịch sử các triều đại thường để cho hậu thế bài học quý, rằng mọi sự lộn xộn đều bắt nguồn từ chốn hậu cung. Bệ hạ đã nhìn thấu sự việc, nên sớm dẹp bỏ. Thật là đại hồng phúc cho triều đình, cho dân nước.

Nhà vua thật sự bất ngờ, vì sao mà các quan lại ghét bỏ đám thái giám đến như vậy. Dẫu hẳn không phải là sự ghen ăn, tức ở nhỏ nhen, mà tất cả mọi người đều ý thức về sự cảnh giới, lo chuyện dài lâu. Họ thuận

là những người có nhân cách cao thượng, nhưng phải thừa nhận: họ khát khe. Thấy không thể để các quan đôn mĩ bực giận lên đầu viên tổng giám thừa, mặc dù những điều họ nói đều đúng cả. Vua Thái tông tạm hoãn các việc lại như sau:

- Hỡi các khanh, ta nghĩ đây là việc tế vi, dù sao nó cũng có quan hệ đến ta và đây đưa tới các việc trong hậu cung. Mà đã là hậu cung thì đều là đa sự. Đa sự lắm. Vì vậy không nên bàn thảo nhiều nữa. Về số lượng hậu và phi cùng các mỹ nữ, ta quyết như sau:

- Hậu và phi của ta đã lập tới nay là mười một người. Vậy qui chuẩn từ nay trở đi là chỉ có mười một người thôi.

- Số ngự nữ cũng đóng khung ở con số mười tám người, nhưng kém thì được.

- Số người trong ban nhạc cung đình gồm nhạc công, ca công và vũ công, ta thấy con số một trăm là hơi nhiều. Chỉ cần nửa hoặc già nửa số người ấy nhưng các ngón nghề phải tinh thông, dàn địch phải điêu luyện, giọng ca phải mượt mà, vũ điệu phải đẹp mà uyển chuyển.

Nhà vua vừa dừng lại, Tổng giám thừa Phan Đức Thọ vội lạch bạch xuất ban. Y nói như lú cả lưỡi lại:

- Lạy đức kim thượng đèn giới soi xét. Còn hai bà



nữa con hai vị đại quan, đã có sứ dâng bệ hạ. Bệ hạ đã ân chuẩn. Vì bên Tư thiên giám chưa tìm được ngày tốt, nên chưa làm lễ tấn phong, nhưng bệ hạ đã ban ơn mưa móc rồi ạ. Xin bệ hạ gia ân, việc này không thể trả lại người ta được đâu.

Các quan quay nhìn nhau, cứ ngậm miệng, cắn răng lại mà nuốt tiếng cười vào bụng. .

Nom gương mặt y có vẻ khổ đau thật sự. Nghĩ cũng thương tình, vua ban thánh ý:

- Thôi được, ta y chuẩn cho lấy thêm hai người nữa. Vậy là số hậu và phi của hoàng đế là mười ba người. Ta cấm người không được phép tự ý nhận người để kết thêm vây cánh, bè phái. Triều đình không phải chồn bán buôn. Giọng nhà vua đánh lại với vẻ cương đoán.

## XXI

Từ sau ngày di binh dẹp ở đạo Lâm Tây trở về, vua Thái tôn ngẫm lại việc dân chúng các nơi nổi lên, do những đầu mục người man cầm đầu, vua phải thân chinh. Tính ra cứ hai năm lại có một cuộc nổi dậy. Ví như năm Kỷ tị người dân Đan Nê<sup>1</sup> châu Ái nổi lên; năm Tân mùi người dân châu Hoan chống đối; năm Quý Dậu người châu Trệ Nguyên làm phản; năm Ất Hợi người Mường ở châu Ái nổi loạn; năm Đinh Sửu thì đạo Lâm Tây, châu Đô Kim, châu Thường Tân, châu Bình Nguyên nổi lên đánh phá, cướp bóc, chống lại quan quân.

Ấy là chưa kể tới lần dẹp loạn ba vương khi tiên đế vừa băng. Lại cũng chưa kể tới việc ta kéo cả đại binh đi Trường Yên dẹp Khai quốc vương đang toan tính chuyện cát cứ. Thật tình ta không muốn một người

---

<sup>1</sup> Sử gọi là Đan Nãi vùng châu Ái (Thanh Hóa).

dân nào phải chết oan uổng. Ta không muốn một người dân nào dù dân Kinh hay dân Man, dân các động, sách phải nổi loạn, phải làm giặc chống lại triều đình. Suy cho cùng, người dân đâu có muốn nổi loạn, làm giặc. Nhớ có lần trước khi viên tịch, đức Vạn Hạnh khuyên ta sau này được nối ngôi, phải luôn nhớ nằm lòng mấy việc: “Việc đầu tiên của một triều đại là phải lo yên dân. Muốn yên dân phải lo cho dân đủ ăn, đủ mặc; không để xã hội có trộm cắp; không để chức dịch, quan lại chèn ép, nhũng nhiễu hà hiếp dân. Việc thứ hai của một triều đại là phải làm cho nước được cường thịnh. Muốn nước được cường thịnh thì phải lo cho dân được yên định lâu dài. Muốn yên định được lâu dài thì phải để cho người dân được tự do mở mang nghề nông, nghề công và nghề thương. Các việc trên mà phát đạt thì dân sẽ giàu. Dân giàu thì nhà nước sẽ thu được nhiều thuế, nước sẽ vì thế mà mạnh. Nhưng thuế không thể thu cao quá. Thuế đánh cao, người làm ra hàng hóa, người buôn bán sẽ không có lợi nữa. Vì vậy người làm ra hàng hóa, sẽ thôi không làm hàng hóa nữa. Người buôn bán sẽ thôi không buôn bán nữa. Nhà nước vì thế sẽ mất nguồn thu. Đất nước sẽ trở nên hoang vắng, sẽ nghèo lại rất nhanh. Bởi thế, nhà nước phải có kế sách nuôi dưỡng lấy các ngành nghề, nuôi dưỡng lấy sự lưu thông buôn bán, cũng tức là nuôi dưỡng nguồn thu đấy.

Cho nên chăm dân là phải để dân yên. Không những để dân yên mà còn phải tôn trọng dân, khuyến khích dân, để dân yên tâm mở mang các nghề có lợi cho nền công thương nước nhà. Có như thế dân mới giàu được. Dân đã giàu thì nước có không muốn mạnh cũng không được. Làm cho dân giàu nước mạnh, chính là thuật trị nước của các bậc vua sáng từ thượng cổ tới nay, và mãi mãi về sau chắc cũng không khác được.

Còn giặc giã ư? Giặc giã là ai? Chính là dân đó. Dân bị bỏ đói, dân bị quấy nhiễu, bị chèn ép bức bách thái quá tức là xúi dân làm giặc. Một khi người dân vạn bất đắc dĩ phải nổi lên làm giặc, thì họ không còn phân biệt xã quan hay thiên tử nữa. Khi ấy, tất cả mọi người trong bộ máy cầm quyền, đều là kẻ tử thù của họ.

Bởi lẽ đó, công việc thương hàng của một triều đại, là nuôi vỗ dân, giúp yên dân. Dân có yên thì mới tính đến sự Đạo được. Đó là lời cuối cùng ta để lại cho hoàng thái tử”. Nói xong, thiền sư Vạn Hạnh vẫy tay cho ta lui ra ngoài.

Đúng như thiền sư đã từng răn: “Giặc giã là ai?” - “Chính là dân đó”.

Đúng như vậy, nhớ năm Kỳ tị ta đi dẹp giặc ở Đan Nê. Quân đi bùa vây rồi điệu về hàng trăm người đủ loại: già có, trẻ có, đàn ông, đàn bà trẻ con đều có hết. Trông các gương mặt gầy võ hốc hác, những cặp mắt

thô lố vô cảm như những hồn ma bóng quỷ. Ta tự hỏi - Đây là giặc ư? Những người này là giặc ư? Ta không tin. Ta bèn sai lấy nước cho họ uống, nhưng trước hết phải cởi trói, phải bỏ gông cho họ. Lại sai lấy cơm rượu cho họ ăn uống đầy đủ. Sau đó, ta trò chuyện với họ. Thoạt tiên, ta chỉ tay vào một ông già, nom gương mặt ông ta lúc này đã có thần sắc. Ta ngờ ông ta là một người hiểu biết. Bởi ông nhìn ta với cái nhìn dò xét, bán tín bán nghi. Thấy vậy ta bèn lên tiếng:

- Ông già thử nói ta nghe, vì sao dân chúng ở đây lại nổi loạn, chống lại triều đình. Những người như thế này, ta khoát tay chỉ vào đám dân bà, con nít - những người như thế này với vài cây cung, vài con mã tấu, dăm ba ngọn giáo thì chống lại được ai. Sao các người không tự lượng sức, lại mưu toan chuyện đội đá vá trời ấy?

Ông ta không trả lời. Dường như không quan tâm đến điều ta hỏi. Ông quay nhìn đi chỗ khác. Ta lại hỏi:

- Ông già kia có nghe ta hỏi gì không?

Ông lão quay lại nhìn thẳng vào ta, lập tức ông cúi mặt xuống hỏi lại:

- Vậy chứ ông là ai? Tôi biết mình phải thưa chuyện với ai đây.

- Ta là vua đương triều.

- Có thật ngài là vua xứ này ?

- Đúng thế, ta là vua đương triều. Sao ông còn chưa chịu quỳ trước ta.

- Có đúng ngài là hoàng thái tử Lý Phật Mã đi đánh Chiêm Thành mùa đông năm Canh thân, đêm ngủ lại đất Đan Nê này, mơ thấy thần Đồng Cổ, và thần đã trợ uy cho ngài thắng trận trở về ?

- Quả có chuyện ấy. Nhưng sao ông lại biết.

Ông già liền quỳ mọp xuống, đầu cụng đất ba lần, khi ông ngừng lên hai hàng nước mắt chảy ròng ròng. Ông nói lời thống thiết:

- Nếu hoàng thượng đúng là hoàng thái tử Lý Phật Mã hai mươi năm trước đã qua đây, thì dân chúng Đan Nê ngày đêm trông ngóng ngài. Hoàng thượng hỏi vì sao dân biết chuyện thần hiển linh giúp ngài ư? Làm sao mà dân lại không biết. Điều gì vua biết, ắt dân biết. Bởi những chuyện đó đều do Trời sắp đặt và Trời điều hành cả. Mà Trời lại rất thương dân. Hóa nên Trời cho dân biết. Hoàng thượng có thể giấu được dân, nhưng lại không thể giấu được Trời. Vì vậy hễ điều gì mà Trời đã biết, tức là dân biết đấy.

- Ta thấy điều ông nói là hợp đạo lý. Việc ta chậm trở lại Đan Nê để tạ thần và vỗ về dân chúng khiến thần, Trời đều giận ta chăng? Và vì thế dân chúng mới nổi loạn sao?

- Bệ hạ nói sai rồi. Việc dân chúng Đan Nê nổi loạn chống lại đám chức dịch chèn ép bóc lột dân thái quá, bỏ mặc dân một cách thái quá, đó là việc của người chứ không phải việc của thần linh, không phải việc của Trời. Còn việc thần Đồng Cổ ở Đan Nê và Trời có giận bệ hạ không, bệ hạ khắc tự biết.

Nhà vua vừa vui vì được tiếp một người dân thông tuệ, vừa bực giận với mình vì sao lại có sự lãng quên đáng trách đối với thần và dân Đan Nê. Tự nén lòng, vua gắng hỏi:

- Nay lão ông, ta muốn biết các chức dịch ở đây đã hà hiếp bóc lột dân thế nào, đã bỏ mặc dân sống như thế nào? Và vì sao dân lại giết các xã quan và các đầu mục? Làm việc đó dân có biết là phạm tội giết người, là làm giặc không?

Ông lão bình tĩnh đến lạ lùng. Nhà vua hỏi tội mà mặt ông không hề biến sắc. Ông biết, ông và cả trăm dân làng dang đối mặt với nhà vua đây, thì có cả ngàn vạn quân triều đình đang vây tròn dân chúng vòng trong vòng ngoài, đâu có mọc cánh cũng không thể trốn thoát. Vậy mà ông vẫn bình thản, vẫn gan dạ đáp lời:

- Bệ hạ anh minh đèn trời soi xét. Dân Đan Nê chỉ giết mấy đứa ác hành hạ dân chứ dân Đan Nê không hề giết người hiền lương, không dám đụng đến một cái lông chân của xã quan, của các đầu mục.

Ông lão ngừng nhìn nhà vua, lại nói rành rõ:

- Muôn tâu bệ hạ, dân chúng Đan Nê chỉ giết mấy đũa ác chứ không giết người. Việc ấy là dân dā vì vua mà trừ cái ác trong thiên hạ đấy.

Nghe ông lão nói tới hai lần «Dân chúng Đan Nê chỉ giết mấy đũa ác chứ không giết người», tâm nhà vua chợt động và ngài ngộ ra một điều. Rằng đám xā quan, đám dầu mục dā hành xử với dân như loài thú dữ, vì thế dân giết chúng, cũng có nghĩa là dân giúp ta trừ bỏ cái ác.

Vua thân đứng dậy nói lớn trước mọi người:

- Hỡi dân chúng Đan Nê! Để xảy ra sự việc đáng tiếc này triều đình có lỗi, ta có lỗi với dân. Ta xin tạ trước dân.

Nhà vua vừa dứt lời, toàn thể dân chúng liền quỳ xuống hô vang:

- Hoàng thượng anh minh!

- Hoàng thượng vạn tuế!

Và rồi dân chúng kể hết đoạn trường, đám dầu mục và chức dịch đã bóc lột dân tàn tệ như thế nào. Đến nỗi ba năm liền mất mùa vì hạn hán. Lúa cháy tấp tới gốc rạ, thóc không được hạt nào mảy. Người khô khát. Trâu bò phải lừa đi tới mấy dặm mới ra tới bờ sông uống nước. Dân bỏ ruộng bỏ quê vào rừng, tìm củ



tìm quả cây, ăn cảm hơi, mà trống làng vẫn cứ thúc liên hồi, đòi dân đóng thuế, nộp tô.

Càng nghe, nhà vua càng xót xa, và cảm thấy lời thầy Vạn Hạnh như còn văng vẳng: «Giặc ư? Chính là dân đó!».

Quan lại như thế, biết nói sao được, chính chúng là loài hổ lang. Dân chúng sống làm sao được với hổ lang. Vì vậy họ phải họp nhau làm giặc. «Giặc ư? Chính là dân đó!».

Năm ấy, sau khi tạ lỗi với dân, ta lại chẩn phát tiền gạo cho mọi người, mọi nhà. Dích thân ta cùng với cả đám quân triều đình ở lại Đan Nê cùng dân đào kênh. Dòng kênh này thông với sông Cái. Lấy nước sông Cái tưới cho đồng ruộng. Ruộng trước một mùa bấp bênh, nay hai mùa ăn chắc. Ta lại tha tô thuế ba năm liền. Thế là từ bấy tới nay, không một viên chức dịch nào dám hà hiếp dân nữa. Cũng từ đấy, dân được no ấm, bói cũng không tìm được ai làm giặc.

Thật tình công việc đào kênh là do sự bức bách nảy sinh. Ta nghĩ phải làm tới hai tháng mới xong. Ai ngờ mới gần một tháng đã thông dòng, đã có nước. Dân xin với ta được làm tiếp các công việc bờ kè, để quân triều đình về kinh. Đứng là lòng dân đã thức dậy trong ta. Đó cũng chính là lời khuyên về đạo trị nước của thiền sư Vạn Hạnh.

Nhà vua cứ hồi nhớ như vậy, trên đường ra thăm khu đồng dâu bạt ngàn của các cung nữ tiền triều được giải cung.

Nhìn những trà dâu bát ngát, cây cao, cành lòa xòa, lá mướt xanh trái dài đuối tầm mắt, loáng thoáng có một vài người đang vít cành tuốt lá. Nhìn trà dâu xanh, lòng nhà vua tràn ngập niềm vui. Tầm ư, tơ ư, gấm, đoạn ư, đều từ những chiếc lá xanh này mà ra cả. Vua đi thẳng tới chỗ mấy người đang dùng kéo nèo vít mấy cành cao xuống, tuốt lá ném vào trong giỏ.

Thấy vua đến, họ bỏ hết việc đang làm, phủ phục cúi chào:

- Hoàng thượng vạn an!

- Hoàng thượng vạn an!

Vua chìa tay ra đỡ mấy người và nói lời an ủi:

- Ta miễn lễ, các người cứ làm việc, để ta đi cho tự nhiên thôi.

Nhìn mấy người cung nữ già, thân hình teo tóp lại, da sạm đi vì các vấy đồi mồi, tóc hoa râm, khăn áo lốm đốm các nốt nhựa dâu trắng trắng. Bốn mùa dầu dãi, nắng mưa, nóng lạnh đều phải bươn chải, để có được kén, được tơ, được vương lụa, vương gấm. Xiết bao công phu, mỗi sợi tơ, mỗi mắt vải là mỗi giọt mồ hôi thấm đẫm. Thế mà kẻ có áo lụa áo là mặc, còn chê óng chề

eo. Thái tông chợt nghĩ tới một nhà thơ đời Đường, chắc cũng trải đời và có lòng nhân ái bao dung, mới cảm mà viết ra được những dòng chữ có hồn đến thế. Lắm nhắm để nhớ lại toàn bài, nhà vua chợt dừng lại nhìn bao quát trà dâu rồi đọc vừa đủ nghe:

*Hiếu tịch thái tang đa khổ tâm  
Hào hoa thời tiết bất nhân thân  
Nhược giao giải ái phồn hoa sự  
Đổng sát hoàng kim ốc lý nhân<sup>1</sup>*

Đúng như Lai Hộc đã cảm nhận được nỗi nhọc nhằn của “Tâm phụ”. Hiện ta có cả một kho gấm, cũng tức là ta nhốt chứa cả một kho mồ hôi và công sức của họ. Đáng tiếc người đời khi mặc áo lụa, áo gấm chỉ biết khen chê lụa gấm có vừa hoặc không vừa ý mình, mà ít ai thấy được nỗi nhọc nhằn của người trồng dâu, chăn tằm và dệt cửi.

Nhìn cảnh ngộ mấy người cung nữ của vua cha ngày trước, nhà vua không khỏi chạnh lòng. Lại nghe

---

<sup>1</sup> Bài tứ tuyệt này của Lai Hộc đời Đường. Có tựa đề TÂM PHỤ tức người đàn bà chăn tằm. Nghĩa như sau:

*Sớm tối hái dâu bao vất vả  
Những lúc thời tiết đẹp chẳng được nhân rồi  
Ước sao đời có chuyện:  
Bao kẻ giàu có trong ngôi nhà vàng kia chết rét  
(để họ hiểu rõ nỗi chăn tằm là khó nhọc).*

Mai hoàng hậu nói, nhiều người trong số họ còn chưa được một lần gặp vua cha; suốt cuộc đời con gái họ sống héo mòn trong cung cấm. Tháo nào bữa trước các quan dần hặc viên giám thừa gay gắt thế. Có nhẽ, việc hậu cung của ta phải kịp thời chấn chỉnh ngay, không thể thả lỏng cho bọn thái giám muốn thao túng thế nào cũng được. Xét có tội, phải nghiêm trị. Bọn này thường là mưu mô thâm độc thấp hèn. Không tin chúng cũng không được, mà cả tin vào bọn chúng, ắt có ngày nguy cho xã tắc.

Sớm nay thiết triều nhà vua mặc bộ long bào màu tía, may bằng gấm hoa. Hoa là những cánh sen xếp cạnh nhau nom như một đường viền nhấp nhô lượn sóng. Đường viền ấy chỉ có ở lá sen nơi cổ áo, nơi hai cửa tay và gấu áo, gấu quần. Đi giữa hai hàng bá quan văn võ, nhà vua cười nói thật là hồ hởi thân tình.

Vua Thái tông vừa ngồi vào long ngai thì các quan quỳ lạy rồi ai về chỗ ấy. Triều hội bắt đầu. Vua nói:

- Trước hết ta có lời khen các đài, đô, sảnh, viện đã hiệp phối với nhau dưới sự điều hành của Trung thư sảnh thuộc phủ thái sư, đã tháo xong bộ Hình luật. Đây là bộ luật hình đầu tiên của triều nhà Lý, cũng là bộ luật hình đầu tiên của nước ta. Sự gắng gỏi của các khanh được thể hiện trên luật văn hết sức rõ ràng. Tuy vậy, theo ta còn phải tu chính nhiều lần mới ban bố được. Ta

chỉ nói mấy điều để các khanh lưu ý khi tu chính:

Điều thứ nhất, lời văn còn dài dòng, nghĩa còn tối. Đôi chỗ còn rối nữa. Tại sao tội danh như nhau nhưng lại có hai cách xử, khiến án luật chênh nhau thái quá. Chẳng hạn tội ăn trộm trâu. Nếu xử theo điều 5 chương 2 thì kẻ bắt trộm trâu, bị chủ nhà hoặc chức dịch, hoặc người dân bắt được quả tang, kẻ trộm trâu phải hoàn trả con trâu đó cho nhà chủ, và phải nộp phạt một con trâu bằng với con trâu định lấy trộm, và bị phạt 20 trượng. Nếu chủ nhà là hàng quan từ ngũ phẩm trở lên, hoặc chủ nhà có từ ba chục điền nô trở lên thì được nhận con trâu kẻ trộm phải nộp phạt. Nơi đánh trượng là cổng chợ, nhằm ngày chợ phiên đông đúc, ngụ ý răn đe cảnh tỉnh những kẻ có manh tâm trộm cắp.

Cũng tội ăn trộm trâu, bắt được quả tang như trên, lại có thể xử theo điều 7 chương 5, thì kẻ ăn trộm chỉ phải trả lại trâu cho người chủ, và bị đánh 20 trượng.

Tính không nhất quán của án luật như thế này, là kẻ hớ lớn, để người xử kiện ăn của dút của kẻ gian một cách hợp pháp mà nối khung hình phạt. Lại việc bắt kẻ gian phải nộp phạt một con trâu; nếu người mất của là quan từ ngũ phẩm trở lên, nhà giàu có, số điền nô từ ba chục người trở đi thì được nhận trâu nộp phạt. Nếu chủ nhà là dân thường thì trâu đó thuộc về ai?

Điều thứ hai ta muốn nói là luật thiên trọng về

hình phạt, nhiều hình phạt khắc bạc quá. Cũng hé lộ một điều rằng luật này có lợi nhiều hơn cho người có của và có quyền.

Các khanh vẫn chưa hiểu hết ý ta đã dụ bảo. Luật này phải là luật của người dân, của mọi người dân. Người dân cùng khổ dưới đáy xã hội, với người trong hàng tam công, đều có giá trị như nhau trước pháp luật. Mọi người đều là thân dân của ta cả, ta không có khu biệt. Tinh thần đó phải được đưa vào luật pháp. Các khanh nên bỏ hẳn lối kỳ thị giàu nghèo, sang hèn để dân thì xử theo luật, còn đại phu thì xử theo lễ. Không thể như thế được, đại phu và thứ dân phạm một tội như nhau thì lĩnh án như nhau. Vì sao người dân thường không được nhận con trâu phạt ké gian, mà quan lớn và nhà giàu thì được nhận. Luật là phải biểu hiện tính công bằng, thế mà ở đây lại biểu thị sự bất công và cả bất minh nữa. Điều này làm cho người dân không chỉ ghét bộ máy công quyền mà còn ghét cả luật pháp nữa.

Ngoài ra ta còn muốn, luật này phải là cây gậy để người nghèo tự bảo vệ mình, chứ không thể u u mình mình, khi người dân mới phạm lỗi đã coi như một trọng tội, quan trên cứ xử theo ý riêng của mình.

Điều thứ ba ta lưu ý các khanh, phải gắng sửa luật văn cho thật giản dị, dễ hiểu, thật ngắn gọn để người dân dễ nhớ. Phải hiểu một điều rằng số đông

dân chúng không biết chữ. Ngay hàng quan lại của ta có phải ai cũng biết chữ cả đâu. Nhiều xã quan hiện nay số sách tính toán không phải bằng giấy tờ chữ nghĩa, mà là cuộn dây thừng với những nút thắt khác nhau.

Ta nhắc lại đề các khanh liên kết với nhau mà làm cho tốt. Ví như bên Đình úy ty cùng bên Đô hộ phủ sĩ sư là các cơ quan quen thạo pháp luật, nên giữ quyền chủ biên. Bên Khu mật viện bao quát trong ngoài, trên dưới vừa rộng vừa sâu, nên đề xuất ra các loại tội phạm, các khung hình phạt. Chú ý, lấy răn đe làm chính, lấy khoan nới làm chính và không thiên vị người có của, có quyền. Nếu tinh thần của luật pháp không mang tính xã hội rộng rãi, không mang tính công bằng và khoan dung, thì luật ấy sẽ là đầu mối của rối loạn và bất công. Hơn nữa luật đã ban ra là phải có tính ổn định lâu dài chứ không thể thay đổi theo ý riêng của bất kỳ ai, kể cả ta. Nếu không, dân chúng sẽ không tin vào tính công bằng của pháp luật nữa. Nào, các khanh còn ai có ý gì không, để ta lại bàn sang việc khác.

Thái tông đưa mắt nhìn khắp lượt, không thấy ai có ý gì muốn nói, nhà vua bèn tiếp:

- Đạo trước, quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh đi kinh dinh miền biên thùý, miền viễn châu, miền biển đảo đã có biểu dâng về các việc binh bị. Nhất là tăng sức mạnh cho quân sĩ, để việc phòng thủ có khả năng

răn đe, làm thui chột ý đồ xâm lăng từ trong tiềm thức của vua quan nước địch. Lại còn mặt bể mênh mông mà quân thủy của ta không đủ sức khống chế. Tuy nhiên quan khu mật sứ có dâng một kế mà ta cho là hữu lý, và có thể thực thi được. Mạn ấy ta cũng đã có đi thị sát, nhưng ta chưa nghĩ đến việc lập các trạm hải binh để chặn các yết hầu tuyến hải đạo từ biển vào tới cửa Lục, cửa Bạch Đằng. Thật ra vùng biển này có nhiều ngả vào được Vân Đồn để vào cửa Lục, cửa Bạch Đằng. Các ngả đều phải vượt qua sóng dữ, khi vào trong thì núi non trùng trùng như bát úp, luồng lạch khuất lấp, quân ngoài vào rất sợ bị chặn phục thì không có đường chạy. Duy có ngả đi qua sông Mang vào tới đảo Minh Châu, Quan Lạn thì sóng êm, núi non thưa thớt hơn, nên quân địch thường chọn luồng đi này. Luồng này đoạn nguy hiểm nhất mà dân trong vùng gọi là “sông Mang”. Thật ra nó không phải là sông, mà là một khúc biển được chặn bởi các dãy núi hai bên có luồng lạch sâu khuất gió, thuyền bè đi lại rất thuận tiện. Tuy vậy, đây là đoạn hải đạo tối nguy hiểm cho quân giặc, nếu ta ém quân thủy quanh những hòn núi một để xông thẳng vào thuyền giặc, chia cắt chúng ra mà đánh. Lại phục quân cung nỏ, cùng các máy bắn đá từ các hòn núi ở hai bên bắn xuống thủy bộ cùng đánh thì quân kia có mọc cánh cũng không hồ dễ mà thoát ra được.



Ta xem như năm Mậu tuất (938), tướng giặc nhà nam Hán là Lưu Hoằng Tháo, dẫn đạo quân thủy theo ngả sông Mang vào Vân Đồn, rồi từ đó đại quân của Tháo kéo vào cửa sông Bạch Đằng. Ngô vương biết mưu giặc nên đã lập sẵn thế trận, đóng cọc lim vót nhọn, đầu bịt sắt, chờ nước lên như cho giặc tràn vào. Chợt nước xuống quay lại đánh vỡ mặt. Thuyền giặc quay mũi, xuôi dòng chạy ra cửa biển. Chính là chạy ra bãi cọc lúc này đã nhô cả mũi lên rồi. Thế là xô nhau chết chìm. Thái tử Lưu Hoằng Tháo chết giữa trận tiền, giặc nam Hán thấy đều làm mồi cho cá. Từ đấy, nước nhà giành được quyền tự chủ sau hơn một ngàn năm bị người Tàu đô hộ.

Lại năm Tân tỵ (981), đúng bốn mươi ba năm sau khi Lưu Hoằng Tháo đại bại, Tống Thái tông sai danh tướng Lưu Trưng theo đường biển (vẫn là con đường xưa Lưu Hoằng Tháo đã đi) vào xâm lăng nước ta, nhân việc nhà Đinh mất nhà Lê lên. Thế nhưng quan quân giặc Tống cũng bị Lê Hoàn dim chết tại cửa sông Bạch Đằng. Vậy nên con đường biển này là đường thú hiểm của nước ta. Âu cũng là chuyện trời thương nước ta nhỏ bé mà bày xếp ra như thế. Hóa nên mọi con đường vào nước ta từ đường bộ đến đường biển đều là mồ chôn quân giặc. Nhân chuyện này quan Khu mật sứ xin đem hải binh ra trấn tại Vân Đồn, trấn tại đảo Minh Châu,

Quan Lạn. Thế của Minh Châu, Quan Lạn là chẹn yết hầu sông Mang trên con đường biển vào Vân Đồn để vào cửa Lục, vào cửa Bạch Đằng. Đây là việc sinh tử trong công cuộc phòng thủ đất nước, ta y chuẩn.

Khu mật sứ cũng xin ta cho mở thương cảng Vân Đồn, để thông thương với các tàu buôn ngoại quốc. Việc này nên lắm, phi thương bất phú. Nhưng phải xem các sản vật quý của ta lấy từ rừng và biển, họ có ưng mua không, có được giá không. Rồi hàng hóa của họ, có phải là những thứ ta cần không. Các người nên nhớ, ta chỉ mua những thứ ta cần mà nước ta không có. Còn như nước ta có mà nó chưa tốt, chưa đẹp bằng của người, thì phải học cách làm cho nó tốt, nó đẹp lên chứ không được mua. Nếu mua hàng ngoại thì hàng nội ế, mà nghề sẽ mai một đi. Lại nữa cũng phải xem để nước ta phải có một đội thương thuyền, chở hàng của nước mình đi mà bán, mua hàng của nước người về mà dùng. Việc này phải xem xét thận trọng, người mình chưa quen thạo đường biển đi các nước, nên cho theo học trên các tàu thuyền buôn của người Tống. Rồi phải lập được hải đồ, hải trình đến từng bến, từng nước. Cả chế độ hải lưu nữa, rồi từng mùa gió bão đều phải tỉ mỉ ghi chép cẩn mẫn lắm. Thôi thì vạn sự khởi đầu nan. Các khanh cứ cho người làm đi rồi khắc biết.

Thái tông lòng phấn chấn nhìn khắp triều quan,

rồi nói:

- Vậy chớ chuyện lập thương cảng Vân Đồn, lập ải lúy tại Minh Châu, Quan Lạn, tức là lập quân cảng Vân Đồn cho hải binh ta đồn trú canh phòng, liệu các khanh có đồng lòng với ta, hay có dị ý gì hãy tỏ bày để cùng bàn thảo.

Quan Khu mật sử Mai Mạnh Minh vái nhà vua rồi xuất ban tâu:

- Nếu hoàng thượng y chuẩn bản tấu của thần, thì lữ thần xin được kết liên bàn thảo với quan Thái úy cùng các quan Tả, Hữu tham tri chính sự, Trung thư thị lang để khai triển việc quân, việc thương. Tâu bệ hạ, việc buôn bán là hết sức có lợi, nhưng ta phải xem lại nguồn sản vật của ta có những gì để bán. Và nó có nhiều không. Lại phải có kế sách thu hút tàu thuyền nước ngoài vào đông, thì mới tạo ra được một bạc dịch trường sôi động.

Nhà vua lấy làm đẹp ý, bèn phán:

- Việc đó, ta giao hẳn cho khanh điều hành. Bây giờ nếu không ai còn điều gì tâu báo, ta có chuyện vui muốn nói với các khanh đây.

Cả triều quan ngơ ngác ngó nhìn. Trong khi đó vua rời khỏi long ngai bước xuống và gọi các quan lại gần:

- Bây giờ các khanh nhìn kỹ bộ long bào ta đang mặc đây, kể cả ta cho các khanh sờ xem mặt vải, rồi nói cho ta nghe, đây là hàng của nước nào.

Mới thoáng nhìn qua, chưa cần sờ xem mặt vải, các quan đã nói dường như đồng thanh:

- Tâu hoàng thượng, gấm của nước Tống ạ!

- Tâu, đẹp thế này chỉ có hàng Tô Châu của nước Tống thôi ạ.

- Các khanh về chỗ đi để ta nói cho mà nghe. Bộ long bào ta mặc đây chính là đồ gấm của nước ta đấy. Các khanh có biết ai dệt không? Các cung nữ đã giải cung ở Trại dâu tầm dệt đó. Chính ta và Kim thiên Mai hoàng hậu đã dạy cho họ nghề dệt gấm, dệt vóc này. Nay mai, ta lại dạy cho các cung nữ đương triều nghề dâu tầm, canh cử để làm ra những thứ gấm, vóc này. Nhân đây ta cũng khuyến dụ các khanh, hãy dạy cho điền nô, gia nô làm các việc này đi. Ý ta là muốn mở mang việc công thương, mình phải tự sản ra được các đồ cần yếu để khỏi phải mua, khỏi phải phụ thuộc vào nước ngoài. Từ nay ta sẽ chỉ mặc các đồ vải vóc do người mình dệt. Trong kho còn bao nhiêu gấm Tống mà nhà nước tích lũy, ngày mai ta sẽ cho thợ dệt do, may cho tất cả các quan trong triều theo thứ bậc, mỗi người một bộ. Nếu còn dư, sẽ ban cho các quan lộ, quan châu. Từ nay, ta cấm không được nhập vải vóc của người

Tống nữa. Phải tự sản ra mà dùng. Việc dùng hàng nội hóa phải bắt đầu từ triều đình, từ ta. Vua vừa dứt lời, các quan ào ào hô lời chúc tụng.

Tiếng hô vang âm tưởng như những viên ngọc hoàng lưu ly trên nóc điện Thiên An cũng rung lên.

## XXII

Từ bữa Khai Hoàng vương đi bình dẹp các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên trở về, không chỉ Khai Hoàng vương được ngợi ca như một bậc vua sáng cho mai hậu, mà cả Ngô Tuấn dù chỉ là được đặc cách đi theo hoàng thái tử, tiếng tăm chàng cũng nổi lên như một tài năng hứa hẹn.

Với Khai Hoàng vương thì không phải đây là lần đầu tiên hoàng thái tử lĩnh án đại nguyên soái, mà là lần đầu tiên chàng tham gia hầu như tất cả mọi việc nơi tiền quân; các quan phụ tá đều có ý nể trọng hoàng thái tử, chứ không còn coi chàng như một thiếu niên mười lăm tuổi nữa. Quả nhiên Lý Nhật Tôn vừa có thiên tư khác thường, lại vừa được vua cha rèn dạy chu đáo, nên kiến thức chàng đã vượt lên tầm tuổi tác.

Với Ngô Tuấn thì lại khác. Ai cũng biết Ngô Tuấn là con Ngô An Ngữ, nghe nói thuộc dòng dõi của Ngô

vương Quyền và hiện nay chàng đang mô cô cả cha lẫn mẹ. Tuy nhiên, điều đó cũng chỉ làm cho các quan có sự cảm thông và yêu quý dòng dõi của chàng thôi, chứ chưa có gì khiến mọi người phải nể trọng. Ngay cha chàng, tướng Ngô An Ngữ được các đồng僚 quý kính là ở như đức tốt và lòng trung dũng, quá cảm. Điều đó đã được thể hiện trong việc tôn phò diện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế năm Canh tuất, lại trong cuộc đánh dẹp ba vương nổi loạn, cùng các cuộc bình dẹp từ lộ Hải Đông đến Thanh Hóa, Diễn Châu hoặc từ Tây Nông đến Lâm Tây. Và cuối cùng là vào năm Tân mùi (1031), Ngô An Ngữ bị bệnh mà thọ tử trên đường di tuần thú miền biên địa ở Ái Châu.

Điều khiến mọi người kinh ngạc là lần đầu tiên Ngô Tuấn được di đánh dẹp, cũng là lần đầu tiên Tuấn được trao quyền làm Đô tướng quân, vậy mà chàng lại tỏ ra quen thạo công việc chứ không hề bỡ ngỡ. Những đề xuất của chàng về các hướng đánh dẹp cũng như việc vỗ yên dân chúng, tỏ ra là người có am hiểu về đạo trị, bình, và là người có lòng khoan dung đối với kẻ lầm lỡ.

Tuy còn rất trẻ, mới mười chín tuổi, so với các bậc bề trên, có vị trái thờ mấy đời vua, chức tước và công lao trùm thiên hạ, thì Ngô Tuấn quả chỉ là một chàng thiếu niên búng ra sữa, má còn đậm lông tơ, chẳng ai

đề ý tới chàng.

Song mới chỉ lần đầu xuất lộ, Ngô Tuấn đã chiếm được lòng quý trọng của mọi người. Lần đầu tiên chàng được trao một công việc lớn, tưởng như là quá sức. Để khỏi phụ lòng tốt của Khai Hoàng vương, Ngô Tuấn đã đón nhận trách vụ một cách vui vẻ. Và gắng đem hết trí tuệ, sức lực và cả danh dự vào công việc.

Khen thay với một thiếu niên mới lớn mà lâm trận lại không rối trí, mặt không hề biến sắc. Và khi mọi việc đã thành tựu tốt đẹp, ai cũng tỏ lòng khen ngợi, Ngô Tuấn vẫn khiêm nhường cảm tạ, chứ không tỏ vẻ ngông ngạo hơn đời. Chính những đức tính đó, lại càng biểu lộ Ngô Tuấn là một người có nhân cách cao, người có ý chí và khả năng đảm đương được những công việc lớn mai này.

Tiếng đồn khắp kinh kỳ, đến tai Tạ Đức. Thật ra Tạ Đức đã thầm đoán cháu ông trước sau cũng trở thành một bậc chân tài, hữu dụng cho nước. Nhưng ông không ngờ Ngô Tuấn nổi tiếng sớm thế. Ông biết Ngô Tuấn không chỉ có ý chí, mà cả học thức y cũng hơn đời. Trong học hành, với các trẻ nhỏ khác chỉ mong hiểu được nghĩa lý của kinh văn, rồi lại lo học thuộc, học để nhập tâm, nhưng Ngô Tuấn thì lại khác, không bao giờ chịu hiểu theo một nghĩa, mà cứ lật đi lật lại. Ngay học về binh pháp cũng thế. Ngô Tuấn thường đặt ngược lại



những chuyện tưởng như đã an bài. Ví như trong *Tôn Tử binh pháp* có nói: “Thường các ngã đường đốt lửa nghi binh là không có quân phục”. Ngô Tuấn hỏi: “Tại sao ta lại không cho quân phục ở những nẻo đường có đốt lửa. Như thế chẳng phải là đánh vào chỗ địch không ngờ thì chắc thắng sao?”.

Một bữa Ngô Tuấn đi học võ về, vừa dựng thanh đao vào giá binh khí, liền trở ra nhà ngoài chào chú rể.

Tạ Đức đang coi bộ sách thuốc của Hoàng Đế. Ông dừng lại hỏi cháu về việc học:

- Vậy chớ trong thập bát ban võ nghệ, cháu đã học đến đâu rồi.

- Dạ thưa chú, cháu mới học được vài ban thôi ạ. Trước cháu nông cạn cứ nghĩ học võ thì nhanh lắm. Rèn luyện cơ bắp, rèn luyện sức khỏe, rồi học vào các thế, luyện cho tinh, thi đấu cho xuất sắc, rồi ra làm tướng, đứng đầu trăm quan.

-Ồ hô! Tạ Đức ngắt lời cháu - Nếu chỉ có thế thì đời gọi là lữ võ biên thôi cháu ạ.

- Vâng thưa chú, thầy dạy cháu cũng nói như vậy. Thầy cháu còn bảo, đó là cái nghề của bọn mãi võ kiếm ăn nơi đầu đường xó chợ.

- Thế thầy dạy cháu học như thế nào. Ông ấy mới đến đây mở lò võ được vài năm, nhưng bọn ta nhìn ông

không phải kẻ tầm thường đâu.

- Thưa chú đúng như vậy. Thầy cháu phân làm hai loại học trò. Cũng là tự thầy cháu chọn lọc ra sau vài buổi học, vài lần trò chuyện, phát vấn. Một lớp chỉ chuyên có luyện tập và giao đấu. Lớp này đông nhất. Thầy chỉ giảng vấn tất về cái đức của võ học. Cái nghĩa khí của người có sức mạnh trong tay, cùng những quy tắc bắt buộc về đạo đức, về môn phái và không bao giờ được phép vi phạm. Ai phạm, tùy lỗi nặng nhẹ mà chịu các hình phạt. Tội cao nhất là phải đuổi học, đuổi ra khỏi môn phái. Thầy cháu còn bảo, những người đã phạm lỗi nặng như thế thì giang hồ cũng không chấp nhận nữa, chỉ có bán xới hoặc mai danh ẩn tích.

- Thế còn lớp kia thì sao, Tạ Đức hỏi cháu và ông bắt đầu để ý hơn về tư chất ông thầy dạy võ.

- Dạ thưa chú, một lớp nữa thì ít học trò lắm ạ. Chỉ được có dăm người thôi, thế mà thầy cháu còn kêu là "đông quá". Cháu được thầy cho học lớp ít người.

- Vậy thế cháu được học những gì?

- Thưa chú, thầy cháu dạy về Đạo của võ và Đức của võ. Thầy cháu nói rất kỹ về vai trò của võ học trong việc trị bình thiên hạ, tức những giá trị xã hội và nhân văn do võ học đem lại. Tức nó là mặt kia của văn, chứ thầy cháu không nói về các giá trị của võ công, hoặc sự

chính phục thiên hạ bằng sức mạnh của võ thuật.

- Thế thì ông ấy là bậc đại sư, cháu ráng mà học lấy kiến thức của thầy. Nếu cháu học bằng cái tâm trong lặng, hẳn là cháu sẽ thành tựu, sẽ có cơ may trở thành bậc nhân tướng trong thiên hạ, trở nên hữu dụng cho nước.

- Dạ thưa chú, đúng như chú răn. Thầy cháu thường dạy, muốn học được điều ngay chính, trước hết phải định được cái tâm, phải chính được cái tâm. Nếu tâm mà không yên định thẳng ngay, thì mình dù có nhìn cũng chẳng thấy, nghe mà chẳng tưởng, ăn mà chẳng biết vị biết mùi<sup>1</sup>.

- Ta hơi tò mò, vậy chớ ông ấy có dạy chút gì về võ thuật không, hay tuyên chỉ dạy về võ công tâm thuật?

- Dạ thưa chú, chúng cháu có được học từng bài một. Được thầy dạy cho vài chiêu thức cơ bản. Sau đó thầy dạy bằng đồ giải. Bởi nó biến ảo khôn lường. Chỉ có đồ giải mới nhớ được và mới so sánh được sự biến hóa của các chiêu thức. Tuy vậy, thầy cháu lại nói: “Nếu quá lệ thuộc vào các chiêu thức có khi lại khó bề thủ thắng. Nhiều khi vô chiêu lại thắng hữu chiêu”.

---

<sup>1</sup> Nguyên văn trong sách *Đại học* của Khổng Tử: “Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị”.

- Ta chưa từng được thấy một ông thầy dạy võ nào lại có tư chất của một bậc thức giả như ông này. Phần nhiều các võ sư chỉ chăm chú dạy các thế võ, các tiểu xảo để hạ độc thủ đối phương, coi trọng môn phái của mình một cách thái quá và chỉ có mình mới là danh môn chính phái, còn các môn phái khác đều là bàng môn tả đạo. Ta coi các bậc võ sư đó thật chẳng hơn mấy tay mãi võ Sơn Đông thường qua nước mình kiếm sống, chỉ ba hoa cái lỗ miệng với vài miếng võ như mèo vờn, khi múa. Những thầy đó dù có huấn dạy bao nhiêu, cũng chỉ cho ra lò một lũ võ biền mà thôi.

- Ôi, thưa chú! Thế thì bữa nào chú phải đến thăm thầy cháu đi. Thầy cháu cũng nói như chú. Về cái đạo của võ học, đạo của người làm tướng thầy cháu giảng bàn, lũ chúng cháu nghe mãi không biết chán.

Thầy cháu bảo đời nhằm lẫn, kẻ sĩ ngộ nhận, mở miệng nói vài câu đạo lý, tức là chỉ nhai lại ý tưởng của người xưa, đã tự đắc coi mình là bậc cao siêu đệ nhất mà coi thường thiên hạ. Chợt bàn đến nghiệp võ đã vội nhếch mép coi thường, tặc lưỡi chê luôn ai đó là võ biền. Thực ra nghiệp võ chân chính, tướng tài lỗi lạc, không phải kẻ sĩ nào cũng bén mảng tới được, triết gia nào cũng với tới được. Tướng võ chân chính thực tài thì phải trau dồi sự học sự hiểu biết, sự từng trải gấp nhiều lần tướng văn. Tướng văn là phải thông hiểu kinh

văn, quán thông thời thế. Tướng võ cũng đòi hỏi sự tinh thông như tướng văn, ngoài ra còn phải kiêm thông các khoa địa lý, địa hình, thiên văn, thủy văn. Phải thông bác mưu thuật dụng binh từ cổ chí kim. Lại phải biết địch tình rõ nét. Biết sở trường, sở đoản của binh pháp nước địch. Biết tài năng mạnh yếu của viên tướng, của đội quân mà mình đang đối mặt.

Người làm tướng nắm trong tay vận mệnh không chỉ một đội quân, mà chính là nắm sinh mệnh của cả một dân tộc, cả một đất nước, mỗi sa sẩy, sơ cơ là đem cả một dân tộc, một quốc gia làm mồi cho giặc, mất nước về tay giặc, tội lớn không kể xiết.

Một sứ mệnh cao cả như vậy, thử hỏi bọn võ biên làm được ư? Kẻ sĩ đánh giặc mồm gánh vác được ư? Cho nên, thầy cháu nói: - Ta dạy các trò để sau này ra làm tướng thực sự, gánh vác việc nước thực sự. Nhưng cũng còn nhờ vào hồng phúc của nước, nếu như các trò có cái tâm lớn, tức là có lòng yêu nước thương dân để có thể xá thân vì nước; lại cũng phải có chí lớn, tức cái ý chí dám đứng lên đầu con sóng bạc, cưỡi cá kình xông ra biển cả, nhưng hơn hết là phải biết liêm sỉ, phải biết rửa cái hận nô lệ cả ngàn năm để không bao giờ cho nó được phép tái diễn nữa. Nếu có được những con người như thế miệt mài rèn giũa, trong vòng vài chục năm nữa, nước ta có cơ may xuất lộ được một vài vị tướng tài vào bậc nhân

tướng, tướng cũng đủ đưa đất nước lên đài vinh quang. Nhưng khó lắm, thầy cháu lác đầu, người đưa mắt nhìn như nhìn vào cõi hư vô, rồi nói tiếp - Tiếc thay, loại tướng cướp, loài võ biên, loại ngụy quân tử, sĩ tiểu nhân cứ xuất hiện nhan nhán, còn như các bậc tướng tài vào loại trí tướng, nhân tướng cũng như các bậc sĩ quân tử vẫn khó kiếm tìm như sao buổi sớm.

Nghe cháu nói xong, Tạ Đức trầm ngâm nghĩ ngợi. Đoạn ông vỗ vai Ngô Tuấn với vẻ thân tình và bằng giọng nghiêm cần, ông nói:

- Ta thật mãn nguyện khi tìm cho cháu được một bậc chân sư như thế để cháu theo học. Ráng mà học lấy cái đạo học ở nơi thầy, học lấy cái tâm thuật ở nơi thầy. Nếu cháu học bằng tâm, chắc cháu thành tựu. Phúc nhà họ Ngô còn lớn lắm thay! Mà cũng đúng thôi, giành lại mảnh giang sơn gấm vóc của tổ tiên, sau hơn một ngàn năm chìm đắm trong đêm trường tăm tối, bởi ách đô hộ của người Tàu, công ấy thuộc về Ngô tiên chúa. Vì vậy cái đức của ngài để lại cho con cháu là lớn lắm, trường cửu lắm.

Như chợt nhớ ra, Tạ Đức lại hỏi cháu:

- Khóa học thầy đồ Ấn trên Bái Ân bao giờ thì mãn  
- Cuối năm à. Vậy là cháu theo học cụ được mấy năm cả thầy. Bảy năm à? - May thay, cha cháu lại chọn được đúng trường cụ đồ Ấn, người vừa hay chữ vừa có nhân

văn, quán thông thời thế. Tướng võ cũng đòi hỏi sự tinh thông như tướng văn, ngoài ra còn phải kiêm thông các khoa địa lý, địa hình, thiên văn, thủy văn. Phải thông bác mưu thuật dụng binh từ cổ chí kim. Lại phải biết địch tình rõ nét. Biết sở trường, sở đoản của binh pháp nước địch. Biết tài năng mạnh yếu của viên tướng, của đội quân mà mình đang đối mặt.

Người làm tướng nắm trong tay vận mệnh không chỉ một đội quân, mà chính là nắm sinh mệnh của cả một dân tộc, cả một đất nước, mỗi sa sẩy, sơ cơ là đem cả một dân tộc, một quốc gia làm mồi cho giặc, mất nước về tay giặc, tội lớn không kể xiết.

Một sứ mệnh cao cả như vậy, thử hỏi bọn võ biền làm được ư? Kẻ sĩ đánh giặc mồm gánh vác được ư? Cho nên, thầy cháu nói: - Ta dạy các trò để sau này ra làm tướng thực sự, gánh vác việc nước thực sự. Nhưng cũng còn nhờ vào hồng phúc của nước, nếu như các trò có cái tâm lớn, tức là có lòng yêu nước thương dân để có thể xả thân vì nước; lại cũng phải có chí lớn, tức cái ý chí dám đứng lên đầu con sóng bạc, cưỡi cá kình xông ra biển cả, nhưng hơn hết là phải biết liêm sỉ, phải biết rửa cái hận nô lệ cả ngàn năm để không bao giờ cho nó được phép tái diễn nữa. Nếu có được những con người như thế miệt mài rèn giũa, trong vòng vài chục năm nữa, nước ta có cơ may xuất lộ được một vài vị tướng tài vào bậc nhân

cách vào bậc nhất đất Thăng Long hiện nay. Cụ Ấn là người có vai vế trong hoàng tộc mà không đòi hỏi một li lợi lộc nào; không khoe cậy một li nào về thân thế, về dòng dõi, gia tộc. Đúng là nhân cách cao thượng của kẻ sĩ quân tử.

Một bữa Ngô thị khép nép nói với phu quân:

- Thiếp có một việc, bấy lâu vẫn băn khoăn, nay mạnh dạn xin tỏ bày, mong được chàng chỉ bảo.

- Ta chứ có phải ai xa lạ mà phu nhân cứ khách khí.

- Thiếp chỉ muốn hỏi chàng về thằng cháu Ngô Tuấn.

- Ôi, thằng bé ấy tương lai rục rờ lắm, ai mà không biết, sao nàng còn phải hỏi ta. Nàng chẳng thấy sau cuộc nó được Khai Hoàng vương cho theo hầu đẹp loạn, trở về kinh, tiếng tăm nổi như cồn, nghe đâu đã đến tai hoàng thượng.

- Đào ôi, cái chuyện gần vua, gần chúa đâu phải là chuyện cần biết, cần bàn của lũ đàn bà bọn thiếp. Gần lửa thì rất mặt, phúc dấy, họa cũng nằm ngay đấy. Thiếp chỉ muốn trình với chàng một ý, rằng thằng cháu Tuấn nó cũng đã lớn, dáng vóc cũng dễ coi, lại đã sắp sang tuổi hai mươi rồi. Anh chị thiếp chẳng may sớm thất lộc, nếu không thì thằng bé cũng đã yên bề gia thất. Nay sắp mãn tang chị dâu thiếp, thiếp định bàn với chàng để kiếm cho nó một người nội tướng. Vì nó là



dứa đầu đàn, để rồi nó còn có trách phận chần dốt em nó nữa. Được thế, anh chị thiệp ở dưới tuổi vàng chắc cũng đẹp lòng. Vả lại vào tuổi đại hoàng nam mà chưa lập gia đình cũng là một sự phạm luật.

- Ta cũng chớm nghĩ tới chuyện đó. Nhưng phu nhân đã để mất tới đám nào chưa. Việc này phu nhân không phải băn khoăn chi cả. Phu nhân là cô ruột, coi như là cha của Tuấn, còn ta xưa cũng có giao tình với Ngô tướng quân, nay lại là chú rể của Tuấn, thì việc ta và phu nhân gây dựng cho Tuấn là việc đương nhiên. Ai cũng thấy cái nhẽ đời phải vậy. Song ta cũng muốn lưu ý phu nhân một điều, là phải kiếm được chỗ môn đăng hộ đối. Nhà mình với nhà họ phải tương xứng. Vợ của Ngô Tuấn phải là người đảm, biết tề gia nội trợ, biết đạo nghĩa, biết cư xử để Tuấn an tâm theo đòi nghiệp lớn.

Ngô thị tỏ vẻ lúng túng, bà hơi đỏ mặt rồi ngập ngừng nói:

- Thiếp cứ mạnh dạn bày tỏ, được thì phu quân để, chẳng may nó có sai phạm điều gì thì xin phu quân tha cho thiệp phận đàn bà ngu dại.

- Phu nhân cứ nói, đây là ta bàn với nhau chứ đã quyết đầu mà lo.

- Dạ thế thì thiệp cứ xin nói thật. Phu quân bỏ lỗi,

chẳng là từ hồi thằng cháu Ngô Tuấn về ăn ở nhà mình, thỉnh thoảng đi lại đằng nhà cư sĩ Tạ Minh Châu, anh em họ của phu quân, tiếp thấy ái nữ của cư sĩ được cha cho ra pha trà hầu khách, tiếp có vờ hỏi danh tính. Lại hỏi tuổi, mới hay Thuần Khanh tuổi Nhâm tuất. Thấy Thuần Khanh nhan sắc thùy mị, tính nết hiền thực, lại được cha dạy cho biết chữ, cho đọc kinh sách, sớm tỏ là một trang nữ lưu. Tiếp dā thầm nghĩ, giá như họ Ngô nhà tiếp có phúc, xin được Thuần Khanh về làm dâu con, thì không gì bằng. Nhưng lại trộm nghĩ, Thuần Khanh được sống trong sự nuôi nấng bọc dùm của cha mẹ, có anh chị em vui đùa như tre ấm bụi, như măng mọc thẳng. Còn thằng bé Ngô Tuấn thì côicút, chẳng biết ông bà có thương cho. Vì vậy tiếp cứ giấu kín ở trong lòng. Nay mới dám thổ lộ với phu quân, xin chàng tha tội.

Nghe phu nhân nói xong, Tạ Đức cười lớn:

- Thì ra ta và phu nhân cùng có ý nghĩ giống nhau. Ta cũng nghĩ đôi trẻ ấy mà phải duyên thì đẹp đôi quá. Hai đứa cùng đẹp người đẹp nết. Thôi được, nếu phu nhân đã để mắt tới đứa con gái nhà họ Tạ, ta xin đứng ra làm mai làm mối. Để ta thử so tuổi. Ngô Tuấn tuổi Kỷ mùi, Thuần Khanh tuổi Nhâm tuất. Vậy là Ngô Tuấn hơn Thuần Khanh bốn tuổi. Đôi tuổi này không hợp nhưng cũng không xung.

## XXIII

Ta nghe đám trung quan nói, người sắp cưới vợ, có đúng không? - Hoàng thái tử Lý Càn Đức hỏi Ngô Tuấn với vẻ tò mò.

Ngô Tuấn hơi đỏ mặt ngược nhìn hoàng thái tử và ấp úng trả lời:

- Tâu, cô chú thân bắt thân phải cưới vợ cho yên bề gia thất. Nhìn qua cửa sổ, Tuấn nói như một sự vu vơ - Mấy lại thân sắp tới hai mươi tuổi rồi, còn trẻ trung gì nữa đâu ạ. Thân nghe nói hoàng thái tử cũng sắp nạp phi.

- Đúng thế! Thái tử vui hoạt hẳn lên. Ta cũng sắp mười sáu tuổi rồi. Ta nghe mấy ông sư phó nói, hoàng thái tử nạp phi năm lên tuổi mười sáu. Thái tử cười hớn hở, và với vẻ tinh nghịch, lại hỏi:

- Ta cứ hình dung nạp phi, tức là mình có mấy ả con gái nó hầu hạ mình chứ gì?

- Dạ đúng như vậy.

- Thế thì từ bé, ta đã có cả một lũ a hoàn nó chẳng hầu hạ ta là gì.

- Tâu, đây là hầu hạ theo kiểu khác. Tuấn mỉm cười - kiểu buồng the kia.

- Thì buồng the chứ sao, tối nào ta đi ngủ, lũ a hoàn chẳng lo màn chăn gối đệm cho ta. Chùng còn dẫn ta vào tận giường, hầu quạt, gãi ngứa. Có đứa có giọng hát hay còn ru ta ngủ nữa.

- Tâu, "hầu" khác kia. Lũ a hoàn hầu hoàng thái tử như vậy, là chúng làm thân phận của đám nô tì. Còn các phi, hầu hoàng thái tử là theo kiểu ăn nằm với nhau kia.

- Ăn nằm, ăn ngồi, ăn đứng đủ cả rồi, lũ a hoàn cứ theo miết ta, bắt ép ta ăn; dù nằm, ngồi hay đứng chúng cũng chẳng tha. Thế đấy, ta còn lạ gì.

Hoàng thái tử nói khơi khơi cứ như một người từng trải, khiến Ngô Tuấn suýt bật cười.

Tuấn nhớ lại hồi nhỏ lắm chuyện thật là khôi hài, như mỗi lúc nhìn thấy lũ gà, lợn, chó, trâu... "lèo" nhau, "nhảy" nhau ở ngoài sân ngoài chuồng, ngoài bờ ngoài bụi, ngoài đường ngoài đồng, là bọn trẻ lại hò reo rồi ném đá, ném đất xua đuổi chúng mà chẳng hiểu mình đã làm một việc ác. Những lúc như vậy gặp người lớn đi qua, thế nào họ cũng lừa bọn trẻ đi và dặn: "Trông thấy chúng... phải nhắm mắt lại, rồi đi cho nhanh, kẻo

phải tội mù mắt dấy”. Trẻ con, nói đến “phải tội” thì đứa nào cũng sợ. Nhưng mãi chẳng thấy đứa nào mù thì trí tò mò con trẻ lại nổi lên. Tuấn nhớ, có lần mấy đứa bắt gặp hai con chó “lèo” nhau. Chúng cứ dính chặt vào nhau như ruồi đậu vào bẫy nhựa mứt. Thế là mấy đứa ần vào chỗ khuất, xem mãi chán rồi về. Mấy ngày sau, mắt đứa nào đứa ấy vẫn tinh như mắt mèo. Nhưng cũng đã trải qua mấy ngày lo lắng. Từ bữa ấy, thấy lũ súc vật làm trò súc vật, bọn trẻ chẳng thèm xem nữa, nhưng lại đồng thanh hô: “Người lớn nói dối! Người lớn nói dối”. Lớn lên mới thấy những chuyện ấy là đáng xấu hổ.

Ngô Tuấn chẳng biết giảng giải thế nào cho hoàng thái tử hiểu về cái chuyện bí ẩn ấy của giống người. Giá như thái tử đã nhìn thấy các con vật như bọn trẻ ngoài phố phường, nơi thôn xóm, chắc cũng tự hiểu ra được. Bực mình vì không nói được, nên cứ ấp a ấp úng, trong khi hoàng thái tử cứ nhìn Ngô Tuấn chòng chọc, để nghe Tuấn giảng giải.

Rồi Ngô Tuấn cũng mạnh dạn khai khẩu:

- Tâu, sắp tới ngày nạp phi, giám thừa sẽ dạy cho thái tử biết tất cả.

- Ta muốn biết trước thì sao? Muốn biết ngay bây giờ có được không?

- Tâu, không được.

- Vì sao?

- Tâu, đó là luật lệ của triều đình.

Nói đến luật lệ, thái tử không dám đòi hỏi nữa.

Đạo này Ngô Tuấn đã về ở lại nhà mình, vợ chồng Tạ Đức cho người ăn người ở đến dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc cây cối vườn tược. Lại cho cả thợ nề, thợ mộc đến xem có chỗ nào khuyết hãm, tróc lở như kèo, cột, tường, mái đều tu bổ, không để một sơ sót gì khiến khách đến dự đám cưới có thể chê, quở.

Anh em Ngô Tuấn, Ngô Hiến tuy cha mẹ mất sớm, nhưng đều được giáo huấn kỹ càng từ nhỏ. Lại được các bà bảo mẫu hết lòng coi sóc. Khi cha mẹ Ngô Tuấn mất đi, các bà đều ở lại trông nom quán xuyến, nuôi nấng, báo ban cả hai anh em. Ngô Tuấn vừa thương em vừa có lòng độ lượng, lại sớm nhận ra trách phận mình là bậc huynh trưởng, nên Ngô Tuấn hết lòng yêu thương người em ruột thịt, nhỏ hơn cậu tới năm tuổi.

Lại nói về gia thế nhà Tạ Thuần Khanh. Tạ Thuần Khanh là con gái út của cư sĩ Tạ Minh Châu. Tạ Minh Châu là con của đạo sĩ Tạ Linh Vận. Thuở nhỏ ông được cha cho học chữ nho, rồi lấy chữ nho để đọc sách và học hỏi về đường Lão học. Đạo sĩ Tạ Linh Vận vân du khắp cõi đều cho con đi theo. Rừng thẳm, vực sâu, núi

cao không còn thiếu chỗ nào đạo sĩ không đặt chân tới. Khi thì vào tận rừng già trên các đỉnh Tản Viên Sơn để tìm nắm linh chi ngàn tuổi, tìm bới từng hương kết tụ từ những cây tùng, cây bách xanh đã từng sống chôn chân trên đỉnh núi này từ thuở khai thiên lập địa. Cũng có khi với một lá thuyền cùng vài đạo sĩ ngao du trên vùng biển đảo Hạ Long, Bái Tử Long tựa như các đấng giáo chủ của Thái thượng Lão quân hoặc Thiên Tôn đi du ngoạn trên Đông thắng thần châu<sup>1</sup> để sục tìm những kỳ hoa dị thảo trên khắp ba ngàn hòn đảo. Đôi khi lạc vào một hòn đảo, thuận khí là khí, đông đúc tới cả ngàn vạn con, nhưng vẫn nghỉ lại như những kẻ lãng du. Ấy vậy mà lũ khí tiếp đón thật là lịch lãm. Chúng đem đến cho khách nào những bắp ngô non, chuối chín, ổi ương, sim chín mọng... Không những thế, khi khách dời thuyền lên thăm đảo, lão khí chúa còn bắt lũ khí đực ngồi trên bờ canh không cho bất cứ một con khí nào xuống thuyền nghịch ngợm. Chuyến đi ấy, khi dời đảo còn đem theo được tới cả cân huyết linh<sup>2</sup> về làm vị thuốc.

Đạo sĩ chia nhau tóa đi bốn phương tám hướng,

1 Đông thắng thần châu: Tích nhà Phật, cho đó là một trong tứ đại bộ châu ở giữa Hàm Hải, phía đông núi Tu Di. Người ở châu đó thân hình rất đẹp, nên châu đó được coi là Thắng thân (Theo *Từ điển bách khoa Nho-Phật-Đạo* của Trung Quốc do Lao Tử - Thịnh Lệ chủ biên).

2 Huyết linh: máu do các con khí cái hành kinh khô đọng lại, dùng làm vị thuốc chữa bệnh phong tình.

cũng chỉ là đi tìm các loài thuốc quý, rồi đem về Yên Tử luyện đan, tức là luyện ra thứ thuốc trường sinh bất lão, hoặc cải lão hoàn đồng.

Yên Tử, ngọn núi cao ngàn nhận, từ xưa đã là nơi trú ngụ của thần linh. Vào được tới chân Yên Tử, phải vượt qua chín suối, mười khe. Trên đỉnh Yên Tử, quanh năm mây phủ trắng ngấn như tuyết, đỉnh núi lúc nào cũng bồng bênh như đang trôi về phía biển đông. Hơn ngàn năm trước, trong đời Tần - Hán, khi đi hái thuốc, Yên Kỳ Sinh đã lạc tới Yên Tử. Ông ngỡ đây là miền đất của thần tiên nên đã trụ lại để luyện đan và tu đạo. Sau ông hóa thành pho tượng đá vẫn đứng trầm mặc trên đỉnh núi, mặt hướng về biển Đông, đầu hơi cúi. Ngàn năm sau ông vẫn còn đứng đó, thân thể hao gầy vì sương gió bào mòn.

Đời các đạo sĩ đều phiêu du với hạc nội mây ngàn, lấy hang động làm nhà, lâm tuyền, cây cỏ là bầu bạn, trăng sao là tri kỷ. Đời sống thế tục chẳng có gì ràng buộc. Công danh chẳng màng, của cải bạc vàng đều không cho là quý, đến mỹ nữ cũng chẳng ham, chỉ sự trường tồn vĩnh cửu là ước vọng sâu xa. Khi Tạ Minh Châu gần ba chục tuổi thì người cha cho tìm về, và ông chỉ nói có mỗi một câu: "Ta cho con ăn học, lại cho con phiêu lãng tới cả chục năm để tìm bất cái hư vô. Theo ta, như thế là đủ. Nay phải tính cái hữu vi, phải nhập



thế. Con nên trở lại cuộc sống đời thường, sống cho trọn kiếp nhân sinh. Dành rằng vô vi, hữu vi cũng đều trong cõi vô thường cả”. Thế là cụ bèn cưới vợ cho Tạ Minh Châu. Từ khi có vợ có con, Tạ Minh Châu lại thiên về cái hữu vi của Khổng học. Ít năm sau khi cha mất, Tạ Minh Châu tiếp nhận ngôi trường của cha và thay cha dạy lũ học trò. Bây giờ luống tuổi, ông nghỉ dạy học, chuyên tâm vào việc bốc thuốc trị bệnh, làm phúc cho đời. Và nữa ông chuyên chú nghiên ngẫm đạo thiên, chuyên chú nghiên ngẫm kinh Lăng già và truyền bá Phật pháp; chư tăng gọi ông là cư sĩ.

Tạ Minh Châu sinh hạ được ba người con. Con cả là Tạ Hoài Linh, năm nay gần bốn chục tuổi. Có chí lánh đời, đã đưa cả vợ con vào ở ẩn tại vùng rừng sâu đất Chính Linh, lộ Hải Đông. Người con thứ là Tạ Thúc Đạt, chí chuyên chú về nho học, lúc này lại ngồi dạy tại ngôi trường xưa kia cha và ông nội đã từng dạy. Thúc Đạt hơn em gái đúng một giáp. Khi phu nhân của Tạ Minh Châu sinh người con gái út, tức Tạ Thuần Khanh, bạn bè đến mừng họ Tạ, thường lấy tích Lão Bạng sinh Châu làm đầu đề chúc tụng. Thật ra thì họ Tạ sinh thêm người con gái khi tuổi đã hơi cao nhưng không phải là sinh con lần đầu; còn như Lão Bạng tới sáu mươi tuổi mới sinh người con đầu.

Tạ Thuần Khanh từ nhỏ đã được cha mẹ cưng

chiều. Lớn lên lại cho học hành biết chữ đủ để đọc sách ở trong nhà. Tà phu nhân chỉ chăm chút giáo dưỡng cho con gái đường công dung ngôn hạnh. Thuần Khanh là một cô gái vừa nét na vừa có nhan sắc. Tuy không thuộc loại chim sa cá lặn, nhưng Thuần Khanh lại có nét đẹp thâm kín và duyên dáng, ít ai bì kịp. Nàng có mái tóc dài đen như mực, chân tóc dày như những sợi mây chen chúc trong một bụi mây lớn. Mới mười bảy tuổi, tóc đã dài chấm đất, khi gội đầu, Thuần Khanh phải đứng trên một chiếc ghế đẩu cao để chải và hong khô. Thường nàng phải búi lại và buộc một dải lụa đỏ, rồi cài bằng chiếc trâm ngà. Thuần Khanh có nước da trắng mịn. Cặp lông mày thanh tú vạch một đường cong mảnh mai như vành trăng đầu tháng. Đôi mắt sáng long lanh hình lá rằm, hai tròng đen trắng phân minh. Vầng trán cao được che bởi làn tóc mai buông rủ. Gương mặt hình trái xoan hơi bầu với hai núm đồng tiền trên má. Cặp má của Thuần Khanh lúc nào cũng hồng mọng lên, khiến mấy đứa nhỏ mà cô hay bông bế cưng chiều, chúng thường hăm hờ ngoạm vào má cô vì nhầm tưởng đó là trái đào hoặc trái táo chín. Thuần Khanh có chiếc miệng nhỏ xinh với cặp môi đỏ tươi như vừa mới nhai trầu, vừa mới tô son. Hai hàm răng với những chiếc răng nhỏ, đều tăm tắp, trắng hơi ngả xanh, như mẩu gạo nếp hồ lá mây. Mỗi khi Thuần Khanh mỉm

cười, miệng cô tươi xinh, gương mặt cô bừng sáng như một đóa hồng đang hé nở. Thuần Khanh có dáng người mảnh mai, đôi vai tròn lẳn, hai cánh tay dài, hai bàn tay nhỏ nhắn hồng hào với những ngón tay búp măng trắng mịn. Dáng đi nhẹ nhàng, cử chỉ khoan thai, dài các. Ra đường gặp ai cũng chào hỏi lễ độ. Với người cùng trang lứa, nàng thường mỉm cười tươi tắn kèm theo lời chào thân tình vừa đủ. Nghĩa là không thân mật tới mức suồng sã, và cũng không nghiêm trang tới mức giá băng. Thuần Khanh có cách phục sức đơn giản mà ưa nhìn. Nàng thường vận một thứ lụa mịn mặt với các màu nồn chuối, màu xanh da trời, màu tím đỏ. Đó là những màu con cái các nhà quan, các nhà hào phú được phép mặc. Còn như dân chúng chỉ được phép mặc có hai màu: vải trắng mộc hoặc vải nhuộm chàm, thường gọi theo một cái tên chung là vải thanh cát. Theo thứ bậc họ hàng, Tạ Thuần Khanh gọi Tạ Đức bằng chú họ. Cùng trong một chi rất gần. Ông nội của Thuần Khanh với bố của Tạ Đức là hai anh em ruột.

Từ ngày Ngô Tuấn được Tạ Đức đón về nuôi, thỉnh thoảng đi lại gặp nhau ở ngoài đường, Thuần Khanh trộm liếc, đủ thấy Ngô Tuấn là một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, một con người tỏ ra có tư cách đàng hoàng. Vì là người từ nơi khác đến, nên ra đường không kể quen lạ, trẻ già, gặp ai Ngô Tuấn cũng chào trước. Và mỗi

khi gặp ái nữ của lương y Tạ Minh Châu, khoảng cách còn độ mười bước chân Ngô Tuấn đã dừng lại, nghiêng mình xá một xá, kèm lời chào rất lịch lãm và lễ độ: “Ngô Tuấn tôi có lời chào cô nương”.

Thuần Khanh cũng từng biết Ngô Tuấn là cháu ruột của bà thím họ Tạ nhà mình, và cũng có đôi lần Tạ Đức dẫn Ngô Tuấn vào chào cha mình. Và có nghe lời cha bình phẩm về chàng trai con nhà dòng dõi của đức Ngô tiên chúa. Vì những cảm tình đó, nên mỗi khi gặp Ngô Tuấn và được chàng chào hỏi thật là tôn kính, khiến Thuần Khanh hết sức cảm động, và cũng nhiệt thành đáp lễ. Nàng thường cúi đầu chào lại và nhẹ nhàng đáp lời: “Đa tạ công tử. Thuần Khanh tôi kính chúc công tử vạn sự như ý”. Rồi nàng đứng tránh sang một bên đường, nhường lối cho Ngô Tuấn đi trước.

Về phần Ngô Tuấn, mỗi khi gặp Thuần Khanh khiến cơ thể chàng như có một luồng khí lạ chạy dọc sống lưng, và đầu óc chàng trở nên quay cuồng. Nhiều đêm nằm ngủ mê mệt sau những buổi học và tập đến oải người, bỗng đâu gặp Thuần Khanh ngay đầu cầu Thái Hòa, Ngô Tuấn bèn mời Thuần Khanh đi thăm vài nơi danh thắng trong kinh thành Thăng Long. Trong thâm tâm, Ngô Tuấn rất muốn mời Thuần Khanh đi thăm đền Quán Thánh, đền Bạch Mã, bến chợ Cầu Đông cùng vài nơi khác nữa. Lòng đang khấp khởi, định nói

một điều gì đó thật vui. Nhưng vừa chợt quay lại đã không thấy Thuần Khanh đâu cả. Ngô Tuấn hốt hoảng chạy theo vấp phải một mô đất ven đường khiến chàng tỉnh giấc, mới nhớ ra đây là giấc mơ, đây là ước mơ mà chàng thường ấp ủ. Mỗi lần như vậy, Ngô Tuấn thường cố gắng dựng lại giấc mơ, nhưng không thành. Thực tình, Ngô Tuấn rất muốn được gần nàng để mà giải tỏ nỗi niềm, nhưng chưa có một dịp nào.

Về phần Thuần Khanh được sống trong nếp nhà gia giáo, cha mẹ yêu chiều, lại cũng theo đòi đòi chút thi thư, nhưng khuất lấp trong một miền quê tuy không xa kinh thành là mấy, vậy mà chẳng có một chàng trai nào ra hồn. Có người được khuôn mặt sáng sủa như Nguyễn Thường ở xóm Đông thì lại dốt đặc cán mai, một chữ bẻ đôi không biết, nói năng thì ngu nga ngu ngơ. Còn như Lê Vũ ở xóm Nam chưa thông tam thiên tự, đã võ ngực coi mình như một Đổng Trọng Thư<sup>1</sup>, khiến người có học không ai muốn tiếp xúc, còn người nông phu lại không dám đến gần, anh ta mặc nhiên bị cô lập.

Vì vậy trong làng vừa xuất hiện một chàng trai lạ, khôi ngô tuấn tú, văn võ kiêm thông, tư chất hơn đời, lập tức được cả làng đàm luận. Bọn con trai lúc đầu

---

<sup>1</sup> Đổng Trọng Thư (179-104 trCN) là nhà Hán học lớn đời Tây Hán. Chính ông sáng lập ra luân lý Tam cương, Ngũ thường. Ông đề xuất việc bài trừ Bách gia, độc tôn Nho thuật, được Hán Vũ đế nghe theo.

còn nghênh ngó thăm dò, nhưng khi tiếp xúc đều thấy chàng là một người thật sự khác thường, dám trai làng không thể đem ra mà so bì được. Gương mặt Nguyễn Thường thì dần dần, kiến văn của Lê Vũ thì thấp lùn như ngọn cỏ hôi. Và khi được biết Ngô Tuấn không chỉ là cháu rể của cư sĩ Tạ Đức mà còn là dòng dõi của Ngô Quyền, người đã đánh tan quân Nam Hán mở ra thời kỳ tự chủ đầu tiên cho nước nhà sau hơn một ngàn năm bị phương Bắc đô hộ. Hơn thế, hiện chàng còn là bạn thân với hoàng thái tử, tức Khai hoàng vương, vị vua kế nghiệp đời thứ ba của triều đại nhà Lý. Khi biết đầy đủ về chàng, thì Ngô Tuấn không chỉ được các bậc cao niên và chức sắc trong làng quý kính, mà các chàng trai, các cô gái ở trong làng đều đem lòng ngưỡng mộ.

Đúng ra với các cô gái làng, thì ngay cả sự ngưỡng mộ cũng còn là xa vời, chứ dám chi mơ ước về chàng. Bởi cả hiện tại lẫn tương lai, địa vị của chàng cao sang quá, ngoài tầm với của các cô. Thế nhưng với Thuần Khanh thì lại khác.

Thuần Khanh tuy còn ít tuổi nhưng cũng tự ý thức được về gia thế, về thân thế của mình. Nhất là về đường nhan sắc, cha mẹ cô phải khôn ngoan lắm mới che chắn được tai mắt bọn trung quan đi dò tìm mỹ nữ để đưa về triều. Tuy vậy, từ khi Ngô Tuấn về ở nhà chú Tạ Đức, đôi khi chú lại dẫn Ngô Tuấn sang chào cha của Thuần

Khanh, thì trong lòng nàng đã áp ủ hình ảnh người con trai tuấn tú kia. Phải nói là Thuần Khanh luôn mơ ước khi lớn lên lấy được một người chồng đàng hoàng như Ngô Tuấn. Kịp tới gần đây chú Tạ Đức đã đánh tiếng với cha nàng xin cho hai nhà Ngô - Tạ kết thông gia, thì không những cha mẹ nàng ưng ý, mà còn muốn được đứng ra chung lo với các bậc phụ huynh bên họ Ngô, vì rằng Ngô Tuấn chẳng may cha mẹ đều thất lạc cả. Việc dựng vợ gả chồng thường do các bậc phụ mẫu định đoạt. Thuần Khanh không được cha mẹ hỏi xem có có ưng thuận hay không. Nhưng Tạ ông thừa biết con gái mình đã thâm yêu trộm nhớ Ngô Tuấn ngay từ buổi chàng xuất hiện ở nhà ông rồi. Còn Tạ bà sau khi đã nhận lời hứa hôn với nhà họ Ngô, cũng có thì thâm chuyện riêng với con gái. Bà không lo việc con gái không ưng thuận, mà lo nhiều về nỗi con còn trẻ người non dạ, chân ướt chân ráo về nhà chồng, đã phải đảm đương công việc của cả một gia đình. Nếu như cha mẹ chồng còn sống, thời còn được dạy bảo. Nay thì vừa phải làm vợ, vừa phải tỏ ra một người chị dâu cùng với chồng đảm đương công việc, mà nhẽ ra cha mẹ chồng phải gánh vác. Ấy là chuyện quyền huynh thế phụ. Tạ bà lo cho con gái là lo ở chỗ đó. Cho nên bà rủ rì nói với con gái đủ thứ chuyện. Từ chuyện kín đáo nơi buồng the phải tiếp nhận, phải hầu hạ chồng đêm tân

hôn. Đây là chuyện thường nam nữ, nhưng nếu người con trai, con gái đều biết phép, thì đêm tân hôn sẽ là niềm hoan lạc đem theo suốt cuộc đời. Nếu không biết phép mà người con trai hành xử theo lối phàm phu, lối vũ phu thì đêm tân hôn sẽ là nỗi khiếp sợ đối với người con gái trinh nguyên. Tiếc thay, việc này từ xưa không ai dám công nhiên dạy dỗ con cái. Nỗi khó khăn của Tạ bà là ở chỗ đó. Đây là chuyện tế vi, nhưng không thể không nói. Nếu người mẹ không nói thì con gái mới lớn sao biết được. Vì vậy, chờ khi đêm về, nhờ bóng đen che phủ, mẹ con không nhìn thấy được mặt nhau bà mới dám nói, cho đỡ ngượng.

Thuần Khanh im lặng lắng nghe lời mẹ dạy, vừa tò mò thích thú, vừa ngượng ngùng e ấp, vừa hoang mang và cả rạo rức chờ đón.

Hai nhà, hai họ Ngô - Tạ đã có buổi sơ kiến thật là vui vẻ. Khi Ngô thị phu nhân của cư sĩ Tạ Đức vừa thay mặt nhà họ Ngô ngỏ ý xin ái nữ Thuần Khanh về làm dâu nhà họ Ngô, thì ông bà Tạ Minh Châu liền trao tặng chiếc trâm ngà, vừa tỏ ý nhận lời vừa là vật hứa hôn. Bên nhà họ Ngô cũng sai người trao lại bên nhà họ Tạ một cái đỉnh nhỏ bằng đồng đen cẩn ngọc, và một chiếc chuông nhỏ bằng bạc.

Tạ Minh Châu đỡ hai vật báu từ tay một lão ông người họ Ngô, lòng rưng rưng cảm động. Ông nói:



- Được nhận Ngô công tử làm rể, gia đình nhà chúng tôi vô cùng mãn nguyện. Nay lại thêm hai vật hứa hôn chung tình<sup>1</sup>, thể hiện tấm lòng cao thượng của bên nhà họ Ngô và quý công tử, khiến chúng tôi không biết lấy gì đáp lại trong muôn một.

Sau buổi sơ ngộ đó, bên nhà Ngô Tuấn chọn được ngày tốt, sắm sanh lễ vật đưa sang nhà họ Tạ làm lễ vấn danh. Hai nhà hẹn nhau chọn ngày tốt, để bên nhà họ Ngô dẫn lễ nạp thái, rồi chờ sang xuân, Ngô Tuấn vào tuổi hai mươi, Thuần Khanh vào tuổi trăng tròn lễ (mười sáu), sẽ làm lễ vu quy cho đôi trẻ.

---

<sup>1</sup> Đình chung là chỉ sự phú quý. Ở đây hàm ý giàu sang, thành đạt vẫn không đổi lòng. Thơ cổ có câu: "Công danh trứ ư đình chung. Danh xưng thù ư trúc bạch". Nghĩa là: Công danh sáng tỏ ở vạc và chuông, tên tuổi ghi mãi trên tre lụa.

## XXIV

**T**háng hai, tiết trọng xuân nhưng trời còn rét ngọt. Cây cối vừa trút xong bộ lá úa vàng của tiết đông năm trước đang mơn mớn bộ áo mới với màu xanh mỡ màng. Đường phố với những rặng hòe cổ thụ, thân trắng mốc, những vẩy lá chỉ to bằng móng tay cái nhưng chen chúc một màu xanh non, sáng bừng dưới nắng xuân vàng ánh. Lại kia rặng muỗm, cây cao vút, cành nhánh vươn dài, lá xanh như mực, hoa trổ dày đặc, nụ rụng phủ kín mặt đường khiến con đường lát đá xanh biến thành con đường màu nâu sẫm. Khu vườn thượng uyển hoa mộc, hoa lan, hoa hồng, hoa huệ cùng hàng trăm các loài hoa khác khoe sắc, đua hương khiến khắp kinh thành sực nức mùi thơm.

Mấy bữa nay cung Long Đức trang hoàng rực rỡ, người ra vào nườm nượp. Phần lớn là các quan tể các đô, sảnh, viện đem đồ tới chúc mừng, vì sắp tới ngày

hoàng thái tử Khai hoàng vương lên mười sáu tuổi, cũng là ngày nhà vua cho hoàng thái tử làm lễ nạp phi.

Hoàng thái tử cứ bán lên chẳng biết làm gì. Tuy đã từng lĩnh ấn đại nguyên soái cầm quân đi đánh dẹp, nhưng chàng hoàng tử mười sáu tuổi này vẫn còn thơ ngây như một cậu bé. Suốt từ đầu tháng, bao nhiêu người săn sóc, giảng giải cho hoàng thái tử bao nhiêu là chuyện ở trên đời. Thoạt tiên là người thầy học tức là vị sư phó Hoàng Bình Nguyên giáo huấn:

- Hoàng thái tử lên mười sáu tuổi, đến tuổi nạp phi, cũng tức là đến tuổi trưởng thành. Trở thành người lớn, sinh con đẻ cái. Hoàng thái tử từ nay phải tập để trở thành một người chồng, một người cha trong gia đình, tức là công việc của một người tề gia. Hoàng thái tử lại phải lo khi lên kế nghiệp vua cha, là đã quen thạo với việc trị quốc. Từ xưa, nhiều người cứ nhầm tưởng tề gia là việc bé mọn trong nhà, đáng gì; trị quốc mới là điều lớn lao, vì nó quan hệ đến việc thịnh suy, mất còn của một triều đại, một nước.

Coi việc tề gia là nhỏ, đó là sự nhầm lẫn lớn của con người từ thượng cổ tới nay, chắc là mai sau con người cũng không hơn gì. Mọi người có biết đâu sự rối loạn của một nước, đều bắt nguồn từ sự rối loạn trong các gia đình.

Nếu trong các gia đình, từ vua, quan đến thứ dân

đều sống có kỷ cương, lễ luật, ai làm hết bốn phạm người ấy thì xã hội ắt đi vào khuôn phép, trật tự.

Hoàng thái tử liền nói:

- Tức là trong gia đình chồng ra phạm chồng, vợ theo phạm vợ, cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, già ra già, trẻ ra trẻ như thầy đã lấy lời của Mạnh Tử ra giảng giải chứ gì. Điều đó ta đã hiểu, đã nhớ nằm lòng, khi có vợ, có con ta sẽ đem cái học ra để hành, mong thầy giám sát và cảnh tỉnh cho ta. Tuy nhiên, ta muốn thầy giảng cho ta thật nhuần thấm cái đạo trị nước, bởi mai đây khi cờ đến tay, ta còn biết đường mà vậy, mà phát cho dân nước khỏi đi vào đường quanh lối cụt.

Nghe người học trò vĩ đại hỏi, vị sư phó cười lớn:

- Chưa cầm quyền, trị nước mà đã nghĩ đến bách tính, thế là điện hạ đã khai được cái tâm tuệ, tâm nhân ái. Thật là phúc hạnh cho dân, cho nước. Điện hạ một khi đã ái mộ tới các điều nghĩa ấy, cũng tức là điện hạ có cái tâm của các bậc vua sáng. Thần bسم sinh không biết gì để mà nói, duy để tâm vào việc học, thu nạp được đôi điều đạo lý của thánh hiền, nên hầu giảng cho điện hạ, nếu điều nào điện hạ thấy được thì giữ lại, thấy không được thì bỏ đi. Nói đến nước là phải nói đến dân. Nhiều người dân hợp lại thành một làng. Nhiều làng hợp lại thành một nước. Xét như thế, nếu không có dân

ất không có nước. Còn vua là người xuất chúng cũng từ trong dân mà ra. Vua giỏi vua sáng thì dân được nhờ, dân sùng kính. Vua tàn bạo thì dân khổ, nước loạn. Nước loạn thì địa vị của vua phải lung lay rồi sụp đổ. Chỉ có triều đại sụp đổ, vua sụp đổ chứ dân thì không bao giờ sụp đổ. Cũng bởi thế đó mà bậc thánh học dạy: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”.

Khai Hoàng vương nghe thầy nói mà cúi đầu bóp trán suy tư. Đoạn hỏi:

- Vậy người làm vua phải thế nào?

- Tâu, người làm vua, tức là bậc thánh nhân thì mọi mặt đều phải gương mẫu, tức là phải thân giáo, là đem cái thân mình ra để thực hành theo nhân luân, pháp độ để người dân trong nước noi theo. Điều đó có nghĩa rằng, hễ ở trên, vua ăn ở cho có nhân, thì từ quần thần đến dân chúng, chẳng ai dám ăn ở bất nhân. Hễ ở trên, vua noi theo điều nghĩa, làm việc nghĩa, thì cả nước chẳng ai dám lơ là việc nghĩa. Hễ ở trên, vua giữ được điều liêm chính, thì đó là con đê vững chắc nhất, để ngăn che các điều bất chính như tham nhũng, hối lộ, bất nhân, bất nghĩa... Vua đã như thế, thì từ quan nha đến dân chúng, chẳng ai dám làm điều gì bất chính. Vậy là bậc quân trưởng mà sửa mình được chính trực rồi, thì cả nước ắt an định. Nhược bằng bề trên bất cẩn, tự cho mình cái quyền không tuân theo pháp độ, tức là

dứng ngoài hoặc đứng trên luật pháp, còn bề dưới thì chẳng cần học vấn, chẳng tuân pháp độ, lấy của dân từ con trâu đến cọng rau, hạt muối, dân vì căm giận mà phản ứng, loạn nghịch ắt dấy lên. Một nước như thế, tất phải sụp đổ.

Dạ điều này thì nước ta đã có một tấm gương lớn mà có lần thân đã hầu giảng, chẳng hay điện hạ còn nhớ?

- Có phải quan sứ phó muốn nói đến Ngọa triều Lê Long Đĩnh?

- Phải đó thưa điện hạ. Tấm gương lịch sử đó chưa xa, mới có trên dưới bốn chục năm thôi ạ. Thời đó, đúng là kẻ bất nhân vô đạo nắm giữ ngôi cao. Một khi kẻ bất nhân đã thống trị ngôi cao, thì tránh sao khỏi việc y gieo rắc những thói nết xấu xa, tàn bạo của y trong dân chúng. Nếu bề trên đã chẳng theo đạo lý mà hành xử, bề dưới chẳng theo luật pháp mà giữ gìn. Trong triều đình người ta không bàn, không hành xử đến các điều đạo nghĩa, ngoài châu, quận người ta chẳng màng tương đến pháp độ, người được gọi là quân tử có tri thức thì phạm điều tiết nghĩa, kẻ tiểu nhân vô học thì phạm hình luật nhan nhản. Một quốc gia như thế mà lại tồn tại được ư? Chính vì thế, Lê Long Đĩnh - kẻ tiêu biểu cho cái ác vừa chết, Lê triều tuyệt diệt ngay.

- Vậy lấy gì để do sự dài ngắn của một triều đại.

- Chính là cái đức đó thừa diện hạ.

Khai Hoàng vương lúc đầu háo hức, cứ nghĩ rằng đến tuổi được nạp phi, là được chính thức ân ái với một người con gái đẹp, một mỹ nữ rồi sau đó là với rất nhiều người con gái đẹp gọi là cung nữ. Nhưng chỉ phải ràng buộc với những người đã được lập làm hoàng hậu, hoàng phi mà thôi. Ngoài ra, họ chỉ là một thứ đồ chơi riêng của hoàng thái tử. Và nếu được lên nối ngôi hoàng đế, thì không chỉ riêng đám cung tần mỹ nữ mà trên mọi bình diện, quyền hành và cả sự hưởng lạc của nhà vua là vô giới hạn. Đây là những điều hoàng thái tử được biết qua gặng hỏi nhiều lần với viên giám thừa. Trong khi chưa được nếm mùi lạc thú thì đã phải suốt ngày bận rộn, suốt ngày phải nghe các lời giáo huấn của đủ loại thầy bà. Không nghe đâu có được, bởi các ông sư phó và cả các vị gọi là tả hữu làm việc tại cung Long Đức, là người do vua cha đích thân chọn, và trao cho họ trách phận phải giáo dưỡng và giám sát hoàng thái tử về mọi mặt. Lại thường nghe nói, dù đã được chọn lập làm hoàng thái tử, nhưng quá trình tu học và rèn giũa nhân cách mà bộc lộ những điều bất khả thủ cho công cuộc trị nước mai hậu thì việc phế truất vẫn có thể xảy ra.

Vì vậy, không chỉ các ông sư phó, các vị trong hai ban văn võ phò tá giám sát ta rất chặt chẽ, mà chính

bản thân ta cũng phải gắng sức tu học, không được một phút giây nào lơ là, ngưng nghỉ. Đành rằng những người này nếu để ta có chuyện gì không may xảy ra, trước hết họ bị trị tội.

Tuy vậy, những người theo dõi, giám sát ta từng chân tơ kẽ tóc, rình rập suốt ngày đêm lại chính là những người anh em ruột thịt của ta kia. Vì vậy một cũng không dám nghỉ, còn nói gì đến việc đắm mình vào các thú vui dục lạc, hoặc ca xang, sênh, phách.

Bữa trước, viên Tả nhai đạo lục từ quán Thái Thanh<sup>1</sup> sang nói, đã cho người đi mời một đạo sĩ từ Tây Thiên về để huấn giảng cho ta cái đạo nhiếp sinh trước khi ta làm lễ nạp phi. Lại mới đây có một đạo sĩ ăn mặc khác thường, không giống các hòa thượng bên Phật giáo. Vị này khoác một tấm áo rộng thùng thình, sắc vàng sẫm, tay chống cây gậy trúc màu ngà, đầu gậy là một củ tre gọt hình đầu rồng làm tay nắm. Một tay nải màu vàng khoác hờ bên vai phải. Ngang lưng bên sườn trái có một nậm rượu to, nơi cổ bông được thắt bằng một cái bao lưng buộc ngang bụng. Thỉnh thoảng người đạo sĩ lại dừng bước móc nậm rượu ra tu vài hớp, xong

---

1 Thời Lý-Trần tại triều đình có các chức quan coi sóc về từng ngành tôn giáo. Ví dụ: Tả nhai đạo lục là chức quan coi về Đạo giáo. Hữu nhai tăng thống là chức quan coi về Đạo Phật. Cơ quan này chức năng tương tự như Ban tôn giáo Chính phủ ngày nay.



lại tiếp tục đi. Chừng quá nửa chiều đạo sĩ vào tới cung Long Đức. Gặp ta, thi lễ xong đạo sĩ nói:

- Cái lão Tả nhai thật là nhiều sự, mỡ này đã lánh đời vào ẩn tu tận rừng sâu nơi núi Tây Thiên khuất lấp, mà y còn mò tới, triệu lão về. Nghe nói là thái tử kế nghiệp sắp nạp phi, muốn nghe ta nói về cái đạo nhiếp sinh, tức là vừa thỏa sự dục lạc vừa giữ mãi được vương khí để muôn năm trường trị ngôi báu, muôn năm dục lạc, có phải thế chăng?

Hoàng thái tử Lý Nhật Tôn nghe những lời nói lạ tai. Dường như người nói là một kẻ bất cần. Nhưng đã được mời vào đây, hẳn là có dụng ý của vua cha, nên thái tử yên lặng chiêm nghiệm. Nhìn kỹ gương mặt thì người này không còn trẻ nữa, tuy màu con người mắt đã bạc, lông mi trắng như tuyết, dài tới hai đốt ngón tay vênh ra che lấy quầng mắt như một chiếc tán. Dấu hiệu đó, chứng tỏ đạo sĩ này lớn tuổi lắm. Lại bộ râu nữa, râu dài tới ngực, năm chòm đều rậm mà sợi nào sợi ấy đều ánh lên một màu bạc trắng. Thế nhưng da dẻ lại hồng hào, đôi má và cả khóe mắt không có lấy một nếp nhăn, da không có đôi môi, tiếng nói thì sang sảng như tiếng chuông, đi đứng thì nhanh nhẹn dứt khoát, chiếc gậy trong tay đạo sĩ tựa như một vật trang trí hơn là vật trợ lực. Vậy thì đạo sĩ đâu phải là một người thậm cao tuổi. Nghĩ vậy, thái tử bèn hỏi:

- Đạo sĩ tha lỗi cho Nhật Tôn tôi tò mò, chẳng hay niên thọ của người...

Đạo sĩ vuốt râu cười ha hả:

- Không riêng gì thái tử hỏi ta điều ấy. Người thế tục gặp ta đều nảy sinh cái ý ấy. Là bởi họ thấy ta vừa già lại vừa trẻ, không đoán nổi tuổi ta. Đúng không? Đúng à. Vậy thái tử thử đoán xem ta bao nhiêu tuổi rồi.

Thái tử lắc đầu, nửa như muốn nói, nửa còn bần khoản. Đạo sĩ lại tiếp:

- Không đoán được đâu. Ta còn hơn cả tuổi sư Vạn Hạnh kia. Thuở ta gặp Tổ nội<sup>1</sup> của thái tử ở chùa Lục Tổ, chắc nhà vua lúc ấy cũng trạc tuổi thái tử bây giờ. Thấy người có quý tướng, ta bèn báo Vạn Hạnh: “Người này sẽ giữ ngôi thiên tử”. Vạn Hạnh liền bịt miệng ta: “Xin sư huynh giữ kín lời diệt tộc này”. Từ đấy ta quên băng, mãi khi Tổ nội thái tử băng, rồi cái loạn tam vương tử trong triều đồn đến tai, ta mới sực nhớ tới cái cậu bé năm nào, thì đã qua mấy chục năm rồi.

Thái tử hết sức kinh ngạc tự hỏi: “Vậy là đại lão đạo sĩ đang ngồi trước ta đây đã sống trên một trăm năm”.

- Đúng thế ta đã sống trên một trăm năm, đâu chừng một trăm mười hai năm thì phải.

---

1 Tổ nội: Ông nội của hoàng thái tử Lý Nhật Tôn tức là Thái tổ Lý Công Uẩn.

Thấy đạo sĩ đọc được cả ý nghĩ của mình, thái tử đã tâm phục, bèn đứng dậy cúi đầu vái đạo sĩ hai vái.

Vị đạo sĩ lại cười và gật đầu nhận lễ. Rồi ông lấy bầu rượu ra tu vài hớp. Thái tử như người bị đạo sĩ thôi miên. Nghĩa là tâm trí chàng hoàn toàn hướng về cái người già trên trăm tuổi kia, như hướng về một vị tiên. Trong lòng chàng hoàn toàn tĩnh lặng, như chỉ muốn nghe những lời trò chuyện hoặc bảo ban truyền dạy của vị trích tiên ở ngay trước mặt chàng.

Đạo sĩ giục:

- Nào, bây giờ ta phải hầu chuyện gì đây. Nhưng ta cũng phải nói trước để thái tử khỏi mếch lòng. Ta sống không phụ thuộc vào lễ, cũng không quan tâm đến nghĩa. Cái ta trọng nhất ở trên đời là sự tự do phóng đạt. Cái ấy trời ban cho mỗi con người, dù đến nhà vua cũng không tước đoạt được của ta. Nhưng để tránh dám cầm quyền ngông ngạo hay gây sự, hay xen vào cuộc đời của người khác, nên bọn ta đã vào ẩn cư hẳn trong rừng rậm hang sâu. Chúng ta bỏ hết lễ nghĩa mà sống cuộc đời thuần phác. Bỗng nhiên nhà vua triệu ta về để huấn hử cho thái tử. Đây là nết tình người bạn vong niên của ta đang tòng sự tại quán Thái Thanh, chứ thực ta không có giao du gì với nhà vua. Vả lại, ta đâu có ăn lộc của nhà vua mà ta phải phụ thuộc.

Vậy đó, cậu bé kia, ta hỏi thật, cần nghe gì cứ

mạnh dạn hỏi đi, nếu không ta lại nói lung tung theo sở thích của ta đó, bởi ta là người không chịu sự ràng buộc nào cả. Mà cũng không ai ràng buộc nổi ta đâu. Nói xong, đạo sĩ chiêu một hùm rượu.

- Nhìn gì ta thế cậu bé hoàng tử kia. Cậu tưởng ta say ư ? Cậu nghĩ rằng ta uống rượu à ? Nhầm rồi, ta uống nước trường sinh đó. Thủy đan đó. Nào, nói cái gì đây ? Đạo sĩ lại nhìn xoáy vào hoàng thái tử.

Thái tử dường như đã quen với lối nói khoáng đạt của đạo sĩ, chàng từ tốn đáp lời:

- Đại lão đã sống trên một trăm tuổi trời cho, tưởng những gì người nói đều là chân lý cả.

Không biết có cái gì xui khiến mà thái tử nói được những lời khôn ngoan như vậy.

Đạo sĩ vuốt râu cười vui vẻ:

- Thái tử nói hơi quá lời đấy. Chân lý ở đâu mà nhiều thế. Thái tử đã có lòng khiêm nhường và độ lượng, thì ta cứ nói những điều ta thấy cần phải nói. Còn thái tử thấy điều gì cần thì giữ lại, không cần thì bỏ. Bỏ hết càng tốt. Chúng ta chỉ là khách với nhau trong thoáng lát, không có gì ràng buộc được nhau.

Ta biết, những gì thuộc về đạo nghĩa, mấy ông sư phò đã hầu giảng thái tử hết ngày này sang ngày khác rồi. Những gì cần cho đạo trị bình thì đã có đế châm

từ các đời Thái tổ, Thái tông để lại. Xa hơn thì những điều răn dạy, những gương sáng tối trong lịch sử từ Xuân Thu - Chiến quốc, đều được ông tổ đạo Nho ghi thành kinh Xuân Thu rồi. Ta chắc thái tử đã chán ngấy cái sự học. Ta quyết không nói gì về đạo lý để thái tử phải chán tai nữa. Nhưng ta khuyên, thái tử vẫn cứ phải học, không có học vấn, không có đức nhân hoặc chỉ cần thiếu nó một chút thôi, thì con người chẳng hơn gì con vật. Và lại, mai đây thái tử còn phải làm vua trị vì cả một nước. Làm vua cả một nước với hàng triệu sinh linh, chứ không phải làm vua trong ấp chỉ có một vài nhà. Chuyện này thôi không nói nữa. Nhưng ta hỏi thật, trong đời, thái tử thích cái gì nhất.

Câu hỏi bất ngờ của đạo sĩ khiến thái tử lúng túng. Và quá thực, chàng cũng không thể trả lời được câu hỏi tưởng như không gì dễ hơn ấy. Mà thực, nó lại là câu khó trả lời nhất trên đời.

Đạo sĩ lại hỏi:

- Vậy chớ thái tử có biết nạp phi để làm gì không?

- Biết ạ?

- Vậy để làm gì? Cái việc nạp phi, theo thái tử là để làm gì.

- Bữa trước, viên giám thừa nói là mời đạo sĩ vào cung để dạy cho ta biết việc đó.

- Việc gì? Có phải việc con trai con gái ân ái với nhau trong chốn buồng thê?

Đạo sĩ nhìn thẳng vào gương mặt non tơ của chàng trai sắp bước vào tuổi mười sáu hồi, khiến chàng đỏ mặt. Thay vì trả lời, thái tử chỉ gật đầu.

- Tức là họ mời ta dạy cho thái tử biết cách ăn nằm với gái đẹp, tức là các phi, tần của thái tử.

Ngưng nhìn đạo sĩ, thái tử ngưng chín người, lại gật đầu.

- Nhảm! Đó là điều đại nhảm nhí. Giống đực kết hợp với giống cái là nhẽ tự nhiên của trời đất. Cây bầu cây bí muốn thụ được thành trái, thì hoa đực hoa cái phải ở gần nhau, phấn hoa phải giao phối với nhau, nhờ ong bướm đi hút nhụy hoa mà tha đi tha lại. Những loài chưa tiến hóa như con giun con dế, con cua con cá cũng phải qua giao phối đực cái mới sinh sinh hóa hóa được. Còn như con người, đứng đầu các loài đã có cửu khiếu, cứ đến tuổi trưởng thành là phát dục, tự nó biết chuyện đực cái, sao phải dạy? Ai dạy được cái trò ấy. Vậy ta hỏi, thái tử nay đã vào tuổi phát dục, thái tử đã thích con gái chưa. Trông thấy con gái đẹp có thấy trong người rạo rục chưa? Có à? Thế thì nó là chuyện thường của muôn loài, cứ gì vua chúa. Nhưng ta hỏi, thái tử đã làm "chuyện ấy" với người con gái nào chưa? Chưa à. Thế là tốt. Chờ ít bữa nữa, tròn mười sáu tuổi, làm lễ

nap phi xong cũng chưa muộn.

Ta không hỏi, ta không dạy, thái tử cũng thừa biết chuyện ân ái với người con gái như thế nào rồi. Nhưng ta sẽ dạy cho thái tử cách hành xử, tức là cái đạo của sự giao hòa. Đây là đạo trời, không có gì xấu mà phải ngưng. Cái xấu là ở chỗ hám dục quá sẽ tự biến mình thành kẻ dâm tiện, vừa có hại cho bản thân vừa có hại cho xã tắc. Ta lưu ý thái tử, con người nom bề ngoài thì mảnh mai, gần như yếu đuối nếu so với những động vật to lớn, dữ dằn như hổ, báo, sư tử, voi, tê ngưu... nhưng chỉ thông qua một con người thôi, y có thể làm nghiêng đổ cả một quốc gia, tiêu diệt đồng loại như giết muỗi, giết ruồi, nếu kẻ ấy mang trong nó một cái tâm ác độc, cái tâm dâm loạn. Cho nên việc chung đụng với phái nữ cũng chỉ là việc thương hằng của con người, nó là việc giao hòa âm dương, là hợp với đạo sinh tồn. Nhưng phải chừng mực, chớ có thái quá. Cái gì thái quá là bất cập. Ở cương vị tôn kính như thái tử không thể cư xử như người dân thường không có học thức. Tuy nhiên, ít ngày nữa, thái tử và cả vị hoàng phi kia đều lần đầu tiên làm cái việc giao hòa ấy. Lần đầu tất bỡ ngỡ, cho nên hai người trong đêm động phòng trước hết phải trò chuyện với nhau cho thật thân tình, cho người kia bớt sự sợ hãi. Sau lần la tới chuyện má ấp môi kề, khi tình cảm hai người cùng đòi hỏi, lúc ấy hãy trao thân cho nhau. Chớ có hấp tấp, khiến cưỡng sẽ gây ân hận cho nhau,

và nó làm mất đi vẻ đẹp của sự giao hòa.

Đạo sĩ thấy thái tử háo hức lắng nghe, ông biết con người này vừa cầu thị vừa khát dục. Vì thế đạo sĩ bèn lái câu chuyện sang hướng khác. Lại tu vài tợp “rượu”, người hỏi:

- Những điều ta nói chẳng biết có lọt tai thái tử? Hỏi xong, đạo sĩ nhìn thẳng vào trong mắt của thái tử. Dường như qua đôi nhãn cầu ấy, đạo sĩ “đọc” được ý nghĩ của thái tử như đọc cuốn sách đang mở ngỏ.

Thái tử như người đang mộng du, bỗng định thần, liền đáp:

- Đạo sĩ nói điều giản dị mà hàm chứa cả đạo lý, Nhật Tôn này tiếp nhận được. Xin đa tạ, và xin được nghe tiếp những lời chỉ giáo.

- Bây giờ ta nói để thái tử biết về cái thuyết tinh-khí-thần.

Tinh đối với trời đất là sự tinh hoa. Bốn mùa trong năm thì mùa xuân là tinh của năm. Đối với con người, tinh cũng là sự chất lọc mọi thứ tinh hoa của lục phủ ngũ tạng mà đúc kết thành tinh. Tinh ấy lại giúp cho con người giao hòa mà sinh hóa. Vậy trong con người, tinh nằm ở đâu. Tinh nằm ở đan điền. Đan điền khu trú tại vùng dưới rốn, tạm phân làm ba khu: thượng, hạ và trung. Thượng điền là thần xá. Tức là nhà của thần. Trung điền là khí phủ. Tức là chỗ ở của khí. Hạ điền là



Tinh khu. Tức chỗ ở của tinh.

Chân thủy, chân khí hợp với nhau mà sinh ra tinh. Tinh ở hạ đan điền. Còn thủy nguồn tự thận. Nếu con người ta biết tiết chế sinh dục, có thể biến được tinh thành khí, biến được khí thành thần. Thần đây là sự thần minh của thức, khiến đầu óc con người trở nên sáng láng, thông tuệ dễ đạt tới cõi minh triết. Muốn vậy phải thực hành theo “tam quả”, tức là ba cái ít.

Thứ nhất là quả tư lự dĩ dưỡng thần. Tức là ít suy nghĩ về những điều mông lung, vô bổ để nuôi dưỡng cái Thần.

Thứ nhì là quả thị dục dĩ dưỡng tinh. Tức là ít ham muốn tình dục để dưỡng Tinh.

Thứ ba là quả ngôn ngữ dĩ dưỡng khí. Nghĩa là ít nói nhảm nhí, nói lung tung để dưỡng Khí.

Đạo sĩ đột ngột ngừng lời nhìn xoáy vào trán hoàng thái tử rồi thông thả nói tiếp:

- Mai này thái tử sẽ lên ngôi báu, trị vì thiên hạ, ta lưu ý thái tử một điều trong thuật trị nước: “DĨ THIÊN VI TRỊ!” (Lấy điều thiên để cai trị). Nói xong đạo sĩ với cây gậy trúc bước đi liền, không một lời từ biệt.

Thái tử chạy theo vái sau lưng đạo sĩ và nói to:

- Tạ ơn đại lão đạo sĩ!

## XXV

Năm Ngô Tuấn lên bảy tuổi, tướng quân Ngô An Ngữ dẫn con vào vãng cảnh chùa. Vị hòa thượng trụ trì thấy cậu bé khôi ngô lại có tướng lạ, liền sai chú tiểu nhi ra mời hai cha con vị khách vào nhà phượng trưng dùng trà.

Ngắm nghía Ngô Tuấn một lát, nhà sư hỏi tuổi tác, giờ sinh tháng đẻ.

Ngô An Ngữ đã uống tới mấy chén nước vẫn cứ thấy vị hòa thượng trầm ngâm. Ông bèn lên tiếng:

- Bạch hòa thượng, có điều gì cần dạy bảo, cha con tôi xin được lĩnh ý.

Hòa thượng xem đi ngắm lại tam đình, ngũ nhạc, xem chỉ tay, rồi lại hỏi Ngô Tuấn:

- Ở chỗ "kín" của cháu có hai nốt ruồi. Một nốt ruồi son và một nốt ruồi chết.

Hai cha con Ngô An Ngữ nhìn nhau ngơ ngác. Hòa

thượng mỉm cười bảo Ngô An Ngữ:

- Tướng quân đưa cháu ra phía sau nhà. Nơi đó sáng sửa lại kín đáo.

Trước khi Ngô An Ngữ bước xuống bậc thềm, sư nói nhỏ vào tai:

- Tướng quân xem kỹ, nốt ruồi chết nằm ở ngay “miệng sáo”, phải vạch da quy đầu ra mới nom rõ. Còn nốt ruồi son to bằng đầu đũa nằm ở bìa trái ngọc hành.

Hai cha con đưa nhau ra phía sau nhà khám phá điều bí ẩn, quả đúng như nhời sư nói. Họ nhìn nhau với vẻ kinh ngạc, rồi lặng lẽ bước trở lại nhà phương trượng.

Tướng quân Ngô An Ngữ nhìn vị hòa thượng mỉm cười:

- Bạch hòa thượng. Tất cả đúng như hòa thượng đã dạy. Xin hòa thượng cho cháu vài lời răn.

- Ta nói để ông mừng, cậu bé này (hòa thượng chỉ tay vào Ngô Tuấn), sẽ là một vĩ nhân; là cây trụ chống cho xã tắc không nghiêng đổ.

Ngưng một lát, nhìn tướng Ngô An Ngữ với vẻ ái ngại, cảm thông, hòa thượng nói tiếp:

- Tiếc rằng cha mẹ không được nhìn thấy con cái khi thành đạt.

Lại nhìn bao quát Ngô Tuấn một lần nữa, hòa thượng hạ thấp giọng:

- Cậu bé này quăng đầu đời gặp nhiều trắc trở với những nỗi buồn vĩ đại. Nhờ phúc lớn, nên luôn có các bậc cao nhân, thánh nhân phù trợ. Song cũng vì cái nhẽ trắc trở ấy mà cậu trở nên một bậc anh tài hiếm thấy trong lịch sử nước nhà. Mọi sự rồi sẽ qua đi, cả tám thân của cậu cũng không còn, nhưng sự nghiệp của cậu sẽ ở lại cùng sông núi. Chí làm trai, đừng có ngại những thác ghềnh và cả sự vấp ngã. Người xưa từng nói: “Nhân bất phong ba vị lão tài”<sup>1</sup>.

Ngô Tuấn còn nhớ như in lời vị hòa thượng, nhớ cả gương mặt nhà sư, nhưng lại không nhớ được ngôi chùa đó là chùa nào, và ở đâu. Ba năm sau khi sư nói thì Ngô Tuấn mất cha, lại hơn bốn năm sau khi cha ra đi thì mất nốt người mẹ mà không gì có thể làm cho chàng nguôi quên được.

“Tiếc rằng cha mẹ không được nhìn thấy con cái thành đạt”. Sư nói vậy mới chỉ đúng một nửa. Ta mất cha mất mẹ là việc hiển nhiên, nhưng ta có gì để gọi là thành đạt. Chẳng có gì cả. Lại mới đây, sắp đến ngày làm lễ vu quy thì nhạc phụ ốm nặng, phải cưới chạy tang.

---

1 Không trải qua sóng gió thử thách, con người không thể trở thành một tài năng lão luyện.

Dám cưới âm đạm. Vừa cưới vợ được ba ngày sau thì làm lễ tang nhạc phụ. Lòng ta buồn đau đến nhức nhối. Trong sáu, bảy năm trời, thít chặt trên đầu ta ba vành khăn tang. Chẳng biết phong ba bão táp còn thử thách ta những gì nữa đây. Liệu ta có đứng vững hay bị gió bão dập vùi. Thương nhất người vợ ngây thơ bé bỏng của ta. Chưa được một ngày vui duyên mới, đã phải đắm chìm trong nỗi cô cút vì mất cha. Nhưng lại phải căng sức ra gánh vác công việc nhà chồng. Ở cái tuổi mười sáu, vừa làm vợ, vừa làm chị cùng biết bao nghĩa vụ gia đình, xã hội đè trĩu đôi vai thiếu nữ của nàng.

Từ sau ngày cưới vợ, Ngô Tuấn về ở hẳn nhà. Hai vợ chồng trẻ cùng người em trai ăn ở với nhau hòa thuận, yêu thương nhau hết mực. Bà nhũ mẫu xưa nuôi cả hai anh em, nay vẫn ở lại săn sóc hai người mà trong thâm tâm bà vẫn coi như hai người con ruột của bà, nhưng về thứ bậc, bà vẫn giữ thân phận là một người hầu. Về phần anh em Ngô Tuấn, tuy không thể vượt ra ngoài khuôn khổ lễ giáo, nhưng trong cung cách cư xử, hai anh em rất cung kính với bà, như thể bà là người mẹ thứ hai đã hạ sinh ra cả hai anh em vậy. Nay có thêm Thuần Khanh về, nàng cũng một lòng hiếu thuận với nhũ mẫu. Đã có lần Thuần Khanh bàn với chồng và cả Ngô Thường Hiến rằng nên giao phó hẳn công việc quản gia cho nhũ mẫu. Nàng phân trần, đây không

phải là đẩy công việc cho bà, mà để bà cảm thấy mình là người có quyền hành. Vả lại, theo Thuần Khanh, với công lao bà hầu hạ, rồi vun vén cho mọi người trong ngôi nhà này, bà xứng đáng được nhận trọng trách ấy.

Về phần nhũ mẫu, bà cũng có một gia đình riêng, cũng có chồng, có con. Các con bà cũng cần sự có mặt của bà. Ngay chồng bà cũng không muốn có vợ mà như người ở góa. Vợ chồng chỉ thi thoảng mới gặp nhau khi bà thu xếp được công việc để ghé thăm chồng, thăm con một đôi ngày.

Có phải bà hám cái nơi phú quý này mà bỏ chồng, bỏ con biên biệt xa quê. Đâu phải vậy, đã là con người, ai chẳng muốn sum họp trong tổ ấm gia đình. Tình chồng vợ, tình mẫu tử mà cứ phải biên biệt chia xa. Đó là việc cực chẳng đã. Bà phải ở nhà họ Ngô là nhẽ đời phải vậy, cái nghĩa ở đời phải vậy. Bởi làm con người đã biết bưng bát cơm ăn là phải biết suy nghĩ, phải biện biệt được sự hay dở, sự nhân nghĩa ở đời.

Kể ra thì chuyện ân nghĩa giữa nhà Ngô tướng quân với nhà bà là không có gì lớn so với người quyền thế. Nhưng với những người dân đen, thấp cổ bé họng thì lại là việc tày đình, là việc cứu mạng chứ đâu phải chuyện chơi. Số là năm ấy vợ chồng bà mới sinh đứa con đầu được tám tháng, chẳng may mắc bệnh hiểm nghèo, có người mách lên rừng đào một thứ rễ cây, lại

lấy hạt của một thứ quả của một loài cây ba năm mới chín một lần, lại chín theo giờ. Khi quả chín có mùi thơm ngào ngạt bay ra. Vì thế người lặn rừng có thể ngửi mùi hương mà đi tìm quả. Tuy nhiên cây ấy không phải rừng nào cũng có. Không phải ai cũng tìm được. Nghe nói nó chỉ mọc trong rừng già miền Tây Thiên. Tây Thiên núi rừng trùng điệp lại chẳng có đường đi. Tìm đến nơi, lại phải nhờ những người man bản địa dẫn đi. Vào rừng còn phải mắc võng ăn chực năm chờ cho tới giờ nó chín. Còn như vôi vã mà lấy quả xanh hoặc quả ương vè, coi như vô dụng. Ngặt một nỗi chỉ còn một tháng nữa là đến hạn kỳ người chồng phải đi tập. Bởi anh ta là thường binh, là lính “ngụ binh ư nông”. Chẳng nỡ cứ ở nhà nhìn con chờ chết, và chờ đến hạn đăng tập. Vậy là anh quyết chí ra đi kiếm tìm cây thuốc về cứu con. Ai dè đường xá xa xôi, núi rừng hiểm trở, lúc kiếm được thuốc trở về thì quá hạn tập trung. Lệnh quan truy bắt đã dán khắp nơi. Vừa vào đến nhà nhìn mặt vợ mặt con, thuốc chưa kịp sắc, cơm chưa kịp ăn thì quan quân đã ập đến bắt.

Cứ chiếu luật trốn lính, người chồng sẽ bị phạt năm mươi trượng, thích hai mươi chữ lên mặt, phải làm nô lệ cho nhà quan. May có người quen với Ngô phu nhân, nhờ tướng quân xin cho. Người chồng không phải đánh trượng, không phải thích chữ vào mặt, cũng không

phải làm nô.

Cám cái ơn nghĩa ấy, khi Ngô phu nhân sinh con, bà xin vào trông nom hầu hạ. Lại vì có đứa nhỏ vừa thôi bú, nên bà được phép cho Ngô Tuấn bú. Cái nghĩa như mẫu là ở chỗ đó.

Khi anh em Ngô Tuấn đã lớn, Ngô phu nhân đã đòi ba lần cho như mẫu về để săn sóc chồng con; nhưng bà xin nán lại chờ khi nào Ngô công tử đến tuổi mười tám, bà ra khỏi dinh cũng không muộn. Thế nhưng trời lại chẳng chiều người, Ngô tướng quân, Ngô phu nhân cứ lần lượt ra đi, như mẫu không thể cầm lòng mặt cho hai công tử bơ vơ. Chuyện đời cứ như là có duyên có nợ, có vay có trả, người muốn cưới nhưng trời lại cứ muốn thất. Thôi thì vợ chồng công tử đã tin cậy trao phó, bà không dám không nhận. Thật ra thì từ ngày Ngô phu nhân ra đi, việc quán gia chẳng ở trong tay bà thì còn ai vào đây mà cáng đáng. Nhưng bây giờ là danh chính ngôn thuận.

Thuần Khanh lo việc nâng khăn sửa túi cho chồng, săn sóc người em chồng học hành chăm chỉ. Còn Ngô Tuấn, sau khi mãn khóa học với cụ đồ Ân trên Bái Ân, chàng ở nhà đọc sách. Phần lớn các sách binh thư do ông chú họ Tạ kiểm cho đọc. Đọc đến đâu, hai chú cháu lại luận bàn thấu đáo. Vì thế, đầu óc Ngô Tuấn cứ mỗi ngày một sáng ra.



Có lần hai chú cháu uống trà, thưởng trăng. Đối cảnh sinh tình, Tạ Đức rủ cháu cùng làm thơ tức cảnh. Loáng cái hai chú cháu đã viết xong bài tứ tuyệt. Đọc xong bài thơ của Ngô Tuấn, ông chú hết đối ngạc nhiên:

- Ta thật không ngờ, cháu thường để tâm nơi võ học và nuôi chí lập công, thế mà tâm hồn lại thơ thới, bay bổng, chữ nghĩa sắc sảo, y tứ khoáng đạt.

Không thấy Ngô Tuấn ký tên vào bài thơ, Tạ Đức khuyên:

- Theo chú, cháu nên lấy một cái tên tự làm bút hiệu.

Linh ý chú, Ngô Tuấn tìm ra cả chục cái tên, rồi cuộc cả hai chú cháu đều không thỏa mãn. Suy nghĩ giây lâu, Tạ Đức bật ra một ý:

- Chú thấy cháu từng mơ ước về vũ công, hay ta lấy một cái tên cho hợp với sở nguyện của cháu.

- Vâng ạ. Cháu muốn như thế lắm, nghĩ mãi không ra. Chú thử cho cháu vài chữ xem sao.

Tạ Đức gật gù. Bỗng ông bật ra đầu lưỡi:

- Thường Kiệt! Ngô Thường Kiệt, nên chăng?

- Hay! Cái tên ấy hay đấy chú ạ. Chú cho cháu nhé.

- Chẳng nhẽ chú còn đặt tên cho ai vào đây nữa.

Cả hai chú cháu cùng lấy làm thỏa mãn, và đều ngầm hiểu ý nghĩa của tự hiệu đó.

Đạo này ngoài đọc sách, hằng ngày Ngô Tuấn vẫn theo lớp võ học.

Mới đây, võ sư gọi Ngô Tuấn đến bảo:

- Con học về đường sách vở, binh thư như thế coi như tạm được. Bây giờ con phải rèn luyện như một người lính. Phái cưỡi ngựa, bắn cung cho thuần thục. Nếu giỏi ra, bách phát bách trúng càng hay. Rồi các thuật đao, kiếm, côn, quyền... cũng cần phải tinh thông. Muốn làm tướng giỏi, hãy làm một người lính giỏi. Và còn phải biết cảm thông với nỗi khó nhọc, cơ cực của người lính. Không thể chỉ đòi hỏi ở họ mà không thương yêu họ. Thịt da ai cũng là người. Cái khổ, cái đau ai cũng cảm nhận như nhau cả. Nhưng quyền hành, của cải và sự sung sướng nhân hạ thì mỗi người một kiểu, một cách. Mà nó cũng chỉ một thiểu số người có được. Ví như đô tướng chỉ có một người, nhưng quân thì lại những tám mươi tên kia. Đô tổng quản cũng chỉ có một người, nhưng lính lại có những một vạn hai ngàn người.

Nghe thầy răn bảo, Ngô Tuấn ngày ngày luyện tập chăm chỉ tướng đến kiệt sức. Đêm về, Thuần Khanh hâm thuốc bóp cho chồng. Qua một đêm ngủ ngon, sớm

ra Ngô Tuấn lại tinh táo, khỏe mạnh như thường. Tuổi hai mươi sức lực cường tráng, càng tập Tuấn càng khỏe, cơ thể săn chắc mà dẻo dai một cách kỳ lạ. Tình cảm vợ chồng, càng ăn ở càng yêu thương nhau, gắn bó với nhau như vợ chồng sam.

Thấy đôi trẻ thương yêu nhau, vợ chồng ông chú rể họ Tạ cũng vui lây niềm vui hạnh phúc của họ. Nhất là Tạ phu nhân, bà cô ruột của Ngô Tuấn thì yên tâm rằng anh chị mình dưới tuổi vàng cũng được mát mẻ.

Lại nói về hoàng thái tử Khai Hoàng vương Lý Nhật Tôn với công việc nạp phi.

Sau khi đã thụ huấn mấy tháng liền về đạo phu thê, về tam cương<sup>1</sup>, ngũ thường<sup>2</sup>, về ái nhân tiết dục<sup>3</sup> và cả chuyện kín nơi buồng the chốn gối, rạng sáng ngày hai mươi lăm tháng hai, nhằm ngày sinh, tại cung Long Đức, triều đình đã long trọng làm lễ nạp phi cho hoàng thái tử.

Lễ thức tiến hành có đủ nhã nhạc và kim sách. Vì đây là nạp phi, nên kim sách chỉ trao phó bản làm bằng bạc. Còn chính bản làm bằng vàng ròng, chờ khi nào

1 Tam cương là ba giếng mối, tức ba mối quan hệ: Quân thần (vua tôi); phu tử (cha con); phu phụ (vợ chồng).

2 Ngũ thường là năm đạo thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

3 Ái nhân tiết dục: lòng yêu người và giảm bớt những ham muốn về hưởng thụ.

hoàng thái tử lên ngôi báu, sẽ làm lễ tấn phong hoàng hậu, lúc ấy kim sách mới được trao chính thức.

Hoàng phi là một thiên quốc sắc, họ Dương vừa tròn mười ba tuổi. Theo hầu hoàng phi là một lũ chín đứa a hoàn, tuổi chừng mười lăm, mười sáu, đứa nào cũng xinh cũng đẹp như tiên.

Sau khi các quan truyền chế, tuyên chế, quan tuyên sách và quan tư lễ làm xong các việc, hoàng phi nhận lấy bản phó kim sách từ tay quan tư lễ liền nâng lên ngang trán rồi trao cho cung nhân. Đoạn hoàng phi làm lễ tạ ơn hoàng thượng và hoàng hậu. Nghi chế ty bèn đứng lên xướng: “Tấu lễ tât!”.

## XXVI

**T**rước khi Trung thư sảnh và Đãng văn viện, Khu mật viện trình lên bộ Hình thư, nhà vua có nhời răn:

- Ta biết các khanh khó nhọc, tu chính nhiều lần, nay đã sắp hoàn bị, nhưng ta vẫn còn băn khoăn, nên phải nói. Một nước văn hiến không thể không có luật pháp. Luật pháp minh bạch, công bằng, nhân ái không thể không vì quyền lợi của số đông dân chúng mà tạo lập. Làm được điều đó là nước thịnh. Ngược lại, luật thể hiện tính mập mờ, dễ luồn, dễ lách lại đứng trên quyền lợi của thiểu số cầm quyền mà ban bố, đó là biểu hiện của nước suy, vì nó là đầu mối của sự loạn. Ngừng một lát, nhà vua nói thêm - Các khanh nên nhớ, dân ta hầu khắp không có chữ nghĩa, xã quan nhiều người còn lập sổ sách bằng những cuộn dây thừng với các nút buộc thắt lằng nhằng, thế mà luật văn rườm rà thì người dân hiểu sao nổi. Bữa ta đọc bản dự thảo về tội gian dâm

có viết: “Đang đêm vào nhà gian dâm với vợ người ta, người chồng bắt được quả tang thì trị tội ngang với phần chín của tội thập ác”. Nếu người có chữ, thạo luật thì mở phần tội thập ác, phần chín xem, khắc biết. Nhưng người ít chữ, đọc đã không rõ nghĩa, còn biết đăng nào mà tra cứu. Sao không nói: “Nếu bắt quả tang gian dâm thì phải lĩnh tội đánh trượng, tội đầy viễn châu, tội xử trảm hay phải bồi thường...”. Cho nên ở điều này ta thấy nó vừa rối rắm, vừa không minh bạch, không lấy sự công bằng xã hội làm mục đích tối thượng, chắc các khanh lại phải tu chính. Ta cũng cần phải khuyến dụ lại để các khanh nhuần thấm, đành rằng luật pháp là để trị kẻ phạm pháp, giữ cho xã hội được yên định. Nhưng nó phải có giá trị răn đe, để người ta biết mà tránh không phạm luật, để người ta sợ mà không dám phạm luật. Nếu không đạt được các giá trị đó mà chỉ nhằm nhằm trị tội, thời luật của ta ban ra dường như thiếu hẳn điều nhân nghĩa. Nào, bây giờ các khanh thử nói về một số điều đã tu chính để ta và cả triều quan cùng nghe.

Triều thần im phăng phắc, nhưng nom vẻ mặt các quan đều ánh lên sự rạng rỡ, chứng tỏ trong lòng họ đang vui chứ không có điều gì sợ sệt, che giấu.

Mai Mạnh Minh, người đứng đầu Khu mật viện xuất ban. Trong tay ông nặng trĩu một mớ giấy tờ sổ sách, đặt lên chiếc án trước mặt, vái nhà vua hai vái rồi nói:

- Muôn tâu thánh thượng, lữ thần trong khi soạn thảo cũng như khi tu chính, đều nhắc nhở nhau lời răn của bệ hạ. Để đỡ mắt thì giờ của bệ hạ cùng các đồng liệt, thần xin đi thẳng vào các điều luật đã tu chính xong, xin bệ hạ nhả giám.

- Về điều gian dâm nay tu chính: “Dang đêm lên vào nhà gian dâm với vợ người ta, người chồng bắt được quả tang, trong khi nóng giận lỡ đánh chết kẻ gian dâm ngay lúc đó, người ấy được luật pháp coi là vô tội”.

- Về tội ăn trộm trâu: “Trâu là vật quý của nhà nông phải được bảo vệ. Kẻ nào ăn trộm trâu của công, bắt được thì phạt 100 gậy. Trộm một con trâu phải đền thành hai con”.

- “Kẻ nào ăn trộm trâu của nhà dân, bắt được thì xử phạt như ăn trộm trâu của công”.

- “Trong dân gian kẻ nào cố ý làm cho trâu bò bị thương tích, rồi báo quan trên là trâu ốm không cày kéo được nữa, xin phép xẻ thịt. Việc bị phát giác, xử như tội ăn trộm trâu”.

- “Về số tiền hoặc số thóc thu thuế, luật cho phép xã quan được thu tiền hoành đầu<sup>1</sup> để chi cho việc làm sổ sách, trả công cho những người thu thuế, người nhập

---

<sup>1</sup> Hoành đầu: Là phần phụ thu để làm quỹ chi tiêu của bộ máy làm thuế.

kho và canh gác cho khỏi hư hao thất thoát. Cứ thu cho triều đình mười phần, thì được phép thu thêm một phần. Nếu thu quá số đó thì xử theo tội ăn trộm. Trong dân, ai đứng ra tố giác mà có bằng cứ thì tha thuế cho cả nhà ấy ba năm liền. Nếu người ở kinh thành biết mà cáo giác thì thưởng cho toàn bộ số tiền hoặc vật đã cáo giác.

Nếu kẻ bị cáo giác có hành vi trả thù người cáo giác, mà chưa gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị biếm và bị đánh hai mươi gậy”.

- “Cha đương quyền để con trục lợi thì thu lại toàn bộ số của cải ấy sung công, bãi chức người cha đuổi về quê quán làm thứ dân, còn đứa con hư đốn thì đầy đi viễn châu làm binh khao giáp”<sup>1</sup>...

Quan khu mật viện Mai Mạnh Minh trình bày các điều luật khúc triết. Luật văn giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ. Tội danh rõ ràng, tình lý phân minh, thưởng phạt công bằng, răn đe rõ rệt, khiến không chỉ các quan, mà cả hoàng thượng cũng phải chăm chú lắng nghe.

Bỗng quan Khu mật sứ ngừng lời. Ông nhìn nhà vua, lại nhìn các quan rồi tâu:

- Kính bẩm hoàng thượng, bộ Hình luật này chúng

---

<sup>1</sup> Khao có nghĩa là thưởng. Binh khao giáp, có nghĩa là thưởng cho các đơn vị quân đội, để sai bảo làm các việc cực nhọc.



thần vâng mệnh biên soạn, tu chính tới nay đã tới mười bốn lần, kéo dài trong năm năm. Luật gồm mười hai chương có hơn bốn trăm điều. Điều nào cũng rõ ràng như những điều thần vừa trình bệ hạ.

Hơn bốn trăm điều của bộ hình luật bao quát được nhiều mặt trong đời sống xã hội như: "Vì chế"; "Đạo tặc"; "Đấu tụng"; "Hộ hôn"... Chúng thần đệ trình toàn bộ bản luật văn để bệ hạ thẩm định và châu phê. Nhược bằng bệ hạ chưa hài lòng mà ban thêm thánh ý, chúng thần lại hội bàn đề tu chính.

Hỏi khắp triều quan, không ai còn điều gì cần tâu báo. Thái tôn thông thả phán:

- Ta biết các khanh vất vả vì phải vật lộn tu đi sửa lại nhiều lần. Sở dĩ ta cứ phải vất óc ra cùng các khanh soạn thảo bộ Hình luật này, là bởi nó có quan hệ sinh tử đến thân phận mỗi con người, mỗi gia đình, lại cũng quan hệ đến sự an nguy của xã tắc, nên không thể vội vàng hấp tấp. Càng không thể theo ý riêng mình mà đặt ra luật được. Nhớ trong những năm tiên đế cho ta đi mở phủ, sống chung lẫn trong dân, ta biết đâu là nguyện vọng của dân, đâu là ý tứ của chức dịch, quan lại xen vào. Cho nên kỳ vọng của ta đặt vào bộ luật này là làm cho dân yên, nước thịnh.

Vì vậy, khi ban hành luật văn để thực thi trong dân nước, phải làm thế nào để biết nó có thích dụng trong

dân không, người dân chấp nhận hay là ta oán. Biết để mà sửa, mà tu chính. Đó mới là điều ta mong mỏi.

Thoát đã tới phiên châu sau. Các người đứng đầu những cơ quan có liên hệ đến việc soạn thảo bộ Hình luật đầu tiên của triều đại như Trung thư sảnh thuộc phủ Thái sử, Dăng văn viện, Khu mật viện và cả đô hộ phủ sĩ sư đều trông ngóng vào sự duyệt xét và châu phê của hoàng thượng.

Mọi người vừa tề tựu thì nhà vua tới. Các quan đều đứng dậy tung hô:

- Hoàng thượng vạn an!

Vừa an tọa trong ngai vàng, nhà vua đã mở lời:

- Phải nói ta rất hài lòng về bộ Hình thư mà các khanh đã tu chính tới lần thứ mười bốn và làm suốt trong năm năm. Sau khi luật ban hành ta sẽ có trọng thưởng. Nhìn bao quát triều quan một lượt, vua Thái tôn chậm rãi từng lời, như người muốn bộc bạch tâm can để vua tôi cùng cảm nhận được điều ngài mong muốn.

Tất thấy triều quan đều im lặng lắng nghe, không khí trang nghiêm tới mức, nếu như lúc này có một con muỗi đập cánh cũng làm rộn cả điện Thiên An. Vua nói:

- Hơn bốn trăm điều luật, bao quát hầu khắp các mặt trong đời sống xã hội. Coi như tạm đủ. Khi nào áp dụng thấy hằng hụt mặt nào, ta lại bổ cứu mặt đó.

Tuy nhiên, ta vẫn cảm thấy thiếu thiếu một cái gì đó. Nhưng ta không hiểu đưa vào luật này có hợp không. Các khanh hãy nghĩ bàn cùng ta. Nếu hợp thì nghĩ soạn rồi đưa thêm vào một vài chương, với vài ba chục điều nữa. Nếu không kịp, ta sẽ soạn thảo riêng một đạo luật khác, nhưng không thể không có. Thực lòng, ta muốn thêm vào hai chương: Bang giao và Lãnh thổ.

Vì sao phải đưa việc bang giao vào thành luật. Là để những người đi sứ, tiếp sứ, giao dịch với ngoại bang hoặc thảo văn thư, phải biết giữ gìn quốc thể, hoặc không làm lộ những điều cần phải bảo mật như binh khí, phòng thủ, quân lương, hình thế sông núi, hang động, sông suối, thủy chế cùng nhiều điều cơ mật khác. Việc bang giao của ta, chủ là hiếu hòa với các nước lân bang. Nhưng nếu có nước nào cậy lớn, cậy hiểm mà xâm lấn thời phải đánh cho nó tởm không còn mảnh giáp; để mỗi khi quân nó nghĩ đến đã phải rụng rời. Để các người của ta đi về phương nào cũng ngẩng cao đầu mà nói rằng tôi là người Lạc Việt, người Âu Việt, người Nam Việt chứ không phải cấm mặt xuống mà áp úng hoặc xấu hổ khi phải nhận mình là nòi giống Lạc Hồng.

Còn về lãnh thổ, phải bố cáo cho toàn dân biết cương thổ của nước ta từ đâu đến đâu, mốc giới tiêu biểu là những gì làm sở cứ, hình thế núi sông sau trước ra sao. Rừng, biển như thế nào. Đảo gần đảo xa gồm

những đâu những đâu, biên bờ sâu rộng đến đâu, tất cả đều phải họa thành đồ bản. Trong nước, những nơi tụ cư đông đúc, phải đắp nổi hình thể đất nước trên các bức tường gạch, lại phải chú giải cho dân nước tỏ tường. Lại như các vùng biên ải, cửa ngõ thông thương với nước Tống, nước Chiêm cũng phải dựng đồ bản. Làm sao để mỗi người dân đều có thể biết địa giới nước mình thì người dân mới không nhầm lẫn, đến nỗi đi quá phần cương thổ nước mình, mà gây rắc rối cho chuyện bang giao. Biết rõ cương giới nước mình, như chỉ tay trong lòng bàn tay, thì mới ngăn được phía bên kia dấy người sang xâm canh, xâm cư, xâm táng rồi lấy đó là bằng cứ nhận chằng đất đai của chúng ta.

Hình hài đất nước, chính là gương mặt người mẹ hiền có cái tên thiêng là Tổ quốc. Thế thì không lý gì các con lại không biết mặt mẹ. Kẻ nào che giấu hình hài đất nước, là mưu toan biến người mẹ hiền Tổ quốc thành mẹ mìn, kẻ ấy đáng tội chu di.

Nhà vua vụt đứng trước long ngai, khoát tay nói với vẻ rưng rưng xúc động - Đất nước tức là quốc gia được tạo dựng từ ngàn đời bằng mồ hôi, công sức và máu xương của toàn dân tộc, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhất là máu xương sĩ tốt đã tưới dẫm trên từng tấc đất biên cương để ta có được diện mạo núi sông như ngày nay. Vậy nên kẻ nào vô tình hay cố

ý dễ mất hoặc đem dâng cho giặc, dù chỉ là một thước, một tác mang hồn thiêng tổ tiên, kẻ đó chính là kẻ thù của ta, kẻ thù của cả dân tộc. Tội ác đó phải được chép ghi đầy đủ từng mặt từng tên, lưu truyền sử sách cho nghìn đời con cháu rửa nguyên. Còn đương thời phải lôi chúng ra ánh sáng, khệp vào tội mưu phản, xử theo bậc lăng trì<sup>1</sup>.

Trung thư sánh cùng các cơ quan lĩnh ý nhà vua lại tu chính một lần nữa. Cẩn nhắc trước khi cho ban hành, vua nói:

- Làm thế nào khi luật ban ra phép xử phải rõ ràng, cần nhất là người dân hiểu được, chấp nhận được.

Quan Trung thư sánh liền tâu:

- Chúng thần đã sắp đặt, xin bệ hạ yên tâm.

- Vậy các khanh sắp đặt bằng cách nào?- Vua hỏi.

- Tâu, xưa nay triều đình ban hành luật lệ, chế, cáo gì đều cho xuất nạp quan về tới nơi hương ấp, kể cả nơi thôn cùng xóm vắng, phổ biến cho dân hiểu mà thi hành, khi thi hành có điều gì vấp vấp, gây khó cho dân, thì xuất nạp quan lấy đó là điều thỉnh nguyện của dân, phải tâu về triều. Các đài, sảnh, viên tâu báo lên, thấy hợp tình, bệ hạ đều cho sửa. Tâu, việc này đã thành lệ

---

<sup>1</sup> Lăng trì: Hình thức trị tội rất tàn khốc. Đưa phạm nhân ra pháp trường, cắt chân, tay rồi lột xỏ thịt dần dần cho đến chết.

từ thời tiên đế.

- Vậy thì được, các khanh cho xuất nạp quan di phổ biến, rồi lấy ý nguyện của dân, kể cả các quan xử kiện ở các cấp về tâu báo lại cho ta hay.

Sau khi bộ Hình thư ban hành được ba tháng, nhiều dám thưa kiện được xử bằng luật mới, phép xử xem ra rõ ràng, thông thoáng, công bằng, quan xử kiện thấy yên tâm; người dân cho đó là một sự tiện lợi chưa từng có; bởi kẻ được người thua đều thấy thoải mái, không có mặc cảm mình bị quan xử ức. Nhiều dám, những người giàu có, quyền thế mà vẫn bị thua kiện những người nông phu nghèo khó. Dân cho đó là luật pháp công bằng. Tất cả những điều diễn ra trước tòa hoặc trong dân gian đều qua tai mắt các xuất nạp quan. Triều đình tới tấp nhận được biểu báo của các xuất nạp quan gửi về. Triều đình cũng nhận được nhiều sớ, tấu của các quan châu, quận gửi về, đều nói lòng dân hoan hỉ, biết ơn triều đình.

Xem kỹ các sớ điệp, các biểu tâu, vua Thái tông vui vì luật của triều đình ban ra đã hợp lòng dân. Nhớ lời tiên đế những ngày sắp băng, người căn dặn rất kỹ: “Phải chăm sóc dân, nuôi vỗ dân, vì nếu không có dân thì cũng không có nước. Nói rằng nuôi dân, chứ thực là dân nuôi ta đấy. Không có dân đóng thuế, nộp tô nhà nước lấy gì mà chi dụng. Không có dân đi phu đi lính,

ai làm các việc nhọc mệt để có lâu đài thành quách, giữ gìn cương thổ, phòng chống ngoại xâm. Cho nên thiên tử là người thay trời chăn dân và hành đạo, chứ không có nghĩa là đứng đầu muôn dân để vét vơ cho đầy túi tham, thỏa lòng dục. Chăn dân như vậy, tức là xúi dân nổi loạn. Chăn dân như vậy, chính là kẻ thù của dân đó”.

Nhà vua không giấu nổi niềm vui, vì rằng ngài tự biết, chính ngài đang đưa cả đất nước đi vào con đường sáng.

Hai ban văn võ đón được ý nhà vua, bèn xin cải niên hiệu. Nhiều người dâng tôn hiệu với các mỹ tự dài dằng dặc, duy nhất có một vị hòa thượng trong Hữu nhai tăng thống khải rằng: “Nước đang đi vào con đường sáng, cũng có nghĩa là nước đang ở vào thời thịnh, xin bệ hạ cho cải từ Càn Phù Hữu Đạo sang Minh Đạo”. Các quan đều hòa vào.

Vua Thái tông mặt mày rạng rỡ phán rằng:

- Mấy năm trước, các khanh đã xin cải từ “Thông Thụy” sang “Càn Phù Hữu Đạo”, lại xin đúc tiền “Càn Phù Nguyên Bảo”. Vậy năm nay nhân cải sang niên hiệu “Minh Đạo”, sao không đúc tiền “Minh Đạo”.

Quan quốc khố bèn đứng lên tâu:

- Bệ hạ thật sáng suốt. Thần cũng dự tính thế nào

bệ hạ cũng cho đúc tiền mới, nên đã dự vẽ mẫu, xin bệ hạ ngự lãm và cho chữ để thần sai thợ làm khuôn đúc.

Nhà vua nhìn về phía hòa thượng, người của Hữu nhai tể tướng, rồi phán:

- Hòa thượng đã dâng tôn hiệu được trẫm và cả triều quan ưng thuận, nay còn mấy chữ trên đồng tiền, xin nghĩ giùm cho. Theo ta, nên giữ hai chữ “Minh Đạo”, vậy còn hai chữ nữa ghép vào, các khanh thử cùng tìm xem sao.

Hòa thượng chưa kịp nói thì quan khu mật viện đã vội tâu:

- Thần xin dâng hai chữ “Thông Bảo”. Vậy cả bốn chữ sẽ là: “Minh Đạo Thông Bảo”. Xếp theo kiểu đọc chéo như tiền “Càn Phù” năm trước, hoặc đọc theo kiểu vòng tròn từ tả sang hữu đều được.

Quan Đô ngự sử cũng xin tâu:

- Thần dâng hai chữ “Nguyên Bảo”. Tức là “Minh Đạo Nguyên Bảo”.

Các quan còn đưa ra nhiều chữ, nhưng quy về có hai chữ “Thông Bảo” hoặc “Nguyên Bảo” là thuận tai hơn cả.

Cuối cùng nhà vua phán:

- Ý của các khanh đều là cao ý. Chữ dùng đều sáng láng. Chữ “Nguyên” xem ra vững vàng bề thế,



nhưng ta ưa chữ “Thông”, nó có vẻ chuyển động, có vẻ hanh thông hơn. Theo ta, nên dùng chữ của Mạnh Minh. Tức là “Minh Đạo Thông Bảo”.

Các quan biểu lộ sự đồng tình bằng lời hô:

- Bệ hạ sáng suốt!

- Bệ hạ sáng suốt!

Vua Thái tông cầm chiếc kim hốt hươ lên:

- Bãi triều!

## XXVII

Từ ngày Ngô Tuấn cưới vợ đã thôi hẳn việc học chữ nho ở nhà thầy đồ Lý Công Ấn trên làng Bái Ân.

Thầy bảo: “Con học ta như vậy đã trên mười năm. Các phần văn bài như thơ, phú đến văn sách con đều làm thạo cả. Ta mừng vì con nhập được phần căn cốt của thánh học vào trong tâm, nên văn bài của con vừa có hồn của đạo, vừa có phần trí lực và cả phách lực của con. Ta chắc con sẽ đem cái sở học ra mà giúp đời”. Nói xong, thầy Ấn đưa cho Ngô Tuấn cuốn “*Dịch học*”. Thầy dặn thêm: “Vào đời, ta chắc con cần cái này. Đây không phải là sách để bói toán, mà là sách để tính toán. Con nhớ việc gì cũng theo chính đạo, lại lấy đức mà hành xử, ta chắc con sẽ thành tựu. Nhưng nên nhớ, việc gì cũng có thời của nó. Thời chưa đến mà đã hành sự, chắc việc không thành. Thời đến mà bỏ qua, mọi việc đều lỡ mà không bao giờ trở lại nữa. Không thể yếm thế chờ thời, mà phải

vận hành để thời hiển lộ. Làm thế nào để nhận biết thời đang hiển lộ ư? Phải minh tâm kiến tính, phải trí huệ quảng bác, lại phải có cả lòng dũng của bậc thánh nhân nữa. Ta nói cái dũng của thánh nhân là nói cái dũng sáng suốt, chứ không phải sự liều lĩnh của kẻ thất phu, vô minh, vô học. Thôi, thế là đủ rồi, con về đi”.

Ngô Tuấn cúi rạp người lễ sống thầy giáo ba lễ.

- Con xin thầy. Cậu đón lấy cuốn sách từ trong tay người thầy giáo già rồi nói thêm: - Con hứa sẽ hành sự như lời thầy răn dạy.

Từ bữa đó, Ngô Tuấn vừa đọc sách, vừa luyện võ. Tỏ ra có sở trường nhất là môn cưỡi ngựa, bắn cung. Chẳng thuộc loại hề bắn là trúng hồng tâm, hoặc “bách bộ xuyên dương” như các nhà thần tiễn. Nhưng quả là Ngô Tuấn bắn ít khi sai mục tiêu. Tài nhất là việc Ngô Tuấn cưỡi ngựa. Ngựa nào vào tay Tuấn cũng trở nên ngoan ngoãn.

Nghe Ngô Tuấn có tài kỵ mã, tài cung thủ, bữa nọ hoàng thái tử vờ vào, bèn nói:

- Dạo ta cho người đi theo đi dẹp man trên mạn Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên chưa thấy người bộc lộ tài cung thủ, tài kỵ mã. Nay ta muốn mục sở thị.

- Dạ bẩm Khai hoàng vương, thần cũng như mọi người, học để phòng khi được vương sai khiến.

- Ta nghe người ta đồn, người vừa phi ngựa vừa bắn cung, trong khoảng ba trăm bộ không một mũi tên nào bắn ra ngoài.

- Dạ, thần chỉ bắn trúng bia thôi ạ, người chân tài phải là bách phát bách trúng hồng tâm kia.

- Bọn ấy là thần tiễn, người thường so sao được.

- Vậy thời ta với người cùng ra trường bắn. Nhưng ta còn nghe nói, người cưỡi ngựa cũng tài lắm. Ngựa dữ thế nào người cũng trị được, có thật thế không.

- Tâu, thần nghĩ việc chinh phục các loài vật khôn, khoẻ như loài ngựa, không thể đem sức người ra mà trị nó được.

- Vậy làm cách nào thuần được nó.

- Dạ, ngựa là giống tinh khôn, nó tự nhận ra ai là chủ nó; hoặc người muốn là chủ nó phải hội đủ ba điều.

- Đó là những điều gì? Thái tử hỏi.

- Dạ, trước hết là cái uy của người làm chủ. Hai là cái tình của người làm chủ. Ba là cái duyên giữa chủ và con vật. Dạ, dùng sức mạnh đôi khi cũng cưỡng chế được, nhưng khi lâm trận, khi gặp hung hiểm, con vật sẽ không tận tâm với chủ.

Khai hoàng vương cho gọi viên giám mã, cả ba người cùng ra tâu ngựa. Thái tử bảo viên giám mã:

- Trong đám này, theo người con ngựa nào hay nhất.

- Tàu thái tử con sắc huyền kia có tướng lạ. Con ấy là loài ngựa chiến hay lắm đấy ạ. Nhưng nó là loại ngựa kén chủ, không phải ai cũng nhảy được lên mình nó mà ra roi.

- Vì sao? Thái tử hỏi.

- Tàu, thái tử nhìn cái chòm lông trắng trên đầu nó kia, đấy là cái khoáy lệch. Ngựa có khoáy trên đỉnh đầu lệch là ngựa quý, nhưng hay trái tính và kén chủ.

- Nhưng nó có phán chủ không?

- Dạ không. Ngựa là giống vật có nghĩa còn hơn cả chó. Nó chỉ không phục tùng người không phải chủ nó. Những con ngựa chiến hay, nó còn không chịu cho người tướng nhất hèn làm chủ nó.

- Vậy thì ta tặng cho Ngô Tuấn con ngựa hay nhất của cả tàu ngựa. Người lấy bộ cương nạm bạc ra đây, để ta tặng cho người kỵ sĩ này. Nói xong, thái tử vỗ vai Ngô Tuấn cười hể hả.

Ngô Tuấn đưa tay ngăn người giám mã:

- Tâu hoàng thái tử. Kỵ sĩ được ban ngựa quý, là điều phúc hạnh. Thần xin cảm tạ cái ơn tri ngộ của bề trên. Nhưng xin thái tử gia ân, giám mã hãy khoan lấy yên cương, để thần thử làm quen với nó xem sao đã. Xin

được hỏi, thái tử đã đặt tên cho nó chưa ạ.

Thái tử lắc đầu, quay ra hỏi:

- Giám mã, người đã đặt tên cho con sắc huyền ấy chưa?

- Tâu, ngựa quý, giám mã không được phép tự tiện đặt tên.

- Vậy thời người đặt tên cho nó. Nào Ngô Tuấn, người thử đi. Giám mã, người dắt ngựa ra đi.

Ngô Tuấn định thần theo dõi con ngựa từ trong tàu ngựa dắt ra. Bốn vó thon dài, mình lẳn, bắp chân lẳn, sắc lông đen nhánh như thoa dầu. Đuôi dài tới khoeo chân, bờm đầy, được cắt xén tinh tươm.

Con ngựa vừa bước ra khỏi tàu đã bắt gặp cái nhìn thiện cảm của Ngô Tuấn, nó chớp mắt và lắc bờm dừng lại ở giữa sân.

Ngô Tuấn đón lấy dây cương từ viên giám mã. Chàng ghé vào tai con ngựa quý nói nhỏ: "Hoàng thái tử tặng người cho ta. Nếu người ưng làm bạn cùng ta thì từ nay ta với người gắn bó. Tên của người là "Huyền Vũ". Tức là con ngựa đen chạy như bay. Nhớ nhé, tên người là "Huyền Vũ", Ngô Tuấn nhắc lại một lần nữa. Chàng lấy đà nhảy nhẹ như người phi thân lên lưng ngựa, rồi cho chạy nước kiệu một vòng sân, trước sự kinh ngạc của thái tử và cả viên giám mã. Kỳ lạ nhất

là lần đầu tiên Ngô Tuấn cỡi con ngựa dử lại không có yên cương mà nó ngoan ngoãn tuân phục như một người chủ cũ. Tới trước thái tử, Ngô Tuấn xuống ngựa, vái thái tử hai vái:

- Vậy là thần đã có duyên với con ngựa này. Đa tạ thái tử đã ban cho một vưu vật. Thần với con Huyền Vũ này xin được thờ thái tử đến trọn đời.

Thái tử Nhật Tôn vui vẻ nắm lấy bàn tay Ngô Tuấn với tất cả sự tin yêu thâm lặng. Đoạn chàng nói:

- Từ nay, ngươi là người của phủ Long Đức. Ta sẽ tâu việc này lên phụ vương. Trước hết, ta ban cho ngươi tước kỵ mã hiệu úy. Việc xem ngươi bắn cung, ta sẽ xem vào lúc khác. Thôi, ngươi về đi, khi nào cần ta cho triệu.

Ngô Tuấn ra về với con ngựa quý. Lòng chàng hân hoan tưởng không có niềm vui nào so sánh được.

Lại nói từ khi loạn Tam vương tới nay đã hơn mười năm. Mấy năm trước Đông chinh vương Lực thất lộc, vì ốm lâu ngày không chịu uống thuốc. Không hiểu tại số hay bởi vương Lực giận ta. Từ sau cái chết của Đông chinh vương, vua Thái tôn cảm như bị ám ảnh bởi tình cốt nhục. Có khi nhà vua tự hỏi: "Liệu ta có xử tệ với mấy người anh em không?". Nhưng vẫn còn đâu đây lời chê trách của các quan, nhất là các giám quan

cho là ta nhu nhược.

Bữa trước ta có ghé thăm phủ Khai Quốc vương,  
lại gặp cả mấy vị thiền sư, đạo sĩ đang cùng Khai quốc  
vương xướng họa.

Lúc ta đến thấy vị đạo sĩ đang ngâm:

*Viễn phù Thái Sơn siêu Bắc Hải*

*Ngưỡng phao trụ tượng nhập thiền cung<sup>1</sup>.*

*(Xách bổng Thái Sơn về Bắc Hải*

*Ngước trong gậy vưng tới cung thiền)*

Vị thiền sư ngâm tiếp:

*Tùng nhan thính cảm hưởng*

*Manh giả vọng thiền thù<sup>2</sup>*

*(Kẻ điếc nghe đàn sáo*

*Người mù ngắm trăng sao)*

Đến lượt Khai Quốc vương, vừa nhấp rượu vừa  
ngâm:

*Thủ thì thuyết đạo hãn tri âm*

*Chỉ vị như tư đạo táng tâm*

*Hề tự Tử Kỳ ta sáng sấm*

*Thỉnh lai nhất đạt Bá Nha cầm<sup>3</sup>*

*(Thời nay bàn đạo ít tri âm*

<sup>1 2 3</sup> Kê của các thiền sư Viên Chiếu và Tinh Giới. Ngô Tất Tố dịch thơ.



Vì đạo ngày nay đã mất tâm  
 Ai giống Tử Kỳ nghe nhạc giỏi  
 Bá Nha đàn thoảng, hiểu tình thâm)

Ta chợt hiểu tâm trạng của Khai Quốc vương vẫn bị buộc trói, chứ chưa giải thoát được, bèn đọc:

Thu lai lượng khí sáng hung khâm  
 Bát dẫu tài cao đối nguyệt ngâm  
 Kham tiếu thiên gia si độn khách  
 Vi hà tương ngữ dĩ truyền tâm<sup>4</sup>  
 (Êm dịu hơi thu mát cõi lòng  
 Tài thơ ngâm chọi bóng trăng trong  
 Cửa thiền những thẹn người si độn  
 Để lại câu gì, nghĩ chữa thông)

Hai vị thiền sư và đạo sĩ liền đứng dậy vái ta một vái, tỏ ý khâm phục.

Khai Quốc vương sụp xuống lễ ta một lễ và nói:

- Hoàng thượng quở, thần xin chịu tội.

Ta nâng Khai Quốc vương đứng dậy nói lời an ủi:

- Vương đệ phải xả bỏ di, không nên đắm chìm vào dĩ vãng. Vương đệ giao du với các bậc thiền sư, đạo sĩ nếu có lòng mộ đạo, theo Phật hay theo Đạo, nào có hề hấn gì. Quy về đạo nào cũng được, nhưng phải nhiếp cái tâm, phải quy tâm nhất xứ thì mới hồi hướng, mới

dạt tới sự giác ngộ.

Nói xong ta cáo biệt. Khai quốc vương chạy theo tiền ta ra cổng, lại nói:

- Thần xin linh ý hoàng thượng.

- Vương đệ thật là khách sáo. Vương đệ vẫn còn giận ta. Ta nhìn thẳng vào mắt Khai Quốc vương hỏi: - Có lúc nào vương đệ tự nhìn vào bốn tâm mình chưa. Khai Quốc vương cúi mặt có ý ngượng.

Đêm ấy về cung, ta không ngủ được. Thấy ta trần trọc, Kim thiên Mai hoàng hậu bèn hỏi nhỏ:

- Dám xin vương thượng cho thần thiệp biết, chẳng hay trong hậu cung, hay trong triều có điều gì làm vương thượng phải bận tâm, khiến đêm khuya mà không an giấc điệp.

- Ta cũng chẳng giấu nàng làm gì. Kể từ sau cái chết của Đông Chinh vương, khiến ta thương cảm mà áy náy. Lại chiều nay, qua phủ Khai Quốc vương. Ta thấy vương thoái chí quá, bi phẫn quá, mà dường như đệ ấy vẫn còn giận ta.

- Vậy chớ vương thượng có quở trách gì Khai Quốc vương không.

- Ta cũng chỉ răn nhẹ thôi. Biết rằng đệ ấy không chịu sửa đổi.

- Thiếp nghĩ, Khai Quốc vương bực giận vì chuyện

ở đứng, không được giao trọng trách gì. Vương thượng ngẫm mà xem, người có tài mà không được giao việc, có khác chi người bị đi đày, còn gì khổ hơn thế nữa. Bệ hạ thử lượng xét, thể tất lỗi lầm mà giao việc cho vương đệ được không.

Vua Thái tông thở dài:

- Khi tiên đế còn sống, người thường bảo, trong mấy đứa con thì chỉ có Bô là sắc sảo tài cán hơn cả. Nhưng rồi người lại chép miệng: “Phải cái nó hẹp lượng quá. Nó không chịu thừa nhận ai, ngoài nó. Người thiếu đức khoan dung không làm được việc lớn, không đứng đầu thiên hạ được”.

Vì lẽ đó, ta không thể giao việc cho đệ ấy được. Đến bây giờ nghĩ lại các việc đệ ấy làm khi trọng trấn Hoa Lư, ta vẫn còn rùng mình. Ai lại đường đường một vị hoàng tử mà lại giả danh giặc cướp, đi cướp của giết người, đi chặn đường đòi mãi lộ. Tiếc thay, các việc ấy Khai Quốc vương đều khéo che bịt, nên tiên đế cũng không được biết.

Sau khi tiên đế băng, đệ ấy còn định biệt lập giang san, hùng cứ một phương. May mà ta sớm tỉnh ngộ, đoạn diệt được mưu đồ của đệ ấy.

- Tâu hoàng thượng, thế thì có gì mà hoàng thượng phải bần tâm.

- Ta bận tâm là bận tâm ở chỗ khác. Tức là Uy Minh hầu Nhật Quang kia. Chàng hoàng tử thứ tám của tiên đế, cậu em út của ta. Các anh lớn thì được phong vương, còn Nhật Quang chỉ được phong tước hầu. Tới nay cũng chưa được trao trọng trách gì. Ta nghe bên cơ mật viện tâu báo, thì Nhật Quang cố, đức nhẫn nhịn, chịu học hỏi mà an phận chứ không oán vọng gì.

- Thần thiếp là phận nhi nữ không dám can dự vào việc triều chính, nhưng tình thật đáng nên thương. Bệ hạ là vua của cả nước, bệ hạ lại là quyền huynh thế phụ, xử sự thế nào để các em phải tâm phục. Xử sự thế nào để sử xanh còn lưu truyền như một tấm gương cho hậu thế.

- Nàng khỏi phải lo. Ta đã có chủ kiến rồi. Ta định nay mai sẽ sai Nhật Quang vào coi châu Nghệ An, tức vùng châu Hoan trước, ta mới cho đổi tên từ năm Bính tí (1036). Châu Hoan có biên cương với Chiêm Thành, đó là vùng đất nghịch, phải cử người tâm huyết trấn giữ, ta mới yên tâm được.

- Bệ hạ đã có chủ đích thế thì nên làm sớm đi.

- Chắc chỉ vài ngày tới đây, sau khi ta gặp Nhật Quang, yên ủi rồi cho đi ngay thôi.

Mọi sự đang yên bình thì tri châu Quảng Nguyên cho chạy ngựa lưu tinh đem hỏa bài về triều cấp báo:

“Nùng Trí Cao vùng với mẹ y là Ả Nùng từ động Lôi Hỏa<sup>1</sup> lại về chiếm cứ châu Thăng Do, tự lập làm vua, đổi châu ấy là nước Đại Lịch, xin bệ hạ cử binh lên đánh dẹp”.

Xem xong, vua Thái tông ném hỏa bài vào chân cột điện, với vẻ bức giận, vua nói: “Trước đây, cha nó là Nùng Tồn Phúc làm thủ lĩnh châu Thăng Do, em trai Phúc là Nùng Tồn Lộc làm thủ lĩnh châu Vạn Nhai, em vợ Phúc, tức là em trai của Ả Nùng là Dương Đạo làm thủ lĩnh châu Vũ Lạc liên thủ với nhau chiếm những phần đất ấy nằm trong châu Quảng Nguyên của ta, thường chịu sự sai khiến của triều đình và tứ thời nạp cống các thổ sản như triều đình quy ước, nên ta cũng bỏ qua để anh em nhà nó ăn lộc, giữ đất cho ta. Thế mà nó trở mặt không nộp đồ cống, rồi năm Kỷ mao (1039), Tồn Phúc lập mưu giết cả em trai và em vợ thâu tóm ba châu, đắp thành kiên cố, đổi châu thành nước. Đặt tên là nước Trường Sinh. Tiếm xưng vị hiệu là Chiêu thánh hoàng đế. Lập vợ là Ả Nùng làm Minh Đức hoàng hậu, phong con trai cả là Nùng Trí Thông làm Nam Nha vương.

Năm ấy ta đã thân chinh đánh dẹp, truy vào tận

---

<sup>1</sup> Nguyên là đất của tỉnh Cao Bằng gồm động Bình, đồng An, đồng Bà nay ở trong địa phận tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

hang ổ bọn chúng, bắt sống cha con Tôn Phúc và đồng bọn, cả thấy năm đứa, lại sai san phẳng thành trì. Về kinh sư, ta đã vào cáo trong nhà Thái miếu, làm lễ hiến phù, rồi sai chém cả năm đứa bêu đầu ngoài chợ kinh đô suốt ba ngày, để răn những kẻ manh tâm phản phúc.

Trận ấy ta để sống mất Ắ Nùng và con nó là Nùng Trí Cao.

Vậy mà mẹ con nó không biết ta đã mở cho con đường hiếu sinh, còn dám vuốt nanh cọp, chọc giận ta».

Hôm sau vua cho triệu hai ban văn võ thiết triều. Các quan tề tựu, nhà vua bố cáo cho cả triều thần biết các việc trên biên ải, kể cả việc Nùng Trí Cao làm phản.

Các quan đều nói lên sự căm giận, xin nhà vua cho đi đánh dẹp.

Thái úy Quách Thịnh Dật, uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư cùng nhiều tướng khác đều hăng hái xin nhà vua cho đi bắt Nùng Trí Cao về trị tội.

Các quan bàn bạc hồi lâu, nhà vua bèn quyết:

- Ta cho Khai Hoàng vương lĩnh ấn đại nguyên soái, Thái úy Quách Thịnh Dật làm Phó đô đại nguyên soái đem theo năm nghìn quân đi bắt Nùng Trí Cao về cho ta trị tội.

Các khanh nên nhớ lời ta là bắt nó chứ không phải

giết nó. Vạn bất đắc dĩ, nếu nó chống cự quyết liệt đến cùng thì mới phải giết.

Chỉ còn non một tháng nữa là Tết. Ta chắc bọn này đang hí hửng lo ăn tết mà lơ là phòng bị. Các khanh cho quân đi gấp, đánh vào chỗ giặc bất ngờ tất nhàn sức quân.

Khai Hoàng vương nhận ấn ra quân với niềm vui khôn tả. Chàng cho triệu ngay Thái úy Quách Thịnh Dật và cả Ngô Tuấn vào cung Long Đức.

Vương nói:

- Ý của phụ vương ta là muốn đánh nhanh, thắng nhanh. Vậy Thái úy lo quân số, quân lương cần mấy ngày thì có thể lên đường được.

Thái úy tần ngần giây lát rồi đáp:

- Thần cứ nghĩ, đi đánh một Nùng Trí Cao, một tên giặc cỏ mới ngóc đầu dậy, liệu có cần đến năm ngàn quân không.

- Vậy theo ông, ta nên lấy bao nhiêu quân là chắc thắng. Ông có biết lực lượng của họ Nùng có được mấy đô quân, cả khí cụ của nó, có gì lợi hại so với quân ta không. Lần trước, ông theo hoàng thượng đi dẹp cha hấn, ông thấy sức quân nó thế nào?

- Tâu hoàng thái tử, thật ra thì quân chúng là quân ô hợp, không có sức chiến đấu như quân triều đình. Lần

trước ta kéo đại binh lên, cha con Tôn Phúc sợ mất mật, bỏ cả thành trì mà chạy. Quân ta truy đuổi, tìm bởi nơi chúng ẩn nấp thôi chứ có phải đánh chác gì đâu.

Bởi vậy lần này theo thần chỉ nên đem theo một ngàn quân là đủ. Nhưng cho người nói phao lên ta đem hơn mười ngàn. Tuy vậy, ta phải ém quân đón lõng các ngã đường không cho bọn nó thoát sang đất nhà Tống.

Ngô Tuấn, vị tướng trẻ, lần thứ hai được ra trận, nhưng trong đầu chàng kỵ mã đô úy này chất chứa cả núi kinh luân, những mong đem ra thi thố. Tuấn xin nói:

- Tâu Khai Hoàng vương, đúng như Thái úy nói, ta không nên đem nhiều quân làm gì, để lại chậm bước tiến. Chi bằng ta đem ít, nhưng thuần quân tinh nhuệ. Ví như ta dùng kế của Thái úy làm kế phản gián. Tức là rỉ tai người của họ nơi chợ búa, rỉ tai ngay cả bọn quân lính của họ, rằng quân của triều đình rải vây từ đâu đến đâu, những ai đã trông thấy quân ấy đông như kiến. Dân chúng và cả lính tráng của họ, cứ đồn thổi như thế, nội trong ba ngày thì không chỉ quân nó, mà ngay bọn đầu lĩnh cũng hoang mang, ngơ ngác. Giữa lúc ấy, ta cho một kỵ đội đánh thẳng vào trung tâm sào huyết giặc, còn bên ngoài độ ba, bốn đô quân nổ súng, giáo dài bao vây phục sẵn, thần tin là chúng sẽ trở tay không kịp, chạy cũng không kịp, mà chỉ có đầu hàng là thượng sách.



Nghe Ngô Tuấn nói có vẻ lợt tai, gương mặt thái tử cứ nở dần ra, tươi dần lên. Chàng nói:

- Ta nghe kể của Ngô Tuấn có thể dùng được. Tự trung cũng không vượt ra ngoài kể của Thái úy. Có điều rằng kể này là dung hợp cao ý của cả Thái úy và Ky mã đô úy. Thái úy thử tính xem, liệu có dùng được kể này không.

- Theo thiên ý của thần, kể của tiểu tướng quân là dùng được, nhưng phải hội đủ hai điều sau đây:

Một là bất ngờ.

Hai là thần tốc và dững mãnh.

Song muốn việc thực hiện được hoàn hảo, thì trước đó phải làm cho tinh thần chúng, từ đầu lĩnh tới lính tráng và cả dân chúng trong vùng đều hoang mang, hãi sợ và chờ đón một cái gì đấy không rõ rệt. Và nữa, đòn đầu tiên phải đánh trúng sào huyết chúng, đánh trúng đầu não của chúng. Do vậy, ta rất cần người địa phương, thông thuộc cả đường chính lẫn đường ngang lối tắt đưa dẫn.

- Việc này theo ta không khó. Sớm mai ta sẽ sai người lên gặp châu mục châu Quảng Nguyên, khẩu dụ cho y phải làm hai việc ấy. Phao tin quân ta kéo lên đông hàng vạn vạn người. Và tìm người thông thuộc dẫn đường cho đại quân.

- Tâu, nếu ta dùng quân tinh nhuệ thì ngay tối mai bí mật lên đường đã được chưa - Ngô Tuấn hỏi.

- Ta nghĩ, tối mai hành quân có nhẽ kịp, ý Thái úy thế nào.

- Tâu, thần cho rằng việc chuẩn bị cho một ngàn quân ra trận, không hề đơn giản một tí nào. Thái tử cứ cho thư lại vài ngày để việc nội gián, tức là phao tin trước mấy ngày cho quân kia hoang mang đã. Ba ngày nữa, ta hành quân thần tốc, chắc bọn Nùng Trí Cao trở tay không kịp.

- Còn sắp xếp tiền quân, hậu quân, trung quân thế nào, nên trừ liệu từ bây giờ đi. Thái úy tính kỹ lại xem. Phụ vương cho ta năm ngàn quân, mà ta chỉ đem theo một ngàn, lỡ quân kia lực lượng đông hơn ta tưởng, lại canh phòng cẩn mật thì sao. Nếu đánh không thắng, sẽ làm mất mặt quân triều đình. Nhưng vạn nhất mà thua, nếu ta không mất đầu cũng mất ngôi thái tử.

- Tâu, theo thần một ngàn quân kể cũng hơi nhiều. Nếu thái tử còn băn khoăn, thần xin làm tờ quân lệnh để cam kết.

Ngô Tuấn loay hoay cựa cựa như muốn nói. Thái tử bèn giục:

- Kỵ mã đô úy có cao kiến gì khác.

- Thần xin được dẫn đầu đội kỵ mã đánh vào sào

huyết giặc. Thần cũng xin làm tờ quân lệnh.

- Cả hai người đều ý hợp tâm đồng, đều làm tờ quân lệnh, cam kết lấy sinh mệnh ra bảo đảm. Ta còn biết nói gì hơn nữa.

Vậy ta sắp đặt như sau: - Ky mã đô úy lĩnh kỵ đội một đô quân. Kỵ đội này chính là đạo tiền quân do Ky mã đô úy Ngô Tuấn chỉ huy. Phụ theo kỵ đội là hai đô quân cung thủ, giáo mác. Việc hiệp đồng thế nào do Ky mã đô úy sai khiến.

Ta giữ trung quân gồm ba đô thiên thuộc. Ta sẽ tiếp ứng cho tiền quân hoặc hậu quân là tùy thuộc vào diễn biến của mặt trận.

Thái úy nắm giữ hậu quân gồm bốn đô quân bộ, hai đô quân tiếp lương. Tiền, hậu, trung quân phải luôn thông tin tức và ứng cứu cho nhau. Ta tạm sắp đặt như vậy. Thái úy là người lớn tuổi lại quen thạo việc binh, đánh dẹp nhiều lần, tuy chỉ giữ ấn Phó đô đại nguyên súy, nhưng phụ vương ta đặt niềm tin vào thái úy.

- Thái tử sắp đặt như thế là hợp lý. Điều thân bản khoản nhất là kỵ đội. Sự thành bại của trận đánh này nằm trong tay người đứng đầu kỵ đội. Nếu để Nùng Trí Cao chạy thoát, trận đánh trở nên không có ý nghĩa. Nếu để Nùng Trí Cao bị chết trong lúc giao tranh, trận đánh mới chỉ thành công một nửa. Chỉ có bắt sống Nùng

Trí Cao, dập dổ sơn trại, tha những người theo nó, cho họ trở về quê quán làm ăn, lập lại sự yên bình cho dân chúng, như thế mới được coi là thắng lợi hoàn toàn. Tuy vậy, thần vẫn còn một bản khoãn.

- Thái úy cứ nói thẳng ra.

- Như thần đã nói, sứ mạng của kỵ đội là linh hồn của trận đánh. Không thể nói là thần không tin vào kỵ mã đô úy. Nhưng so giữa thần với Ngô tướng quân, thần từng trải trận mạc hơn, thần lại là phó đô đại nguyên súy, thế mà việc lớn lại trao vào tay vị tướng trẻ. Đây là chỗ thần chưa thật sự yên tâm.

Thái tử hết nhìn Thái úy lại nhìn Ngô Tuấn, thật lòng chàng cũng thấy bản khoãn như điều thái úy vừa nói. Chợt nhớ lời phụ vương thường răn dạy, thái tử bèn nói:

- Trong một trận đánh mà từ tướng đến quân, ai cũng quên mình, lăn xả vào nơi hiểm nguy nhất, biểu thị trận đánh ấy xuất phát vì nghĩa chứ không phải vì lợi. Đánh nhau như thế, trăm trận trăm thắng. Trong một trận đánh mà người tướng chỉ huy xông vào chỗ nước lửa gian nguy nhất, thì đó là một hành vi thân giáo, ắt sẽ kích thích được lòng quả cảm của mọi người, và đó là biểu lộ ý chí muôn người như một. Một đội quân như thế, là một đội quân bách chiến bách thắng.

Ta đang có trong tay những vị tướng và những binh sĩ như vậy. May thay!

Song phải có một trong hai người nắm giữ kỵ đội, đánh vào hang ổ giặc. Hay là để ta cùng Ngô tướng quân cùng trong kỵ đội, còn Thái úy nắm giữ cả trung quân, cả hậu quân thay ta luôn thể. Được không?

Thái úy lắc đầu:

- Tâu, không thể được. Thái tử là linh hồn của trận đánh, phải có mặt ở trung quân để các tướng còn có chỗ mà xin ý chỉ. Nay thái tử lại bỏ trung quân đi lãnh nhiệm của một tướng tiên phong, đâu có hợp với phép cầm quân.

Giữa lúc thái tử và thái úy đang băn khoăn cân nhắc ai lãnh kỵ đội, Ngô Tuấn biết rõ mối quan tâm của thái úy, bèn nói:

- Tâu hoàng thái tử, kính bẩm Thái úy, Ngô Tuấn tôi xin được làm tỳ quân lệnh, cam kết nếu để Nàng Trí Cao chạy thoát, nếu sơ sẩy để kỵ đội không hoàn thành trách vụ, tôi xin chịu tội. Như Thái úy nói, việc ấy là của tướng tiên phong, tôi vừa trẻ, vừa quen thạo việc cung thủ, hà cứ gì tôi không được đảm đương công việc.

- Ngô Tuấn nói đúng đó, ta bằng lòng để Ngô Tuấn làm tướng tiên phong phá giặc Nàng. Còn cam kết

quân lệnh viết lúc này là cần lắm. Bởi nó nhằm đề cao tính kỷ cương cho binh sĩ noi theo.

Thấy thái tử nghiêm lệnh, Thái úy bèn thưa:

- Thần tuân chỉ.

Ngày Nhâm ngọ, giờ tuất tháng trọng đông, quân bộ xuống thuyền nhằm hướng Quảng Nguyên xuất phát. Còn quân kỵ chia thành từng tốp, từ năm đến mười kỵ sĩ, đi ven rừng đóng giả quân tuần thám, tốp nọ cách tốp kia chừng nửa dặm đường; tới các lối rẽ phải có dấu hiệu báo hiệu cho tốp đi sau để không bị lạc nhau. Ngày át dậu, giờ sửu quân đã đổ hết lên bến, còn quân kỵ đã về nơi đồn trú trước một ngày. Quân bộ đã ăn uống no đủ từ dưới thuyền, khi lên bờ chia thành từng đò, đi theo từng mũi tiến quân có thám báo người địa phương dẫn đầu và đoạn hậu. Trong khi đó, Ngô Tuấn đã có cả một ngày lên sa bàn nơi sào huyệt của Nùng Trí Cao, đường đi lối lại, các nơi suối, sông, rừng rậm, hang hốc mà Trí Cao có thể lẫn trốn khi bị vây hãm. Lại có cả một buổi tối, thám báo địa phương dẫn Ngô Tuấn và tùy tùng đi thực địa theo địa hình tiến quân.

Lại nói quan địa phương được khẩu dụ của Khai Hoàng vương, phải phao tin đại quân triều đình đang rầm rập tiến về Quảng Nguyên, để ra uy sách sét. Tin đồn thổi nhanh hơn người ta tưởng. Mẹ con Nùng Trí Cao bèn họp tá hữu trấn an. Lúc đầu Á Nùng còn cao

giọng nói cứng: «Hai năm trước vì Chiêu Thánh<sup>1</sup> hoàng đế cùng Nam Nha<sup>2</sup> vương bị quân triều đình tiến đánh bất ngờ nên quân ta lâm vào thế thất lợi. Nay ta đã biết trước, phòng bị đầy đủ, quân triều đình lên đây, ta sẽ không cho một tên nào chạy thoát. Các tướng cứ lo việc khao quân đi là vừa».

Nùng Trí Cao mặc long bào, đội mũ xung thiên, tay vung bảo kiếm sáng lóa chém lên không, hét to: «Ba quân, nghe lệnh ta! Các ngươi hãy mở mắt ra mà xem, ta sẽ chém quân triều đình như chém chuối». Nói xong, Cao lại chém thanh bảo kiếm vào không khí, rồi múa một vòng quanh đầu, trước khi tra nó vào chiếc bao mạ vàng đeo lưng lẳng bên sườn phía tả.

Ấy là tinh thần của mẹ con Nùng Trí Cao mới nghe tin đồn ngày thứ nhất. Nhưng tin đồn cứ âm ỉ trong quân và cả trong dân, mỗi ngày một đồn dập hơn. Tới sẩm chiều ngày thứ hai, trong quân đã lác đác có kẻ bỏ trốn. Và qua đêm thứ hai, tới sáng ngày thứ ba Nùng Trí Cao cho điểm quân và họp tá hữu, đã thấy số quân chỉ còn một nửa, tá hữu cũng có vài người đem theo vợ con trốn đi từ nửa đêm.

Thấy tình thế nguy ngập, Nùng Trí Cao hạ lệnh

---

1, 2 Đây là các chức mà cha con Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Thông tiếm xưng.

đóng bốn cửa thành, kẻ nào tự ý ra khỏi thành mà không có hóa bài, lính bắt được chém ngay không cần râu tóc. Lại cho quân canh nghiêm cẩn, tuần tra suốt ngày đêm trên mặt thành.

Ấy là Trí Cao nói cứng thế thôi, và canh giữ cũng chỉ là tự trấn an, chứ lòng quân đã xuống lắm rồi. Mẹ con Ả Nùng đã bàn nhau kế thoát thân khéo như lần trước Nùng Tồn Phúc, Nùng Trí Thông vì không lượng sức nên hai cha con đều mất mạng.

Ả Nùng hỏi con:

- Người định thế nào? Đánh lại quân triều đình hay là chạy trốn.

- Quân dâu mà đánh, chúng nó bỏ trốn quá nửa rồi. Nùng Trí Cao trả lời mẹ một cách uể oải.

- Thế thì mẹ con mình trốn đi thôi, còn chờ quân triều đình đến trời à?

- Là Minh Đức hoàng hậu, bà nói thế mà không biết gương à. Giặc chưa đến đã định dâng thành, nộp mạng sao.

Ả Nùng nghĩ tình thế không thể nấn ná, và cũng chẳng trông cậy gì ở thằng con bất trị này, mẹ lẳng lặng về dinh rồi luôn đường hầm qua thành bỏ trốn. Chẳng may cho mẹ, tướng Ngô Tuấn đã cho quân phục nên bắt gọn Ả Nùng cùng mấy kẻ tùy tùng.

Lại nói đại quân sau khi đổ bộ lên bến nghỉ ngơi



và chinh bị hàng ngũ, một khắc canh giờ sau Thái úy ra lệnh công thành. Pháo nổ ran từ bốn cổng thành, trống thúc, chiêng khua, quân reo như long trời lở đất. Trời bừng sáng từ hàng ngàn ngọn đuốc cùng lúc bật lên. Trong khi đó Ngô Tuấn đã cho quân luồn qua đường hầm vào hết trong thành, bao vây kín dinh của Trí Cao. Khi bên ngoài bật hồng thì bên trong quân đã bắt gọn Nùng Trí Cao và liêu thuộc. Lập tức sai quân phóng hỏa đốt trung quân của Trí Cao.

Thấy lửa cháy từ trung tâm, quân Trí Cao rối loạn tụt vào một góc thành, tướng Ngô Tuấn sai Trí Cao kêu gọi quân chúng đầu hàng. Quân ta lập tức ra mở cổng thành, đón đại quân vào.

Trận đánh nhanh gọn, quân triều đình không có tổn thương gì. Phía Nùng Trí Cao có vài chục người bị sây xước, do sợ hãi chạy vấp ngã, hoặc bị rào gai tre cào rách áo quần, rách da, rách mặt.

Giải giáp khí giới đám hàng binh xong, Thái úy Quách Thịnh Dật bắt chúng tạ ơn Khai Hoàng vương. Tất thấy đám tàn quân còn chưa hết sợ hãi khấn dẫu:

- Tạ ơn Khai Hoàng vương tha mạng sống!
- Tạ ơn Khai Hoàng vương tha mạng sống!

Khai Hoàng vương chỉ gật đầu, vẫy tay cho phép đám hàng binh ngồi xuống. Rồi ghé tai thái úy nói nhỏ: «Ông thay mặt triều đình úy lạo họ, khuyến dụ cho họ

trở về quê quán làm ăn lương thiện. Cấp tiền, cấp gạo cho họ ăn đường».

Thái úy phủ dụ đám hàng binh xong, sai viên quản nhiệm quân lương, tạm trích tiền và lương của quân triều đình cho họ, rồi thả hết cho về quê quán. Lại dặn kỹ, không được đại dột nghe theo những người nổi loạn chống lại triều đình, có ngày mất mạng.

Mọi người rối rít lạy tạ, rồi lĩnh tiền lĩnh gạo, loáng cái họ đã tản đi hết.

Viên châu mục châu Thất Nguyên do phối hợp với quân triều đình rất là đắc dụng, từ việc phao tin đồn vào thành, tìm người nhà của các thuộc hạ và binh lính của Nùng Trí Cao nói kín nói hở cho họ biết, triều đình sẽ cử đại binh đến tiêu diệt mẹ con Á Nùng. Vì thế họ mới vào thành rí tai đám quân sĩ là người nhà của mình nên tìm đường thoát thân. Rồi mỗi người lính, mỗi thuộc cấp của Nùng Trí Cao lại rí tai một người bà con hoặc một người bạn thân khác. Vì thế, trong quân của Trí Cao mau chóng trở nên rối loạn. Cho tới khi quân triều đình áp sát, thì hàng ngũ của Nùng Trí Cao thực chất đã tan vỡ.

Làm xong các việc, ba ngày sau quân triều đình rút về kinh sư báo tiệp.

## XXVIII

Cờ xí cắm khắp hoàng thành, xung quanh điện Thiên An và rợp cả sân Long Trì. Khung cảnh đó lại thêm tiếng trống điểm, tiếng chuông ngân khiến kinh thành có không khí của ngày hội.

Khai Hoàng vương trong nhung phục đại nguyên soái, mặt tươi như hoa bước lên thềm điện, một bên là Thái úy Quách Thịnh Dật, Phó đô đại nguyên soái, bên kia là Ky mã đô úy Ngô Tuấn lãnh ấn tiên phong ban sư về triều kiến nhà vua. Họ đi trong tiếng hò reo của quân cấm vệ, và sự tung hô của hai ban văn võ.

Theo sau ba vị tướng quân là hai xe tù. Xe đi trước chở Nùng Trí Cao, xe đi sau chở Á Nùng là mẹ đẻ của Trí Cao.

Á Nùng chính là vợ của Nùng Tồn Phúc từng tiến xưng vị hiệu là Chiêu thánh hoàng đế, lập vợ là Á Nùng làm Minh Đức hoàng hậu, con trai cả là Nùng Trí Thông

làm Nam nha vương, chiếm cứ châu Quảng Nguyên để lập nước Trường Sinh, khiến vua Thái tông phải bực giận thân chinh vào mùa xuân năm Kỷ mao, bắt cha con Nùng Tôn Phúc và liêu thuộc về kinh sư trị tội cả thấy năm tên. Lần ấy, Á Nùng và Nùng Trí Cao thừa cơ chạy thoát.

Trước long ngai vua cha, hoàng thái tử phủ phục cùng hai tướng dưới quyền:

“Chúng thần kính chúc hoàng thượng vạn an!”

Nhà vua cho bình thân. Kế đó thái úy tâu báo về chiến thắng và dâng hai xe tù.

Thái tông ban lời an ủi và hứa sẽ trọng thưởng. Liếc nhìn hai mẹ con Nùng Trí Cao, nhà vua thoáng nảy ra một ý nghĩ mà cách đây tới chục năm, có lần thiền lão thiền sư đã gợi mở, Thái tông liền bước xuống thêm rồng, tự tay mở xe tù, sai lấy ghế cho mẹ con Nùng Trí Cao an tọa trước sự kính ngạc của hết cả triều quan.

Ngay mẹ con Nùng Trí Cao cũng bối rối. Định thần một lát, Á Nùng bèn quỳ lạy:

- Họ Nùng nhiều phen nghịch mệnh, hoàng thượng nếu tha chết cho đã là may lắm rồi, có công lao gì mà dám ngồi ghế sánh ngang với các đại quan của triều đình. Nói xong, hai mẹ con Á Nùng nhìn nhau rồi ngồi thụp xuống thêm diện.

Vua Thái tông lại bước lên ngự long ngai, nhìn hai mẹ con Á Nùng ngài phán:

- Ta thương tình các người mẹ góa con cô. Đúng là họ Nùng đã bao phen nghịch mệnh làm triều đình nhọc sức, tội ấy đáng xử tru di. Thương tình dòng giống chỉ còn có một thằng bé kia (vừa nói vua vừa trở vào Nùng Trí Cao) ta chưa nỡ dứt. Tạm cho về nhà tân khách nghỉ ngơi, án tội sẽ nghị xét sau. Quan Khu mật chánh chưởng Mai Mạnh Minh thu xếp cho mẹ con họ Nùng có chỗ ăn ở, bắt y phải khai báo trung thực.

Quân dẫn mẹ con Á Nùng ra khỏi sân triều, các quan xúm vào can. Thoạt đầu là thái úy Quách Thịnh Dật, người vừa đi đánh dẹp Nùng Trí Cao về, ông nói:

- Muôn tâu, bệ hạ có lòng bao dung như trời biển, điều đó dân nước không ai là không biết. Nhưng họ Nùng nổi đời ăn lộc nước mà hết cha đến con nó đều ly khai triều đình, chiếm đất lập quốc, tiếm hiệu xưng vương, khiến bệ hạ phải nhọc sức thân chinh, bắt được cha con Tôn Phúc về trị tội. Nay thằng nhãi ranh Trí Cao lại học thói phản phúc của cha nó mới cách đây vài ba năm, y cũng chiếm đất của bệ hạ lập riêng nước Đại Lịch. Cha con chúng chúng nào tạt ấy, bệ hạ phải sai Khai Hoàng vương thân chinh, nhọc lòng hoàng thái tử và biết bao công sức của sĩ tốt mới phá được giặc Nùng, bắt mẹ con y về triều trị tội. Xin bệ hạ hãy xử mẹ con

Nùng Trí Cao vào tử tội như cha, anh nó cách đây ba năm đã bị bêu đầu.

Thái úy Quách Thịnh Dật vừa lui về chỗ, thì quan Tả tham tri chính sự Lý Mật liền xuất ban, ông vái nhà vua hai vái rồi tâu:

- Thánh thượng anh minh nhìn xa thấy rộng, có thể chúng thần nhân giới hạn hẹp, nên không hiểu nổi cao ý của bậc thánh minh. Nhưng theo thiên ý của thần, nếu bệ hạ tha cho Nùng Trí Cao về lại đất Quảng Nguyên, là thả hổ về rừng, nuôi mầm hậu họa. Xin thánh thượng nghĩ lại.

Lý Mật vừa ngừng lời thì Hữu gián nghị đại phu Đỗ Sấm liền xuất ban tâu:

- Thánh thượng là bậc cao minh, chúng thần không dám nhiều lời. Nhưng sao việc này thần thấy lương tâm mách bảo, nếu không cố can thánh thượng, thần sẽ mang tội vô cảm; nếu can thánh thượng quá lời, thần sợ mắc tội hước ngạo.

Dám thưa, từ xưa các bậc thánh minh cứ ngồi một chỗ mà bốn phương yên định. Vì sao vậy? Ấy bởi ân, uy ban ra vừa đủ, gần xa đều được hưởng ơn mưa móc. Thế nhưng vì sao từ khi lên ngôi, hoàng thượng cứ hai năm một lần phải thân chinh đi dẹp giặc. Năm Mậu Thìn vừa lên ngôi đã phải dẹp loạn Tam vương, sau

đó lại đánh Khai Quốc vương tại động Hoa Lư. Kế đó, năm Kỷ tị (1029) đánh giáp Dân Nãi. Năm Tân mùi (1031) đánh Châu Ái. Năm Đinh sửu (1037) đánh đạo Lâm Tây. Năm Kỷ Mão (1039) đánh Nùng Tồn Phúc... Trong lịch sử đất nước này, không một vị hoàng đế nào võ công chói lọi như bệ hạ. Tự biết sắp tâu báo những điều trái tai, khiến nhà vua có thể nổi nóng, quan hữu gián nghị vừa lấy lại sự bình tâm, cũng tức là lấy lại can đảm nữa. Ông vừa nhìn các bạn đồng liêu xem họ có đồng tình với mình không, lại vừa nhìn gương mặt vị chủ tế xem người ấy còn đủ kiên nhẫn để nghe lời can gián thẳng ngay, hay bề trên sắp sai thị vệ tống cổ mình ra, hoặc ngài sắp tuốt gươm ra. Thấy mọi sự đang về yên bình, Đỗ Sấm lại tiếp - Hoàng thượng nên thay đổi chính sách cai trị thì dân được nhờ mà người cũng bớt nhọc sức hơn. Làm thế nào không đẹp mà yên, không trị mà bình. Mới đây bệ hạ ban bố luật hình, việc xử kiện đã trở nên tiện ích. Người dân đỡ bị quan lại bức bách một cách tùy tiện, vô lối. Họ như được nhà vua trao cho một cái gậy phòng thân. Như vậy, bệ hạ đã cho dân cái mà bệ hạ không mất, nhưng dân nước lại vì thế mà phấn chấn, tự tin, yên tâm lao vào các công việc làm ăn, của cải do đấy sung túc. Dân có cơ hội làm giàu, nhà nước cũng thu được nhiều thuế hơn, có tiền để mở mang nhiều mặt cho đất nước. Chỉ một đạo luật của bệ

hạ nhằm giải tỏa sự buộc trói người dân, mà đất nước đi vào con đường sáng<sup>1</sup>, thử hỏi có đội quân nào của bệ hạ có sức mạnh được như vậy. Xin bệ hạ cho khởi động toàn thể bộ máy, tìm cho bằng được các phương lược đánh vào lòng dân, hơn là bệ hạ tự cầm quân đánh dẹp. Còn như việc giết hay tha mẹ con Nùng Trí Cao, chưa hẳn là việc lớn. Tuy nhiên, nếu họ Nùng là nguồn gốc của sự bất ổn trên vùng nghịch địa Quảng Nguyên, thì bệ hạ nên dứt bỏ.

Nói xong Đỗ Sấm vội vái nhà vua hai vái rồi lui về chỗ, ông rụt cổ so vai như thể tránh một lưỡi kiếm vô hình.

Lạ thay, nhà vua vẫn bình thán lắng nghe. Ngài còn đưa mắt dò tìm xem có còn ai muốn nói. Thấy Ngô Tuấn, một tướng trẻ mới ban sớ ngồi chếch phía sau Khai Hoàng vương, đang nhấp nhồm. Vua bèn gọi:

- Ta nghe như kỵ mã đô úy Ngô Tuấn đang có ý gì muốn tâu báo phải chăng ? Người cứ mạnh dạn nói lên ý nghĩ của mình đi, ta không bắt bẻ đúng sai đâu mà sợ.

Khai Hoàng vương quay lại hích vào vai Ngô Tuấn

---

<sup>1</sup> Ý của gián quan muốn nói khi hình luật ban ra hợp lòng người, được dân tin, triều đình cải niên hiệu thành Minh Đạo, tức là con đường sáng. Đây là một lối chơi chữ của người xưa.



khích lệ: - “Người cứ nói đi, có gì mà sợ”.

Ngô Tuấn bèn lên đứng dậy, có nhẽ cả triều thần không ai non tuổi như chàng và Khai Hoàng vương. Khai Hoàng vương năm nay vừa tròn mười chín tuổi, Ngô Tuấn thì bước vào tuổi hai mươi ba.

Không phải Ngô Tuấn sợ không dám nói, mà chàng ngượng bởi mình còn quá trẻ, công lao, chức tước chẳng có gì, liệu có ai quan tâm đến điều mình nói, hay các bậc bề trên lại chê là nói leo. Nhưng được hoàng thượng cổ vũ, lại Khai Hoàng vương cũng muốn ta nói. Vậy thì ta cũng thử liệu xem sao. Nghĩ vậy, Ngô Tuấn bèn quỳ xuống lễ nhà vua hai lễ, rồi nói:

- Muôn tâu hoàng thượng, thần chỉ muốn nói bắt được mẹ con Nùng Trí Cao vất vả lắm ạ. Nếu không cơ mưu, sẽ bị chúng đánh lại khốc liệt lắm. Nếu không cơ mưu, hẳn là chúng dễ đào tẩu lắm ạ. Bệ hạ anh minh sao không xét hành vi của cha con Nùng Trí Cao. Dòng giống này vừa tàn bạo vừa tráo trở. Như Nùng Tôn Phúc, y vừa liên thủ với em ruột và em vợ để chống lại triều đình, thoát cái y đã trở mặt giết cả em ruột, em vợ, đoạt toàn bộ giang san cơ nghiệp, lập nước riêng chống lại triều đình. Tới khi bệ hạ phải thân chinh mới bắt được cha con y về trị tội. Nay lại đến lượt Trí Cao lao theo lối hành xử của người cha phản phúc. Bệ hạ là người từng trải, rành về nhân tướng, sao không nhìn kỹ

gương mặt y một chút. Mặt y phèn phẹt như một bia bánh đúc, lại lé một bên mắt, như là một thằng chột. Mũi y khoằm như mỏ diều hâu. Sống mũi y gồ lên lại có một vết cắt ngang tự nhiên như gãy làm hai đoạn. Tướng ấy là lửa thầy phản bạn. Mặt ấy là mặt ác, nó dám giết hại đồng loại lắm, xin bệ hạ hãy canh chừng. Thần còn nhớ thuở nhỏ, mẹ thần thường răn: "Lớn lên con nhớ - không chơi với thằng lé, không ghé nhà thằng lùn. Bọn ấy phản phúc, ti tiện".

Ngô Tuấn nói đến đây thì mọi người đều cười ồ lên. Vua Thái tông cũng không nén được tiếng cười. Ngô Tuấn ngơ ngác không hiểu các bậc bề trên cười gì.

Vua lại giục:

- Kỵ mã dò úy còn điều gì muốn nói nữa không?-  
Nhà vua nhìn Ngô Tuấn với vẻ độ lượng.

- Dạ, muôn tâu, thần chỉ muốn thánh thượng giết phăng Nùng Trí Cao để trừ hậu họa.

Khi không còn ai muốn nói điều gì nữa, vua Thái tông lại cảm thấy băn khoăn. Các quan ai cũng muốn giết mẹ con Nùng Trí Cao để đoạn diệt cái nòi phản phúc, trừ hậu họa. Không có một lời nào bênh che cho nó, mặc dù ta đã nói là "không muốn dứt". Điều đó có nghĩa rằng tội ác của cha con nó lớn lắm. Thật lòng ta cũng không muốn giữ cái giống phản phúc ấy lại làm

gì. Song ta muốn dùng y vào một thế cờ lớn. Cái mặt lì lợm ấy của nó có thể làm được mọi thứ, ngoại trừ những điều nhân nghĩa. Ta biết dùng loại người này như dùng dao hai lưỡi. Tiếc rằng các quan không hiểu được ý ta, không hiểu được lòng ta. Nếu ta phải nói huych toẹt ra thì sao còn gọi là mưu lược được. Dành lòng, nhà vua nói:

- Thâu tóm những điều các khanh vừa bày tỏ, ta hiểu tấm lòng của các khanh đối với quốc gia, dân tộc, và lấy sự an nguy của xã tắc làm trọng. Thế thì ta, với cương vị là người đứng đầu một quốc gia, một dân tộc, ta phải là người trước hết và trên hết có trách phận bảo tồn nó chứ. Ta cảm thông với lòng nhiệt thành của các khanh, nhưng các khanh cũng phải thấu hiểu cho ta. Các khanh chỉ xét có một châu Quảng Nguyên với một dòng giống họ Nùng, nhưng ta thì phải bao quát cả một quốc gia với biết bao châu quận, với cả trăm họ chứ riêng gì họ Nùng. Ấy là còn chưa bàn rộng đến các điều tế vi khác, ở cả trong nước cũng như ngoài nước. Các khanh chỉ biết mình phải có trách phận với vua, với triều đình; nhưng ta không chỉ có trách phận với hiện tại, mà còn lãnh nhiệm cả phần quá khứ và phần mai hậu nữa. Người nắm giữ quyền hành tối thượng của một quốc gia không được phép hồ đồ, không được phép tự biến mình thành một bạo chúa hay một kẻ khờ dại, một tên hề của

lịch sử. Vậy thời, các khanh hãy tin ở ta. Lý Phật Mã này chỉ có một sở nguyện, một tâm nguyện cao nhất là làm cho quốc gia trở nên yên thịnh, hùng cường.

Cả triều hội im phăng phắc, dường như ai nấy đều thấu hiểu lời bộc bạch của nhà vua. Có người còn hối bởi đã quá lời khi dò hỏi nhà vua phải cứng rắn với đám dân man phản loạn. Thậm chí có người còn chê nhà vua ham đánh dẹp.

Ngưng lời một lát, Thái tông lại tiếp:

- Ngay một tướng trẻ như ky mã đô úy Ngô Tuấn cũng có ý chê ta. Ta biết trong việc bắt gọn mẹ con Nùng Trí Cao về dâng nộp, công đầu thuộc về Ngô Tuấn. Trong một trận đánh dẹp toàn thắng mà quân ta không thiệt hại gì, mưu kế ấy là do Khai Hoàng vương cùng Quách Thái úy bày xếp, nhưng Ngô Tuấn cũng có dự bàn, có mưu tham góp. Ta biết Ngô Tuấn từ khi mới sinh, lại biết lai lịch dòng dõi, vì thế ta cho kết thân với hoàng thái tử từ nhỏ. Biết Tuấn ham học, có tài nên ta bằng lòng cho Khai Hoàng vương thu nhận Tuấn làm thuộc hạ tại cung Long Đức. Qua mấy trận Ngô Tuấn được theo hầu, đã hé lộ một tương lai sán lạn của viên tướng trẻ này. Cũng chứng tỏ Khai Hoàng vương, tuổi tuy nhỏ nhưng đã biết cách dùng người. Tuy vậy, ta không thể không dự báo Ngô Tuấn, phải biết giữ lễ, phải biết khiêm nhường hơn nữa thì mới thành tài được.

Còn như những lời cáo buộc của quan hữu gián nghị đại phu Đỗ Sấm rằng ta ham mãi sự đánh dẹp. Nhời cảnh báo của Đỗ Sấm là chính đáng. Nhân đây ta có ý định khen tặng khanh tước hai tư vì lòng dũng cảm. Bởi nếu không có lòng dũng, không dám nói những lời thẳng thắn như vậy trước mặt ta. Tuy nhiên, ta không thể không nói đề các khanh hiểu. Trước hết ta đâu phải một tướng võ biên, ham mãi lập công, tranh công của người dưới. Thử hỏi, ta còn lập công với ai, tranh công với ai nữa. Binh là việc hiểm, nhẽ ra ta nên tránh. Nhưng nếu quốc chủ là một kẻ nhất gan, chỉ ham hưởng lạc thì tướng sĩ dưới quyền có còn nuôi chí nơi biên thùy, nơi đầu sóng ngọn gió, nơi mũi tên hòn đạn? Do vậy, ta phải làm cái việc thân giáo. Tức là đem cái thân ta ra để giáo dục mọi người. Thử hỏi trong một nước, người đứng đầu mà không có đạo hạnh, không có lòng nhân, trí, dũng thì người dân còn biết trông cậy vào ai.

Tại sao ta phải thân chinh. Không chỉ có một việc đi đánh, đi giết những kẻ nổi loạn. Nếu thế thì không bao giờ hết loạn. Quân triều đình vừa rút đi, quân phiến loạn lập tức quay lại ngay. Sở dĩ ta phải thân chinh còn vì lẽ, cần phải xem xét vì sao dân nổi loạn. Trước hết phải xem có phải chính sách cai trị của quan lại địa phương hà khắc không. Có phải chính sách tô thuế của triều đình nặng quá sức dân không. Ví như năm Kỷ tị

(1029) giáp Đăn Nãi làm phản. Ta đem quân vào trừng phạt. Nhưng hỏi kỹ người dân mới biết, hạn hán mấy vụ liền, dân đói mà quan lại vẫn cứ bắt dân phải nộp tô, đóng thuế, vẫn phải phu phen tạp dịch. Thế là cùng tắc biến. Dân nổi lên chống lại. Thấy vì xua quân đánh giết người dân nổi loạn, ta lệnh tha tô thuế ba năm liền, lại xá tô thuế các năm mất mùa. Ta chẩn cấp lúa gạo cho dân. Binh lính hợp lực với dân đào kênh Đăn Nãi lấy nước sông Mã vào tưới ruộng đồng, từ đấy không bị nạn hạn hán mất mùa nữa. Cũng từ ấy tới nay, các khanh có còn nghe thấy người dân Đăn Nãi Châu Ái làm phản nữa không?

Vậy đó, nếu không phải ta thân chinh thì sự thế sẽ là như thế nào. Nếu các tướng đi, thấy loạn là dẹp mà không xem xét tới duyên cớ, tức là ta phạm tội giết hại dân lành. Cho nên, ta khuyến cáo, nếu bộ máy công quyền của ta mà không vì dân, thời đó lại chính là nguồn gốc của mọi sự rối loạn trong xã hội, nó chính là nguồn gốc của tội ác không thể biện minh được.

Còn chuyện người man trên các vùng biên viễn, ta cũng phải thân chinh, ở đây có điều các khanh chỉ lo cho ta nhọc sức, mà chưa nghĩ tới các mưu toan của Tống triều. Phần nhiều trong các khanh đây chắc biết cuộc chiến năm Giáp dần (1014), Thái tổ ta phải đương đầu với hai chục vạn quân man Tống do Dương Trường

Huệ, Đoàn Kinh Chí cầm đầu vào xâm lược nước ta. Mặc nhiên Tống Chân tông giấu mặt phía sau bọn này. Thử hỏi, nếu tiên đế lơ là việc binh, thì liệu nước ta còn hay mất? Do vậy, ta phải thân chinh để tận mắt thấy được đâu là người man nổi loạn, đâu là quốc sách gây rối của Tống Nhân tông để có đối sách hữu hiệu. Các khanh nên nhớ nằm lòng điều ta đã soi tìm kỹ lưỡng từ trong lịch sử mấy ngàn năm tới tận bây giờ, và coi chừng mãi mãi về sau cũng không có gì thay đổi, rằng các triều đại Trung Hoa, luôn tạo ra cái thế Trung Hoa đại trị, thiên hạ đại loạn. Và lợi dụng điều đó, họ đã mở rộng biên địa về mọi phía gần như vô giới hạn. Ngay nước ta, hiện còn nhiều châu, động, sách đang bị họ chiếm giữ. Bằng cách này hay cách khác, nhất định ta phải đòi lại. Tiên đế đã nhiều lần dụ bảo, một tấc đất của tổ tiên cũng không được để lọt vào tay ngoại bang. Kẻ nào nhu nhược nơi biên thùý để mất đất, kẻ nào vì ngu tối trong thuật bang giao để mất đất, kẻ nào tham phú quý, lạm dụng quyền lực câu kết nhau, tư thông với giặc nhập hàng giớí móc, để giặc vô cơ lấy được đất ta, thấy đều là những kẻ phản quốc. Phải xử chúng theo tội phản quốc. Sử sách phải lưu tên tuổi chúng lại để con cháu đời đời nguyên rủa.

Triều thần im lặng lắng nghe lời cảnh tỉnh của nhà vua, mà cảm như lời non nước, như hồn thiêng sông núi

nhắc nhở mọi người, phải có bốn phận gìn giữ và bồi đắp cho từng tấc đất của non sông Việt tộc.

Tan châu, các triều thần đều cảm nhận được ngoài công việc thường hằng, từ nay gánh nặng sông núi đều trữu trên hai vai họ chứ không phải chỉ có biên quan, biên tướng, biên dân đảm trách như trước đây họ từng nghĩ.

Buổi tối, quan khu mật viện chánh chưởng Mai Mạnh Minh vào châu tại điện Nhật Quang. Trong hoàng cung có rất nhiều cung điện. Điện nào, cung nào cũng huy hoàng rực rỡ, kẻ hầu người hạ cùng các đồ ăn uống vào hàng thượng phẩm không thiếu một thứ gì. Nhà vua cũng không ở nhất định một nơi nào. Kể cả các cung nữ được gọi tới hầu hạ chần gối cũng chỉ được báo lúc sớm chiều để soạn sửa. Còn đi hầu vào lúc nào, tại cung nào, điện nào cũng không được biết. Khi đi, có thái giám tới triệu và cấm vệ quân kèm dẫn.

Thật ra chỗ ở qua đêm của nhà vua chỉ có ba nơi được biết. Đó là Đô thái giám, Đô tổng quản quân cấm vệ, và Khu mật viện chánh chưởng.

Tòa đại sảnh đèn thấp sáng choang. Phía đầu nhà kê một long án bằng gỗ mun đen bóng, vân gỗ nổi màu sáng, nom mặt án long lạnh như được khảm bằng một thứ kim khí quý. Chiếc long ý cũng bằng gỗ mun nhưng được phủ bởi một tấm gấm màu đỏ tía. Trên án thư có ống bút cấm tới cả chục cây bút lông đủ cỡ. Một nghiên



mực, một nghiên son đã mài sẵn. Trên bàn chất hai xấp giấy. Xấp bên trái gồm những sớ, biểu, tấu, cáo còn bao kín từ các nơi gửi về. Bên phải là các bản đã đọc hoặc đã châu phê của hoàng thượng.

Gian giữa tòa đại sảnh kê một bộ tràng kỷ đóng bằng tre dằng ngà và trúc Yên Tử. Quan Khu mật viện đang đứng ngó lơ giữa đại sảnh thì nhà vua từ phía hậu cung qua cửa tò vò tiến ra, liền hỏi:

- Mai huynh chờ ta lâu chưa?

Mai Mạnh Minh toan quỳ lạy. Nhà vua đỡ lên nói như trách:

- Vẽ vờ nghi lễ, ta đã nói lễ nghĩa là ở nơi triều chính. Ta với huynh vừa là bằng hữu, vừa là huynh đệ, lại vừa là đồng môn, thế chưa đủ sao mà còn giữ lễ.

- Bệ hạ thương mà miễn lễ, nhưng phận bề tôi đâu dám lạm chút tình thân.

- Thôi được, mời huynh ngồi. Tối nay chỉ có ta với huynh bàn một chuyện cơ mật, không khách sáo.

Vua khẽ gõ chiếc vò nhỏ vào quả chuông đặt trên tràng kỷ. Trà nô bê trà ra và đặt chéo về hai góc hai chiếc lò sưởi. Xong đâu đó nhà vua đuổi hết những người hầu, kể cả quan nội hầu và quân cấm vệ ra khỏi tòa đại sảnh. Nước được một tuần, vua liền vào chuyện:

- Huynh nói chuyện với thằng man Nùng này thế nào?

- Thần hỏi nó tại sao lại dám chiếm đất của nhà vua lập vương quốc riêng?

Nó đáp:

- Vì nhà vua giết bố mình, giết anh mình, nên mình trả thù đấy.

- Thế người không thấy lực lượng của người chỉ có một dùm người, không bằng một phần lực lượng của cha người thì chống làm sao được với quân triều đình. Trong khi cha người còn không chống nổi.

- Tại triều đình đánh mình sớm quá, chứ một năm nữa là mình không thua đâu.

- Nhưng người đã thua, đã bị bắt, lại sắp bị chặt đầu như cha người. Có sợ không?

- Mình không thua. Đã đánh nhau đâu mà biết bên nào thua.

- Không thua sao người bị bắt ?

- Bị bắt là do quân triều đình lén chui vào hầm của mình, rồi xông lên bắt mình chớ đã có đánh nhau đâu.

- Người là một thằng khờ. Đó là tướng của triều đình dùng mưu, không cần đánh mà người bị bắt, bị thua. Vậy là chỉ có tướng giỏi mới có mưu lược như thần; người đàn độn như người sao hiểu được.

- Đã báo rồi mà, một năm nữa mình có nhiều quân, nhiều binh khí, lừa ngựa, quân triều đình không thắng

dược mình đâu.

- Ai hứa cho người binh khí, lừa ngựa ?

- Không ai cho đâu, mình đi mượn thôi.

- Mượn của ai ? Máy viên quan biên trấn của nhà Tống hứa với người thế nào ? Có phải họ xui người lập nước riêng rồi họ cho các thứ như người vừa nói không ?

- Không phải họ nói với mình. Họ nói với mẹ mình chứ.

- Thế biên quan của họ sang thương thảo hay họ mời mẹ người sang đất Tống ?

- Họ không sang đất mình. Mẹ mình cũng không sang đất Tống. Họ chỉ cho người sang nói thôi. Mẹ mình thích lắm, bảo mình phải làm sớm đi.

- Vì lẽ gì mà người thích làm chuyện phản loạn đó, không sợ triều đình đánh dẹp sao? Không sợ bị bắt, bị chém đầu sao?

- Mình có phản lại triều đình đâu. Có đem quân về Thăng Long đánh nhau với vua đâu. Mình chỉ thích lập nước riêng thôi. Mình thích làm vua thì mình mới lập nước chứ. Triều đình lập nước được, sao mình lại không được lập nước. Mình không chọc vua mà vua sai quân đến đánh mình. Vua sai rồi. Thả cho mình về làm vua đi.

- Người đứng là một kẻ ngu khờ, nghe bọn người Tống xui đại, làm một việc đại nghịch mà không biết. Cha người vì lòng tham, nghe người Tống xui làm phản nên bị tội chết. Triều đình vì thương cha con người, nên cho cai quản cả một vùng đất để ăn lộc tới mấy ngàn nhà, thế mà chưa thỏa lòng tham. Cha người đã bị chém bêu đầu, chắc nay mai người cũng được hưởng cái ân huệ đó.

Tâu hoàng thượng, nghe thần nói đến đây thì Nùng Trí Cao sợ tái mặt. Y xin triều đình đừng giết mẹ con y, rồi muốn sai bảo gì y cũng nghe chứ không nghe người Tống xúi giục nữa.

Thần vẫn để mẹ con y ở riêng không cho tiếp xúc, nhưng dặn phải chu cấp đầy đủ, cho ở trong lâu đài, không giam cầm, không tra khảo. Thần định ngày mai sẽ cho mẹ con y đi thăm thú kinh thành, đền đài, chùa quán, chợ búa. Nhưng chia làm hai đoàn. Dạ còn về phần Á Nùng, thần đã sai hai khu mật viện phó sứ đến vấn an và thăm vấn. Chắc ngày mai sẽ có tấu biểu trình bệ hạ.

Nhà vua nghe hết sức chăm chú những lời tâu báo cùng đối sách của Mạnh Minh với mẹ con họ Nùng, đoạn người lại hỏi:

- Có phải Nùng Trí Cao đã hai mươi lăm tuổi? Sao ta không thấy huynh nói, nó đã có vợ, con?

- Tâu, đúng là y hai lăm tuổi như hoàng thượng đã biết. Y có vợ và có hai con, nhưng vợ con y để tận nơi sơn động, đề phòng có biến không chạy kịp.

- Huynh có xem kỹ nhân tướng của Nùng Trí Cao có đúng như Ngô Tuấn nhận định không? Con người này có dùng vào việc gì được không?

- Tâu hoàng thượng, mọi nhận định của Ngô Tuấn về viên tướng man này là xác đáng. Y là kẻ phản phúc bất thường. Vì danh, vì lợi y dám bán cả lương tâm, không khác Nùng Tồn Phúc, cha hắn. Dám hỏi bệ hạ muốn dùng y vào việc gì ạ.

- Đây là việc đại cơ mật, việc lớn quốc gia. Ta chắc cả triều đình sẽ không biết dụng tâm của ta. Rồi đây sẽ nhao nhao phản bác ta. Riêng Mạnh Minh giữ việc cơ mật nên ta nói, nhưng phải giữ kín, nếu lộ việc này làm hỏng kế của ta, ắt ta không thể vị tình riêng mà châm chước được đâu.

- Dạ! Dạ thần dù có ba đầu cũng không dám làm điều gì hại đến nước.

- Ý ta là muốn dùng lại mẹ con Nùng Trí Cao. Ta nghe nội tình nước Tống đang rối. Các nước Liêu, Hạ trên phía Bắc, phía Tây đang làm cho Tống Nhân tông khốn đốn.

- Thần chưa rõ cao ý của bệ hạ.

- Ta sẽ vờ trả lại vùng đất cũ do cha con Trí Cao cai quản, cắt thêm cho nó ít châu động, phong cho nó thêm chức cao, lộc trọng.

- Để cho y yên không quấy phá nữa ?

- Không. Ta phải tiếp sức cho nó quấy phá.

- Nước Tống!

Thái tông phá lên cười : - Khá khen Mạnh Minh đoán đúng ý ta.

- Tâu, thế thì hoàng thượng nên ban cho Nùng Trí Cao thêm tất cả những châu động của ta hiện còn đang nằm trên đất Tống, do người Tàu chiếm giữ của ta từ đời Hán, Đường.

Nắm chặt tay Mạnh Minh, nhà vua cảm động ứa nước mắt : - Đúng là trời đem huynh đến cho ta, nên huynh biết hết cả gan ruột ta. Đây là cơ hội ngàn năm có một, để ta đòi lại các vùng đất mà các đời vua chúa Trung Hoa đã lấy mất của tổ tiên ta. Tuy nhiên, còn tùy lực ta mà tiến dần từng bước, không thể tham được. Trước hết ta đòi lại các vùng đất bị mất từ tay nhà Triệu Tống. Và nếu nước Tống quá yếu mà ta đủ mạnh, thì ta đòi thêm phần đất bị mất với nhà Đường. Đất đai mất về đời Hán, có nhẽ lại phải đợi thời.

- Tâu bệ hạ, giả dụ Nùng Trí Cao nhờ thời mà đạt vận, y đòi được các châu quận của nhà Tống, sáp vào

với các châu mà bệ hạ cho y cai quản, thì ai có thể ngăn y lại «lập quốc» riêng.

- Thì đúng thế. Ngay cả điều ấy ta cũng đã tính.

- Vậy là bệ hạ đứng trên danh nghĩa trừng trị một kẻ phản bội.

- Phải, ta trừng trị Nùng Trí Cao, tức là ta đánh kẻ phản bội để thống nhất giang sơn chứ ta đụng gì đến nhà Tống.

- Vừa không mang tiếng cất quân đánh Tống, vừa thu hồi được đất đai, một mũi tên trúng hai đích, bệ hạ là bậc siêu mưu thuật. Ngần ngừng một lát, Mai Mạnh Minh lại hỏi:

- Tâu bệ hạ, nhưng nếu điều xấu nhất xảy ra?

- Có nghĩa rằng Nùng Trí Cao bị thôn tính trở lại. Toàn bộ phần đất y mới thu hồi và đất ta cho y cai quản đều lọt vào tay nhà Tống. Có phải Mạnh huynh muốn hỏi điều đó?

- Tâu, đúng như vậy.

- Nếu điều xấu nhất xảy ra, coi như ta tạm thời chưa thu hồi được phần đất người Tống đã chiếm hữu. Còn phần đất của ta mà người Tống mới chiếm từ tay Nùng Trí Cao ta phải đòi lại ngay lập tức. Phải quyết liệt, không trì hoãn. Nhà Tống không dám gây chiến với ta trong tình cảnh nước họ đang suy sụp, nát rối.

Mạnh huynh nghe đây, ngày mai ta sẽ đến úy lạo hai mẹ con Ả Nùng, rồi cho đi thăm đội cấm binh, đội kỵ binh, đội tượng binh. Sau đó huynh cùng thái úy Quách Thịnh Dật dẫn mẹ con y ra cảng Vân Đồn, cho xem đội hải binh của ta cùng các khu quân cảng, thương cảng để mẹ con y biết sức mạnh của triều đình mà kính sợ.

Ta sẽ bàn với huynh một số điều để huynh thay mặt triều đình tuyên cáo cho mẹ con y biết. Nhưng phải căn dặn mẹ con y giữ kín miệng mồm, kéo hở ra, người Tống đi trước một bước, thì mẹ con y hết đường sống. Huynh nên nhớ, nếu Nùng Trí Cao chỉ là kẻ tráo trở, phản phúc, thì Ả Nùng, mẹ y là mẹ đàn bà gian hiểm, mưu lược đấy.

Sau khi được đi thăm thú một số nơi và thăm các đoàn quân tinh nhuệ của triều đình, mẹ con Nùng Trí Cao khác nào như éch ngồi đáy giếng, ché trời là nhỏ hẹp, nay đã nhảy lên miệng giếng, nhìn thấy cả bầu trời thăm thẳm, bao la nên đã bớt huyênh hoang cho vùng rừng núi hiểm trở và heo hút nơi quê hương y là nhất thiên hạ, là bất khả xâm phạm.

Bữa nọ thiết triều, vua Thái tông tuyên dụ:

- Họ Nùng hai lần làm phản, đáng tội tru di. Thương vì cha và anh của Trí Cao đã bị giết, nếu nay lại trị tội nữa thì dòng giống bị tuyệt diệt. Vì vậy, triều



đình giáng phúc, tha tội chết cho mẹ con Nùng Trí Cao, cho về nguyên quán. Lại dụ rằng:

- Xét Nùng Trí Cao có tài thủ lĩnh, lại cho cai quản đất cũ Quảng Nguyên. Và để cho rộng đường phèn giậu, ta cho quản thêm các động Bình, An, Bà, Lôi Hỏa và châu Tư Lang nữa. Họ Nùng phải thay ta chăn dân, lo cho dân có cái ăn cái mặc. Họ Nùng phải củng cố việc binh, giữ gìn cương thổ, không được khuất tất trong chuyện giao dịch với nhà Tống. Ta tha hết tô, thuế để người rảnh tay nuôi quân, và chăm lo mọi việc cho dân. Nhưng người có bốn phận, hằng năm phải tiến cống các sản vật như triều đình đã quy ước. Nếu lơ là trách phận để sơ hở chốn biên thùy, ta sẽ trị tội. Họ Nùng nhớ chưa?

Nùng Trí Cao lập cập quỳ xuống, y cất cao cái giọng lè nè:

- Thần căn cổ dội ơn nhà vua đã tha tội chết lại cho phục chức, cho đất. Thần xin tận lòng. Nếu sai lời xin chịu tội chết cả nhà.

## XXIX

Sau trận theo hoàng thái tử Khai Hoàng vương di bình Nùng Trí Cao trên châu Quảng Nguyên thắng lợi trở về, Ngô Tuấn được cả các quan trong ngoài triều khen ngợi. Đáng cho mọi người chú ý hơn cả, là nhà vua đã ban lời khen giữa triều đình ngay ngày ban sư. Vì vậy, tiếng tăm Ngô Tuấn đồn dậy cả kinh thành, đồn khắp tứ trấn.

Tạ Đức cũng nở mặt nở mày vì ông đã không nhâm khi đón Ngô Tuấn về nuôi và dạy dỗ cho nên người. Tạ phu nhân thì luôn miệng: «Họ Ngô nhà thiếp biết đến ngày nào mới đền đáp được công ơn nhà họ Tạ đây!».

Tạ Đức thường gạ đi: “Tuấn là cháu nàng, cũng là cháu ta, có chi mà nàng cứ phải băn khoăn. Đây là phúc hạnh của cả hai nhà, nên ta chỉ làm mỗi việc trợ duyên cho Ngô Tuấn thôi”.

Cũng từ bữa đi đánh dẹp trở về, vợ chồng Ngô Tuấn ăn ở với nhau càng mặn nồng hơn. Đêm nọ, sau khi ân ái được một lúc, Ngô Tuấn thở dài trầm trọc.

Thấy chồng không yên giấc, lại như có điều gì trăn trở, Thuần Khanh liền hỏi:

- Chàng có điều gì khó xử, liệu có thể sẻ chia được với thiếp.

Ngô Tuấn ôm lấy vợ, đặt đầu nàng lên cánh tay mình, rồi vuốt xuôi mái tóc vợ, một lúc sau chàng mới nói:

- Trước hết, ta mong nàng sinh cho ta một thằng nhỏ để nối dõi. Ta sợ mình là kẻ bất hiếu chăng.

- Sinh nở là việc của đàn bà. Nếu không làm được việc đó, thiếp chỉ là người vợ bất túc. Quyền biến hợp tan là ở trong tay chàng, thiếp đã về nhà chồng thì xuất giá tòng phu.

Ngô Tuấn ghì chặt vợ vào lòng, chàng vuốt ve rồi nhẹ nói:

- Chuyện không phải ở chỗ đó. Ta hai mươi ba tuổi, nàng mới mười chín tuổi, việc sinh đẻ lo gì. Chẳng là ta đang mơ hồ lo về một điều mà ta mong nó sẽ không đến.

- Chuyện gì ghê gớm thế chàng ơi.

- Thôi thì vợ chồng, ta cũng chẳng giấu nàng làm

gì. Bởi bấy lâu nay Khai Hoàng vương thường chơi với ta như bè bạn. Bọn ta chơi với nhau từ khi ta mới bốn, năm tuổi, còn hoàng thái tử mới lăm chẫm biết đi. Hoàng thái tử với ta thật không có điều gì phải phàn nàn, chỉ có điều gần đây, thái tử hay nói đến việc đưa ta vào hãn trong cung. Một là gần gũi để cùng nhau bàn bạc công việc, lại cũng hiểu tính hiểu nét nhau, mai này hoàng thái tử kế vị, thời ta là một người thân cận tâm phúc.

- Thiếp tướng Khai Hoàng vương nghĩ như vậy là con đường lâu dài, vua tôi cận kề có điều gì mà chàng phải tư lự.

- Chuyện nếu chỉ có thế, sao ta không hiểu được. Điều bất hạnh là ở chỗ khác kia. Bởi ta thấy có lần thái tử thờ dài nói: "Ta không tin lắm cái bọn trung quan cận thân của phụ vương, ngay cả tên đô giám, cái mặt y cũng gian giáo thế nào ấy. Ước sao được một người như người vừa gần gũi, tri âm tri kỷ, vừa trung thực, ở hãn với ta, không những giúp ta việc nội trị sau này, mà cả việc hậu cung từ bây giờ".

- Giúp việc hậu cung. Vậy chớ Khai Hoàng vương có biết chàng đã có gia thất?

- Làm sao mà hoàng tử không biết. Chàng còn hỏi ta chuyện chăn gối ái ân khi sắp nạp phi kia. Và còn trách ta cưới vợ mà không mời.

Cả hai vợ chồng Ngô Tuấn đều biết việc trông nom hậu cung của hoàng gia xưa nay chỉ dùng các quan hoạn, tức là các trung quan, các thái giám. Thế mà Khai Hoàng vương lại ngỏ ý trao chức trách đó cho Ngô Tuấn, có khác gì trao cho chàng một cái án tử hình.

Ấy là vợ chồng Ngô Tuấn lo vợ vẫn đo suy đoán thôi, chứ ngày tháng cứ dần trôi mà không thấy có chuyện gì, thì coi đó như là một thứ chuyện giải khuây, cho đôi vợ chồng trẻ lúc vui vầy ân ái khi đêm về. Chuyện ấy rồi cũng đi vào quên lãng.

Đạo này Ngô Tuấn bận mãi công việc. Không ngày nào không phải vào chầu Khai Hoàng vương nơi cung Long Đức. Cung Long Đức nằm về phía tây nam, cách xa Long Thành hơn mười dặm. Đó là khu dân cư đông đúc. Cung này được lập từ thời Thái tổ, với mong muốn sau khi hoàng thái tử đi mở phủ ở chung lẫn trong dân một vài năm trở về, ngự tại đây, coi như vẫn sống với dân. Vẫn dò biết được ý tứ dân đối với các chính lệnh của triều đình, cái nào hợp lòng dân, cái nào dân ta thán. Với quan lại trong ngoài triều, người nào dân yêu, người nào dân ghét. Yêu ghét vì sao. Đó là chính sách “bình dị cận dân” đã có từ thời Thuận Thiên, nay vẫn được Thái tông duy trì.

Do hằng ngày phải vào chầu tại cung Long Đức, nên Ngô Tuấn không đi học thầy võ ở ngoài nữa, mà

hàng ngày chú tâm tập cỡi ngựa, bắn cung với đội kỵ mã. Việc rèn tập cho điêu luyện các môn trong thập bát ban, đối với Ngô Tuấn chẳng phải là chuyện khó khăn. Bởi từ nhỏ, chàng đã có ý chí tiến thân về đường võ nghiệp. Với chàng lúc này, là trau dồi về mưu thuật, là bày trận, phá trận, là nghi binh lừa địch, dụ địch. Điều mà Ngô Tuấn thích thú là cài cắm được gián điệp vào hàng ngũ giặc để thu thập tin tức, nắm địch tình, nhưng lại phải che tai, bịt mắt địch, hoặc cung cấp cho địch những tin giả của quân mình.

Ngày ngày vào cung Long Đức, đêm đêm vợ chồng lại đầu gối, tay ấp, âu yếm chuyện trò, tình chồng vợ ngày một mặn nồng, sâu sắc. Có lần Thuần Khanh hỏi chồng: “Chàng muốn sinh con đầu lòng là trai hay gái?” - “Ta muốn nàng sinh cho ta một bé trai trước, để ta còn dạy con, còn dìu dắt con vào đường võ nghiệp”. - “Nhưng nếu trời cho sinh con gái đầu lòng, chàng tính sao?”. - “Còn tính sao nữa. Như thế là trời chiều nàng. Ta cũng mừng vì như người xưa từng nói - Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng” - Nếu sinh con gái đầu lòng, nàng phải lo dạy con về đường dung, công, ngôn, hạnh chứ ta đàn ông vụng về, không kham được”. - Chàng khỏi lo. Với em, con nào em cũng yêu cũng quý. Nhưng em mong có bé trai trước, để thỏa lòng chàng mong ước”.

Cuộc sống tương sẽ đẹp như mơ, bởi với đôi vợ chồng trẻ này, mơ ước đang chín từng ngày. Nhiều lúc Thuần Khanh buột miệng than: “Ước chi cha mẹ còn sống, để nhìn thấy chàng đang làm vẻ vang cho gia đình, dòng tộc”.

Đêm nọ, hai vợ chồng đang vui mình trong giấc ngủ say nồng, bỗng Thuần Khanh hét rú lên một tiếng thất thanh, người run bần bật, luôn miệng nói: “Chàng ơi cứu em! Cứu em!”.

Ngô Tuấn ôm chặt lấy vợ đã đành, hỏi han duyên cớ. Thuần Khanh rúc đầu vào ngực chồng khóc thút thít.

Ngô Tuấn càng vuốt ve, an ủi, Thuần Khanh càng nước nỡ. Một lát sau cơn sợ đã vơi vợi, Thuần Khanh bèn nói:

- Chàng ơi, em mơ hồ cảm thấy như nhà mình sắp có tai họa lớn.

- Nàng nói gì mà gờ thế, hai vợ chồng đang khỏe mạnh, họ hàng, làng xóm ai cũng quý, cũng yêu. Trong triều ai cũng mến cũng thương. Hoàng thái tử, và ngay cả hoàng thượng cũng yêu mến ta. Vậy chớ nàng sợ điều gì sẽ xảy ra.

- Em sợ lắm! Chàng ơi, đến lúc này em vẫn còn chưa hết sợ. Em mơ thấy một người vận đồ đen, mũ đen

có chớp, trùm kín từ đầu đến cổ, chỉ hở có hai con mắt, gờ thanh kiếm dài sáng lóa, chém thẳng vào cánh tay tả của em. Máu đỏ phụt lên như người ta chọc tiết lợn. Cánh tay em rơi xuống trong vũng máu ngợp ngựa.

Thuần Khanh ngã vào ngực chồng là ngất đi.

Ngô Tuấn vùng dậy thấp một quãng đèn chín bác, lại đốt thêm mấy ngọn nến sáng trưng, xua tan bóng đêm cho Thuần Khanh đỡ sợ.

- Dừng sợ. Nàng phải tin vào ta chứ. Trang nam nhi như ta mà không che chở được cho nàng sao.

- Em tin chàng. Chàng là cuộc sống của em, là linh hồn của em. Nhưng sao em vẫn thấy sợ. Dường như có một thế lực nào lớn lắm, dang đe dọa lấy đi cuộc sống của chúng mình.

Giây lâu nàng lại nói:

- Chàng ơi, hay chúng mình trốn đi. Trốn đi trước khi tai họa xảy ra.

Ngô Tuấn lại ra sức dỗ dành vợ:

- Nàng bình tâm lại đi. Chắc những điều ta nói với nàng đạo trước. Nàng cứ ấp ủ nó ở trong lòng, đến mức trở thành nỗi sợ hãi ám ảnh suốt ngày đêm. Và nó len vào trong giấc ngủ, trong mơ, để hãm dọa nàng. Nghe ta, nàng hãy xả bỏ nó đi. Cuộc đời này không có một thế lực nào hãm hại nổi ta đâu. Nàng nên nhớ, bản



thân sự lương thiện là sức mạnh chân chính. Chúng ta là những người lương thiện, vậy nàg còn sợ gì nữa.

Thuần Khanh nói với chồng, giọng chưa hết run. Chứng tỏ sự sợ hãi vẫn chưa rời bỏ nàg:

- Những lời chàng nói, và sự có mặt của chàng, làm thiếp thêm vững dạ. Chàng dạy thiếp: «Bản thân sự lương thiện là sức mạnh chân chính». Dạ, đúng như thế đấy. Nhưng nó là một sức mạnh cô đơn. Đó là do thiếp cảm nhận. Thật ra, nếu chàng yếu đuối hơn một chút, chắc chàng sẽ tin vào những điều người phụ nữ linh cảm.

Dù rất yêu vợ, song Ngô Tuấn không thể không bực mình. Cuộc đời đang phơi phới mà nàg cứ vẽ ra những nỗi sợ hãi mơ hồ, bệnh hoạn. Nào đòi ta đi trốn. Vì lẽ gì phải đi trốn mới được chứ. Lại còn đòi ta phải yếu đuối đi để có thể hiểu nàg. Ôi, sao mà rắc rối, khó hiểu nơi tâm trạng đàn bà.

Vào một ngày thời tiết đang đẹp bỗng xám xịt màu chì. Gió thổi lộng, lạnh buốt, mây đen lờng lộn trên bầu trời thấp, báo hiệu một đợt rét cóng đang về. Khoáng gần trưa, gió ngừng thổi, da trời sáng bợt như người bệnh lâu ngày. Đâu đó một tiếng cú rúc giữa ban ngày nghe ghê rợn. Mấy người hiếu sự đã bàn tán: «Lại điềm gở rồi. Làng mình sắp có chuyện gì rồi đây». Rồi họ tính đếm những nhà có người đang ốm, người già cả,

người đi làm ăn xa. Và họ đưa tất cả lên bàn cân thiên ác, nhân quả để bình phẩm. Sau tiếng cú rúc độ nửa canh giờ thì có kiệu của quan trung sứ đến làng. Viên xã trưởng cùng các chức dịch trong làng khăn áo chỉnh tề ra tiếp sứ.

Sứ giả đòi chức dịch sai người đến nhà Ngô Tuấn bày hương án ra giữa sân để tiếp chiếu.

Không biết có chiếu chi gì của nhà vua, Ngô Tuấn vội cho gia nhân đi mời vợ chồng chú rể là Tạ Đức, mời nhạc mẫu cùng đến với chức dịch trong làng để làm lễ nghinh chiếu.

Tạ Thuần Khanh lòng phân vân không biết việc vui hay việc buồn, vừa trang điểm để vận quần áo đẹp vừa hoài nghi. Bởi giấc mơ và biết bao nỗi ám ảnh vô hình, làm trái tim người con gái mười chín tuổi xuân cứ se thắt lại. Nàng giồi phấn lên gương mặt đầy đặn, phúc hậu như mặt trăng rằm mà không hề biết nước mắt tràn mi trôi cả phấn son, khiến gương mặt hoeo loang lổ.

Nhũ mẫu của Ngô Tuấn vừa ló vào, chợt thấy gương mặt Thuần Khanh, bà hốt hoảng khuyên:

- Cô chú, đã mấy ai có được chiếu vua gửi tới tận nhà. Đã biết việc lớn nhỏ thế nào mà cô khóc. Nếu không trang điểm thì lau mặt sạch đi, tươi tỉnh lên. Trong lòng có điều gì không vui thì khép kín lại. Vui vờ

cũng được, nếu chuyện này đến tai vua thì cả nhà mắc tội khi quân, mất đầu đầy chẳng phải chuyện chơi đâu, cô chủ.

Nói rồi bà chạy đi lấy tấm khăn ướt, lại nhón một khẩu trầu. Lau mặt xong, bà bắt Thuần Khanh phải nhai trầu để che bớt nổi u sần trên khuôn mặt sáng như gương kia.

Ngô Tuấn mặc áo võ phục, đội mũ dẫu mâu, nom chàng oai phong lẫm liệt, mặt tươi như hoa hàm tiếu, miệng he hé cười. Trong lòng vui như mở hội, chàng tự nghĩ: «Chắc là hoàng thượng ban thưởng cho ta chức tước phẩm hàm gì đây. Công lao dẹp Nùng, hoàng thượng đã ghi nhận và hứa ban khen».

Hương án bày xong, chức dịch và thân nhân đứng sắp hai hàng. Ngô Tuấn quỳ trước án thư. Trung sử đặt tờ chiếu thư trên chiếc mâm bồng đặt giữa án thư. Ngô Tuấn hướng về chiếu thư lễ năm lễ, vái ba vái. Viên xã trưởng hô: «Bình thân!».

Ngô Tuấn đứng dậy, mặt nghiêm trang kính cẩn chấp tay nhìn về phía tờ chiếu. Trung sử mở chiếu ra đọc: «Minh Đạo nhị niên... nguyệt... nhật,

Hoàng đế chiếu viết...<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Minh Đạo (niên hiệu) năm thứ hai tháng... ngày... Hoàng đế chiếu rằng:

Để mọi người cùng hiểu nội dung, quan trung sứ đọc theo nghĩa của văn chiếu. Đại lược:

“... Kỵ mã đô úy Ngô Tuấn là dòng dõi hào kiệt, đã sớm tỏ lộ chân tài.

Nước nhà đương thời thịnh trị, người tài không thể bị vùi lấp.

Nay trẫm đặc cách ân vinh cho Ngô Tuấn sung vào chức Hoàng môn chi hậu.

Ban cho ba vạn quan tiền để lo báo hiếu và thu xếp việc nhà.

Lại xét nhân cách có thể liệt vào hàng cao trọng, nên ban quốc tính từ nay.

Lễ tấn phong và ban mũ áo, chờ khi Ngô Tuấn nhập triều. Hạn trong ba mươi ngày”.

Quan trung sứ vừa đọc xong, xã trưởng bèn hô:

- Chiếu tất!<sup>1</sup>

Nhìn vào Ngô Tuấn, xã trưởng lại hô:

- Thụ chiếu!<sup>2</sup>

Ngô Tuấn chìa hai tay ra đỡ lấy tờ chiếu, nâng lên ngang mày vái ba vái, rồi đem vào nhà đặt lên ban thờ tổ tiên.

---

1 Lời chiếu hết.

2 Nhận chiếu.

Trung sử lên xe. Tạ Đức chạy theo tiễn ba nén bạc làm lộ phí.

Xã trưởng hớn hớ nói với dân làng:

- Từ nay, làng ta đã có đại quan. Ông ta quay lại vái Ngô Tuấn:

- Quan cho phép, trước khi nhập triều, dân làng mở tiệc khao tiễn.

Ngô Tuấn ngậm bồ hòn làm ngọt, nói lời cảm tạ:

- Các ông cứ về đi. Việc ấy liệu sau.

Dân làng vừa di khỏi, Thuần Khanh ngất xỉu. Nhũ mẫu và thân mẫu của Thuần Khanh còn chưa biết vì sao Thuần Khanh lại lo sợ đến thế.

Ngô Tuấn cũng sa sầm mặt mày quy xuống.

Tạ Đức lòng tan nát kéo tay Ngô Tuấn vực ra kỷ ngòi.

Lặng lẽ giây lâu, Ngô Tuấn lên tiếng hỏi:

- Chú ơi thật là đại họa. Biết tính sao đây thưa chú. Cháu thật không ngờ. Từ mấy tháng nay vợ cháu đã mơ hồ linh cảm thấy điều bất hạnh này.

Tạ Đức vỗ vai cháu:

- Mình là đàn ông, gặp việc lớn phải bình tâm cháu ạ. Chú cũng không biết việc này là phúc hay là họa đây. Nhưng người chú thương nhất là vợ cháu. Thật

trăm bề dở dang.

- Thừa chú, cách đây hơn một tháng, vợ cháu đã báo “hay là cả hai người cùng đi trốn”.

- Vậy chứ các cháu biết trước việc này à?

- Không ạ, vợ cháu chỉ linh cảm sắp có một tai họa gì lớn lắm.

- Bấy lâu, chú nuôi dạy và săn sóc cháu như một người cha. Liệu vợ chồng cháu có thể đi trốn được không chú. Việc nên như thế nào, chú chỉ bảo cho chúng cháu.

Tạ Đức thở dài:

- Chú chưa biết khuyên cháu nên như thế nào. Hãy để bình tĩnh bàn bạc xem đã. Còn đi trốn, đó là suy nghĩ nông cạn. Trốn là kháng lại mệnh vua. Tội giết tới ba họ. Việc này, cháu thân nam nhi có thể chịu đựng chứ Thuần Khanh, chú lo lắm. Sợ nó tuyệt vọng mà phản thân, có kẻ tố giác là cả nhà, cả họ phạm tội khi quân đấy.

Nhà Ngô Tuấn suốt mấy ngày liền cố đóng im ỉm, không tiếp một khách xa khách gần nào hết. Lấy cơ phải soạn sửa mọi việc để nhập triều cho đúng hạn.

Thuần Khanh không còn nước mắt để khóc nữa. Ngô Tuấn, sau những phút giây bàng hoàng đã bình tĩnh lại, dỗ dành Thuần Khanh để cùng tìm ra lối thoát.

Sau mấy ngày bàn bạc, hai vợ chồng hết than thân trách phận, lại trách nhà vua là kẻ bất nhân.

Mỗi lần Thuần Khanh buông lời oán trách thiên tử, thì Ngô Tuấn lại sợ hãi gạt di:

- Nàng ơi, ta là phạm thần tử, không được phẩm bình bề trên mà mang trọng tội.

Mỗi lần Ngô Tuấn tỏ vẻ cam chịu và giảng giải, lại càng làm cho Thuần Khanh bực giận. Bây giờ thì nàng không còn sợ hãi và tuân phục cái con người gọi là minh quân, là thiên tử kia nữa. Ngay cả Ngô Tuấn cũng đã khác trong con mắt nàng rồi. Nàng nói:

- Chàng hết lời tụng ca cái triều đình gọi là Minh Đạo, cùng cái ông vua mà chàng vẫn tôn kính vào bậc thánh minh. Với thiếp, ông ta chỉ là một kẻ da dâm và ích kỷ. Không, chàng phải để cho thiếp nói, dù có gươm kề cổ thiếp cũng không sợ nữa. Cái con người cứ mở mồm ra là nói đạo lý ấy sống như thế nào, chắc chàng biết rồi đấy. Danh chính ngôn thuận, một lúc ông ta lập sáu bà vợ, mà bà nào cũng phong là hoàng hậu cả. Chắc là để cho các bà không ghen tị ngôi vị thôi. Ý ông ta là muốn cho các bà bình đẳng với nhau, nhưng lại không được bình đẳng với ông ta. Bởi ông ta có thể lập hoặc phế các bà bất cứ lúc nào. Thế rồi cung phi, ngự nữ với cả một lũ a hoàn mặc sức dâm bôn, đục lặc suốt ngày đêm. Chàng phải thấy được cái bộ mặt thật của ông ta, nấp sau cái mặt nạ được tôn vinh là thánh thượng kia. Thử hỏi, vợ chồng mình có làm hạnh làm

hai gì “thánh thượng”, hay như chàng nói, nhà mình chỉ tu nhân tích đức, sống đời lương thiện. Chàng còn dạy thiếp: “Bản thân sự lương thiện vốn là sức mạnh chân chính”. Chàng lương thiện, nhưng bọn bất lương lại không để cho chàng sống yên ổn. Chàng cứ để cho thiếp nói, đừng bịt miệng thiếp nữa. Ngay cái chết đối với thiếp lúc này, cũng có gì đáng sợ nữa đâu. Thật ra, bây giờ thiếp lại sợ phải sống hơn là sợ chết. Bởi nếu không được chết thì phải sống giữa một bầy đối trá. Mà sự đối trá trắng trợn nhất, tàn bạo nhất lại đang ở ngôi cửu ngũ. Lại còn không ư. Chàng không thể che bịt được đâu. Thiếp nói dù thô bỉ đến mấy, cũng không bằng cái thô bỉ đang ngự trên chín bậc thêm rỗng. Này nhé, người ta thóa lòng dục với cả trăm người đàn bà con gái đẹp nhất nước thì không sao, trong khi chàng chỉ có một đứa vợ nhỏ, chưa kịp sinh con nối dõi tông đường, thì người ta bắt chàng phải tự hoạn mình đi để trở thành một thứ không phải đàn ông, chẳng phải đàn bà, để vào cái quán cái lũ gà mái ở trong cung. Vì người ta không tin bất cứ ai trong số gà mái ấy, cũng không tin ai trong cái lũ hoạn quan kia, chỉ tin có chàng thôi. Bởi chàng trẻ trai, mạnh khỏe, tuấn tú lại có tài thao lược nữa.

Lời văn hoa mỹ của tờ chiếu, đánh giá tài năng của chàng, dòng dõi của chàng là đúng đắn. Chiếu còn



nói: “Nước nhà dương thời thịnh trị, người tài không thể bị vùi lấp”. Đó là khẩu khí của các bậc minh quân, thánh đế. Nhưng dùng người tài với “đặc cách ân vinh sung vào chức Hoàng môn chi hậu”, thì đúng là một sự mỉa mai đáng khinh bỉ, một sự giả dối đến ngay bọn chuyên nghề lừa bịp cũng phải tôn làm sư tổ.

Thân thiếp dù bỏ đi cũng có gì đáng tiếc. Chỉ tiếc chàng mười mấy năm dằng dẳng sách đèn, cung kiếm... Chao ôi, đất nước kén người tài để dùng vào những việc như thế, thì gọi nó là cái nước non gì?

Nói đến đây, Thuần Khanh nấc lên mấy tiếng rồi lại lịm đi.

Nhũ mẫu và cả mẹ nàng lay gọi, vội đổ cho được mấy giọt nước sâm.

Vừa sức tỉnh, nàng lại òa khóc. Ôm lấy chân mẹ, nàng thụp lạy:

- Con là một đứa con gái bất hiếu. Con xin mẹ rộng lòng tha thứ. Con cũng là một đứa vợ bất hạnh. Lấy chồng chưa kịp sinh con cho nhà chồng thì chồng đã lâm nạn.

Mẹ nàng nén đau đớn tìm lời an ủi:

- Con ơi, lòng con có muốn thế đâu. Tại ông giới xui khiến ra như vậy. Trăm đường chẳng khỏi số, biết đâu mà tránh khỏi hở con. Chỉ có ông giới ông ấy tránh

cho mình thì mới được. Như vợ chồng còn đấy, chẳng là tám gương, chẳng là ước mơ cho biết bao cặp vợ chồng trẻ khác ư. Đúng là không ai biết phúc dẫu mà tìm, họa dẫu mà tránh. Trong sự bất hạnh của con, mẹ cũng có lỗi, vì mẹ đã sinh con ra là phận gái.

- Ôi, mẹ đừng nói thế nữa làm con đau lòng. Con chỉ muốn một mình con gánh chịu nỗi bất hạnh này. Xin mẹ tha tội cho con là đứa con bất hiếu. Con cũng rất thương chồng con. Không biết rồi chàng sẽ xoay xoa ra sao. Con nghĩ rằng chàng sẽ tuân theo sự an bài của số phận. Chàng sẽ theo vua để chống lại chính mình. Mai đây chàng còn mang họ vua nữa. Thì mẹ không nghe lời “chiếu” đấy ư: “Nhân cách có thể liệt vào hàng cao trọng, nên ban quốc tính từ nay”.

Mẹ ơi, chỉ cần chồng con tinh thân<sup>1</sup> xong, vào triều là có chức quan cao, lộc hậu và được bỏ họ “Ngô” mang họ Lý ngay.

Lại nói về Ngô Tuấn loay hoay suốt mười ngày trời vẫn chưa tìm ra được quyết sách nào. Lòng tan nát hững hờ chịu sự giày vò của Thuần Khanh. Nàng không nói hẳn ra, nhưng trong thâm sâu đầu óc nàng là “kháng mệnh”. Nàng chỉ mơ hai vợ chồng đi tới một chỗ thâm sơn cùng cốc nào, không một dấu chân người dặt tới, để

---

<sup>1</sup> Nghĩa là: hiến, hoạn làm cho mất chức năng sinh sản.

sống với nhau cho yên ổn suốt cuộc đời. Dù ở đây chỉ có các loài thú, thì sống chung với thú vẫn còn hơn là sống trong một xã hội bất công của loài người.

Ngô Tuấn biết vợ chàng vì quá đau đớn, quá thất vọng nên không còn biết sợ nữa, nói năng không còn chừng mực nữa. May mà chú Tạ Đức đã sáng ý cho đóng công ngô không tiếp một người quen người lạ nào, nếu không, chuyện này lộ ra có người cáo giác, thì cả họ phải lên đoạn đầu đài.

Bữa nọ, Ngô Tuấn mạnh dạn hỏi Tạ Đức:

- Thưa chú, liệu có bằng cách nào thoát thác hoặc chống lại được mệnh vua không ạ.

Tạ Đức phủ một cái nhìn nhân hậu lên toàn thân người cháu mồ côi, trong lòng ông xen lẫn giữa cay đắng và bất bình. Nén lòng, ông nói:

- Cháu ơi, dù ta có đau khổ tới mức nào cũng phải thừa nhận đây là một ân mệnh của nhà vua.

Xưa nay chưa có ai vào tuổi cháu mà đã được nắm giữ chức này. Phải nói là hoàng thượng yêu và tin cháu lắm. Kỳ vọng ở cháu. Điều thứ nữa là việc tự yêm<sup>1</sup> từ xưa biết bao kẻ đã làm để tiến thân, đều phải tự bỏ tiền ra mà làm. Làm xong, hồ dễ đã được trọng dụng. Thế

---

<sup>1</sup> Tự yêm: tư hoan mình.

mà với cháu, vua ban cho những ba vạn quan tiền. Một món tiền, đến mười đời một người làm quan thanh liêm không dám nghĩ tới. Điều vinh hạnh nhất nữa là được ban quốc tính<sup>1</sup>. Đây là việc đầu tiên, quá thực nó chưa có tiền lệ. Với các việc trên chẳng là đặc ân, là ân vinh của chúa thượng ban cho cháu ư?

Ngẫm nghĩ giây lâu. Tạ Đức lại tiếp: - Suy cho cùng kỳ lý, thì đây là một thứ ân sủng độc ác, man muội.

Nghe chú nói xong, Ngô Tuấn bèn vỗ lấy ý chú:

- Thưa chú, liệu chúng cháu có thể bỏ trốn được không?

- Nếu các cháu bỏ đi từ ngày Thuận Khanh mới mơ hồ cảm nhận, may ra còn được. Chứ bây giờ thì thiên võng nan đào<sup>2</sup>.

- Chú nói sao cơ ạ.

- Chú nói là chức dịch địa phương ngấm đặt người giám hộ nhà mình nghiêm ngặt lắm. Xa ra phía đầu làng, phía bến dò sông Cái, phía đầu cầu Thái Hòa lính kín nhan nhản. Ông chú lại chép miệng thở dài: - Cứ nghiêm mà xem, nếu nhà mình không có động tĩnh gì, vài ngày tới, khắc có người của triều đình đến thúc.

---

<sup>1</sup> Quốc tính: họ nhà vua.

<sup>2</sup> Nghĩa là lưới trời khó mà trốn thoát.

Ngô Tuấn chép miệng thở dài, và như người vừa tỉnh thức:

- Thưa chú, đã không chống được nó thì phải theo nó vậy. Nhưng cháu rất đau lòng về chuyện Thuần Khanh, chú có cách nào chỉ cho cháu. Cháu đã chớm nghĩ, nếu cháu phải chấp thuận tình thân, thì để cho mưa tạnh gió tan, cháu sẽ xin phép hai họ rồi bàn với Thuần Khanh, cháu sẽ làm giấy giải hôn thú để sau này không còn gì ràng buộc nàng nữa. Và ba vạn quan tiền vua ban ấy, cháu xin dành tất cả cho nàng làm vốn riêng. Cũng gọi là một chút, cháu trả nghĩa nàng.

Tạ Đức lắc đầu:

- Về phần cháu, cháu quyết như thế cũng tạm xuôi. Đúng vậy, không chống được nó thì theo nó. Tức là chấp kinh thì phải tùng quyền. Trong lúc ngộ biến mà nghĩ được như thế, kể cũng là người trí. Vả lại ước nguyện của cháu từ hồi nhỏ, đã có lần thổ lộ cùng chú, rằng: "*Cháu muốn theo Vệ Thanh<sup>1</sup>, Hoắc Khứ<sup>2</sup>, lo đi xa vạn dặm để lập công, lấy được ấn phong hầu, để làm vẻ vang cho cha mẹ*". Thì đây chẳng là cơ hội sao. Có điều phải mau chóng rời bỏ công việc nơi hậu cung, thì mới có cơ may

---

1 Vệ Thanh là một danh tướng đời Hán, bảy lần đánh thắng Hung-nô.

2 Hoắc Khứ tức Hoắc Khứ Bệnh là con của người em gái Vệ Thanh, cũng là một danh tướng đời Hán. Nổi tiếng vì đánh thắng Hung-nô nhiều lần.

thi thổ sở trường.

Ngẫm nghĩ một lát, ông chú lại tiếp - Việc cháu quan ngại đến cuộc sống mai này của Thuần Khanh, là điều tất yếu phải vậy. Nhưng chú can cháu không nên đặt chuyện tiền bạc với Thuần Khanh. Thuần Khanh tuy ít tuổi, nhưng nó là người trọng nghĩa lắm đó. Dòng máu nhà họ Tạ như chú biết từ trước tới nay đều khí khái lắm, chỉ trọng nghĩa, trọng tình chứ chưa trọng tiền tài bao giờ cả.

Cái gì đến, tất rồi cũng phải đến. Bữa Ngô Tuấn đi vào lò tỉnh thân ở phía tây kinh thành có em là Ngô Thường Hiến đi theo săn sóc. Lại có cả viên xã trưởng và mấy người lính trong đội cấm quân của nhà vua phái về bảo vệ.

Ngô Tuấn ra đi được đúng một ngày, Thuần Khanh như cứng rần hẳn lên. Nàng không ứ rữ, không than khóc mà quán xuyến việc nhà, sai kẻ ăn người làm thu dọn, lau chùi mọi thứ sạch sẽ. Vườn tược nhổ cỏ, tia xén nom lại đẹp mắt như ngày Ngô Tuấn sửa sang để làm lễ nghinh hôn. Công việc đồng áng nàng cũng hỏi han mấy người lực điền, hỏi bà nhũ mẫu kiêm quản gia. Buổi tối trò chuyện với mọi người vui vẻ. Hỏi han gia đình họ, tiền công xá có nhận đủ, hoặc họ có cần nàng giúp đỡ gì không. Sau đó, nàng tặng cho mỗi người ba quan tiền và một tấm vải thanh cát.

Tối, nàng ngủ cùng mẹ đẻ. Lại tìm lời an ủi mẹ và nói mình phải thuận theo số phận. Hôm sau, Thuần Khanh giao việc cho bà quản gia rồi đưa mẹ về nhà mình. Nàng đi thăm thú mọi nơi mọi chỗ trong nhà, trong xóm, thăm lại những người bạn thời ấu thơ có chung nhiều kỷ niệm. Thăm cô bác họ hàng, ai cũng thăm ao ước địa vị của nàng và thăm ái ngại cảnh ngộ của nàng, nhưng không ai tiện nói ra một lời nào.

Buổi tối, Thuần Khanh thắp hương trước bàn thờ tiên tổ. Nàng lầm rầm khấn vái điều gì không ai nghe rõ, chỉ thấy nước mắt nàng nhều ra, và lăn dài trên hai gò má.

Hôm sau, Thuần Khanh trở về nhà chồng, sai gia nhân mổ gà, thổi xôi, biện cỗ bàn cúng gia tiên, cầu cho Ngô Tuấn mọi sự được mát mẻ.

Buổi chiều nàng thân đến nhà ông Tạ Đức, là chú họ nội.

Thấy nét mặt Thuần Khanh rần rói khác thường, ông chú có vẻ hoài nghi, liền hỏi:

- Cháu đến thăm ta, hay có việc gì khác. Có tin tức gì về Ngô Tuấn chưa.

- Thưa chú, cháu sang hỏi ý chú, liệu ngày mai cháu đi thăm quan Hoàng môn có tiện không ạ.

- Chú chỉ sợ cháu ngại thôi, chứ vợ chồng thăm

nhau thì có gì cản trở được. Ở mà sao cháu lại gọi Ngô Tuấn như một người xa lạ.

- Dạ, thưa chú, đối với cháu, chàng chỉ còn sót lại đôi chút nghĩa xưa, chứ tình thì coi như đã tuyệt.

- Sao cháu lại nghĩ thế, ta thấy Tuấn cũng vất vả đau đớn lắm. Sao ta lại không biết tình nó đối với cháu. Nhưng tình thế không cho phép nó chọn lựa nữa.

Tuấn thì đã đành một nhẽ, nhưng còn cháu, rồi đây cháu sẽ định thế nào. Ta thương cháu như thương con ta. Nhưng mọi sự an ủi đối với cháu lúc này cũng chẳng ích chi. Nói nhiều, có khi lại là giả dối. Tuy vậy, ta vẫn muốn biết ý cháu để còn dự liệu. Dù sao cha cháu đã mất. Mà sáy cha còn chú.

- Thưa chú, vì nhẽ đó nên cháu mới qua xin chú chỉ dạy. Cháu nghe nói chàng định làm giấy giải hôn cho cháu được rảnh rang việc tái giá. Lại định cho cháu cả ba vạn quan tiền do cái lộc tình thân mà có.

Thưa chú, từ nay Ngô Tuấn không còn là chồng cháu nữa, mà đời cháu chỉ lấy chồng một lần thôi, vậy cháu cần cái mảnh giấy vô hôn kia làm gì. Còn tiền ư? Sao cháu lại có thể nhận những đồng tiền bẩn thỉu ấy được. Mà nhận để làm gì. Cháu nghĩ, đấy là chút lộc dầu đời, chàng phải khuyết thân, kể cả khuất thân mới có, sao lại để tuột khỏi tay được.



Tạ Đức thật không ngờ cô cháu gái bỗng nhiên cứng rắn, như thể đó là một người khác chứ không phải Thuần Khanh. Cách hành xử lại cũng khảng khái chẳng khác nào một đấng trượng phu. Trong lòng ông trở nên nghi hoặc, không biết việc tiếp theo sẽ là cái gì đây. Nó cương quá, chỉ sợ lại liều lĩnh, vừa mang tiếng, vừa thiệt thân.

Thuần Khanh ra về lâu rồi mà ông vẫn còn như bàng hoàng.

Thuần Khanh về nhà bàn bạc công việc lâu dài với bà quản gia, vốn là nhũ mẫu của Ngô Tuấn, mà từ ngày về làm dâu nhà họ Ngô, nàng vẫn coi bà như một người mẹ. Tình thương bà dành cho vợ chồng nàng lúc nào cũng ấm áp. Từ bữa tiếp chiêu của nhà vua, trong nhà lạnh lẽo như nhà có tang.

Bàn bạc công việc xong, nàng nói:

- Ngày mai con đi thăm chồng. Mọi việc ở nhà nhũ mẫu cứ tự tiện. Con không biết nói thế nào về tấm lòng nhũ mẫu đã dành cho con, từ khi con về làm dâu nhà họ Ngô. Không biết mai đây góc bể chân trời ra sao, nhũ mẫu nhận ở con hai lạ. Nói xong, Thuần Khanh liền sụp lạy, khiến nhũ mẫu bối rối không biết hành xử ra sao.

- Cô chủ, sao cô lại xử sự với nhũ mẫu như thế,

thân phận tôi là kẻ hầu hạ. Tai họa ập đến, chẳng tại ai ở cái nhà này cả. Mọi người đang sống yên ổn, yêu thương, chan hòa. Vậy mà chỉ có mỗi mảnh giấy bằng nửa cái mo nang, nó làm người ta chia uyên rẽ thúy, tan cửa nát nhà. Cô chủ cứ ở lại đây đi. Tôi hầu hạ hai người cho đến hết đời. Nói đến đây, nhũ mẫu cũng không cầm nổi nước mắt nữa, bà khóc tức tưởi như một đứa trẻ, bị người ta đoạt tước mất món đồ chơi mà nó yêu thích nhất đời.

Thuần Khanh dúm vào tay nhũ mẫu một đĩnh vàng, năm đĩnh bạc: - Con biểu nhũ mẫu làm chút dinh dưỡng già. Đây là vốn riêng của nhà họ Tạ, chứ con không tư hào một li một tấc nào của nhà họ Ngô đâu. Nhũ mẫu cứ giữ lấy, để tấm lòng con lúc nào cũng như được ở gần người.

- Cô chủ ơi, nhũ mẫu nói giọng dầm đầy nước mắt, thân già này có cần chi đến bạc đến vàng. Cô chú còn trẻ, người trọng nghĩa như cô chắc rồi cô cũng chẳng ở đây nữa. Cô giữ lại đi, phòng thân là hơn cả. Nếu bụng tôi là cái bánh, tôi sẽ mở ra ngay lập tức, thật lòng tôi thương hai người đến đứt từng khúc ruột. Ngày cô về nhà này làm bạn với cậu chủ, lòng tôi khắp khởi mừng thầm như mở cờ trong bụng. Tôi tự nghĩ, tướng công cùng phu nhân chẳng may thất lộc, nay trời đem cô chủ đến đền đáp cho nhà họ Ngô. Thế mà bỗng nhiên...

Nhũ mầu lại òa khóc.

Hai người đàn bà một già một trẻ cứ dò hỏi mãi tới gà gáy sang canh mới chia tay đi nghỉ.

Thuần Khanh sắp xếp gói ghém đồ đạc, nàng bó lại tất cả những áo quần, trang sức có dính dáng đến nhà họ Ngô, và chỉ đem theo những gì của riêng nàng, tức là các cửa hồi môn do nhà họ Tạ cho lúc đi lấy chồng. Xong đâu đó, nàng ngồi vào án thư viết thư đề lại cho Ngô Tuấn.

Sáng sớm, Thuần Khanh chào mọi người rồi lên xe ngựa. Xe đưa tới đầu cầu Thái Hòa thì nàng bảo xà ích đánh xe quay về. Sang kia cầu đi bộ một đoạn, rồi nàng lại thuê một xe ngựa tới bến Cầu Đông.

Cầu Đông trên bến dưới thuyền san sát, không biết thuyền nào đi đâu về đâu. Ngần ngơ một lúc, Thuần Khanh ghé vào một cửa hàng tạp hóa mua mấy thứ đồ gương lược, áo quần rẻ tiền. Lại mua hai chiếc tay nải nâu và một chiếc đòn gánh. Hỏi chủ hàng mới biết đường đi lối lại. Thực tình tới lúc này, Thuần Khanh cũng không biết mình sẽ đi đâu. Chỉ biết phải đi thật xa quê hương, thật xa kinh thành, đi đến cùng trời cuối đất, mù mịt tăm hơi. Dò hỏi mãi mới biết thuyền ngược, thuyền xuôi. Qua ý tứ được biết, những nơi chùa quán thì miền xuôi có nhiều, miền ngược còn hiếm. Miền ngược đường đi hiểm trở, cướp bóc thường xảy ra. Cuối

cùng nàng xuống một con thuyền buôn to tướng, các chân sào đang dựng cột buồm, căng buồm, sắp nhỏ neo xuôi về châu Vạn Ninh.

Lại nói Ngô Tuấn đi tới lò tinh thân trong tâm trạng đau đớn, giằng xé. Chàng biết, di tinh thân có nghĩa là dứt bỏ hôn nhân, là phản bội lại người vợ đã yêu ta hơn cả cuộc đời nàng. Suốt ba năm gắn bó, nàng đem lại cho ta niềm tin vào cuộc sống, tin vào con người. Nếu ta hơn nàng ở chỗ có ý chí và can đảm xông vào chốn hiểm nguy, thì nàng lại là một người nhân ái và cao thượng. Ta có cảm giác nàng có cái đức lớn của nước. Không ồn ào, mà nhẹ nhàng len lách tưới mát khắp cơ thể ta, óc não ta. Nàng chính là chốn nương náu, nơi nghỉ cho cuộc đời ta về cả thể xác lẫn tâm hồn. Ta hằng nghĩ, cuối cùng thì ông trời đã có mắt, đã ban nàng cho ta để bù đắp chỗ ta thiệt thòi vì mồ côi cha mẹ từ tuổi niên thiếu. Nhưng đến nước này thì ông trời lại quá keo kiệt, bủn xỉn và tàn nhẫn nữa, tước đoạt của ta tất cả. Phải chăng, ba năm qua chỉ là miếng mồi nhử của tạo hóa, về cái mà con người gọi là hạnh phúc đối với ta.

Với nàng, ta thực sự đã làm được gì cho Thuần Khanh? Chưa làm được gì cả, ngoài cái danh hào qua những cái miệng đồn thổi từ triều đình đến thôn ấp. Mơ ư à? Dưng ư à? Thuần là những thứ vô vị. Bất cứ một

thằng đàn ông cha căng chú kiết nào vào trận, mặc nhiên phải có đức tính ấy. Thiếu nó, anh chỉ là một kẻ tầm thường, một kẻ bại trận, một thằng tù binh. Vậy thời ta chẳng có cái gì để khoe mẽ rằng, ta hơn nàng. Kiệu vừa dừng, viên quản thủ lò tinh thân đã kéo Ngô Tuấn về thực tại. Y ra tận cổng ngoài làm lễ nghênh đón.

Phòng ốc sang trọng, trà nước thơm phức, mà sao mọi thứ ở đây với Ngô Tuấn đều trở nên lạnh lẽo, tanh tưởi. Viên quản thủ có gương mặt lưỡi cày cùn. Má y bị lệch, cằm nhọn nhưng quá ngắn, hai mắt sâu, lưỡng quyền nhô lên như chiếc sừng ốc, trán hẹp, phẳng lì. Trong khi nói chuyện, y thường cúi gầm mặt xuống, nhưng thỉnh thoảng lại hơi ngửng lên liếc trộm người đang đối thoại.

Với cử chỉ xum xoe, nịnh bợ, y nói:

- Bẩm đại quan, người còn trẻ mà tiền đồ thật là rực rỡ. Dạ bẩm, các quan ngay cả người tôn thất muốn được hoàng thượng tin cần liệt vào hàng tả, hữu phúc tâm, từ xưa tới nay đều phải tinh thân cả. Đại quan chẳng thấy cái loạn tam vương năm Mậu thìn, nếu không có Lý Nhân Nghĩa, Lê Phụng Hiếu liêu mình thì làm gì triều ta có được ngày nay.

Lý Nhân Nghĩa là ai? Chính là người mà Thái tổ cao hoàng đế triều ta lên ngôi năm trước (Canh tuất),

thì năm sau (Tân hợi) cử Lý Nhân Nghĩa cầm đầu sứ đoàn bang giao sang nhà Tống. Và khi dương kim hoàng thượng vừa lên ngôi, thì đưa Lý Nhân Nghĩa vào hàng «hữu phúc tâm».

Viên quản thủ viện tinh thân ngừng lời để dò ý tứ vị khách tinh thân, bất chợt y lại hỏi:

- Bẩm đại quan, người có còn e ngại gì về việc tinh thân không ạ.

- Hoàng thượng ân chỉ cho ta được tinh thân, bốn phận của thần tử là thụ ân chỉ, sao người còn phải hỏi. Ta muốn biết công việc của các người.

Thấy ông khách trẻ kiêu lời, ăn nói nghiêm cẩn, viên quản thủ hơi chột dạ. Hắn khép nép:

- Dạ bẩm đại quan, hạ cấp được hoàng thượng gia ân cho về quản thủ viện này kể đã hơn mười năm. Tay nghề của bản chức và lũ thuộc hạ đều vào hàng cao thủ. Dạ nguyên trước viện này chỉ là một cái lò. Gọi là lò tinh thân do triều đình lập ra từ năm Canh thân (1020). Công việc thì nhiều mà nhà cửa thì xập xệ, các đồ dùng cho nghề nghiệp thì cùn nhụt, do đấy đã có mấy vụ làm ăn cầu thả khiến sốt hoa để các vị này làm loạn chốn hậu cung. Sự việc được phát giác các thái giám đều bị chém đầu cả. Còn viên quản thủ bị lưu đầy viễn châu sau bị chết vì sốt rét rừng. Dạ, trước đây những người

làm việc trong lò đều không có lương bổng nhưng được phép thu tiền của những người đến tinh thân. Dạ sau này được chấn chỉnh nhà cửa vườn tược khang trang như đại quan đang thấy. Dạ bẩm lữ hạ cấp đều được hưởng lương theo thứ bậc. Dạ thưa, các vị tinh thân ở đây, sau khi vào cung mà thành đạt thường có nghĩ lại, cũng cho lữ hạ cấp được hưởng chút lộc mọn.

Dạ, các nhà trong phố này, phần đông là các lò tinh thân cả. Ngoài ra có mấy nhà trọ, mấy quán ăn. Dạ nó chỉ lèo tèo như một cái phố quê. Sang nhất trong phố này chỉ có viện của triều đình thôi.

Tất cả những điều viên quản thủ nói đều xa lạ với Ngô Tuấn. Chàng không thể ngờ lại có cả một phố chuyên mở cho các lò tinh thân. Có nghĩa rằng người ta tự nguyện bỏ tiền ra đến đây thuê thợ tự hoạn mình xong rồi cậy nhờ kẻ có thần có thế tiến cử vào triều, hoặc đã cậy nhờ chạy chọt xong rồi mới đi tinh thân. Chao ôi cái việc đê tiện này lại trở thành một nghề, có các cửa hàng cửa hiệu công nhiên như các lò «chuyên mở lợn» cũng như «chuyên hoạn lợn». Ngô Tuấn cảm thấy cay đắng cho thân phận một viên quan hoạn. Ta thề rằng dù có phải tuân mệnh vua mà tự yêm nhưng ta không thể đem thân một nam tử mà châu chực, mà rình rập chốn buồng the để cho họ thỏa lòng dục, dù người đó là thiên tử.

Bất chợt Ngô Tuấn hát hàm:

- Ta hỏi người, lò ngoài phố, họ làm cho mỗi người mất bao nhiêu tiền.

- Dạ bẩm gần trăm quan.

- Vậy người nghèo không thể tự yếm được.

- Bẩm đúng như thế đấy ạ. Người nghèo sao dám bon chen. Dạ, nhưng mà chủ lò không được ăn cả dậu, họ phải biếu nhiều cửa lăm.

- Đã có ai bị chết bao giờ chưa?

- Bẩm chết thì hiếm lăm. Hạ cấp có nghe hơn hai chục năm trước đã có người bị, nhưng tới mấy năm sau mới chết, nên cũng không vin cứ gì mà bỏ tù người ta được. Cái nhà ấy sau họ cũng giải nghệ.

Dạ còn lâu lành vết thương thì vô khối. Bẩm đại quan nó lâu khỏi là bởi tay nghề của thợ không cao, dao kéo không thật sắc, kim khâu không bén. Dạ, còn bởi họ cấu thả khi làm, chân tay không rửa sạch, đồ dao kéo không nấu luộc cho kỹ. Thuốc cầm máu không công hiệu. Lại nữa, không hạn chế được sự cử động, như đi lại đại tiểu tiện chẳng hạn.

- Ta hỏi, Ngô Tuấn nhìn viên quản thủ với vẻ khinh thị - Trước khi về đây, người làm nghề gì.

- Dạ bẩm đại quan, con chuyên nghề hoạn lợn, hoạn cả trâu, bò. Dạ nhà con ba đời làm nghề này. Con



là tay gia truyền có hạng. Cứ gọi là qua tay kẻ hèn này chỉ một nhoáng là xong. Dạ, hoạn người cũng thế, mà hoạn trâu bò cũng thế thôi.

Nghe viên quản thủ nói hoạn người với hoạn trâu bò cũng như nhau, Ngô Tuấn cảm thấy cả một sự xúc phạm, sự nhục mạ đối với một con người như chàng. Nhưng công việc của y là thế, dù người hay súc vật cũng chỉ cắt phần hạ bộ là xong.

Thấy vị quan lớn trẻ tuổi muốn tìm biết kỹ càng trước khi lâm sự, viên quản thủ viên tinh thân vội đón ý:

- Bẩm đại quan, hạ cấp đã có chỉ dụ của cung Long Đức, phải săn sóc đại quan thật chu đáo. Hạ cấp nói qua để đại quan yên tâm. Ngày hôm nay, ngày mai, đại quan tĩnh dưỡng, uống thuốc, ngủ nghỉ cho thật tốt. Ngày mốt buổi sáng nhịn ăn để uống thuốc cầm máu. Đầu giờ thìn hạ cấp sẽ hầu đại quan tắm tấp, cạo lông lá cho sạch sẽ, lau người khô xong đại quan nằm lên bàn để hạ cấp làm việc. Dạ cũng phải trời. Nếu không trời, hơi đau, đại quan giã dập máu ra nhiều, việc lấy hoa bị sót, thì hạ cấp mất đầu. Mà để máu ra thì hại sức lắm. Nếu đại quan không giã dập, hạ cấp dám bảo đảm chỉ nhai tàn miếng trâu là mọi việc đều xong, kể cả khâu. Sau đó, đại quan tĩnh dưỡng tại đây ba ngày là khỏi đau hoàn toàn. Nói xong y ngừng mặt cười hi hi. Từ lúc vào tới giờ, lần đầu tiên Ngô Tuấn nhìn thấy trọn vẹn

khuôn mặt của y. Quả y có tướng của một kẻ đê tiện mà trong nhân tướng học gọi là «tiện tướng»...

Khi trở về nhà, Ngô Tuấn mang trong lòng nỗi hổ thẹn. Đôi lúc đã nghĩ đến cái chết. Khốn nỗi chết cũng không thoát. Bởi còn biết bao liên lụy đến người còn sống, sao nỡ dang tâm. Và đúng là việc ta bị tĩn thân, chủ mưu là ở Khai hoàng vương Lý Nhật Tôn.

Nhà cửa vắng lặng không một tiếng động. Chàng có cảm giác đến cả con chó, con mèo nó cũng ý tứ nằm yên một chỗ, hoặc chỉ đi lại khi không có mặt chàng. Kẻ ăn người ở dường như đều cố tình lánh mặt. Duy chỉ có nhũ mẫu là gần gũi săn sóc chàng.

Không thấy Thuần Khanh, suốt một ngày không thấy bóng nàng. Chàng đã tiên lượng đến một hoàn cảnh xấu. Do lòng tự trọng, Ngô Tuấn không hỏi han gì về nàng.

Xem cung cách nàng cư xử từ mấy ngày nay, nhũ mẫu biết nàng đã bỏ nhà ra đi, thay vì nàng đến viện tĩn thân để săn sóc Ngô Tuấn.

Buổi tối, khi vào giường ngủ, Ngô Tuấn nhắc chiếc gối của mình đặt trên gối của vợ làm chỗ tựa lưng cho đỡ mỏi. Bất chợt chàng nom thấy một phong thư, bèn mở đọc trước giá nến. Văn nét chữ mềm mại như gương mặt đẹp và tính nét nhu hòa của Thuần Khanh. Đường

như chàng cũng cảm nhận được đây là bức thư vĩnh biệt, nên đọc chậm rãi, vừa đọc vừa suy ngẫm.

*Phu quân yêu quý,*

*Thiếp cúi lạy rửa nước mắt viết lá thư này, kính mong chàng bình tâm nhả giám.*

*Kể từ khi thiếp được diện kiến chàng tại nhà chú Tạ Đức, cho tới khi được gả nghĩa cùng chàng, về làm dâu nhà họ Ngô. Trong con mắt thiếp, chàng đúng là một đấng trượng phu, một anh hùng mã thượng mà thiếp hằng tôn kính. Những mong loan phượng trường tồn, trăm năm đầu bạc, nào ngờ ản họa đang rình rập hai ta từ mọi ngõ.*

*Đoản duyên và bạc phúc, nên nửa đường đứt đoạn, không được nâng khăn sửa túi hầu chàng tới mãn chiều xế bóng.*

*Cuộc đời là sắc sắc không không, hữu hỷ thì hữu bi, hữu hợp thì hữu ly, hữu thành thì hữu bại, hữu hình thì hữu hoại như lời kinh Phật dạy, nên thiếp chẳng có oán thán gì. Mong chàng yên tâm lập nghiệp, chí lớn ắt thành.*

*Đúng như người xưa nói, gian nan mới biết mặt anh hùng. Chàng được như vậy chăng?*

*Thiếp đã coi khắp lịch sử cổ kim, chưa từng thấy một người đàn ông nào yêu gia đình vợ con bằng yêu danh vọng. Cũng chưa từng thấy một ông vua nào yêu đạo đức bằng yêu sắc đẹp đàn bà.*

*Trước giờ vĩnh biệt, thiếp không nỡ giấu chàng, rằng trong bụng thiếp đang mang giọt máu của nhà họ Ngô.*

*Sau này sinh con, thiếp gắng nuôi dạy con nên người tử tế, nhưng thiếp sẽ giấu biệt danh tính cả hai mẹ con. Con thiếp, trước sau phải là một người lương thiện chân chính, và không bao giờ thềm dòm ngó tới chốn quan trường. Bởi đó là một dấu trường vừa bản thủ vừa dẫm máu.*

*Nếu chàng còn muốn lưu giữ một chút tình, xin cho mẹ con thiếp được sống yên ổn. Nếu chàng quyết lòng tìm kiếm, mẹ con thiếp quyết chí quyên sinh.*

*Thư chẳng hết lời.*

*Kính lạy!*

### XXX

**P**hiên đầu tiên Ngô Tuấn được vào châu như các đại thần khác. Gương mặt trẻ măng không còn dáng vẻ tươi rói hừng hực tuổi xuân như trước nữa, mà phảng phất một nét buồn sâu lắng. Các quan như cũng cảm thông không ai xì xào bàn tán, hoặc nhắc hỏi lại sự việc mà Ngô Tuấn bị tước đoạt phần sinh lực trời cho.

Vua Thái tông nhìn khắp triều quan rồi dừng mắt nơi Ngô Tuấn. Nhà vua thật hài lòng bởi Ngô Tuấn đã nghiêm cẩn thụ chiếu. Ngay cả khi vua biết Ngô Tuấn đang có một người vợ trẻ, đẹp và y thì đang độ phơi phới tuổi xuân. Ở tuổi đó, con người thường ham muốn dục tình hơn nhiều thứ khác. Ấy thế mà Ngô Tuấn dám giữ bó tất cả để phục quân mệnh. Riêng việc ấy đã đáng khen.

Ta chưa biết sức học của Ngô Tuấn đến đâu, mà thầy đồ Ân ở Bái Ân hết lời khen ngợi. Nào Tuấn là đứa «học hành có chí, thông tuệ, học một biết mười». Và cái

học của anh ta «thiên về đường hình nhi hạ», tức là «cái học nhập thế để giúp đời», chứ không «mơ hồ mây gió như mấy vị đạo sĩ bên Lão học. Các vị ấy đọc hết cả chư kinh bách luận rồi lánh đời đi ở ẩn, hoặc vào rừng hái thuốc, luyện đan cầu tìm sự trường sinh bất lão. Chung quy là chỉ làm các việc thuộc về tư kỹ mà thôi». Chính ta cũng không rõ có phái Ngô Tuấn thờ Khổng giáo, lấy tam cương, ngũ thường làm lẽ sống không mà y phụng chiếu nghiêm cẩn tới mức không nghĩ gì đến bản thân nữa. Trong việc này ta thấy Khai Hoàng vương có con mắt tinh đời. Y đã chọn được một người dứt mực trung thành để cố kết làm chân tay thân tín. Song ta không khỏi ân hận, vì chiều con mà ép Ngô Tuấn phải làm một việc thất nhân tâm để thử thách lòng trung. Ngô Tuấn không có quyền được chọn lựa. Thật ra, với công việc đó, chức quan đó, khối kẻ cầu cạnh tự yếm mà còn không được nhận. Cho nên, cũng nhiều kẻ ghen ghét cho là Ngô Tuấn đã được ta ưu tuyển.

Bất chợt nhà vua cất tiếng hỏi:

- Quan Hoàng môn chi hậu đã rõ được ta ban quốc tính chưa?

- Đa tạ bệ hạ ban trọng ân, thần đã rõ từ buổi thụ chiếu.

- Sao khanh không đặt theo họ mới, danh tính mới. Khanh tên tự là gì.

- Tâu bệ hạ, tên tự của thần là Thường Kiệt ạ.

- Vậy từ nay họ tên của khanh là Lý Thường Kiệt, số bộ hoàng gia sẽ ghi khanh là Lý Thường Kiệt, nghe chưa.

- Thần phụng mệnh.

Vua Thái tông liếc nhìn vào tấm kim hốt, ngừng nhìn triều quan, vua nói:

- Từ nay Lý Đạo Thành không ở Phủ Thái sư nữa, mà sang hãn cung Long Đức để giúp rập Khai Hoàng vương.

Lý Đạo Thành xuất ban vái nhà vua hai vái:

- Thần xin phụng mệnh.

Vua lại phán tiếp:

- Trung thư thị lang Liêu Gia Trung cấp báo cho quan Hành khiển kiểm châu mục châu Nghệ An là Lý Nhật Quang, soạn sửa các kho lương thực tại những nơi thuận tiện bến bãi thuyền bè, đủ dùng cho năm muôn quân trong một tháng. Hẹn ba tháng sau, kho chứa phải chỉnh chu, gạo thóc phải đầy đủ, sẵn sàng. Khi ta phái người đi kiểm mục, nếu sơ xuất phải chịu tội như quân lệnh.

Dừng một lát, nhà vua lại ban lệnh:

- Thái úy Quách Thịnh Dật nghe đây : - Khanh phải kiểm gấp số quân bộ, quân thủy, quân kỵ được bao

nhiều tàu lại. Cho đóng ngay lập tức một số chiến hạm, chiến thuyền, kiểm số hiện có còn bao nhiêu chiếc, sức chứa bao nhiêu người, cái nào tốt có thể chịu được sóng to gió lớn đi xa cả ngàn dặm. Đội thuyền soạn sửa cho tốt, đủ chở năm muôn quân cùng lương thảo, khí giới, ngựa chiến, cỏ khô, nước uống. Hạn trong một năm, mọi việc phải xong.

Lại nhìn về phía Mai Mạnh Minh, nhà vua cầm cây kim đốt hươ một cái rồi phán:

- Quán Khu mật viện chánh chưởng có hai việc phải làm gấp:

Một là phải kiểm chế hai mẹ con Nùng Trí Cao, kiểm xem từ khi được thả về tới nay, y có chịu làm ăn gì không. Y thực tâm theo triều đình hay lại ngày Việt, đêm Tống. Khanh phải phái người đi kiểm xét kỹ việc này. Phải thăm thú cả bên nhà Tống, xem họ có động tĩnh gì bất lợi cho ta không.

Việc thứ hai là phải cử người sang Chiêm Thành dò tìm xem lực lượng của họ ra sao. Các chủng quân của họ, quân nào mạnh nhất. Mạn bắc nước Chăm, tức phần đất tiếp giáp với đất ta tại châu Nghệ An, xem họ bố phòng binh lực như thế nào. Phải tìm mọi cách để biết được tổng số quân triều đình của họ là bao nhiêu, để có chính sách đối phó và kiểm chế họ.



Ta nghe nói nhà Tống khuyến khích họ quấy phá mặt nam của ta. Các khanh nói đúng, xui nguyên giặc bị từ xưa vẫn là đối sách của họ với các nước láng giềng.

Nhân đây ta nói để các khanh rõ, vì sao mấy năm trước ta định cho Thái sư Lương Nhậm Văn thôi giữ chức Tể tướng, là vì tuổi ông đã cao, sức lại yếu. Sau suy nghĩ lại thấy không được, bởi như vậy thời ta mới chỉ trọn cái lý chứ chưa vẹn cái tình. Lương Thái sư vì tuổi cao nên chậm chạp chứ thực việc đã qua tay ông là rất tin tưởng. Để giám bớt gánh nặng công việc cho Lương Nhậm Văn, bởi ta đã đặc phái Lý Đạo Thành sang cung Long Đức giúp rập Khai Hoàng vương. Công việc bên Phủ Thái sư sẽ do hai cơ quan của Tả tham tri chính sự Lý Mật, và Hữu tham tri chính sự Kiều Bồng gánh đỡ.

Các quan xì xào bàn tán về việc nhà vua sai lập kho bãi lương thực tại Nghệ An, sai đóng thuyền chở quân đi biển đường dài, chắc là sắp có việc đánh Chiêm Thành nay mai. Có người lại nói : Vua ta là người mưu lược, quyền biến không biết đâu mà lường trước. Có khi dương đông lại kích tây; lo chinh nam nhưng lại phạt bắc không chừng. Lại có người phản bác : Chẳng phạt bắc chinh nam gì đâu các vị ạ, chẳng là lâu nay không có xảy ra loạn lạc gì, binh lính và quan lại lơ là việc binh, nên nhà vua cho hăm lại tinh thần binh lính để

khởi rơi vào bê trễ. Mỗi người mỗi ý bỗng chốc cả triều đình râm ran về việc nhà vua sắp khởi binh đánh dẹp.

Tuy ngồi trên cao, nhưng nhà vua cũng nghe lồm bồm lời bán tán của các triều quan. Một lát sau, vua lại tuyên:

- Binh là việc hiểm, vô cơ cát quân đi xâm phạm đất người là việc làm ngu tối, thất đức. Dùng binh là mưu lược, trá ngụy khôn lường, ta không thể nói trước là cát quân về phương nào. Song việc quân cơ phải lo liệu như lúc nào cũng có thể có biến, có họa sắp xảy ra. Vì vậy các quan coi việc quân không được phép lơ là, bất chợt ta sẽ đi điểm mục. Ai coi quân không nghiêm để xảy ra việc bê trễ chệnh mảng, cứ chiếu theo quân luật trị tội; nhẹ thì biếm, bãi, truất; nặng thì tù ngục hoặc rơi đầu. Các khanh nên ghi nhớ lời ta. Đây là bàn việc nước, thuần việc trọng đại có quan hệ đến sự hưng vong của đất nước, chứ không phải là chuyện vui, chuyện tùy hứng như xướng họa, ngâm vịnh vui vầy vua tôi sau những buổi trà dư tửu hậu.

Các quan chững đã thấu hiểu ý chỉ của nhà vua, nên không còn ai dám nói chuyện riêng nữa. Vua lại hỏi:

- Kỳ khảo khóa vừa qua, chất lượng quan lại ra sao mà ta chưa thấy các khanh tâu báo.

Thái sư Lương Nhậm Văn bèn đứng ngay tại chỗ,

vì ông là người cao tuổi nhất triều, được vua ân trọng cho ngồi ghế và khi tâu không phải quỳ, ông nói, giọng thều thào vì răng đã rụng gần hết:

- Tâu hoàng thượng, Phủ Thái sư đã có sớ gửi sang Trung thư sảnh rồi ạ. Đại lược thần xin ủy cho quan Hữu tham tri chính sự Kiều Bồng tâu để bệ hạ rõ, thần bị móm, nói không gọn giọng, nên bệ hạ và các đồng liêu không nghe rõ được.

Nghe Thái sư nói, mọi người vừa cảm thông vừa không nén được tiếng cười. Vua Thái tông cũng phải bật cười vì giọng nói thều thào của vị quan lớn đầu triều.

Kiều Bồng bước ra khỏi ban, vái nhà vua hai vái, rồi nói:

- Tâu bệ hạ, các quan trong triều lần khảo khóa trước đã được bệ hạ cảnh báo, nên ai nấy đều biết sợ mà sửa mình. Chúng thần đã có sớ tâu báo kỹ càng từng chức quan một. Kỳ này chắc là bệ hạ phải gia ân thăng thưởng nhiều. Về ngăn ngừa giầy lát, ông lại tiếp :  
- Tuy nhiên có một vài người có mắc mớ đến việc chi tiêu công quỹ, bị thâm hụt chưa tìm ra, cũng chưa giải tỏ được mình bạch. Lại cũng có vài quan đứng ra che chắn cho kẻ bạo hành vì tình thân quen hay vì hối lộ, chỗ này chúng thần còn đang cho người đi làm rõ trắng đen. Muôn tâu, người quyền cao chức trọng mà dung túng việc phi pháp, khiến luật nước không còn được tôn

trọng, dân chúng không còn chỗ nào để mà tin mà bầu víu. Dạy những việc như thế, chúng thần đều tâu báo rõ ràng để bệ hạ minh xét. Riêng ý của chúng thần, xin hoàng thượng cho chuyển nội vụ sang Đình úy ty để việc xét xử được công minh.

Dạy ở tứ trấn, kể cả các miền biên viễn các chức quan từ châu mục đến thông phán, tri phủ hiện đã thông thạo chữ nghĩa, tự các quan đã viết được văn thư, sớ, biểu. Dạy như vậy là hàng các quan văn từ châu, quận, phủ trở lên không ai là không biết chữ. So với lần khảo khóa trước vẫn còn tới non một phần ba chưa biết chữ. Dạy, về đẳng quan võ như tổng quản, phán phủ sự vẫn còn xôi đỗ lắm, người biết võ vè, người thì mù đặc. Dạy, quan võ các cấp để các vị biết chữ hết, có nhẽ bệ hạ phải lấy lớp trẻ có học vào mà dạy dỗ, đào luyện, chỉ ít phải năm năm nữa. Muôn tâu bệ hạ, lớp trẻ có học hành chữ nghĩa ở các miền quê hiện nay đều nhan nhản cả mà chưa biết xếp họ vào đâu. Dạy, còn lớp xã quan ở miền xuôi, hiện nay không còn ai là không biết chữ. Chúng thần mạnh dạn thay lớp xã quan già nua bằng lớp trẻ có học. Vì vậy, không còn nạn xã quan lập sổ sách bằng những cuộn dây thừng nữa. Dạy, trên miền ngược thì bọn xã quan phần nhiều là dân sơn động, ít người biết chữ lắm ạ. Nhưng họ tính toán nhanh lắm, chẳng kém bọn người có học ở xuôi là mấy.

- Thôi được, cho khanh hồi ban, vua nói.

- Bây giờ ta muốn nghe Thái phó Ngô Thượng Đình tâu báo việc học trong dân chúng như thế nào.

Quan Thái phó chưa phải đã già lắm, nhưng người hơi mập, lại thấp nên đi đứng có vẻ khệnh khạng, khó khăn. Thái phó chậm chạp rời khỏi ban, vái nhà vua hai vái rồi tâu:

- Bệ hạ ơn sâu đức trọng nên bốn bề đều được hưởng ân trạch. Nhờ đó hầu hết các làng tới nay đã có chùa, có sư. Sư là thầy giáo, chùa là trường học. Các vị sư tăng nếu đã qua đạo tràng đều là những người có học vấn tinh thuần, dạy dỗ bọn trẻ đến nơi đến chốn. Đám trẻ này sau khóa học từ ba đến năm năm, những đứa bình thường thì thông tam thiên tự<sup>1</sup>, những đứa thông sáng thì thông tới ngũ thiên tự<sup>2</sup>. Lại có đứa xuất chúng tự học lên thì vượt cả thầy. Dạ, loại này có, nhưng hiếm lắm ạ. Dạ tới bây giờ thì mỗi lộ đã có một vài trường để dạy những người đã học đến Tứ thư<sup>2</sup>, Ngũ kinh<sup>3</sup>. Những trường này gắn liền với các chùa lớn,

1 <sup>2</sup> Vốn chữ có từ 3.000 đến 5.000 từ đủ để đọc sách, ít phải tra từ điển.

2 Bốn bộ sách chủ yếu của Nho giáo gồm: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử. Quan trọng nhất là hai bộ Luận ngữ và Mạnh Tử.

3 Nghĩa là năm bộ kinh: Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Thi, Kinh Dịch, Kinh Xuân - Thu.

Kinh Nhạc Tần Thủy hoàng đốt, không sưu tầm lại được.

Kinh Xuân - Thu do Khổng Tử soạn. Chủ yếu là những bài học rút ra từ lịch sử nước Lỗ, nhằm khuyến cáo các bậc trị quốc đời sau tránh vết xe đổ của các đời trước.

nơi có các bậc thiền sư đạo cao đức trọng, đứng ra chiêu tập những môn sinh giỏi từ khắp nơi trong lộ quy tụ lại để truyền dạy. Tâu bệ hạ, đương nhiên các bậc thiền sư phải dùng Nho để tải Phật chứ ạ. Dạ vâng, một khi các khóa sinh đã hiểu Phật cũng tức là đã thông Nho. Bởi Nho hoặc Phật, cùng kỳ lý đều hướng con người tới hòa ái, thiện đức cả. Tâu hoàng thượng, hiện nay ý nguyện chung của lớp nho sĩ và công chúng, đều muốn nhà vua lập hẳn một hệ thống trường học từ thấp đến cao, tách ra khỏi chùa. Để chùa rảnh tay coi việc tâm linh, và các nhà sư có thì giờ tu tập. Nếu chưa tách được trường ra khỏi chùa thì trước hết, nhà nước nên mở các trường học cao cấp ở những nơi có nhiều học trò, để đào tạo người tài cho nước.

Tâu bệ hạ, hiện nay trong nhiều vùng có một số nho sĩ học vấn uyên thâm đứng ra mở trường. Học trò đua nhau đến học. Đây là các thầy đồ có cái tâm muốn truyền đạo chứ chẳng phải các vị chú tâm làm giàu dâu. Bởi nhẽ, các thầy không thu tiền, có khi gặp cảnh trò nghèo, thầy còn cho cả giấy bút.

Xin bệ hạ lưu tâm đến một hệ thống trường học. Có thế ta mới có nền quốc học được.

Bỗngưng Nùng Trí Cao về châu. Y đem theo cả một lũ thuộc hạ cùng các sản vật quý của rừng về cống nạp, chở nặng trên lưng ba chục cái ngựa thồ. Nào là

nấm hương, mật ong, nhung hươu, gạc nai, ngà voi, da hổ, cao xương hổ (hổ cốt), đặc biệt nhất là một chiếc sừng tê giác mà sử quen gọi giống vật này là con kỳ lân.

Y sai quân hầu giữ hàng xếp chặt hiên nhà công quán. Rồi y đi triệu bằng được giám quản ngự khố<sup>1</sup> để trao hàng. Lại bắt phải kê biên hết vào giấy từng chủng loại, số lượng, có cái còn phải cân trọng lượng. Sau đó là ký tên, đóng dấu.

Nùng Trí Cao xẵng xái vào điện Thiên An triều kiến. Quân cấm vệ ngăn lại. Y làm âm ĩ lên. Viên đô thống cấm vệ quân ra xem xét, biết y từ biên viễn về châu, nên cho vào, nhưng dạy cho hấn biết lễ, nghĩa.

Leo qua chín bậc thềm long trì, y vụng bái vào trong cung ba vái rồi rập đầu xuống nền điện tâu như người hét toáng lên:

- Thần là Nùng Trí Cao từ châu Quảng Nguyên về phụng mệnh.

Chúc thánh thượng vạn an!

Chúc thánh thượng vạn an!

Vua cho gọi vào nội điện nhẹ nhàng hỏi:

- Người về châu, có việc gì cần tâu báo, nói ngay đi.

- Tâu bệ hạ, thần về nạp cống thổ sản. Nói xong

---

<sup>1</sup> Viên chánh thủ kho của nhà vua.

y đưa tờ biên nhận của ngự khố cho viên cung điện lệnh<sup>1</sup>.

Thấy vua đã liếc qua bản danh mục đồ nạp cống, Nùng Trí Cao bèn nói:

- Tâu bệ hạ, đây là đồ cống của thân gồm trâu cho ba năm là năm ngoái, năm nay và cả sang năm nữa.

Trung thư thị lang Liêu Gia Trung xuất ban đàn hặc:

- Nùng Trí Cao là một tên man muội không biết phép tắc. Người có biết người được hưởng trọng ân của quốc vương, vừa được tha tội chết, vừa được phục hồi chức cũ, tước Thái bảo vào hàng tam công<sup>2</sup>, lại được ban thêm đất đai. Việc tuế cống thường niên gọi là hương thơm như con cái đi xa về có của ngon vật lạ dâng lên cha mẹ. Người thử xem các châu trong cả nước, có châu nào được thiên tử ban đại ân như châu của người không.

Việc về châu vừa là tâu báo công việc nơi châu quận người cai quản, vừa được yết kiến long nhan. Phận thần tử phải coi đó là niềm vinh hạnh, thế mà người dám nói đồ lễ ấy là người nạp cho cả ba năm, để rồi sang năm người không về châu nữa phải không? Thế

---

1 Người đưa chuyển giấy tờ công lệnh, sơ tấu từ các quan lên chỗ vua ngự.

2 Thái sư, thái phó, thái bảo là ba chức quan đầu triều. Nùng Trí Cao được phong tước chức không phải chức, nên không có thực quyền.



nào gọi là thường niên tuế cống.

Sau lời hặc của trung thư thị lang, các quan đều xúm vào hạch tội Nùng Trí Cao, vì ai cũng ghét cái tính tráo trở của cha con, anh em nhà họ.

Uy vệ thượng tướng quân Vũ Ba Tư người to lớn, đáng oai vệ xuất ban xin tâu. Ông nhìn thẳng vào cặp mắt ti hí của Nùng Trí Cao hỏi:

- Vậy chớ người đã biết cách hành xử của người là thất lễ chưa?

Nùng Trí Cao ngỡ ngác càng tỏ vẻ ngạc nhiên, vì y không hiểu tại sao y thuận đem các đồ cực quý hiếm về dâng vua, mà những người này lại nói là thất lễ. Vậy thất lễ là cái quái gì. Hình như họ không thích mình. Cứ trông các gương mặt kia đủ biết. Trí Cao bèn nói to:

- Bệ hạ! Các ông này nói gì thần không hiểu. Hay họ chê thần đem đồ cống về ít quá à. Không phải đâu, nó hiếm lắm. Sừng tê, cả chục năm mới gặp được con tê một lần, dễ gì đã sẵn, bấy được nó. Bấy được con tê, cắt sừng nó xong là thần đi liền về biểu bệ hạ đấy. Thật mà!

Thấy y nói ngô nghê, các quan đều bật cười. Nhà vua cũng bưng miệng cười. Đoạn ngài phán:

- Thương tình Nùng Trí Cao có lòng trung, thực bụng nhưng lỗ mãng, ấy cũng bởi người miền ngược

chữ nghĩa còn ít, phong tục sơ sài, sự giáo hóa của triều đình chưa nhuần thấm, nên lễ thức chưa có, xin các quan miễn nghị cho y. Ngừng lời, nhà vua giơ cây kim hốt hươ lên và ra lệnh:

- Bãi châu!

Khu mật viện chánh chương cùng với hữu khu mật viện vừa di kinh dinh tảo thanh trên châu Quảng Nguyên để kiểm xét tình hình trở về, vội vào điện Thiên Khánh tâu báo với Thái tông.

Nội thị vừa dâng nước, vua thấy tay cho lui. Lại sai đuổi hết mọi người ra khỏi cung, lấy cớ là để được yên tĩnh, kỳ thực nhà vua có thói quen bảo mật. Vào đề vua hỏi:

- Các khanh lên đó, đúng lúc Nùng Trí Cao về châu. Âu cũng là chuyện may. Nào nói đi, tình hình trên đó, bên ta, bên Tống thế nào.

- Tâu bệ hạ, phải nói Nùng Trí Cao có tài làm tướng giỏi. Mai Mạnh Minh nói với vẻ hồ hởi. Dạ doanh trại của y đóng đều nhằm vào vùng sinh địa, trước hết là có đường cho người, ngựa đi được. Nhiều đoạn xe cũng đi được, lại gần nguồn nước, tiến có thể ra vùng đất bằng quang quẻ, lùi thì rút vào rừng núi có sơn động thú hiểm, có thể lấy quân ít địch quân nhiều. Hiện thời y có khoảng năm ngàn quân. Thuần quân tinh khỏe. Kỳ binh

có mười lăm đô. Binh khí của quân kỵ chủ yếu là đao và cung. Quân bộ thì dùng giáo và cung. Số quân bộ có bốn mươi lăm đô. Quân của chúng khá thiện chiến. Nhất là việc bắn cung. Cách xa một trăm năm chục bộ, vật to như người, chúng bắn ít khi trệch mục tiêu. Tàu bệ hạ, còn về thuật đánh thì bọn này rất là tinh quái. Thần đã theo bọn chúng đi xâm nhập vào đất Tống chừng mười lăm dặm để xem quân chúng đánh vào trại Tống. Trại Tống có khoảng ba đô quân, phòng bị rất sơ sài. Trại có bốn cửa, nhưng chỉ một cửa phía đông là mở và có quân canh. Bốn góc trại có bốn chòi canh cao hơn ngọn cây để quan sát từ xa, nhưng người Tống không cất quân canh để cảnh giới. Trong trại có vài chục con ngựa dùng cho các đô trưởng, đô tổng quản. Khí giới của họ cũng chỉ có đao, thương, giáo, kích, thiết lĩnh, cung, nỏ, nhưng xếp hết vào kho, chỉ quân canh mới có khí giới. Chừng đầu giờ tí, viên đô tổng quản cho xuất quân. Y dùng hai đô kỵ binh, ba đô bộ binh, năm đô dân binh. Dân binh chỉ có gậy gộc và thiết lĩnh. Cuối giờ tí thì quân Nùng khai hỏa. Hai đô kỵ binh đánh thẳng vào hai cổng phía đông và phía tây. Kỵ binh đi trước, bộ binh và dân binh theo sau. Khi toàn thể quân Nùng đã vào hết trong trại Tống, tất cả đều bật hồng. Lửa cháy rừng rực tứ phía. Lúc này quân bộ xông vào trại bắt lính Tống. Kẻ nào chống cự giết liền. Còn kỵ binh cứ bủa

vây thành một vòng tròn quanh trại. Những tên kỵ binh phóng ngựa như bay, vừa ngồi trên mình ngựa vừa la hét, thỉnh thoảng chúng lại ném một ống hồng vào mái tranh khiến ngọn lửa bùng lên dữ dội. Chỉ một loáng chững nhai tàn miếng trâu, quân tướng Tống trong trại phải hàng hết. Chúng bị trói thành từng xâu dài.

Lính Nùng đi thâu thập khí giới lừa ngựa của quân Tống, vào làng bắt dân ra khuân hết lương thực và mọi thứ đưa về trại Nùng, rồi chúng phóng hỏa thiêu rụi hết doanh trại quân Tống. Dám quan quân bị bắt trói đều bỏ lại hết. Và chúng đe: “Nếu tụi mày dám sang đất tao trả thù thì chúng tao sẽ làm cỏ nước Tống”.

Tâu bệ hạ, quân của Nùng Trí Cao thiện chiến, hung hăng, nhưng có kỷ luật. Quân Tống nhu nhược, ngu ngơ, mất cảnh giác, hèn yếu. Dân Tống hoang mang sợ sệt. Vì thế quân của Nùng Trí Cao đánh vào trại binh Tống mà như đánh vào chỗ không người.

Nhà vua nghe chăm chú và hỏi tiếp:

- Các khanh có tự phụ quá về đám quân binh của họ Nùng không. Còn các đồn binh Tống ở bên kia, liệu có phải là quân của lộ Quảng Tây hay chỉ là một đồn canh cửa dân binh ở hương ấp. Bởi nước Tàu lớn lắm, nên hương ấp của họ cũng gần bằng châu, quận của bên ta đấy.

- Tâu bệ hạ, Hữu khu mật viện Nguyễn Châu liền tiếp : - Tâu bệ hạ, binh Nùng bắt được cả viên đô tổng quản với đủ dấu ấn chúng chưa chạy kịp. Dạ muôn tâu, biên khu phía nam của nước Tống bây giờ rệu rã lắm, nó tựa như xác một con vờ, dụng vào đâu là bẹp dúm lại ngay. Dạ, bởi vì họ phải dốc toàn lực ra để đối phó với quân Liêu, Hạ ở phía bắc và tây bắc. Thần ngờ rằng Nùng Trí Cao sẽ không chịu nằm yên đâu.

Nhân đã có nhờ tâu của ữu khu mật viện Nguyễn Châu, quan chánh chương Mai Mạnh Minh xin nói tiếp:

- Tâu bệ hạ quá như nhờ Hữu khu mật viện vừa nói. Thần cảm nhận một cách sâu sắc rằng Nùng Trí Cao đang mượn sức, mượn uy của triều đình để thực hành một âm mưu mà y đang ấp ú. Phải nói là y có mưu đồ lớn. Muốn lập quốc riêng. Y sẽ lấy thêm đất Tống để mở nước. Lấy được đến đâu là còn ở như sức của nó. Thần hình dung miền Tả, Hữu giang của nhà Tống đang như miếng mồi ngon nhử binh họ Nùng. Chắc chắn là Nùng Trí Cao sẽ chiếm vùng này trước để làm thế đứng chân.

Bệ hạ, hay là ta phải có ước thúc ràng buộc Nùng Trí Cao, miền đất mà triều đình đang trao cho nó làm chủ đây, coi như cho y mượn làm vốn. Khi y đã tràn quân qua biên giới Tống thì lập tức phải trả lại phần đất

cũ cho triều đình. Vì vậy, ta phải có quân ém sát quân nó, không cho nó quay trở lại.

- Tâu bệ hạ, ý của quan khu mật viện chánh chưởng thật là hữu lý. Ta cần phải làm như vậy, để phòng khi Nùng Trí Cao bị thua quân Tống. Tống đánh đuổi thu hồi đất Tống, ắt Trí Cao phải chạy về đất cũ. Quân Tống nhất định sẽ đánh tràn sang diệt Nùng và chiếm đất. Thế là ta ở giữa, bỗng dưng mất đất. Tuy nhiên, nếu ta đòi đất và đóng quân từ khi binh Nùng vừa rút đi, lúc quân Tống lấp ló thì đất đã có chủ rồi, Tống chắc không dám dây với ta.

Vua Thái tông nghe hai bề tôi nói những điều xác đáng, nhà vua gật đầu chấp nhận. Ngài nói:

- Đại thể các điều hai khanh nói đều hữu lý, hợp ý ta và cũng là phòng bất trắc. Bữa trước, hai khanh vừa đi thì Nùng Trí Cao về châu. Ta có gặp riêng y một buổi tối. Gạn hỏi cũng biết y có dụng tâm đánh Tống, chiếm đất để mở nước. Y hỏi ta xin vùng đất mà ta đang cho y quản lĩnh, để y sáp vào với đất mà y sẽ chiếm được để lập thành một quốc gia riêng, do y làm chủ. Y hứa sẽ là nước thần tử, nước phen giậu. Ta trừng mắt mắng y dám ăn ở hai lòng, định chiếm đất của ta. Ta đã báo cho y biết: “Nếu người dám chiếm, dù chỉ một tấc đất của ta, ta sẽ băm xác y làm trăm mảnh”.

Từ điện Thiên Khánh ra về, Mai Mạnh Minh đã lờ mờ giải đáp được điều mà từ mấy năm nay ông lưu giữ ở trong đầu. Rằng vì sao Nùng Trí Cao là một tên phản phúc, cha nó cũng là đứa phản phúc, táng tận lương tâm, đang tay giết cả em mình lẫn em vợ để chiếm đất.

Lý Thường Kiệt ngày ấy còn là Kỵ mã đô úy Ngô Tuấn, đã hết lời can ngăn nhà vua không nên thả Nùng Trí Cao.

Thế nhưng nhà vua không những không giết, lại còn thả nó về, cho đất cũ, cho thêm cả mấy châu và động sách nữa. Năm sau lại gia phong cho nó hàm Thái bảo. Có phải đây, chính là nhà vua gây dựng cho nó. Cho đất để nó làm vốn mà chiêu tập quân binh, xây dựng lực lượng. Cho tước tới hàng tam công là để nó có cái uy dương ra với đám biên quan, biên tướng nhà Tống, với đám thổ dân châu Quảng Nguyên.

Việc nó mưu toan mở nước, nhà vua thừa biết. Phải chăng nhà vua dùng Nùng Trí Cao vào thế cờ chống Tống, thế cờ đòi đất. Nếu Trí Cao chiếm được đất Tống, trong đó có phần đất do nhà Hán, nhà Đường chiếm của ta từ thời họ đô hộ, thì vua ta sẽ thu hồi đất đó từ tay Nùng Trí Cao. Dương nhiên là Nùng Trí Cao sẽ chống lại. Thế nhưng đánh nhau với một Nùng Trí Cao ngu ngơ, dễ thắng gấp vạn lần đánh nhau với cả

triều đình nhà Tống. Và một khu đất ấy đã vào tay ai, thì ôi thôi, nhà Tống còn dám nói năng gì nữa. Nếu đúng như ta dự liệu, mà nhất định là đúng như ta dự liệu, thì quá hoàng thượng là bậc anh minh lỗi lạc.

Nhưng biết đâu sau này lịch sử, lại chẳng chê người là nhân theo cái nhân của đàn bà. Ôi thôi kể làm gì, lịch sử thời nào mà chẳng có các sử gia vừa khiếm thính vừa khiếm thị.



## XXXI

**T**hiết triều Thái úy Quách Thịnh Dật tâu:

- Bảy chiến hạm đã đóng xong. Kèm theo mỗi chiến hạm là tám chục chiến thuyền. Mỗi thuyền chở được hai đó quân kèm theo khí giới, lương thực, nước ngọt. Tàu bệ hạ tổng số chiến hạm và chiến thuyền của ta có thể vận chuyển được năm muôn quân, hai ngàn năm trăm ngựa chiến, có khô, lương thực, nước uống bảo đảm đủ cho quân dùng trong ba mươi ngày. Tàu bệ hạ, ta đừng nghĩ ở đâu phải báo trước để nơi đó cấp bù, sao cho khi bắt đầu vào đất giặc, ta vẫn còn nguyên vẹn ba chục ngày lương. Tàu bệ hạ, xin bệ hạ cho tên để đặt cho mỗi chiến hạm.

Vua Thái tông rất lấy làm đẹp ý, bởi lệnh vua ban đã được thực hành nghiêm chỉnh. Ngài vui lắm, vừa cười vừa nói:

- Thì có mấy loài được coi là oai linh đấy, lấy mà

đặt tên. Bắt đầu là: LONG - PHƯỢNG - NGƯ - XÀ - HỔ  
- BẢO - ANH VŨ, đủ chưa?

- Tâu đủ rồi ạ.

- Bây giờ ta muốn nghe các việc phía nam thù, cùng các điều thuộc về Chiêm Thành như trước đây ta đã hỏi.

Biên tướng trọng trấn mặt nam là Thiếu sư Lý Triệt bèn tâu:

- Tâu bệ hạ, lâu nay người Chiêm Thành không có vụ xâm nhập nào lớn. Chỉ có trên biển, họ thường bắt chọt cho nhiều thuyền nhỏ ra vây những thuyền đánh cá của ta để cướp cá và ngư cụ của dân chài. Lớn nhất có vụ tháng tư vừa rồi, họ đổ mấy ngàn quân lên một số làng ven biển châu Nghệ An cướp phá. Triều đình cử tướng Đào Xà Trung vào dẹp. Sự thật, thấy bóng quân ta là họ lên thuyền rút chạy chứ không có giao chiến.

Tâu bệ hạ, họ chỉ xâm nhập bằng đường biển thôi, đường bộ thì chưa có lần nào họ dám cho quân vượt qua lũy ải. Dạ, kể cả lính thám họ cũng đáp qua đường biển.

Vua lại hỏi:

- Thế còn nội tình nước Chiêm, bên khu mật viện có nắm được không?

Quan Khu mật viện Mai Mạnh Minh xuất ban:

- Tâu bệ hạ, binh chế nước Chiêm Thành chia làm

ba chủng: Hải binh - Tượng binh - Bộ binh.

Khí giới đều dùng cung tên, giáo, mác như bên ta. Về mặt biển, hải binh của họ mạnh nhất, thiện chiến nhất. Chiến binh của họ rất thạo nghề đi biển. Thuyền bè của họ thoát ẩn thoát hiện. Họ thường cho hạm đội phục nơi luồng lạch có thuyền bè các nước đi lại dễ cướp bóc.

Tượng binh của họ chiếm ưu thế, đội tượng binh này có tới hơn ba trăm thớt voi. Những nài voi của họ khiến voi rất tài, tiến lui đều dùng chiêng làm hiệu lệnh.

Bộ binh của họ không giỏi lắm, nhưng họ chuyên dùng loại tên tẩm độc. Họ có tài luyện được loại thuốc kịch độc. Người hoặc vật trúng tên của họ vào bất cứ chỗ nào, cũng chỉ một lúc là tái đen toàn thân rồi chết. Dạ chất độc của họ không có thuốc nào giải được.

Tâu bệ hạ, các chủng quân của họ gồm thâu tất cả được hơn hai muôn; chủ yếu đóng tại hai nơi là thành Phật Thệ và thành Trà Bàn. Người nắm giữ tất thấy các đạo quân của họ là một vị đại tướng, em ruột của quốc vương Sạ Đẩu. Tướng nắm giữ hải binh gọi là đô đốc. Các tướng nắm giữ bộ binh, tượng binh đều gọi là đô tổng quản.

- Thôi được, vua nói : - Vậy là cả biên thùỵ mặt

bắc, mặt nam như thế là đã rõ. Nhân đây ta nói về các khanh biết. Ta không phải như ai cậy mạnh đè yếu, gây thương tổn cho dân lành. Nhưng ăn ở phải tuân theo thiện đạo cũng chính là thiên đạo đó.

Chiêm Thành là một nước nhỏ nhưng không biết an phận thủ thường lại hay gây hấn với lân bang. Trước kia vào năm Kỷ mao, vua Chiêm nghe lời xui của Ngô Nhật Khánh đã đem quân phạm vào bờ cõi nước ta, chẳng may gặp bão, có đi mà chẳng có về. Tiếp khi Lê Hoàn lên ngôi cử Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành để kết mối giao hảo, chúa Chiêm thay vì hòa hiếu lại cầm giữ sứ giả của ta. Bực giận vì bị xúc phạm, hoàng đế Lê Hoàn đã cử đại binh sang tàn phá nước Chiêm. Tiếp đến triều Lý nhà ta, Chiêm Thành vẫn chứng nào tật ấy, khiến tiên đế phải sai cố thái bảo Đào Thạc Phụ và ta đem quân chinh phạt vào cuối năm Canh thân (1020). Lại từ khi ta lên nối dòng đại thống tới nay, nước Chiêm chưa một lần sai sứ sang thăm viếng. Không những thế còn đem binh tàn phá biên dân của ta. Thế là cứ làm sao? Các khanh thử bàn xem, ta có nên chinh phạt Chiêm Thành?

Tả tham tri chính sự Lý Mật xin nói:

- Tâu bệ hạ, cái đạo nước nhỏ thờ nước lớn từ xưa đã an bài. Thờ ở đây nghĩa là tôn trọng kỷ cương và vị thế của nhau. Tựa như nước ta vẫn tự nhận là nước

phên dậu của Trung Quốc, ta tôn trọng họ và chịu thụ phong của vua họ, lại thường năm tiến cống các sản vật quý hiếm của phương Nam. Ấy thế mà họ cũng chỉ phong cho vua ta là quận vương. Giao Chỉ quận vương. Vài chục năm lại đây, nước họ hèn yếu là thế, rồi nát là thế nhưng ta vẫn giữ lệ tuế cống. Chẳng như họ cũng ý thức được điều đó, nên mới phong cho vua ta là Nam bình vương. Tâu bệ hạ, thần thiết nghĩ, như nước Tống bây giờ, nếu bệ hạ có muốn đòi các vùng đất bị nước họ chiếm cứ từ xưa, chỉ cần bệ hạ cử một đội binh mạnh sang đánh Tống, thời một ngày ta có thể tiến cả trăm dặm như đi vào chỗ không người. Nhưng bệ hạ đã không làm thế, ấy là theo về thiện đạo vậy. Vì rằng không nhằm khi nước người ta rối loạn mà đánh. Còn việc thâu lại đất, chắc bệ hạ đã có kế sách.

Vua Thái tông vội ngắt lời:

- Ta đang nói các khanh thử bàn việc đánh Chiêm thành lúc này nên hay không nên, sao khanh lại nói chuyện đánh nhà Tống.

- Tâu bệ hạ, chính thần nói Tống để nói Chiêm đó. Tức là địa vị nước ta như thế nào đối với nhà Tống, mà ta vẫn giữ lễ. Còn như Chiêm thành so với ta, thế của họ như thế nào mà họ dám vô lễ, dám bỏ cái đạo nước nhỏ thờ nước lớn. Vì vậy bệ hạ lúc này đánh Chiêm thành là để răn bảo, việc ấy nên lắm. Tuy nhiên, thần

vẫn muốn việc răn bảo phải có hạn giới, chớ có cậy sức mình mà giết vua người ta, tàn sát dân vô tội của người ta, đập đổ thành quách, phá nát đền đài tông miếu của người ta.

Thái úy Quách Thịnh Dật xin nói:

- Tâu bệ hạ, nếu cứ như nhời của quan Tả tham tri mà thần được phép cầm quân đi đánh Chiêm Thành, không biết thần sẽ làm thế nào mà thắng được họ. Can qua mà lại không bắt vua, chém tướng, công thành thì làm gì ạ. Hay ta đem quân áp sát nước họ, mắng cho họ một trận rồi rút quân về.

Cả triều thần cười ồ lên vui vẻ. Chính quan Tả tham tri cũng cười rất hồ hởi:

- Tâu bệ hạ, thần vừa ghét sự thất lễ của nước Chiêm, nhưng thần cũng không ưa sự đổ máu của dân lành. Nói vội rồi quan tả tham tri lui về chỗ.

Các quan còn bàn đi nói lại nhiều. Nhưng rốt cuộc lại ai cũng muốn có một trận chinh phạt nước Chiêm Thành.

Vua dụ bảo:

- Ta đánh Chiêm Thành để ra uy, chứ không phải đem binh để tàn sát dân vô tội. Nhưng đã đánh nhau là phải có thương tổn. Còn như đánh vào lúc nào thời ta và Khu mật viện cùng các tướng còn phải cân nhắc.

Bình, thắng là ở sự bất ngờ, cho nên việc vua tôi bàn bạc hôm nay là phải kín nhem, nếu để tiết lộ ra, Chiêm Thành biết trước phòng bị, gây thiệt hại cho quân ta, truy xét được sẽ khép vào tội đại nghịch.

Nhìn khắp triều quan, nhà vua dừng mắt nơi Liêu Gia Trung rồi phán bảo:

- Trung thư thị lang ghi danh những người có mặt trong phiên châu này, rồi đóng ấn niêm phong lại. Ta truyền đề các ông nhớ: những ai không có mặt trong buổi châu này thì không được biết. Cần sai bảo ai, tự ta cho lệnh. Các quan ai tự tiện loan tin này với người thân và bè bạn trước khi ta cất quân, sẽ khép vào tội loạn ngôn để xử.

Hai mươi tháng chạp, vua cho triệu Khai Hoàng vương, Thái sử Lương Nhậm Văn, Thái úy Quách Thịnh Dật, Khu mật viện chánh chương Mai Mạnh Minh, Trung thư thị lang Lý Đạo Thành, Hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt, vào điện Thiên An để bàn việc cơ mật.

Vua nói:

- Việc đánh Chiêm Thành từ thuyền bè, quân cụ, lương thảo, binh lính đã chuẩn bị đầy đủ, chỉ chờ ngày xuất quân. Trước hết ta phải nói các việc ở trong nước. Thay ta cai quản việc nước vẫn là thái sử Lương Nhậm Văn và tả hữu tham tri chính sự giúp rập. Lưu thủ kinh

sư ta trao cho hoàng thái tử Khai Hoàng vương, giúp rập Khai hoàng vương có Trung thư thị lang Lý Đạo Thành, Hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt. Ta lưu ý các ông ở trong nước phải canh chừng mặt bắc, đề phòng cả nhà Tống và giám sát chặt chẽ Thái bảo Nùng Trí Cao.

Để việc xuất quân được bất ngờ, kín nhem, ta định ra giêng cho quân ăn tết xong, đến ngày Nhâm dần làm lễ sơn thần, sang ngày Quý Mão nhằm giờ Dần thì nhổ neo xuất phát.

Quân cụ, lương thảo, nước ngọt phải đưa xuống thuyền từ mấy hôm trước. Quân sĩ cho ăn tết xong phải châu tập tại khu vực gần bến bãi, để khi thuyền nhổ neo không làm kinh động đến dân chúng quanh vùng. Ta đi vắng, coi như đi kinh dinh nam thù, cấm ngặt việc phao tin ta nam chinh, kéo nhà Tống lại mưu toan nhòm ngó. Mọi việc tạm như vậy. Tết này, các lễ thức không có gì thay đổi. Riêng lễ tế giao vào mùa xuân, Thái sư Lương Nhậm Văn thay ta làm chủ tế.

Các quan ai về lo việc nấy.

Vừa bắt đầu vào giờ Ngọ, ngày Nhâm dần, tháng Dần, quan Đông Tây thượng cấp môn sử<sup>1</sup> bèn cho gióng trống rồi tự ông lên đài làm lễ sơn thần. Lễ này theo lệ

<sup>1</sup> Quan giữ về việc lễ nghi.



là dâng thần linh một con thiếu lao<sup>1</sup>, ba vò rượu, một mâm xôi, trầu cau, trà nước, hoa quả... lễ vật không thiếu một thứ gì.

Có một chuyện lạ là khi đồ tế mỗ bụng con vật tế thần, lấy được một bọc mật to khác thường. Dúng ra, những con bò non cỡ này, túi mật thường chỉ bằng quả trứng ngỗng, nhưng con vật này lại có túi mật to bằng quả bưởi. Thấy sự khác thường trước khi làm lễ xuất quân, quan chủ lễ sai đem dâng để nhà vua minh thị.

Trông thấy túi mật, ngừng nhìn thấy trời xanh lồng lộng, không khí ấm áp, mọi người vui vẻ, vừa mỉm cười nói đùa rằng: Chữ “đảm” là mật với chữ “đam” là vui âm đọc giống nhau, tức là con thiếu lao nhỏ mà có cái mật to vậy là điềm triệu cho biết, công việc lúc đầu sẽ khó nhọc, nhưng sau đó sẽ là niềm vui lớn - đại dam. Các khanh cứ thử nghiệm lời ta giải đoán xem sao.

Hôm sau, trời còn chưa sáng, kinh thành vẫn đang ngái ngủ trong làn sương dày đặc, đoàn thuyền chở hơn vạn quân đi chinh phạt Chiêm Thành do đích thân vua Lý Thái tông chỉ huy đã nhổ neo từ bến Đông, cách xa kinh thành hơn ba chục dặm. Quân đi một ngày sau đã tới cửa Đại Ác. Đây vốn là cửa biển sóng gió dữ dằn thường nhấn chìm không biết bao nhiêu thuyền bè qua

---

<sup>1</sup> Thiếu lao: vật hiến tế như bò, dê, cừu...

lại. Vì vậy dân gọi là cửa Đại Ác. Thế nhưng khi đoàn thuyền chinh nam của nhà vua qua đây thì sóng yên biển lặng, quân sĩ tinh táo không một ai bị say sóng. Không những thế, họ còn hát hò làm náo nhiệt cả một vùng biển rộng. Do đấy, nhà vua sai đổi tên thành cửa Đại An.

Lại nói tại thành Phật Thệ của vương quốc Champa. Ở đây người ta cũng có quân thám tử Thăng Long báo về, rằng đích thân vua Lý Thái tông sẽ đem mười vạn quân sang chinh phạt nước Chiêm Thành. Ấy là họ lấy được nguồn tin phao đồn, để gây hoang mang cho kẻ địch, của phía quân Việt.

Dược tin báo về, từ vua quan tới dân chúng trong nước đều lấy làm lo sợ.

Vua Champa là Sạ Đầu họp tả hữu lại hỏi:

- Vì sao vua nước Nam lại đem quân đánh ta?

Quanh chánh chường phụng ngự liền tâu:

- Bệ hạ lại chẳng nhớ từ rất lâu, phải tới cả hai chục năm nay, ta bỏ lệ gửi sứ đoàn sang Thăng Long thăm viếng, biếu tặng quà cáp gây hòa hiếu sao. Cũng trong thời gian ấy thì nước họ đã có một vài lần gửi sứ qua Champa thăm viếng. Vậy là ta thất lễ với họ lâu quá.

Viên tổng trấn máy tỉnh bắc thù lại nói:

- Tâu bệ hạ, không chỉ có việc ta bỏ cái lễ nước

nhỏ đối với nước lớn, mà thi thoảng ta còn đem quân sang cướp của giết người, đốt nhà của người dân họ tại các vùng ven biển tiếp giáp với ta. Vì vậy mà từ năm Canh thân (1020), chính vị vua này hồi đó còn là hoàng thái tử đã đem quân đánh vào trại Bố Chính của ta, chém tướng của ta là Bố Linh, phá tan thành quách rồi đem quân về.

Lại cách đây có mấy tháng, ta cũng phái hải binh sang đánh phá biên dân của họ, tới lúc quân họ kéo đến ta mới rút về.

Nhà vua bèn gất:

- Tại sao các khanh lại làm các việc đó để khó cho ta bây giờ.

- Tâu, bệ hạ chẳng thường răn đám biên tướng chúng thần, không để cho họ được ở yên đó sao? Thực tình lũ thần có muốn thế đâu, nước mình đã nhỏ, lỡ khi người ta đánh lại thì nguy...

Bóp trán suy tư giây lát, quốc vương lại nói:

- Chẳng qua mấy người sứ nhà Tống đem sắc phong vương cho ta, rồi nhắc: "Thiên tử coi quý quốc như là chân tay thân tín, nếu chân tay đau thì đầu mình cũng đau luôn. Thiên tử e ngại vùng bắc thù của quý quốc sẽ bị nước địch cường thịnh áp chế rồi xâm lấn. Vì vậy phải phòng bị từ xa, phải không cho họ ở yên.

Phải giữ họ ở cái thế nửa hòa nửa chiến; nếu không họ sẽ cường thịnh. Nước Nam mà cường thịnh thì đến nước Tống còn phải dè chừng, thử hỏi nước Champa các ngài sao đương đầu nổi. Tuy nhiên lỡ can qua vùng biên ải có xảy ra, thiên tử sẽ quở An Nam, bức họ phải cầu hòa với quý quốc...". Thì đấy, các khanh xem, bọn sứ Tống nào sang ta mà chẳng nói như vậy. Ta cũng nghĩ thế, nên mới răn các khanh thế, ai dè...

Đại tướng Indra nói:

- Lân bang hòa hiếu hay tranh hùng quyết đấu hơn thua, đều phải có chủ đích của nước mình. Đường đường một quốc gia mà cứ để vài viên sứ thần cò mồi dọa dẫm, lửa gạt rồi làm theo họ thì tránh sao khỏi hậu họa. - Bệ hạ, bây giờ không phải là lúc than vãn. Đại binh nước Việt sắp tràn vào cõi rồi, xin bệ hạ cho ý chỉ để chúng thần còn lo liệu.

- Thế thì các khanh thử liệu sức xem, ta có đánh nổi họ không?

Đại tướng Indra vẻ bức dọc hỏi lại:

- Tâu đại vương, nếu quân ta không địch nổi họ thì làm thế nào!

Nhà vua cảm thấy bí bách quá bèn vặc lại:

- Vậy chờ theo các khanh thì nên như thế nào. Ta nghe nói binh sĩ họ kiêu dũng, tướng lĩnh họ mưu trí

lắm, lại đích thân vua Lý làm tướng đối lũy với ta trận này.

Quan bố-đề Tu-va từ nãy vẫn ngồi vuốt râu, nay thấy không thể không nói:

- Bệ hạ là quốc vương của một nước mà giặc đến còn không tự mình làm tướng ra trận, lại hỏi lữ thần. Sao không thấy vua nước Việt họ đốc thúc quân sĩ từ xa ngàn dặm đến đánh ta.

- Khanh nói thế, tức là các khanh đòi trăm phái ra trận. Vậy thời ta nuôi các khanh để sai khiến vào việc gì.

Đại tướng Indra bèn đỡ lời:

- Bệ hạ, đánh giặc là việc của lữ thần... Nhưng ít ra trên phương diện quốc gia, bệ hạ là chủ mà giặc chưa đến nơi đã vội sợ, đã vội coi binh tướng họ như thiên binh thiên tướng; để rồi không có phương kế chống đỡ. Thử hỏi những kẻ dưới quyền bệ hạ còn biết xoay xỏa ra sao. Thử hỏi, việc này đến tai dân chúng, họ sẽ nghĩ gì, họ còn biết tin vào ai đây? Bệ hạ không tự tay cầm binh khí đánh giặc, nhưng bệ hạ phải biết sai khiến lữ thần chứ?! Đại tướng Indra thở dài ngồi xuống; ông không thể kìm nén nổi sự khinh bỉ một kẻ gọi là vua, đứng đầu cả một dân tộc vừa tài hoa tinh tế, vừa kiêu dũng trước cả đại dương và mọi kẻ thù. Đứng đầu cả một quốc gia mà tài năng chí chuyên chú về sự thụ

hưởng dục lạc, và chỉ trọng dụng kẻ siểm nịnh bất tài; không hiểu mai đây sinh mệnh quốc gia này sẽ trôi về bến đỗ nào đây.

Quan bố-đề Tu-va lại nói:

- Tâu bệ hạ, thời gian gấp lắm rồi, cứ như chỗ thần biết thì đi biển vào mùa này, từ Thăng Long vào tới thành Phật Thệ mất khoảng một tuần trăng. Ấy là họ có cho quân nghỉ lại cửa Hội, cửa Nam giới để lấy thêm lương thực, nước ngọt; còn không, họ cứ đi thẳng một lèo thì chỉ mất hai chục ngày đêm thôi. Bệ hạ phải bình tĩnh và can đảm lên, phải lấy non sông xã tắc làm trọng, dù có bỏ mình vì nước thì sử xanh lưu dấu, con cháu nối đời trường trị ngôi tôn. Nhược bằng vua tôi nhu nhược thì sớm tối sẽ bị họ bắt làm tù binh. Nước mất, nhà tan, thân bại danh liệt. Xin bệ hạ có quyết sách mau đi để đại tướng quân Indra còn điều động binh nhung.

Nghe quan bố-đề nói, nhà vua rưng rưng cảm động. Lúc này trong lòng đã bớt sợ, vì thấy các quan không ai tỏ ra sợ sệt. Vua nói:

- Nghe Tu-va nói, ta thấy vững dạ hơn. Nhưng sao lúc nãy ta nghe các khanh nói, vua nước Nam đem những mười muôn quân đánh ta. Trời ơi, mười muôn quân chỉ riêng đoàn quân ấy cũng xéo nát tan bờ cõi ta, giang san ta chứ chưa cần họ phải đánh.

Dại tướng Indra nén lòng để trấn an tinh thần nhà vua:

- Bệ hạ là bậc chí tôn chí kính, mỗi hành vi, mỗi lời nói của bệ hạ đều là tấm gương cho thiên hạ noi theo. Nếu lúc này bệ hạ chỉ hơi yếu lòng một chút là tướng lĩnh ngã lòng ngay, còn binh lính thì hoang mang trốn chạy. Lúc ấy bệ hạ có muốn chống giặc cũng không lấy người đâu mà chống nữa.

Đừng sợ họ đem nhiều quân hay ít quân. Quân nhiều mà nhút nhát, chỉ nghe tiếng voi của ta gầm cũng đủ vỡ mặt mà chết, chứ làm gì nổi.

Tâu bệ hạ, ta phải tình tảo chức, nước họ lấy đâu ra mười muôn quân sang đánh nước ta. Nếu họ có mười vạn quân đi chiến đấu xa nhà, thì họ phải còn hai chục vạn quân nữa để giữ nhà. Bởi lẽ người Tống không lúc nào ngơi rình rập miếng mồi An Nam. Cho nên con số mười vạn quân là lời đồn hão, đánh vào tâm lý của quân ta, xin bệ hạ chớ tin. Dạ, tâu bệ hạ, theo ý thần thì số quân họ đem đến nước mình chỉ hai vạn người, còn như gắng lắm, họ chỉ có tới ba vạn quân viễn chinh là nhiều nhất, chứ không thể hơn được.

Quân nước họ mạnh nhất chỉ có cấm binh. Đó là loại binh túc trực hộ giá trong kinh thành. Còn phần lớn quân của họ là một thứ gián binh, mà họ gọi là ngụ binh ư nông. Đó là đội quân vừa làm ruộng vừa luyện

tập. Nhà nước không phải nuôi đạo quân này. Con trai từ mười tám tuổi gọi là hoàng nam, hai chục tuổi gọi là đại hoàng nam. Nhà nước quản lý loại đình này chặt chẽ lắm. Không cho phép ai mua hoàng nam làm người hầu hoặc nô lệ. Mỗi nhà quan tùy theo cấp bậc chỉ được phép nuôi từ một đến ba người để giúp việc. Quá hạn ấy phải trả về, phải nộp phạt tiền và phạt roi, đánh tới một trăm trượng.

Tâu bệ hạ, cái thứ quân vừa là nông phu vừa là lính ấy, họ có nhiều thật đấy, nhưng đánh nhau làm sao được. Loại binh ấy mới chỉ trông thấy đội tượng binh của ta đã tháo chạy rồi. Cho nên, quân của họ đâu có đông thì cũng chỉ là quân dộn thường thôi, lo gì.

Quốc vương Sạ Đẩu nghe quan Đại tướng nói mà nở ra từng khúc ruột. Nhà vua tươi cười:

- Nếu quả như khanh nói thì ta còn sợ gì mà không dám bày trận, đối lữ thách đánh với Lý Phật Mã. Sao lúc trước, khanh không nói ra những điều này.

- Bây giờ vẫn chưa muộn, quan bố-đề Tu-va nói: - Bệ hạ nên trao hẳn việc điều động quân sĩ, việc lập trận, bày trận cầm cự hoặc tiến công giặc cho ngài đại tướng Indra. Nếu đã trao việc, lại phải trao quyền thì mới điều hành được; kẻ nào trái lệnh được quyền chém trước, tâu sau thì mới đủ uy để sai khiến ba quân.



- Được! Được lắm! Nhà vua cất cao giọng, đồng dục nói: - Indra đại tướng nghe ta truyền: “Giặc sắp phạm vào cõi bờ thiêng liêng của nước Champa vĩ đại. Nhân danh quốc vương và uy linh của thần Shiva là chúa tể của các thần, ta trao quyền Tổng binh trong toàn cõi cho khanh để cản giặc. Đích thân ta - quốc vương nước Champa sẽ sát cánh cùng khanh để đốc thúc ba quân chiến đấu đánh tan bất kỳ kẻ xâm lược nào. Ta sẽ trao ấn tổng binh và kiếm báu cho khanh để làm uy giữ nghiêm quân lệnh”. Nói xong vua quay bảo viên chánh chưởng phụng ngự: - Khanh mau vào trong trướng, lấy ấn, kiếm ra đây cho ta.

Nước Chiêm Thành tuy nhỏ, nhưng binh lính được tổ chức có quy mô, binh khí đầy đủ sắc nhọn, trang phục gọn gàng đẹp đẽ. Nom đội quân của họ lúc nào cũng như sắp đi diễu hành. Hải binh, trang phục màu trắng; tượng binh, trang phục màu vàng; bộ binh, trang phục màu xanh chàm. Quân lính tất cả đều là thường binh chứ không có gián binh. Cả đất nước có hai vạn binh lính chia làm ba chủng quân: Hải binh là chủng quân mạnh nhất có bảy ngàn người, phiên chế thành bốn hạm đội. Hai hạm đội đồn đóng ở hai mặt cực bắc và cực nam, còn hai hạm đội túc trực trên vùng biển gần với kinh đô Vijaya tức là thành Phật Thệ. Căn cứ hải binh phía bắc, thường trú đóng trong vùng biển của

Tư Minh, để chặn đường tiến của quân Việt từ biên phía bắc tràn vào.

Tượng binh của nước Chiêm Thành có ba trăm sáu chục thớt voi đã thuần hóa, đã luyện thành voi trận. Và nó luôn được bổ sung để thay thế những con già yếu. Đội tượng binh có ba ngàn quân dũng mãnh. Những tay nài voi cũng thường là những thợ săn voi, nên việc điều khiển voi của họ mau lẹ, chẳng khác những người thợ săn điều khiển chó săn.

Cuối cùng là chúng quân bộ gồm mười ngàn quân, trong đó có một ngàn lính kỵ mã với bảy trăm con ngựa nòi Hồ to, khỏe. Trong mười ngàn quân này thì có tới bảy ngàn quân vừa bảo vệ nhà vua vừa bảo vệ kinh thành. Đội kỵ binh thuộc quân cấm vệ.

Mỗi chủng quân đều đặt dưới quyền chỉ huy của một vị đô thống. Những vị này đều là thân vương, hoàng tộc, quyền lực chỉ đứng sau vua.

Đại tướng quân Indra giữ quyền Tổng binh trên toàn cõi với ấn kiếm vua ban, đang dặt dặt nước trong tình thế chiến tranh. Vì vậy, việc huy động dân binh, huy động lương thực và điều động quân sĩ trong cả nước, không gặp khó khăn nào cản trở.

Trong mười hai ngày, Đại tướng Indra đã điều hành hầu hết số quân trong cả nước về lập trại tại sông

Ngũ Bồ thành một phòng tuyến vành đai bảo vệ thành Phật Thệ.

Đội hải binh đóng tại cửa Tư Minh cũng rút về quây lấy cửa Châu Ổ để bảo vệ kinh thành, chứ không án ngữ để cản giặc từ xa như trước đây đã dự liệu. Hơn ba trăm thớt voi với ba ngàn tượng binh dũng mãnh cũng điều hết về, lập nên một dãy trường thành vững chắc bất khả xâm phạm ngay trên bờ nam sông Ngũ Bồ. Nếu quân địch vượt sông bằng thuyền, sẽ bị hàng vạn cây cung, nỏ từ triền đồi, từ bờ nam sông Ngũ Bồ bắn xuống. Mỗi thuyền giặc sẽ là một chiếc quan tài chìm ngấm dưới đáy sông. Nếu giặc bơi qua sông cũng không tránh khỏi lưới cung tên, giả dụ những tên sống sót ngoi lên bờ, sẽ bị vòi voi cuốn chặt rồi tung lên trời. Cái thân xác ấy được vòi voi thả ra, thân thể sẽ mềm nhũn như chiếc dọc mục nướng chín. Tên nào lóp ngóp còn lại thì các tượng binh trên bành voi dùng câu liềm móc, dùng giáo nhọn phóng, sẽ không còn một móng nào chạy thoát. Sau lá chắn tượng binh sẽ là dày đặc các vòng vây bộ binh, kỵ binh với đủ thứ binh khí từ tên tầm độc, hỏa hổ đến đánh sập lá cà.

Như vậy, quân giặc tất phải bỏ thuyền lên bộ đánh vào thành Phật Thệ, nên chỉ để ít quân canh giữ hạm thuyền. Toàn bộ hải binh Champa lúc này mới xuất kích bọc hậu, lại cho một đội quân như thuyền địch tới gần,

thừa cơ đội khinh thuyền chứa thuốc chất dẫn lửa, len vào giữa bãi đậu thuyền của giặc mà phóng hỏa. Trong khi đó, quân giặc bị tượng binh và bộ binh Champa truy đuổi, ắt phải chạy về căn cứ đậu thuyền để lấy phương tiện trốn chạy. Thế là tượng binh, hải binh, bộ binh Champa đã dồn quân Việt vào một khu vực giữa cửa sông và biển. Lý Phật Mã với ba vạn quân, năm vạn quân, hoặc mười vạn quân như ông ta phao đồn, tất cả đều bị dồn vào một cái túi và bị dìm chết hết tại hải phận Champa.

Sau khi xem xét cách dàn quân và bố trí binh lực tại những nơi hiểm yếu, lại trình bày xong thuật đánh quân An Nam với quốc vương Sạ Đẩu cùng toàn thể triều quan, đại tướng Indra khàng khái nói dẫn từng tiếng, tựa như một thông điệp ông muốn gửi tới quốc vương An Nam: “Đây là trận quyết đấu giữa sức mạnh của quân Việt với trí tuệ Champa. Đây sẽ là mồ chôn vĩnh viễn mộng bành trướng về phương nam, của bất cứ kẻ thù nào, dù là người Việt hay người Tống”. Lời nói của tướng quân làm sục sôi bầu máu nóng và tấm lòng ái quốc của tướng lĩnh và quan lại Champa. Mọi người đều nóng lòng chờ quân Việt tới.

Vua Sạ Đẩu vụt đứng dậy vung lưỡi kiếm sáng ngời ánh thép buột ra lời nói, như một lời thách đấu:

- Hỡi Lý Phật Mã, ta sẽ lấy đầu người!

## XXXII

Lại nói về đại quân Việt với cả ngàn chiến thuyền rầm rộ ra đi gặp tiết trời đẹp, thuận mùa gió, sóng yên biển lặng. Đại quân tới cửa Hội vào lúc nửa đêm. Uy Minh hầu Lý Nhật Quang, châu mục châu Nghệ An, hoàng tử thứ tám của Lý Thái tổ và là em út của đương kim hoàng thượng, đã bày hương án túc trực nghênh đón nhà vua.

Từ thuyền ngự bước lên, vua đi giữa hai hàng đèn đuốc sáng trưng. Tại đây, gần sát mép biển, Uy Minh hầu cho dựng gấp một nếp thảo đường để nhà vua nghỉ tạm. Tuy không được như ở trong cung điện sang quý nơi kinh thành, nhưng Nhật Quang cũng ráng tom góp các đồ sang quý mượn của mấy nhà hào phú trong vùng, đem về bày biện để làm đẹp lòng nhà vua trên quăng đường gió bụi chiến chinh.

Một nếp nhà ba gian rộng rãi, mái lợp tranh, tường

thưng bằng ván gỗ mít vàng ươm, cột xoan đào thuần lõi đỏ au. Một chiếc sập gụ kê chính gian giữa. Bên cạnh là chiếc tủ chè kê sát tường, bày mấy bộ đồ trà. Nóc tủ bày một bình gốm cỡ trung, hình bệch như củ hành, màu men ngọc xanh mát. Trên đầu, phía giữa hai đầu của chiếc duỗi ngang, treo bức đại tự với bốn chữ màu vàng chói, trên nền vóc đại hồng. Bức đại tự làm cho gian nhà ấm hẳn lên.

Nhà vua ngồi vào sập, các quan và Uy Minh hầu đều đứng chấp tay giữ lễ. Vua chỉ mọi người ngồi vào mấy chiếc kỷ kê sát sập:

- Các khanh ngồi vào đi. Lễ nghi triều điển, tất phải giữ, nhưng ở nơi triều chính kia. Đây là trên đường hành binh phải phiên phiến đi. Gặp lúc gấp gấp phải nói ngay, chứ nếu cứ khoanh tay phủ phục, thưa bẩm, ta chắc quân địch nó không chờ cho các khanh làm xong các việc đó rồi nó mới giương cung, bật tên dâu. Nào, ngồi cả vào đây để bàn việc gấp.

Trà nô dâng trà xong vua hỏi Nhật Quang:

- Phần lương thảo cho quân, đệ lo giùm ta đến đâu rồi.

Lý Nhật Quang vòng tay cung kính:

- Tâu bệ hạ, phần lương thực, thân huy động cho ba muôn quân đủ dùng trong ba tháng. Một phần ba đã

chuyển tới các kho ngay sát với chiến thuyền của bộ hạ neo đậu. Khi nào bộ hạ cần lấy, thần cho khuôn xuống tận khoang thuyền, chỉ nội trong nửa ngày là chu tất. Sớm mai xin bộ hạ sai quân lương đi các kho kiếm hạt. Dạ, còn có ngựa, loại cỏ mỡ, cỏ mật ngựa rất ưa dùng, thần đã cho phơi nở, đóng gọn trong các bao cói thơm phức, quân dùng bao nhiêu có bấy nhiêu. Nước ngọt trong cả mấy chục giếng quanh đây, thần sẽ cho dân binh ra đưa các thứ xuống thuyền, kể cả gánh nước, để quân nghỉ dưỡng sức. Các đồ thức ăn khô như vừng, lạc, đậu phụ nhự, cà nén, thịt muối, thịt sấy khô có cả thịt lợn, thịt trâu bò... thần cũng đều có lo liệu đủ dùng.

Nghe Uy Minh hầu tâu báo về việc lo liệu lương thực cho quân chu đáo đến trọn vẹn, cả những việc như thức ăn khô thì đâu ta có nhắc trong chiếu dụ, thế mà em ta cũng sáng dạ lo chu tất. Lòng rưng rưng cảm động, nhà vua đứng dậy ôm lấy hai bả vai người em út, nói lời an ủi:

- Em chu đáo quá, ta có nhờ khen. Nhưng sao em gây thế, xương bả vai nhô lên đây này. Em vất vả thiếu thốn lắm sao. Nhà vua nhìn thẳng vào hai mắt người em út, trong lòng ngài nhói lên niềm ân hận.

Lý Nhật Quang đọc được tâm trạng của vương huynh, chàng xúc động nhìn ra chỗ khác, và nhẹ nhàng thưa:

- Em chỉ mong làm tròn phận sự vương huynh giao phó, để vương huynh làm rạng danh sự nghiệp của tiên đế, cho dân nước được nương nhờ. Em thân trai tráng, sá chi chuyện gian lao.

- Ta biết em sống liêm khiết, tư biện sơ sài, ta vô tâm quá, mong em thứ lỗi cho ta.

Nghe nhà vua nói, Uy Minh hầu Nhật Quang vội quì tâu:

- Để bệ hạ phải mủi lòng về những điều nhỏ nhặt, thần thật dắc tội.

Nhà vua vội đỡ người em đứng dậy:

- Ta hỏi đệ, đệ lấy tiền đâu ra mà dựng ngôi nhà này đón ta. Vừa nói nhà vua vừa ngừng nhìn lại bất gặp bức đại tự với bốn chữ: “THANH ĐỨC LƯU PHƯƠNG”<sup>1</sup>, ông giật mình hỏi tiếp: - Vậy chớ còn bức đại tự kia, nguồn gốc ở đâu?

- Tâu bệ hạ, thần làm gì có tiền, mà cũng không lấy đâu ra tiền để dựng ngôi nhà này. Nguyên nó là nhà thờ tổ của một dòng họ lớn ở trong châu, họ vừa làm xong chưa kịp khánh thành. Ngôi làng có dòng họ ấy cách đây vài dặm. Họ nghe quan châu đang dựng trại đón quân binh của triều đình sắp ghé qua. Họ cử vị tộc

---

<sup>1</sup> Đại ý: Đạo đức thanh cao sẽ lưu mãi tiếng thơm.



trường tới, xin được khiêng ngôi nhà này đến để quan châu làm nhà trạm, việc xong họ lại khiêng về. Thần vốn không muốn phiền nhiễu dân, nhưng hai ba lần từ chối không được, nên đành phải mượn tạm. Dạ thưa, còn bức đại tự là của thần. Đây là chữ của phụ vương. Thần nhớ hồi còn nhỏ thường được nghe phụ vương dạy dỗ: Con người cái quý nhất là ở như cái đức. Phải ráng tu giữ lấy cái đức. Đức tốt chính là để của cho con cái về sau đó. Đức như một thứ hương thơm lưu dấu đến muôn đời. Và mỗi lần nói xong, phụ vương lại đọc bốn chữ này: “Thanh đức lưu phương”. Thần nhớ được nên ghi lại, làm của gia bảo. Chẳng biết có được hay đắc tội, xin bệ hạ lượng tình.

Vua Thái tông chăm chú nghe, và ông thật sự xúc động về tấm lòng chí hiếu của Nhật Quang:

- Sở dĩ ta hỏi lại để cho rõ lai lịch, là bởi ta nghe mấy chữ đó quen quá. Đúng là mỗi khi răn dạy anh em mình tu đức, khi xong thế nào phụ vương cũng không quên đọc bốn chữ này. Nay để có ý thức lưu giữ như đồ gia bảo là quý lắm. Đáng khen lắm. Theo ta, nếu nó trở thành đồ quốc bảo, để nhà nhà đều tu đức thì thật là phúc hạnh cho dân, cho nước. Như sự nhớ ra điều gì, nhà vua lại hỏi: - Vậy chớ còn thân mẫu em thế nào, người có được khỏe không, đã lâu lắm, có nhẽ từ ngày phụ vương băng, ta chưa gặp lại bà. Vợ con em nữa. Em

sinh mấy con rồi.

Thấy nhà vua hỏi han niềm nở thân tình, Nhật Quang cũng bớt phần lo sợ. Chàng như chưa hoàn hồn sau cái loạn Tam vương cách đây đúng hai mươi sáu năm. Ngày ấy Nhật Quang mới sáu tuổi, không dây dính gì vào công việc của các anh. Nhưng khi thấy đầu rơi máu chảy, bắt bớ, tra xét khiến tuổi thơ chàng như thui chột. Mẹ chàng, tiếng rằng cũng đứng trong hàng phi, nhưng nghe đầu xếp hàng thứ chín, hạng trót ấy chỉ hơn các cung nữ có một bậc. Vả lại mẹ xuất thân con nhà hạ tiện, chỉ là một con cái thứ dân, vì có nhan sắc nên được tiến cung. Biết thân biết phận, hai mẹ con sống thu lại trong sự lo lắng, hãi sợ. Kịp đến khi nhà vua sực thương đến cho di trấn trị châu Nghệ An, thì hai mẹ con mới cảm thấy như được thoát ra từ một nhà ngục lớn. Về nơi đất mới được vài năm, mẹ vui hoạt trở lại. Chàng lấy vợ rồi sinh mấy đứa con. Mẹ lại nảy ý muốn xuất gia. Chưa kịp lo toan để thỏa lòng mẹ, thì mẹ đã ra đi sau một giấc ngủ dài. Nỗi niềm cay đắng nay được nhà vua hỏi đến, khác nào khơi lại vết thương cũ. Nhật Quang cắn răng nén xúc động để ngăn dòng lệ sắp trào ra. Chàng vội vã đáp:

- Tâu, mẹ thần chẳng may lâm bệnh đã khuất núi từ mấy năm trước rồi ạ.

- Sao việc ấy ta không thấy em tâu báo về triều. Ta

thành thật chia sẻ với em nỗi đau mất mẹ. Qua Chiêm Thành khi trở về, ta sẽ đến viếng mộ bà. Nói đoạn, nhà vua nhắc mọi người về công việc sắp tới:

- Nào, bây giờ ta muốn nghe biết sự thể bên thành Phật Thệ người Chiêm đang làm gì. Các khanh đã lấy được tin tức gì chưa.

Các quan đều im lặng. Một lát sau Lý Nhật Quang rụt rè xin nói:

- Tâu bệ hạ, nguồn tin thần lược được không đáng tin cậy. Chẳng là trong thành có mấy nhà thương lái, thường qua lại buôn bán bên Chiêm, họ mới từ Phật Thệ về. Cách đây hai ngày thần hỏi họ thấy gì ở bên đó. Họ nói, bên ấy quân kéo từ khắp nước đổ về kinh thành nườm nượp suốt ngày đêm. Họ nói người Chiêm bảo mười vạn quân Việt sắp kéo sang đây làm cỏ nước Chiêm, nên họ quyết nghênh chiến, tiêu diệt sạch sành sanh quân xâm lược. Tượng binh của họ rải khắp bờ sông Ngũ Bồ. Mấy người thương lái này sợ không dám ra đường. Sau nhờ người Chiêm dẫn đường, lại hóa trang thành người Chiêm, nói tiếng Chiêm mới thoát về nước được. Nghe nói, ở bên đó họ đang lùng bắt người Việt, vì họ sợ những người này làm gián điệp.

- Ai bảo tin đó là không đáng tin cậy. Trong lúc ta chưa biết gì về cung cách họ nghênh đón ta như thế nào, thì nguồn tin ấy là tối quan trọng. Ít ra ta cũng biết

là họ đã biết ta sắp sang, và họ đang soạn sửa cuộc tiếp đón đầy đông đảo. Các khanh nên nhớ, việc thu lượm tin tức có nhiều nguồn. Nguồn do khách thương thu lượm được một cách tự nhiên, qua nghe thấy, hoặc nhìn thấy. Nguồn do binh lính kháo nhau khi gặp nhau nơi hàng quán. Nguồn do người của ta trà trộn trong dân chúng họ để dò biết. Nguồn do người của ta nằm trong hàng ngũ giặc đưa về. Lại có nguồn do người của địch mà ta mua chuộc được tiết lộ những điều cơ mật của họ cho ta. Tất cả những nguồn tin này đều quý, nhưng đáng tin đến đâu, cái nào là thật, cái nào trá ngụy do bên địch tung tin, hoặc cấp tin cho ta theo lối phản gián. Cái đó phải sàng lọc thật kỹ càng, tinh táo. Nếu không sáng suốt lại đa nghi thì tin thật báo tin giả, là bỏ qua cơ hội giành chiến thắng. Nếu cả tin một cách thiếu thận trọng, là mắc mưu địch, là thất bại.

Thái úy Quách Thịnh Dật ruột nóng như có ai vừa đổ mỡ sôi vào. Ông đứng ngồi không yên. Dem đi mấy vạn quân vào đất lạ mà tới giờ này mọi tin tức vẫn còn u u minh minh thì còn đánh đấm cái gì. Tin do Uy minh hầu Lý Nhật Quang đưa ra chẳng có mấy giá trị. Không hiểu bọn người mà ông và bên Khu mật viện phái đi tới cả nửa năm, thậm chí cả mấy năm nữa, tới lúc này chúng vẫn nằm im sao? Hay chúng đã bị bắt hết? Hay chúng đã đầu hàng? Vô lý, không thể có các chuyện ấy.

Vậy thì vì cớ gì ta lại bật tin, có khác chi người mù. Điều tối kỵ là vào đất địch mà không biết rõ về quân địch.

Mặc cho nhà vua thao thao giảng giải cho chư tướng, Quách Thịnh Dật dường như không nghe và ông cũng không cần nghe nhà vua nói gì nữa. Cái ông cần là hiện nay người Chiêm Thành đang bài binh bố trận ra sao!

Nhà vua cứ nói hoài. Quách Thịnh Dật cứ mong hoài. Song những điều cần biết nhất trước khi đem quân vào đất địch là chưa đầy đủ. Vì thế nhà vua cũng chưa đưa ra được thời hạn cho quân dừng lại Cửa Hội nghỉ ngơi là bao lâu. Tạm thời ngày mai vẫn chưa có lệnh đưa lương thực, có ngựa và nước ngọt xuống thuyền.

Vua tôi còn đang bàn bạc thì từ đâu đó tiếng vó ngựa đổ dồn mỗi lúc một gần hơn. Một lát sau thấy đám quân hổ báo dẫn một người vận đồ võ phục, hùng dũng bước vào. Người ấy cởi áo ngoài, bỏ mũ, phủ phục vái nhà vua hai vái:

- Tâu, thần là Mạnh Minh đem tin cấp báo từ Chiêm Thành tới bệ hạ. May quá, vẫn còn kịp.

Nhà vua mừng khôn xiết, vội đỡ Mạnh Minh dậy và chỉ hàng ghế ngồi:

- Khanh đến đúng lúc quá. Ta đang bí tin về người Chiêm. Vậy chớ tình thế ra sao, khanh nói mau.

- Tàu bệ hạ, mãi sớm nay, người của thần cho vào thành Phật Thệ đã hơn một năm, mới thoát được một người về cấp báo. Thành Phật Thệ hiện nay quân canh dày đặc, phòng thủ nhiều vòng, một cánh chim vào ra đều không lọt được.

Tin tức do quân của Khu mật viện đem về, y hết những gì đã diễn ra do đại tướng Indra tổng binh nước Champa đã điều động và bày binh bố trận. Sau khi trình bày đầy đủ các sự việc đã diễn ra ở Champa, ở thành Phật Thệ, quan khu mật viện chánh chương Mai Mạnh Minh nói thêm:

- Tàu bệ hạ, theo như người của thần cho biết thì hiện nay trong ngoài thành Phật Thệ từ vua quan, binh lính đến dân chúng đều háo hức mong chờ quân Việt đến. Họ hi vọng là họ sẽ thắng to trong trận này. Hầu như họ còn muốn thách đánh nữa. Chỉ còn thiếu nước hạ chiếu thư.

Nghe xong, nhà vua tươi cười bảo các quan:

- Nếu nguồn tin này là chính xác thì ta hình dung ra trận thắng này rất hay. Ta chắc chỉ nay mai sẽ có thêm tin mới. Nhưng ta cho nguồn tin của Mạnh Minh là thực tới tám chín phần rồi. Bây giờ ta muốn các khanh thử đánh giá một cách trung thực, về khả năng chiến đấu của các chủng quân của Chiêm Thành, và tài thao lược của các vị tướng lĩnh nước Chiêm.

Thái úy Quách Thịnh Dật xin nói:

- Tâu bệ hạ, do theo đòi nghiệp binh, lại phải lo ứng phó với mấy nước lân bang như quân Tống, quân Chiêm, quân Chân Lạp, thân thấy người Chiêm Thành có ưu thế nhất trong việc tổ chức các chủng quân.

Nhất là với quân thủy, binh lính của họ quen thạo công việc như chèo thuyền, lái thuyền, bơi lội... Giỏi nhất là việc dò tìm phương hướng trên biển. Vì thế các hải đội của họ khi phục kích tấn ra rất nhanh, ẩn náu thật tài tình, kẻ địch khó mà phát lộ được; Kịp khi tiến công, chỉ cần một hiệu lệnh qui ước, các chiến thuyền của họ bất ngờ xuất hiện, vây tụ lại bao vây thuyền địch vòng trong vòng ngoài như thần xuất quỷ nhập, khiến kẻ thù trở tay không kịp.

Tượng binh của họ cũng vậy, không chỉ người nài voi mới khiến được voi, mà phần đông trong số các tượng binh đều có thể thay thế người nài voi (ta gọi là quân tượng). Còn quân bộ của họ thì khỏi phải nói. Họ thoát ẩn thoát hiện, di chuyển nhanh như sóc, có thể vừa chạy vừa quay lại bắn cung hoặc phóng lao làm cản bước tiến của địch quân.

Vua Thái tông vội ngắt lời:

- Khanh thuận nói cái mạnh của kẻ thù, không sợ quân ta nản lòng sao. Nên nhớ hai mươi lăm năm trước,

khi ấy ta mới hai chục tuổi, ta đã kịch chiến với quân Chiêm, ta đã đánh bại họ và lấy đầu viên tướng Bồ Linh, thử hỏi quân ta mạnh hay quân họ mạnh?

- Bệ hạ, dù muốn hay không ta cũng phải thừa nhận, binh lính Chiêm Thành khá thiện xảo. Nhưng họ có vài nhược điểm mà tự họ chưa chế ngự được. Đó là, từng chủng quân của họ, đối trận riêng rẽ, họ rất mạnh. Ví như quân thủy của họ đánh với các tàu lớn của người Tây dương thường là họ thắng. Hoặc tượng binh của họ đánh nhau với tượng binh của Chân Lạp thì họ nuốt sống. Nhưng đáng buồn là nếu họ phải phối cả ba chủng quân ấy trên một chiến tuyến, thì họ lại rơi vào lúng túng, chệch choạc. Và nếu phòng tuyến của họ bị chọc thủng thì họ chỉ có chạy dài. Khi mỗi chủng quân của họ tụ lại thành một khối thì họ là đội quân khó đánh bại, nhưng khi buộc phải tản ra thì họ không còn khả năng chiến đấu nữa. Sự tan rã là không tránh khỏi.

Vì sao vậy? Vì các tướng lĩnh của họ luôn luôn coi binh lính của mình là nhất thiên hạ, nên từ trong ý niệm của họ không có chuyện địch mạnh ta né, địch yếu ta tiến, mà chỉ có một đường tiến. Chợt tới khi bị chặn lại, lập tức tan vỡ. Viên tướng Bồ Linh bị bệ hạ chặt đầu không phải là trận giao đầu đầu tiên, mà bởi qua hai lần quân của y bị bại chiến.



Tâu bệ hạ, còn một điểm yếu cố hữu nữa trong đội quân oai dũng của người Chiêm, là từng người lính quá phụ thuộc vào tướng lĩnh, từng người lính thiếu can trường, quả cảm.

Tâu, một khi biết rõ chỗ mạnh yếu của kẻ địch, lại biết tiên lui đúng lúc, thì việc chế khắc quân Chiêm để giành chiến thắng đang nằm trong tay bệ hạ.

Đúng lúc Thái úy vừa dứt lời thì quân thám vào bẩm: “Vừa bắt được một thuyền có ba người Chiêm, xin bệ hạ cho ý chỉ”.

- Dẫn ngay họ vào đây!- Vua truyền.

Ba người Chiêm vừa trông thấy Thái úy Quách Thịnh Dật vội lột mũ cúi lạy:

- Lũ hạ cấp suýt bỏ mạng ở xứ Chiêm, nên về muôn, xin thái úy tha tội.

Thái úy vừa vui mừng vừa mắng khéo họ:

- Các người không biết hoàng thượng cũng thân chinh à, ông chỉ về phía nhà vua, lại nói: - Mau mau tạ tội đi.

Ba người cúi rạp đầu xuống lễ năm lễ ba lạy, miệng rối rít:

- I.ũ thần có mắt như đui, xin hoàng thượng tha tội chết.

Vua Thái tông cười vui và xuýt xoa khen:

- Các người về được đến đây là quân ta chắc thắng rồi. Mau nói các điều các người mắt thấy tai nghe. Việc các người không biết ta là ai, lỗi không ở các người. Vả lại đang ở hành doanh, việc giấu kín tung tích để che tai bịt mắt quân địch cũng là việc cần thiết.

Ba người từ nước Chiêm về, thuật lại những điều họ tai nghe, mắt thấy về việc sẵn sàng nghênh chiến của quân Chiêm. Những điều họ nói, đều trùng với những gì mà người của khu mật viện đem về do Khu mật viện chánh chưởng đã tâu báo với nhà vua. Chốt lại, vẫn là quân Chiêm đã bày xong thế trận, đang nóng lòng chờ đón quân ta tới để giao chiến.

Khi cảm thấy tin tức thu nhận đã tạm đủ, vua hỏi mấy người vừa từ nước Chiêm Thành trở về:

- Các người có tận mắt thấy đoạn sông Ngũ Bồ, nơi quân Chiêm rải tượng binh ở đó không?

- Dạ muôn tâu, một người vội nói - thần đã nhìn thấy cả trăm thớt voi giăng hàng trên bờ sông nom oai phong lẫm liệt, khí thế hào hùng, tinh kỳ rợp đất, tiếng loa thét, tiếng trống, tiếng chiêng rộn rã suốt ngày đêm.

- Vậy chớ dòng sông ở đoạn này nước có lớn, về mùa này người có thể lội qua được không, đáy sông là cát sỏi hay bùn lầy?

- Tâu bệ hạ, khoảng cách giữa hai bờ sông là đuối tầm tên bắn. Mùa nước lũ vào khoảng cuối tháng chín đến giữa tháng mười ta. Nước lũ có thể ngập tràn đôi bờ, dòng nước chảy xiết không có cách nào vượt sông được. Nhưng giêng hai là mùa nước cạn, thượng nguồn, giữa sông nước chưa ngập tới đầu gối. Đoạn sông hiện họ đang bầy trận, nước chỉ còn ở khu vực lòng sông hẹp, chắc độ non ba chục sải tay mặt nước, còn lòng sông chỗ sâu nhất ở đoạn này, vào mùa này là ba sải nước, đáy sông thuần cát, sỏi, loáng thoáng có đá cục to. Dạ nhưng nước sông càng ngày càng cạn, áp mùa mưa đoạn này nước chỉ còn lưng ống chân. Dạ, như tầm này thì vượt sông vẫn phải dùng thuyền hoặc bắc cầu phao. Nhưng nếu cách đây khoảng hai chục dặm về phía thượng nguồn thì nước chỉ còn ngang thắt lưng thôi ạ.

Nhà vua cho lui hết và chỉ giữ lại có mấy người: Thái úy Quách Thịnh Dật, Khu mật viện chánh chương Mai Mạnh Minh, Uy Minh hầu Lý Nhật Quang, Thiếu sư Lý Triệt, Đô thống Đàm Toái Trọng, Tả kiêu vệ tướng quân Trần Năm, Tướng quân Ngụy Trưng, Tướng quân Nguyễn Sấn...

Khi chỉ còn lại các tả hữu tâm phúc, nhà vua nói:

- Ta biết Sạ Đẩu là một ông vua vô tích sự. Nhưng Indra là một bậc trí tướng, không thể coi thường. Tể

tướng Tu-va cũng là bậc hào kiệt, và quân lính của họ đều thiện xảo cá, đúng như thái úy Quách Thịnh Dật đã dò la xem xét và đánh giá họ rất xác đáng. Cho nên lần này ta với các khanh vào Chiêm để răn dạy cho họ đôi điều phải quấy. Nhưng đây, thực sự là một cuộc đấu. Vừa là đấu trí, vừa là đấu lực.

Hiện nay, người Chiêm đã dốc hầu như toàn lực gồm hai muôn quân tinh nhuệ, để đấu với hơn hai muôn quân của ta từ xa tới. Trận địa họ đã bày sẵn, tinh thần binh lính đang hăng. Tuy nhiên, cái yếu nhất của người Chiêm là tính kiên nhẫn. Nếu họ chờ ta vài tuần mà ta không tới, binh lính và cả quan tướng họ, tinh thần đều oải trĩ. Từ đó nảy sinh lòng kiêu ngạo, coi thường địch. Vì vậy, ta phải nuôi vỗ lòng kiêu căng của họ cho thật to lớn lên. Do vậy, từ ngày mai thái úy cho lính vào trong thành chơi bởi mặc sức. Các tướng phải xem các nơi lầu hoa, tửu điểm thường có khách thương Chiêm Thành, hoặc đám quân thám của họ trà trộn để dò la quân ta, tại đó phải đưa người của ta vào, cứ cho ăn mặc kiểu lính tráng, nói năng không cần giữ mồm giữ miệng, kể cả mạ lị các bậc bề trên, thậm chí chê trách cá ta là nhát. Mới nghe Chiêm Thành phô trương trận mà đã vội dừng quân, không dám tiến. Và cũng chẳng biết bao giờ mới sang Chiêm nữa, khéo mấy bữa nữa sẽ quay lại Thăng Long... Đại loại, những chuyện như vậy

phải cung cấp thật nhiều cho quân thám đối phương. Cũng bắt đầu từ đêm mai, phải đưa lương thảo xuống thuyền, nhưng giữ cho thật kín nhem. Ngày kia, ngày kia vẫn cho lính đi chơi, vẫn say sưa nơi quán sá, vẫn tiết lộ kín hở các điều ta cần cho địch biết. Nếu tin này đến tai quốc vương Sạ Đầu, lập tức ông cho giải binh ngay. Tất nhiên các tướng sẽ không nghe. Nhưng ngoài mười ngày vẫn không có dấu hiệu ta cất quân, các tướng lĩnh của họ cũng lần lần trễ nải. Tới lúc đó, ta cất quân thì trăm phần thắng. Nghe nhà vua nói xong, các tướng đều cúi đầu im lặng. Đúng là họ có theo vua đi đánh dẹp nhiều lần. Nhưng phần nhiều là người man nãi loạn. Quân đi bắt quá chỉ dăm ba ngàn. Sự thật, chỉ cần một tướng nhỏ cũng dẹp xong, thế mà vua cứ phải thân chinh, các hoàng tử thay nhau thân chinh. Trong thâm tâm mọi người thường cho là nhà vua chưa có gì tỏ lộ được mình là bậc chân tài. Nhưng lần này, mới chỉ nghe nhà vua điều hành việc xuất quân cùng các mưu lược, các đối sách, đủ biết Thái tông là bậc vua giỏi, là bậc tướng tài không phải thời nào cũng có được.

Năm ngày sau, vào lúc nửa đêm, vua sai nhỏ neo đưa toàn bộ chiến thuyền dời Cửa Hội đi theo đường sông mà vào cửa Nam Giới. Vì đường sông hẹp, nên thuyền đi rất chậm, khoảng nửa chiều ngày thứ ba mới

tới được cửa Nam Giới<sup>1</sup>. Vua cho đậu lại. Cho quân lên bờ cắm trại. Trại quân san sát. Cờ xí rợp trời. Kèn trống vang rộ suốt ngày đêm. Ban ngày thì quân thi vật, thi võ. Ban đêm thì hát múa hoặc diễn lại các tích trò.

Nhà vua biết chắc đối cảng của Chiêm Thành với cảng Nam Giới của ta là cửa Bồ Chánh<sup>2</sup>, hiện thời hải binh Chiêm đã rút hết vào phía nam, nhưng thế nào họ cũng ém quân thám lại để dò xét quân ta. Việc ta hư trương quân sĩ ở cửa Nam Giới, như có ý còn luyện quân, chờ thời chứ chưa có ý định xuất binh, nhằm lừa người Chiêm.

Việc lưu quân ở Cửa Hội, lại lưu quân ở cửa Nam Giới quả đã đến tai người Chiêm.

Quốc vương Sạ Đầu bèn cho triệu các quan tới trưởng để nghị bàn. Mở đầu, nhà vua hỏi:

- Các khanh có biết vì sao vua nước Nam đã dự liệu đánh ta, nay lại trù trừ không tiến binh nữa. Có phải Lý Phật Mã sợ ta?

Mọi người đều im lặng. lát sau nhà vua có vẻ sốt ruột bèn hất đầu về phía đại tướng Indra:

- Khanh nói thử ta nghe việc Lý Phật Mã trù trừ

---

1 Cửa Nam Giới là cửa biển cuối cùng của Việt Nam tiếp giáp với Chiêm Thành. Nay đã bị bồi lấp, thường gọi là cửa Sốt ở Hà Tĩnh.

2 Bồ Chánh thuộc đất Quảng Bình ngày nay.

không tiến binh là ý làm sao?

- Tâu bệ hạ, đại tướng Indra chậm rãi, ông đứng thẳng người, nom ông mới oai phong lắm liệt làm sao. Áo chèn tay, đai thắt ngang bụng. Chiếc đai to bản bằng bàn tay thêu đôi chim thần Garuda châu giữa tượng thần Shiva. Bốn mắt chim thần là bốn viên hồng ngọc, còn hai mắt tượng Shiva là hai chấm kim cương chói sáng. Trên đầu, đại tướng mang chiếc mũ đầu mâu chóp nhọn, đính viên kim cương to bằng đầu đũa, phía sau cổ có một miếng da dầy trùm kín gáy tựa như một tấm giáp. Tướng quân mặc quần chèn ống, chân đi hia đen cao tới đầu gối. Thân hia thêu rắn thần Naga màu trắng. - Tâu bệ hạ, Indra nhắc lại - Thuật dùng binh thì hư hư thực thực sao mà lường hết được. Việc chậm tiến binh, biết đâu chẳng là kế của người ta. Chưa giao đấu, chưa biết quân bên nào mạnh, tướng bên nào giỏi, sao đã vội cho là họ nhất, họ sợ ta được. Xin bệ hạ hãy nán chờ ít bữa nữa.

Quan Bố đề Tu-va tiếp lời:

- Việc bệ hạ có mặt trong trường hỏ tại hành doanh là sự cố vũ lớn lao cho quân sĩ. Còn việc tiến, lui đánh giặc như thế nào, bệ hạ đã trao toàn quyền cho đại tướng Indra. Ấn, kiếm dang nằm trong tay đại tướng, ông sẽ biết cách điều hành công việc, xin bệ hạ yên lòng. Tuy nhiên, theo ý thần cũng không loại trừ bên phía quân

An Nam đã có phần lo ngại. Vì rằng lực lượng quân ta vừa hùng hậu, vừa sẵn sàng nghênh chiến. Có lẽ những gì diễn ra ở Champa, ngoài Thăng Long người ta đều biết cả, nên Lý Phật Mã mới tiến binh ngập ngừng như thế này.

Viên tổng trấn trại Bồ Chính xin nói:

- Tàu bệ hạ, bắc thù của ta, quân trấn trên bộ rất sơ sài. Còn trên biển, quân thủy cũng đã rút hết. Lỡ Thăng Long cho quân tới chiếm đất, bắt dân chúng đem đi rồi di dân của họ tới thì làm thế nào. Việc trống vắng sức quân, nếu chỉ là kế không thành trong thời gian ngắn dăm bảy ngày thì được, quá hạn kỳ ấy, coi như đem đất đai sông núi biếu không cho giặc. Mong bệ hạ nghĩ lại.

Vua Sạ Đầu lòng phân vân. Thực lòng từ bữa các đại thần này nỉ gần như ép nhà vua phải có mặt tại nơi sẽ đối đầu với đại quân Việt khiến nhà vua phải rời xa cung điện, rời xa các cung nữ, mà ở đó lúc nào cũng âm vang tiếng nhạc cùng hàng đoàn các vũ công đẹp như tiên nữ xum xít quây quần và vâng lời dâng hiến. Rồi sơn hào hải vật không thiếu một thứ gì. Rồi lũ thái giám ton hót rót vào tai ngài ngự những lời dịu ngọt và thơm phức như mật ong rừng, chúng cũng khéo bày đặt các cuộc chơi tưởng không bao giờ dứt. Còn ở đây, nơi nay mai sẽ là chiến trận, với biết bao hiểm nguy rình rập.



Vài con tì nữ theo hầu vừa xấu lại vừa vụng, tới mức chẳng còn muốn rời mó gì tới chúng nữa. Vua tự hỏi: “Tại sao ta lại phải đây ải tám thân muôn quý này. Thân ta, đâu còn phải của riêng ta nữa. Thân ta là của cả nước rồi. Bởi vậy ta không có quyền đem thân vào vòng nước lửa”. Nghĩ vậy, nhà vua liền bảo mọi người:

- Các khanh, ta thấy viên tổng trấn Bố Chính nói hữu lý lắm. Nếu không mau đưa quân ra trấn bắc thùỵ cả trên bộ, trên biển, ta sợ rằng quân từ Thăng Long sẽ tiến chiếm đất đai, sông núi của ta mất. Hoặc là các khanh cứ ở lại đây tùy cơ ứng biến. Ta phải trở về thành Phật Thệ, kinh thành không thể một ngày không có chủ.

Nhìn mặt các quan thấy ai nấy đều có vẻ căng thẳng, biết mọi người đang bất bình với nhà vua, quan Chánh chương phụng ngự bèn lựa lời nói khéo:

- Bệ hạ, hiện nay binh sĩ đang ngày đêm túc trực chờ quân thù đến để quyết một trận, tinh thần họ căng thẳng lắm. Sao bệ hạ không nghĩ đến việc đi úy lạo họ.

Đại tướng Indra vẫn đứng nghiêm trang nhìn về phía nhà vua. Viên ngọc trên đỉnh mũ ông tỏa sáng dội thẳng vào gương mặt bạc nhược của đức kim thượng. Trong lòng ông dấy lên sự khinh ghét, rằng tại sao một đất nước tươi đẹp thế này, nhân dân siêng năng và nhiều người tài giỏi như thế này, lại chịu khuất thân

một con người ngu tối và hèn nhát như thế kia. Về bực bội, tướng Indra lên tiếng:

- Bệ hạ, nước Champa đang cần sự có mặt của ngài tại đây chứ không phải ở kinh thành Vijaya. Bệ hạ làm vua cả một nước, thì bất kỳ nơi nào trong đất nước, đều là đất của bệ hạ. Sao bệ hạ lại bỏ cái thế nhân chủ của cả một nước để chỉ ôm lấy một kinh thành. Nếu bệ hạ muốn rời bỏ nơi này thì tùy bệ hạ. Nhưng binh lính thì không. Họ còn phải bảo vệ nước Champa. Chính bệ hạ đã trao quyền đó cho thần. Nói đoạn tướng Indra tuốt thanh kiếm lệnh chỉ lên trời: - Thế có thần Shiva tối linh hộ trì cho dân nước, nếu vua nhà Lý chưa giải binh thì quân Champa chưa thể đi khỏi chiến tuyến này.

Nghe tướng Indra nói lời danh thép như hồn thiêng đất nước nhập vào ông, mọi người đều phấn khích, nhưng quốc vương Sạ Đầu lại tái mặt đi, không hiểu nhà vua vì sợ hay vì giận viên tướng mà ngài đã trót trao cho ông ta quyền hành cực lớn.

Từ bữa đó, nhà vua không hé răng đòi về lại kinh thành nữa, nhưng lòng nhà vua thì nôn nao nhờ những đêm ca vũ những ca công và vũ công đẹp như mơ. Các cô nàng chỉ vận có mỗi một mảnh xiêm bé tẹo, ngực để trần, chân tay tròn trĩnh. Nhạc đeo từng chùm nơi cổ tay cổ chân, bước chân uyển chuyển theo nhịp trống pa-ra-nưng và kèn sa-sa-nai. Mỗi khi kèn, trống dồn nhịp thì

cả vũ công, ca công đều rung tay, lắc hông khiến cho trăm chùm nhạc cùng rộn rã, cứ như họ sắp vỗ cánh bay lên như các thiên thần. Ôi khi nào ta mới được thấy lại cánh thiên đường đó. Hiện tại, nhà vua không nghĩ gì đến mấy muôn quân từ Thăng Long do vua nhà Lý thân chinh đang rập rình ngoài cõi, mà lòng nhà vua chỉ giận oán lũ cận thần. Ngày lại ngày cứ trôi hoài. Quân Champa đã có phần trễ oải. Các tướng không đi kiểm soát thường xuyên ngày vài ba lần nữa, cũng không thúc ép cấp dưới phải cắm trại nữa. Lính tráng rủ nhau ngày một nhiều vào các làng quê, các phố phường tìm gái, đánh bạc hoặc rượu chè để giải tỏa đầu óc trong cả tuần trăng căng thẳng.

Đúng lúc đó thì quân Việt âm âm kéo đến, họ như các thiên binh từ trên trời rơi xuống khiến quan quân Chiêm Thành hoảng loạn. Tuy vậy, quân Việt cũng không dễ gì sang sông, mặc dù lòng sông cạn gần tới đáy, và đã qua hai đêm quân Việt bắc cầu phao không thành, bởi quân Chiêm luôn giám sát chặt chẽ dòng sông. Mỗi khi quân Việt cho người mon men tới mép nước, thì phía quân Chiêm cùng một lúc có tới vạn mũi tên độc bay về hướng đó.

Hai bên đối lầy tới ba ngày, quân Chiêm sắp cả một rừng những con voi chiến lưng lững. Những nài voi, những tượng binh oai vệ như lính nhà trời nhìn

những người lính Việt nhỏ bé di chuyển nhanh như sóc khiến họ mỉm cười, lại có phần thương hại nữa. Chẳng biết họ đánh sao lại được với đội thần tượng của nước Champa đây.

Suốt ba ngày đêm đối trận, quân Việt không tiến lên được một bước, bởi sông Ngũ Bồ tuy cạn nhưng vẫn là một chiến hào bất khả xâm phạm. Vì rằng cầu phao không bắc nổi, mà lội thì chính giữa dòng sông còn sâu lút quá đầu người. Lại nữa, quân Việt dù có cạy số đông tràn qua sông, thì quân Chiêm từ trên bờ sẽ vãi tên xuống như mưa. Quân Việt có sống sót lên bờ được, cũng khó thoát khỏi hàng mấy trăm cái vòi voi với những con voi lưng lửng, những nai voi lợi hại, những tượng binh Chiêm thiện chiến. Người Chiêm Thành đã nhận ra lợi thế đang thuộc về họ, phần ưu thắng rồi cuộc cũng sẽ thuộc về họ.

Quốc vương Sạ Đầu cỡi voi đi thị sát một vùng, quanh chiến tuyến, nhằm kích thích sĩ khí. Ông cao giọng nói với tả hữu: “Quân Việt tuy nhút nhát, dùng dằng mãi rồi cũng phải tới đây nộp mạng, các khanh phải bắt sống Lý Phật Mã để ta xem mặt mũi ông ta thế nào, trước khi xem gan mật ông ta”. Nghe nhà vua nói, ba quân cười khúc khích.

Vua Thái tông vẫn nấu mình trong căn lều nhỏ phía bìa rừng, cách bờ sông non mười dặm. Nửa đêm

nhà vua sai triệu các tướng đến hội, ngài nói:

- Ba ngày nay quân ta án ngữ bờ bắc, dọa vượt sông mấy lần. Quân Chiêm tướng ta không vượt nổi nên bắt đầu xem thường quân ta. Chiều nay từ trên cao, ta đã nhìn thấy Sạ Đầu cỡi voi di thị sát trận địa. Đó là dấu hiệu xem thường kẻ địch của ông ta. Bởi bình sinh Sạ Đầu vốn là một người lừa, nhát. Dừng lại giây lâu, nhà vua lại tiếp: - Cứ xem cách bày trận thời không thể xem thường người Chiêm được, nhất là đại tướng Indra. Thực tình, nếu không vượt được con sông này, ta không thể đánh thắng được họ, cũng không thể ở lâu được, bởi lương thực của ta cạn từng ngày. Lúc này chưa thể nói tràn vào các làng mạc của họ mà khua khoắng lương thực được. Ta cũng đã xem thủy chế của Ngũ Bồ suốt ba ngày qua. Mỗi ngày chỉ cạn có nửa tác nước. Để có thể lội bộ qua sông được, ta phải chờ một tuần trăng nữa. Nếu vậy, quân ta sẽ lâm vào tình thế hoàn toàn bất lợi. Các khanh có kế gì hay nói thử ta nghe.

Hai ba tướng đều nhấp nhồm xin nói, nhà vua vội giơ tay ngăn lại:

- Thôi được, có nhẽ các khanh đã có kế tiến binh, ta cũng có dự phòng vài kế. Bây giờ thay vì nói, mỗi tướng hãy viết vài chữ về kế của mình vào mảnh giấy gấp kín lại rồi bỏ vào đây. Nhà vua chỉ tay vào chiếc hộp trầu. Vua cũng tự mình viết mấy chữ bỏ vào hộp.

Đoạn vua sai lần lượt mở các tờ giấy. Tất cả có sáu người dùng kế: “Chặn thượng nguồn”, còn một kế của người khác chỉ vẻn vẹn có một chữ: “hỏa”.

Gương mặt nhà vua rạng rỡ khôn tả. Người nói: - Vậy là vua tôi đồng lòng. Ngay bữa mới tới, trông thấy dòng sông cạn, ta đã nghĩ ngay tới kế này. Vậy còn kế dùng lửa là của vị nào đây?

- Tâu, kế đó là của thần, đô Sấn tướng quân khê nói.

- Vì sao người lại dùng hỏa công?

- Tâu, đánh voi ta không thể thắng chúng bằng sức người được, trái lại lũ voi rất sợ lửa và khói.

- Hay lắm, kế của khanh phải dùng ngay sau khi quân ta vượt sông. Nhưng ta hỏi, các khanh đã cho quân thám mạn thượng lưu chưa? Quân Chiêm có cứ binh canh giữ trên đó không.

Thái úy Quách Thịnh Dật vội đáp:

- Tâu bệ hạ, thần đã cho quân đi thám phía thượng nguồn cách đây chừng ba chục dặm, tuyệt không có một móng quân Chiêm nào.

- Vậy là trời giúp ta rồi. Bây giờ ta vạch kế, các khanh xem chỗ nào khiếm khuyết phải bổ sung ngay, nếu không sẽ phải trả bằng máu xương sĩ tốt.

Vua nói chậm rãi: - Trước hết để quân Chiêm

không ngờ, và cũng làm cho họ kiệt sức. Bắt đầu từ sớm mai, suốt ba chục dặm đối lũy với quân Chiêm, ta phải chia làm nhiều đội quân, lúc thì đoạn này, lúc thì đoạn kia, hò reo thúc trống, bắn tên sang trận giặc, quân ào xuống mép nước, dọa vượt sông, hoặc đem vật liệu dọa bắc cầu phao. Đánh ngày, còn phải đánh cả đêm. Chia quân ra mà quấy rối. Chập tối, khi quân họ kéo về trại ăn chiều: đánh. Nửa đêm, khi quân họ đang ngủ ngon giấc: đánh. Làm như vậy suốt ba ngày đêm, khiến quân kia mất ăn mất ngủ phải phờ phạc, uể oải. Trong khi đó, thái úy cho chẹn bít dòng chảy ngay từ đêm mai. Nhớ đất cát phải dựng trong các túi vải dày đặt trong các sọt tre, để giữ cho dòng nước không bị đục. Nếu nước sông bỗng nhiên đục, khiến người Chiêm có thể nghi. Tới sáng ngày thứ tư thì lấp toàn bộ dòng chảy để nước sông cạn dần, vào nửa đêm nước sông chỉ còn ngập tới đầu gối ở chỗ sâu nhất. Lòng sông chỉ thuần cát sỏi, nên quân ta vượt sông không có gì cản trở. Ba đêm thức trắng, đêm thứ tư yên tĩnh, họ sẽ ngủ say như chết. Đầu giờ Tí xuất quân. Quân vượt ào ạt, bất ngờ khiến quân Chiêm trở tay không kịp. Quân ta nhanh chóng tách bộ binh và tượng binh quân Chiêm ra. Nên nhớ, để nó giẫm đạp lên lũ quân bộ khiến chúng hoảng loạn xô đẩy nhau mà chết, hoặc tự quân họ không nhận ra nhau mà đánh nhau tới chết.

Nhà vua dừng lời, nhìn mấy vị tướng tâm phúc, hỏi: - Kế ta tạm vạch là như vậy, các khanh có thấy chỗ nào khiếm khuyết thì phải bổ cứu ngay.

Các tướng nghe nhà vua nói kế đánh quân Chiêm ai nấy đều tỏ lòng kính phục. Vài giây sau, Thái úy Quách Thịnh Dật vội nói:

- Chúng thần xin bái phục cao kiến của bệ hạ. Nhưng xin bệ hạ cho biết, khi phát lệnh thì toàn quân nhổ trại cuốn chiếu đi liền hay vẫn giữ trại.

- Ta chắc nếu giữ được bất ngờ, kế của ta thực hiện được vẹn toàn, thì quân ta chỉ vất vả khi mở trận, chứ khi vào trận đánh lại nhân sức quân đấy. Ta nhắc lại, mọi sự phải giữ cho thật kín nhem. Phải làm như quân ta bị chặn lại không thể vượt sông, cũng như không bắc nổi cầu phao. Chớ để quân Chiêm biết các việc ấy chỉ là kế thì ta thất bại đấy. Chỉ các tướng mới được biết đây là kế. Còn toàn quân vẫn chỉ biết là bị quân Chiêm đánh chặn rất quá, nên các tướng cho lui. Các khanh nhớ, đầu giờ Tí đêm đó, ta cho đốt cùng một lúc ba trăm quả pháo thăng thiên làm hiệu lệnh.

Vua sức nhớ: - Còn Thái úy hỏi ta nhổ trại cuốn chiếu hay như thế nào. Theo ta, dời trại tới sát bờ sông nơi neo đậu chiến thuyền, phòng quân Chiêm đến cướp trại, đốt thuyền chặn đường về của quân ta.



Ngày hôm sau, hôm sau và hôm sau nữa chiến trận diễn ra đúng như nhà vua hoạch định. Tới ngày thứ ba hàng ngũ quân Chiêm tó ra lộn xộn, uest oải. Sự đánh trả không quyết liệt như một hai hôm đầu.

Và khi ba trăm quả pháo thăng thiên sáng rực như trời đêm bốc cháy. Kèn, trống, chiêng nổi lên âm âm với tiếng quân reo, và hóa pháo, tên bụi nhụi bắn sang làm trại quân Chiêm đùng đùng bốc cháy. Hàng vạn quân Việt băng băng lội sông như lội ruộng, khiến quân Chiêm hoảng hốt, không hiểu quân Việt có phép gì mà hút cạn cả nước sông Ngũ Bồ.

Đội tượng binh được coi là thành lũy bất khả xâm phạm của quân Chiêm bị chọc thủng, bị tan vỡ đầu tiên. Hàng trăm con voi sợ lửa chạy túa vào rừng, quật các nài voi rụng như sung. Tượng binh không còn tượng nữa, bỏ hàng ngũ chạy tháo thân. Quân Chiêm vỡ trận kêu khóc như ri.

Quân Việt thừa thắng xông vào giữa trận chém giết tới bờ. Trời sáng trắng, quân Chiêm không còn một người nào cầm vũ khí kháng cự. Vua Thái tôn đi trong một rừng thú cấp quân Chiêm, và máu người Chiêm chảy đỏ các cung đường; không chỗ nào không có máu loang, không nơi nào không có thú cấp quân Chiêm lăn lóc. Từ đâu đó, tướng Quách Gia Dĩ vừa chạy tới chỗ vua vừa gào lên:

- Bê hạ! Bê hạ! Lũ thần đã lấy được thủ cấp Sạ Đầu, xin dâng bê hạ. Vừa nói, ông ta vừa núng tóc đầu vua Chiêm giơ lên.

Lý Thái tông dừng ngựa, nhà vua cúi đầu xá thủ cấp vua Chiêm một xá:

- Ta có lời tạ lỗi với đại vương. Trong lúc hỗn chiến, quân ta đã quá tay. Nói xong nhà vua hạ lệnh:

- Truyền ngay lệnh ta, toàn quân phải dừng tay không được giết người Chiêm nữa. Kẻ nào còn giết bậy người Chiêm, sẽ bị tội chém bêu đầu.

Vậy Quách Gia Dĩ lại gần, vua phán:

- Gói đầu của ông ta vào dây. Vua lập tức cởi tấm áo bào loang lỗ máu quăng cho Quách Gia Dĩ. - Người phải tìm ngay thi thể của ông ta cùng với chiếc thủ cấp này, đặt trong hòm gỗ thơm, trả cho người Chiêm.

Trận đánh của quân Việt thật là thần sầu quỷ khốc, người Chiêm Thành không tài nào hiểu nổi.

Quân Chiêm Thành tan tác.

Nước Chiêm Thành tang tóc.

Chúa Chiêm Thành rơi đầu.

Người Chiêm Thành thù hận.

## XXXIII

**T**rận thắng, trận tàn sát binh lính Chiêm Thành không chỉ làm cho người chiến bại khiếp đảm mà chính kẻ chiến thắng cũng kinh hoàng.

Dân chúng Chiêm Thành sợ hãi, đêm đêm lên trốn, bỏ lại cả một vùng hoang vắng mênh mông cho kẻ thù. Vì vậy, việc chôn cất những người chết, việc tẩy uế chiến trường, phần nhiều công việc đó những người lính viễn chinh phải gánh vác. Nắng thiêu đốt và làm cho những xác chết chưa kịp chôn cất trở nên nặng mùi. Quạ bay rợp trời, hàng ngàn con sà xuống đánh nhau với người, lăn sả vào cướp xác chết.

Những người lính vừa bịt mũi vừa đuổi quạ để thu dọn. Cuối cùng, những người lính Việt cũng đã vùi xác những người lính Chiêm xấu số vào trong lòng đất. Nhưng máu đông kết trên nền đất cát phủ mùi tanh lợm, khiến những người lính Việt không thể nào thoát

khỏi được mùi tử khí tằm trong nắng gió. Cảm giác ghê sợ cùng với cái nắng nóng phượng nam khiến nhiều người lính ngã bệnh. Lác đác đã có người chết. Những nấm mồ đất mới lúc đầu còn thưa thoáng, sau ken đầy như bát úp.

Vua Thái tông lòng rầu rĩ sai lập đàn cầu siêu cho các linh hồn tử sĩ của cả hai phía. Nhà vua đích thân làm chủ đàn tràng. Sau lễ cầu siêu, vua cho chuyển quân lui sâu vào phía nam, nơi không có chiến trận và là những vùng trù phú nhất của nước Chiêm Thành.

Mãi hai tháng sau đoàn quân viễn chinh mới tới được kinh thành Chiêm quốc, chẳng phải có lực lượng nào cản trở, mà vua Lý Thái tông muốn hình ảnh quân viễn chinh được dân chúng Chiêm Thành nhìn nhận khác đi. Vì vậy, nhà vua nghiêm cấm binh lính không được hãm hiếp, giết tróc và cướp bóc của cải của người Chiêm.

Tuy vậy, khi đoàn quân viễn chinh vào tới kinh đô của xứ sở mà họ vừa chinh phục được, khiến họ vô cùng ngạc nhiên. Trước hết là vẻ huy hoàng của các lâu đài, cung điện. Nét đẹp bí ẩn của những ngôi nhà nhiều nóc, nhiều mái. Những mái nhọn gần như dựng đứng có nét mảnh mai kiêu diễm, cùng những đường hoa văn chạm trổ tinh tế đến khó tin. Những tượng đá vũ nữ, những tượng rắn, tượng chim, tượng sư tử nom sống động như

người dang múa, chim dang bay, thú dang chạy được áp sát vào tường nhà hoặc đặt trước các bậc tam cấp dẫn vào thềm nhà. Nơi cung thất của nhà vua thì từ bậc thềm, cửa ra vào, cửa sổ, trần nhà, các đường viền mái, nóc được dụng công trang trí cực kỳ tinh xảo. Các đồ dùng từ tủ, giường, bàn ghế, gương lược, bát đĩa, ấm chén và cả các đồ chơi, dường như người ta làm thuần bằng vàng ròng với nghệ thuật chế tác cực kỳ thiện xảo. Các loại mũ miện của nhà vua, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa đều chế bằng vàng ròng, điểm những viên bích ngọc, hồng ngọc, kim cương. Các áo quần, hoặc đai áo nơi các đường nếp, đường viền đều thêu bằng những sợi vàng mảnh hơn cả sợi chỉ.

Thật chẳng có ai ngờ, cái nước Chiêm Thành nhỏ bé lại giàu có và sang quý đến dường này.

Một bữa nhà vua nói với tả hữu:

- Ta nghe các vũ nữ Chiêm vừa đẹp vừa múa giỏi lắm. Lại cũng nghe đồn nước Chiêm Thành có nền âm nhạc hay vào bậc nhất trần gian. Các khanh thu xếp với họ, để ta cùng các khanh được thưởng thức một đêm ca-vũ-nhạc như thế thì hay lắm.

Thái úy Quách Thịnh Dật háp tấp đón ý vua:

- Tâu, nếu bệ hạ muốn vậy, thần sẽ bắt họ phải trình diễn để bệ hạ thưởng thức.

Vua Thái tông nở một nụ cười đau khổ:

- Thái úy làm việc này không hợp. Tự do và cảm hứng là nguồn gốc của sáng tạo nghệ thuật. Không ai có thể ép buộc được người nghệ sĩ, dù trong tay thái úy có mấy mươi muôn quân cũng không ép buộc được người ta. Và lại, ta muốn xem các nghệ sĩ Chiêm Thành biểu diễn các thượng phẩm nghệ thuật của xứ sở họ, chứ ta không muốn xem các tù binh Chiêm Thành bị người ta giật dây biểu diễn như những con rối không hồn. Việc này để ta nhờ... nhà vua vừa nói vừa nhìn về phía Mai Mạnh Minh - Quan khu mật chánh chương lo giùm. Theo ta, phải thương thảo với người Chiêm để họ thấy được niềm tự hào của nước họ, và tự họ muốn đem các hảo phẩm nghệ thuật đó ra khoe với khách. Nhược bằng, họ vẫn cảm thấy dây là sự bó buộc của quân viễn chinh, thì chính ta cũng không muốn xem.

Để giúp quan Khu mật viện chánh chương Mai Mạnh Minh làm thân với các quan chức người Chiêm Thành, nhà vua buộc các tướng lĩnh của quân viễn chinh phải cho quân đồn trú vào những nơi thích hợp, và được phép tò ra phố xá chơi bời xem ngắm, nhưng phải đi theo từng nửa đô một, lại phải có một hai người bản xứ cùng đi chỉ dẫn. Cấm ngặt mọi hành vi bỉ lậu nơi thờ tự, hàng quán, phố phường, chợ búa. Nhà vua căn dặn các tướng rất kỹ: *"Nếu các tướng không răn bảo*

*sĩ tốt mọi việc cho nghiêm, thì dưới mắt người Chiêm Thành, chúng ta chỉ là một lũ cướp có sức mạnh, chứ không phải là đoàn quân đi chinh phạt, răn đe các hành vi gây họa của vua chúa nước họ.*

Lại nữa, việc điều hành các công việc của quốc đô cũng như các nơi khác, là việc của người Chiêm Thành, quân Việt không được nhúng tay vào, ngoại trừ họ có ý định chống lại quân ta...”

Hằng ngày nhà vua cùng một vài người tâm phúc đi xem ngắm kinh thành của nước Chiêm, theo sau là đội ngự long quân hộ giá. Vua đi lặng lẽ như một du khách, chứ không rầm rộ tiền hô hậu hét dẹp đường, khiến kinh động dân chúng. Vua ngầm bảo các quan phải lập họa đồ nước Chiêm, phòng sau này có khi dùng đến.

Bữa nọ, nhà vua đi ra phía ngoài kinh thành vài dặm bắt gặp một khu vực như là một khu rừng thuần đền tháp, khiến ngài sửng sốt. Đền thờ thần, tháp thờ vua hoặc những người có công lớn đối với đất nước. Cả một thung lũng đền tháp nguy nga và chói lọi dưới ánh mặt trời. Nhà vua lặng lẽ ngắm nhìn toàn cảnh thung lũng đền đài phơi ra dưới nắng, mà ngỡ đây là vương quốc của thần tiên.

Xem ngắm từng ngôi tháp cao sừng sững được xây thuần bằng gạch đỏ au. Từ chân tới đỉnh tháp đều dùng

một loại gạch mỏng. Nhưng rất lạ, những vòm cuốn, mái cong, cửa hình lá đề, lá kim bạch cũng vẫn là thứ gạch đó, mà sao tạo nổi những họa tiết mềm mại, tinh vi. Lạ lùng hơn nữa là toàn tháp như được đúc liền một khối, bởi giữa hai lớp gạch mỏng, không hề tìm thấy một lớp vữa nào. Nhà vua cứ miên man nghĩ, dân xứ này theo về văn hóa của nước Tây Trúc. Từ Phật giáo đến Ấn giáo đều đem từ Tây Trúc về. Công việc xây cất này, hẳn là có các vị thần của Tây Thiên chỉ bảo và hộ trì. Quả thật những công trình kỳ vĩ này ngoài tầm với của những bàn tay trần thế.

Nhìn từ đỉnh tháp tới trong lòng tháp, nhà vua mỉm cười nói với tả hữu:

- Một phần người Chiêm Thành theo đạo Phật, dòng Tiểu thừa, nước ta theo dòng Đại thừa. Nhưng tiểu đại đều là nhất thừa, đều là đệ tử của Phật cả.

Vì vậy, gạt cái tiểu dị ra, vẫn là con một nhà. Điều đó thì ta hiểu. Nhưng còn cái tôn giáo này, nhà vua chỉ vào chiếc Linga<sup>1</sup> to như một trụ đá đặt trên đỉnh tháp thì ta không hiểu. Lúc này mọi người mới ngược nhìn lên thấy một vật rất giống cái vật đẻ sinh sản của đàn ông, đều phá lên cười.

Vua lại dẫn các quan vào trong tháp, ngài chỉ vào

---

<sup>1</sup> Tượng hình dương vật. Đây là tín ngưỡng thờ vật tổ của loài người.



tượng một vị vua Chiêm nghiêm trang ngự trên bệ hình Yoni<sup>1</sup>, nó giống hệt cái vật sinh sản của đàn bà.

Lúc này, không còn ai dám cười nữa. Ngẫm nghĩ giây lát, nhà vua nói:

- Ta chắc đây là một loại tôn giáo sơ khai của loài người. Họ thờ đúng hai bộ phận đã sản sinh ra con người như là thờ bậc thủy tổ. Ta chắc thế, nó là một tôn giáo. Nhược bằng điều ta dự đoán có sai trật, thì ta vẫn cấm các người không được báng bổ.

Do cách ứng xử khôn khéo của nhà vua và cả đội quân viễn chinh, nên người Chiêm Thành đã bớt sợ hãi, và cũng đã phần nào nguôi nguôi giận dữ.

Nước Chiêm Thành chưa lập vua mới. Theo phong tục khi người chết phải thiêu xác, đựng trong hộp, trong bình rồi mới đưa vào cút<sup>2</sup>. Nhưng với cái chết của nhà vua thì người Chiêm còn đang thu xếp. Rằng bất cứ một cái chết nào không toàn thây, kể cả cái chết của vua chúa, thì tro hài không được đặt chung vào trong cút. Mặc dù Sạ Dầu tuy bị chém rơi đầu, nhưng đã tìm được đúng thân của nhà vua lấp vào để hỏa thiêu; tuy vậy các vị tư tế vẫn còn đang tranh cãi. Và một khi tro hài của nhà vua chưa được vào nghĩa trang hoặc phải chôn

---

1 Tượng hình âm vật của đàn bà.

2 Tiếng Chiêm, cút là nghĩa trang.

ngoài phía nghĩa trang, thì việc lập vua mới vẫn cứ phải nán lại. Quyền giám quốc tạm trao cho tể tướng, tức quan bố đê Tu-va. Hoàng hậu vẫn cai quản tam cung lục viện.

Bữa nọ vua Thái tông và các vị tả hữu, các tướng tòng chinh được người Chiêm Thành mời vào cung Apsara<sup>1</sup>, dự một buổi trình diễn vũ nhạc của người Chiêm.

Thoạt tiên là màn hòa tấu giữa kèn Saranay và trống pa-ra-nưng, gồm hai người thổi kèn với hai chiếc kèn khác cỡ, và ba người vỗ trống với những chiếc trống kích cỡ khác nhau.

Trống pa-ra-nưng của người Chiêm có hình bầu dục. Tang trống bung bằng một thứ cây đặc biệt, do người thợ làm trống vào trong rừng chọn gỗ. Gỗ xẻ ra còn phải ngâm tẩm đủ một trăm ngày, bằng thứ thuốc do các thầy tư tế pha hãm. Mặt trống bung bằng da một con dê dầu đàn sặc đen tuyền. Trống nhỏ, người nghệ sĩ treo vào cổ mà vỗ. Trống lớn đặt xuống đất, khi vỗ đặt cho mặt trống hơi nghiêng. Vỗ trống là một nghệ thuật bí ẩn khó truyền, bởi với người Chiêm Thành, âm thanh của trống là tiếng nói của thần linh, là hồn non nước.

Không hiểu người Chiêm Thành thường thức âm

---

<sup>1</sup> Apsara là nữ thần múa.

nhạc của họ thế nào. Còn người Việt vừa nghe nhạc rung đã có cảm giác như bị bùa mê. Từng âm thanh như có cánh lách len vào tới thẳm sâu óc não. Tiếng kèn vút lên như lời than van bất tận, da diết và dai dẳng. Tiếng trống âm ào như tiếng sóng vọng từ xa, đôi lúc lại như tiếng sấm rền báo hiệu sự bão dông, cơn thịnh nộ của thiên thần, của đất trời sắp òa vỡ. Âm thanh hòa trộn nghe như cuộc rượt đuổi của các thần linh. Cuộc rượt đuổi vô vọng không có điểm dừng, khiến người nghe lạnh buốt cả tâm can. Và dường như thứ âm nhạc lạ lùng này, có sức mạnh đủ khiến các tráng sĩ, dù đã tung hoành nơi trận mạc cũng phải cúi đầu lặng phắc. Các chiến mã dù đã trải qua bão lửa sa trường, cũng phải rũ bõm dừng vó. Loại âm nhạc này với người nghe xa xứ dường như họ cùng có chung một cảm nhận, đó là nỗi buồn húy diệt, nỗi buồn ngày tận thế.

Sau âm nhạc là màn múa. Đội vũ nữ gồm mười hai thiếu nữ tuổi chừng mười lăm, mười sáu. Nôm các vũ nữ đẹp như các tiên nữ và họ hao hao giống nhau như con cùng một mẹ. Mặt tròn, da trắng, mũi thẳng, mắt bồ câu, lông mày to, rậm, đen biếc. Những đôi mắt thơ ngây như mắt nai kia thường ném ra những cái nhìn thăm thẳm. Và trên các gương mặt thiên thần ấy vẫn phảng phất một nét buồn. Các vũ nữ đều có một thân hình kiểu diêm, bụng thon, ngực nở, chân tay dài

và tròn lẳn, sần chắc. Trên đầu mỗi vũ nữ đều đội một chiếc mũ vàng chạm trổ tinh vi, chóp nhọn. Đỉnh chóp gắn viên hồng ngọc to bằng đầu ngón tay trỏ. Vành mũ phía giữa trán, đính một viên kim cương to bằng đầu đũa. Tất cả đều để ngực trần. Hai cổ tay đeo hai chiếc vòng vàng, đính theo chùm nhạc bằng bạc. Hai cổ chân của các nàng cũng đeo vòng vàng, nhạc bạc như hai cổ tay. Mỗi vũ nữ chỉ đóng một chiếc khố nhỏ, ngoài trùm một vành dây giốc bằng vàng, ở mỗi đuôi sợi dây lại chấm một vẩy kim cương. Vành dây buộc quây quanh bụng, phía dưới rốn, như một chiếc váy cực ngắn, vừa đủ che mảnh khố phía trong.

Âm nhạc vừa nổi, các vũ nữ tùm vào rồi tỏa ra thành một vòng tròn. Khi họ chạy, tiếng nhạc từ cổ chân, cổ tay phát ra như tiếng lục lạc. Họ múa, với các động tác uốn tay, vặn người, lắc chân dẻo quẹo khiến người xem có cảm giác, thân thể họ đều không có xương. Và mỗi khi họ di chuyển, ánh sáng rọi vào đầu, vào bụng họ, làm cho những viên kim cương, những viên hồng ngọc hắt lên màu sắc cầu vồng, soi sáng những gương mặt những tấm thân lấp lóa ẩn hiện, khiến ai nấy đều có chung cảm giác đang được xem một bầy tiên nữ tung tăng giỡn đùa.

Khi chuyển vũ điệu, họ nắm tay nhau quây thành một vòng tròn, rồi ngã người ra thành những cánh hoa

sen của một bông sen nở mãn khai. Khi họ tụm lại và quay tròn, xếp thành một bông sen hàm tiếu.

Nhạc đã dừng bật. Các vũ nữ đã cúi chào và ra khỏi sân khấu, khách vẫn còn ngẩn ngơ ngây dại. Bởi dường như ai nấy đều không tin ở mắt mình nữa, rằng họ có đúng là những vũ công, hay họ là phân thân của nữ thần Apsara.

Sau khi đi xem các cung điện, đền đài và thưởng thức vũ nhạc của người Chiêm, vua Thái tông thấy lòng xao động. Một cảm giác không rõ rệt nhen ở trong tâm não, nhà vua không thể nào cắt nghĩa được. Vài ngày sau, cái ý nghĩ mơ hồ ấy vẫn cứ bám đuổi, mãi sau vua mới gọi ra được hình hài nó. Ấy là lòng tự tôn của ông bị tổn thương. Rằng so với dân tộc mà ông đã chinh phục về mặt nghệ thuật từ kiến trúc, điêu khắc tới âm nhạc, họ đã bỏ xa những gì mà đất nước ông hiện có. Nhà vua nghiệm ra một điều mà ông cho là đúng đắn, rằng sức mạnh của người Chiêm Thành, tinh hoa của người Chiêm Thành, họ đã trút dồn hết cho nghệ thuật. Đây là chỗ mạnh nhất và cũng là chỗ yếu nhất của dân tộc này.

Bỗng nhiên vào một đêm hạ huyền, vua Thái tông cho lệnh rút hết đoàn quân viễn chinh về nước.

Cuộc chinh phạt của nhà vua, cuộc phản đòn quyết liệt khiến cho nước Chiêm Thành bại liệt. Nhưng nhà

vua đầu biết ngài đã gieo cho dân tộc này mối hận khôn nguôi. Và họ quyết trả đòn. Nhà vua đầu biết cuộc phục thù dai dẳng của người Chiêm. Đúng ba trăm ba mươi ba năm sau, vào tháng năm, năm Đinh ty<sup>1</sup>, vua Trần Duệ tông cùng mười hai vạn quân Đại Việt, đã bị tiêu diệt trên mảnh đất xưa kia Lý Thái tông đã chém đầu vua Chiêm là Sạ Đầu, và quân Việt đã trảm tới hơn ba vạn tù cấp người Chiêm.

Cũng sau trận đại bại của Trần Duệ tông thì vua Chiêm là Chế Bồng Nga đánh vào Thăng Long, tàn phá Thăng Long, giết người cướp của, cắt lưỡi người đứng đầu kinh thành là quan Đại an phủ sứ Lê Giác. Chế Bồng Nga ra vào Thăng Long như ra vào chỗ không người. Nhưng rồi mười ba năm sau, vào ngày hăm mươi ba, tháng ba, năm Canh ngọ, chính Chế Bồng Nga lại bị chặt đầu ở cửa Hải Triều, do vị tướng trẻ mới hai mươi mốt tuổi của Đại Việt là Trần Khát Chân. Và năm vạn quân Chiêm Thành thiện chiến, không một chiến binh nào còn nguyên vẹn trở về.

Vậy đó, cuộc rượt đuổi ân oán ác thiện cứ miên viễn hoài trong lịch sử hai dân tộc, cứ như là một định mệnh khắc nghiệt.

---

<sup>1</sup> Lý Thái tông đánh Chiêm Thành năm Giáp thân (1044). Trần Duệ tông đánh Chiêm Thành năm Đinh ty (1377).

Đoàn quân chiến thắng trở về không có gì cản trở. Cả ngàn chiến thuyền lớn nhỏ ra đi đều còn nguyên vẹn khải hoàn. Không những thế, chiến lợi phẩm đem theo còn chở trên mấy trăm chiến thuyền to đẹp lấy của người Chiêm.

Trong số chiến lợi phẩm mà các tướng tòng chinh đem về cho nhà vua, đáng giá nhất là một người phi của Sạ Đẩu - nàng My Ê kiều diễm cùng toàn bộ ban vũ nhạc cung đình mà nhà vua đã được thưởng thức. Trong số chiến lợi phẩm còn phải kể đến năm ngàn tù binh. Số năm ngàn đó, ngoài những binh lính mạnh khỏe, còn có một số ít các thợ giỏi đủ nghề: xây cất, kim hoàn, tạc tượng, nài voi... cùng ba chục con voi trận đã thuần dưỡng.

Qua Nghệ An, vua cho quân dừng lại nghỉ ngơi ba ngày. Uy Minh hầu Lý Nhật Quang mở tiệc mừng đoàn quân khải hoàn. Vua Thái tông cảm động nói:

- Trận này ta thắng lớn cũng có công em đó.

Nhật Quang quỳ lạy:

- Bệ hạ quá khen.

Nhà vua nâng người em đứng dậy, chỉ vào chiếc ghế đối diện cho ngồi. Lại nói:

- Tình anh em, sao đệ cứ thù lẽ với ta một cách thái quá làm vậy.

- Tâu, vương huynh thương tình, nhưng còn lẽ vua

tôi, sao thần dám không theo.

- Vua tôi là nơi triều chính. Ta nói lại, công em trong trận bình Chiêm này lớn lắm. Nhờ em chu đáo phần lương thảo. Em lại khéo nuôi vỗ dân chúng, nên từ ngày em trấn trị, châu Nghệ An yên ổn khiến ta an tâm. Việc canh phòng cảnh giới mặt bể cũng như vùng biên ải đều chu đáo cả. Em xứng đáng được triều đình ban khen. Vậy ta gia phong cho em tước vương. Đây là cờ tiết, lưỡi phủ việt em nhận lấy và được tự ý quyết mọi việc, khi khẩn cấp em có quyền chém kẻ có tội trước rồi tâu báo về triều sau.

Uy Minh vương quì xuống vái lạy nhà vua ba vái rồi đón lấy sắc phong và tiết việt. Hai tay kính cẩn nâng tờ sắc và cờ, búa đặt lên hương án, Nhật Quang bèn quay lại phía nhà vua vái tạ hai vái nữa.

Vua Thái tông hết dỗi bằng lòng có một người em trung chính vừa đức độ, vừa tài đảm đáng tin cậy phó thác trọng trách quốc gia. Trước lúc giã biệt vua căn dặn:

- Lát nữa vương đệ dân ta ra viếng mộ mẫu thân. Còn công việc trấn trị có hai điều phải lưu tâm. Trước hết và trên hết phải lo việc yên định cho người dân. Sau đó là cảnh giới biên thù. Hiện thời trong vài ba năm tới, người Chiêm Thành còn yếu chưa dám làm gì ta. Nhưng về lâu về dài không thể coi thường họ được.



Cuộc tháo phạt của ta vừa qua không dè lại quá tay. Ta chắc người Chiêm Thành sẽ để tâm rửa hận. Cho nên muốn can qua không xảy ra nữa thì nước ta phải giàu, binh ta phải mạnh. Em hiểu ý ta chứ.

- Tâu, thần hiểu ạ.

Xong các việc, vua Thái tông úy lạo quan chức cùng các bộ lão sở tại rồi ngài lên thuyền ra Thăng Long. Quá nửa đêm thuyền ngự tới Cửa Biện, nhà vua ghé Đan Nê vào lễ thần Đồng Cổ, nơi hai mươi bốn năm trước, khi ấy còn là hoàng thái tử Lý Phật Mã đem quân đi đánh Chiêm Thành, qua đây được thần báo mộng hộ trì. Rồi loạn tam vương năm Mậu thìn, thần cũng báo cho biết trước để đề phòng. Nhà vua có cái ơn tri kỷ với thần như vậy nên mỗi lần qua lại Đan Nê đều ghé lễ, mặc dù ngài đã cho xây đền và rước hèm ngài về thờ tại Thăng Long từ năm Kỷ tị.

Hải trình từ Thanh Hóa về Thăng Long, nhà vua muốn được yên tĩnh nghỉ ngơi sau quá nửa năm trời viễn chinh căng thẳng, vì vậy vua cho hết tá hữu ai về thuyền nấy. Trên thuyền ngự chỉ còn đội tùy long hộ giá và đám lính trạo chèo thuyền. Và trong lâu thuyền màn sáo buông rủ chỉ có vua cùng đám tú nữ xoa bóp để giải khuây cho ngài.

Lại nói nàng My Ê là quý phi của Sạ Dầu, là bậc quốc sắc thiên hương, con của một vị đại thần đã ba

đời truyền nối, nhà giàu vào loại phú gia dịch quốc. Sở dĩ nhà ấy trở nên giàu có là nhờ đã mấy đời buôn bán. Họ buôn đồ hương liệu như trầm hương, tùng hương, xạ hương, kỳ nam... Những loại hàng này còn đắt hơn cả vàng; các thuyền buôn của người Ba Tư, người Trảo Oa và cả thuyền của người Tây dương cũng nhiều khi ghé mua. Và họ đổi lại, có khi bán lại các đồ như vàng, bạc, kim cương, hồng ngọc, bích ngọc, thậm cùng các đồ vải vóc sang quý. My Ê không chỉ là người đẹp mà còn là một người tài. Nàng thuộc loại đệ nhất vũ công của nước Champa. Một lần nàng được mời vào biểu diễn trong cung Apsara, và ngay lập tức lọt vào mắt quốc vương Sạ Đẩu. My Ê nay đã ngoài ba mươi tuổi, nhưng nhan sắc nàng so với thuở mười tám, đôi mươi không hề suy giảm.

Từ ngày quân Việt tràn sang, quốc vương Sạ Đẩu vì nước mà thọ tử, nàng Mị Ê vẫn ở lì trong cung khóc thương người tri kỷ, và nguyện cầu thần Shiva độ cho linh hồn nhà vua được siêu thăng. Tưởng rằng một hai sẽ cùng được lên giàn thiêu với nhà vua, ai ngờ... Nàng My Ê tới cá tháng nay bị giam hãm như một tù binh ở dưới thuyền, vẫn chưa hiểu vì sao mình và cả ban vũ nhạc cung đình đều bị bắt đưa đi. Tuy không bị đối xử thô bạo, không có ai gạ gẫm hoặc cưỡng hiếp, nhưng mặc cảm là một tên tù binh đã khiến nàng phẫn nộ, một hai đã muốn quỳên sinh. Đôi ba lần nàng đã bỏ cơm liền

máy bữa, nhưng các thị tì ra sức can ngăn và khuyên quý phi hãy ráng đợi chờ, thế nào bên nước nhà cũng thương thảo để chuộc về. Nếu không thì phụ thân quý phi cũng không thể bỏ mặc người. Có lúc nàng đã ngóai ngoai, đã hi vọng và ráng chờ đợi. Nhưng bất chợt lòng tự trọng dân tộc và tình yêu đối với quốc vương Sạ Đẩu lại bùng lên, vì thế nàng tự hện, nếu có cơ hội, quyết sẽ quỳên sinh. Đồi lần được ra ngoài, đi dạo quanh mạn thuyền, nàng đã toan... nhưng đều bị quân Việt giăng kín thành một hàng rào quanh mạn.

Đêm khuya, trăng sáng, trời trong vắt, đoàn thuyền chiến đã vào cửa sông từ lúc non trưa, nay đang qua vùng đất của hành cung Lý Nhân, vua Thái tôn chợt tỉnh giấc. Nhà vua sai vén rèm. Ngoài trời, trăng tãi như rắc bạc xuống mặt nước đang dập dờn sóng vỗ. Lòng lâng lâng, chợt nhớ tả hữu tàu báo có bắt nàng My Ê, là quý phi của Sạ Đẩu, và khen nàng có sắc đẹp quỳên rũ không kém nàng Dương quý phi của Đường Minh Hoàng. Vua biết, My Ê cùng các cung nữ, vũ nữ giam cả trong lâu thuyền đi sát thuyền ngựa. Không nén được tò mò và cả sự hứng tình của một người đàn ông khỏe mạnh, lúc nào cũng có mỹ nữ cận kề. Vua sai nội nhân thị nữ sang thuyền sau gọi My Ê sang thuyền ngựa hầu vua.

Được triệu, nàng My Ê vô cùng lúng túng. Thế là nhan sắc của ta đã lọt vào mắt vua nước địch. Y triệu ta sang thuyền vào giờ này, hẳn là máu dâm ô của y vừa

chợt khời. Biết tính sao đây. Ta quyết không để cho kẻ thù của Sạ Dấu, kẻ thù của nước Champa làm nhục, dù kẻ đó là Lý Phật Mã, là hoàng đế của nước Việt. My Ê căm uất rửa nguyên độc địa - Nhân quả xoay vần rồi người sẽ biết. Kẻ sát phu hiếp phụ, dù có đắp đầy sơn phấn giả trang, vẫn cứ phải phơi bộ mặt thật ra trước thanh thiên bạch nhật. Ta quyết... Nghĩ được diệu kế ở trong lòng, My Ê bèn sai thị tì lấy vải bạch bố ra quấn chặt nhiều lớp quanh người nàng, như một chiếc váy nhiều lớp, cùng những mối giắt quanh co khó cởi. Cuốn xong, nàng nói nhỏ với đám thị tì: - Các em nên nhớ thân phận mình là tù binh. Nhưng cũng phải luôn nhớ, mình là con dân của nước Champa vĩ đại. Các em không được làm điều gì để nhục cho nước. Ta đi đây. Vĩnh biệt các em. Vĩnh biệt!

My Ê ngoan ngoãn bước theo hai người thị nữ của vua nước Việt đi kèm, một ở phía trước, một ở phía sau. Khi trèo lên tấm ván làm cầu để sang thuyền ngự. Người đi trước vừa đặt chân xuống ván thuyền định quay trở lại đỡ My Ê, nàng liền quay ngoắt lại đẩy mạnh người đứng phía sau xuống nước và nàng cùng lúc lặn theo.

Ả thị nữ réo vang: Tai nạn! Tai nạn!

Tiếng kêu xộc vào khoang thuyền ngự. Quân tùy tùng long bốn phía bổ vây. Nhà vua từ trong khoang

bước ra. Nghe thị nữ tâu lại đầu đuôi cơ sự, ngài buồn rầu nhìn xuống dòng sông.

Biết không thể cứu vãn được. Đoàn thuyền xuôi nước lao đi cả ngàn chiếc rợp kín lòng sông, cách gì mà tìm hãm lại được. Dù có hãm lại được cũng đã muộn. Quá muộn rồi. Nhà vua tự hỏi: “Trăm sự tại ta. Thực lòng ta chỉ muốn gặp nàng trò chuyện, chứ đâu phải ép nàng chung chạ. Nhưng đêm hôm, ta chắc nàng nghi ta có tà tâm. Đúng là tình ngay lý gian. Ta biết nói sao đây. Hậu thế ắt nhiều người chê ta là kẻ sát phu...”

Nghe nói mấy ngày sau xác nàng My Ê trôi dạt vào một bến đò, nơi có gốc cây đa cổ thụ. Dân trong vùng vớt lên thấy một người con gái sắc đẹp rực rỡ như một người vừa thiếp ngủ. Người già trong vùng nom mặt biết là người quyền quý bị tai nạn gì đây, bèn lấy gỗ thơm làm ván chôn cất tử tế, lại dựng tấm bia mộ chỉ với dòng chữ hơi lạ: “VÔ DANH PHU NHÂN CHI MỘ”.

Nghe nói thỉnh thoảng nàng My Ê lại hiện hình quanh khu mộ vào những đêm thanh vắng. Dân bên biển ngôi mộ thành ngôi miếu thờ, quanh năm hương khói. Sau dân các nơi về lễ bái rất đông. Quan sở tại có sớ về triều xin được phong thần. Xem sớ tấu và thần phả, vua Thái tông biết đó chính là My Ê phu nhân. Nhà vua không những ban sắc phong thần, lại còn ban

cả mỹ danh: “HIỆP CHÍNH HỮU THIÊN PHU NHÂN”. Ý nhà vua muốn khen thần là người trung trinh, tiết liệt. Từ đó nhà vua mới thấy lòng được thanh thản.

Nhận sắc phong thần, lại kèm cả mỹ danh vua ban, dân làng bèn chôn tẩm mộ chí vào trong lòng đất phía sau ngôi miếu.

Vua từ Chiêm Thành về, sai sứ đi dụ bảo khắp trong nước về việc đại thắng quân Chiêm, lại cho dân mở hội ăn mừng.

Từ thiên giám xem lịch chọn được ngày lành làm lễ tế cáo mừng khai hoàn tại nhà thái miếu, dâng tù binh cùng các đồ vàng bạc châu báu với cả ba chục con voi chiến lên các liệt tổ.

Trong lễ tế, vua không cho chém tù nữa. Lại sai Phủ Thái sư phân phái chiến tù về cho các lộ. Lập riêng hương ấp cho họ được ở với nhau, được phép đặt tên các hương ấp phóng theo tên Chiêm Thành. Cũng cho phép dân chiến tù ấy được giữ nguyên phong tục của xứ sở họ, kể cả việc xây cất nhà ở, nơi thờ tự theo cách của người Chiêm.

Sai đặt tiệc yến để khao thưởng các tướng lĩnh và tả hữu đã theo vua đi chinh chiến trở về. Cũng cho sĩ tốt được ăn mừng. Cho cả kinh thành vào hội mừng chiến thắng suốt ba ngày.

## XXXIV

Sau cuộc đại chinh phạt Chiêm Thành, thế là hai mặt biên thùý phía bắc, phía nam đều yên tĩnh. Dân nước được an cư lạc nghiệp. Quan từ các lộ đều có sớ về triều: “Năm nay được mùa to”.

Nhà vua hồ hởi nói: “Tướng đánh dẹp phương xa, tổn hại đến việc nông trang, ngờ đâu lại được mùa lớn. Vậy thời việc đánh dẹp của ta thuận ý trời, đẹp lòng người. Nếu nhân dân đã no đủ thì triều đình còn lo gì thiếu thốn. Vậy ta đại xá cho thiên hạ tiền tô thuế năm nay”.

Nhà vua thân hành về các lộ, vi hành tới cả các nơi thôn cùng xóm vắng, xem các điều luật trong bộ Hình thư ban hành từ năm Nhâm ngọ (1042) có còn hữu ích cho dân, hoặc các chức dịch, các hình quan có điều gì làm phiền nhiễu dân, cản trở các lợi ích của dân do luật mới đem lại.

Sau đó, vua cùng các quan Thái sử, Đình úy ty, Khu mật viện, Ngự sử đài đi thị sát các kho tàng, các nhà ngục. Trở về triều, vua sai bổ sung thêm mấy điều vào bộ Hình luật.

Trước hết là Ty Quyển khố<sup>1</sup>, ai tham của dút mà cho nhập kho những lụa là gấm vóc không đúng hạng bậc, phẩm cấp; nếu nhận từ một tấm đến mười tấm trở lên thì cứ tính theo số tấm mà gia hình phạt từ một đến mười năm đầy khổ sai.

Cũng bổ sung thêm một điều nữa về việc cấm các ngục quan, không được lợi dụng sức của người tù để làm các việc riêng nặng nhọc, mưu lợi cho nhà mình. Ai phạm thì xử phạt tám mươi trượng, thích chữ vào mặt, đầy giam vào nhà lao. Tiếp đó, vua cho đúc một quả chuông lớn đặt ở Long Trì, để dân trong nước ai có oan ức không còn kêu cứu ở đâu được nữa thì đến đó đánh chuông ấy, tâu sự việc, vua tự xét xử.

Bỗng nhiên Thái bảo Nùng Trí Cao về chầu. Vua cho gọi vào cung Long Đức để hỏi han. Lại cho Khai Hoàng vương Lý Nhật Tôn, trung thư thị lang Lý Đạo Thành, Hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt cùng dự.

Sau khi ban cho mỗi người một chung trà, vua hỏi Nùng Trí Cao:

---

<sup>1</sup> Quyển khố: Kho lụa là gấm vóc.



- Chẳng hay Thái bảo về triều có việc gì cần tâu báo đây? Vua mỉm cười độ lượng.

- Thần nhớ bệ hạ, nhớ Thăng Long nên tự đem cống vật về chứ không sai nha thuộc nữa. Nói xong, Nùng Trí Cao rụt rè nhìn nhà vua, nhìn mọi người.

Chàng trai người Man này tuy tước vào hàm tam công nhưng chẳng hiểu lễ nghĩa gì, vẫn hồn nhiên như cây cỏ.

Nhà vua nhìn kỹ gương mặt Trí Cao thấy y vừa có vẻ ngây ngô, vừa có vẻ tinh quái, bèn hỏi:

- Nếu chỉ có việc đưa cống vật thì đâu cần đến quan Thái bảo.

Đưa tay nấn lại vành mũ một cách vụng về, Nùng Trí Cao nói:

- Thần doảng quá. Bệ hạ, đúng là thần có một việc lớn, vì việc đó thần mới phải về, thế mà lại quên. Tọa nữa là quên thôi, nếu bệ hạ không gặng hỏi.

- Việc gì vậy, người nói ngay đi.

- Tâu, thần về mừng bệ hạ vừa đánh thắng quân Chiêm Thành. Thắng lớn lắm mà.

- Sao khanh biết, có trung sứ của ta lên báo hay do người tự biết.

Nùng Trí Cao lắc đầu trách:

- Việc thắng lớn thế, vui thế mà bệ hạ không báo

cho thần. Đây là viên An phủ đô giám Ung Châu sang thăm thần, y sang chúc mừng. Thần hỏi y: Chúc mừng về cái gì. Y nghiêm mặt rùng mình vẻ sợ hãi nói: Khiếp quá! An Nam hùng mạnh quá. Quốc vương của ông đem năm vạn binh xộc thẳng vào đất Chiêm Thành, giết vua nước ấy, chém mấy vạn thủ cấp người Chiêm, lại tràn vào kinh thành lấy được nhiều vàng bạc châu báu cùng các thứ nhiều lắm.

Gương mặt ông ta trở nên buồn ủ rũ, lại nói: Nước Tống chúng tôi lớn lắm, ai ở đâu biết đấy thôi. Nhưng mà cũng nhu nhược lắm. Phía bắc thì quân Liêu<sup>1</sup>, phía tây thì quân Tây Hạ<sup>2</sup> xâu xé.

Thần liền hỏi: Vậy chớ nước Tống các ông có sợ An Nam không? - Không sợ đâu. Ông ta nói thế nhưng lại gật đầu. - An Nam đang cường thịnh, ông ta nói thêm.

Ngẫm nghĩ giây lát, Nùng Trí Cao nhìn nhà vua hỏi:

- Bệ hạ thắng lớn, lấy được nhiều của cải của người Chiêm Thành, bệ hạ thưởng công cho Thái bảo đi.

- Được, ta sẽ có phần thưởng cho khanh. Nhưng viên An phủ đô giám Ung Châu có còn dò hỏi khanh điều gì nữa không.

---

1 Năm Đinh dậu (937) Khuyết Đan đổi tên nước là Liêu.

2 Thế kỷ 11 nước Hạ chiếm hai tỉnh Cam Túc và Ninh Hạ bây giờ.

- Không. Chỉ uống rượu, nói chuyện thôi. Bệ hạ phải biết, y là một tên bợm rượu đấy. Đến như thần đây mà uống với y cũng còn bái hoái. Khi nào bệ hạ uống cùng y phải coi chừng.

- Y có đòi đi xem thành trì của khanh không?

- Có chứ, nhưng thần chỉ cho uống rượu. Rượu uống bao nhiêu cũng cho, thành thì không cho xem được. Nó xem thành của mình, lỡ nó đưa quân lên đến lấy trộm của mình thì sao. Ô, nó là người Tống mà, không tin nó được.

Vua Thái tông cười vui vẻ:

- Ta cứ tưởng cái thằng man này khờ, chẳng hóa nó lại khôn ranh. Người cầm tinh con gì?

- Con rắn.

- Đinh tị<sup>1</sup>, người tuổi đinh tị, thảo nào mà chẳng khôn ranh. Năm nay người vừa tròn ba mươi tuổi, đúng không?

- Đúng ạ.

- Thôi được, bây giờ người về nhà công quán nghỉ.

Ngày mai ta cho người đem quà đến thưởng cho người. Trước khi về Quảng Nguyên, người còn phải gặp

---

<sup>1</sup> Đinh tị ở đây vào năm 1017.

lại ta, để ta còn căn dặn một số việc phải làm.

Nùng Trí Cao vừa ra khỏi cung, vua liền hỏi mọi người:

- Các khanh thấy việc Nùng Trí Cao về châu, với việc viên An phủ đô giám Ung Châu biết tường tận việc quân ta đánh thắng Chiêm Thành có gì liên quan với nhau không.

Khai Hoàng vương nói:

- Tâu phụ vương, con nghĩ là người Tống có gài gián điệp ở Chiêm Thành, lại cũng hay xúi giục người Chiêm quấy nhiễu nam thù nước ta. Họ chỉ muốn các nước láng giềng của họ bất hòa với nhau, thậm chí đánh nhau, sẽ suy yếu, để họ được yên ổn và rảnh tay làm cho nước họ được hùng cường.

Trung thư thị lang Lý Đạo Thành vái nhà vua hai vái xin nói:

- Tâu hoàng thượng, nước Tống thấy bệ hạ thắng lớn quân Chiêm Thành nên hốt hoảng, sang thăm dò thái bảo Nùng Trí Cao. Nhưng biết đâu y chẳng có manh tâm xúi giục Trí Cao làm phản. Nhân Trí Cao về châu, bệ hạ thử cân nhắc xem, có nên giữ y ở lại Thăng Long, để đoạn diệt hậu họa không.

- Vậy còn Thường Kiệt có ý gì khác không.

- Tâu bệ hạ, đúng là ý thần có khác. Thần cho rằng

bệ hạ vì lòng nhân không nỡ giết Nùng Trí Cao, nhưng thần vẫn thấy để y là mối nguy cho nước. Chi bằng như ý quan trung thư thị lang, nhân dịp này nên giữ y lại Thăng Long, cũng là cách quản chế y. Bệ hạ cứ để ý cái mặt y, về tướng học, không điểm nào là không liệt. Thần nhớ ngày trước cố can, đã khiến bệ hạ nổi giận. Y tuổi Đinh tị, năm Tân tị bị bắt, nhẽ ra y đã chết năm hai mươi lăm tuổi ấy, nhưng hồng phúc nhà y chưa dứt hẳn, nên được bệ hạ tha mạng. Nay thì hẳn chưa đến hạn tận số, mà mãi tới năm Quý tị kia, năm y ba mươi bảy tuổi, chắc sẽ chết về tay người khác. Nhưng nếu bây giờ bệ hạ giữ y ở Thăng Long, thì sau này đỡ bận tâm hơn. Nhà vua nghe mấy người nói về Nùng Trí Cao khiến vừa bức xúc vừa bực mình.

Bực mình vì mấy người không hiểu được cao ý của nhà vua. Dẫn lòng, ngài nói:

- Ta nói để các khanh rõ nỗi bức xúc của ta.

Ấy là nhà Tống vẫn chơi cái trò lá mặt lá trái với ta. Nhớ năm Giáp dần (1014), Tống Chân tông cũng lá mặt lá trái, xúi giục đám dân man Tống do hai tên đầu lĩnh Dương Trường Huệ, Đoàn Kích Chí đem cả chục vạn binh cùng chục vạn dân đi theo hôi của, đã bị tiên đế giết chết lũ đầu mục, đánh tan tác đám quân dân Tống gồm hai chục vạn, bắt sống tới năm ngàn lứa ngựa, khiến nhà Tống thảm bại. Không những thế, tiên

đế còn gửi một trăm con ngựa qua Biện Kinh làm đồ tu cống.

Phùng Chân, Lý Thạc cầm đầu đoàn cống sứ, lúc về kể lại. Vua Tống phải xuống chiếu cho các quan địa phương có đoàn sứ thần An Nam đi qua phải đón tiếp chu đáo, và phải dẫn đoàn tới tận cửa khuyết. Tức là phải đến tận triều đình nhà Tống ở Khai Phong. Các sứ về nói rằng đoàn sứ thần với trăm con ngựa chiến, như một đoàn quân đi tới đâu khiến không chỉ dân Tống sợ hãi mà binh Tống cũng hốt hoảng. Bởi bắc thù nước Tống lúc ấy luôn bị người Liêu uy hiếp. Tới khi sứ ta cùng cống vật ra mắt Tống Chân tông, làm cho ông vua nhu nhược này vừa bẽ mặt vừa bối rối.

Nhân thắng Chiêm vừa qua, ta cũng cử Tô Nhân Tộ, Đào Duy Phiến sang báo thắng với Tống Nhân tông. Ta cho sứ thần đem theo mười con voi làm quà biếu. Và căn dặn hai viên chánh phó sứ này phải làm được các việc như Phùng Chân, Lý Thạc đã làm vào năm Giáp dần. Như thế có nghĩa rằng, đối sách của ta với Trung Hoa và Chiêm Thành hiện nay là: “cận giao viễn công”. Tất yếu cận, viễn sẽ tùy thời mà thay đổi.

Dừng lại giây lát, nhìn mọi người với tấm lòng thương yêu, tin cậy, vua nói:

- Tống là một nước lớn, nhưng các triều đại của họ từ Hán - Đường tới nay, chưa có triều đại nào làm

được điều gì cho dân ta tin cậy. Mặc dù họ là nước lớn, nhưng ta không cho phép họ vượt mặt ta, dùng nước ta làm một món hàng để chúng mua bán nay với kẻ này, mai với kẻ khác. Nhân đây ta cũng nói Thường Kiệt, Đạo Thành được tỏ tường việc ta dùng Nùng Trí Cao. Sao ta không biết cái nòi phản phúc nhà nó. Các điều Lý Thường Kiệt cố can ta năm trước, và hai người cùng can ta vừa rồi, đều đúng cả. Nhưng phải hiểu, ta dùng y làm một quân cờ trong cái thế cờ đòi đất với nhà Tống. Việc này ta sẽ nói kỹ với các người sau.

Vua nhìn mấy người tả hữu của Khai Hoàng vương với cái nhìn vừa trù mến vừa nghiêm khắc, lại nói: - Quốc thổ là việc quan trọng bậc nhất đối với mỗi quốc gia. Các khanh còn trẻ, phải ý thức đầy đủ về việc này, bởi mai đây các khanh sẽ là những cây trụ vững chắc của nước nhà, là chân tay và cũng là đầu óc của quốc vương. Mai đây, ta tuổi già bóng xế, ngôi nước chẳng về tay Khai hoàng vương còn về ai, đứng đầu hai ban văn võ chẳng trông cậy vào các khanh còn trông cậy vào ai. Cho nên việc trị nước, lo gần còn phải lo xa. Các khanh phải tinh táo đầu óc, sáng láng công việc mới đủ sức để cho người dân trông đợi.

Nhà vua vừa ngừng lời, Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt vội quì lạy:

- Chúng thần xin lĩnh ý bệ hạ.

- Chúng thần xin tạ ơn bệ hạ.

Hoàng thái tử Lý Nhật Tôn cũng quì lạy:

- Con cảm tạ phụ hoàng ban trọng ân.

Vài ngày sau nhà vua thân đến thăm trại voi đặt cạnh hồ Dâm Đàm, vua dụ: - Hai chục con voi này sẽ cho nhập vào đội tượng binh. Nhất thời nó chưa nghe được tiếng ta và hiệu lệnh của các quản tượng người mình, nên phải để những nai voi người Chiêm ở chung để chuyển hóa chúng dần dần.

Vua cho hỏi những người nai voi xứ Chiêm Thành, rằng họ có biết bẫy voi rừng và có biết thuần dưỡng chúng. Họ nói chính ba chục con voi, nhà vua đưa từ Chiêm Thành về, là do họ bắt và thuần phục. Vua cho người dẫn họ đi thám sát mấy cánh rừng quanh hồ Dâm Đàm, nơi thỉnh thoảng đàn voi rừng vẫn ra kiếm ăn.

Lại sai đám quân tượng binh phải cử người bám sát lấy người Chiêm mà học lấy nghề săn bắt voi. Ba ngày sau họ đã tìm thấy dấu hiệu nơi có đàn voi chín con, và nơi khác có đàn năm con, qua đếm các dấu chân chúng còn để lại trên đất.

Vua hỏi:

- Theo các người nên bắt đàn voi nào trước. Ta muốn mở đầu công việc này phải ăn chắc. Ta sẽ cùng đi bắt voi với các người.



Đứng cạnh nhà vua, đô tướng Nguyễn Sấn nói:

- Tâu bệ hạ, rèn cho đội tượng binh quen thạo việc thuần dưỡng cũng như việc săn bắt voi, là việc của lũ thần. Bệ hạ há phải nhọc sức. Và lại việc đó cũng khá hiểm nguy vì nhiều bất trắc khó lường, xin bệ hạ bảo trọng tấm thân muôn quý.

Nhà vua nhìn viên đô tướng già, chợt nhớ mấy chục năm trước, gặp y theo học Định Hương trưởng lão ở chùa Ba Tiêu hương Tam Sơn, thấy sư khen là người có đức, nên ta thu dụng. Văn tài y chẳng có gì, chữ nghĩa cũng chỉ đủ đọc kinh sách. Nhưng thực tình y có khiếu năng về con đường binh nghiệp. Bởi y có sức khỏe hơn người, lại gan dạ dũng cảm, nên được quân lính dưới quyền tin phục. Hơn hết, y là một người nhân ái, trung thực, hiếu hạnh. Y can ta là thực lòng chứ không như những kẻ xu phụ, khen để lấy lòng người trên.

Lại ngắm nghía gương mặt phúc hậu của viên đô tướng, tuy sức y còn khỏe, nhưng tóc đã hoa râm, da đã nảy đồi mồi, khoe mắt, khoe miệng đều đã có nếp nhăn, nhà vua động lòng trắc ẩn nói lời an ủi:

- Ta biết khanh vì yêu ta mà dâng lời can. Khanh yên tâm, ta không đại gì để cho voi nó hại, đành rằng việc ấy là hiểm nguy. Song chẳng lẽ đã làm vua là chỉ có an hưởng dục lạc, còn việc khó khăn, nguy hiểm, việc trận mạc là đã có người khác làm, người khác chết

thay. Đúng ra, ở đời không thiếu những ông vua như thế, nhưng nó nhằm vào các triều đại suy tàn. Với ta thì khác, hằng năm ta không chỉ cấy ruộng tịch điền để khuyến cáo dân nước chăm việc nông tang, mà ta còn tự cày cấy lấy gạo thơm làm xôi dâng cúng tổ tiên. Ta không chỉ trồng dâu chăn tằm, mà còn dạy cho cung nữ và người trong nước biết việc tầm tang, dệt lụa, dệt gấm. Lại tự ta mặc các đồ do ta và dân ta làm ra, không chỉ để khuyến khích người dân mở mang công thương, mà còn khuyến khích cả sự kiệm cần. Nước có giặc hoặc giặc ngoài gây rối, tự ta cầm quân vào chỗ hiểm nguy cùng mọi người để giữ yên cho nước. Vậy đó, người đứng đầu trăm họ đâu phải là kẻ chỉ biết hưởng lạc còn công việc thì đùn đẩy cho người khác. Nếu khi nào ta không còn muốn làm các việc ta thường làm, mà lại đắm chìm trong các lạc thú trần gian thì gương Lê Ngọa triều còn đó.

Khanh nên biết, những việc ta làm không chỉ để người trong nước trông vào, mà còn để răn con cháu ta, răn cả chính ta nữa. Phàm làm người ai chẳng thích sống, ai chẳng muốn hưởng lạc, nhưng ham sống tới mức nhút nhát, ươn hèn, ham hưởng các lạc thú tới mức đắm chìm, mê muội thì cơ nghiệp sẽ sụp đổ, sự nghiệp cũng tiêu vong, nhân cách cũng như nhớp khác chi loài cầm thú. Nhà vua quay hỏi đô tướng Nguyễn Sấn:

- Ta nghe như khanh mô cô cha mẹ từ thuở nhỏ, sống với bà nội. Chẳng hay bà người còn sống.

Nghe nhà vua nhắc đến bà nội, Nguyễn Sản cảm động đáp:

- Tạ ơn bệ hạ ban lời thăm hỏi. Bà nội của thần đã mất gần mười năm rồi ạ.

- Thế bà của khanh được mấy người con, hay chỉ có một mình cha khanh thôi.

- Tâu bệ hạ, bà của thần chỉ sinh hạ được một mình cha thần thôi. Vì ông nội của thần phải đi lính thú miền biên tái, bị chết vì ma thiêng nước độc. Còn cha mẹ của thần phải bỏ làng đi làm ăn xa, vì thời ấy các hào lý, chức dịch bắt phải nộp tô thuế, tạp dịch nặng lắm, không chịu nổi. Chắc cha mẹ thần cũng đã chết đói chết rét ở đâu đó từ lâu rồi.

- Vậy chớ các con của khanh ra sao?

- Tâu bệ hạ, vợ chồng thần sinh bảy mặt con, chỉ nuôi được ba đứa. Cháu đầu là trai, hai đứa kia là gái.

- Con trai của khanh năm nay bao nhiêu tuổi, y có được học hành gì không.

- Tâu bệ hạ, năm nay cháu ba mươi một tuổi. Cháu cũng được học hành đủ chữ để đọc thông kinh sách, lại theo đòi học mấy khóa võ. Hiện nay cháu chỉ ở nhà phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy đàn con năm đứa.

- Vậy thời, ta sẽ cho con của khanh được tập chân đô tướng của khanh ba năm. Sau này thi tuyển mà nó đỗ, thì được bổ vào trông nom cấm quân. Còn khanh, ta sẽ cho khanh về nghỉ để dưỡng già. Ta có lỗi vì cứ tưởng khanh chưa tới năm mươi tuổi. Ta cho khanh mười mẫu ruộng hưu điền, thêm một mẫu để hương khói cho ông nội khanh, vì như thế cũng là cái sự chết cho nước. Bà nội khanh, ta sẽ cho truy tặng mỹ danh “TIẾT HẠNH KHẢ PHÚNG”. Khanh thu xếp trong quân, từ nay tới cuối năm thì về.

Đô tướng Nguyễn Sấn rơi nước mắt vì cảm động, bèn sụp lạy:

- Tạ ơn bệ hạ rộng lòng thương, thần chẳng qua chỉ là một đứa trẻ cô cút, tưởng không còn đất sống. May được ông xã trưởng có lòng hiếu thiện, gọi gả con gái cho. Lại bắt phải học hành. Rồi lại may được bệ hạ cho theo hầu từ ngày ở Tam Sơn, thấm thoát đã trải mấy chục năm...

- Thôi, chuyện ta gặp khanh cũng là chuyện ngẫu nhiên, mà cũng là do duyên nghiệp cả. Còn chuyện giàu nghèo, ác thiện đều từ nhân quả mà ra, khanh còn lạ gì. Khi về quê quán, hiệp với các sư tăng chùa làng, làm các việc thiện đức để khai dân trí, mở dân tâm, phát triển nghề nông, nghề công, nghề thương. Chỗ khanh ở cũng gần bến sông, gần thị tứ, nên các nghề đều có

cơ phát đạt, gắng để dân thoát khỏi đói nghèo; như thế khanh được tiếng thơm mà ta cũng yên lòng.

- Thần xin lĩnh mệnh. Nhưng thần xin bệ hạ gia ân.

- Còn điều gì nữa đây? Khanh nói mau kéo ta lại có công việc.

- Tâu, như vậy là hổ bầy voi đã đào xong, đường dụ tượng cũng đã đắp xong. Voi nhà đã đưa vào chỗ dụ voi rừng rồi, chỉ chờ voi rừng sập bầy là đi bắt. Xin bệ hạ gia ân cho thần được theo hầu bệ hạ đi bắt voi.

- Thôi được, khanh sẽ tháp tùng ta đi bắt voi.

Từ ngày đi đánh Chiêm Thành về thấy dân nước yên vui, lại được mùa, nam bắc thùy đều không có động tĩnh gì, nhà vua tràn ngập niềm vui. Sau khi săn bắt được một con voi rừng bên hồ Dâm Đàm, nhà vua còn đi thăm khắp đó đây trong nước. Trở về triều được mấy bữa, tự nhiên nhà vua ngủ không ngon giấc. Nhiều đêm thức trắng. Có đêm lại ngủ mê mệt không thể tỉnh dậy được. Thường thì giấc ngủ chập chờn. Trong mơ thấy Sạ Đầu hiện về đòi trả lại đầu cho y. Chưa dứt hình ảnh Sạ Đầu lại thấy Mị Ê vận quần áo trắng lớp, đứng trân trân nhìn vua không chào mà chỉ kêu “lạnh”. Gương mặt nàng nghiêm lạnh, không những không sợ hãi mà còn tỏ ra khinh thị. Bất chợt, nhà vua thấy lại toàn cảnh chiến trường, máu chảy tràn mặt đất, đầu lâu

người la liệt khắp nơi, tất cả đều trợn mắt nhìn nhà vua đầy oán giận và la hét đòi mạng.

Vốn là một người cương dũng, những cảnh tượng ghê rợn đó không dễ gì làm nhà vua hãi sợ. Ngài cũng tự biết, trong chiến trận cảnh chết chóc đầu rơi máu chảy là khó tránh khỏi. Chỉ có điều cây muốn lặng, gió chẳng muốn dừng. Dân ta đang sống yên ổn thì người Chiêm Thành cứ xua quân sang gây hấn: giết người, cướp của, đốt phá triền miên, khiến dân lành không được yên ổn.

Nhà vua tự biết, việc chinh phạt người Chiêm Thành là thế nạn bất đắc dĩ. Ngay như Phật đà muốn quảng bá được chánh pháp, vẫn cần phải có người hộ pháp, để diệt trừ những kẻ tàn ác hung hiểm cản trở Ngài trên đường Đạo.

Để an định cái tâm, mấy bữa nay nhà vua đến cầu tại chùa Chân Giáo. Trước Phật-đà, vua tự bạch: “Quả nhân không giết Sạ Dấu. Ông ta bị chặt đầu bởi chính cận thần của mình. Còn quân Chiêm Thành bị giết ư? Đó là nghiệp báo do họ gieo rắc. Chính họ đã giết những người dân lương thiện tay không có gì để kháng cự của quả nhân trong nhiều năm qua...”. Có lúc nhà vua đã toan đọc biến kinh sám hối. Nhưng ngài lại cho việc đó là không cần thiết. Thế rồi nhà vua tự bạch trong tâm tưởng, trong óc não trước Phật-đà. Tiếp đó nhà vua đọc

thêm biến “Bát Nha ba la mật đa tâm kinh”. Đêm về mơ thấy phật Quán Thế Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên tòa. Sớm ra vua đem chuyện ấy nói lại cho tả hữu ở trong cung nghe.

Người bảo điềm lành. Người cho là điềm dữ. Mỗi người giải đoán một cách, vua nghe chẳng lọt tai, bèn triệu một vị hòa thượng đến hỏi. Sau khi nghe vua kể, sư liền giảng giải:

- Hẳn trong lòng bệ hạ có điều gì bất an nên cầu khiến Phật-đà. Phật-đà sai bỏ tất Quán Thế Âm đến hóa giải. Thế gian nên biết, mơ thấy Phật là điềm lành, là phúc hạnh chớ không có gì phải lo cả. Phật dắt tay bệ hạ lên tòa là điềm đại hỷ. Ngẫm nghĩ giây lát, sư lại khuyên:

- Bệ hạ sẵn có Bồ tát hạnh, nếu phát tâm công đức thì nên xây một ngôi tam bảo, hình dáng như đã thấy trong mơ.

Nhà vua rất hoan hỉ trước lời khuyên của vị thiền sư. Vì vậy, vua sai triệu quan công bộ đến, và thuật lại hình dáng ngôi chùa, giống một tòa sen ngự trên một trụ đá, như đã thấy trong mộng.

Quan công bộ sai thợ họa lại hình dáng ngôi chùa để trình ngài ngự.

Nhìn ngôi chùa được vẽ lại giống như ngài đã thấy

trong mộng, vua khen đẹp và sai đem dựng đúng như mẫu đã họa.

Theo ý nhà vua, chùa được dựng trong vườn Tây Cấm. Tại đó, người ta đào một cái hồ hình vuông, giữa hồ dựng một trụ đá cao làm cột. Trên đầu cột, cất ngôi chùa như bông sen ngàn cánh. Trong chùa đặt pho tượng Quán Thế Âm bằng vàng. Lại bắc một cây cầu có mái che từ bờ hồ vào điện thờ; mái cầu lợp ngói thanh lưu ly.

Ngày khánh thành chùa, người ta tháo nước vào đầy hồ. Đêm xuống thả đèn hoa sen kín mặt hồ, lung linh huyền ảo, nom tựa ngàn sao.

Tới cả trăm nhà sư đến chạy đàn quanh hồ, tụng kinh cầu cho vua được sống lâu. Vì thế, người ta gọi chùa ấy là chùa Diên Hựu. Nhưng dân gian quen lối “trông mặt đặt tên”; thấy ngôi chùa chỉ có một trụ cột, nên gọi chùa ấy là chùa Một Cột. Còn chiếc hồ thiêng, các sư gọi là Linh Chiếu.

Năm ấy nhà vua bốn mươi chín tuổi. Đúng ra là năm hạn. Nhưng ngài lại không đau yếu gì. Trong nước, bốn phương đều yên tĩnh. Đúng là phùng tai hóa cát. Vua lấy làm hoan hỉ vì đã được Phật độ.



## XXXV

Tráng một vùng sơn động của Nùng Trí Cao là hoa mạn. Gió phơ phất đem theo hương rừng thoáng vương mùi mật ngọt. Ban ngày mà sương vẫn giăng mờ ảo, thẳng lại có đám mây sà xuống thấp, bao phủ mặt đất, và đâu đó rộn lên tiếng đàn tính, tiếng hát then trong trẻo đều đều như tiếng suối reo, khiến ta có cảm giác đây là cõi tiên hơn là cõi tục.

Cữ này ở Thăng Long mọi người đang soạn sửa cho lễ thượng nguyên, nhưng trên miền thượng, cả cái vùng Quảng Nguyên này vẫn còn vui tết nguyên đán. Tết nguyên đán của người Nùng kéo hết tháng giêng.

Trong dinh quân của quan thái bảo Nùng Trí Cao suốt ngày tiệc tùng, thâu đêm đàn địch xướng ca. Á Nùng mẹ của Nùng Trí Cao, vợ góa của Nùng Tôn Phúc nay đã ngoại năm mươi tuổi, nhưng sắc diện vẫn tươi tắn, sung mãn như người trong độ tuổi bốn mươi. Bà

ngồi chỉnh chệch trên chiếc sập chân quì trái nệm gấm. Đầu đội chiếc mũ miện có hai dải tua tết bằng hạt cườm vàng, hạt cườm bạc óng ánh. Xung quanh chiếc mũ màu chàm kết năm bông hoa bằng vàng, mỗi nụ hoa kết ba viên kim cương nhỏ bằng đầu tăm. Hai dải tai đeo vòng khuyên bạc nặng trĩu. Cổ đeo chuỗi hạt ngọc bích, mỗi viên to bằng chiếc hạt xoan. Hai cổ tay, hai cổ chân đều đeo vòng bạc. Chiếc áo dài màu chàm thêu rải rác những bông hoa đỏ buông dài kín tới gân gót chân. Ả Nùng giữ nguyên trang phục khi bà được chồng phong làm Minh Đức hoàng hậu. Mặc dù chồng bà tiến xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, đã bị vua Lý Thái tông bắt về chém bêu đầu trước cổng chợ ở Thăng Long.

Ngay mẹ con bà cũng bị bắt về Thăng Long, may được Thái tông tha chết, cho về chức cũ đất xưa, lại cho thêm mấy châu, động nữa. Tiếp phong Thái bảo.

Nhớ lần hai mẹ con được tha về, Ả Nùng bảo con:

- Triều đình tha mẹ con mình, chẳng phải nó thương mình đâu con ạ. Chính là nó lợi dụng mình, thì mình phải tương kế tựu kế thôi.

Ngày ấy Nùng Trí Cao mới hai mươi lăm tuổi, sao đã hiểu được những điều rắm rối trong thế cờ thời thế của các bậc bề trên, y hỏi lại mẹ:

- Thế nào là tương kế tựu kế, mẹ nói tôi chẳng hiểu gì cả.

Ả Nùng nhìn thẳng con trai duy nhất còn lại lắc đầu:

- Là một thằng đàn ông, mà sao mà ngu thế. Tại sao triều đình không tha bố mà để cả nhà mình được toàn vẹn, thế có hơn không? Nào, mà trả lời mẹ đi.

- Tôi sao biết được, chắc là bố tôi chống lại triều đình.

- Thế lần thứ hai mẹ con mình chống lại, mình lập nước riêng, triều đình mới bắt mình chớ. Bố chống, con cũng chống, sao triều đình giết bố tha con? Nào mà nói cho mẹ hay.

- Vua chẳng nói thương nhà mình sắp tuyệt diệt nên tha sao?

Ả Nùng cười bắn cả nước cốt trâu vào mặt con trai. Chẳng biết bà vô tình hay khinh con đến phải nhổ vào mặt.

Nùng Trí Cao giơ cao tay áo lên chùi mặt, lại hỏi:

- Mẹ cười cái gì? Cười tôi à?

- Tao cười một thằng đàn ông ngu. Tao cũng cười vì thằng ấy lại là con tao. Cười nữa là bố bị cắt đầu, con còn chưa tỉnh. Chắc là khi chính mà bị cắt đầu rồi mà mới biết.

- Mẹ nói cái gì mà vòng vo. Đàn bà lắm mồm.

- Giời ơi thằng con trời đánh. Mà bảo mẹ mà lắm mồm à. Tao cũng chỉ có một cái miệng như mày thôi. Tao nói nhiều là vì mày ngu, tao phải dạy. Thôi, ngồi xuống đây mẹ nói cho mà nghe.

Này nhé, trị được cái dân bất trị ở vùng này chỉ có họ Nùng nhà mày thôi. Cho nên triều đình trao việc ấy cho mày. Triều đình phải giết bố mày vì ông ấy khôn, ông ấy gian hùng, ông ấy dám lên ngôi hoàng đế, tức là dám sánh ngang với Lý Thái tông. Vậy thời ông ấy phải chết. Còn mày, một thằng ranh con miệng còn hơi sữa, mày đã biết mưu mô thủ đoạn gì, nên tha mạng cho mày để dễ bề sai khiến.

Ả Nùng nhỏ toẹt nước cốt trầu xuống đất, nhả miếng bã trầu cầm trên tay, lại nói tiếp: - Tao không biết triều đình dùng mẹ con mình vào việc gì, hẳn phải là việc lớn đấy. Vì thế họ cho mình nhiều đất đai đến thế, lại phong tước lớn cho mày. Nhưng tao chắc, họ sẽ vất kiệt mày như miếng bã trầu thuần xơ này thôi.

- Thế mẹ con mình phải làm gì?

- Đã bảo tương kế tựu kế. Nó cho mình đất, nó cho mình dân, nó cho mình tước lớn. Thì mình phải nhân đó xây đắp thành trì kiên cố ở nhiều nơi, phải mộ nhiều quân. Phải luyện quân cho giỏi. Để dùng vào việc lớn

nay mai.

- Ngộ nhờ triều đình nó cho người lên, nó biết mình luyện nhiều quân thế, mình nói làm sao.

- Nói rằng ơn vua tước cao lộc hậu, phải luyện binh cho giỏi để giữ nước, phòng khi quân Tống tràn sang.

- Đúng rồi, mẹ nói xuôi cái lỗ tai đấy.

- Nhưng tốt nhất đừng để triều đình lên, đừng cho nó biết. Con nói thế nào nó cũng ngờ con.

- Vậy phải làm gì?

- Phải về châu vua, tâu báo các việc ở biên thùỵ. Phải bịa ra đủ thứ để vua tin, vua cho thêm tiền mua sắm lừa ngựa, khí giới, quân lương.

- Mẹ giỏi thế.

- Không giỏi cũng là người để ra mày.

- Có nhiều các thứ như mẹ nói để làm gì.

- Chờ thời. Chờ vài năm nữa mày trưởng thành, mày tự biết phải làm gì. Còn bây giờ thì mài nanh giữa vuốt.

Việc mấy năm nay hai lần mày về triều kiến, Thăng Long nó ít ngờ mày, nó tin mày nhiều hơn. Vậy chớ chuyển đi Thăng Long vừa rồi có những việc gì, thuật lại mẹ nghe.

Nùng Trí Cao kể không sót một điều nào. Nghe xong, Á Nùng tủm tủm cười:

- Hóa ra mà cũng đã khôn, đã biết lừa người. Nhưng ta biết, họ vẫn còn nửa tin nửa ngờ đấy. Mặc nó, thời cơ đến rồi. Bây giờ phải mở rộng sang đất Tống thôi.

- Lấn sang đất Tống, mẹ tưởng người Tống họ để mình yên à.

- Mày khờ lắm con. Bữa trước mày về Thăng Long, mẹ có sang thăm An phủ đô tướng thành Ung Châu. Ông ta vui lắm, cứ rào trước đón sau, hỏi thái bảo về Thăng Long có việc gì.

Ông ta cũng hỏi mẹ đủ thứ chuyện rồi khen:

- Thái bảo vây cánh lớn quá, lực lượng lớn quá. Họ Nùng của thái bảo bây giờ đã vào hàng danh gia vọng tộc, nhất hô bá ứng. Rồi ông than - Nước Tống chúng tôi rối quá, mà mạn bắc, mạn tây quân Liêu, quân Tây Hạ không để chúng tôi yên, nó lấn, nó ép một cách thái quá.

- Mạn bắc, mạn tây bị chặn sao các ông không tiến xuống phương nam? Mẹ chỉ hỏi ỡm ờ thế thôi. Nhưng ông ta vô lấy ngay, hỏi lại:

- Xuống phương nam, chúng tôi vẫn muốn thế, nhưng An Nam bây giờ hùng cường lắm. Sợ không có

lối vào.

Ông ta bèn đứng lên vái mẹ rồi nói:

- Đúng là phu nhân đã mở mắt cho tôi. Xin phu nhân chỉ cho các việc phải làm.

- An phủ đô tướng dạy quá lời. Tôi thân là một mục đàn bà góa, biết nói gì với ngài đây. Để rồi thằng con tôi ở Thăng Long về sẽ bàn bạc với quan An phủ đô tướng. Nó đang nuôi chí phục thù. Họ Nùng nhà nó nói đời làm chủ vùng này. Bỗng nhiên nó bị mồ côi cha, tôi thì trở thành góa phụ. Ngài bảo chúng tôi sống yên sao được. Trong việc này, giả dụ mẹ con tôi có phất cờ rửa hận mà được các quan bên Tống giúp rập, thời cũng là giúp lẫn nhau thôi. Nếu quân họ Nùng tiến về Thăng Long, sao đại quân Tống không nối gót mà vào.

- Nếu được phu nhân cùng thái bảo chung sức chung lòng, sự việc viên thành, công đầu chẳng thuộc về thái bảo còn thuộc về ai. Tôi xin đem việc này tâu lên hoàng thượng, chắc nhà vua chấp thuận.

- Ấy chết, mới chỉ có một góa phụ bàn việc lớn tày trời mà quan An phủ đô giám đã tâu lên hoàng thượng, tôi e ngài sẽ bị nhà vua quở trách. Việc lớn thế, ngài phải bàn với thái bảo, phải có ước thúc thì Tống Nhân tông mới tin được ngài.

- Đúng quá! Đúng quá! Tôi thật hồ đồ.

- Nhưng ngài phải giữ kín việc này. Nếu tiết lộ ra thì nguy cho mẹ con tôi, còn ngài cũng chẳng được lợi gì. Tuy nhiên, có điều này đang trong tầm tay ngài, nếu ngài giúp cho, việc lớn ắt thành.

- Phu nhân cứ nói, tôi đâu dám tiếc sức mình, chỉ sợ việc lớn quá tầm với của một viên quan.

- Không có gì to lớn cả. Chẳng qua để triều đình Thăng Long không ngờ đến, xin quan An phủ đô giám che chở cho. Nghĩa là chúng tôi cần một nơi thật kín để luyện quân, chứa lương, nhưng lại không xa lắm với đất đai của họ Nùng.

- Đúng là việc ấy tôi có thể giúp phu nhân và thái bảo được. Nhưng chớ có đóng quân vào sâu quá, khiến biên tướng chúng tôi nghi ngờ.

- Vậy thì bây giờ chúng tôi phải lo lực lượng để chờ thời. Cũng là để làm lợi cho Tống triều, còn mẹ con tôi chỉ có một ước nguyện rửa hận mà thôi.

- Việc nhỏ, phu nhân chớ băn khoăn.

Kể vừa dứt câu chuyện, Á Nùng nhìn như xoáy vào đôi mắt của con trai, đoạn bà lại nói:

- Đó, công việc ta bàn bạc với lão An phủ đô tướng thành Ung Châu chỉ có thế. Con có hiểu ý ta không.

- Hiểu rồi. Luyện quân, tích lương ở bên đó, để che tai bịt mắt triều đình Thăng Long. Nhưng có sợ quân



Tống trở mặt đánh mình cướp lương thực khí giới thì sao?

- Việc ấy nhỏ lắm con ạ, họ không ngu gì bỏ miếng mồi lớn ở Thăng Long để cướp một con cá mại cỡ của ta.

- Mẹ nói thế có nghĩa rằng ta làm cỗ cho người Tống đến ăn à?

- Con lại ngu rồi. Cả bọn nhà Tống, cả triều đình Thăng Long đều cho người man mình ngờ nghếch, trí đoán, làm gì cũng không qua mắt họ được. Vậy thời ta phải khoét vào cái chỗ thiên hạ không ngờ tới ấy.

Á Nùng nhìn con mỉm cười: - Con ơi, họ coi ta là man, ta phải biến họ thành mán.

Con vẫn ngại người Tống ư? Không có gì phải sợ. Cả người Tống, cả triều đình Thăng Long mẹ không sợ người nào. Mà mẹ sợ con trai mẹ, ngài thái bảo gan non, trí đoán không theo được nghiệp cha, sớm quên thù nhà.

Về nhà Tống, để mẹ nói con nghe. Ta nhớ năm Bình tý, năm ấy con còn nhỏ, cha con đem quân vào ba châu Tư Lang, Tây Bình, Thanh Tây cùng nhiều động khác nữa của Châu Ung nước Tống. Giết biên tướng nhà Tống là Đặng Uyên. Đóng quân lại mấy ngày liền, vợ vét của cải không biết bao nhiêu mà kể. Lúc về bắt hết

trâu bò, lừa ngựa, lại đốt cả nhà cửa của người ta, lửa khói ngập trời, thế mà biên quan Tống cứ im thít. Mãi sau vua Tống mới đưa thư trách triều đình Thăng Long. Như thế đủ biết, người Tống không có gì đáng ngại.

Nùng Trí Cao nghe mẹ nói, thấy trong lòng phần khích lạ thường, dường như chàng muốn ra quân ngay tắp lự. Đoạn chàng hỏi:

- Mẹ bảo bây giờ con phải làm gì đây?

- Con phải củng cố vây cánh, chiêu mộ người tài để làm chân tay, đầu óc cho con. Chiêu mộ thêm binh lính. Nhưng trước hết con phải sang thăm đáp lễ viên An phủ đô tướng Ung Châu, rồi bàn các việc với ông ta như mẹ đã nói với con. Con phải nói rõ cái chí của con là trả thù cho cha con thôi, không biểu lộ một mưu mô nào khác, ông ta sẽ nhận giúp con liền. Nhớ nhé, nhớ phải làm ra thật chất phác, khù khờ thì mới lừa được đám người khôn ranh tinh quái ấy.

Khi họ nhận hiệp tác với mình rồi, mọi việc khác sẽ cùng lúc phải làm.

- Nhưng con hỏi mẹ, lấy đâu ra tiền bạc để làm những việc lớn ấy?

- Đúng là con mới chỉ lớn chứ chưa khôn. Tiền bạc ở trong dân ấy. Cứ có dân là có tiền, có quân. Cứ có dân là có tất cả. Trước cha con làm Chiêu Thánh hoàng

để mới chỉ có chưa đầy một vạn dân; nay con làm thái bảo, vua cho con gần hai vạn dân. Thế là con giàu hơn Chiêu Thánh hoàng đế rồi. Trong vùng đất con làm chủ có mỏ bạc ở Ngân Sơn, mỏ đồng, mỏ chì, mỏ thiếc ở Nguyên Bình, Thạch An, mỏ vàng ở Tụ Long<sup>1</sup>. Tiền ở đó chứ đâu. Những thứ con đang có trong tay, người Tống thèm rõ rãi ra mà không làm gì được. Không, mẹ không hạ thấp người Tống đâu. Đã bảo lúc này họ tựa như một con hổ đang lâm trọng bệnh; thì cha con ra tay họ còn sợ, nói gì đến triều đình Thăng Long.

Mẹ biết, người Trung Hoa thâm thúy, kết bạn làm ăn với họ thường bị lừa, bị phản. Nhưng bây giờ khác. Bây giờ họ lại cá tin, có khi còn thành thật nữa. Cho nên kết bạn với họ lúc này là yên tâm nhất đấy con ạ.

Hai mẹ con Ả Nùng thuận bàn chuyện lớn, nên đuổi hết kẻ hầu ra ngoài. Bọn quan quân, bọn đầy tớ không một đứa nào dám bén mảng lại qua, vì Ả Nùng là người rất nghiêm. Bà có thể cho con hầu cả nén bạc, nhưng bà cũng sẵn sàng chém đầu đứa chỉ lấy cắp của bà một đồng chinh. Không hiểu sự nghiêm của Nùng

---

<sup>1</sup> Do hiệp ước biên giới Pháp-Thanh, người Pháp đã bán đứng vùng đất này của ta cho nhà Thanh. Nay nó nằm sâu trong đất Trung Quốc tới 20km. Thế kỷ 11 đã có lần người Trung Quốc chiếm được. Sau nhà Lý đòi lại bằng con đường ngoại giao, vua Tống phải trả lại cho ta. Người Tống làm thơ phản ứng triều đình: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim" (nghĩa là: Vì tham voi của Giao Chỉ, mà bỏ mất vàng Quảng Nguyên).

Tồn Phúc trước đây bà có góp công góp sức gì không, chứ thực với Nùng Trí Cao, bà vừa là người mẹ dạy dỗ con từng li từng tí, lại vừa là một vị tướng, một vị quân sư của con bà. Chính bà tạo ra tham vọng và sự nghiệp cho con.

Đã vào ngo, tiếng đàn tiếng hát đã im bật, Á Nùng đánh ba tiếng chiêng, quân hầu lập tức bê rượu, thít vào. Vừa uống rượu, hai mẹ con vừa nói chuyện. Nhìn con âu yếm, bà nói:

- Con phải biết dòng giống nhà mình oanh liệt lắm đấy. Họ Nùng của cha con, họ Vi của ta là hai dòng họ lớn. Ông nội ông ngoại con đều làm tới chức châu mục, triều đình nể lắm đấy. Khắp cái vùng Tả, Hữu giang này từ thượng cổ, chỉ có họ Nùng, họ Vi làm chủ. Tổ tiên của họ Nùng xa xưa là cụ Nùng Dân Phú, kiệt kiệt lắm, làm chủ khắp vùng đất này.

Vì sao bố con lập quốc riêng, tự lên ngôi hoàng đế, con muốn biết điều đó thật à. Thế là cái chí lớn đã mọc lên ở trong đầu con rồi đấy.

Á Nùng cười tươi như hoa, bà nhấc hũ rượu rót đầy hai bát rồi nói:

- Nào, mẹ mừng con thỏa chí tang bồng, sự nghiệp trường cửu.

Hai mẹ con cùng nâng bát rượu lên ngang mày, tu

một hơi cạn sạch.

- Mẹ đã nói thế thì mai tôi đi Ung Châu gặp viên An phủ đô tướng.

À Nùng nhìn con mỉm cười:

- Đường đường con là một thái bảo, tước của con trên ông ta nhiều lắm. Phải để người ta trọng mình, con không thể đến nhà y, như đến nhà mấy đứa bạn con từ hồi để chỏm được. Con nên nhớ là sự giao dịch giữa các biên quan của hai nước, phải theo đúng chuẩn mực bang giao. Để mẹ sai mấy người thư lại thay con viết một bức thư thăm hỏi ông ta, và tỏ ý muốn diện kiến. Thế rồi y phải có thư mời con, lúc đấy con đường đường chính chính là một vị thái bảo của triều đình, đi thăm một biên quan của nước láng giềng.

- Giời ơi, rườm rà về chuyện. Đến như về Thăng Long gặp vua, con muốn đi lúc nào thì đi chứ.

- Phải! Vì thế họ mới gọi mình là man dân, còn con là man tướng. Gọi thế là người ta khinh mình đấy con ạ. Con có biết chữ “man” có bộ “trùng” là ý thế nào không. Là họ cho mình vào hàng thấp, hàng chưa tiến hóa, hàng sâu bọ ấy.

- Mẹ kiếp, cái bọn này, thế thì láo quá. Tôi sẽ cho chúng nó biết tay người Nùng. Thôi mẹ viết thiệp đi. Thiếp đi, thiệp về chờ đợi sốt cả ruột.

- Việc của một đời, không nôn nóng được đâu con.

Ít ngày sau, An phủ đô tướng thành Ung Châu có thiệp phúc đáp và có lời mời rất nhã thiệp.

Đúng ngày giờ đã hẹn trước, Nùng Trí Cao và tá hữu đi ngựa sang thăm quan An phủ đô tướng thành Ung Châu. Vừa qua biên ải, đã có sứ giả cung kính đón tiếp chu đáo và dẫn đường tới Ung Châu.

Ngày đi, đêm nghỉ cũng phải mất hai ngày ròng rã thái bảo mới tới được thành Ung Châu.

Quan An phủ đô tướng ra ngoài cổng thành tới mười dặm để chờ đón khách.

Gặp nhau chủ khách thi lễ, nói cười niềm nở như là đôi bạn tri kỷ lâu ngày mới gặp lại.

Vừa vào thành chưa kịp đôi hồi, chủ nhân đã sai bày tiệc tẩy trần. Trong bữa tiệc, hai người chỉ nói chuyện vui, tuyệt nhiên không ai dǎ động gì đến công việc của hai nước. Tan tiệc rượu, vào tiệc hát múa. Thuần những cô gái đẹp, giọng hát hay, múa giỏi, uốn lượn tấm thân ngà ngọc, hơi thở thơm phức trước mặt khách.

Quan Thái bảo nhìn các cô không chớp mắt, mắt hau háu khát thèm, luôn miệng khen: đẹp quá! đẹp quá! Điều đó thể hiện quan chỉ thiên về sắc đẹp của mỹ nhân, chứ ngài không thương thức về vũ nhạc.

Biết ý khách, An phủ đô tướng nói nhỏ vào tai Nùng Trí Cao:

- Đám mỹ nữ đó, nếu đại nhân ưng cô nào để giải khuây qua đêm, xin đại nhân ghi đặc điểm của cô ta vào mảnh giấy, để tôi sai người dẫn nàng đến hầu ngài.

Quan thái bảo rất lấy làm sung sướng, cảm ơn chủ nhân, nhưng mắt vẫn không rời đám vũ nữ.

Lát sau, dường như đã no mắt, và cũng đã chọn được người đẹp, quan thái bảo vừa quay mặt lại, đã thấy một thư nhi bê một chiếc khay trong đó đựng đủ giấy bút, mực. Nùng Trí Cao đỡ lấy cây bút viết đặc điểm của người đẹp lên mảnh giấy: “Hong y, trường túc”. Có nghĩa là người đẹp vận áo đỏ, chân dài. Gấp tờ giấy bỏ trong phong bì, vừa ngừng lên định nói lời tạ chủ nhân thì đã không thấy ông ta đâu cả. Cuộc vui liền đó khép lại.

Người hầu dẫn khách về phòng. Phòng khách trần thiết thật là sang trọng, chần đệm thơm phức gợi mùi da thịt thơm tho. Nùng Trí Cao cứ hít hà mãi. Vừa quay ra cửa đã thấy mỹ nhân vào phòng, vẻ e thẹn. Nàng nhẹ nhàng thổi bớt nến, khép cửa rồi lặng lẽ pha trà. Nâng chén trà, mắt lúng liếng gợi tình đưa tận tay quan thái bảo:

- Tiên thiếp kính mời đại nhân thưởng trà.

Nùng Trí Cao một tay đỡ chung trà, một tay kéo người đẹp vào lòng. Uống xong chung trà, thái bảo bế hẳn cô gái gọn trong lòng. Vừa sờ nắn, sục sạo khắp người cô gái, y vừa hỏi han què quán, mẹ cha.

Vì đã được quan An phủ đô tướng căn dặn rất kỹ: “Phúc ba đời nhà ngươi mới được hầu quan thái bảo. Phải hết lòng chiều theo ý quan. Nếu tỏ ra khó bảo hoặc hỗn láo, khiến quan thái bảo phàn nàn thì ngươi mất đầu. Ngươi nên nhớ, đây cũng là việc nước”.

Mỹ nữ tỏ ra ngoan ngoãn, khiến lửa dục trong lòng người trai ngoài ba chục tuổi, nổi lên bùng bùng như một con ngựa bất kham. Y bế thiếu nữ đặt vào giữa tấm đệm lông chim, mềm ấm, rồi quay ra tắt nốt ngọn nến. Y trút bỏ hết quần áo của mình, và cũng lột bỏ xiêm y của người đẹp.

Thằng Nùng khỏe như một con trâu mộng và dâm như một con dê cụ, lại lọc lõi tinh ranh trong đám đàn bà con gái chốn lầu hoa, nay bỗng nhiên chộp được con nai tơ, nó quần đảo suốt đêm, khiến cô gái gọi là mỹ nữ kia, mà quan An phủ đô tướng giao cho trọng trách phải đem cái quý giá nhất, cái trong trắng nhất của một đời thiếu nữ ra dâng hiến cho vị thái bảo khác giống khác nòi một cách thành kính, mà quan lớn thành Ung Châu coi đó như một bổn phận đối với nước. Thật ra, đối với tấm thân liễu yếu thì từ lúc cảm nhận được sự



sương khoái cũng như khi đau đớn giầy vò, chưa một giây một khắc nào hình hài đất nước lại hiện lên trong đầu cô, mà cô chỉ cảm thấy nổi đau, nổi nhục, nổi khinh ghét cả viên quan khách lẫn viên quan chủ. Cuối cùng cả cái cảm giác đau đớn và tủi hổ cũng mất biến, toàn thân mềm nhũn, oặt lả như một cây bị bão quật tơi tả làm trụi lá, gãy cành và tróc rễ. Cô thiếp lịm đi trong đêm khiếp sợ.

Sương sớm vừa tan, mặt trời vừa nhô lên đã bị sương mù bịt kín. Bầu trời trắng đục màu sữa. Quan An phủ đô tướng sai mời quan Thái bảo sang trà thất.

Các quan vấn an sức khỏe nhau với những lời lẽ thật là tao nhã.

Vừa nâng chén trà nóng lên ngang mày với khách, quan lớn thành Ung Châu hỏi:

- Chẳng hay ngọc thể của đại nhân có được... Chủ nhân bỏ lửng câu hỏi, nhưng lại nói tiếp: - Bản chức chỉ lo đại nhân lạ nhà trở nên khó ngủ.

- Đa tạ! Đa tạ đại nhân đã cho mỡ này một đêm ngủ thật khó quên trong đời, Nùng Trí Cao đáp lời với một hàm ý mà cả chủ lẫn khách đều ngầm hiểu.

Thoáng chốc trời đã tan mây, mặt trời đã xuyên một cách yếu ớt qua làn sương đục. Chủ mời khách lên ngựa đi dạo một vòng quanh phía ngoài thành. Khi thả

nước kiệu, khi thúc nước đại tùy theo những cảnh quan kỳ thú cần xem ngắm, hay chỉ lướt qua. Đạo hết một vòng thành trở về, Thái bảo Nùng Trí Cao khen:

- Đất nước quý quan thật là bao la, thành trì quả là vĩ đại. Vậy chớ trên phía bắc phía tây của quý quốc có được những thành trì thế này không mà quân Liêu, quân Tây Hạ dám hỗn hào xâm phạm.

Chủ nhân không đáp lời mà mời khách đi thẳng vào nhà tân khách. Ở đây tiệc đã bày sẵn. Sơn hào hải vị không thiếu một thứ gì. Lại có mặt cả đoàn vũ nữ tối hôm trước vây quanh hầu rượu.

Nùng Trí Cao để ý kiểm diện từng mỹ nhân, nhưng không thấy người đẹp đêm qua. Y hơi ân hận vì mây mưa quá độ, khiến một thiếu nữ trinh tiết phải đau đớn, hoảng sợ.

Rượu được vài tuần, quan An phủ đô tướng cho tả hữu và tất cả những người hầu hạ lui hết, chỉ còn hai đại quan trò chuyện. Mở đầu chủ nói:

- Vừa nãy thái bảo hỏi bản chức về phía tây phía bắc, tại sao quân Hạ, quân Liêu liên năm quấy phá, lấn xâm làm cho nước Trung Hoa của chúng tôi suy yếu. Sức một biên quan, sao tôi có thể tường được, bởi nước tôi lớn lắm, sống quá nửa cuộc đời rồi, tôi chưa nhìn thấy gương mặt đất nước ở phía tây, phía bắc nó thế nào.

Còn làm sao nó lại như thế, thời đó là việc của hoàng thượng, của các quan lớn ở triều đình, tôi đâu dám lạm bàn. Lỡ mồm lỡ miệng, có kẻ hống hốt tâu lên, bị ghép vào tội khi quân, mất đầu như chơi. Nhưng tôi chắc nó vì sao thì thái bảo còn biết kỹ hơn tôi. Sao lại như vậy à, nước Tống chúng tôi bây giờ là thế đấy, mọi việc trong nước, người bên ngoài đều sáng tỏ, nhưng dân chúng và ngay cả quan cấp loại chúng tôi đều mù tịt.

- Thật ra, tôi cũng chẳng muốn khoe với quý quan làm gì, vì bố tôi bị triều đình chém chết bêu đầu, nhưng quả thực bên nước chúng tôi triều đình gần dân lắm. Mọi chuyện quốc gia đại sự người trong nước đều được biết. Ai có ý che bịt tin tức của triều đình là phạm vào luật hình, bị xử giảo. Gần đây quốc vương tôi còn cho đúc một quả chuông cực lớn đặt tại sân Long Trì, để dân trong nước, có nỗi oan không giải tỏ được thì tới đó mà thỉnh chuông. Nghe có tiếng chuông, dù đang thiết triều, nhà vua cũng tự mình ra gặp gỡ, rồi nghe người bị hàm oan tâu báo. Cũng có việc, đình úy ty đã xử đúng tội, nhưng người dân vì không biết luật nên cứ tưởng là mình bị oan, thì nhà vua y án. Nhưng giảm cho một bậc vì không biết mà vô ý phạm luật. Có việc ngài lại tăng lên một bậc, vì sau khi nghe hiểu thì kẻ kia cố tình phạm tội do tính tham lam điều trá. Cũng nhiều người được nhà vua cho trắng án, hoặc cho thẳng kiện. Dù tôi

có thù riêng với quốc vương, cũng phải nhận rằng hiện nay dân nước tôi đang sống trong an lạc, mọi việc từ triều đình đến thôn ấp đều minh bạch.

Trưởng quan thành Ung Châu nghe khách nói mà thở dài thườn thượt:

- Điều đại nhân vừa nói, nước tôi có từ đời Nghiêu - Thuấn.

Nùng Trí Cao nâng bát rượu lên ngang miệng lại đặt xuống bàn tiệc, vẻ bút đầu bút tai nói:

- Bất hạnh cho dân nước tôi lại không có được Nghiêu - Thuấn.

- Đại quan nói gì lạ vậy, cái chúng tôi có là chỉ để cho muôn đời khát thèm, còn cái mà quý quốc có thì mọi người đang được thụ hưởng chính đó mới là điều đại hạnh của nước Đại Việt, còn cảnh ngộ của người Tống chúng tôi hiện nay mới là bất hạnh.

- Nào mời đại nhân, ta cùng uống để quên sự đời đi. - Nùng Trí Cao vừa nói vừa giơ cao bát rượu. Lại tiếp: - Cũng chẳng nên tranh biện làm chi cho nhọc sức, đó chỉ là sự báo ứng của nhân quả mà thôi.

Vị Trưởng quan thành Ung Châu đặt mạnh bát rượu xuống bàn rồi gục mặt vào cánh tay. Không biết ngài say, ngài mệt hay chính ngài tủi hổ về hiện tình của đất nước.

Lát sau trưởng quan thành Ung Châu ngửng mặt hỏi Nùng Trí Cao:

- Bữa trước tôi sang thăm quan Thái bảo, ngài lại về Thăng Long; mẫu thân ngài có nhã ý lưu tôi lại bàn đôi việc. Chẳng hay... ông ngập ngừng.

- Tôi sang đây chính là về cái việc mẫu thân tôi đã thưa với ngài. Chắc ngài biết cảnh ngộ của tôi nó trở trêu quá, cha thì bị vua chém đầu, còn con lại được vua ban thưởng quan cao lộc hậu. Tôi không còn biết xử trí ra sao nữa, giữ lòng trung với vua thì mình là đứa con bất hiếu, giữ tròn đạo hiếu với cha thì mình là kẻ thần tử bất trung. Song tôi nghĩ cũng đã chín, thân nam tử mà quên thù cha kẻ là đồ vô dụng.

Chủ nhân bỗng khoái hoạt hẳn lên, ông cười rạng rỡ, và nói:

- Quan Thái bảo nghĩ thế là đúng đạo người quân tử. Phương ngôn nước tôi có câu: “Giang sơn tận, cự thù vô tận”. Đúng là sông núi có thể mất chứ thù xưa không thể không báo.

Nùng Trí Cao cười hềnh hếch:

- Người Trung Hoa các ông thù dai nhỉ. Nước chúng tôi có một câu phương ngôn, dân chúng không ai không biết: “Dĩ đức báo oán, oán tận”. Tức là lấy đức mà báo oán, thì oán thù nào cũng hóa giải được. Song

cảnh ngộ của tôi lại khác: cha chết, anh chết về tay nhà vua, mẹ tôi hận lắm, bà quyết tâm báo thù cho chồng, cho con. Tôi không thay mẹ làm việc rửa cái hận đó, thì mẹ tôi chết không thể nhắm mắt được. Có khi bà còn tìm cách giết tôi rồi tự giết mình. Bởi vậy, tôi sang đây là chỉ có một việc nhờ đại nhân cho quân tôi tá túc trên đất của ngài, nhằm che蔽 những cặp mắt cú vọ của quân viên thám triều đình. Và khi cần, ngài trợ giúp tôi một tay. Báo xong thù nhà, thì quân tôi xin trao cho nước Tống, đất tôi trao cho nước Tống. Ngài là biên quan kiêm biên tướng độc nhất vô nhị của nước Tống làm nổi việc này. Bởi nó không mất một tên quân, một mũi tên mà lại được thêm quân, thêm đất. Thử hỏi Tống Nhân tông không triệu ngài về triều mà trao chức Tế tướng, thì còn trao cho ai xứng đáng hơn nữa. Lúc ấy, liệu ngài có còn nhớ đến tôi.

Viên An phủ đô tướng thành Ung Châu cười tít cả hai mắt lại, y rất hài lòng và tin Nùng Trí Cao thật bụng. Trong lòng, y thầm mơ về những điều Nùng Trí Cao vừa vẽ ra. Y nói:

- Tôi cam kết với quan thái bảo về những điều ngài đặt ra. Ngài quả là bậc kỳ tài, tính toán giỏi như thần, nhưng tôi không thể làm cam kết hoặc ước thúc với ngài được. Bởi đây là việc rất tế vi có quan hệ đến bang giao hai nước.

- Tôi hiểu! Tôi hiểu! Chỉ cần tôi với ngài thỏa thuận là đủ. Nhưng tôi cũng xin báo với ngài, là sau khi được ngài hợp tác, trở về tôi cho khai triển ngay tấp lự.

- Dạ được. Việc ấy là ở nơi ngài.

Về nhà, Nùng Trí Cao nói lại các việc với mẹ. Á Nùng mỉm cười khen:

- Ta không ngờ con ta lại trở thành một kẻ quyền biến đến thế.

- Ở với mẹ thì tôi mãi mãi là một đứa trẻ con. Nhưng mẹ quên rằng tôi đã ba mươi một tuổi, đương kim châu mục của cả một châu lớn, lại mang hàm thái bảo. Đến lão An phủ đô tướng thành Ung Châu còn sợ tôi như cọp, bảo sao nghe vậy.

Nùng Trí Cao sai những người vừa theo sang thành Ung Châu về phải họa lại bản đồ thành đó, phòng khi phải dùng đến.

Á Nùng lại cho con trai biết:

- Trong khi con sang thương thảo bên thành Ung Châu, ta có tìm gặp Hoàng Sư Mật. Chẳng hay con có quen biết ông ta?

- Có phải cái lão từ Quảng Châu vẫn qua lại đây buôn vàng?

- Phải đó, ông ta là người có học cao lắm đấy. Nghe đâu đã đậu tiến sĩ, nhưng không chịu ra làm quan, chỉ

ở nhà đọc sách, thỉnh thoảng đi du ngoạn bốn phương, tiện thì làm một chuyến bán mua các đồ cực quý như vàng, bạc, kim cương để lấy tiền chi phí du ngoạn.

Con sắp làm việc lớn, không thể không có mưu sĩ, ta đã ngỏ lời mời, ông ấy còn lưỡng lự. Con phải tìm ngay đến gặp tiên sinh đi. Đây là bậc nho giả, người ta không ham phú quý, không cầu danh vọng, thấy việc nghĩa thì làm, không ai bắt được. Thì thiên tử nhà Tống cũng có bắt được ông ta làm tội dẫu. Vậy con phải nhún mình mà mời tiên sinh, dùng lễ mà thuyết phục chứ không thể thô bạo với các bậc nho giả được đâu.

- Thế bây giờ ông ta đang ở đâu, sao mẹ không cho người đi gọi ông ta về đây để tôi khỏi phải đi mời.

- Có nhẽ may làm hỏng công việc mất con ạ. À Nùng nghiêm mặt nhìn con. Ta đã bảo phải dùng lễ. Hiện ông ta đang tá túc một trong mấy nhà buôn vàng bạc ở thành Na Lữ này chứ ở đâu. Phải cho quân đi dò hỏi trước, rồi tự mình đến sau. Lễ ra mắt, con nên đem theo một cân vàng, một chiếc sừng tê. Nếu tiên sinh nhận giúp, thời mẹ sẽ cho con cả một kho vàng để con mộ binh, mua sắm khí giới, lương thảo, lừa ngựa.

- Vàng mấy cả sừng tê nữa mẹ giấu ở đâu.

- Tao để trong bụng tượng Quan Công, chìa khóa đây. Con phải quay đầu tượng theo hướng từ hữu sang



tả đúng ba vòng, thì tấm đồng chắn phía gáy tự nó bật ra. Nhìn kỹ sang bên tả, chỗ tối nhất sẽ thấy một lỗ khóa nhỏ. Tra chiếc chìa này vào, khắc mở được. Nói xong, bà trao cho con trai chiếc chìa khóa. Nùng Trí Cao được đảm thư nhi về báo, tiên sinh Hoàng Sư Mật đang tá túc tại ngôi lầu của tiệm vàng “Kim Kê”.

Nùng Trí Cao đến giữa lúc tiến sĩ Hoàng Sư Mật đang đọc sách, uống trà. Hai người đều biết nhau sơ sơ. Hoàng Sư Mật biết rõ vây cánh họ Nùng, và cũng ngầm biết mẹ con Ả Nùng thân phục triều đình chỉ là bước chờ thời. Ông không biết chí hướng của Nùng Trí Cao thế nào, nhưng Ả Nùng thì quả bà tả là một người có chí khí.

Thấy khách đến, tiên sinh don dả mời chào. Ông nhẹ gấp cuốn sách đang đọc đặt vào án thư, kéo ghế mời quan thái bảo ngồi, rồi ông xin phép vào phòng trong, một loáng ông đã lại ra, lúc này trên đầu ông đã chụp chiếc mũ tiên sinh bằng gấm lam, và mặc chiếc áo dài gấm trơn màu lam sẫm. Nom ông thật là nho nhã, lịch lãm. Ông mở lời:

- Quan Thái bảo ghé thăm tẻ xá, tôi chỉ là một khách viễn du, phòng ốc thuê mượn đơn sơ quá, xin quan thái bảo thứ lỗi cho.

- Tiên sinh là bậc chân nho, học rộng, lễ nghĩa lâu thông. Tôi vốn dân man, sinh trưởng ở nơi rừng núi,

không biết lễ nghĩa, ăn nói thô lậu, lại đường đột ra mắt, thật là lỗ mãng, xin tiên sinh đừng chấp.

-Ồ không, quan thái bảo cứ giữ lấy nét bình dị của mình. Ấy là trời phú cho ngài đó. Ấy là lợi thế cho ngài đấy. Người xưa thường răn: “Bình dị cận dân”. Quan Thái bảo cứ giữ lấy tính bình dị ấy, chắc là dân chúng dễ gần ngài. Do vậy ngài dễ sai khiến họ.

-Ồi, tiên sinh là người đầu tiên khen cái thằng Nùng lỗ mãng này đấy. Hôm nay tôi đến gặp tiên sinh, tôi cứ ngỡ là khó nói chuyện lắm, thế mà tiên sinh lại làm cho tôi được tự nhiên, cứ như là gặp lại người cũ ấy, tôi mến ngài rồi đấy.

Hoàng Sư Mật cười cười mở:

-Đúng là “nhất kiến vi cực” như quan Thái bảo nói. Tôi rất vui được làm quen với quan ông.

-Mẹ tôi đã gặp tiên sinh. Nay tôi đến để tiếp tục câu chuyện đó. Vừa nói Nùng Trí Cao vừa mở đồ lễ đặt lên bàn - Gọi là một chút quà làm lễ tương kế, xin Hoàng tiên sinh thu nhận giùm cho.

-Sao Thái bảo đa lễ vậy. Nhưng để ta thử xem quan ông cho kẻ phiêu lãng này cái gì đây. Nói đoạn, Hoàng Sư Mật thuận tay mở hết hai gói quà. Nhìn những vật quý, Hoàng tiên sinh không hề biến sắc mặt, tiên sinh thông thả gói lại từng gói rồi đưa trả cho chủ

nhân nó. Ông nói:

- Đa tạ quan ông và mẫu thân ngài đã ưu ái tôi, một tấm thân lưu lạc. Song tôi muốn gửi lại quan ông để ta đi lại với nhau cho nó tự nhiên.

- Gọi là một chút vật mọn làm lễ ra mắt, xin Hoàng tiên sinh chớ từ chối, Nùng Trí Cao cau vừng trán nói với vẻ thành thật.

Hoàng Sư Mật đáp lại:

- Quan ông cho tôi nói thật lòng. Tôi vốn là khách lãng du nay đây mai đó, nên không thể đem theo nhiều vàng như thế này. Số vàng này thực chất chỉ làm mồi cho kẻ gian rình rập, có khi lại mất mạng với chúng không chừng. Còn chiếc sừng tê, nói thực với quan ông, nó là vật cực quý, vàng không thể sánh được. Quan ông nên giữ lại. Nay mai quan ông phải tốn phí chi tiêu nhiều lắm, số vàng này nên được dùng vào việc có ích. Còn chiếc sừng tê, quan ông nên giữ nó ở bên mình, chính nó là bùa hộ mệnh đấy. Gặp lúc bệnh tình hiểm nghèo, không có nó là nguy cả tính mạng. Nói xong, Hoàng Sư Mật đẩy hai gói quà về phía Nùng Trí Cao.

Nùng Trí Cao tỏ ra bối rối, quan thái bảo thật sự không thể hiểu nổi, rằng tại sao lại có người chề cả vàng, cả thứ quý hơn vàng cũng chề nốt. Vậy ta có thể lấy cái gì để thu phục ông ta, mời ông ta làm mưu sĩ.

Trí Cao bèn đặt liễu một câu hỏi:

- Đại nhân, Trí Cao tôi lỗ mãng xin hỏi. Tại sao đại nhân đỗ đạt cao thế mà không ra giúp đời, tại sao đại nhân lại chê các đồ tôi biểu, trong khi tôi nghe nói, đại nhân là người buôn vàng. Đã buôn vàng mà lại chê vàng.

Hoàng Sư Mật với vẻ điềm đạm, nở một nụ cười thân mật, ông nói:

- Trước hết nói để đại quan rõ, tôi không phải là một lái buôn, lấy nghề buôn mưu cầu cuộc sống, mà tôi chỉ là một kẻ lãng du ưa lang bạt đây đó. Tôi vốn không phải nhà giàu có, nên đôi khi đưa chân bằng vật này vật khác để có tiền lộ phí. Còn quan ông hỏi tôi vì sao đỗ đạt cao thế mà không ra giúp đời. Tôi đâu có lánh đời, vì yêu đời tôi mới phải lê gót chân đi khắp đó đây. Nhưng tham chính thì tôi không có cái mộng ấy. Bởi nay là đời loạn, mọi giá trị đều thay đổi đến chóng cả mặt. Chính trường nước tôi cứ rối bòng bong, tựa như một nồi canh thập cẩm. Nay thì Tân phái lên, tưởng như họ sẽ thổi sinh khí vào đời sống xã hội. Mai đã nghe mọi người chửi họ. Rồi Cựu phái lên. Người ta lại hy vọng vào Cựu phái. Rốt cuộc, cả Tân lẫn Cựu phái đều giống như một hũ mắm có dòi, họ chỉ khác nhau ở những lúc mở nắp hoặc đậy nắp hũ mắm mà thôi. Còn vua của nước tôi, thì ngài đúng là bậc đức độ và cao minh hiếm

có, ngài tựa như một con rối vĩ đại, khi chiếc dây điều khiển nằm trong tay phái nào phái ấy sẽ giật, đức vua lập tức gật liền.

Quan thái bảo có ý trách tôi chê các đồ biểu tặng. Tôi có chê đâu. Tôi chỉ không dám nhận thôi. Bởi lẽ tôi chưa có chút công lao gì đối với quan ông, nên không thể nhận. Vả lại, thưa quan ông, với chúng tôi của cải không coi trọng lắm mà cái chính là lòng tôn quý nhau.

Nghe Hoàng Sư Mật nói, đầu óc Nùng Trí Cao cứ rối tinh lên. Chàng không hiểu ông ta nói gì nữa. Chàng tự nghĩ: Không biết có nên ngỏ lời mời ông ta về giúp mình nữa không. Cuối cùng, chàng nói thẳng:

- Tiên sinh, đã bảo tôi là dân man, sinh trưởng nơi rừng núi, mọi thứ đều thô lậu như tôi đã nói với tiên sinh rồi đó. Nay đến gặp tiên sinh, tôi có một việc cầu kiến, xin tiên sinh giúp đỡ.

- Chẳng hay tôi có thể giúp gì được quan thái bảo đây?

- Chẳng giấu giếm gì, tôi sắp làm một việc lớn, cần có người giỏi giang như tiên sinh chỉ bảo cho, giống như một vị quân sư ấy, liệu tiên sinh có vui lòng giúp.

Hoàng Sư Mật cười vui:

- Đúng quan ông là một người chân thực. Tôi không nói là tôi không nhận lời nhưng tôi đã biết quan

ông định làm việc gì mà nhận. Vậy xin cho biết chí hướng của quan ông.

- Cảnh ngộ của tôi, tiên sinh biết cả rồi. Ý nguyện của tôi, chắc mẹ tôi cũng đã bày tỏ với tiên sinh rồi. Nay có hai việc lớn phải làm trong đời. Một là phải làm tiếp sự nghiệp của cha tôi đang làm dang dở, bị triều đình nhà Lý phá nát. Tức là tôi phải khôi phục lại nước Trường Sinh của cha tôi bị diệt năm Kỷ mao, hoặc nước Đại Lịch của tôi bị phá cuối năm Tân ty. Hai là phải báo mối thù cha và anh bị giết thê thảm.

Nghe Nùng Trí Cao nói, Hoàng Sư Mật thấy ớn ở trong lòng. Đúng, đây là việc cực lớn, việc đại nghịch, được làm vua, thua làm giặc. Liệu mình có nên can dự vào không. Nhược bằng chối phắt thì sao. Không được. Ta đang ở trên đất của y, nếu ta không nhận lời, chắc y khử bỏ ta mất. Thì cứ nom cái tướng mặt y, nó đã bày ra đấy. Y đủ gan liều lĩnh làm các việc hiểm nguy, nhưng không có một chút tư cách nào của người anh hùng. Thôi thì đã ở trong vòng tay họ, thì phải tương kế tựu kế. Nghĩ vậy, Hoàng Sư Mật liền nói:

- Quan ông quả là người có chí lớn. Tôi nhận lời với ngài, nhưng không biết có giúp ích gì được cho ngài không. Vốn tôi chỉ là một kẻ sĩ, trói gà không chặt, chỉ sợ vướng chân ngài thôi.

- Ôi thế thì đại phúc cho họ Nùng nhà tôi. Mẹ tôi

quả là người có con mắt tinh đời. Mẹ tôi bảo một người có học thức, có chí khí như tiên sinh, hẳn là muốn tự mình tạo dựng sự nghiệp. Và lại sự nghiệp của con mới bắt đầu, ta chắc tiên sinh không nỡ không giúp con. Mẹ tôi lại dặn: “Nếu tiên sinh nhận lời thì con phải bái tiên sinh làm bậc tôn trưởng”. Vậy xin tiên sinh cho biết niên kỷ của người; còn tôi cầm tinh con rắn.

- Vậy là quan ông sinh năm Đinh tị, tôi sinh năm Tân hợi. Tôi hơn quan ông đúng sáu tuổi.

Nùng Trí Cao giọng trở nên nhỏ nhẹ:

- Thưa tiên sinh, tôi nghe người Trung Hoa có câu: “Nhất tuế vi huynh, tam tuế vi thúc”. Hơn ba tuổi đã coi là bậc chú bác rồi, vậy tôi xin bái tiên sinh là thúc thúc. Trí Cao toan sụp lạy.

Hoàng Sư Mật kịp ngăn lại:

- Quan ông không nên làm như vậy. Đúng là trong sách *Lễ ký* có nói đến điều ấy. Nhưng quan ông nên hiểu rằng, một khi các nhà đạo đức đã phải nói tới điều đó thì kỷ cương, lễ luật trong xã hội đã rối nát lắm rồi. Cho nên người ta nói vậy mà không phải vậy đâu.

- Đúng thế! Đúng thế! Nùng Trí Cao đáp - Ở xứ Nùng chúng tôi, hơn nhau ba, bốn tuổi, thậm chí nhiều hơn nữa, vẫn cứ xưng hô với nhau mà y như thường.

Hoàng Sư Mật cười thâm: “Cái thằng man này bợ bạch đúng bán ngã của nó. Y cầm tinh con rắn, ta lại cầm tinh con heo. Phải đề phòng ngay từ bây giờ, nếu không nó sẽ mổ vào tim ta lúc nào không biết”. Lát sau Hoàng Sư Mật nói:

- Quan ông đã nói vậy, tôi xin tạm đưa ra cách xưng hô giữa chúng ta như sau: - Quan ông cứ gọi tôi là tiên sinh như vẫn thường gọi. Vì thực ra, tôi cũng là kẻ ít nhiều có học thức. Còn tôi sẽ gọi ngài là “quan ông”, tức là một ông quan.

- Được lắm! Được lắm! Tiên sinh dạy chí phải. Nùng Trí Cao thích chí cười nhắm tịt cả hai mắt lại. Y hăm hờ hỏi: - Vậy xin tiên sinh chỉ giáo cho các việc cần kíp phải làm trong lúc này?

Làm việc lớn, sức một người không đủ. Cần phải thu dụng được nhiều người tâm huyết, cùng chí hướng và có tài vào bộ phận đầu não. Phải yêu thương và kính trọng họ. Và trước khi nhận ai vào, phải xem xét thấu đáo về nhân thân và gia cảnh của họ. Khi đã dùng họ rồi, thì phải trao việc cho họ, phải tin họ. Mọi mối ngờ vực không đúng đắn chỉ làm cho người hiền, người có tài bỏ ta mà đi hết. Việc đầu tiên quan ông phải làm gấp trong lúc này là mau chóng tìm ra và thu dụng người tài đức vào những nơi then máy.

Việc tiếp theo là phải được lòng dân; phải làm một



điều gì đó thiết thực để cho dân tin. Ví như triều đình cho quan ông thu tô thuế của dân từ trước đến nay. Việc thu đó trên thực tế là quan ông hưởng lợi, nhưng trên danh nghĩa là quan ông thu cho triều đình. Nay quan ông tuyên cáo, chính quan ông tha tô thuế cho họ, và sẽ chịu trách nhiệm trước triều đình. Tới khi quan ông nghịch mệnh triều đình đem quân đến hỏi tội, thì toàn dân sẽ cùng quan ông chống lại triều đình, chứ không chỉ có họ Nùng chống lại triều đình như trước đây nữa. Khi dân đã tin quan ông rồi, mọi việc quan ông làm sẽ mau chóng đạt thành tựu.

Việc thứ ba phải làm gấp nữa là mộ binh, luyện binh.

Việc thứ tư là vẫn phải nhu hòa với Thăng Long chứ không được cương cứng. Vì hiện nay thế lực của quan ông chưa có gì mà đã ra mặt chống đối, chắc là triều đình Thăng Long sẽ không để cho quan ông được yên vị. Nếu chống đối lại Thăng Long lúc này cũng có nghĩa là ta tự nộp mạng cho triều đình. Nhưng xin hỏi, cùng một lúc làm hai việc lớn: tha tô thuế, mộ thêm quân, liệu quan ông có đủ kim ngân để chi dụng không?

Nùng Trí Cao cười hớn hờ:

- Mới chỉ nghe tiên sinh nói mấy việc cần làm, đầu óc tôi như vừa được khai thị. Làm sao tôi lại không nghe tiên sinh được. Xin tiên sinh cứ bình tâm, về cái

khoản kim ngân, quá là họ Nùng không thiếu. Họ Nùng chúng tôi từ mấy đời nay luôn nắm giữ mỏ vàng, mỏ bạc cùng nhiều mỏ khác ở trong tay. Cửa cải tích chứa không biết bao nhiêu mà kể. Chính vì thế, trong lễ ra mắt tiên sinh, mẫu thân tôi mới sai đưa chút lễ mọn, mà tiên sinh đã vội chê nó nhiều quá, và không nhận. Nay việc chi tiền cần như thế nào, tiên sinh cứ dự liệu trước, để chúng tôi còn cho người đi bán bạc, bán vàng mới có tiền mua sắm được. Hoặc cũng phải chế tác nó thành cân, lạng, thành đĩnh, thành nén phòng khi mua sắm các hàng hóa lớn, người ta đòi phải trả bằng vàng ròng hoặc bạc trắng.

Hoàng Sư Mật trầm ngâm như đang suy tính một việc gì hệ trọng lắm. Ông vẫn ngồi đó, gương mặt căng thẳng, mắt lơ đãng nhìn vào một điểm mơ hồ nào đấy. Nùng Trí Cao đang hau háu chờ đón cao ý của vị mưu sĩ mà trong lòng y đã cảm phục. Đoạn Hoàng Sư Mật đi vào nhà trong, lấy ra túi vải cũ sờn đặt lên bàn, rồi ông thận trọng móc tập bản đồ ra trải xuống mặt sàn; chỉ vào vùng đất có hai dòng sông chảy ngoằn ngoèo, ông nói:

- Đây là hai con sông Tả giang, Hữu giang. Vùng đất này tiếp giáp với châu Quảng Nguyên của quan ông.

Từ xa xưa chiếm cứ vùng đất này đều là người

Nùng ta cả, dân hai bên cùng nói một thứ tiếng, cùng chung một phong tục, nhiều dòng họ nữa non sống trên đất Quảng Nguyên, nửa già sống bên Tả, Hữu giang hoặc ngược lại. Từ cổ xưa vẫn do người Nùng làm chủ. Khi người Việt lập quốc thì người Nùng theo về Việt. Khi nhà Hán, nhà Đường thu phục trở lại thì cả quận Giao Chỉ đều thuộc Hán - Đường. Tiếp đến nhà Ngô xưng đế thì Nam Hán đã chiếm mất Tả giang, Hữu giang. Nay quan ông nên chiếm lại để làm căn cứ lập quốc.

Vì quan ông đã có ước ngầm với viên An phủ đô tướng thành Ung Châu, nên việc mộ quân đến đâu cứ đưa sang ngay đất Tống mà luyện. Coi như ta nương nhờ tá túc. Tuyệt nhiên không được để lộ ý đồ thu phục. Làm như vậy, còn che tai bịt mắt được triều đình Thăng Long khi ta chưa đủ lông, đủ cánh.

Ta phải lưu ý trước quan ông điều này, khi quân mình tá túc luyện tập trên đất Tống, phải nghiêm cấm việc làm phiền nhiễu dân. Chỉ cần người dân có lợi một chút, họ sẽ che chở cho ta, trái lại họ bị kỳ thị, bị tước đoạt, bị thiệt thòi, lập tức ta sẽ trở thành kẻ thù của họ.

Quan ông nhìn theo tay tôi chỉ đây, cứ thẳng con sông Tây Giang này đi về phía đông nam là tới biển Nam Hải. Men bờ biển mà đi, sẽ đến thành Quảng Châu

của tỉnh Quảng Đông; đi nữa lại đến thành Phúc Châu của tỉnh Phúc Kiến; tiếp đi nữa lại đến thành Hàng Châu của tỉnh Triết Giang... Vùng này vốn là đất Bách Việt ngày xưa. Thời Tần-Hán, Triệu Đà đã từng chiếm cả Bách Việt, Lạc Việt, Việt Thường rồi xưng đế, định tranh thiên hạ với nhà Hán, nhưng cuối cùng lại thần phục nhà Hán.

Hoàng Sư Mật thở dài nhìn tấm bản đồ nước Trung Hoa họa từ thời Đông Chu qua Liệt quốc, rồi lật qua trang Thất quốc tranh hùng; tiếp đến Tần rồi tương tranh Hán- Sở...

Nén giấu một tâm trạng rối bời, ông nói:

- Từ xưa thiên hạ vẫn thuộc về thiên hạ, chỉ khi loạn lạc nổi lên mới có sự tranh giành chiếm đoạt. Ké nào tinh ranh xảo quyệt, tập hợp được nhiều sức mạnh trong tay thì chiếm được phần nhiều. Thiên hạ đại loạn, chính tà khó phân. Như cái nước Trung Hoa vĩ đại và rối ren này suốt mấy ngàn năm nay từ Hạ, Thương, Chu qua Tần, Hán, Tam quốc, Ngụy, Tấn, Ngũ quý, Đường, Tống không một thời nào người dân được sống yên ổn.

Nhà Triệu Tống, từ Tống Thái tổ tới nay trái bốn triều vua với hơn năm chục năm trị vì, nhưng quả thực nó bỏ xa các triều đại trước đó về tài năng làm yếu suy đất nước. Phía bắc, phía tây quân Liêu quân Hạ mới chỉ đe đánh, quân Tống đã chạy dài. Và phải chịu không

biết bao nhiêu khoản tu cống, thật là nhục nhã. Vua Tống thì hèn nhát bỏ cả thành trì mặt bắc rút về phương nam, vua tôi mặc sức hưởng lạc.

-Quan ông!- Hoàng Sư Mật gọi Nùng Trí Cao và ông cười như khóc, lại nói: - Có nhẽ ta và quan ông chỉ cần năm ngàn tinh binh thiện chiến, là có thể đánh đốc một mạch từ đây về tới Giang Tô, như đi vào chỗ không người.

- Thật vậy sao tiên sinh? Nếu thế thì ta bỏ Quảng Nguyên, tiến thẳng về Giang Tô!- Mắt Nùng Trí Cao nhướng to, tưởng đến rách cả mi.

## XXXVI

Tin đồn dập đưa về Thăng Long:

- Nùng Trí Cao tung người đi khắp nơi mua ngựa tốt, sang cả đất Tống tìm mua.

- Nùng Trí Cao cho người đi khắp nơi mua vét lúa gạo nhiều lắm.

- Nùng Trí Cao mộ thêm binh nhiều lắm.

- Nùng Trí Cao...

Các nguồn tin từ Phủ Thái sư, từ Khu mật viện, từ phủ Thái úy đều tâu báo đến nhà vua. Vua sai triệu người đứng đầu các cơ quan đến hội tại điện Bát giác<sup>1</sup>. Cũng cho triệu Khai Hoàng vương thái tử Lý Nhật Tôn tới hội. Cung Long Đức còn được triệu Trung thư thị

---

<sup>1</sup> Điện Thiên Khánh làm năm Canh ngo (1030) kiến tạo theo kiểu bát giác, ngay trước điện Trường Xuân. Đây là ngôi biệt điện để nhà vua nghe tâu báo hoặc bàn bạc những điều cơ mật.

lang Lý Đạo Thành, Hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt cùng tới điện Thiên Khánh.

Mọi người có mặt đông đủ, vua nói:

- Trẫm đã đối chiếu nhiều nguồn tin của các khanh tâu báo về đều giống nhau cả. Như vậy, Nùng Trí Cao đang ráo riết bành trướng quân binh. Trong các sơn động, mỗi nhà chỉ được phép để lại một người con trai. Ngoài ra, trai tráng từ mười bảy đến bốn mươi tuổi, đều phải đăng quân hết. Nùng Trí Cao tung người đi mua sắm lừa ngựa, khí giới, lương thảo để tích chứa. Vậy y lấy tiền ở đâu ra, có phải có bàn tay ngoại nhân thọc vào không.

Mới nghe nhà vua nói, Lý Thường Kiệt đã thấy nóng tai, chàng trầm nghĩ: “Nếu năm Tân tỵ nhà vua nghe ta giết quách đứa phán phúc này, thì đâu có hậu họa ngày nay. Đúng là thả cọp dữ ra lại mong nó trở thành con nai”.

Người của Phủ Thái sư, Tả tham tri chính sự Lý Mật xin nói:

- Tâu bệ hạ, ngoại nhân ở đây chỉ có thể là người Tống. Nhưng nước Tống hiện nay đang rối như mớ bòng bong, lo thân còn chẳng xong, lo ăn còn chẳng xong, lo tiền bạc và các đồ tuế cống hằng năm cho người Liêu, người Tây Hạ còn chẳng đủ, lấy đâu ra tiền mà chu cấp

cho tên man Nùng này. Tàu bệ hạ, có thể họ có xúi giục, có thể họ có bày mưu, vạch kế hứa hẹn nhiều điều, nhưng giúp tiền bạc, lương thảo, lừa ngựa thì không thể có như thời Tống Chân tông đã giúp họ. Dương Trường Huệ, Đoàn Kinh Chí năm Giáp dần<sup>1</sup>.

Vua Thái tông gõ gõ chiếc hốt xuống mặt kỹ, ngài nhìn vầng trán với vẻ suy tư:

- Các khanh phải làm rõ mấy điều ta đang băn khoăn: - Một là, do nguồn kim ngân nào mà Nùng Trí Cao khai triển được quân binh. - Hai là, với số dân trong hạt y đang cai quản, liệu số quân y mộ được sẽ là bao nhiêu. - Ba là, khi có đội quân mạnh trong tay, y sẽ hành động thế nào? Chắc là y sẽ tuyên cáo lập quốc. Nhưng sau đó thì sao. Y định gây chuyện với ta hay với Tống. Đó, điều ta cần các khanh làm rõ chỉ có vậy.

Khu mật viện chánh chương Mai Mạnh Minh tâu:

- Bệ hạ, đúng như quan tả tham tri chính sự Lý Mật vừa tâu. Việc này không có sự dính líu của người Tống, bởi nước Tống hiện nay nội tình bê bết lắm. Nguồn kim ngân thì Nùng Trí Cao dư sức. Suốt mấy đời nay họ Nùng ăn lộc của triều đình thật là ưu hậu. Vua tha tô thuế cho y, nhưng cha con y không tha cho

---

<sup>1</sup> Sự kiện này xảy ra vào năm 1014, khi Lý Công Uẩn mới cầm quyền được bốn năm.



dân một chút nào. Ngoài ra, trong vùng đất cha con y quán nhiệm có đủ mỏ đồng, mỏ chì, mỏ thiếc, mỏ bạc, mỏ vàng. Suốt mấy đời nhà y thuần bắt dân khai mỏ, chế tác thành bạc, thành vàng, một phần đem bán qua Trung Hoa, còn phần lớn được tích chứa trong các kho mật. Nhờ thế, gặp việc chi tiêu lớn, mẹ y mở kho cho y chi dụng.

Mai Mạnh Minh đang râu tóc thì phải dừng lại, vì có ngựa lưu tinh chạy từ biên ải về, đem tin cấp báo. Nhà vua dỡ lấy phong thư, ngài cho người lính trạm lui ra ngoài rồi mở đọc: *"Nùng Trí Cao dùng Hoàng Sư Mật người Tống, đầu tiến sĩ, thường qua lại Quảng Nguyên buôn vàng làm mưu sĩ. Hiện y đã luyện xong quân, chia ra đóng trại trên đất Quảng Nguyên và cả hai vùng Tả, Hữu giang. Y định cờ lập quốc, tự xưng là Nhân Huệ hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Nam..."*.

Vua sai đọc to cho mọi người cùng nghe. Nhà vua mỉm cười:

- Ta biết thế tất Nùng Trí Cao sẽ làm phản, sẽ dẫn tới chuyện này. Nhưng ta không ngờ nó xảy ra lại hơi chậm. Trước đây, ta nghe các khanh tâu báo, y có thể tăng binh lên tới hai nghìn người. Nhưng bây giờ, y đào cùng tát cạn như vậy, số quân sẽ tăng lên bao nhiêu?

Quan Thái úy Quách Thịnh Dật xin nói:

- Tâu bệ hạ, bên Phủ Thái úy, thần đã cho tính kỹ rồi, bởi số hộ khẩu chúng thần đã nắm vững; cho nên nếu Nùng Trí Cao vét cạn thì được tới năm ngàn quân. Hiện nay Nùng Trí Cao có đội kỵ binh với năm trăm con ngựa tốt. Khí giới có được là giáo dài, đao, cung... Lính Nùng phần lớn mới mộ và tập luyện được non một năm, chưa kinh qua chiến trận, nên không thể nói là lính thiện chiến được. Nhưng lính Nùng lợi hại khi chúng dùng cung, nỏ. Vì cung, nỏ là võ khí sở trường của họ từ nhỏ. Hơn nữa, họ có loại nhựa cây để chế thuốc kịch độc tẩm vào đầu mũi tên. Nếu kẻ địch bị loại tên này sát thương, thì không có thuốc nào giải được. Muốn tránh loại tên này phải dùng lá chắn bọc đồng và mặc áo giáp sắt, đội mũ hoặc nón chóp bọc đồng lá.

Thái úy vừa ngừng lời thì Trung thư thị lang Lý Đạo Thành liền tâu:

- Kính bẩm hoàng thượng, cái vị nho sĩ người Tống làm quân sư cho Nùng Trí Cao, ta không thể xem thường. Mẹ con Nùng Trí Cao vốn tham lam vợ vét, thế mà bỗng nhiên tuyên cáo tha mọi loại tô thuế cho dân. Chính ân sủng đó khiến người dân Nùng hài lòng và họ sẵn sàng cho chồng con sung quân. Việc khôn ngoan nữa là chọn ngay vùng Tả, Hữu giang làm căn cứ, nhưng vẫn không bỏ đất Quảng Nguyên. Hoàng Sư Mật khôn ngoan ở chỗ khiến cho viên An phủ đô tướng thành Ung Châu

yên tâm cho mượn đất. Song chẳng bao lâu nữa Nùng Trí Cao sẽ chiếm gọn vùng Tà, Hữu giang và nhiều đất khác nữa của người Tống.

Lý Thường Kiệt cũng xin nói. Thường Kiệt từ ngày vào cầm đình tới nay, người trở nên điềm đạm, ít nói; mặc dù năm nay ông mới hai mươi chín tuổi. Trong lòng ông dường như luôn luôn mang một quả núi ưu tư, nào là về gia cảnh, nào là về duyên phận. Mọi nẻo đường của một cuộc sống đời thường của ông đều đã bị ngăn lấp. Nay chỉ còn một con đường duy nhất thênh thang, rộng mở đó là công danh, sự nghiệp. Nhưng đó lại là con đường vô định mà cuộc đời thì đầy bất trắc. Và lại làm gì cũng phải trông vào thời vận cả. Vận đến mà thời chưa đến cũng chẳng làm được việc gì đáng kể. Nay nghe mọi người phân giải về Nùng Trí Cao, Lý Thường Kiệt cảm nhận như cái thời của nó đang đến. Nhưng trong lòng Lý Thường Kiệt vẫn hậm hực về việc nhà vua tha mạng sống cho nó năm Tân ty. Nhìn nhà vua như thăm xin phép, lại nhìn mọi người, Thường Kiệt nói luôn:

- Tâu bệ hạ, cứ xem cung cách dường hương của Nùng Trí Cao, đủ biết nó đang đánh một canh bạc lớn. Và cái ông tiến sĩ Hoàng Sư Mật người Tống, đúng như quan trung thư thị lang Lý Đạo Thành vừa nói, không phải một người tầm thường. Điều hạ thần ngạc nhiên là

mẹ con Nùng Trí Cao là những kẻ hẹp lượng, tham bản; sao bọn họ lại dùng được người tài.

Việc Nùng Trí Cao không bỏ đất Quảng Nguyên mà còn rải quân chiếm Tả, Hữu giang là một nước cờ cao về thế trận. Tiến lên y có thể gặm nước Tống, lui về y có thể giữ vững Quảng Nguyên. Dù làm cách nào thì về lâu dài Nùng Trí Cao cũng không đứng vững được, song có thể nhất thời y làm đảo lộn cả vùng biên cương giữa ta và Tống. Nếu bệ hạ cho phép thần chỉ xin đem hai ngàn quân đi bắt mẹ con Nùng Trí Cao về để bệ hạ trị tội.

I.ý Thái tông bật ra tiếng cười lớn:

- Khá khen điều nhận định của Thường Kiệt là xác đáng. Ý tứ các khanh nói đều đúng cả. Duy có Thường Kiệt vẫn còn tức tưởi về Nùng Trí Cao. Sao ta không biết điều các khanh biết. Nhưng ta đã nói, ta dùng nó làm một quân cờ trong thế cờ đòi đất. Đòi được đất mà không phải qua một cuộc chiến tranh, đó là việc lớn, còn việc tha hay bắt một Nùng Trí Cao thì nó dễ như việc lấy đồ vật trong túi thôi.

Đúng là ta phải trừng trị Nùng Trí Cao, nhưng phải xem xét, việc đó đã nên làm vào lúc này chưa. Vì vậy, ta cử Thái úy Quách Thịnh Dật đem quân đi. Có thể là dẹp nó, cũng có thể là giúp nó. Việc này ta sẽ nói riêng với Thái úy trước khi đi.

Khai Hoàng vương từ nãy vẫn lắng nghe mọi người nói. Vương tự nghĩ, việc đời thật biến ảo khó lường. Như phụ vương tha Nùng Trí Cao, mà lại không phải là tha. Nùng Trí Cao qui triều đình đấy, nhưng lại không phải là thuận. Nay ta đã hai mươi lăm tuổi mà mới chỉ vỡ vạc được ra ít điều, cũng là nhờ vào việc nghĩ hiểu của người khác. Thế mà có kẻ mới hai chục tuổi, giết anh rồi tự mình trị vì đất nước, không chịu hỏi ai, không chịu nghe ai, thuần gieo rắc tội ác, khiến cả đất nước điêu linh, suýt rơi vào họa diệt chủng. Ấy là quỷ vương Lê Ngọa triều. Hẳn đây phải là bài học đau đớn cho lịch sử nước nhà. Ta may mắn sinh ra và lớn lên trong một thời yên thịnh, được phụ vương nghiêm huấn, lại gần gũi biết bao người hiền tài, thật là phúc hạnh không chỉ cho ta mà còn cho nước. Phụ vương muốn ta không chỉ gần gũi học hành các bậc thiên sư, đạo sư, các nho sĩ đạo cao đức trọng mà còn phải gần dân. Gần dân để mà hiểu dân, bởi chỉ có hiểu dân thì mới thương dân được. Và khi lên trị vì mới biết người dân yêu cái gì ghét cái gì, thì mới có kế sách chặn dất họ được.

Nghĩ vậy, Khai Hoàng vương bèn thưa:

- Tâu phụ vương, con nghe vậy thì việc biên thù đang vào hồi gay cấp. Xin phụ vương cho con cùng Thường Kiệt tòng chinh với Quách Thái úy. Mọi việc con muốn tự mình xem xét. Dạ không, các quyết sách

của thái úy con tôn trọng. Con chỉ đi xem xét thôi.

- Thế thì được. Bởi các con tuổi trẻ, thấy việc là muốn làm cho xong ngay. Nhiều việc muốn làm nhanh nhưng lại hóa chậm. Con nhớ việc này cha trao toàn quyền cho Thái úy. Con và Thường Kiệt nếu cùng đi, thì Thái úy chỉ có thể tham vấn khi cần.

Ngày ngày hôm sau Thái úy Quách Thịnh Dật sai tả hữu lo sửa soạn đủ số quân để chờ vài ngày tới lên đường.

Trước khi Thái úy lên đường vua vờ vào điện Diên Phúc dặn dò:

- Ta tin thái úy đi lần này chưa phải ra tay. Nên thăm dò xem thực lực của Nùng Trí Cao đến đâu. Xem cách thức sắp đặt, bày bố doanh trại của y, có phải quân sư của y là một tay văn võ toàn tài, hay cũng chỉ là kẻ khoác lác. Hoàng Sư Mật thì ta chưa biết gì về con người này. Nhưng kẻ có học ít khi xui người khác làm bậy. Nùng Trí Cao thực chất là một kẻ trí đoán, song y hết sức liêu lĩnh, táo tợn. Người có học có thể nhiều việc không dám làm. Nhưng kẻ dốt nát, liêu lĩnh thì y không chừa một việc gì là không dám làm, kể cả làm việc thiện mà y không ý thức được. Và lại trong thời loạn, kẻ dốt nát làm bậy làm càn, đôi khi nó cũng thu được thành tựu chẳng kém người tài năng, đức độ.

Khanh xem xét, nếu đường hướng của Hoàng Sư Mật - Nùng Trí Cao là nhằm vào đất Tống thì ta cứ thả lỏng cho nó. Cũng ngầm báo cho biết, nếu nó vào đất Tống, thì nó sẽ được người trong nước ứng hợp khi cần. Nhược bằng nó định câu kết với người Tống để phản bội giang sơn nội giống thời nó không thể tránh khỏi cái họa tuyệt diệt.

Quách Thịnh Dật đem quân đến cách thành Na Lữ hai mươi dặm hạ trại, hình thành một thế bao vây. Lại sai người đi sâu vào đất của Nùng Trí Cao để dò xét binh tình.

Thái úy cho người đem thư vào thành hạch tội Nùng Trí Cao dám vô lễ tiếm xưng vị hiệu, và hẹn y tới hội.

Nùng Trí Cao thực chất không ở trong thành Na Lữ nữa, mà cả hai mẹ con y cùng Hoàng Sư Mật và những người tâm huyết đều đã qua ở bên Tả, Hữu giang.

Nhận được thư, bộ hạ của Nùng Trí Cao chuyển ngay bức thư mà Hoàng Sư Mật đã viết sẵn gửi lại:

Mở đọc. Thư rằng: “... Phải để lại biểu thư này, vì thần biết thế nào bệ hạ cũng cử binh hỏi tội. Cực chẳng đã, tướng nơi biên thù, thấy thời cơ có lợi cho nước phải cướp lấy mà làm, nên thần không thể về triều kiến rồi mới hành sự.

Việc thần làm, kẻ là nghịch mệnh, nhưng thực chỉ

là kế thôi: Bệ hạ là bậc thông biến, nên xét mà tha tội cho thân. Thần được bệ hạ ban trọng ân, ơn còn chưa kịp báo, sao dám nghĩ đến việc phản bội triều đình.

Nay mai tiến sâu vào đất Tống, để giành lại đất đai của tổ tông đã bị người chiếm mất, chắc còn cần đến nhiều binh lương hơn nữa, kính mong bệ hạ sẵn sàng tiếp ứng.

Nhỏ nước mắt viết biểu này, cúi xin bệ hạ lượng định.

Khải hoàn, thần sẽ tự trói mình về Thăng Long chịu tội”.

Đọc xong thư, thái úy thở dài rồi trình lên cho Khai Hoàng vương đọc. Xong, vương lại chuyển cho Lý Thường Kiệt. Đọc xong, Lý Thường Kiệt trả lại thư, mặt không biến sắc. Phải nói, có điều hơi lạ ở con người này. Nghĩa là mọi người khi đã cung hình, chỉ một vài năm sau, da mặt cứ xám dần đi. Nhưng với Thường Kiệt thì đã sáu, bảy năm trôi qua mà môi chàng vẫn đỏ, da vẫn trắng trẻo hồng hào, tiếng nói vẫn trong chứ không khàn khàn như tiếng mèo hen của mấy vị giám quan cao tuổi. Có nhẽ khí lực trong người chàng vẫn đang trong thời kỳ sung mãn. Hơn nữa, tuy vào cấm đình nhưng Thường Kiệt không phải làm việc cai quản hậu cung, mà chuyên lo việc binh nhung, quốc sự để sau này cùng với Đạo Thành giúp rập cho Khai Hoàng vương, khi



vương tức vị.

Thái úy Quách Thịnh Dật liền hỏi:

- Xin Khai Hoàng vương cho ý chỉ. Xin chư liệt vị cho biết cao ý về tên man Nùng này.

Khai Hoàng vương mỉm cười trao lại tờ thư vào tay Thái úy và đáp:

- Phụ vương ta đã trao toàn quyền cho ông rồi. Việc ta và Thường Kiệt có mặt ở đây, bất quá xem bọn ta như tân khách mà thôi. Nhưng theo ý ông thì Nùng Trí Cao muốn gì, ý đồ thực của y là cái gì?

- Bẩm Khai Hoàng vương, cứ như ý tứ trong thư thì Nùng Trí Cao định gặm đất Tống lập vương quốc riêng thật. Nhưng y rất sợ triều đình trừng phạt y lúc này thì ý đồ khó đạt, sinh mạng khó toàn. Ngay với người Tống lúc này, y vẫn còn giấu nhem ý đồ. Gần hết số quân của chúng đem đóng trên đất Tống, vẫn còn án binh bất động. Việc này dứt khoát người Tống phải biết, nhưng không hiểu họ là kẻ đồng lõa hay chủ mưu. Xin Khai Hoàng vương cho biết chủ kiến của vương.

- Trước hết ta thấy vị mưu sĩ của họ Nùng là kẻ khôn ngoan. Khôn ngoan tới mức làm cho người ta quên cả cái bản ngã xảo trá vốn có của họ Nùng nữa. Ta cũng có đồng một cảm nhận như thái úy. Rằng họ Nùng có mưu đồ lập quốc thật. Thế thì việc này nên giúp nó

hay nên diệt nó. Vậy chú ý của quan hoàng môn ra sao. Khai Hoàng vương quay hỏi Lý Thường Kiệt.

- Tàu điện hạ, đọc xong biểu của Nùng Trí Cao, thần có cảm nhận y là một tội trung thật sự. Mặc dù biết đó chỉ là sự mê hoặc của ngôn từ. Thế mới biết sức mạnh của chữ nghĩa và sự lợi hại của đám mưu sĩ.

Đúng như điện hạ và Thái úy lượng định, họ Nùng có chí lập quốc từ đời cha nó. Dù nó muốn nói thế nào thì nó vẫn là kẻ nghịch đạo, kẻ phản nước. Tội của nó dẫu cho tứ mã phanh thây vẫn cứ còn là nhẹ. Điều này không phải hoàng thượng không biết. Cho nên bữa trước nhà vua có nói: “Ta ngỡ việc này phải xảy ra sớm hơn”. Việc nhà vua tha cho nó về, lại phong hàm thái bảo cho nó, đều là kế cả. Người còn nói dùng Nùng Trí Cao như một quân cờ trong thế cờ dôi dất. Hiện nay y đã lộ diện. Nhưng dất cát của người Tống, y chưa lấy được một tấc nào, mà dất của ta thì y chiếm không phải ít.

Điện hạ, thần cũng đồng một ý với quan Thái úy, trong việc này dứt khoát phải có bàn tay người Tống. Song điều nghi ngại còn chưa rõ, họ là đồng lõa hay chủ mưu. Dù thế nào thì ta vẫn cứ phải phòng bị. Song tình thế nước Tống hiện nay, thần ngờ rằng họ không thể chủ mưu được. Vì rằng biên thùý phía bắc, phía tây của họ, quân Liêu, quân Tây Hạ không lúc nào để cho họ được yên ổn, mà bên trong thì các phe phái tranh

giành nát bét, vua thì ngu hèn, chỉ cầm dầu hương lạc. Tuy vậy, Nùng Trí Cao có thể bất ngờ nổi lên giết biên quan biên tướng Tống, chiếm đất Tống, khuấy đảo nước Tống. Biết đâu Tống Nhân tông lại chẳng cắt đất phong hầu cho y.

Việc này hoàng thượng đã giao toàn quyền, quyết thế nào là tùy nơi Thái úy.

Thái úy Quách Thịnh Dật nói:

- Trình Khai Hoàng vương, thưa chư liệt vị. Tuy hoàng thượng trao toàn quyền cho tôi, nhưng vẫn muốn được nghe sự chỉ giáo của vương và chư liệt vị.

Hiện nay việc đánh Nùng Trí Cao thì chưa nên, vì tình thế chưa ngã ngũ. Còn việc rút khỏi đây cũng chưa thể được. Phải đề phòng, lờ y câu kết với Tống triều mà đem quân quay về thì sao. Cho nên vài ngày tới, tôi sẽ cho quân thám đi dò tìm tin tức cho chính xác rồi mới có quyết sách được. Ai cũng cho Thái úy quyết như vậy là đúng đắn.

Nùng Trí Cao cầm ngạt số quân còn đóng trong thành Na Lữ thuộc châu Quảng Nguyên cũng như một số khê, động khác không được quá nhiều dân lành. Quân Nùng đóng bên Tả, Hữu giang cũng phải làm các việc để lấy lòng dân Tống. Vì vậy những người dân trong vùng có quân Nùng đồn trú đã hơi có thiện cảm với họ.

Hằng ngày, quân của Nùng Trí Cao ngoài luyện tập, còn dành một bộ phận cho đi khai mỏ vàng, mỏ bạc, hoặc đi cày cấy, gặt hái, chăn thả trâu bò, lừa ngựa.

Nom những người lính trẻ măng hiền lành, chất phác lại chăm chỉ chuyên cần làm việc nông tang, dân đã có lòng tin vào Nùng Trí Cao.

Tô thuế họ Nùng vừa tha năm trước, dân lấy làm hồ hởi. Năm sau, quan thái bảo Nùng Trí Cao lại tuyên cáo, tha tiếp tô thuế một năm nữa. Và hứa: “Các nhà có từ hai con trở lên ở trong quân, ngoài việc miễn hẳn phu phen tạp dịch và mọi đóng góp khác, mỗi nhà còn được cấp mười nén bạc”. Vì thế số quân của họ Nùng mộ tuyển được nhiều hơn cả dự liệu. Và trong quân cũng không có người bỏ trốn như trước nữa.

Quách Thịnh Dật để lại một số quân án ngữ Nùng Trí Cao, và nghe động tĩnh cả tứ phía biên thù. Nùng Trí Cao cũng không làm điều gì tỏ ra khiêu khích quân triều đình; đôi khi họ Nùng còn sai quân đem biếu trâu, dê và rượu ngon đến quân doanh để các đô tướng khao quân.

Nùng Trí Cao cũng vẫn giữ được mối giao tình với quan An phủ đô tướng thành Ung Châu, và thỉnh thoảng có đưa biếu tặng khi thì cặp gà voi, lúc có tới cả trăm đỉnh vàng hoặc mấy ngàn lạng bạc. Vì thế, quan hệ giữa An phủ đô tướng thành Ung Châu với Nùng

Thái bảo và tiến sĩ Hoàng Sư Mật trở nên gần gũi thân tình như người trong một nhà. Đôi khi tiệc tùng xong còn nằm gác chân lên nhau mà hút thuốc phiện, và cùng ngắm gái đẹp hầu thuốc, hầu trà.

Bữa nọ, Ả Nùng gọi con vào hỏi:

- Ta thấy trong quân ca ngợi con với vị mưu sĩ Hoàng tiên sinh nhiều lắm. Vậy quan hệ giữa con với tiên sinh thế nào.

- Tốt lắm mẹ ạ. Tiên sinh đúng là bậc trí tuệ hơn đời.

- Phải, ta biết chứ, từ ngày có tiên sinh giúp con, có mấy việc khá lên. Trước hết là quân lính có kỷ luật hơn, chịu khó luyện tập hơn, lại không bỏ trốn nữa. Giữ được mối quan hệ với triều đình Thăng Long cùng các biên quan vùng Quảng Tây, không để xảy ra vụ xô xát bất hòa nào với dân Tống.

Nhưng mẹ cũng băn khoăn mấy việc: - Ta nuôi số quân lớn như thế để làm gì. Mẹ thấy quân của con béo xệ ra rồi. Trong khi tiền bạc của ta đã vơi gần hết. Con bàn bạc với Hoàng tiên sinh xem, để quân lính chơi lâu ngày là điều bất lợi đấy.

Nghe mẹ cảnh tỉnh, Nùng Trí Cao cũng thấy giật mình, y đáp:

- Mẹ nói phải đấy. Từ ngày tuyên ngôn lập ra cái

nước Đại Nam với danh xưng Nhân Huệ hoàng đế tới nay, tôi thấy chẳng có gì khác. Quân không thêm, đất không thêm, cũng chẳng có khe động châu quận nào của bên ta hoặc bên Tống qui phục. Được rồi, mẹ để tôi nói với cái ông tiên sinh này. Khéo cũng chỉ là bọn ăn hại.

Á Nùng trừng mắt nhìn con. Thực tình bà cũng chưa ý thức con bà đã lên ngôi hoàng đế. Bà chỉ có cảm nhận, con bà tuy đã ngoài ba chục tuổi, nhưng vẫn còn dại lăm. Việc gì bà cũng phải để mắt tới. Có điều lâu nay bà không mắng con nữa mà chỉ bàn bạc. Á Nùng nói:

- Con phải ý tứ, phải tôn trọng tiên sinh. Con phải biết, từ ngày có tiên sinh giúp rập, mọi việc làm của con đều có đường hướng; trước sau đều tỏ sáng. Sức con đâu nghĩ ra được những việc ấy. Mẹ chỉ lưu ý con mấy điều như đã nói, con bàn bạc với tiên sinh xem. Con nên nhớ là phải biết nghe lời, biết kiềm chế. Các mưu sĩ thường hay tính kỹ, tính xa và chờ thời. Thời vận chưa đến đã làm, có khi hỏng việc. Mẹ là đàn bà, nghĩ gần lại hay nôn nóng.

Từ chỗ mẹ, Nùng Trí Cao đi thẳng tới ngôi Minh Đường của Hoàng Sư Mật.

Sư Mật sai quân hầu trà. Nùng Trí Cao khoát tay:

- Đẹp! Đẹp trà đi. Ta muốn bàn với tiên sinh một việc tối quan trọng.

- Quan ông nói đi, Mật này sẵn sàng nghe đây.

- Tại sao tiên sinh xui ta lập quốc, xưng vương mà rồi triều đình chẳng có, đất đai thì chỉ có một mảnh hẹp như cái bàn tay, quân lính đông đúc nhưng chỉ nuôi cho béo, chẳng dùng vào việc gì. Tô thuế lại cứ tha dài dài. Vậy rồi lấy gì để nuôi quân nuôi dân mãi.

Hoàng Sư Mật cười lớn. Ông nắm lấy tay Nùng Trí Cao mà lắc, rồi lại cười nghiêng ngả:

- Bấy lâu ta vẫn có ý chờ câu hỏi đó ở quan ông. Ta ngỡ quan ông đã ngủ yên trên mảnh đất hẹp, với cái mỹ hiệu hoàng đế hữu danh vô thực ấy rồi. Nay quan ông đã tỉnh. Vậy ta bàn việc lớn. Quan ông nghe ta nói: - Việc tha tô thuế cho dân là quan ông được chứ không mất. Trước hết là được lòng dân. Dân ơn, nên cho con em đi đầu quân đông đúc. Trai tráng đầu quân là ở yên luyện tập chứ không bỏ trốn như trước nữa. Thế là quan ông được cả hai thứ. Được lòng dân, cố kết được tinh quân. Trong khi quan ông chỉ cho dân cái mà quan ông không mất.

Việc xưng vương lập quốc thì đó là kỳ vọng của mẫu thân và cả bản thân quan ông nữa. Bởi đó là nói cái chí của phụ thân quan ông. Nhưng cái được lớn nhất

của quan ông, là từ khi xưng vương tới nay, triều đình Thăng Long vẫn chưa ra tay với quan ông, nhà Tống cũng vẫn im lặng không dòm ngó đến. Trong khi phụ thân ông vừa làm việc đó, đã bị I.ý Thái tông bắt về triều chém đầu cả hai cha con.

Làm được như vậy, là bởi ta có kế sách đúng. Việc lập quốc, như đã có lần ta nói với quan ông. Rằng khởi thủy thiên hạ là của thiên hạ. Bỗng có kẻ giỏi giang nổi lên, tập hợp nhau lại thành sức mạnh rồi chiếm lấy. Thế là họ chiếm thiên hạ làm của riêng mình. Như nước Trung Hoa của tôi chẳng hạn. Lúc đầu lập quốc, người Hoa Hạ chỉ quanh quẩn bên lưu vực sông Hoàng Hà. Thế rồi nhờ con sông màu mỡ phù sa, dân cư trở nên giàu có, nước Trung Hoa trở nên mạnh. Họ chinh phục hàng ngàn các quốc gia bé nhỏ cạnh mình. Nay họ trở thành một nước lớn nhất dưới gầm trời. Nhưng đã bảo thiên hạ là của thiên hạ, nên bây giờ phía bắc thì nước Liêu, phía tây thì nước Hạ đang gặm nhấm Trung Hoa. Họ đã nuốt của chúng tôi tới một phần ba đất nước rồi. Nay ở phía nam, nếu quan ông nổi lên mà đắc thời thế, tiến vào đất Tống, chiếm được nơi này nơi kia để lập quốc, thì cũng là việc chia lại thiên hạ chứ có gì khác đâu.

- Hay lắm! Tiên sinh nói hay lắm. Đúng là bậc trí tuệ hơn đời như mẹ ta thường nói về tiên sinh.

Đúng thế! Đúng thế! Thiên hạ là của thiên hạ. Ta



cũng là người của thiên hạ, thì ta chiếm thiên hạ. Thế mà triều đình Thăng Long cứ gọi hết cha ta đến ta là giặc.

Láo khoét hết cả. Ta lấy đây là lấy của thiên hạ chứ lấy gì của triều đình Thăng Long. Lý Đức Chính làm vua, tại sao Nùng Trí Cao lại không làm vua được.

- Quan ông, ta nên hiểu kỹ cái chỗ này. Ta nói với quan ông là nói lúc khởi thủy của loài người, chứ bây giờ mọi đất đai đều đã có chủ cả rồi. Tống lấy đất của An Nam thì Tống là quân xâm lược. An Nam lấy đất của Tống tức là An Nam xâm lược Tống.

Còn như ai đó, như quan ông chẳng hạn, muốn chiếm đất của Tống hoặc của An Nam lập quốc thì phải có sức mạnh để giữ lấy vùng đất mình vừa chiếm. Quân Tống hoặc quân An Nam đến đánh, quan ông đều diệt được họ. Tới mức các nước kia phải chịu mất đất, phải thừa nhận quan ông là chủ của một nước vừa lập.

- Thì chẳng đúng như thế rồi sao. Nước ta mới lập chẳng là nước Đại Nam sao. Kẻ nào xâm phạm cõi bờ ta hãy liệu hồn.

Hoàng Sư Mật vẫn kiên nhẫn giảng giải:

- Vẫn biết là thế. Hiện nay ta đang ở thế cá nằm trên thớt. Nếu Thăng Long đem hai vạn quân đến, liệu năm ngàn quân của quan ông có diệt nổi họ không?

Nếu đánh đuổi được họ thì chẳng nói làm gì; nhược bằng bị họ diệt, thời họ gọi mình là giặc thôi. Bởi thế đời mới nói: “Được làm vua, thua làm giặc” là vậy đó.

- Đúng thế! Đúng thế! Vậy thời ta phải làm gì, tiên sinh dạy cho.

Hoàng Sư Mật nhìn Nùng Trí Cao để đo cái cao vọng và cái chí của ông ta sẽ làm được đến đâu. Chậm rãi, ông nói:

- Nhìn đám quân cứ béo trắng ra mà không thấy chủ tướng nói gì, tôi lo lắng. Quân luyện rồi mà không ra chiến trận sẽ trở nên lười nhác. Lâu thành ra nhút nhát. Tôi thấy tình thế lúc này, ta có thể lấy được Lương Quảng<sup>1</sup>. Muốn thế phải hâm lại sức quân. Phải đẩy vào tuyết địa để buộc nó phải tìm ra đường sống. Quan ông biết trận Cai Hạ; thế trận Hàn Tín bày quay lưng xuống sông, để buộc quân sĩ chỉ có một đường tiến. Nếu lui, sẽ rơi vào miệng cá. Trận ấy Hàn Tín đốc toàn lực tiêu diệt hầu hết quân của nước Sở, đẩy Sở bá vương Hạng Võ xuống sông Ô Giang, khiến vương phải tuẫn tiết.

Đó, tôi muốn sắp tới quân ta phải vào trận như quân của Hàn Tín vào trận Cai Hạ. Nhưng... Hoàng Sư Mật ngập ngừng.

---

1 Lương Quảng là Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Hoa.

- Nhưng tiên sinh còn điều gì trở ngại nữa?

- Ta chỉ muốn quan ông phải có cái chí khí của Lưu Bang<sup>1</sup> Hán Cao tổ.

- Ông ta là ai vậy? Tiên sinh bảo nhảy vào lửa tôi còn chẳng sợ, lại sợ gì kém cái ông Lưu Bang ấy.

- Vậy thì được.

Về bản khoản, nhưng rồi Nùng Trí Cao cũng mạnh dạn thổ lộ:

- Còn một điều nữa, nếu tiên sinh thực lòng bày tỏ thì tôi mới dám yên tâm vào việc lớn.

- Trời ơi! Tới lúc này mà ta với quan ông còn điều gì nghi ngại nhau là không thể vào cuộc được đâu. Nào, hãy nói cho ta nghe điều làm quan ông chưa thật sự yên tâm.

Nùng Trí Cao tươi cười:

---

1 Nhà Tần bị diệt vào thế kỷ thứ II trước CN, các thế lực phong kiến Trung Hoa lại nổi lên tranh giành xâu xé nhau. Sau nhiều năm chinh chiến còn trụ lại hai nước lớn là Sở và Hán. Hàng Võ Sở Bá vương thống lĩnh một lực lượng hùng hậu tưởng có thể đoạt thiên hạ. Nhưng vì hẹp lượng, người tài lần lượt rời bỏ ông.

Lưu Bang yếu hơn, nhưng vì nhìn mình để dùng người tài giỏi trong thiên hạ. Các bậc tài trí về giúp khá đông. Tiêu biểu là Trương Lương, Hàn Tín, Tiêu Hà. Chẳng bao lâu sau đánh bại Hàng Võ, thống nhất đất nước, lập ra nhà Hán. Hán Cao tổ chính là Lưu Bang.

Trần Cai Hạ là trận quyết chiến chiến lược, Hàn Tín quyết thắng, nên cho bày trận quay lưng xuống sông để toàn quân biết rằng họ không có đường lui.

- Dạ đúng vậy, chỉ còn mỗi một vương vấn cuối cùng. Ấy cũng bởi cái nhẽ tiên sinh là người Hán, mà tiên sinh lại phù giúp tôi đi chinh phục đất đai của nhà Tống.

Hoàng Sư Mật cười vỡ ra, tiếng cười như man dại. Một lúc sau, ông mới nén được tiếng cười và chỉ còn lại tiếng nấc. Nuốt tất cả sự cô đơn và tủi hổ vào lòng, Hoàng Sư Mật nói:

- Đúng thế đấy quan ông. Đúng ta là người Hán, nhưng nước Trung Hoa bây giờ không còn của người Hán nữa. Nước Trung Hoa không phải của người Trung Hoa nữa, mà đã bị nhà Triệu Tống chiếm đoạt làm của riêng nó rồi. Nhà Triệu Tống hèn nhát đã nộp dần lãnh thổ cho kẻ thù phía bắc, phía tây để lùi về phương nam mà hưởng lạc trên máu mủ dân lành, bỏ mặc cho dân nước Trung Hoa mồ côi trước bao thảm họa.

Ta hiện nay tựa như đứa trẻ mồ côi không nhà cửa, không quê hương, phải tự mình tìm ra đất sống. Ta gặp quan ông vừa may cho quan ông, lại cũng vừa may cho ta nữa. Chúng ta hợp lại với nhau, để chung sức chung lòng tìm lấy một quê hương mới. Sự thật là như vậy. Ta chẳng phẫn lại ai hết. Muôn đời ta vẫn là người Hán, quê hương gốc gác của ta vẫn là nước mẹ Trung Hoa. Ta đi với quan ông là đi tìm lại quê hương. Phải, chỉ vậy thôi, nếu không tin ta mà còn nghi ngại, thời ta

vĩnh biệt quan ông, người mỗi ngả.

Nùng Trí Cao lúng túng:

- Tiên sinh! Tiên sinh! Xin tiên sinh đại xá cho kẻ ngu dại ngốc nghếch này.

Nùng Trí Cao quơ lấy hũ rượu rót đầy hai bát rồi cao giọng: - Xin tiên sinh cùng cạn, kẻ hậu sinh này xin thề một lòng một dạ với tiên sinh, lời thì nghe, kẻ thì dùng. Ngừng một lát, Nùng Trí Cao lại nói dần từng tiếng: - Tuy không cùng sinh, nhưng nguyện xin cùng tử!

Hoàng Sư Mật cảm động, hai người cùng nâng bát rượu lên, mỗi người uống một ngụm rồi đổi bát cho nhau giữa cổ uống một hơi cạn hết.

- Đêm nay ta vào cuộc, Hoàng Sư Mật nói.

- Đêm nay ta vào cuộc, Nùng Trí Cao nhắc lại.

## XXXVII

**N**ửa đêm, Nùng Trí Cao hạ lệnh cho các trại phải đưa quân về hội tại trung quân.

Sáng sớm thấy bốn bề lửa khói bốc cao. Lại có tin từ các nơi đưa về: "Các trại quân đều đã bị đốt cháy hết". Trước ba quân, Nùng Trí Cao mặt đờng đờng sát khí, đồng dục tuyên dụ: "Hỡi những người anh em của ta. Suốt bao năm nay chúng ta kề vai sát cánh phúc cùng hưởng họa cùng lo. Biết bao của cải chúng ta tích chứa cả đời, cả mấy đời của dòng giống người Nùng ta, nay bỗng chốc đã hóa ra tro cả. Chẳng biết đó là do trời đốt hay do kẻ thù của chúng ta thiêu hủy. Nếu quay lại, chúng ta không còn gì để mà sống nữa. Chỉ còn cách đánh lấy Ung Châu để tự cứu mình, vì trong thành này tích chứa không biết bao nhiêu lương thực, của cải bạc vàng.

Hỡi những người anh em của ta! Nếu anh em đồng

lòng thì nắm tay giơ lên hô hai tiếng: “Quyết đánh!”

Lập tức cả rừng cánh tay với những nắm đấm giơ cao với lời hô: Quyết đánh! Quyết đánh! Quyết đánh!... Tiếng hô vang rộ làm lay động cả núi rừng đang yên ngủ.

Nùng Trí Cao đưa mắt nhìn Hoàng Sư Mật với vẻ đắc ý. Hoàng Sư Mật mỉm cười. Họ ngầm hiểu: thời cơ đã đến.

Năm ngàn quân lập tức xuất phát theo hai đường thủy bộ. Đường thủy xuôi theo dòng Hữu giang tiến về hướng đông. Quân bộ cũng men theo bờ sông mà đi để thủy bộ tiện bề ứng cứu. Năm trăm con ngựa chiến với các kỵ sĩ gươm tuốt trần chia làm hai đội. Một nửa đi trước thị uy dọn đường, một nửa đi sau để hộ tống đoàn quân.

Quân Nùng khí thế ngút ngàn, ghé vào châu ly nào là quân Tống hàng ngay, không gặp phải sức kháng cự nào. Quân Tống hèn nhát thường mới nghe tiếng quân Nùng đã bỏ đồn lũy tháo chạy. Thế quân Nùng như chẻ tre. Đi tới đâu lại bắt thêm người Tống làm phu chuyên chở lương thảo cho quân Nùng.

Theo kế của Hoàng Sư Mật, Nùng Trí Cao còn bắt cả trai tráng trong dân man Tống cho xung quân. Cứ năm lính Nùng Việt kèm một lính Nùng Tống.

Vì thế sau năm ngày xuất quân, binh Nùng không mất một người mà còn tăng lên cả ngàn người. Cộng với số dân Tống bị bắt di tải lương tới cả vạn người. Thành thứ quân Nùng Trí Cao rùng rùng kéo di như một rừng quân, thanh thế ngày một lớn. Chỉ trong mười ngày tiến công, quân Nùng Trí Cao đã lần lượt hạ các châu Hoàn<sup>1</sup>, Ung<sup>2</sup>, Quý<sup>3</sup>, Đằng<sup>4</sup>, Ngô<sup>5</sup>, Đoan<sup>6</sup>, Củng<sup>7</sup>, Tầm<sup>8</sup>, Khang<sup>9</sup>... và sau hai tuần<sup>10</sup>, quân Nùng Trí Cao đã qua nẻo sông Tây Giang tiến đến vây hãm thành Quảng Châu<sup>11</sup>, khiến quân tướng Tống đều sợ hãi không dám chống cự.

Từ khi khởi binh đánh Tống, quân Nùng Trí Cao đã giết hơn ba ngàn tướng tá và binh lính Tống, bắt sống hàng vạn người, qua đâu tàn sát và đốt phá ở đó. Tin tức cấp báo về, làm rung chuyển cả triều đình nhà Tống. Tống Nhân tông kịp sai bọn quan sớ tại là Dương

---

1 Hoàn là Điền Châu thuộc tỉnh Quảng Tây ngày nay.

2 Ung là Nam Ninh thuộc tỉnh Quảng Tây ngày nay.

3 Quý tức là Quý huyện thuộc tỉnh Quảng Tây ngày nay.

4 Đằng tức là Đằng huyện thuộc tỉnh Quảng Tây ngày nay.

5 Ngô nay là huyện Thương Ngô tỉnh Quảng Tây.

6 Đoan nay là huyện Cao Yếu tỉnh Quảng Tây.

7 Củng nay là huyện Bình Nam tỉnh Quảng Tây.

8 Tầm nay là huyện Quế Bình tỉnh Quảng Tây.

9 Khang nay là huyện Đức Khánh tỉnh Quảng Đông.

10 Mỗi tuần là 10 ngày.

11 Quảng Châu là thủ phủ tỉnh Quảng Đông.



Điền và Tôn Miễn cầm quân đánh dẹp. Nhưng sức đánh không lại được với quân của Nùng Trí Cao, bọn Điền, Miễn phải bỏ quân mà tháo chạy.

Tin thắng trận của Nùng Trí Cao tới tấp đưa về Thăng Long. Lý Thái tông lập tức sai triệu các quan đứng đầu nội các về điện Thiên Khánh nghị bàn.

Nhà vua tươi cười hỏi các quan:

- Chư khanh, binh Tống yếu suy đến mức nào mà chỉ một Nùng Trí Cao với đám quân ô hợp người Man mà suốt hai tỉnh Quảng, không một tướng nào dám chống cự. Các khanh nói rõ cuộc tiến binh của Nùng Trí Cao ta nghe.

Thái úy Quách Thịnh Dật nói:

- Tàu bệ hạ, quân Nùng dùng tuyệt kế của Hoàng Sư Mật đốt hết doanh trại rồi trực chỉ thành Ung Châu.

Quân của họ Nùng vào đất Tống như vào chỗ không người. Mới chỉ có hai mươi ngày quân Nùng đã từ Ung Châu tiến thẳng đến Quảng Châu.

Tàu bệ hạ, hiện nay Nùng Trí Cao vây đánh Quảng Châu dữ lắm mà vẫn chưa hạ được thành.

- Khanh có biết tướng nào giữ thành Quảng Châu không.

- Tàu bệ hạ, thần không tường danh tính vị tướng này.

Khu mật viện chánh chưởng Mai Mạnh Minh thưa:

- Tâu hoàng thượng, tướng giữ thành này là Vương Hãn. Vương Hãn khoảng ngoài bốn chục tuổi, là người chín chắn, mưu lược. Đã từng được cử lên phương bắc kinh chống với quân Liêu. Sợ mặt nam sơ hở, từ khi Chân tông mất, Nhân tông bèn triệu Vương Hãn cùng một số tướng khác về trấn tại Quảng Châu, phòng có biến.

Dạ Nùng Trí Cao là kẻ hồ đồ không phải là địch thủ của Vương Hãn. Nếu như Trí Cao chịu nghe kế của Hoàng Sư Mật thì mới có thể thắng nổi Vương Hãn.

Thần chỉ sợ Nùng Trí Cao đang ở cái thế thắng như chẻ tre, y dâm kiêu ngạo không còn biết nghe ai nữa, chứ thực Vương Hãn đâu đã phải là bậc dũng tướng, trí tướng. Nhưng quả y là một người cẩn trọng, mưu lược tầm thường không thể lừa được Hãn.

Lý Thường Kiệt cũng xin nói:

- Tâu bệ hạ, triều đình nhà Tống bị giáng một đòn bất ngờ ở phương nam còn đang choáng váng. Sao không nhân lúc nó chưa hồi tỉnh, ta giúp Nùng Trí Cao một tay, sự việc ắt mau thành tựu.

Lý Đạo Thành lặng lẽ tâu:

- Hoàng thượng anh minh nên cân nhắc kỹ việc

này. Theo thần sở dĩ Nùng Trí Cao thắng như chẻ tre, là bởi nhà Tống bỏ trống nam thù. Họ yên tâm rằng Giao Chỉ vẫn nằm trong thế họ có thể khuất phục được, nên không có phòng bị. Mặt khác, từ mấy chục năm nay họ luôn khốn đốn với quân Liêu quân Hạ ở mạn bắc, mạn tây nên tướng lĩnh mặt nam lúc nào cũng nơm nớp lo sợ. Tới khi Nùng Trí Cao bất chợt ồ ạt tiến binh. Thế là họ chỉ có chạy. Suốt một dải dài từ tây sang đông, Nùng Trí Cao chưa hề phải giao tranh đáng kể với một tướng Tống nào.

Vì sao lại như thế? Tàu bệ hạ là bởi cả nước Tống lâu nay áp ú một tâm thế bại trận. Vậy thì bất cứ một kẻ xâm lược nào với họ cũng đều là vô địch cả.

Thần nghe nói Nùng Trí Cao đã đánh thành Quảng Châu suốt mấy chục ngày rồi mà chưa hạ nổi. Nếu Quảng Châu giữ được thì nước Tống sẽ thức dậy. Tới lúc đó e rằng Nùng Trí Cao lại không chạy kịp. Cho nên lúc này mới là lúc ta cần ra tay gấp, nhưng phải cho kín kẽ.

- Các khanh nói rất trúng ý ta, vua phán. Dạo Thành thảo ngay cho ta một bài biểu. Nói rõ với Tống Nhân tông, ta sẽ xuất hai vạn quân đi đường biển tới Khâm Châu để giải vây cho thành Quảng Châu.

Lại thảo thêm một thư gửi cho Dư Tĩnh, nói cho ông ta biết hào ý của An Nam, để ông ta khuyên Tống

Nhân tông tiếp nhận quân ta.

Nếu Tống Nhân tông ưng thuận, ta cho Lý Thường Kiệt thống lĩnh đạo quân này. Thường Kiệt nên nhớ, giúp Tống chỉ là cái cớ. Quay nhìn Quách Thịnh Dật, vua nói tiếp: - Thái úy lo ngay cho ta hai vạn quân tinh nhuệ cùng thuyền bè, chiến cụ, lương thảo. Tất cả phải sẵn sàng, thời cơ đến mới kịp ra tay.

Nhận được biểu xin đưa viện binh tới cứu nguy cho thành Quảng Châu của vua Lý, Tống Nhân tông còn băn khoăn chưa dám quyết ra sao. Đang lúc Nhân tông bối rối, không biết làm cách nào để giải vây cho Quảng Châu. Nhà vua đã sai hai tướng Dương Diên, Tôn Miển đến cứu viện, nhưng đều bị đánh bại cả. Ruột rối như tơ vò, Nhân tông cảm như sự nghiệp của nhà Triệu Tống sắp sụp đổ rồi sao. Phía bắc thì quân Liêu ép từng ngày từng giờ. Phía tây thì quân Hạ uy hiếp, quân Tống càng đánh càng thua. Nay lại phía nam quân Nùng đang làm mưa làm gió. Chỉ còn mạn đông là mạn biển thôi. Không lẽ, số phận nhà Triệu Tống lại bị vùi chôn dưới đáy biển đông.

Nhưng còn việc xin đem quân trợ giúp của An Nam thì sao. Cần thì cần quá rồi, nhưng lỡ có chuyện gì thì biết tiến thoái ra sao. Giữa lúc nhà vua như đang ngồi trên vạc dầu sôi, bởi tin tức cáo cấp từ Quảng Châu đưa về triều xin cứu viện từng giờ. Đúng lúc đó

thì Dư Tinh vào triều kiến.

Tinh nói:

- Tâu bệ hạ, Quảng Châu nguy đến nơi rồi. Vương Hãn liều chết giữ thành tới nay đã hơn hai tuần rồi. Bệ hạ đã cử tướng nào đi cứu viện, giải vây chưa?

Tống Nhân tông thở dài:

- Ta gắng hỏi mãi, có tướng nào dám ra trận đâu. Trước đó ta đã cử hai tướng tại chỗ Dương Điền, Tôn Miễn tìm cách ứng cứu Vương Hãn.

- Trời ơi! Bệ hạ cử hai tướng ấy ra đấu với quân Nùng Trí Cao có khác nào gửi trứng cho ác, gửi cá vào miệng mèo. Chắc tính mệnh hai tướng này nguy mất rồi.

- Ta biết vậy, nhưng bí bách quá. Khanh có kế gì không.

- Thần nghe nói vua An Nam muốn giúp thiên triều, chẳng hay việc đó thế nào?

- Giao Chỉ có dâng biểu xin đem hai vạn quân theo đường biển vào thẳng Khâm Châu, để kịp giải vây cho thành Quảng Châu.

- Vậy chớ thánh ý ra sao.

- Ta vẫn chưa biết nên như thế nào. Vì thế vẫn chưa trả lời họ. Sứ Giao Chỉ vẫn còn chờ ngoài quán dịch.

- Bệ hạ tính kỹ đi. Hàng vạn con dân trong thành Quảng Châu, dó mắt chờ binh triều đình tới cứu từng giờ từng khắc. Vương Hãn cũng gồng hết sức rồi. Hãn từ phía bắc về sức còn chưa lại, và nổi ám ảnh về sức mạnh của quân Liêu đang còn là nỗi kinh hoàng. Vương Hãn giữ thành được tới lúc này, kể đã là bậc dũng tướng, trí tướng thời nay rồi. Sao bệ hạ không nhận lời với Giao Chỉ đi.

Tống Nhân tông vẫn còn lưỡng lự:

- Ta chỉ sợ...

- Bệ hạ sợ gì. Bệ hạ nên biết, Giao Chỉ với Ung Châu đất đai sông núi liền một dải, Nùng Trí Cao lại là nghịch thần của họ. Họ muốn nhân cơ hội để trị tội họ Nùng. Nay người ta đã thực lòng giúp đỡ, nếu bệ hạ không nhận lời, khiến Giao Chỉ giận mà quay ra giúp Nùng Trí Cao thì chẳng nguy cho Tống triều sao. Bệ hạ nên biết, hiện thời An Nam là một nước mạnh, đừng để họ nổi giận như thời các tiên đế đối với Liêu và Tây Hạ. Cái họa nhà Liêu nhà Hạ bây giờ chính lại từ chính sách coi thường tử di của Trung Quốc mà ra.

Tống Nhân tông buộc phải chấp nhận phê vào biểu của Giao Chỉ. Sứ ta nhận được lời châu phê của vua Tống bèn lên đường đi suốt ngày đêm mong kịp về Thăng Long như lời dặn của vua ta.

Sứ ta vừa ra khỏi kinh thành được một ngày đường thì Địch Thanh cũng từ bắc thùy trở về. Nghe nói thành Quảng Châu đang bị vây hãm, Địch Thanh vội vào triều kiến.

Vừa trông thấy Địch Thanh, Tống Nhân tông liền bước xuống long ngai, nhà vua đặt hai tay lên bờ vai tướng quân mà lắc lắc:

- Ôi, khanh về đúng lúc quá. Ta đang lo cuống lên không biết tính sao đây. Đất nước lâm nguy, tam tứ bề đều thụ địch. Trước đây ta cứ ngỡ mặt nam là tạm ổn. Vì các nước nam man từ trước đều yếu cả. Không ngờ bỗng chốc nó vùng lên. Nó đánh ta chỉ có chưa đầy hai tuần mà từ Ung Châu đến Quảng Châu, binh Tống cứ chạy dạt ra, khanh báo thế có nhục cho Trung Quốc ta không. Khanh trấn bắc thùy, ta tin khanh có thể cầm chân được quân Liêu. Bây giờ khanh về đây, bắc thùy bị trống, bị nguy thì sao.

Thấy nhà vua thực sự lo lắng, Địch Thanh vội quì xuống rạp đầu tâu:

- Dể bề hạ phải nhọc lòng, thần thật đắc tội. Thần tuy mới về, vẫn xin được sai báo.

- Khanh về, bắc thùy có bị uy hiếp lắm không.

- Tâu bề hạ, thần đã trừ liệu mọi việc trên đó, bắc thùy có thể yên ổn trong vòng sáu tháng nữa.

- Làm gì mà yên ổn được những sáu tháng?

- Tâu, thần vừa đánh sâu vào sào huyệt quân Liêu, làm cho chúng thiệt hại nặng. Chỉ ít sáu tháng sau chúng mới gượng dậy, rồi sau đó mới tính đến chuyện hồi phục được. Từ hồi phục đến gây hấn, còn là một khoảng cách khá xa. Bệ hạ yên tâm.

- Thế thì may cho xā tặc.

- Tâu, việc thành Quảng Châu bị khốn thế nào thần xin được nghe.

Tống Nhân tông thờ dài nhìn thẳng vào gương mặt của Địch Thanh. Nhà vua chau mày nói:

- Ta đã bảo khanh đắp thuốc tẩy những chữ thích trên mặt<sup>1</sup> kia đi. Mười năm khanh làm đại tướng mà vẫn cứ để dấu hiệu của bộ mặt lính trơn, mất thể diện.

Với thái độ nghiêm cẩn, Địch Thanh tâu:

- Bệ hạ, thần không muốn tẩy nó đi, là muốn để ghi trọng ân của bệ hạ đối với vi thần. Rằng bệ hạ không phân biệt kẻ xuất thân hèn kém, mà trong quân cứ hễ ai có chiến công xứng đáng đều được bệ hạ ban khen, cất nhắc. Lại nữa, vi thần cũng xin bệ hạ rộng lòng cho thần được giữ lại cho binh lính nhìn thấy, để họ rạo sức mà vươn lên lập lấy chiến công.

---

<sup>1</sup> Chế độ nhà Tống hà khắc; lính trơn phải thích chữ vào mặt để khỏi trốn.



- Khanh đúng là một người khiêm nhường, người vì nghĩa lớn. Nhà Triệu Tống ta ước gì được vài ba viên đại tướng như khanh, chắc chắn bọn ngoại bang không dám dòm ngó đến biên thùy đại Tống.

- Tạ ơn hoàng thượng ban mỹ ý. Nhưng thần vẫn nóng lòng muốn biết hiện tình thành Quảng Châu thế nào.

- Mới từ biên ải trở về, người còn chưa hết mệt, khanh cứ qua nhà cho cha mẹ vợ con mừng rỡ, ngày mai vào triều kiến cũng chưa muộn.

- Tâu bệ hạ, thần nghe nói thành Quảng Châu nguy cấp lắm, xin bệ hạ cho thần đi cứu nguy.

- Đúng là nguy cấp đấy. Nhưng ta đã ứng cho Giao Chỉ đem quân đến cứu viện rồi. Giao Chỉ xin đem hai vạn quân đi đường biển tới thẳng Khâm Châu mà vào giải cứu thành Quảng Châu. Ta mới châu phê cho sứ Giao Chỉ về hôm qua. Tức ta bằng lòng cho vua nó được đem binh vào đất Tống để nó được làm tròn phận sự của nước phiên thần.

Dịch Thanh chau mày bái vua:

- Bệ hạ, nguy rồi! Xin bệ hạ cao minh hãy cân nhắc lại. Nước đại Tống mệnh mông là thế, có vài tên giặc cỏ, lương Quảng làm gì không đủ sức đánh dẹp, lại phải mượn quân của nam man. Mượn binh ngoài

đẹp giặc trong, binh pháp gọi là rước hổ vào nhà, thậm nguy. Lỡ nó đem quân vào nước ta, để hợp sức với đám man Nùng kia thì sao? Hai quân đó chẳng phải là quân An Nam cả sao?

Thần khẩn thiết xin bệ hạ ban chiếu ngăn không cho Giao Chỉ đem quân vào đất Tống.

Thần cũng xin bệ hạ hai vạn quân để đi cứu thành Quảng Châu.

Tống Nhân tông vẻ trù trừ:

- Nhưng trăm đã cho sứ Giao Chỉ về, hôm nay là hai ngày rồi.

- Xin bệ hạ ban chiếu, thần sẽ cho quân chạy ngựa lưu tinh đuổi theo sứ Giao Chỉ. Lại cũng cho ngựa chạy bộ đến ải Nam Quan trao cho quan biên trấn nước nó chuyển gấp về Thăng Long, phòng sứ nó đi đường bé không gặp.

- Thôi được, Trung thư lệnh thảo chiếu ngay để ta ký. Còn việc cứu thành Quảng Châu thì bao giờ khanh lên đường.

- Tâu, cứu thành như cứu hỏa. Nếu thu quân xong lúc nào thần khởi hành ngay lúc đó. Về buồn rầu, Dịch Thanh nói: - Tiếc rằng quân lương Quảng đã bị giặc Nùng đánh tan cả. May mà tướng Vương Hãn còn giữ được Quảng Châu. Bây giờ phải lấy quân từ Khai Phong,

sợ đến nơi sẽ muộn mất. Bệ hạ, quân Nùng mạnh lắm sao mà thành Ung Châu mất nhanh thế.

Tổng Nhân tông lắc đầu thất vọng:

- Nào có kháng cự đánh đấm gì đâu. Nó có nội ứng. Quân Nùng vừa tới vây thành thì bên trong nó liền nổi dậy giết An phủ đô tướng, rồi mở cổng thành đón giặc vào. Ta thật không ngờ.

Lại nói Nùng Trí Cao từ lúc khởi binh tới lúc hạ được thành Ung Châu, chưa hề mất một mũi tên nào. Thế như chẻ tre. Chỉ chưa đầy hai chục ngày đã tiến từ Quảng Tây sang Quảng Đông. Nhưng khi đánh thành Quảng Châu lại vấp phải tướng Vương Hãn vào hàng danh tướng, đã từng đánh nhau với quân Liêu dạn dày kinh nghiệm, nên việc phòng thủ nghiêm mật, quân Nùng đánh mãi không núng.

Dù Hoàng Sư Mật có nhiều mưu thuật, song Mật dù sao cũng chỉ là tướng nơi màn trướng, còn Vương Hãn là tướng nơi chiến trường. Vả lại Nùng Trí Cao gặp thời mà nổi chớ đâu phải là bậc tướng tài. Vì thế quân Trí Cao vây hãm thành Quảng Châu tới hơn một tháng vẫn chưa hạ được.

Tại Thăng Long sứ giả từ Khai Phong về trình lên nhà vua tờ biểu có dấu ấn và chữ ký của Tổng Nhân tông: “*Chấp nhận cho Giao Chỉ đem hai vạn quân đến cứu*

thành Quảng Châu". Liền đó kèm tờ chiếu ký sau hai ngày cũng của Tống Nhân tông: "*Bãi việc An Nam đem quân vào đất Tống*".

Lý Thái tông ném tờ chiếu của vua Tống xuống đất, lòng đầy tức giận nói:

- Chính sự của một đứa nhãi ranh chứ không phải là hoàng đế của một nước lớn. Các khanh nghe lệnh ta. Hai vạn quân lúc nào cũng phải sẵn sàng. Bất kỳ lúc nào có lệnh là lên đường ngay. Phủ thái úy lo may ngay hai vạn bộ quần áo lính Nùng. Lý Thường Kiệt luôn túc trực huấn hõ đạo quân này. Đoạn nhà vua quay hỏi viên quan vừa đi sứ về:

- Khanh có biết vì sao Tống Nhân tông đổi ý không?

- Tâu bệ hạ, khi thần dâng biểu của bệ hạ lên, vua Tống mừng lắm. Khen An Nam là nước phen giậu đáng tin. Bệ hạ là người đại trí, giữ đạo của một nước thần tử không sai trệch như các nước Bắc địch, Tây hung.

Tuy vậy Tống Nhân tông vẫn còn trù trừ chưa quyết. Tới khi Dư Tĩnh nói vào thì ông ta mới quyết.

Nhận được lời châu phê của Tống Nhân tông, thần lên đường ngay, bất kể ngày đêm. Nhưng hai ngày sau lại có ngựa lưu tinh duỗi theo đưa chiếu ngăn không cho quân ta vào Tống. Thần hỏi mãi kẻ chạy ngựa trạm

cũng không chịu nói vì lẽ gì Nhân tông lại đổi ý. Sau thân phải cho nó một nén bạc, nó mới thổ lộ rằng có Dịch Thanh từ bắc thùy trở về ngăn lại, và y sẽ tự cầm quân đi đánh dẹp Nùng Trí Cao. Tâu bệ hạ, trước sau chỉ có thể thôi ạ.

- Dịch Thanh à? Ta có nghe đây là một viên tướng giỏi của nhà Tống, chuyên trấn ở biên thùy để đối phó khi thì với quân Hạ ở phía tây, khi thì với quân Liêu ở phía bắc. Chẳng lẽ nước Tống yếu suy đến mức không có tướng nào dám đối đầu với Nùng Trí Cao mà Nhân tông phái triệu Dịch Thanh về. Các khanh có ai biết kỹ về viên tướng này không.

- Tâu hoàng thượng, bên Khu mật viện đã tâu nhận được đôi điều về tướng này. Dạ tin tức lấy từ thành Hàng Châu, từ Biện Kinh đã được kiểm xét cẩn thận.

Dạ, Dịch Thanh vốn xuất thân từ tầng lớp hèn kém, ít học. Nhưng có khiếu năng về võ nghệ, nên từ nhỏ đã làm quen với võ thuật như cung, kiếm, côn, đao, quyền, cước. Y cũng là người có sức khỏe hơn đời. Tay không có thể đánh bại cả chục người có khí giới. Nước loạn, y được gọi đi làm lính thú. Nhưng vì có tài nghệ cung kiếm giỏi giang, nhất là môn phi ngựa bắn cung, y là một tay thiện xạ siêu phàm. Bởi thế được gọi về kinh thành cho nhập đội cấm quân, sau được thăng đô

tướng, là một chức quan võ nhỏ trong kinh. Khi quân Tây Hạ đánh biên thù y phía tây rất quá, triều đình phải cho bớt cấm quân đi trấn. Địch Thanh được cử tới Bảo An<sup>1</sup>. Đây là vùng đất nhiều lần quân Tống bị quân Tây Hạ đánh vỡ mặt nên cứ nghe thấy tiếng quân Tây Hạ là quân tướng Tống đã sợ hãi. Tướng trấn ải tại Bảo An là Lư Thủ Cẩn tỏ ra rất lo lắng. Thấy vậy, Địch Thanh xin được làm tướng tiên phong chống quân Tây Hạ. Lư Thủ Cẩn mừng rỡ chấp nhận và giao cho Địch Thanh một số quân mã, cử Thanh ra giao chiến với Tây Hạ.

Mỗi lần ra trận Địch Thanh đeo một thứ mặt nạ bằng đồng hình thù kinh dị. Một là để che đi gương mặt viên tướng bị thích chữ khi còn là lính trơn. Hai là đánh vào tâm lý người Tây Hạ hay sợ ma quỷ. Đầu luôn xõa tóc, và mỗi mặt nạ lại đi với một kiểu y phục rất cổ quái. Vào trận thì vác trường thương đi trước ba quân, xông thẳng vào giữa trận quân Tây Hạ, xông xáo chém giết ngổn ngang như đi vào chỗ không người; không tướng Tây Hạ nào địch nổi. Nhất là từ ngày hai nước giao chiến, quân Tây Hạ chưa bao giờ bắt gặp một tướng Tống dũng mãnh như thế. Thấy quân Tây Hạ chần chừ, Địch Thanh vẫy quân đánh dần sang trận địa địch, khiến quân địch hốt hoảng tháo chạy. Quân Tống

---

<sup>1</sup> Bảo An nay thuộc huyện Chí Đan tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

đuổi theo chém giết tới bờ. Lần đầu tiên quân Tây Hạ đại bại, mà tinh thần chiến binh Tống cũng đã phần nào bớt đi được sự sợ hãi.

Sĩ khí quân Tống do đấy lên cao chưa từng thấy. Ai ai cũng muốn ra trận lập công. Liên tiếp quân Tây Hạ bị đại bại, phải xin hưu chiến. Tin tức thắng lớn trên mặt trận chống Tây Hạ đồn dập bay về triều. Tống Nhân tông rất đổi hài lòng, liền thăng chức cho Lư Thủ Cần, và thăng cho Địch Thanh lên bốn cấp. Nhà vua rất muốn thấy mặt viên tướng thần kỳ này, nhưng mặt trận Tây Hạ lúc ấy vẫn không thể thiếu Địch Thanh. Vì Lư Thủ Cần sợ nếu Địch Thanh về kinh, phía Tây Hạ biết mà đánh sang báo thù, e rằng quân Tống không chống đỡ nổi. Bởi vậy, triều đình phải phái họa sĩ lên biên thùy, họa hình Địch Thanh đưa về cho Tống Nhân tông biết mặt.

Tâu bệ hạ, Địch Thanh về sau còn được tể tướng Phạm Trọng Yêm và đại tướng Hàn Kỳ diu dắt, dạy bảo cho. Địch Thanh nhờ được dạy bảo và y cũng có chí, nên trở thành một viên tướng văn võ kiêm thông, chứ không chỉ là một tên võ biên như những ngày ở Bảo An với Lư Thủ Cần.

Dạ, tâu hoàng thượng, sau này Địch Thanh được Tống Nhân tông vời về triều, và được thăng tới Khu mật sứ, nắm việc quân trong cả nước. Đầu năm nay vì

có chuyện bất hòa với Liêu, nên bắc thù càng thẳng lăm. Triều đình phái Dịch Thanh lên để dàn xếp. Nhưng mấy tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông bị Nùng Trí Cao đánh cho nguy cấp quá, chắc triều đình lại phải triệu gấp Dịch Thanh về ứng cứu.

Nghe quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh trình bày khúc triết về viên tướng Tống tài ba, nhà vua rất hài lòng vì bề tôi của ngài không chỉ thạo việc trong mà còn thông cả việc ngoài. Ngẫm nghĩ giây lát, vua phán:

- Vậy thời Nùng Trí Cao đâu có thể là địch thủ của Dịch Thanh được. Trí Cao nguy mất. Ta muốn cứu Nùng Trí Cao, các khanh thấy thế nào.

Quan Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Nhị xin nói:

- Tâu bệ hạ, việc Nùng Trí Cao đánh Tống, tức là giặc của nhà Tống. Nay nếu bệ hạ muốn đánh Tống thì bệ hạ phải tuyên chiến. Nếu chỉ lên giúp Nùng Trí Cao thôi thì nhà Tống cũng gọi ta là giặc. Xin bệ hạ hãy cân nhắc, có nên vì Nùng Trí Cao mà phải làm một cuộc chiến tranh với nhà Tống không. Nếu thắng hay hòa cũng đều để lại hận thù.

- Tâu bệ hạ, Trung thư thị lang Lý Đạo Thành nói:

- Thần nghĩ Nùng Trí Cao thì chẳng cần phải cứu nó. Nhưng vì cả vùng tả hữu giang, cả thành Ung Châu bây giờ đều là đất của nó. Cũng tức là đất cũ của nước ta



mà bệ hạ muốn lấy lại. Nhưng đưa quân qua đất nước người khác là việc dễ gây bất hòa nhất, có khi xảy ra chiến tranh.

Vả lại Địch Thanh không chỉ là một tướng võ giỏi, mà y còn là một tướng mưu lược. Việc y can Tống Nhân tông ngăn không nhận ta giúp quân giải vây thành Quảng Châu đã chứng tỏ điều đó. Vậy chỉ còn cách, bệ hạ gửi biểu sang nói với Tống Nhân tông rằng Nùng Trí Cao là nghịch thần của An Nam, nay y hỗn hào đem quân xâm phạm đất đai nhà đại Tống, An Nam sẽ cử binh sang bắt y về, trả lại sự yên bình cho nước Tống.

- Không được! Không được! Nhà vua lắc đầu xua tay. Ta không tin Tống Nhân tông lại ngu khờ tới hai lần trong một thời gian ngắn thế. Vả lại, bây giờ đã có Địch Thanh ở bên cạnh, Nhân tông chắc phải hỏi y. Mà y thì ranh như một con cáo, khó lừa được.

Hơn nữa, đúng như các khanh nói, ta không muốn chiến tranh, không muốn thù hận, chỉ để khổ, để di họa cho con cháu mai này.

- Tâu bệ hạ, Lý Thường Kiệt nói: - Thật ra bệ hạ vì trọng điều nhân nghĩa, ái điều thiện, gạt bỏ lòng tham, chứ đánh nước Tống lúc này hoặc chỉ uy hiếp họ lúc này là thuận lợi nhất.

- Vì sao?- Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, suốt mấy chục năm qua họ suy yếu, họ chia rẽ, họ phải lùi về phương nam đều do cái họa mà họ vẫn ngạo mạn gọi là tứ di.

Bắc địch, tây hung tức là hai nước Liêu, Hạ đã đánh cho người Tống tới bờ, tới mức bây giờ hằng năm thiên triều phải triều cống hai nước đó rất hậu để mua sự yên ổn. Còn nam man thì đang khốn đốn với Nùng Trí Cao.

Tâu bệ hạ, trong binh pháp nói “lưỡng đầu thụ địch” là lâm vào thế bị bao vây, thế nguy khốn. Nhưng nhà Tống lúc này bị “tam đầu thụ địch”. Tống chỉ có mặt đông là đông di còn yên tĩnh. Tiếc thay đó lại là mặt biển, nếu ba mặt các di địch cùng nổi lên chống lại, thì thiên triều chỉ còn một con đường xuống đáy biển đông. Tâu bệ hạ, tình thế như vậy, nếu nước ta động binh nữa, thì đến cả trăm dặm tướng như Địch Thanh cũng phải bó tay chịu trói.

Vì sao vậy, tâu bệ hạ là bởi nước Tống chia lòng. Còn nếu như họ mà nhất tâm thì đúng là không ai dám đụng đến chiếc lông chân của họ.

Vua Thái tông nhìn thẳng vào quan Hoàng môn hỏi:

- Thường Kiệt nói vậy là ý khanh muốn nhân cơ hội đánh Tống?

- Tâu bệ hạ, đây là việc lớn. Quyền tối hậu là ở như bệ hạ. Còn thân, giả dụ chiến tranh xảy ra, thần xin được kiêm chế Dịch Thanh.

Nhà vua đưa mắt nhìn khắp lượt các quan văn võ. Một lát, vua nói:

- Đúng như Lý Thường Kiệt nói, nếu ta đánh nhà Tống để đòi đất đai thì chính lúc này là thời cơ hy hữu. Chỉ cần ta đem năm vạn binh vào đất Tống, chắc Tống Nhân tông phải thương thảo ngay. Song vì ta theo Phật, nên không nỡ trong khi nước người ta có họa mà mình làm điều thất đức. Ta biết, nếu Tống ở vào địa vị của ta, thì Tống đánh ta tan nát lâu rồi. Thôi được, việc đó ta tạm gác lại ở đây. Nhưng phải bám sát tin tức về Nùng Trí Cao. Ta vẫn muốn cứu y để trừng phạt sự tráo trở của Tống Nhân tông.

Lại nói về Nùng Trí Cao, sau khi vây đánh thành Quảng Châu suốt năm mươi bảy ngày đêm mà không hạ được, Trí Cao liền hỏi kế Hoàng Sư Mật nên như thế nào.

- Tiên sinh, ta đánh gắt thế mà Vương Hãn vẫn ngoan cố không chịu hàng, liệu có nên đánh mãi thành Quảng Châu không, hay ta vây đánh chỗ khác để dụ nó ra.

Hoàng Sư Mật nhìn thẳng vào mắt Nùng Trí Cao

hỏi:

- Đánh chỗ khác, theo quan ông là chỗ nào?

- Theo ta thì cứ đánh thẳng lên Phúc Châu<sup>1</sup>, xong đánh tới Hàng Châu<sup>2</sup>... cứ thế mà tiến; dựa vào đường biển mà đi.

- Quan ông tiến thế là không có đường về đâu. Nên nhớ càn về gần Phúc Châu, Hàng Châu là càn về gần kinh đô của nhà Nam Tống. Quân tinh nhuệ và tướng giỏi của triều đình rải ra dày đặc như nấm.

- Tôi nghe nói quân Liêu, quân Tây Hạ đánh cho binh tướng Tống thất diên bát đảo. Ngay như quân ta đánh một mạch từ Ung Châu thẳng đến Quảng Châu như đi vào chỗ không người. Tại sao ta không bỏ chỗ khó đánh chỗ dễ, thử tiến lên Phúc Châu xem sao.

Hoàng Sư Mật cười:

- Chiến tranh là cuộc đọ trí và đọ sức quyết liệt. Vì vậy phải biết mình, biết người. Chỉ tính sai nửa bước là đã nguy rồi. Quan ông có biết vì sao ta lấy Tả, Hữu giang, lấy Ung Châu dễ không. Bởi đó là vùng đất ta quen thuộc, quân ta lại đóng sẵn tại đó. Còn thành Ung Châu là ta có nội ứng. Thẳng Tây giang về Quảng Châu ta đi đường sông gặp ít trở ngại. Hơn nữa, nhà Tống

---

1 Phúc Châu: thủ phủ tỉnh Phúc Kiến.

2 Hàng Châu: thủ phủ tỉnh Triết Giang.

vẫn cho An Nam là nước phen giậu tin cậy, nên nam thùy bố phòng rất sơ khoáng. Quan ông không thể tự phụ tiến gần về phía kinh đô nhà nam Tống được đâu. Đến một thành Quảng Châu còn không hạ nổi, đủ biết lực ta chỉ đến thế thôi. Tiến lên nữa là vào tử địa. Còn như quan ông muốn có cái thế của hai nước Liêu, Hạ thì phải kéo được Lý Thái tông vào cuộc. Phải là An Nam đương đầu với nam Tống kia. Ngay cả An Nam vào cuộc thì cũng vẫn phải liên kết được với nước Liêu, nước Tây Hạ để ba mặt cùng nhất tề đánh vào Trung nguyên, khiến nhà Tống lâm vào tình thế “tam đầu thọ địch”. Chỉ lúc ấy thì mỗi nước nhỏ yếu ở các phương, nam, bắc, tây mới xâu xé được Trung Hoa.

Dừng lại một thoáng, Hoàng Sư Mật lại nói:

- Nếu không tin lời ta, quan ông thử cho một đạo quân nhỏ đánh thăm dò về thành Phúc Châu của tỉnh Phúc Kiến xem sao.

- Sao ta lại không tin ở tiên sinh. Tiên sinh vừa là chân tay vừa là đầu óc của ta. Vậy bây giờ nên như thế nào, xin tiên sinh chỉ cho. Ta vây hãm nó tới năm chục ngày mà không hạ được, nhưng nó cũng không nao núng, là cứ làm sao.

- Cái cơ thử nhất là thành trì của người ta vững. Như thế có nghĩa là người ta có phòng bị từ trước...

- Cái cố thứ hai là thành trì bị vây lâu ngày thường lâm vào thiếu nước, thiếu lương thực. Nhưng Quảng Châu chưa thấy dấu hiệu thiếu hai thứ đó.

- Cái cố thứ ba là bị vây hãm lâu ngày nhưng từ quân đến dân không tỏ ra rối loạn, không có một người nào trốn ra hàng. Vậy là họ kiên cường và đồng tâm chống giặc.

- Cái cố thứ tư là để có được ba cố trên phải có các vị tướng giỏi điều hành.

Còn về phía ta cũng có mấy cố không thể phá được thành.

- Thứ nhất việc tiến vào Quảng Châu là do đà thắng lớn nó cứ cuốn ta đi, chứ ta chưa hề có chủ đích đánh thành này.

- Thứ hai ta không có công cụ để phá thành, quân ta cũng chưa từng có lần nào đã công thành.

- Thứ ba, quân ta là quân ô hợp vừa đánh vừa tuyền.

- Thứ tư là lần đầu tiên đi xa nhà. Đây lại là đi quá xa. Hầu hết quân của ta chưa một lần ra khỏi rừng núi.

Bằng ấy điều đủ nói cho ta biết, nếu ta cứ vây mãi thành Quảng Châu, ắt tới một ngày ta bị trong đánh ra ngoài đánh vào, không có đường mà chạy. Còn tiến về Phúc Châu, Hàng Châu như ta đã nói với quan ông là

tiến vào đất chết.

Hoàng Sư Mật nhìn lơ đãng với vẻ thất vọng dang thâm dâng ở trong lòng, ông nói tiếp: - Ta không còn kế gì để tiến binh nữa đâu, quan ông nên liệu mà quyết sớm đi.

- Không tiến lên nữa thì thôi. Không vây hãm Quảng Châu nữa thì thôi. Nhưng phải đi đâu chứ, tiên sinh dạy cho một lời đi.

- Nếu vậy thì lui về giữ lấy thành Ung Châu. Ung Châu cùng cả vùng Tá, Hữu giang cũng đủ sức cho cái nước Đại Nam của quan ông vậy vùng.

- Đã thế thì về. Nửa đêm nay bắt ngựa ta nhớ trại. Tính đến hôm nay ta vây hãm Quảng Châu là đúng năm mươi bảy ngày rồi đó tiên sinh.

Hoàng Sư Mật an ủi:

- Quan ông mới ra quân lần đầu, mà uy danh vang động thế này đã là ghê lắm. Xưa Khổng Minh bảy lần đưa quân ra Kỳ Sơn phạt Tào, rất gian nan nhưng không phải lần nào cũng thắng, vả lại đất không lấn thêm được một thốn nào.

Quan ông tính chuyện quay về để mưu nghiệp lớn là phải. Vả lại chỉ một trận này đã đủ làm cho cả An Nam lẫn Tống đều phải nể trọng quan ông.

Nùng Trí Cao được khen, mặt vênh lên vì kiêu hãnh.

Bò Quảng Châu, Nùng Trí Cao đem quân vây đánh Hạ Châu theo ý Hoàng Sư Mật, xem sự phòng bị của quân Tống ở vùng này ra sao, nhưng cũng không hạ nổi thành Hạ Châu, bèn rút đại quân quay về hướng tây.

Trên nẻo đường trở lại Quảng Tây, Nùng Trí Cao lần lượt đánh bại nhiều tướng Tống, lúc này đã hoàn hồn nên đem quân chống cự.

Bấy giờ Dư Tĩnh cũng đã về tới Tân Châu, phao tin Dịch Thanh sắp đem năm vạn quân tới dẹp quân Nùng để vực thế quân lên. Một mặt ông cho thêm quân về tăng viện cho thành Ung Châu, mặt khác sai Trần Thự đem một vạn quân ra đất Kim Thành cắm chân quân Nùng, chờ Dịch Thanh tới, sẽ đông tây cùng dồn Nùng Trí Cao vào giữa. Nhưng Trần Thự trù trừ, Tân Châu trống trải, khiến Dư Tĩnh phải bỏ Tân Châu mà chạy về Ung Châu cố thủ. Còn Trần Thự khi đem quân ra tới Kim Thành, thì các lợi thế về địa hình đã bị quân Nùng chiếm hết, quân Thự rơi vào một thế trận đã bị bao vây bốn mặt, nên bị quân Nùng mau chóng đánh tan. Trần Thự may chạy thoát.

Nùng Trí Cao tuy đánh đâu thắng đó, nhưng chỉ là đánh theo kiểu cuốn chiếu, chứ không có quân lưu lại chiếm đất. Đánh tan quân Trần Thự, Nùng Trí Cao lại kéo quân về chiếm Ung Châu.



Dư Tình biết mình thế cô nên bỏ thành đưa quân đi chỗ khác.

Nùng Trí Cao cho quân vào thành Ung Châu nghỉ ngơi ăn tết. Suốt từ tháng tư tới tháng chạp, quân mới được nghỉ ngơi, thư giãn.

Hoàng Sư Mật hội với Nùng Trí Cao cùng các bộ tướng bàn chuyện cơ mật.

Nước được một tuần, Nùng Trí Cao hỏi:

- Tiên sinh định bày trò vui gì trong dịp đón xuân Quý tị này đây.

Nghe đến hai chữ Quý tị, Hoàng Sư Mật lại giật mình. Vì chợt nhớ Nùng Trí Cao sinh năm Đinh tị. Năm nay Trí Cao đúng ba mươi bảy tuổi, đại hạn. Hạn này là hoạnh phát, nhưng lại hoạnh tán. Đinh, quý tương khắc; trường lưu thủy gặp sa trung thổ. Thậm nguy! Dòng nước lớn đang chảy xiết, gặp đất pha cát là nó cuốn trôi ngay. Hạn này không vong thân cũng vong gia.

Thâm tính thấy chủ gặp hạn lớn. Hoàng Sư Mật cũng ngầm tính kế thoát hiểm cho cao. Chợt nhớ, chưa kịp trả lời cho viên chủ tướng, Sư Mật đáp:

- Quan ông, có nhẽ phải cho quân ăn tết sớm đi. Tôi nghe nói Địch Thanh mới từ phía bắc trở về, ông ta đích thân đem năm vạn quân để truy đuổi quân ta. Có nhẽ ta phải chia quân ra chặn các ngã đường của Địch Thanh

trước đã, đừng để cho y thi triển ky binh ở đồng bằng.

- Ta cũng có nghe mang máng bên Tống có cái anh Dịch Thanh, chẳng hay Dịch Thanh là ai, có được như cái ông gì gì mà tiên sinh nói hồi đầu năm không nhỉ. À, ta nhớ rồi, ông Hàn Tín.

Vậy chớ Thanh với Tín ai hơn. Thanh với ta, ai hơn.

Hoàng Sư Mật cảm thấy ngán ngẩm, ông tự trách, tại sao mình lại đi phò cái thằng man ngốc nghếch này, sắp chết đến nơi rồi mà vẫn còn ngạo mạn. Tiên sinh trả lời với hàm ý biếm trích:

- So sánh như quan ông hỏi thì hơi khó. Chỉ biết Hàn Tín là một bậc tướng phi phạm cận cổ chí kim. Còn Dịch Thanh là đệ nhất danh tướng của Trung Hoa thời nay.

Hoàng Sư Mật mỉm cười nhìn Nùng Trí Cao: - nhưng cả hai bậc danh tướng ấy đều không thể so sánh với quan ông được.

- Vậy ư?- Nùng Trí Cao hỏi với vẻ đắc ý.

- Nhưng thưa với quan ông, cái ý tôi nói phải cho quân ăn tết sớm, phải đưa quân đi chiếm lĩnh các nơi hiểm yếu, ngăn không cho Dịch Thanh đem quân ky xuống đồng bằng, quan ông thấy thế nào.

Nùng Trí Cao vươn vai ngáp hai ba cái liền, đoạn y chậm rãi:

- Quân vất vả nắng mưa, rét mướt gần một năm trời, nay tết nhất không cho nó nghỉ, chắc không được. Vả lại, Địch Thanh còn ở xa ta lắm, đã về đây sao kịp. Còn như y đánh kỵ binh, ta cũng có năm trăm lính kỵ binh giỏi, bắn cung thì bách phát bách trúng, lại còn tên độc nữa. Liệu Địch Thanh có chịu nổi hai mũi tên độc không.

- Tôi nói điều này hết sức nghiêm cần, mong quan ông lưu tâm. Địch Thanh là một tướng mưu trí, lại có sức khỏe khác thường, cỡi ngựa bắn cung thì ngay cả quân Hung Nô, Thất Đạt cũng phải khiếp sợ. Thật tình tôi nói quan ông đừng giận, năm trăm con ngựa của ta chỉ là ngựa cưỡi, ngựa tải đồ chứ không phải ngựa chiến. Tôi cam đoan, nếu ngựa của ta chớm nhìn thấy ngựa của Địch Thanh đã quay đầu tháo chạy. Cho nên, có con đường độc đạo tới đây, đó là ải Côn Lôn nằm giữa Tân Châu - Ung Châu, ta đem ngay quân tới chặn và ăn tết luôn tại đó.

Nùng Trí Cao xua tay:

- Không cần! Không cần! Trước hết Địch Thanh không có cánh, nên không thể tới Ung Châu trước cuối tháng giêng được. Tiên sinh quá lo xa. Cứ ăn tết nguyên đán xong, lại ăn tết Thượng nguyên xong, ta chia quân đi trấn cũng chưa muộn. Và thế là quân Nùng tha hồ nghỉ ngơi, chơi bời, ăn uống.

Lại nói về Dịch Thanh, sau khi nhận mệnh, ông lập tức cho quân lên đường. Quân bộ di thuyền, quân kỵ đi ngựa. Thuyền đi suốt ngày đêm. Quân kỵ ngày nghỉ đêm đi, nhằm che tai bịt mắt quân thám của Nùng Trí Cao.

Dịch Thanh là một tướng mưu lược, thường nắm rất vững địa hình những nơi ông phải tác chiến. Vì vậy, ông tự nắm quân kỵ, và đốc thúc họ phải mau chóng vượt mọi trở ngại đến chiếm lĩnh ải Côn Lôn trước khi Nùng Trí Cao tới chiếm.

Đầu tháng giêng, Dịch Thanh đã tới Tân Châu và hội chư tướng để ban lệnh đánh Nùng Trí Cao. Các tướng có ý không phục Dịch Thanh.

Dịch Thanh hạ lệnh khai đao chém tướng Trần Thự để giữ nghiêm quân lệnh. Lại tuyên cáo tội Thự chấp hành lệnh không nghiêm để thua trận Kim Thành, tan nát cả một vạn quân. Việc chém Trần Thự, các tướng đều khép nép sợ Dịch Thanh, quân lệnh từ đó được nghiêm giữ.

Chém xong Trần Thự, Dịch Thanh cho quân đang đêm vượt ải Côn Lôn, tiến thẳng về Ung Châu, ông cũng cải trang làm lính tốt, đi lẫn vào với đám quân tiên phong vượt ải.

Nùng Trí Cao được tin báo thì quân của Dịch Thanh chỉ còn vài chục dặm nữa là tới Ung Châu. Trí Cao vội

cho quân ra chặn.

Hai quân gặp nhau ở Qui Nhân, cùng dàn trận. Nùng Trí Cao cho quân kiêu dũng mạnh khỏe cầm trường thương ra trước. Quân gậy yếu ở phía sau.

Địch Thanh lại cho quân gậy yếu ở phía trước, quân kiêu dũng ở phía sau, kỵ binh thì giấu kín ở tuyến sau nữa.

Giáp trận, quân tiên phong của Địch Thanh thua, nhưng vì nghiêm hiệu lệnh nên không ai dám bỏ chạy, không dám lùi.

Địch Thanh lên đài cao quan sát quân Nùng, rồi phát cờ ra lệnh cho kỵ binh đánh vào phía sau quân kiêu dũng của Nùng Trí Cao.

Cứ theo hiệu cờ, quân kỵ tiến từ tả sang hữu, quân hữu tiến sang tả. Rồi tả lại về tả, hữu lại về hữu.

Cách đánh ấy tự nhiên chia cắt quân địch ra, vây quân địch thành từng cụm mà diệt.

Chỉ một trận đó, quân Nùng Trí Cao tan vỡ và tử thương tới quá nửa.

Chính đốn binh mã xong, Nùng Trí Cao cho mời Hoàng Sư Mật đến hội, để bàn việc đối phó với Địch Thanh; nhưng tìm khắp trong quân không được. Trí Cao đã nghĩ tới việc Hoàng Sư Mật bỏ trốn. Nhưng sau đó lại tìm thấy Sư Mật chết lẫn trong đám tử sĩ.

Nùng Trí Cao tổ ra thương tiếc, sai lấy gỗ ghép thành hòm rồi khâm liệm tử tế, lại lấy gương cất một lọn tóc trên đỉnh đầu bỏ vào hòm cùng chôn chung với Hoàng Sư Mật, để tỏ cái ý vừa kính trọng, vừa là tượng trưng cho sự đồng tử, tuy chẳng đồng sinh.

Thấy hành vi của chủ tướng như vậy, trong quân sĩ ai cũng cảm động nhỏ nước mắt.

Chôn cất Hoàng Sư Mật xong, nửa đêm Nùng Trí Cao cho quân đốt hết doanh trại rồi lặng lẽ rút quân.

Sớm ra, Địch Thanh biết quân Nùng đã tháo chạy. Địch Thanh vội cho quân truy đuổi, nhưng không kịp nữa.

Nùng Trí Cao dẫn tàn quân chạy về trại Đặc Ma<sup>1</sup> nước Đại Lý nương náu. Vì từ lâu, Nùng Trí Cao đã kết thân với Nùng Hạ Thành, trại chủ trại Đặc Ma.

Tại đây, Nùng Trí Cao toan mua ngựa, mộ quân mưu lại sự nghiệp. Bởi tới lúc này Cao mới nhận ra sự thua Địch Thanh chính là y đã dám coi thường sức mạnh của kỵ binh. Vì vậy Nùng Trí Cao có ý muốn lập một đội kỵ binh mạnh.

Nghĩ về nước cũ với hậu tình của vua Lý ở Thăng Long, Nùng Trí Cao sai bộ hạ là Lương Châu về Thăng

---

<sup>1</sup> Đặc Ma thuộc phủ Quảng Nam miền đông tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Đặc Ma là nơi sản xuất nhiều giống ngựa quý.

Long xin cầu viện.

Mới nghe Lương Châu tường trình việc quân Nùng đánh bại quân Tống, suốt một dải dài từ Ung Châu đến Quảng Châu, quân Tống không có được một trận nào, một tướng nào chống đỡ ra hồn, mà chỉ cầm đầu trốn chạy, Lý Thái tông mừng lắm, đã toan phái chỉ huy sứ là Vũ Nhị và hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt đem hai vạn quân đi ứng hợp với Nùng Trí Cao. Nhưng truy hỏi ngọn ngành, thấy tình thế không còn cứu vãn được nữa, vua lại đổi ý.

Nghe nói, năm sau Dư Tĩnh, viên an phủ đô tướng Quảng Tây cho quân vào Đạc Ma truy tróc, bắt được mẹ và con của Nùng Trí Cao. Còn Trí Cao thì chạy sâu vào đất Đại Lý, rồi sau chết ở đó.

Họ Nùng tuy sự nghiệp không thành, nhưng chỉ với một đạo quân ô hợp mà tiến vào đất Tống như vào chỗ không người, làm rối loạn an ninh cả miền nam nước Tống, khuấy đảo cả triều đình nhà Tống, khiến Tống Nhân tông phái phái đệ nhất danh tướng Tống là Địch Thanh ra đối địch.

Các triều đại Trung Hoa thường ngạo mạn, gọi nước ta là man di. Với Nùng Trí Cao, theo cách gọi của người Tống, thì đúng ông ta là man của man; nhưng hãy so sánh giữa Nùng Trí Cao với Tống Nhân tông, ai khí phách hơn, ai anh hùng hơn.

## XXXVIII

Sau những cuộc bình bắc dẹp nam thắng lợi, tiếp đến việc Nùng Trí Cao ra oai phạt Tống khiến nhà vua vừa mệt mỏi vừa phấn khích.

Mệt mỏi vì những cuộc bình dẹp, nhất là cuộc bình Chiêm mấy năm trước, kéo dài tới tám, chín tháng. Còn phấn khích là bởi chỉ với một Nùng Trí Cao đã làm cho nước Tống lao đao. Như thế cũng có nghĩa rằng nhà Tống quá yếu suy.

Tiếc rằng Nùng Trí Cao vô mưu lại hấp tấp, cũng là đoản phúc nữa, nên thời vận đến lại dễ trôi tuột mất. Giả dụ y bình tĩnh mà kết liên với triều đình, thì sự nghiệp của y đâu đã phải sụp đổ tan tành sớm đến như vậy. Còn ta, chắc là đất đai cũng đòi được phần nào, giang sơn do đó cũng được nở rộng thêm ra. Nhưng thôi, họa phúc biết đâu mà lường; cái phúc tới đâu thì cái phận tới đó. Điều căn cốt là phải tu đức, phải chăm



chút cho nghiệp thiện. Nhà vua cũng vui lòng nhận thấy nghiệp thiện ngày càng bám trụ sâu rộng trong vương quốc của ngài. Điều đó được hiển hiện trong xã hội, bởi nạn đói kém hầu như không xảy ra nữa, mà chỉ thi thoảng vào những năm bão lụt, hạn hán. Nhưng nhờ vào các kho dự trữ của triều đình khá sung mãn, nên có thể cho dân vay đổi hạt hoặc cứu tế cho những ai già cả, bần cùng. Vì thế nạn trộm cắp ít đi. Phần giặc giã mấy năm nay yên hẳn. Dân chúng bốn phương đều được an hưởng thái bình. Ai ai cũng ngợi ca, nhất là từ khi triều đình ban hành bộ Hình thư vào năm Nhâm ngọ, dân chúng không còn bị đám nhà giàu bức bách, đám chức dịch xã, châu những nhiều thái quá.

Nhân đất nước thái bình, mùa màng tốt tươi, phong đăng hòa cốc, lại mấy năm liền nghỉ ngơi không phải đi đánh dẹp nơi nào, nhà vua động lòng nhớ bốn phương, nhớ giang sơn cảm tú nên muốn đi thăm thú khắp nơi.

Vua sai soạn sửa thuyền bè cùng các đồ lương thực, để đi kinh dinh miền đông bắc. Lại truyền cho hoàng thái tử Khai Hoàng vương, Khu mật sứ Mai Mạnh Minh, Trung thư thị lang Lý Đạo Thành, Hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt được tháp tùng. Cho hoàng tử Phụng Càn vương Lý Nhật Trung làm lưu thủ kinh sư.

Một đoàn chiến thuyền gồm hai hạm thuyền lớn là Thanh Long và Bạch Hổ, cùng với mười chiếc hải

thuyền có cả mười đô quân thủy đi hộ tống nhà vua. Đã hai ba lần nhà vua gạt bỏ, không cho thiết lập một đội tùy tùng lớn đến như vậy, chỉ để hộ tống nhà vua đi kinh dinh đất nước.

Thái úy Quách Thịnh Dật và cả Khu mật sứ Mai Mạnh Minh đều trình lên hoàng thượng, rằng nhân dịp cho cả một hải đoàn đi theo, để còn kèm cặp các hoa tiêu, về luồng lạch hải trình ngoài mặt biển miền đông bắc nước ta, kẻo mai đây các hoa tiêu già không còn đủ sức lãnh nhiệm công việc nữa, thì không có ai tiếp nối. Lại cũng có cái ý ta muốn khoe lực lượng hải binh mà người Tống không có.

Thấy các thuộc hạ thiết tha quá, vả lại họ đều là những người có nhân cách cao thượng, không có dính dáng đến việc tư riêng, nên nhà vua đành chấp thuận.

Về hành trình, quan Khu mật sứ xin nhà vua cho phép đi theo đường biển, để mọi người có thể nhận diện hình hài đất nước từ ngoài nhìn vào. Đoàn sẽ xuống thuyền xuất phát từ hồ Lục Thủy<sup>1</sup>, ra cửa sông Cái<sup>2</sup> rồi

---

1 Hồ Lục Thủy chính là hồ Hoàn Kiếm. Từ xưa, nước hồ này rất xanh, nên có tên gọi ấy. Sang đời Trần dùng hồ này làm nơi luyện quân thủy, nên còn có tên là hồ "Thủy Quân". "Hoàn Kiếm" tên có từ đầu thế kỷ 15 theo truyền thuyết Lê Lợi trả gươm cho thần. Xưa hồ rất lớn chiếm hết cả khu Tràng Tiển - Vọng Đức - Hàng Ngang - Hàng Đào lan tới cả Hàng Chuối và ăn thông ra sông Cái qua cửa Hà Khẩu.

2 Sông Cái chính là sông Hồng ngày nay. Sông Hồng do người Pháp thấy

xuôi xuống cửa Đại An mà ra biển. Hải trình sẽ ngược lên vùng đông bắc rồi vào các bãi, cảng Vân Đồn. Lúc về sẽ qua Cửa Lục vào sông Bạch Đằng. Rồi từ Bạch Đằng ngược lên Lục Đầu Giang, lấy sông Thiên Đức mà vào sông Cái. Lại từ sông Cái trở vào hồ Lục Thủy.

- Tâu bệ hạ, đó là hai hành trình sông, biển theo đường huyết mạch của nước ta. Các tướng lĩnh dù đánh thủy hay đánh bộ thủy đều nên biết. Còn giặc vào nước ta bằng đường thủy cũng đều theo những ngã đó.

Vào một ngày đẹp trời của tháng trọng xuân, nhà vua cùng các quan và những người tùy tùng vào làm lễ tại nhà Thái miếu<sup>1</sup> và điện Chí kính<sup>2</sup> để hôm sau lên đường.

Đêm ấy nhà vua về nghỉ tại điện Nguyệt Minh cùng với Kim thiên Mai hoàng hậu.

Nhân lúc uống trà, thấy gương mặt nhà vua an nhiên, hoàng hậu lựa lời:

- Bệ hạ suốt một đời lao tâm, lao lực, may nhờ Phật độ, chư thiên gia hộ nên bốn phương đều được hưởng thái bình. Mấy năm liền yên tĩnh, bệ hạ không phải ra tay, thiệp lấy làm mừng lắm. Vì vậy việc lễ bái

---

nước sông đỏ quanh năm, nên hồ gọi là "Fleuve rouge".

1 Thái miếu là nơi thờ các bậc tổ tiên từ sáu đời đến thủy tổ của dòng họ.

2 Chí kính là điện thờ tổ đến đời thứ năm.

trước Phật dĩa để cầu cho bệ hạ và cả quốc gia được yên thịnh, là công việc thường hằng của thần thiếp. Nay bệ hạ tuy sức vẫn còn tráng kiện, nhưng tuổi tác thì đã ngoài năm mươi, vào hàng trung thọ rồi, sao bệ hạ không nghỉ dưỡng, có việc gì thì sai bảo cho các quan làm thay, vả lại Khai Hoàng vương đã trưởng thành, có thể gánh vác bớt công việc cho bệ hạ.

Vua Thái tông uống xong hùm trà, đặt chiếc chén xuống, rồi ngài thông thả vuốt chòm râu dài chớm đến ngực. Ngài vuốt chòm râu tới hai ba lần, tựa như một người vừa thích thú vừa xem ngắm cái vật báu trời cho cùng với tuổi thọ. Nhà vua nheo mắt cười, nhìn hoàng hậu với vẻ âu yếm, ngài đáp:

- Ta kể điều này, chắc hậu sẽ không còn hỏi vì sao tuổi già mà ta lại cứ thích đi. Ấy là suốt từ cuối năm ngoái tới giờ, đêm đêm ta thường mơ thấy cảnh giang sơn đất nước, đẹp không biết đường nào. Thuần những nơi ta đã qua, hẳn nhiên có nhiều chỗ dù có đi qua nhưng cũng khó nhớ ra địa danh của nó. Ta cũng chắc có nhiều chỗ mình chưa qua, nhưng cái hồn mình nó tới. Trong mơ thì nhớ lắm, nhưng thức dậy một lúc các cảnh trong mơ lại cứ chìm mờ đi. Thế rồi tự nhiên trong lòng lại thấy nhớ, chẳng biết là nhớ cái gì nữa. Hóa ra là nhớ bốn phương, nhớ sông núi, nhớ cái hình hài cầm tú do tổ tiên để lại cho từ ngàn đời nay. Ta bản khoán hỏi

Viên Chiêu, Thiên sư khuyên ta nên đi thăm đất nước. Nhất là những nơi hiểm địa, những nơi danh thắng như núi chằm bờ biển, sông núi, chùa tháp... Lại viên bốc phê<sup>1</sup>, bốc cho ta được quẻ “Thuần lý”<sup>2</sup>. Vậy thuận các điềm triệu tốt cả, nên ta mới quyết cho chuyến đi này. Biết đâu, lần này chẳng là lần cuối trót để ta chiêm ngấm giang san như nhìn ngấm gương mặt mẹ mình trước lúc đi xa.

- Bệ hạ! Bệ hạ! Bao nhiêu là nguồn vui tụ hội, là do công quả tu chứng của bệ hạ từ nhiều đời trước, và cả đời này, nữ nào bệ hạ lại nghĩ tới những điều hung họa đó.

- Hậu khỏi lo. Nhưng ở đời mọi sự chỉ là giả tướng cả thôi. Vả lại, khi đủ nhân duyên thì nó tụ, nó hiển lộ. Và khi nhân duyên đã hết thì nó tán, nó tan. Thôi được, sớm mai ta với Mạnh huynh và cả Khai Hoàng vương cùng đi. Đêm nay ta nghỉ lại đây với hậu, mai sớm ta phải về cung để soạn sửa lên đường.

- Đa tạ hoàng thượng ban trọng ân. Thần thiếp chỉ cầu chúc bệ hạ luôn mạnh khỏe, gìn giữ tấm thân muôn quý để dùng cho nước.

---

1 Bốc phê: Viên quan chuyên xem bói Dịch.

2 Một trong 64 quẻ trong Kinh dịch. Tượng của quẻ “lý” là hanh thông, sáng suốt.

Cả một đội chiến thuyền đậu san sát trong hồ Lục Thủy. Trên bờ các quan đưa tiễn và dân chúng kinh thành đứng chen chúc quanh hồ.

Xa giá vừa dừng trên bến. Dân chúng đồng thanh hô lớn:

- Hoàng thượng vạn tuế!

- Hoàng thượng vạn tuế!

Pháo nổ giòn tan. Xác pháo bay đỏ mặt hồ. Khói pháo quện với hơi sương khiến không gian đục mờ màu sữa.

Một lá thuyền nhỏ ghé bờ đón nhà vua lên chiếc Thanh Long.

Đoàn thuyền sắp thành một hàng dài. Năm chiếc thuyền sơn màu anh vũ với lá đại kỳ cắm trên chiếc thuyền đi đầu. Tiếp đó là thuyền ngự. Sau chiếc Thanh Long là chiếc Bạch Hổ. Sau Bạch Hổ là năm chiếc thuyền đoạn hậu, sơn màu nước biển.

Khi đoàn thuyền nhổ neo rời bến, nhà vua ra đứng trước mũi thuyền giơ tay vẫy chào tạm biệt dân chúng Thăng Long, tạm biệt kinh thành Thăng Long.

Trống gõ nhịp quân hành, lời hô chúc tụng được gió mang tới tận khoang thuyền, tiễn đưa vị chúa tể của quốc gia đi kinh dinh miền đông hải.

Đoàn thuyền ngự rời khỏi hồ Lục Thủy lúc cuối

giờ thìn, mãi gần cuối giờ tị mới qua cửa Hà Khẩu<sup>1</sup> mà vào sông Cái xuôi hạ lưu. Sở dĩ thuyền ngự phải đi chậm là bởi dân chúng kinh thành ra tiễn đông đúc, lại bày tỏ lòng nhiệt thành bằng những lời hô đồng thanh vang dội cả phố phường, vang dội cả dòng sông. Nhất là khi thuyền ngự qua bến Cầu Đông<sup>2</sup> để ra cửa Hà Khẩu, thì tự nhiên xuất hiện tới mấy đầu lân, đầu rồng múa không chỉ cuốn hút người đi tiễn mà cả khách qua đường, khách đi chợ cũng dừng chân làm cho đám đông ngày một đông hơn. Cuộc tiễn đưa bất chợt, bỗng có không khí của ngày hội.

Vua Thái tông lòng tràn ngập niềm vui, kéo hoàng thái tử cùng ra đứng trước mũi thuyền vẫy chào dân chúng cho tới khi thuyền ra tới sông Cái, buồm căng gió lao đi vun vút hai cha con nhà vua mới vào trong khoang. Nhà vua nhẹ nói với con:

- Gây được lòng tin với dân nước đã là việc khó, nhưng giữ được lòng dân tin yêu vào triều đình còn khó hơn nhiều. Không phải người dân dễ tin đâu con ạ. Đức tin này có được là do Thái tổ triều ta đã vun đắp suốt cuộc đời. Ta may mắn được kế nghiệp vẫn không

---

1 Hà Khẩu là cửa sông, đoạn phố Hàng Buồm ngày nay.

2 Cầu Đông: Đoạn phố Hàng Đường ngày nay. Nơi đây xưa có chợ và bến sông buôn bán rất sầm uất. Dấu tích còn lại hiện nay là ngôi chùa Cầu Đông đoạn đầu phố Hàng Đường.

đi chệch con đường ái dân của tiên đế.

Nay mai nghiệp lớn, tất con phải gánh vác, có thể con sẽ mở mang được nhiều điều to lớn, khác lạ hơn so với các bậc tiền nhân; những con đường ái dân chỉ có một mà thôi. Con nên nhớ kỹ lời ta. Đó không chỉ là văn hiến truyền gia, mà còn là vưu vật để truyền quốc.

Khai Hoàng vương lòng đang rộn rã hương về tình cảm hồn nhiên của dân chúng kinh thành đối với phụ vương, đối với triều đình, nay lại thêm những điều răn dạy tâm huyết của vua cha, khiến vương hết sức cảm động. Chàng quì xuống, vái vua cha hai vái, rồi thưa:

- Con xin ghi lòng tạc dạ lời răn của phụ vương. Con nghĩ đây là đại đạo và cũng là vương đạo.

Đoàn thuyền xuôi gió, xuôi nước, nửa chiều đã tới hành cung Lý Nhân. Do có nhờ dặn từ trước, thuyền ghé bến để nhà vua và đoàn tùy tùng lên viếng miếu thờ Mỹ Ê phu nhân.

Ngôi miếu nhỏ nằm dưới tán rợp của một cây đa lớn bên bến sông, có mấy chùm rễ phụ thả lòng thông trên nóc miếu. Ngôi miếu mới dựng cách đây non chục năm kể từ khi phu nhân trầm mình, nhưng sao nom nó xưa cũ như đã hàng trăm năm. Nóc miếu xanh mốc màu rêu, tường lở rỗ, đôi chỗ lộ rõ cả màu gạch non và mạch vữa.



Ngôi miếu nhỏ, bên trong chỉ đủ chỗ để một bài vị, một bát hương. Nhà vua tần ngần nhìn ngôi miếu, hàng chữ đề trên trán miếu: “HIỆP CHÍNH HỮU THIÊN PHU NHÂN”, chính là mỹ danh vua ban cho Mị Ê từ hồi phu nhân tuấn tiết. Lại nhìn về hai bên tả hữu ngôi miếu có đôi câu đối ghép bằng các mảnh sứ vỡ, nom rất trang nhã, vua nhâm đọc:

*Quốc sắc giai nhân thiên hạ hữu*

*Trung trinh tiết liệt thế gian vô<sup>1</sup>*

Dòng lạc khoản đề: Giáp thân niên, thập nhị nguyệt, nhị thập tam nhật tạo (Làm xong ngày hai mươi ba tháng chạp năm Giáp thân).

Tự nhà vua thấp ba nén nhang cắm vào bình rồi đứng lặng trước ngôi miếu. Ngài liếc nhìn câu đối một lần nữa và tự nghĩ: Người dân thật vô tư và công bằng. Họ ca ngợi nàng My Ê vào hàng trung trinh tiết liệt vô song, mặc dù họ biết My Ê là người Chiêm. Ca ngợi My Ê, cũng có nghĩa là họ trách ta. Trong việc này không thể nói ta là thủ phạm được, ta chỉ vô tình mà bị mang tiếng ác. Nhưng quả thực không thể nói là ta vô can. Lấy gì để biện minh cho sự vô can ấy. Nếu ta không chinh phạt Chiêm Thành thì Sạ Đẩu đâu phải rơi đầu,

<sup>1</sup> Đại ý: Người đẹp xuất sắc ở đời vẫn có. Người đoan trang tiết hạnh (như bà) (thì) thế gian này khó mà có được.

My Ê sao phải trảm mình để giữ gìn danh tiết. Nhà vua ém một hơi thở dài và thẳm nói: “Mong sao dương thời và hậu thế hiểu cho ta, trước sau ta cũng chỉ một lòng vì nước, vì dân”.

Lòng trĩu nặng, nhà vua trần trọc khi ngủ. Cái chết của phu nhân My Ê cứ mãi ám ảnh ngài. Mặc dù ngài chưa được một lần ngó qua gương mặt My Ê. Đúng là có những việc vô tình nhưng lại gây di hận.

Mờ sáng hôm sau thuyền qua cửa Đại An, một vùng sông giáp biển mênh mang yên ả. Thuyền đi như di trong ao hồ. Đâu đó từ hướng đông lóe lên một quang sáng nhạt, rồi mau chóng chuyển sang màu hồng, và rực đỏ như màu máu. Vầng dương nhô lên từ phía chân trời xa, khiến mọi người đều cảm nhận như cái quang sáng đỏ lừ kia từ đáy biển vọt lên. Chỉ một loáng, ánh bình minh đã lan nhanh trên mặt biển, vì mặt trời đã tách khỏi quả cầu nước khổng lồ lên cao tới mấy con sào.

Thuyền đi mấy ngày chỉ mênh mông có nước và trời. Nhà vua cho đòi viên Hải binh đô tổng quản<sup>1</sup> đem đồ bản và la bàn đến để vua hỏi.

Tấm bản đồ trải rộng, vua và các quan tùy tùng xúm quanh. Vua Thái tông nhìn viên Hải binh đô tổng quản lại nhìn tấm bản đồ, ngài hỏi:

---

<sup>1</sup> Hải binh đô tổng quản: Tương đương Đô đốc tư lệnh hải quân ngày nay.

- Có phải hạm thuyền của ta đang đi về hướng đông bắc như kim la bàn chỉ không?

- Tàu hoàng thượng, đúng thế đấy ạ, thuyền của ta đang đi theo hướng đông đông bắc.

- Ta thường chinh phạt Chiêm Thành, nên quen thạo hải trình phương nam hơn. Bắc hải có đôi lần tiên đế cho theo, nhưng ngày ấy phần ta còn nhỏ, phần thì hải binh nước mình chưa có các hạm thuyền lớn nên chỉ loanh quanh phần duyên hải chứ chưa đủ sức vươn xa như bây giờ. Nói đoạn nhà vua vén rèm nhìn ra ngoài mặt biển, chỉ tay về phía trái con thuyền, ngài hỏi:

- Có phải phía bên này là nước mình không?

- Tàu bệ hạ, đúng phía ấy là nước ta.

- Khanh có ước lượng từ đây vào bờ là bao nhiêu dặm biển<sup>1</sup> không.

- Tàu, theo ước tính của lũ thần thì luồng này vào tới những đảo gần nhất của ta cũng phải từ hai mươi lăm đến bốn mươi dặm.

Về dặm chiều hết nhìn ra mặt biển nhà vua lại nhìn vào tấm bản đồ, rồi hỏi:

- Khanh nhìn nhận như thế nào về hải binh Chiêm Thành.

---

1 Dặm biển theo cách tính thời cổ: Một dặm biển bằng hai dặm trên bộ; gần bằng một km theo cách tính ngày nay (Khác với dặm Anh gần 2000m).

- Tâu, xin bệ hạ cho thần được nói thật.

- Chẳng nhẽ ta còn ưa sự dối trá sao. Xáo trộn thật giả, thực hư đôi khi cũng phải dùng đến, nhưng là trong chiến tranh, nhằm làm cho quân địch hoang mang hoặc đánh lạc hướng kẻ thù. Còn như nơi then máy quốc gia mà không coi trọng sự thật thì đó chính là sự dối trá đang ngự trị trong bộ máy công quyền, dấu hiệu của sự suy vong đang hiển lộ. Lại như các cơ quan then máy quốc gia, hoặc giả cả bộ máy của triều đình lấy sự dối trá trước dân nước để che bịt những việc làm cần bậy thất nhân tâm, thì đó là điềm triệu báo trước sự sụp đổ không gì cứu vãn được. Nào khanh nói ta nghe sự thật về hải binh Chiêm Thành so với hải binh của ta.

- Tâu bệ hạ, Chiêm Thành từ đầu nước đến cuối nước họ đều tiếp biển. Biển Chiêm Thành quanh năm nắng ấm lại ít gió to bão lớn, nên hải sản nhiều và sinh sôi rất nhanh. Do vậy tới nửa số dân Chiêm Thành sống nhờ vào biển. Vì vậy cư dân họ rất quen thạo nghề đi biển. Các luồng lạch trong vùng biển nước họ, họ thuộc nằm lòng như các đường chỉ tay trong lòng bàn tay họ vậy. Tâu bệ hạ, một khi họ đã sống vì biển thì biển là cứu cánh của họ. Cho nên nghề đóng thuyền, nghề đánh cá của họ trở nên thuần thục và thịnh vượng. Chính vì thế mà nước Chiêm Thành có đội hải binh lớn nhất trong các nước lân bang như Tráo Da, Chân Lạp,

Tiêm La. Ngay cả nước ta cũng không thể so với họ được. Dạ, tàu bệ hạ nước Tống không có hải binh. Dạ, thuyền bè của họ chỉ là chở quân bộ hoặc quân kỵ từ nơi này sang nơi khác đánh nhau, như thế không gọi là hải binh được. Tàu bệ hạ, nghề đi biển hoặc buôn bán hàng hóa từ nước này qua nước khác bằng đường biển thì người Trung Hoa lại ở tầng mức cao, như nước ta và nhiều nước khác không bằng họ được. Tuy nhiên, họ không đem cái ưu việt đó để lập ra các đoàn đội hải binh mạnh.

- Khanh đánh giá thế nào về sức chiến đấu của hải binh Chiêm Thành.

- Tàu bệ hạ, hải binh Chiêm Thành tổ chức rất gọn nhẹ, chặt chẽ, có kỷ luật và thiện chiến. Phải nói, đó là một loại kỳ binh của người Chiêm Thành. Biển mênh mông là thế, nhưng họ xuất hiện cũng như họ rút đi thật là bất ngờ, kẻ thù khó lường được, cũng khó tránh được họ.

Tàu bệ hạ, hải binh của ta không so với họ được và hải binh của họ cũng không so được với ta.

- Vì sao vậy?

- Tàu, về kỹ nghệ đóng thuyền ta không bằng họ. Về nghề đi biển ta thua họ. Về tổ chức gọn nhẹ, đánh phục kích trên biển ta cũng không bằng họ. Quân thủy

của ta không giỏi bơi lặn, cũng như khi bị đắm thuyền, bị lạc đường xác định phương hướng tìm về đất liền thảy đều kém họ.

- Khanh nói vậy thì các mặt họ đều hơn ta, nhưng sao khi lâm trận thường hải binh của ta lại thắng hải binh của họ?

- Tàu bệ hạ, chính thần đang muốn nói tới điều đó. Vâng, hải binh Chiêm Thành có đầy đủ các tố chất để trở thành loại kình ngư của biển cả. Từ thuyền đẹp đẽ, gọn ghẽ, chiến binh khỏe mạnh, y phục đặc sắc, mỗi người đều biết rõ công việc của mình. Thủy thủ vừa bám vào mái chèo, thuyền đã lao đi vun vút. Luồng lạch thuộc nằm lòng, tránh đá ngầm cũng như trông trời đoán thời tiết không mấy khi sai trật. Duy chỉ có một điều, sự thành bại hoàn toàn phụ thuộc vào trận đầu và người chỉ huy. Nếu đánh trận đầu họ bị thua, thì cầm chắc là họ tan tác, chứ không thể nói là họ gây dựng lại từ những người lính thất trận ấy để đánh trận phục thù. Hoặc ra trận, chẳng may người chỉ huy bị chết hoặc bị bắt, những người còn lại hoặc là chạy trốn hoặc đầu hàng. Tàu bệ hạ, cái họ thiếu là ý chí chiến đấu không được rèn dạy cho từ mỗi chiến binh, nên nó không có sức mạnh tự thân. Và họ thần thánh hóa tài năng nơi người chỉ huy dường như là người không thể thay thế. Trái lại, binh sĩ của ta, họ có thể đánh trả ké

thù đến người cuối cùng, và đánh tới hơi thở cuối cùng, giọt máu cuối cùng. Và lại ta không bao giờ liều lĩnh đem số đoản của mình để chọi lại số trường của quân địch.

Hải binh ta thường thắng hải binh Chiêm ở chỗ ta nhằm vào nơi họ không đề phòng, ta lấy nhiều đánh ít, hoặc ta dồn họ vào nơi bại địa mà ở đó ta dùng cả ưu thế của quân bộ để áp đảo. Thực ra nhiều trận, quân ta với quân họ chưa giao chiến, họ đã tháo chạy vì hoảng sợ.

Tâu bệ hạ, thần nói hải binh của ta không so được với hải binh của Chiêm Thành, cũng như hải binh Chiêm Thành không so được với hải binh của ta là ở chỗ đó.

Nghe viên Hải binh đô tổng quản tâu báo mọi điều đều thấu lý, nhà vua rất hài lòng nhưng từ đâu đó nhen lên một nỗi buồn. Vua hỏi:

- Như khanh nói thì người Chiêm Thành làm chủ được biển khơi, vì họ sống với biển từ rất lâu đời.

- Tâu bệ hạ, đúng như vậy.

- Ta cũng nghĩ như vậy, nhưng không hiểu tại sao người mình lại rất thờ ơ với biển. Ta đã đi nhiều, thấy những chuyện khá kỳ quặc, biết bao nhiêu làng quê dân mình ở ngay sát mép biển, nhưng lại chuyên sống bằng nghề nông, không lấy được một tí lợi lộc nào từ

biển. Nhớ hồi ta về vùng BỐ-hải-khẩu cày ruộng tịch điền, thấy người dân ở đấy nghèo quá, ta khuyên họ nên mở mang thêm nghề làm muối, nghề chài lưới. Ta đã cho một ít tiền để sắm đồ nghề như thuyền, lưới; lại sai người về dạy nghề làm muối, dạy nghề đi biển, đánh cá. Mấy năm sau ta trở lại, dân có khá hơn nhờ vào nghề làm muối. Còn đánh cá cũng chỉ ben khoen nơi vùng biển mười mười lăm sải nước chứ chưa dám ra xa. Cho nên họ chỉ bắt được cá nhỏ. Nghề cá coi như không phát lên được. Như vậy thì người mình nhát hay lưới. Khanh thử nghĩ giùm ta xem, suốt một dải dài từ Mũi Ngọc đến Nghệ An bao la là biển. Vậy làm thế nào để người mình quen thạo nghề biển, sống với biển. Ba nguồn lợi lớn nhất mà nước mình có được là rừng núi, ruộng đồng và biển khơi. Nhưng mới chỉ lấy nghề nông làm chính, còn rừng với biển vẫn nằm ngoài tầm với. Biển nhiều thế nhưng muối ăn vẫn thiếu. Miền sơn cước có khi người dân phải đốt cỏ tranh lấy tro ăn thay muối. Một đấu muối giá ngang năm đấu gạo vẫn không có mà mua. Rừng nhiều cây thuốc quý nhưng vẫn phải mua thuốc của người Tàu.

Đây là những chuyện đau lòng chứ chẳng thích thú gì. Các khanh phải vắt óc suy nghĩ cùng ta để gỡ thế bí cho cả quốc gia này. Người mình có ngu muội gì đâu mà với biển cả mênh mông, bao quanh từ đầu đến cuối



nước, thế mà muối không có mà ăn, cá không có mà ăn. Thế là thế nào. Ta cho đó là điều thậm vô lý.

Đêm xuống, nhà vua cứ trần trọc mãi về những nghĩ suy mà ngài trò chuyện với viên Hải binh đô tổng quản. Theo ý ngài rừng đã giàu, nhưng biển còn giàu hơn. Và lại nếu có một đội hải binh mạnh, một đội thương thuyền mạnh, ắt nước sẽ giàu và sẽ mạnh. Phải làm chủ được mặt biển như làm chủ mặt ruộng thì dân giàu nước mạnh là điều cầm chắc. Nhưng chắc hơn nữa là ngăn chặn được quân thù từ xa. Bảo vệ được giang san nòi giống khỏi bàn tay hung ác của ngoại xâm.

Trời còn chưa sáng hẳn cả đoàn thuyền đã ghé vào Mũi Ngọc. Quan Hải binh đô tổng quản cho thuyền vào neo đậu hết trong cửa sông để tránh sự dòm ngó của nhà Tống từ phía bên kia.

Sớm ra vua cho gọi Hải binh đô tổng quản cùng các quan tùy tùng đến thuyền ngự nghe dụ:

- Trước hết ta có nhời khen Hải binh đô tổng quản Tô Gia Phan chỉ huy một hải đoàn trong một hải trình dài đều trong trật tự và an toàn. Gia Phan là một tướng quân thạo việc; tinh võ, thông văn lại biết khu xử tình tế. Riêng việc ước lượng được hải trình chính xác để đưa đoàn chiến thuyền vào neo đậu trong sông trước khi trời sáng là việc làm có tính toán đến nhẽ thiệt hơn, nhẽ hòa hiếu giữa ta với nhà Tống.

Nhà Tống bị Nùng Trí Cao bóc mẽ, tới nay vua tôi họ còn đang ảm ức, nhức nhối. Dang tâm trạng như gà phải cáo ấỵ mà tận mắt lại thấy đoàn chiến thuyền của ta xuất hiện nữa, thời họ sẽ nghi ta đánh Tống nay mai. Việc bang giao trở nên căng thẳng.

Bởi thế, cách khu xử như Tô Gia Phan là cần thiết, đáng khen.

Vậy nên trong những ngày ta còn ở châu Vạn Ninh, tạm bỏ các lễ nghi thiên tử, mà coi đây là cuộc vi hành để tránh sự dòm ngó của người Tống. Lát nữa ta sẽ lên thăm trại đồn trú của binh sĩ trên Mũi Ngọc. Sau đó ta cùng các khanh lên vài con thuyền nhỏ dạo ven bờ biển để xem xét địa hình của cả bên ta cùng bên Tống.

Nhà vua cùng các quan vào ngay trong đồn ải có đem theo vài thứ quà từ Thăng Long để úy lạo binh sĩ.

Viên đô tướng trông coi đồn ải được vị Hải binh đô tổng quản cho biết các quan từ Thăng Long đi kinh dinh vùng biển đảo ghé thăm.

Thấy cả một hạm đoàn san sát ghé bến khi đêm, viên đô tướng biết ngay những vị này chắc là quan to lắm, nên hết lòng kính cẩn.

Quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh nhìn viên đô tướng chúa đảo một lát rồi hỏi:

- Cách đây khoảng hai chục năm ta có ghé đảo

này. Ngày ấy đồn trại còn hoang sơ chứ chưa được hàng hoàng như hiện nay. Vậy chớ không biết lớp các vị ngày ấy, nay có còn ai ở lại đảo.

Đỗ tướng vòng tay thưa:

- Bẩm như vậy là ngày ấy chính đại quan đã tới mỏm đất đầu tiên của Tổ quốc<sup>1</sup>. Hạ cấp mãi sau này mới chuyển về đây. Dạ mới được dăm năm thôi ạ. Nhưng vẫn nghe những người trước truyền lại lời răn của đại quan. Dạ, từ việc canh phòng biển đảo gìn giữ biên cương, cho đến bữa ăn miếng uống của lính tráng, nhất nhất đều nhớ và làm theo các nhời răn của đại quan. Dạ, còn về đồn ải khang trang như ngày nay, là bởi các vị tiền nhiệm nói, phải làm theo lời đại quan chỉ bảo rằng: “Đồn biên cương địa đầu của một nước, là bộ mặt của nước ấy được trưng ra với nước bên kia. Bởi vậy, phải được xây cất hàng hoàng, cờ nước bao giờ cũng phải thắm sắc tung bay trên cột cao, để khẳng định cương giới và chủ quyền quốc gia. Lính tráng phải cất cử người khỏe mạnh, sáng sủa, có chữ nghĩa, ăn nói lịch lãm, biết giữ lễ với khách, nhưng không khách khí khi

---

1 Cách đây hơn ngàn năm Mũi Ngọc còn là một đảo gắn đất liền. Nay thời gian do phù sa bồi lắng nên các bãi Tùng Vĩ, Sa Vĩ ở phía ngoài Mũi Ngọc. Và Mũi Ngọc trở thành bán đảo. Mũi Ngọc nằm trong khu vực biển đảo thuộc châu Vạn Ninh, nay là vùng Móng Cái (bao gồm Trà Cổ và vùng phụ cận).

chủ quyền lãnh thổ bị xâm hại, quốc thổ bị xâm hại". Dạ, cả những điều đó, khi hạ cấp đến nhận nhiệm sở từ vị tiền nhiệm được giải nhiệm, vị đó đến truyền dặn lại lời răn của đại quan.

Dạ, đại quan hỏi lớp quân hồi đó có còn ai không. Chắc là không. Bởi ngày trước lính thú biên thùy thời hạn năm năm. Đại quan hứa giảm xuống còn ba năm. Vậy từ sau đó hạn kỳ trấn ái chỉ còn ba năm. Vậy là từ ấy tới nay đã thay bảy lớp quân rồi. Trước đây, trong quân mỗi người một năm được phát hai tấm khố, một bộ xà cạp, một bộ quần áo, hai chiếc nón. Quan hứa, lính biên thùy sẽ được phát hai bộ áo quần chứ không phát khố, và cấm ngặt quân canh phòng không được đóng khố. Dạ, việc đó vẫn được thi hành nghiêm lắm ạ.

Đúng lúc đó người lính đầu bếp len lén bước vào khê hỏi quan đô tướng:

- Bẩm tướng quân có làm cơm khách trưa nay không để nhà bếp còn liệu.

Quan Khu mặt sử nhìn người đầu bếp vẻ ngờ ngợ, vào lúc người ấy vừa ngừng lên, anh ta nhoen miệng cười, rồi nói luôn:

- Con nom đại quan quen quá. Không biết con đã được nhìn thấy đại quan ở đâu.

Quan Khu mặt sử nhận ngay ra anh lính trẻ năm

xưa, có một bên má lúm đồng tiền, cặp môi đỏ lựu, da trắng như con gái và có chiếc răng nanh mọc lầy. Mai Mạnh Minh vụt nhớ, ông nói:

- Ta với người cùng đi đào sá sùng ở bãi cát hơn hai mươi năm trước, nhớ không.

- Đúng rồi! Đúng rồi! Người đầu bếp reo lên hồn nhiên như con trẻ.

- Tại sao người ở trong quân lâu thế - Quan hỏi.

- Dạ, tại con biết nấu ăn ngon, anh em binh lính có lòng nên xin các quan giữ con lại. Vả lại con cũng biết cách bắt thêm những thứ cua cá, ốc biển, sá sùng và cả trồng rau nữa, khiến bữa ăn của mọi người cũng kha khá lính vừa ít ốm vừa béo tốt. Thế là các quan trả lương cho con, lại kiếm cho một cô vợ, làm cho một căn nhà ở trong làng. Bây giờ thì con là thổ dân ở đây rồi.

Nghe viên đô tướng, người coi sóc miền địa đầu của cả nước và người đầu bếp đối đáp với quan Khu mật sứ, nhà vua yên tâm rằng ngài đã cất nhắc đúng người, đúng việc chứ không vị tình riêng. Đúng thế, biên cương là thể hiện bộ mặt của cả một nước, văn hiến của cả một nước, không thể úi sùi, tùy tiện.

Mọi người đang vui vẻ chuyện trò chợt thấy một vị hòa thượng áo vàng vừa bước xuống lá thuyền nhỏ, để lên đảo. Thuyền vừa cập bến, mấy người lính ra

ngăn lại. Vị hòa thượng nói điều gì đó, một người lính bèn dẫn hòa thượng vào trong nhà khách.

Vừa trông thấy nhà sư, vua Thái tông và các quan đã đứng dậy vái chào. Nhà sư bèn lên tiếng:

- A-di-dà Phật duyên lành chẳng mà sư này lại hạnh ngộ được diện kiến bệ hạ cùng chư tôn liệt vị ở đây. Dạ chẳng là ở châu Vạn Ninh vừa dựng xong ngôi đạo quán, vị Đạo chính ty<sup>1</sup> bữa về kinh có ghé qua mời bản tăng ra dự lễ khánh thành. Nhân thể ra xem Mũi Ngọc, mảnh đất địa đầu của Tổ quốc. Từ trước, vẫn nghe nói nhưng chưa thể hình dung ra hình hài. Nay vừa đặt chân lên mà rợn hết cả tóc gáy. Tự nhiên thấy thiêng liêng quá.

Viên đô tướng chúa đảo nghe vị hòa thượng gọi người lớn tuổi nhất ngôi kia là “bệ hạ”, y sợ quá, vội đập trán xuống đất ba lần, lễ đủ ba lễ miệng nói vẫn còn chưa hết run:

- Tấu lạy thiên tử vạn lạy, con có mắt như đui, xin thiên tử tha tội chết.

Nhà vua cười vui:

- Viên tướng kia bình thân đi. Người không có tội gì cả mà phải cưỡng quít lên thế. Việc đi của ta cần phải

---

<sup>1</sup> Chức quan coi về Đạo giáo: Ở phủ gọi là Đạo kỹ ty. Ở châu gọi là Đạo chính ty. Ở huyện gọi là Đạo hội ty. Ở triều đình gọi là Tả nhai đạo lục.

bảo mật, không cho chân tay, tai mắt của nhà Tống bên kia biết. Ta đã không cho ai biết thì sao người biết được ta là ai. Nay một mình người đã trót biết thì phải kín miệng, quân người không một ai được biết điều đó nữa. Lẽ ra, ta dùng bữa với người cùng binh sĩ để cổ võ lòng trung dũng của mọi người. Song việc giữ cho kín nhem trong thời gian ta có mặt ở đây cần hơn. Vì vậy, ta chỉ gửi một chút quà của Thăng Long để úy lạo tinh thần mọi người.

Viên đô tướng lại cúi rạp mình xuống nói lời cảm tạ, không biết y vì xúc động hay vì sợ mà líu cả lưỡi lại, chẳng ai nghe rõ lời y nữa, chỉ thấy y vái lia lia.

- Đứng lên!- Vua nghiêm giọng nói:- Đứng thẳng lên!- Vua lại nói. Giọng nghiêm lạnh:- Việc kính trọng người trên, cấp trên là lễ luật. Nó biểu lộ ở lời nói và hành vi. Làm quá đi là xu nịnh, là mất nhân cách một con người. Ta đã nói, người không có lỗi, sao phải sợ đến nỗi nói không thành lời. Người tướng làm như thế là kính trọng ta chẳng. Không phải. Chính người đang xúc phạm ta đó. Và lại người đường đường là một vị đô tướng trấn giữ miền địa đầu của nước, địa đầu biên ải, phong thái như vậy coi được sao.

Viên đô tướng đứng như một cái cây chết đứng, mặt cứ sạm tái dần đi.

Thấy viên tướng trẻ rơi vào cảnh khó xử, các quan

thầy đều im lặng, thiền sư Đạo Quang bèn liên tiếng:

- A-di-đà Phật, vị tướng kia sao không tạ ơn hoàng thượng đi. Hoàng thượng răn dạy người cư xử cho đúng lễ luật mà vẫn giữ được nhân cách của một con người, phong thái của một vị đô tướng nơi biên địa, chứ ngài có quả phạt gì đâu.

Viên đô tướng như kẻ sắp chết đuối tìm được vật bám víu, liền quì lạy:

- Tạ ơn hoàng thượng! Tạ ơn hoàng thượng!

- Người bình thân, ngồi vào chỗ để ta hỏi vài việc.

Đoạn nhà vua quay ra hỏi thăm sức khỏe thiền sư. Hai bên hỏi han nhau đủ thứ chuyện cứ như họ là bạn cũ của nhau. Đúng vậy, hai người chềnh nhau tới hơn chục tuổi, nhưng cả nhà vua và nhà sư đều là đệ tử của bậc cao tăng: thiền sư Định Hương thường trụ tại chùa Cảm Ứng, hương Tam Sơn. Chắc bạn đọc còn nhớ cuộc tao ngộ giữa vua Thái tông với Khu mật viện Mai Mạnh Minh cùng thiền sư Viên Chiếu tới thăm thầy Định Hương nơi chùa Tam Sơn tức chùa Cảm Ứng. Khi trời sẩm tối, mọi người nghe thấy tiếng chuông chiều đều sững sốt nhận ra người sa môn kia đã dồn trút cả tâm lực và đạo lực của mình vào tiếng chuông. Người ấy chính là Đạo Quang, vừa được Định Hương trưởng



lão thu nhận làm đệ tử và cho xuống tóc, nhập thiên môn. Thoát dã gần hai chục năm trôi qua.

Không khí vừa trở lại bình thường, thiền sư Đạo Quang liền đứng dậy vái nhà vua, vái mọi người:

- Bần tăng có lời chúc hoàng thượng cùng các đại quan được Phật tổ cùng chư thiên gia hộ cho cuộc kinh dinh này đạt thành tựu viên mãn, bần tăng xin được tự mình đi thăm đảo Ngọc rồi trở lại Đạo quán để ngày mai hồi bản tự.

Vua Thái tông vội hỏi:

- Chẳng hay thiền sư vân du một mình hay đi cùng các đạo hữu và đệ tử.

- A-di-đà Phật, da tạ bệ hạ hỏi thăm, Đạo Quang này đi một mình thôi. Các đạo hữu gặp nhau ở đây cũng mỗi người mỗi xứ.

- Nếu không có gì phiền cho thiền sư thì ta có lời mời thiền sư ở lại cùng chúng ta đi xem xét miền biên địa, khi về bằng đường biển, đường sông. Cũng nhân tiện chuyển đi, có nhiều điều cần tham vấn thiền sư. Vả lại, ta và hòa thượng cùng là đồng môn, tưởng ít có dịp hạnh ngộ thế này.

Sau một vài giây đắn đo, nhà sư đáp:

- Tạ ơn hoàng thượng, người dã dạy thế, bần tăng còn biết nói sao nữa. Nhưng xin cho trở lại Đạo quán để

tạ Đạo sư, lấy hành trang rồi xin trở lại ngay.

Thái tông cười vui vẻ:

- Để mấy đứa thư nhi theo xách hành lý cho hòa thượng.

- Tạ ơn bệ hạ, tãng này không có đồ đạc gì đâu. Chỉ có chiếc tay nải nhẹ tênh, vài quyển kinh với một bộ áo quần nữa mặc thay đổi. Nói rồi, sư ngoắt quay đi thoăn thoắt như một chàng trai hai chục tuổi, chứ không phải người tuổi tầm bốn mươi như sư nữa.

Mọi người an tọa, nước được một tuần, vua hỏi viên đô tướng chúa đảo:

- Công việc hàng ngày của trại binh là những gì?

Đô tướng chấp tay vái nhà vua rồi thưa:

- Tàu bệ hạ, suốt ngày đêm trạm canh đều phải có người trên vọng hải đài để theo dõi động tĩnh từ ngoài biển vào. Nếu có điều gì khả nghi cần báo tin, ban đêm dùng ánh lửa, ban ngày đốt pháo làm hiệu. Còn mặt biển luôn có một đội thuyền nhỏ đi tuần duyên hải. Tàu hoàng thượng, đoạn này bên ta với bên Tống chỉ cách nhau một dải biển hẹp. Thời tiết đẹp có thể nhìn rõ nhau bằng mắt thường. Nếu đi sâu vào phía trong thì hai bên cách nhau một con sông, gọi là sông Bắc Luân. Dạ sông nhỏ thôi, hai bên vẫn qua lại bằng thuyền. Về mùa đông, nước sông cạn, nhiều đoạn nước chỉ ngập tới

mắt cá chân, thương nguồn thì lòng sông phơi ra thuần đá sỏi. Tâu, dân hai bên cũng ít đi lại vì đều làm ruộng và không có buôn bán gì. Dạ, chỉ có vào dịp tết nhất thì người bên kia thường đem tranh sang bán. Có cả đồ gốm, sứ, vải vóc cũng nhiều. Họ mua của ta nhiều lắm: sa nhân, thảo quả, hồi, quế, nấm hương, gạo, muối, lợn, gà... Tâu, đấy là những thương lái từ Ung Châu, Quế Châu họ về chứ dân bờ bên kia vẫn chưa biết buôn bán. Tâu bệ hạ, ngay việc đánh cá bằng thuyền bè ở vùng duyên hải này cũng chỉ có người mình thôi, người họ thuần sinh sống bằng nghề nông.

Viên đô tướng ngừng lời. Nhà vua nhìn mọi người giục báo:

- Các khanh có ai muốn hỏi gì cứ hỏi cho kỹ.

- Vậy chớ bên họ có canh phòng bờ biển, có thuyền bè tuần tiễu trên biển không?- Lý Thường Kiệt hỏi.

- Thừa đại quan, bờ biển và cả mặt biển của họ trước kia thường bỏ ngỏ. Chỉ gần đây Nùng Trí Cao đem quân sang đánh rồi rút về thì họ mới cất đặt các trạm canh phòng bờ biển. Còn trên mặt biển, họ vẫn bỏ trống.

- Người nói thế chẳng hóa ra người Tống không có nghề đánh cá biển, cũng không có cả quân thủy.- Lý Thường Kiệt hỏi.

- Bẩm đại quan hạ cấp chỉ muốn nói ở vùng này thôi ạ, chứ lên vùng trên từ cửa sông Tây giang tới Quảng Châu, Phúc Châu thì thuyền bè của họ san sát; nghề đánh cá biển của họ phát đạt hơn bên ta nhiều, thủy quân thủy trại của họ cũng nhiều. Dạ, hạ cấp đã từng cái trang làm khách thương đi dọc các tỉnh ven biển của họ suốt từ Quảng Đông đến Sơn Đông.

- Nghĩa là người đã đi từ Nam Hải đến Bột Hải.

- Dạ, đúng như vậy. Hạ cấp đã đi gần một năm trên đất Tống.

- Ai cử người đi?- Lý Thường Kiệt hỏi và nhìn xoáy sâu vào đôi mắt của viên đô tướng. Vậy chớ người có biết tiếng Hán và chữ Hán?

- Bẩm, quan Đông Hải đô tổng quản huấn dạy cho hạ cấp nhiều điều, từ việc xem xét cách ăn cách ở, cách làm thân với các loại dân Tống đến cách vẽ bản đồ cùng nhiều thứ khác. Nhưng trước hết, quan cho học tiếng Tàu ngay trong dinh của quan tại trang Vân Đồn. Dạ về chữ Hán thì hạ cấp được học từ nhỏ, đến năm mười sáu tuổi đã đọc thông kinh sách. Dạ, cha của hạ cấp là thầy đồ nên dạy cho để biết chữ thôi ạ, chứ quả thân nhà cũng nghèo.

- Trong một năm làm thương lái trên đất Tống, người có gây dựng được người bạn Tống nào thân thiện

với người không?

- Dạ, có nhiều chứ ạ. Những gì mà hạ cấp biết được đều phải dựa vào họ, rồi sau đó mới tìm cách kiểm chứng lại.

- Nếu bây giờ sang lại đất Tống, với người có cản trở gì không?

- Dạ không. Bởi người mình với người phương nam của họ cũng hao hao nhau, mình lại nói được tiếng họ nên cũng dễ trà trộn làm thân.

Trong khi Lý Thường Kiệt hỏi chuyện viên đô tướng chúa đảo, Mai Mạnh Minh thầm nghĩ: - Vậy là vị Đông hải đô tổng quản Lý Vân Trung được ta trao nhiệm vụ đã hoàn thành xuất sắc. Những gì mà ông ta tâu báo về Khu mật viện là do những người này thực thi.

Phải nói, Lý Vân Trung là người biết tổ chức, khéo dùng người. Cứ xem cách ông ta cư xử với cấp dưới như Phó đô tổng quản Trần Quang Minh, đủ biết ông ta chịu nhún mình để cố kết người tài.

Qua hỏi han tìm hiểu sự việc của Lý Thường Kiệt, Mai Mạnh Minh ước đoán người này đang ấp ủ một hoài bão lớn nằm ngoài tầm nghĩ hiểu của đám cung quan. Và ông cho đó là điềm tốt.

Mọi người đang trò chuyện thì thiên sư Đạo Quang

đã trở lại. Đúng như sư nói, ông chỉ có mỗi chiếc tay nài nhẹ tênh.

Vua Thái tông bèn đứng dậy, ngài phán:

- Ta xuống thuyền! Mời các vị xuống thuyền để ta từ biển nhìn vào cho rõ hình hài đất mẹ.

Ba chiếc thuyền nối đuôi nhau từ Mũi Ngọc lao ra biển đi theo hướng đông, đông bắc.

Thuyền đi trước có Khai hoàng vương, Lý Thường Kiệt. Dẫn đạo có phó đô tướng cùng một đô quân hộ vệ. Thuyền giữa có nhà vua và thiền sư Đạo Quang. Dẫn đạo là viên đô tướng và một đô quân hộ giá. Thuyền sau cùng có Khu mật sứ Mai Mạnh Minh, Trung thư thị lang Lý Đạo Thành kèm một đô quân hộ tống.

Thuyền đi dần vào phía cửa sông, Lý Thường Kiệt đứng ra phía mũi thuyền quan sát. Ông nhìn sang phía đất Tống thấy bờ biển dựng đứng, làng mạc lùi xa mãi vào trong, nhìn gần đuối tầm mắt. Bờ biển bên ta thoải, sù vẹt mọc thành rừng, nhiều lạch thông vào mãi trong sông. Cá chạy lao xao trước mũi thuyền từng đàn dày đặc.

Lý Thường Kiệt lấy giấy bút ra họa những nét đặc trưng của hai bờ eo biển.

Khai Hoàng vương vừa ghé nhìn hình vẽ, lại nhìn kỹ hai bên tả hữu eo biển, liền nói:

- Hoàng môn nhất quyết làm võ quan sao?

- Trước sau thần chỉ xin Khai Hoàng vương gia ân cho thần được thỏa chí bình sinh. Thần vì kính yêu điện hạ nên tự cung hình để được suốt đời gần gũi, phù giúp vào các việc trọng yếu trong quân, dù là chốn biên thùy heo hút, miền sơn động gian nan, hoặc như miền biển đảo dữ dằn, thần không chút do dự, từ nan. Còn như công việc buông the nơi hậu cung, xin cho thần được miễn. Vả lại thưa điện hạ, đám thái giám còn nhiều người chưa có việc, họ thường dựa dẫm nhau, tò mò, thọc mạch, đơm đặt bịa tạc nói xấu nhau, làm hại người này người kia rất là tệ hại. Điện hạ chớ nên tin lữ người này mà loạn cả hậu cung lúc nào không biết.

- Thôi được, từ nay Thường Kiệt sẽ chuyên tâm coi sóc các việc về binh bị trong cung Long Đức, để sau này coi sóc việc quân của cả nước giúp ta. Ta biết tài cầm quân cũng như mưu lược của Thường Kiệt từ trận bình dẹp các châu Đô Kim, Bình Tây và Bình Nguyên năm Đinh sửu (1037). Ngày ấy Thường Kiệt mới có mười tám tuổi. Nay đã ba mươi lăm tuổi với biết bao từng trải.

Trong khi đó nhà vua và thiền sư Đạo Quang lại đang bàn về Phật pháp.

Mở đầu nhà vua hỏi Đạo Quang:

- Thiền sư nghĩ như thế nào về Phật pháp ở nước ta?

- Kính bạch bệ hạ, điều nhà vua hỏi, tăng này khó trả lời quá. Nói rằng suy ư? Suy mà chỉ trong một năm đã cất được ngàn ngôi chùa, đúc hàng ngàn pho tượng Phật. Lại cũng chỉ trong một thời gian không dài lắm đã in hàng vạn bộ kinh, mở hàng chục đạo tràng, nhà nước cấp tới gần một vạn độ điệp cho người có ý nguyện xuất gia tu học.

Nói rằng thịnh ư? Sao các bậc đại cao tăng trong làng thiên ngày một thưa vắng. Các bậc đại lão, bậc thánh tăng đã đi là đi biệt không một ai trở lại để diu dắt sa môn, Phật tử.

Tâu, có nhiều đấy mà chưa nói lên được điều gì cả. Chắc bệ hạ thừa biết, một bậc thánh tăng, một bậc đại lão hòa thượng với tâm lực và đạo lực thâm hậu, có thể diu dắt giác ngộ cả triệu chúng sinh hết sức nhẹ nhàng, trong khi cả ngàn thầy tu khác không làm nổi việc của một người có đạo lực cao như thế. Cho nên bản tăng muốn nói cái nhẽ Phật pháp thịnh suy là ở chỗ đó.

Chợt thấy như lỡ lời, Đạo Quang lại nói: - Kính ngưỡng bái bạch bệ hạ, bản tăng nhân giới hạn hẹp lại dám lộng ngôn, xin bệ hạ chi giáo.

Với vẻ bình thản nhìn mặt biển phẳng lặng như mặt nước hồ, trong lòng an nhiên tĩnh tại, vua Thái tông chậm rãi:



- Ta cảm mến Đạo Quang bởi những lời trực ngôn của thầy. Nhưng theo ta, các bậc Bồ tát, các vị thánh tăng như Khuông Việt, Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Đa Bảo... xuất hiện là bởi xã hội trong các buổi sơ mơ ấy dân chúng còn u mê, sự có mặt của các vị là để khai ngộ. Và các ngài đã tạo lập được cả một nền đạo thống vững chắc với một tăng đoàn gồm nhiều các bậc đại giác, lập được nhiều tu viện, đạo tràng, đào tạo mỗi khóa cả ngàn sư tăng tỏa về các chùa trong khắp nước, làm cho Phật pháp ở nước ta chưa bao giờ hưng thịnh như ngày nay mà chính thiên sư vừa nói đó.

Một khi mọi sự đã đi vào nền nếp rồi thì cứ thế mà vận hành, sao còn phải cầu các vị xuất hiện nữa. Và lại các bậc chân nhân, các bậc siêu nhân ấy nhân loại có không đủ đếm trên đầu ngón tay đâu. Hơn nữa, các ngài còn phải có mặt ở những nơi mà con người đang trong vòng u mê, chậm tiến hóa, những nơi chúng sinh trông ngóng.

Nhà vua chợt ngừng lời, nhìn thẳng vào ấn đường của Đạo Quang như muốn khơi gợi nơi nhà sư này điều gì minh triết. Thái tông lại tiếp: - Đừng thấy mấy chục năm gần đây các bậc thánh tăng, cao tăng như Vạn Hạnh, Đa Bảo, Minh Tâm... viên tịch mà cho rằng nước ta đã vắng bóng các bậc thiên sư lỗi lạc đâu.

Thử hỏi như các thầy Cứu Chí, Thiên Lão, Viên

Chiếu... hiện nay, chẳng phải là các bậc danh thiền kiệt xuất sao mà còn phải cầu tìm đâu nữa.

Nghe nhà vua giảng giải, Đạo Quang chợt tỉnh thức, như được người thầy chỉ dẫn vừa phá được công án. Thiên sư vội chấp tay niệm hồng danh đức A-di-đà.

- Nhờ hồng ân tam bảo gia hộ, bản tăng vừa được nhà vua khai ngộ, đa tạ công đức của bệ hạ, xin chúc sự nghiệp của triều Lý ta, phúc tuệ viên thành.

Cũng vào lúc này trên con thuyền đi đoạn hậu, quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh cùng quan Trung thư thị lang Lý Đạo Thành đang chuyện trò sôi nổi.

Lý Đạo Thành hỏi:

- Mệnh quan có thấy mấy năm nay nhờ sự học được mở mang hơn, nên các chức dịch từ châu quận đến hương ấp đều đã có chữ nghĩa để làm việc, dứt bỏ hẳn cái nạn lập sổ sách bằng những cuộn dây thừng thắt nút.

Mạnh Minh cười như nắc nẻ, bởi ông sức nhớ hơn chục năm trước, về các nơi hương ấp xem xét việc làm của các chức dịch, khi hỏi đến sổ sách, đúng là các vị đem ra cả đồng những cuộn dây thừng thắt nút. Dần tiếng cười, ông đáp:

- Đúng như quan Thị lang nói đó. Mà lạ lắm, khi tôi hỏi chi thu từng khoản trong hương ấp, họ cứ nhìn vào các

nút dây thừng nói, trong khi mình thì gầy bần tnh, khớp như in. Ngừng một lát, quan Khu mật sứ lại tiếp - Nhưng cũng nói thật với quan thị lang, sức học của mọi người còn sơ sài lắm. Nơi hương ấp chẳng nói làm gì, ngay các quan châu, quan quận vẫn còn xôi đỗ, thỉnh thoảng mới có một hai người có học vấn coi được.

- Nhân quan Khu mật sứ nói, tôi cũng mạnh dạn góp vui, thực tình ngay các cơ quan đài, sảnh, viện thì các quan, có phải ai cũng có học vấn tinh thuần cả đâu.

- Đúng thế. Nhìn sang các tôn giáo, thấy các thiền sư, đạo sĩ người nào học vấn cũng tinh thông cả. Lại không ít người có trình độ quán thông. So với phần đông các đại quan trong triều, nhiều khi tôi thấy ngượng. Các quan ta mà ngồi hầu tiếp các bậc thiền sư, đạo sĩ cứ lúng ta lúng túng như gà mắc tóc, chẳng biết nói gì. Sự thật thì các quan, ít ra cũng già một phần chẳng biết gì để mà nói. Có quan trong khi trò chuyện còn bâng quơ: "Lão Tử là lão nào?"

- Hoàng thượng có biết những điều này không, thưa đại quan? - Lý Đạo Thành hỏi.

- Biết! Nhà vua là bậc đại trí, ngài có tầm nhìn xa rộng, lại có tính nhân ái bao dung. Nhiều lúc thấy tôi phân nản về sức trí và sức hành của phần đông quan lại trong bộ máy công quyền, ngài an ủi tôi:

- Phải biết chờ đợi. Ta là người đứng đầu cả nước,

ta biết giá trị của bộ máy công quyền lắm chứ. Nếu bộ máy đó gồm những người giỏi, người tài, người có tâm có đức thì nước mạnh dân giàu là một sự hiển nhiên. Nhưng cũng còn may chán, tuy nhiều người kém cỏi, dốt nát, đôi khi làm hỏng việc, nhưng họ không phải là người xấu, không phải những kẻ táng tận lương tâm đã ngu lại ác, hút cạn cả máu mủ tủy xương dân lành.

- Tâu, bệ hạ bảo chờ đợi là chờ đợi cái gì ạ?- Có lúc tôi đã mạnh dạn hỏi hoàng thượng như vậy. Ngài đáp:

-Ta chẳng muốn bắt mọi người gắng sức sao. Đáng tiếc, đây không phải là sức khỏe của anh nông phu, mà là sức khỏe của bậc trí nhân, tức là sự minh thị của óc não. Cái đó thì các quan của ta ít người có được. Vì vậy ta đã nỗ lực cho dựng các chùa, quán để các nơi đó là nơi dạy dỗ cho con em các nhà trong hương ấp biết chữ. Lại khuyến khích các nhà nho mở trường dạy học. Ai làm nghề thầy đồ, dạy được từ hai đến ba chục đứa trẻ trong ba năm liền, sẽ được nhà nước cấp hần cho một đến hai mẫu công điền, tùy thuộc vào các vùng nhiều hoặc ít ruộng quốc điền. Đây, phải chờ đợi lớp trẻ có học ấy chúng lớn lên và được học rộng ra. Lớp người này trưởng thành, họ sẽ đủ sức gánh vác việc lớn quốc gia. Nói xong, nhà vua thở dài - Làm thui chột mọi tài năng, làm hư hỏng những con người vốn lương thiện, làm băng hoại truyền thống đạo đức của dân tộc khiến xã hội lâm vào suy đồi, trì bế, Long Đình Lê ngọa triều

chỉ làm khơi khơi có ba năm. Nhưng vực lại một xã hội cho nó có sức sống lành mạnh, con người được khai mở cả phần tâm linh lẫn trí tuệ, triều đại nhà Lý ta đã làm cật lực trên ba chục năm, vẫn chưa được như ý. Cho nên các khanh, những người có lương tâm và tài trí hãy gắng lên, đừng nản. Việc của một người phải làm cả một đời. Việc của một nước phải làm tới muôn đời.

Mai Mạnh Minh ngừng lời. Ông nhìn Lý Đạo Thành như muốn dò tìm ý tứ của vị quốc thích và cũng là một bậc chân nho học nổi tiếng trong triều. Đoạn ông lại nói: - Tôi nghĩ, hoàng thượng là người nhìn thấu mọi việc, khu xử có tình lại đức độ, khoan dung nên nước nhà ngày một tinh tiến về mọi mặt. Thật là phúc lớn cho dân nước có được một vị vua anh minh. Quan trung thư thị lang là người trong hoàng tộc, chắc mọi sự còn tỏ tường hơn tôi.

- Dạ, tôi tuy là thân tộc với hoàng thượng, nhưng không bao giờ dám lạm dụng mà phải giữ đúng bốn phần của một thân tử.

- Đúng như nhời quan Trung thư thị lang nói, anh em đồng liệt trong triều đều nhận thấy như thế cả. Ngay người dân trong nước cũng nhận ra điều hiển nhiên ấy. Và đó cũng là một trong những nhân duyên hội lại, làm cho nước thịnh.

## XXXIX

Sau hai ngày ở thăm Mũi Ngọc - mảnh đất địa đầu của Tổ quốc và quan sát suốt một dải biên cương, vua Thái tông cùng đoàn tùy tùng lại quay về vùng biển đảo Vân Đồn.

Nhà vua lưu quan Hải binh đô tổng quản Tô Gia Phan ở luôn thuyền ngự, để ngài còn hỏi han tường tận đoạn đường biển vùng đông bắc mà ngài chưa quen thạo.

Đoàn thuyền đang đi vào vùng biển mênh mông. Đúng là trời bao la, biển cũng bao la và trời - biển như hòa quyện vào nhau ở phía cùng trời cuối biển tím mù xa. Chao ôi, giữa biển khơi bát ngát này mới thấy con người là nhỏ bé. Nhưng con người cũng thật là tinh hoa của vũ trụ. Chỉ riêng việc nghĩ và chế ra được cái la bàn-tí xú, để giữa cảnh bao la trời biển như thế này mà không lạc néo, cũng đã là chuyện thần kỳ. Nhìn khắp

các hướng tả, hữu, tiền, hậu tuyệt nhiên không thấy một dấu hiệu nào của núi non làng mạc, nhà vua quay hỏi Tô Gia Phan:

- Có phải bên hữu thuyền là nước mình, bên tả thuyền là nước Tống không?

- Tâu bệ hạ đúng như thế. Bên hữu, ta đã đi hết đất châu Vĩnh An, thuyền đang hướng về phía châu Vạn Ninh. Còn bên tả cũng đã qua phần đất châu Ung.

- Khanh có biết độ sâu vùng biển ta đang đi là bao nhiêu không?

Tô Gia Phan mở bản đồ ra dò tìm rồi hướng dẫn nhà vua:

- Tâu bệ hạ, hải trình ta đang đi ở đoạn này trên bản đồ, độ sâu từ ba mươi đến ba trăm sải nước. Dạ, vẫn là ven biển thôi ạ. Ra đại dương thì không biết đâu mà lường được. Có lần thân tiếp xúc với mấy người trên tàu Tây dương họ nói, có chuyến đi của họ từ nước này sang nước khác theo đường biển, tới hai năm sau mới về đến nhà; qua nhiều vùng biển sâu tới ba, bốn ngàn sải nước. Họ bảo còn nhiều vùng biển sâu hơn thế, nhưng họ không có khí cụ để đo.

Thuyền lớn nhưng đã bắt đầu dỗi lên dỗi xuống.

- Sóng à?- Nhà vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, thuyền bắt đầu đi vào vùng sóng dữ.

- Sao mấy hôm trước đi qua, ta không thấy có sóng lớn?

- Tàu, hôm đó gặp lúc nước rặc nên sóng nhỏ, lại qua vào lúc nửa đêm, khi bệ hạ đang ngon giấc nên không cảm thấy được.

- Có nhẽ vậy.

Quan Khu mặt sử nhìn vào bản đồ rồi lại nhìn ra biển thấy mờ mờ xa những hòn đảo ẩn hiện, ông hỏi quan Hải binh đô tổng quản:

- Có phải phía kia là dãy núi ngoài của vùng biển Vân Đồn.

- Đúng vậy! Tô Gia Phan đáp. Và ông nói thêm: - Trông vậy thôi, từ đây tới đó cũng phải tới hơn ba chục dặm biển nữa. Rồi ông nhìn nhà vua nói:

- Tàu bệ hạ từ đây vào tới vòng ngoài của cửa ải Vân Đồn sóng càng lúc càng lớn. Nếu động biển thì vùng này tàu bè không thể qua lại được.

Nhà vua trầm ngâm một lúc rồi hỏi cả mấy người:

- Phải chăng trời thương nước ta nhỏ, nên ban cho ta trường thủy lũy này để thú hiểm?

Nói xong nhà vua cười lớn. Các quan cũng cười theo thật là vui vẻ.

Nhìn lại phía sau, chiếc Bạch Hồ cũng đang ò



sóng lướt như bay trên mặt nước. Nom gương mặt những người giữ tay lái, tay lẽo vừa tươi tắn vừa bình thản oai phong như những vị thần biển đang cười cá kình đi giỡn sóng, khiến các bậc bề trên không khỏi tự hào về sức mạnh của hải binh nước nhà.

Khai Hoàng vương Lý Nhật Tôn cùng đứng với quan hoàng môn Lý Thường Kiệt ở ngay đầu mũi thuyền, đang chỉ trở ra ngoài biển cùng trò chuyện thân mật. Hoàng thái tử đội mũ bình đỉnh bằng da dê, có hai dây buộc dưới cằm để mũ khỏi bay; trên mình mặc áo cẩm bào, hai cổ tay chèn như áo quan võ. Chân đi hia màu tía, thêu rồng trắng màu như bạc. Quan Hoàng môn mặc võ phục. Dầu đội mũ đầu mâu có tám chắn tràm gáy, áo khoác ngoài màu đen như nhung dài tới đầu gối, trước ngực thêu đầu hổ, cổ tay chèn, chân đi hia đen thêu chim đại bàng màu ánh bạc.

Hai tám áo choàng bay tung trước gió, hai gương mặt trẻ quốc thước đang bàn luận về một điều gì khá sôi nổi.

Nhà vua sai pha trà và mời thiên sư Đạo Quang tới đàm đạo.

Thuyền vẫn cưỡi trên những con sóng lừng lững như những dãy núi, cứ lừ lừ tiến sát vào như muốn nuốt chửng cả đoàn thuyền. Máy chiếc thuyền nhỏ đi trước vẫn gối sóng khéo léo, nhẹ nhàng như những con gọng

vó chạy chơi trên mặt nước. Khi con thuyền lọt vào giữa hai đỉnh sóng, tưởng như nó đã bị nhấn chìm, vì ngay cả đỉnh cột buồm cũng không nhìn thấy nữa. Nhưng khi con sóng này vừa lặn đã thấy chiếc thuyền đang ngự trên đầu con sóng kia. Cuộc rượt đuổi giữa sóng và thuyền nom thật vui mắt.

Tay cầm chén nước, mắt vẫn không rời mặt biển, nhà vua nói:

- Cứ xem cung cách sóng gió đại dương như thế này, theo ta người nhút nhát không nên tuyền vào hải binh.

- Tâu, đại dương là của những người can đảm. Hải binh đô tổng quản nói - Nhưng cũng còn tùy, bệ hạ chẳng thấy hải binh Chiêm Thành sao.

- Hẳn nhiên là vậy, vua đáp. - Có nhiều người vì chưa quen với biển cả, nên lúc đầu thấy sợ. Tập dần rồi quen. Những người lính Chiêm là do họ quen với biển từ nhỏ. Nhưng quen thạo không có nghĩa là can đảm. Còn can đảm mà không quen thạo, đôi khi chết vì vụng về, lóng ngóng.

- Đúng như bệ hạ dạy.

Nước được một tuần, nhà vua có lời vấn an thiên sứ:

- Hòa thượng có bị say sóng không? Đêm ngủ trên biển thế nào?

- Kính bạch hoàng thượng, bản tểng tuy lần đầu được đi biển nhưng không bị say sóng, chỉ say biển thôi. Gần suốt đêm qua, tểng này cứ ngồi trong phòng ngắm biển. Sau lại đi ra ngoài sạp ngắm trời đêm. Mãi gần sáng mới đi ngủ. Nhưng mấy thầy cầm lái, cầm lèo nói mặt trời mọc lên từ trong lòng biển, lạ lắm. Thế là tểng lại nhờ mấy người đánh thức. Tâu bệ hạ, đúng như mấy người nói: Mặt trời mọc lên từ biển. Nhưng đó chỉ là ảo giác.

Gió bắt đầu thổi mạnh hơn, sóng càng lớn hơn, nhưng thuyền đi nhanh hơn, cứ như ngựa phi nước đại. Đồ trà phải thu dọn lại. Người lái thuyền luôn miệng ra lệnh cho các tay lèo và luôn tay điều khiển bánh lái. Các dây lèo luôn luôn thay đổi độ căng, độ nới. Sóng và gió tạo ra tiếng gầm gào ồn ã không thể nói chuyện bình thường được nữa.

Quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh cảnh báo:

- Tâu bệ hạ, thuyền sắp qua cửa vào vịnh, cửa này sóng dữ lắm, xin bệ hạ và hòa thượng bảo trọng.

Vua Thái tông liền đứng dậy vịn tay vào hàng con tiện, nhìn ra biển qua khung cửa sổ chạy dài theo khoang thuyền và thấy khoảng cách các thuyền lúc này đã xa nhau hơn và chiếc đi trước đã bắt đầu chạy vát và tìm đường vào vịnh. Đang lúc nước triều lên, nên thuyền vào vịnh khá thuận lợi. Nhà vua nhìn những

con thuyền của mình mà quân thủy thường gọi là chiến hạm lừ đừ bò lên những con sóng dồi cao như những ngọn núi, nom chẳng khác mấy con cá rô rạch ngược lên đỉnh núi. Nhìn từ xa thấy rờn rợn, nhưng khi đến lướt chiếc Thanh Long của ngài cưỡi sóng trườn vào vịnh, ngài thấy nó lằng lằng nhẹ. Nhưng từ trên đỉnh ngọn nước đổ xuôi vào trong vịnh thuyền lao thật nhanh, mũi thuyền chúc xuống tưởng như thuyền sẽ chui xuống đáy nước, thế mà nó lại ngóc đầu lên và lao đi một quãng rất xa theo ngọn nước đẩy.

Khi đoàn thuyền đã vào hết trong vịnh, nhà vua quay hỏi Hải binh đô tổng quản:

- Ta có cảm nhận cái cửa bể này thật chẳng khác một cửa ải lúc nào nước cũng đầy ăm ắp mà cao vời vợi như một ngọn núi. Ta hỏi các ông khi nước triều lên mà giòng thuyền vào thì thuận lợi, nhưng khi triều xuống thuyền ra liệu có dễ như khi vào và mớn nước có dồi cao như núi thế này không?

Tô Gia Phan liền đáp:

- Tâu bệ hạ, thiên nhiên gần như có cái luật cân xứng, lúc triều cường thế nào thì lúc nước triều rặc cũng y hệt. Và cái cửa này giống như một cửa ải đóng mở hai chiều quay ra và quay vào, nhưng độ chênh của nó dường như không thay đổi. Nếu triều cường thì phía ngoài biển cao phía trong vịnh thấp, nếu triều xuống

thì phía biển thấp, phía trong vịnh cao, vì thế dân trong vùng gọi cửa này là Cửa Đối.

Với vẻ phấn khích nhà vua nói:

- Các khanh có thấy cái thủy ải này tựa như ải Chi Lăng vậy?

Mai Mạnh Minh liền đáp:

- Tâu bệ hạ, đúng như vậy, đây là "Thủy môn quan" còn trên Chi Lăng là "Sơn môn quan". Dạ, "Sơn môn quan" có cái thế hiểm trở đã bao phen làm cho giặc phương Bắc phải kinh hoàng, nên chúng gọi là "Quỷ môn quan".

- Phải, đó chính là cửa tử. - Vua nói, tại đây có cái thế nhất nhân địch vạn. Nhưng nó lại là con đường dễ đi nhất, ngắn nhất để vào chiếm thành trì nước ta, vào sâu trong đất ta, nếu như giặc đã vượt qua được cửa ải này. Ta muốn biết, ngoài Cửa Đối gần đây còn cửa biển nào có thể vào được Sông Rừng!?

Hải binh đô tổng quản liền mở bản đồ trái rộng trên sạp thuyền, ông chỉ tay vào nơi có đề chữ Cửa Dừa và nói:

- Tâu bệ hạ từ Cửa Đối tới Cửa Dừa cách nhau khoảng trên dưới sáu chục dặm biển. Từ cửa này đi

thăng vào vùng Cát Hải mà tới Sông Rừng.

Nhìn ngắm các ngã biển, sông có đường dẫn vào kinh thành Thăng Long nơi có dấu khuyên đỏ, vua nói:

- Ngoài Cửa Dừa còn có cửa Đại An. Nhưng cửa Đại An phải ngược Sông Cái tới hàng năm bảy trăm dặm mới tới được Thăng Long. Đường này không hiểm trở nhưng quá xa Thăng Long, vả lại quân giặc đông mà hành binh trên đường sông dài dằng dặc lọt giữa hai bờ lau sậy với không biết bao nhiêu ngòi lạch dễ bị quân phục đánh chặn từng khúc khó có thể bảo toàn được lực lượng. Vì thế giặc Bắc chưa tiến quân theo cửa Đại An để vào nước ta lần nào.

Mai Mạnh Minh bèn chỉ tay vào chỗ giáp giới giữa nước ta với nước Đại Lý<sup>1</sup> nơi con sông Cái bắt nguồn và nói:

- Tàu bệ hạ, thực ra còn một đường này nữa. Nếu xuôi theo sông Cái quân giặc cũng về được Thăng Long, nhưng đường sông ở đây lại gặp núi rừng hiểm trở từ hai phía tả hữu ngạn ập xuống, nên đường này cũng rất bất lợi cho quân phương Bắc; còn đường bộ theo nẻo này vừa nhỏ hẹp vừa khuất khúc, lợi cho quân phục

---

<sup>1</sup> Nước Đại Lý xưa là tỉnh Vân Nam ngày nay của Trung Quốc giáp với tỉnh Lào Cai của ta ngày nay.

hơn là quân xâm lăng từ ngoài vào.

Vua Thái tông gật đầu khen:

- Làm tướng phải nắm chắc mọi địa hình nước mình như biết rõ các đường chỉ tay trong lòng bàn tay mình vậy. Cứ xem các đường giặc Bắc có thể vào nước ta thực ra chỉ có hai đường mà chúng thường chọn. - Đường bộ từ Ung Châu qua Bằng Tường để vào Lạng Châu thuộc đất ta rồi theo đường thiên lý vào Thăng Long. Đường này tuy gần nhưng phải qua đèo Khâu Cáp, qua ải Chi Lăng là các hiểm địa và cũng là mỏ chôn giặc Bắc. Thoát được các lũy ải này lại phải vượt qua bốn con sông mà sông nào cũng là chiến lũy như: Nhật Đức (sông Thương), Nguyệt Đức (sông Cầu), Thiên Đức (sông Đuống) và sông Cái (sông Hồng). Sông Cái quanh năm nước đỏ tựa một lưới kiếm khổng lồ đang trôi trong lò rừng rực lửa, quân giặc dễ gì vượt được cửa ải cuối cùng này.

Nhà vua nhìn các tướng với vẻ thân thương gần gũi, lại nói: - Ấy là nói về mặt đường bộ giặc Bắc có thể vào nhưng thật ra đường biển, chính là con đường ta đang đi đây mới là con đường hành binh mà giặc Bắc khát khao chiếm lấy. Vào mùa gió bắc, giặc giong buồm từ các cửa bể Khâm Châu, Liêm Châu vào đất ta nào có bao xa. Nếu để giặc làm chủ được hải đạo này thì vị thế Thăng Long rất lung lay. Trái lại, nếu ta giữ vững hải

đạo này thì giặc kia đâu có trăm vạn hùng binh cũng phải bó tay.

- Tâu bệ hạ đúng như vậy, đây có thể coi là đường huyết mạch của ta.

Thuyền đi vào trong vịnh êm như đi trong ao làng, núi non ken dày như bát úp thoát ẩn thoát hiện, luồng lạch quanh co, cái đi trước thoát đã không nhìn thấy cái đi sau. Chừng nửa canh giờ sau thì các thuyền lại hiện ra thành một hàng dài nối đuôi nhau đi giữa hai vách núi dựng đứng, lạch nước được ngăn lại tựa như một dòng sông. Trông xa, tưởng như hai bên vách núi kia là một mạch liền, nhưng không phải vậy. Bởi thỉnh thoảng nó lại tách ra một đoạn trống ngấn dài khác nhau và dần dần các khoảng cách giữa các mạch núi hoặc các trái núi càng xa thêm khiến ta mất hẳn cảm giác đi trên một con sông.

Ngoài nhìn lại lạch nước vừa đi qua nhà vua hỏi:

- Có phải cái đoạn ta vừa qua nom tựa tựa cái máng nước, lại tựa tựa một dòng sông, nên dân trong vùng gọi nó là "Sông Máng", hoặc "Sông Máng" chăng?

- Tâu bệ hạ đúng như vậy,- quan Hải binh đô tổng quản đáp.

Nhìn cảnh trời nước mênh mang, núi non trùng điệp, luồng lạch quanh co như một trận đồ bát quái do



tạo hóa bày xếp, với con mắt của một vị tướng dạn dày trận mạc suốt từ tuổi mười lăm, Lý Thái tôn nói với mấy người bề tôi tâm phúc:

- Theo ta, vùng này là một trường lũy đánh phục quân thủy không ở đâu hơn được. Nếu giặc vào nước ta bằng đường thủy, ắt chúng phải chọn đường này bởi vừa gần đất chúng, tiện bề chuyên chở quân lương lại nhanh chóng vào sâu nội địa ta. Ta có thể bày trận liên hoàn trải dài hằng trăm dặm, giặc dù có thoát được đoạn này lại rơi vào đoạn khác, cuối cùng thì trăm thuyền khó chạy thoát được một hai.

Các khanh có lý, nước ta phải có đội hải binh mạnh mới có thể phòng thủ từ xa, mặt khác mới làm chủ được biển đảo nước mình. Tuy vậy, xây dựng đội quân thủy mạnh là vô cùng tốn kém. Nước nghèo không thể nghĩ đến chuyện đó được.

Đoàn thuyền vẫn chậm chạp đi trong vùng nước lặng. Lặng cả gió nên phải hạ hết buồm xuống, các thủy thủ thay nhau chèo. Mỗi thuyền lấp tới ba bốn chục mái chèo. Riêng hai chiếc Thanh Long, Bạch Hổ thuộc loại hạm thuyền, được lấp tới cả trăm mái chèo. Bình thường mỗi mái chèo một thủy thủ, nhưng khi cần đi nhanh, mỗi mái chèo có từ hai đến bốn thủy thủ cùng chèo.

Trời đã xế chiều, phía trước là màu lấp lánh ánh bạc khiến lóa cả mắt. Càng đi, màu xanh cây cối và núi

non cứ hiện dần lên. Vua hỏi mấy vị quan tháp tùng:

- Phía có ánh bạc chói chang kia có phải là bãi cát.

- Tàu bệ hạ, đúng là bãi cát. Cát ở đây lạ lắm, trắng như pha lê - Quan khu mật sử Mai Mạnh Minh đáp.

- Thế còn cái đám màu xanh lục gần đó, có phải là trang ấp không.

- Tàu bệ hạ đúng ả. Đó là đảo Minh Châu. Nơi đây là một bến lớn, bán buôn tấp nập lắm. Tối nay bệ hạ sẽ thấy cái bến này phồn vinh không kém gì kẻ chợ ở Thăng Long.

- Có phải đây chính là nơi những năm trước khanh xin lập bạc dịch trường<sup>1</sup> không.

- Tàu bệ hạ chính nơi này.

Trời vừa chạng vạng đoàn thuyền ghé bến. Viên Đông hải đô tổng quản cùng một đô quân ăn mặc chỉnh tề đứng sắp hai hàng đón nhà vua và đoàn tùy tùng tại mép nước. Vua Thái tông vừa đặt bước chân đầu tiên xuống bến, lập tức pháo nổ ran bốn phía. Thuốc pháo cháy lấp lóe ánh sáng, tàn pháo đỏ bay phủ kín mặt đất

---

<sup>1</sup> Bạc dịch trường: Có nghĩa là cái bến để giao dịch buôn bán. Ngày nay gọi là thương cảng.

như những cánh hoa đào đầu xuân.

Khi nhà vua vừa bước chân vào tới sân dinh trại, một cây pháo bông bảy tầng lập tức được đốt sáng trưng và nổi rõ hàng chữ: "SÙNG HƯNG ĐẠI BẢO"<sup>1</sup>; từ bốn góc cây bông hiện ra bốn chú tễu chấp tay vái hàng chữ tựa như vái nhà vua vậy. Mọi người vỗ tay reo hò không ngớt. Một tiếng nổ "bùm" rất to, tầng trên bay hết, lộ ra hàng chữ của tầng thứ sáu: "HOÀNG THƯỢNG VẠN AN". Tiếng vỗ tay, tiếng hò reo như lay động cả những ánh sao trời đang mọc lên từ đáy biển.

Tầng pháo bông tiếp theo lộ ra cảnh tứ dân: NGŨ - TIỂU - CANH - MỤC. Tầng dưới là cảnh bốn nàng tiên thổi sáo. Tầng kế là bốn con long, ly, qui, phượng diễu hành. Dưới tầng này là cảnh lưỡng long tranh châu. Và tầng cuối cùng hiện ra bốn chữ thật to: THIÊN HẠ THÁI BÌNH.

Tiếng hò reo, tiếng vỗ tay thật là cuồng nhiệt. Trước khi bước vào tòa nhà, vị Đông hải đô tổng quản bèn dâng nhà vua một viên ngọc trai màu đỏ tía to bằng đầu ngón tay trỏ, đặt trong lòng vỏ con trai ngọc mở ngửa, to bằng chiếc vung nổi bảy, dày tới hai đốt ngón tay, vỏ trai ánh lên màu bảy sắc cầu vồng rực rỡ. Chiếc vỏ trai đặt trên vuông vái điều, vuông vái điều trái

---

1 Niên hiệu cuối cùng của Lý Thái (tôn từ 1049-1054).

trên một chiếc khay khảm. Chiếc khay khảm đặt trên hai bàn tay nhỏ nhắn của một thiếu nữ xinh như một cô tiên. Nhà vua đặt hồ bàn tay lên đầu thiếu nữ, viên giám thừa theo hầu nhà vua bước dần lên ba bước đỡ lấy khay ngọc từ tay thiếu nữ.

Thấy cảnh tiếp rước long trọng, cảnh đốt pháo kỳ ảo, người từ các thuyền ngoại quốc chạy đến xem đứng vây kín cả hàng rào dinh quan Đông hải đô tổng quản.

Đông hải đô tổng quản mở tiệc tẩy trần, mừng nhà vua di kinh dinh miền hải đông. Vua cho phép ngồi quây quần chứ không phân biệt thứ bậc.

Sắp vào tiệc rượu, quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh đi về phía quan Đông hải đô tổng quản xá một xá rồi hỏi:

- Chẳng hay Trần đại nhân có còn nhớ ta?

Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh vội chấp tay vái lại hai vái đáp lễ rồi thưa:

- Bẩm đại quan, hạ cấp quên làm sao được, bởi những lời huấn hễ của đại quan những năm trước, hạ cấp làm suốt đời không kịp, nhất là từ khi ngài Lý Văn Trung được nhà vua cho hồi lưu.

- Thôi được, ta nhận ra nhau tựa như bạn cũ gặp lại. Kỳ này chắc có nhiều điều để nói. Bây giờ ông hãy lo việc đi hầu tiệc hoàng thượng.

Trần Quang Minh cúi đầu vái, tỏ vẻ biết ơn.

Vì không biết trong đoàn còn có một nhà sư, nên chủ nhân thiếu hẳn món ăn chay. Sắp vào tiệc, quan sở tại Đông hải đô tổng quản tỏ ra lúng túng. Trong khi đó, nhà vua đã mời thiền sư ngồi cùng mâm, và ngồi ngay cạnh ngài.

Thấy chủ nhân cứ xoa xoa tay có vẻ băn khoăn, sư bèn lên tiếng:

- A-di-dà Phật, quan sở tại khỏi phải lo đồ chay. Chay hoặc mặn, tịnh hoặc tạp đều là dưỡng chất nuôi sống con người thôi. Những vật phẩm đó không giúp ta thành Phật, cũng như nó không cản được việc ta tu đạo. Có điều rằng những người tu hành, nên tránh các đồ ăn, đồ uống gây kích thích, làm bấn loạn cơ thể, phiền toái cho việc tu học. Còn bản thân việc tu đạo là ở tu tâm kia.

- Thiền sư nói thế là thấu tình, đạt lý. - Vua khen. Ở đời không nên câu nệ vào các tiểu tiết.

Có điều rằng cả nhà vua và thiền sư đều không uống rượu, mỗi người đều bê một bát nước chè chúc nhau thay vì rượu.

Cơm nước xong, nhà vua nói với quan Đông hải đô tổng quản:

- Bữa nay các quan đều mệt vì hành trình xa, sóng

lớn, nên tạm nghỉ. Khanh lo thu xếp sớm mai ta sẽ bàn thảo một số công việc.

Trước khi đi nghỉ, nhà vua hỏi Đông hải đô tổng quản:

- Ở đây ngoài công việc hằng ngày ra, còn có cái gì mà khanh cho là thú vị nhất, khanh thích nhất.

- Tâu bệ hạ, thần không thể biết hết mọi thứ ở đây, nhưng là một người đã ở đây tới quá nửa cuộc đời, thần thấy có mấy thứ mà nếu xa nó, cũng là một khó khăn:

Một là cát ở đây sáng, đẹp như pha lê, có thể nằm ngòilên cát mà không sợ nhọn bắn áo quần. Cát ở đây có màu trắng tới chói mắt.

Hai là xem người các nước mua bán và trao đổi hàng hóa.

Ba là ban đêm lên lầu cao ngắm bến thuyền.

Bốn là được nghe ban nhạc của "Phan An" trình diễn.

Năm là đêm nằm nghe tiếng sóng rì rầm ru vỗ như tiếng mẹ ru suốt thuở ấu thơ.

- Như thế cũng có nghĩa là khanh đã gắn bó máu thịt với đất này. Những điều khanh nói, mai ta sẽ kiểm lại xem nó có lôi kéo được sở thích của ta không. Tuy vậy, đêm nay ta sẽ lên lầu ngắm hòn ngọc Minh Châu này để xem nó đẹp đến mức nào. Nói rồi nhà vua cùng

quan sở tại Trần Quang Minh cùng lên lầu. Lầu chính là đài quan sát đặt ngay ở trung tâm trại quân. Từ lầu này có thể nhìn khắp hòn đảo từ ba phía: nam, bắc, đông. Nhất là khu vực bến tàu và khu phố xá buôn bán đều nằm gọn trong tầm nhìn của mắt thường. Riêng mặt tây - tây bắc bị chặn bởi một ngọn núi với rừng cây ken dày đặc.

Quan Đông hải đô tổng quản đặt chiếc ghế cao cho vua ngồi để từ đây có thể có góc nhìn tốt nhất.

Vua chỉ tay về phía trước hỏi:

- Nơi có vô số những ánh đèn chạy dài như dải Ngân hà kia là phố xá hay cái gì đó.

- Tàu bệ hạ đó là đèn thấp trên các tàu buôn của người nước ngoài.

- Lúc nào cũng đông đúc thế này à?

- Tàu bệ hạ, dịp này là vắng nhiều đấy ạ. Cữ từ tháng chín tháng mười trở đi tới gần cuối năm, là mùa tàu thuyền ra vào nhộn nhịp nhất.

Nghe vị quan sở tại tâu báo, trong lòng nhà vua chợt lóe lên bao dự định tốt đẹp. Ngài vỗ vai Trần Quang Minh hỏi:

- Khanh trấn ở đây được bao lâu rồi?

- Tàu hoàng thượng, thần ở đây khoảng hơn chục năm rồi ạ. Trước giữ chức phó đô cho quan đô tổng

quản Lý Vân Trung. Khi Lý tướng quân tuổi cao, xin cáo quan, bệ hạ cho hồi hưu, liền đó có dụ sai thân nhiệm chức Đông hải đô tổng quán thay Lý tướng quân.

- Khanh bao nhiêu tuổi rồi.

- Tâu bệ hạ, thân tuổi Giáp dần.

- Vậy là đã bốn mươi tuổi. Khanh có thấy ở nơi đầu sông này gian nan lắm không? Đã muốn về quê chưa.

- Tâu bệ hạ, thân nam nhi trong trời đất, không đem sức trẻ ra phò vua giúp nước thì sao còn gọi là người được ạ. Bệ hạ hỏi có gian nan không, thân không dám giấu. Dạ, những khi trời yên, biển lặng không có giặc dã cũng như không có sự khiêu khích chốn biên thù, kể như là nhàn. Nhưng vào những lúc gió bão triền miên, sóng dâng nước lũ, nhà dân đổ nát, lương ăn cạn kiệt, vừa lo cho lính vừa lo cho dân thì tướng không sức nào chịu nổi. Tâu hoàng thượng, gió to bão lớn, động trời động biển tuy vất vả, nhưng không đáng ngại bằng mỗi khi nghe bên kia họ động binh. Dạ, chúng thân ở ngoài biên, lúc nào cũng chỉ lo việc rào giậu cho kín, biết thế nào được ạ, họ trở mặt như trở bàn tay ấy. Tâu, thì chỉ có họ cứ lừa cơ hội dễ nuốt chúng ta thôi, chứ nước mình có bao giờ đưa quân qua biên thù vào xâm lấn đất nước họ. Ngay cả khi họ hèn yếu như lúc này, ta cũng không thêm một tấc đất của họ nữa là.



- Ai bảo cho khanh biết hiện nay nước Tống đang lâm vào thế hèn yếu.

- Tâu bệ hạ, thần chỉ giữ một chức quan nhỏ, trấn giữ cũng chỉ có một góc biển phía đông bắc này do bệ hạ sai bảo; khác chi ếch ngồi đáy giếng. Thần sao biết được nội tình nước Tống thế nào mà dám nói. Nhưng, tâu bệ hạ, cái sự nhân tiên của nước Tống đã phơi bày ra từ năm ngoái, khi Nùng Trí Cao chỉ dùng chưa đầy năm ngàn quân ô hợp khởi từ vùng Tả, Hữu giang đánh một trận đã hạ xong thành Ung Châu, lại kéo một mạch theo sông Tây Giang, chẳng mấy chốc đã tiến quân đến vây chặt thành Quảng Châu. Suốt mấy trăm dặm, quân Nùng chỉ tiến trong vài chục ngày đã thu được tới tám châu, quận, làm rung động cả triều đình nước Đại Tống. Vua nhà Tống phải rút đệ nhất danh tướng Địch Thanh đang trọng trấn bắc thù về đối phó với họ Nùng. Tâu bệ hạ, chỉ riêng việc này thần có thể bắt mạch nước Tống là hùng cường hay hèn yếu.

- Phải, điều khanh nói là có lý. Song ta vẫn muốn nhắc nhở các khanh một điều. Đây là sự yếu suy tật bệnh của một con hổ, của một con sư tử, chỉ cần nó gượng dậy được là mình đủ mệt với nó rồi. Bởi vậy, việc cảnh giới không một giây phút nào được lơ là. Ta thấy trong hơi thở của khanh đã có ý xem thường kẻ kia rồi.

- Tâu, thần xin lĩnh ý hoàng thượng.
- Thôi được, giờ để ta đi nghỉ, mai sớm sẽ lại bàn thảo.

Tưởng rằng đi đường xa nhọc mệt, nằm xuống là ngủ ngay được, ai ngờ cứ trần trọc mãi. Đó là những nghĩ suy suốt hành trình của nhà vua, quanh quẩn chỉ với cái tứ làm sao cho nước mạnh, dân giàu thì mới đủ lực chống chọi lại được với cả một bầy lang sói, lúc nào cũng găm giữ muốn nhảy bổ vào xâu xé mảnh giang sơn gấm vóc này. Đi khắp một dải biển kéo dài từ đầu đến cuối nước, nhiều cửa nhiều lạch tàu thuyền có thể vào ra dễ dàng. Phía nam thì quân Chiêm Thành, quân Chân Lạp quấy phá; phía bắc thì quân Tống ngó dòm. Rõ ràng là đất nước đòi hỏi phải có một chủng hải binh mạnh, tàu thuyền đủ loại. Loại nhỏ thì tuần hành duyên hải, loại lớn có thể vượt trùng dương mà chặn địch từ khơi xa. Nếu hải binh mạnh, ta chặn giặc từ ngoài hải giới. Để giặc đưa được quân vào đất ta là hạ sách; dù được dù thua, chúng cũng tàn phá rất xót xa. Trước hết chúng giết tất cả những ai mà chúng thấy, già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà, không từ một ai. Ngoài giết tróc là đốt phá. Tất cả những gì có thể cháy là bị thiêu hủy như nhà cửa, đền chùa, văn chương, bi ký, sử xanh, và rồi chúng phá, chúng đập; thành quách tan hoang, má mỏ đào xối, cửa cải lấy đi tro trọi không còn vật gì đáng

giá. Hàng ngàn năm nay bộ mặt quân thù vẫn không có gì thay đổi. Nhà vua tự hạn với mình rằng, không thể để cho quân thù dù từ phương nào tới, có thể đặt chân lên mảnh đất thiêng liêng này một cách dễ dàng. Phải tiêu diệt nó từ ngoài biển, phải chìm nó xuống đáy biển sâu cho nó kết bạn với lũ cá mập hung thần. Ôi muốn vậy thì nhất thiết phải có đội quân thủy hùng mạnh. Mà quân thủy thì tốn kém vô cùng. Một đội quân thủy tốn gấp năm, sáu lần, có khi tới cả chục lần đội quân bộ. Đúng là cái vòng luẩn quẩn. Muốn có binh mạnh thì nước phải giàu. Nhưng làm thế nào để nước giàu có được, chắc rồi ta phải hỏi ý muôn dân.

Nhà vua cố ghì lại những suy nghĩ tạp loạn để đón giấc ngủ. Ngài nằm yên, giữ hơi thở nhẹ cho tâm hồn thư thái. Đúng là ở đây đêm về không nghe rõ tiếng côn trùng rì rả như một giọng hát đồng ca nhẹ cửa vào không gian như ở trong đất liền. Tuy không nghe được tiếng côn trùng, nhưng lại nghe rõ bốn bề gió thổi, sóng nhẹ vỗ như tiếng mẹ ru hời thời thơ bé. Nhà vua lịm chìm vào giấc ngủ muộn.

Sớm ra nhà vua khuyến cáo mọi người hãy cải trang thành các thương lái đi xem bến thuyền và phố xá. Các quan chia nhau thành hai ba đoàn, mỗi đoàn đi về một hướng. Nhà vua muốn xem bến thuyền và phố xá trước; Khai Hoàng vương và Lý Thường Kiệt lại muốn

trèo lên mấy ngọn núi cao trước. Quan Trung thư thị lang Lý Đạo Thành lại muốn đi thăm nơi các thương lái nước ngoài giao dịch bán buôn và trạm thu thuế.

Quan Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh phải cử người đi hướng đạo, riêng ông đi tháp tùng nhà vua.

Ra bến đậu thuyền, nhà vua lấy làm kinh ngạc về sự ra vào buôn bán tấp nập của tàu thuyền nước ngoài. Đúng là bến thuyền ở đây còn nhộn nhịp hơn cả Thăng Long. Có những con tàu của họ tưởng như còn to hơn cả ngôi đại diện Thiên An. Nhà vua nhìn ngắm có tới hơn mười hiệu cờ khác nhau, cũng tức là có hơn mười nước tới bến này buôn bán với ta. Nhà vua hỏi quan sở tại:

- Khanh có biết hết các hiệu cờ kia là của những nước nào không?

- Tàu hoàng thượng, thần biết không hết. Nhất là cờ của các nước Tây dương. Dạ cờ các nước Tống, Tiêm La, Trảo Oa, La-hộc, Chân Lạp bệ hạ biết rồi. Còn cờ trên con tàu to nhất kia là của nước Ba Tư, và trên các con tàu lớn đậu phía ngoài ấy bọn thần cứ gọi gộp là của Tây dương, chứ thực sự mỗi hiệu cờ là của một quốc gia. Có điều mình không biết tiếng họ, nên không

nhớ được. Tiếng của họ nhiều lời<sup>1</sup> lắm, họ nói mình chẳng hiểu được.

- Tại đây, các nhà buôn của ta có ai nói được tiếng Tây dương không?

- Tàu bệ hạ người mình không có ai biết. Trước đây có một viên thu ngân, y học lỏm được mấy tiếng, vừa nói vừa ra hiệu, hai bên cũng hiểu được đại ý của nhau.

- Thế bây giờ viên thu ngân di đâu?

- Tàu bệ hạ, y biến thú tiền thuế, thần đã kịp truy đòi, sai đánh trượng rồi thả về quê rồi ạ.

- Ở đây ta thấy quá nửa là thuyền buôn của người Tống. Vậy chớ họ có người nào ở lại bến để làm thông dịch chung cho nhau không?

- Tàu bệ hạ, thỉnh thoảng cũng có người Tống nói bập bẹ được tiếng Tây dương, hoặc người Tây dương đôi khi cũng bập bẹ nói được cả tiếng ta nữa. Nhưng gọi là thông thạo tiếng của nhau thì hơi khó.

- Vậy chớ họ buôn bán với nhau thế nào được?

Trần Quang Minh nén giấu một nụ cười:

- Tàu hoàng thượng, riêng việc trao đổi buôn bán

---

<sup>1</sup> Hê ngôn ngữ La-tinh là loại đa âm tiết. Ví dụ chỉ lá cờ. Ta nói: Cờ. Người Pháp nói: drapeau (đờ-ra-pô). Vì không hiểu cấu trúc ngôn ngữ của họ, nên quan Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh bảo «họ nhiều lời».

thì họ thạo lắm. Thần có thể mời bệ hạ đi xem họ trao đổi buôn bán, kể cả việc họ mặc cả với nhau cho tới khi ngã giá là rất tài. Dạ, họ lấy vàng hoặc bạc làm bản vị để mua bán hàng hóa. Dạ, các đồ quý của họ còn có kim cương, đá ngọc. Thợ kim hoàn của họ chế tác hơn hẳn thợ người Tống. Tâu bệ hạ, hàng của ta có nhiều thứ để bán, nhưng việc khai thác mỏ mủn, mạnh ai nấy làm, lại không thu gom thành đầu mối, nên hầu như tất cả đều qua tay người Tàu. Họ len lỏi đến tận các cửa rừng mua gom rồi chuyên chở về đây bán cho người Tây dương. Nhiều thứ họ đóng gói đem về Tàu bán. Có thứ họ chế biến rồi bán lại cho ta giá cao gấp cả chục lần.

- Những hàng nào của ta qua tay họ bán lại cho người Tây dương?

- Tâu, nhiều lắm như ngà voi, da hổ, quế, hột tiêu, tùng hương, kỳ nam đất ngang với vàng. Riêng kỳ nam còn đắt hơn cả vàng nữa kia. Người mình họa hoàn kiếm được hám lợi bán qua tay khách buôn người Tàu. Đến lượt họ bán ra, lời gấp tới mấy trăm lần.

Nhà vua cùng mấy vị tùy tùng có quan Hải đông đô tổng quản hương dẫn đi thăm thú khắp nơi, từ tàu thuyền đến các cửa hàng ngoài phố xá.

Quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh sau khi đi một vòng quanh các phố xá, bến bãi, ông có nhận xét:

- So với lần trước tới đảo, lần này sự phồn thịnh tăng gấp nhiều lần. Trước chỉ loáng thoáng có người mình buôn bán, nay đã chiếm tới gần một phần ba người mình làm chủ, buôn bán khắp các mặt hàng chẳng kém người Trung Hoa, có phải thế không quản sở tại.

- Dạ đúng như đại quan nói. Tuy vậy, vẫn là người Tàu họ làm chủ bạc dịch trường này. Vì cửa hàng cửa hiệu của họ to mà nhiều hàng quý, tàu thuyền của họ cũng nhiều lắm.

- Ta xem khắp nước, đây là bạc dịch trường lớn nhất, đất kẻ chợ ở Thăng Long cũng không so được. Vậy nhưng thuế thu được ở đây có khá không? - Nhà vua hỏi.

- Tâu hoàng thượng, nếu so với lần trước quan Khu mật sứ ra đây, ta thu được một, thì nay tăng tới hai chục lần. Tính ra các loại thuế thu được tại châu Vĩnh An và châu Vạn Ninh gộp lại chỉ bằng một phần mười số thuế thu được tại bạc dịch trường Vân Đồn. Tâu bệ hạ, ta không tăng thuế biểu, nhưng hàng năm số thu vẫn tăng, là do lượng tàu thuyền vào ra buôn bán mỗi năm mỗi tăng, cùng với lượng hàng hóa ngày một nhiều.

Suốt một ngày đi xem ngắm, thăm thú trên đảo ai cũng phải thừa nhận trời phú cho nước ta từ đất liền đến biển đảo, nơi nào cũng đẹp như vóc như gấm; nơi nào cũng có cái thế thú kiếm vào hàng thượng thặng;

thế nhất nhân dịch vạn.

Buổi tối, tiệc vừa tan, quan sở tại bèn lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, đường xa mệt nhọc, người vừa tới đêm qua, hôm nay lại làm việc cả ngày, chắc bệ hạ đã mệt, thần xin dâng bệ hạ và các quan một canh hát. Dạ ở đây có phường hát, thanh sắc cũng tạm được ạ.

Nhà vua chưa kịp trả lời, Khai Hoàng vương đã lên tiếng:

- Tâu phụ vương, con xin được hoãn việc thưởng thức canh hát sang tối mai, đêm nay xin phụ vương cho nhóm họp, chúng con thấy có nhiều điều cấp bách phải tâu báo với phụ vương ngay.

Vua Thái tông cười vui vẻ, nói lời an ủi quan sở tại:

- Thôi được, Khai Hoàng vương đã nói vậy thì tối mai ta nghe hát. Bây giờ quan sở tại cho quân lo trà nước và canh phòng cẩn mật. Ta chắc Khai hoàng vương muốn bàn về những điều cơ mật.

Thấy nói vua tội hội bàn những điều cơ mật, thiền sư Đạo Quang đứng dậy toan cáo thoái. Vua Thái tông bèn níu nhà sư lại:

- Ta coi Đạo Quang như một bậc quốc sư. Vậy can cơ gì mà thiền sư không nán dự.

Nghe nhà vua nói vậy, thiền sư ngồi lại.



Khi mọi người đã tề tựu, Khai hoàng vương thái tử Lý Nhật Tôn bèn lên tiếng:

- Tâu phụ vương, từ lâu con cùng Lý Thường Kiệt đã bàn bạc nhiều về những điều phụ hoàng thường lo toan cho thế nước. Nay nhân chuyến viễn du ra vùng biển đảo có thể thủ hiểm vô song này, Lý Thường Kiệt sẽ tâu trình với phụ hoàng những điều cần yếu trong thế quân của đất nước.

Khai Hoàng vương vừa nói xong nhà vua đã giục:

- Nào Thường Kiệt, cho mọi người nghe kế của Khai Hoàng vương và của khanh đi.

Lý Thường Kiệt bèn đứng dậy vái nhà vua hai vái rồi nói:

- Tâu bệ hạ, thưa các vị đồng liệt, Thường Kiệt tôi được hoàng thượng và Khai hoàng vương cho theo hầu trận mạc nhiều phen, lại học hành binh pháp, có đôi chiếu xem xét các bậc tiền bối nước ta dùng binh chống lại giặc bắc phương. Nay kết gút lại có mấy việc.

- Một là nước ta tiếp giáp với biển từ đầu nước đến cuối nước, tính từ bắc xuống nam hoặc từ nam ra bắc cũng thế. Nói xong Lý Thường Kiệt mở tấm bản đồ móc lên vách tường. Tay cầm chiếc que, ông chỉ: - Mỏm đất đầu tiên của nước ta tiếp biển là «Ngọc Sơn» tức là «Mũi Ngọc» mà ta vừa ở đó về đây. Mũi Ngọc - mảnh đất đầu tiên và cũng là cửa biển đầu tiên qua châu Vĩnh

An mà vào nước ta - Cửa thứ hai chính là «Cửa Đối» qua «Sông Mang» mà vào «Vân Đồn». Từ đây sẽ đi qua vùng vịnh đảo vào «Cửa Bạch Đằng» hoặc rẽ sang «Cửa Lục». Vâng, từ sông Bạch Đằng đi ngược lên vùng «Lục đầu giang», lấy sông Thiên Đức mà vào Thăng Long - Cửa thứ ba là cửa Đại An thuộc lộ Thiên Trường - Cửa thứ tư là cửa Lạch Trường thuộc Châu Ái. Cửa thứ năm là Cửa Hội, cửa thứ sáu là Cửa Nam Giới, hai cửa này cũng thuộc châu Hoan. Phía đông bắc này còn Cửa Dứa nữa cũng vào được sông Bạch Đằng, nhưng luồng lạch chưa được khai thông.

Tâu bệ hạ, thưa các đồng liệt, như vậy là nước ta có sáu cửa biển lớn, tàu thuyền nước ngoài có thể ra vào dễ dàng. Nhưng quan yếu nhất chỉ có hai cửa, tức là cửa qua nẻo Vân Đồn và cửa Đại An là đường vào Thăng Long thuận tiện nhất. Theo hai cửa đó mà vào sẽ là các kho người, kho của làm cho kẻ thù đời đời thèm khát.

Cho nên, muốn phòng chống giặc từ xa, tức từ ngoài biển, buộc nước ta phải lập một đội quân thủy mạnh. Và để án ngữ hai cửa bể này, ta phải có một hải đoàn ít nhất năm ngàn quân với tàu thuyền và khí giới đầy đủ.

Vì không có quân thủy, nên năm Mậu tuất<sup>1</sup> Ngô

---

<sup>1</sup> Mậu tuất tức năm 938 Ngô Quyền tiêu diệt quân Nam Hán ở cửa sông Bạch Đằng

Tiên chúa phải lùi vào cửa sông Bạch Đằng lập thế trận cọc ngầm đánh tan quân nam Hán, chém đầu thái tử Lưu Hoảng Tháo. Lại năm Tân tị<sup>1</sup>, Tống Thái tông cho quân sang xâm lược cũng lấy cửa sông Bạch Đằng mà vào nước ta. Vua Lê Hoàn sai đóng cọc chẹn sông không cho giặc vào, lại cho quân phục ra đánh đuổi khiến Lưu Trưng phải tháo chạy. Còn trên ải Chi Lăng tướng giặc là Hầu Nhân Bảo phơi thây, các tướng Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân bị bắt đưa về Hoa Lư cầm tù.

Các cửa bể từ Đại An vào tới cả Nam Giới là để phòng quân Chiêm Thành có thể xâm nhập. Tuy vậy, Chiêm Thành không đáng ngại. Duy có Cửa Đồi qua Vân Đồn để vào sông Bạch Đằng thường giặc Bắc hay qua. Và nguy hại nhất từ cả ngàn năm nay vẫn do giặc Bắc gây ra. Vậy nên, tâu hoàng thượng, thưa các đồng liệt, Lý Thường Kiệt liếc nhìn thấy mọi người lắng nghe ông tưởng giải với nét mặt chăm chú khác thường, vậy nên việc thứ hai xin hoàng thượng cho lập một vọng hải đài đặt ngay trên ngọn núi cao nhất tại cửa Sông Mang. Và ở đấy phải luôn luôn có một đội hải binh túc trực. Trong đảo, xin bệ hạ cho dựng một chòi quan sát trên ngọn núi cao nhất kia để nghe ngóng động tĩnh. Và Vân Đồn phải vừa là thương cảng vừa là quân cảng của Đại

---

<sup>1</sup> Tân tị tức năm 981 Lê Hoàn đánh tan quân xâm lược nhà Tống trên sông Bạch Đằng và trên ải Chi Lăng.

Việt ta. Nếu nước nhà còn nghèo chưa lập được đội hải binh ở các cửa bể khác thì tạm ngừng, nhưng riêng vùng Vân Đồn thì không nên chậm trễ.

Nghe Lý Thường Kiệt tâu bày về việc lập đội hải binh cho công cuộc cảnh bị quốc gia, vua Thái tông rất hài lòng. Bởi Thường Kiệt đã nói ra được điều mà bấy lâu nay nhà vua băn khoăn ấp ủ nhưng chưa thực hiện được. Vua hỏi:

- Những điều Thường Kiệt nói rất hợp ý ta; bấy lâu ta hằng khao khát điều đó. Khanh chắc sẽ trở thành một bậc trí tướng. Nhưng ta nghĩ mãi, không biết lấy tiền của từ đâu ra để làm việc này, bởi dân ta vẫn còn nghèo lắm.

Khi nhà vua hỏi tới điều căn cốt ấy Lý Thường Kiệt im bật, các quan đều cúi đầu im lặng. lát sau, Lý Đạo Thành bèn đứng dậy vái nhà vua xin nói:

- Tâu bệ hạ, thần nghĩ không phải nước ta không có tiền, mà là có rất nhiều tiền, vì đem chôn sâu quá và lâu quá, nay ngại không muốn đào lên chi tiêu đó thôi.

Mọi người ngơ ngác về điều Lý Đạo Thành nói. Ai cũng nhìn ông một cách xoi mói, như muốn hỏi: "Tiền chôn ở đâu?".

- Tâu bệ hạ, ta có nhiều mỏ quý, bấy lâu nay triều đình cứ thả lỏng cho họ Nùng tới đào bới. Nay xin bệ

hạ cho nhất loạt khai mỏ đồng Tụ Long<sup>1</sup>, mỏ bạc Ngân Sơn<sup>2</sup>, mỏ vàng Quảng Nguyên<sup>3</sup>. Nội trong ba mỏ ấy mà quản thủ được không dễ thất thoát, ta dư sức lập một hải binh đoàn để phòng thủ đất nước.

Nhà vua không nén giấu được niềm vui bèn tỏ lời khen :

- Hay quá! Đúng là ngồi trên đồng của mà ta quên. Đạo Thành quả có tài tế thế, xứng đáng ở ngôi thái tể. Suy nghĩ giây lâu, vua lại nói. - Có nhẽ tạm thời việc khai các mỏ trên, Lý Đạo Thành phải đi xem xét tận nơi rồi giao cho những ai làm việc phải thật rõ ràng. Từ việc lấy quặng lên đến lúc thành đồng, thành bạc, thành vàng ròng, phải chặt chẽ từng khâu một, phải thu tóm được người có nghề nhưng lại phải liêm khiết nữa. Đừng tưởng các việc làm ấy là dễ lắm đâu, nếu không cẩn trọng thì lỗ vốn chứ chẳng phải giàu có như mọi người thường nghĩ.

Nghe nói, ai cũng phục nhà vua nghĩ xa, lường trước các việc có thể xảy ra.

Chợt quan Khu mật sứ Mai Mạnh Minh xin nói:

- Tâu bệ hạ, khai mỏ cũng chỉ nên xem là một mặt để làm cho nước giàu, còn nhiều mặt khác phải được

---

1 3 Các địa danh trên xưa đều thuộc trấn Quảng Nguyên, tức Cao Bằng, Bắc Cạn ngày nay.

thúc đẩy cho tấn tới. Thần nghì, các mặt hàng gấm vóc mà bệ hạ đã dạy cho các cung nữ biết cách làm rồi. Xem ra đã đủ dùng cho các giới chức quan lại. Nhưng sao không mở rộng ra, dạy cho người dân biết cách sản xuất hàng này để bán cho người trong nước. Hễ ai có tiền đều mua được. Vàng, phân biệt ra màu nào dành cho thiên tử, màu nào dùng cho các hàng quan; màu nào đi với hoa nào cũng quy định cho rõ ra, còn các màu khác, các hoa khác thì thả cửa, việc gì lại tự bó mình lại để người có tiền muốn may mặc cũng không được phép, người muốn làm nghề cũng không được làm. Tâu bệ hạ, hàng gấm vóc tơ lụa của ta thật chẳng thua kém hàng Tàu, giá lại rẻ hơn, sao không làm đại đôn để người trong nước có hàng dùng, rồi còn phải đem ra đây mà trao đổi buôn bán với người ngoại quốc, đem ra đây mà tranh cạnh với hàng hóa của người Tống, người Ba Tư, người Trảo Oa... Lại còn đồ gốm, sứ của ta nữa, kỹ năng chế tác và kiểu dáng rất khác so với người Tàu mà có vẻ đẹp khác thường, sao không đem ra đây mà chào bán cho các thương lái nước ngoài. Nhớ lần trước, thần có tặng nhà buôn Tây dương một chiếc bình men ngọc điểm hoa cúc, họ cứ khen mãi và hỏi mua nhiều chủng loại khác nhau. Khi về Thăng Long, thần gửi thông bạch cho các chủ lò gốm, vẫn không thấy họ xúc tiến, dường như họ ngại giao dịch với ngoại nhân. Đúng là người mình không có đầu óc công thương. Có nhẽ nhà nước

phải đứng ra khai thông việc này. Xin bệ hạ giao hẳn cho Cục chữ tác bên Công bộ phải lo.

Nhà vua gật đầu về đồng tình:

- Khanh nói chí phải. Nhà nước phải đứng ra khai thông những việc thật sự có ích mà người dân còn do dự. Do dự vì chưa làm lần nào nên chưa biết bắt đầu từ đâu. Do dự còn là biểu thị của sự non nớt không tin vào sức mình, theo ta đây cũng chính là khuyết nhược lớn nhất của người mình. Nhìn thẳng vào quan Khu mật sứ, vua giục: - Nào còn kể sách gì nữa khanh nói tiếp đi, ta đang muốn nghe.

- Tâu bệ hạ, thần nghĩ còn phải mở rộng cái bạc dịch trường này ra hơn nữa, phải kéo họ vào tận Thăng Long kia. Muốn thế phải khuyến khích các tàu vào buôn bán bằng cách giảm thuế. Ví như họ đến lần thứ hai thì giảm cho một phần ba số thuế so với lần đầu. Nhưng giới hạn của việc giảm này chỉ lên tới phân nửa số thuế phải nộp. Ấy là đối với thuế cập bến và thời gian neo đậu. Còn như thuế hàng hóa, loại nào ta cần mua lâu dài thì đánh thuế nhẹ, loại nào cực cần để dùng vào việc binh có thể miễn thuế, loại hàng nào ta không cần hoặc hàng xa xỉ thì đánh thuế thật nặng. Các hàng hóa ta có nhiều mà cần bán cho họ thì không đánh thuế. Rồi ta phải học họ để lập lấy thương thuyền. Gần gũi đây là người Tống, nên học cách buôn bán với họ để học lấy

nghề. Đành rằng chung chạ làm ăn với người Tàu bao giờ cũng thua thiệt, kể cả bị lừa. Nhưng đấy lại là cái giá để mua lấy nghề. Ở đời chẳng ai cho không mình cái gì đâu, với người Trung Hoa lúc này họ cho anh một, lúc khác họ lấy lại ở anh gấp mười, gấp trăm lần khi họ bỏ ra cho anh.

- Đúng vậy! Đúng vậy!. Nhà vua đế vào : - Ta nghiệm ra rằng người Trung Hoa họ khôn ranh trước thiên hạ nhiều lắm. Trong khi thiên hạ còn đang khờ khạo họ đã thành thạo việc buôn bán mà buôn đủ thứ, kể cả buôn vua. Thì truyện Lã Bất Vi với Tần Thủy hoàng vẫn còn sờ sờ ra đó. Nào, khanh nói tiếp đi cho mọi người cùng nghe các cao ý của khanh.

- Tâu, thần đang nói đến việc lập đội thương thuyền để đi buôn bán giao thương với các nước. Chính cái nghề đi biển xa ấy, lại bỏ tức cho sự thiếu hiểu biết của ta về biển cả, biết đâu nó chẳng giúp cho đội hải binh của ta được nhiều điều.

Tâu, còn các hàng quý hiếm đắt tiền mà thi thoảng người dân săn bắn hoặc kiếm tìm được như sừng tê, ngà voi, da hổ, trầm hương, kỳ nam... thường bán dấm bán dúm cho các thương lái người Tàu họ len lỏi tới tận cửa rừng đón mua với giá rẻ chỉ bằng một phần trăm, thậm chí một phần nghìn giá trị thực của các món hàng. Vậy tại sao nhà nước không đặt các thương điểm ngay



tại cửa rừng ở những nơi thường có sản vật đó để mua cho người dân với giá phải chăng, hoặc chỉ dẫn cho họ giá bán, nơi bán, cách bán để không bị ép giá hoặc tráo hàng. Như thế nhà nước vừa thu được thuế mà người dân còn có lợi lớn.

Tâu bệ hạ, muốn quốc gia trở nên giàu có, không thể không nghĩ đến việc mở mang nền công thương, bởi từ xưa đã lưu truyền một phương ngữ bất hủ: «Phi thương bất phú». Hơn một ngàn năm trước, Quản Trọng đã thực thi việc này và nó đã làm cho nước Tề thời Chiến quốc trở thành một nước giàu và mạnh vào hàng bá ở Trung Hoa.

Tâu bệ hạ, thần có một vài kế nhỏ, dâng bệ hạ xem xét để có thể dùng vào việc hưng thế nước. Nhân đây, thần xin bệ hạ gia ân cho thần được cáo lão hồi hưu, vì tuổi thần cũng đã ngoại năm mươi, được bệ hạ cho giữ chức cao, ăn lộc hậu lâu năm, mà không làm được việc gì lớn cho nước, tự thấy hổ thẹn. Xin bệ hạ lấy lại chức của thần trao cho những người trẻ tuổi có tài đức như quan trung thư thị lang Lý Đạo Thành, quan hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt đây đảm trách thì tốt hơn. Và lại thưa bệ hạ, nay đang là vận hội nghìn năm có một để nước ta vươn lên. Thần nghiệm ra rằng, nước ta chỉ có thể khấm khá hơn khi nước Tàu suy yếu, còn như khi nước họ cường thịnh, họ kiếm chế để cho mình chỉ là cái bóng ngả dài của họ vào buổi hoàng hôn, chứ họ

không để cho ta làm được việc gì ra hồn đâu. Thần xin bệ hạ và Khai hoàng vương hết sức tận dụng vận hội trời cho này.

Lời nói của quan Khu mật sứ là lời gan ruột khiến mọi người xúc động. Nhà vua rơm rớm lệ nói:

- Không phải như khanh nói đâu. Khanh đã giúp ta làm được nhiều việc lớn như chinh bị lại các sắc quân. Việc ngụ binh ư nông được đi vào thực chất. Việc cất nhắc tuyển bổ người tại. Ta sức mảy mà quán xuyên được tất cả, nếu như không có các khanh là tay chân, là tai mắt, là đầu óc giúp rập vào. Ta mừng vì có những bầy tôi lương đống, hết lòng vì nước như các khanh. Thực tình ta muốn lưu khanh ở lại, nhưng vì trọng nhân cách của khanh, ta y tấu, nhưng phải tiến cử cho ta được người xứng chức thay khanh.

Mai Mạnh Minh đứng lên vái nhà vua hai vái rồi nói lời cảm tạ:

- Tạ ơn bệ hạ dã ân chuẩn. Thần xin phụng chỉ, nay mai sẽ tiến cử người thay thế.

Theo gương quan Khu mật sứ, các quan hải binh đô tổng quản Tô Gia Phan, Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh đều lần lượt xin cáo lão, tuy các quan chưa quá hoặc chưa đến tuổi năm mươi.

T.ý Thái tông vừa mừng vừa lo. Mừng vì các quan quyền cao chức trọng, lộc nước dồi dào mà không tham

quyền cố vị. Lo vì nếu các quan có tài có đức mà đều xin nghỉ cả thì bộ máy trở nên hẫng hụt.

Nhà vua vui vẻ nói với mọi người:

- Thế nước đi lên được là nhờ vua tôi đồng lòng, dân chúng siêng năng, cần mẫn, mọi người đều dốc lòng vì nước. Tại sao lại cùng một lúc các khanh xin cáo lão đông thế này. Nhưng ta xét chỉ có Mạnh Minh là ngoài năm mươi tuổi. Còn các khanh đâu đã tới tuổi đó mà đòi về. Trước khi ta đi kinh dinh, Thái sư Lương Nhậm Văn, thái úy Quách Thịnh Dật còn dâng biểu, cũng là việc xin cáo lão. Trong hai người ấy Nhậm Văn đã ngoài bảy mươi tuổi, Thịnh Dật cũng ngang tuổi với Mạnh Minh, họ có thể về được. Giữ Nhậm Văn tới nay, ta cũng ân hận. Ta biết các khanh tận tụy suốt cuộc đời mà của nả riêng tư chẳng có gì đáng giá. Lỗi ấy do ta. May mà các khanh là những người có nhân cách cao trọng, lại có lòng khoan dung nữa, nên dân nước mới không bị lầm than, cực khổ. Thế thì các khanh đã chẳng cùng ta: «Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu. Hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc»<sup>1</sup> đó sao. Các khanh nên biết, việc quân là việc trọng yếu hàng đầu của một nước, để gì ta lại cho các khanh là những trụ cột ra về cùng một lúc. Ta sẽ dãi

---

<sup>1</sup> Điển này lấy trong bài *Nhạc Dương lâu ký* của Phạm Trọng Yêm, ông nghị luận rằng: "... Mỗi người có hoàn bão chính trị xa rộng, cần phải có tư tưởng: "Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ". (Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc).

ngộ các khanh xứng đáng khi về dương già. Nhưng phải tìm được người tài đức, huấn hồ cho quen thạo công việc rồi về cũng chưa muộn. Nhà vua nhìn mọi người mỉm cười thờ dài - Khổ thế đấy, nhiều người già yếu, bất tài, thất đức cần phải nghỉ, lại chẳng chịu nghỉ cho.

Quan Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh cung kính thưa:

- Tâu bệ hạ, chẳng qua lũ thần ăn lộc của bệ hạ lâu quá rồi, ở chức lâu quá rồi, sợ mọi sự nó đều cùn nhụt đi. Vả lại, tâu bệ hạ cũng phải có chỗ để cho người trẻ ngoi lên. Chỉ có sức trẻ cùng với trí tuệ siêu việt mới có thể đưa nước nhà lên đài vinh quang được như bệ hạ mong muốn.

Nhà vua cảm động nhìn mọi người, ngài biết hầu hết các bề tôi của ngài là những người trung trinh, yêu nước đến tận gan ruột, họ có thể chết vì lợi ích quốc gia. Nhân dịp có cả Khai Hoàng vương là người mai dâm sẽ trị vì đất nước, nên ngài muốn cố kết họ lại với nhau, để vua tôi cùng đem sức mình ra phụng sự đất nước. Nghĩ vậy nhà vua nói:

- Qua chuyến đi này, ta nhận diện hình hài đất nước một cách rõ rệt hơn. Mảnh giang sơn gấm vóc giữ được tới ngày nay, ta chắc xương trắng máu đào của tổ tiên từ đời này qua đời khác đã rải khắp núi sông, đã thấm đẫm mảnh đất này. Vì vậy Thái tổ xưa đã răn

dạy ta, nay ta truyền lại di ngôn đó tới các người rằng: “Nhất thốn sơn hà nhất thốn kim”<sup>1</sup>, tuyệt nhiên không được để một thước một tấc đất nào của tổ tiên lọt vào tay quân thù.

Nhà vua ngừng lời, không khí trang nghiêm tới mức như hồn thiêng sông núi đang hiện về chứng cho lời nói thốt ra từ tâm can óc não của ngài.

Thiền sư Đạo Quang vẫn trầm ngâm như một chứng nhân của lịch sử. Nhà sư vốn kiệm lời, ít tham gia vào những chuyện luận bàn của thế tục. Vậy mà sư lại lên tiếng:

- Kính ngưỡng bái bạch bệ hạ cùng chư tôn liệt vị. Nghe lời răn của bệ hạ, trong lòng kẻ tu hành này tự nhiên thấy rung động. Dường như lời răn của bệ hạ chính là lời non nước, là hồn nước đó. Bệ hạ dạy đất đai sông núi của ta quý như vàng và tiên đế di ngôn: «Nhất thốn sơn hà nhất thốn kim». Sư này xin mạn phép bệ hạ được thêm rằng: «Nhất thốn sơn hà thiên thốn kim»<sup>2</sup>. Tàu bệ hạ, thật ra thì núi sông Tổ quốc không gì có thể so đo được, không gì có thể đổi chác được. Thiên kim có thể có, có thể bán mua được, nhưng đất đai sông núi thì vô giá, và tuyệt nhiên nó không phải là vật bán mua được. Nhân bệ hạ kinh dinh ra vùng biên địa, sư tôi xin

---

1 Một tấc núi sông là một tấc vàng.

2 Một tấc núi sông bằng nghìn tấc vàng.

bệ hạ bố thí cho dân vùng đảo Vân Đồn này một ngôi chùa. Cũng xin bệ hạ dụ bảo bên Hữu nhai tăng thống<sup>1</sup>, bố về cho một vài vị sư trụ trì, để nhà chùa sắm sóc phần tâm linh cho thí chúng cũng như việc dạy dỗ khai trí cho con em của họ. A-di-đà Phật!

Nhà vua nghiêm giọng:

- Tại đây có Khai Hoàng vương cùng các quan văn võ, có cả người của nhà Phật cùng hồn thiêng sông núi minh chứng ta tuyên cáo rằng, mọi tội trạng mà từ quan đến dân trong nước mắc phải đều có thể xem xét khoan giảm, ngoại trừ tội phản quốc, đem đất đai sông núi dâng cho giặc, dù chỉ một thước, một tấc cũng phải chém đầu, ghi danh vào sử sách để muôn đời cháu con nguyên rúa.

Ngưng một lát, nhà vua tiếp : - Những việc các quan đã bàn cùng các điều thiện sư Đạo Quang thỉnh cầu, nhất nhất ta đều y chuẩn. Xét ra, nó đều là những việc ích quốc lợi dân cả.

Trở về triều, nhà vua gấp rút cho tiến hành cùng lúc nhiều công việc. Từ tuyển kén người tài đức để thay vào các chỗ khuyết thiếu đến việc khai mở, mở các thương điểm... thầy thầy đều như dự liệu. Tuy nhiên, ngài chỉ nhắc nhở, giám sát, còn việc điều hành sai khiến, ngài giao tất cho Khai Hoàng vương.

---

1 Cơ quan coi sóc về đạo Phật của triều đình.

Đạo này nhà vua hay đi thăm viếng những người thân thích trong hoàng tộc, cũng như đến chơi nhà các cố lão đại thần đã hồi hưu từ lâu. Nhà vua dành nhiều thời gian nhất cho cung Long Đức, phần để gần gũi hoàng thái tử, dụ bảo cho chàng những điều quan yếu trong đạo trị nước, chăn dân. Nhưng có nhẽ điều mà nhà vua thích thú hơn cả là chơi đùa với các cháu nội của ngài. Ngặt vì thuận một lữ cháu gái. Có lúc nhà vua phải thốt lên với Kim thiên Mai hoàng hậu: «Ta chưa thật sự an tâm vì Nhật Tôn vẫn chưa sinh được hoàng nam». Gặp lúc nhà vua phàn nàn, hậu chỉ thở dài - Thần thiếp đã đi cầu cúng khắp các chùa, quán tố hảo. Các vị thiền sư, đạo sĩ cũng hết lòng kêu cúng giúp cho mà sao các phi, các thiếp của Nhật Tôn vẫn cứ sinh con gái.

Tự thấy trong người có điềm triệu khác thường, vua sai vời hoàng thái tử Nhật Tôn vào điện Trường Xuân. Lại sai triệu Khu mật sứ Mai Mạnh Minh, Thái úy Quách Thịnh Dật, Trung thư thị lang Lý Đạo Thành, Hoàng môn chi hậu Lý Thường Kiệt cùng một số cố lão đại thần khác nữa. Tề tựu đông đủ, vua dụ bảo mọi người:

- Sinh tử là việc thường hằng của muôn loài. Và lại, cái gì có sinh ắt có diệt. Ta cũng nằm trong vòng sinh hóa đó. Cho nên, sau khi ta chết, cứ theo di chiếu mà tôn Khai Hoàng vương lên ngôi. Còn việc chôn cất lấy sự kiệm ước làm chính, chớ có xây lăng to, mà lớn

mà làm phiền dân. Chôn ta bên cạnh tiên đế là được.

Ta không có gì phải ân hận. Có chăng là chưa làm được nhiều điều ích lợi hơn cho dân, cho nước. Con ta cùng các khanh phải gắng làm cho nước nhà cường thịnh lên, để rửa mối nhục ngàn năm Bắc thuộc. Nói xong, nhà vua sai mọi người đỡ ngài ngồi dậy. Một lát sau vua đọc bài kệ:

Bát Nhã chân vô tông

*Nhân không, ngã diệt không*

*Quá, hiện, vị lai Phật*

*Pháp tính bản lai đồng<sup>1</sup>*

Đọc xong lời kệ, nhà vua nhắm mắt, ngồi mà hóa.

Thế là “Con ngựa nhà Phật” suốt một đời tái đạo, suốt một đời hành hóa, nay đã về cõi Phật.

---

<sup>1</sup> *Bát Nhã thực vô tông*  
*Người không, ta cũng không*  
*Phật trước, nay, sau nữa*  
*Pháp tính vốn tương đồng.*  
(Ngô Tất Tố dịch)



# CON NGỰA NHÀ PHẬT

---

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**MAI QUỲNH GIAO**

Biên tập: **HOA PHƯỢNG - THÚY HÀ**

Bìa: **VĂN SÁNG**

Sửa bản in: **Tác giả**

## **NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ**

39 Hàng Chuối – Hà Nội

ĐT: 04.39710717 – 39717979 – 39717980 – 39716727 – 39712832

Fax: 04.39712830

Email: [nxbphunu@vnn.vn](mailto:nxbphunu@vnn.vn)

Chi nhánh: 16 Alexandre De Rhodes – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38234806

## **LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH**

Chi nhánh **Công ty CP Xây dựng & DVTM Vạn Niên** tại Hà Nội

34 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 04.37566647

Email: [nhasachvannien@gmail.com](mailto:nhasachvannien@gmail.com)

---

In 3000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Công ty CP in SAVINA.  
Số đăng ký KHXB: 648-2010/CXB/45-36/PN, ký ngày 02/07/2010.  
QDXB số: 139/QĐ-PN. In xong và nộp lưu chuyển quý IV năm 2010.



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á**

**NORTH ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

TRỤ SỞ CHÍNH: SỐ 117 QUANG TRUNG - P. QUANG TRUNG - TP. VINH - NGHỆ AN  
TEL: 0383 844277 FAX: 0383 8410757 - Website: [www.nasbank.com.vn](http://www.nasbank.com.vn)



TÁM TRIỀU VUA LÝ cho ta biết vì sao

Lý Công Uẩn đã quyết định dời đô và biến nước Đại Việt từ nghèo nàn, thô phác trở thành một nước phú cường, văn thịnh, võ trị.

Một nước văn hiến vào loại sớm so với trình độ chung của nhân loại.

TÁM TRIỀU VUA LÝ còn cho ta biết lễ nghi, phong tục, hội hè từ làng xã đến cung đình.

TÁM TRIỀU VUA LÝ cũng cho ta biết võ công oanh liệt trong công cuộc phá Tống, bình Chiêm để bảo vệ nền độc lập, mở mang bờ cõi...



NGÂN HÀNG BẮC Á  
BAC A BANK

TRỌN BỘ TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ TÁM TRIỀU VUA LÝ

THIÊN SỬ DỤNG NƯỚC  
CON NGỰA NHÀ PHẬT  
 BÌNH BẮC ĐẸP NAM  
CON ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH



NHÀ SÁCH VẠN NIÊN

ĐỊA CHỈ: 34 HOÀNG QUỐC VIỆT, NGHĨA ĐÒ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI  
ĐT: 04.39927062 - FAX: 04.37566647

Con ngựa nhà Phật (Tập 2)



8 935069 911542

Giá: 174.000đ